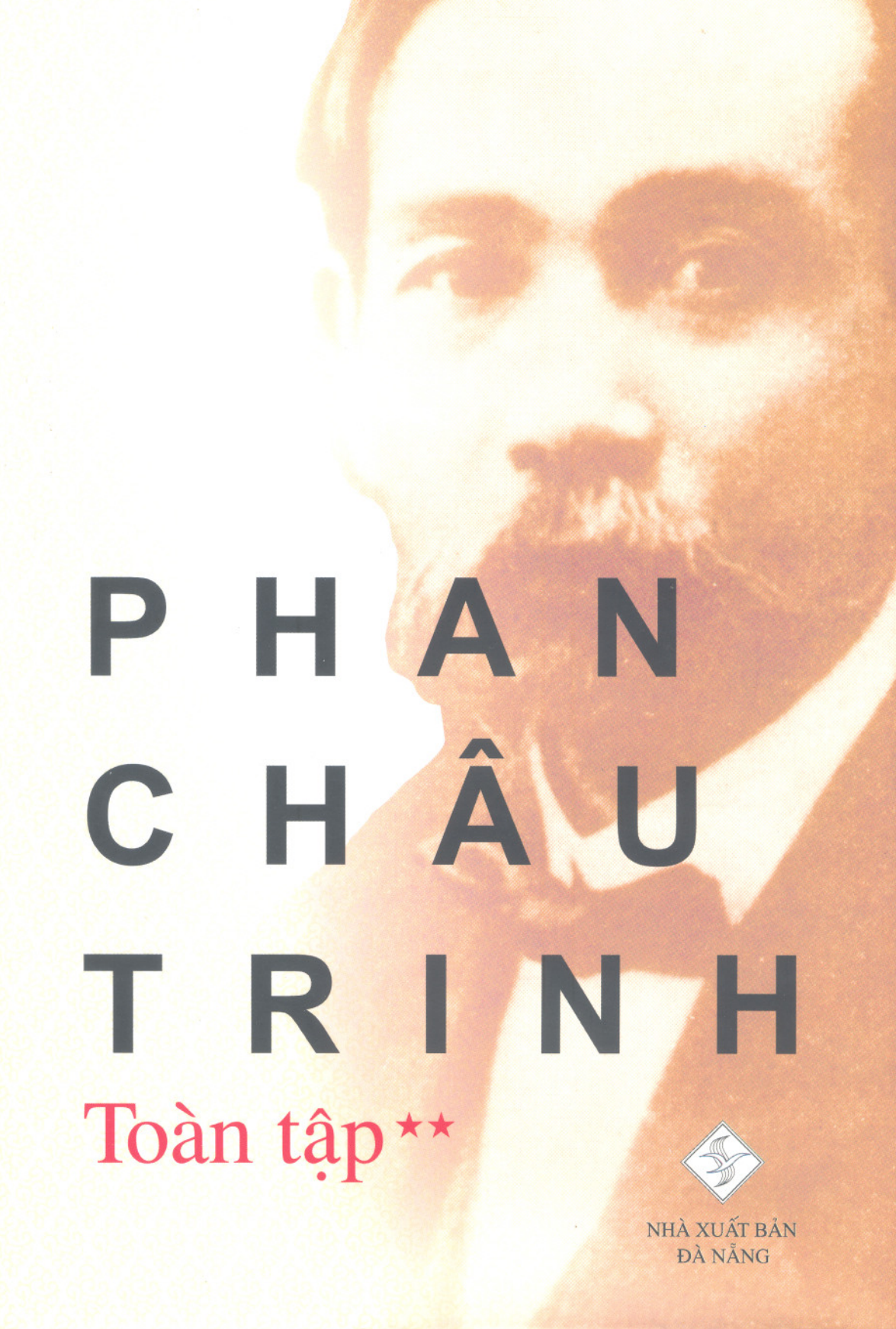


A sepia-toned portrait of Phan Châu Trinh, a prominent Vietnamese intellectual and activist. He is shown from the chest up, wearing a dark suit jacket, a white shirt, and a dark bow tie. He has a high forehead, dark eyes, and a prominent mustache. His right hand is raised to his chin in a contemplative pose. The background is a light, textured yellow.

PHAN CHÂU TRINH

Toàn tập**



NHÀ XUẤT BẢN
ĐÀ NẴNG

PHAN CHÂU TRINH TOÀN TẬP

Tập II

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG
2005

PHAN CHÂU TRINH TOÀN TẬP
Tập II

LỜI NÓI ĐẦU

Tiếp theo Tập I dành riêng cho việc tập hợp biên soạn toàn bộ *Văn vần* của Phan Châu Trinh; đến Tập II và Tập III dành cho toàn bộ *Văn xuôi* của Cụ.

Trong số tác phẩm đa dạng ở Tập II này, theo thời gian xuất hiện từ 1904 - 1918 gồm: Một số ít truyện ngắn, tiểu phẩm, một vở tuồng có tính chất văn chương; số còn lại là các bài phỏng vấn, thư từ trao đổi và có mấy tác phẩm dài hơi thuộc thể tài chuyên luận, chuyên khảo về những vấn đề chính trị xã hội khá tiêu biểu, như:

- . *Đấu Pháp chính phủ thư* (Thư gửi Toàn quyền Đông Dương)
- . *Điều trần gửi Hội Nhân quyền*
- . *Trung Kỳ dân biến tụng oan thỉ mật ký* (Tập ký kêu oan kể đầu đuôi vụ dân biến ở Trung Kỳ)
- . *Trung Kỳ điển thổ thuế ngạch hà trọng thỉ mật chi tình hình* (tình hình đầu đuôi về sự hà khắc của ngạch thuế ruộng đất ở Trung Kỳ).
- . *Đông Dương chính trị luận* (Bàn về chính trị ở Đông Dương).

Chúng tôi tạm cắt ngang số trang *Văn xuôi* dành cho Tập II vào năm 1918, tức là thời gian hoạt động của Cụ Phan đến chiến tranh thế giới lần thứ nhất kết thúc. Thực ra thì cũng trong thời gian trước 1918, Phan Châu Trinh còn có biên khảo một số tác phẩm chữ Hán khác nữa như *Pháp Việt liên hiệp hậu chi tân Việt Nam* và *Đại Việt sử ký toàn thư* (bản khắc in tại Nhật Bản), nhưng vì chưa xác định được thời gian xuất hiện cụ thể, hơn nữa cũng dành những tác phẩm này cho vào Tập III (1919 - 1926) để giữ tỷ lệ số trang tương đối cân xứng cho bộ *Toàn Tập* gồm ba tập.

Lấy năm 1918 làm mốc, chúng tôi muốn nhấn mạnh rằng: Những tác phẩm lớn nhỏ của Phan Châu Trinh từ đầu (1904) đến năm 1918, phản ánh trung thành, nhất quán tư tưởng chính trị đòi "dân chủ, dân quyền và dân sinh" mà Cụ hằng xác định và theo đuổi. Biểu hiện rõ nhất, và hệ thống nhất là tập trung ở những đề tài về đời sống cơ cực của nông dân dưới ách thống trị của Chính phủ Bảo hộ và bè lũ quan lại tay sai của chúng.

Cũng xin được lưu ý bạn đọc rằng, trong Tập II, chúng tôi có đưa bài viết của cố Giáo sư Nguyễn Văn Kiệm có tựa đề: *Những hoạt động của Phan*

Châu Trinh ở Pháp (1911 - 1925). Đây là một tiểu luận nghiên cứu của Giáo sư thực hiện vào dịp bà Phan Thị Minh (tức Lê Thị Kinh) nhờ đọc, thẩm định giúp khối lượng "tài liệu mới được sưu tầm" ở Pháp mang về trước năm 2000. Bài này, trước ngày qua đời không lâu, Giáo sư Kiệm đã gửi "*tặng GS. Chương Thâu ngày 21-8-2003*". Trân trọng tình bạn quý mến nhau, tôi chưa kịp có ý kiến góp ý cho tập "tiểu luận" này, nhưng nhận thấy đây là một tài liệu nghiên cứu đạt chất lượng cao, nên xin phép gia đình Giáo sư Nguyễn Văn Kiệm sử dụng và đặt đúng chỗ tại đây, coi là **Lời giới thiệu chung** cho cả hai tập II và III để bạn đọc tham khảo.

Hà Nội, tháng 12 - 2004

CHƯƠNG THÂU

LỜI GIỚI THIỆU

NHỮNG HOẠT ĐỘNG CỦA PHAN CHÂU TRINH Ở PHÁP (1911 - 1925)

I. BỐI CẢNH

Từ những năm 1911 đến năm 1925, thời gian Phan Châu Trinh sống và hoạt động ở Pháp, trên thế giới cũng như ở Việt Nam, đã diễn ra những sự kiện lịch sử, mà theo nhận xét của chúng tôi, đã tác động trực tiếp hoặc gián tiếp tới tư tưởng và hoạt động của ông.

Xin lược thuật sau đây những sự kiện đáng lưu ý nhất:

I.1. Trên thế giới

Trước hết đó là cuộc cách mạng Tân Hợi bùng nổ ở Trung Quốc tháng 10 năm 1911, chỉ 5 hoặc 6 tháng sau khi Phan Châu Trinh sang Pháp (chuyến tàu ngày 1 tháng 4 năm 1911). Mặc dù cuộc cách mạng diễn ra phức tạp, thành quả hạn chế, song nó đã hoàn thành một sứ mạng lịch sử vĩ đại là lật đổ chế độ phong kiến đã tồn tại ở đây hàng mấy nghìn năm và là một trong những biểu hiện cụ thể, sinh động của sự thức tỉnh của Châu Á về một nền dân chủ tiến bộ như nhận định, đánh giá của Lênin. Hiện không có tài liệu nào nói về phản ứng của Phan Châu Trinh đối với cuộc cách mạng này, song trong rất nhiều buổi diễn thuyết của ông ở Pháp trước đồng bào mình, Phan Châu Trinh thường nêu trường hợp của Trung Quốc và Nhật Bản như những ví dụ điển hình về sự thức tỉnh của Châu Á và thường nói rằng hiện nay ở Châu Á chỉ còn Việt Nam và Philippin là đang mê ngủ. Ông thiết tha kêu gọi mọi người hãy nhận ra điều đó, hãy thức tỉnh và làm cho cả nước cùng thức tỉnh để tiến vào đường văn minh và tiến bộ theo gương Nhật Bản và Trung Quốc.

Chỉ sau 3 năm khi Phan Châu Trinh sang Pháp, cuộc chiến tranh thế giới I bùng nổ mà Pháp là một trong số những nước tham chiến sớm và trực tiếp. Để hỗ trợ cho cuộc chiến tranh, chính phủ mở chiến dịch huy động

người và của cải ở các thuộc địa mà Đông Dương (chủ yếu là Việt Nam) sẽ có sự đóng góp quan trọng nhất. Trong thư gửi cho Đại uý Roux ngày 15-10-1913, Phan Châu Trinh cho biết ông tán thành việc huy động binh lính Việt Nam sang chiến đấu bên cạnh lính Pháp và cho rằng việc đó chứng tỏ người Việt Nam có sự gắn bó với người Pháp và xứng đáng được nước Pháp coi trọng và có sự đối xử tốt để nâng đỡ người Việt Nam ngày càng tiến bộ. Ông có ý định về nước để cổ vũ cho dự kiến này song sợ có sự bất trắc, nên chỉ hứa viết thư cho bạn bè để giải thích rõ ý nghĩa của dự kiến này⁽¹⁾.

Mặc dù có thiện chí như vậy song tháng 9 năm 1914, Phan Châu Trinh vẫn bị bắt vì bị nghi ngờ có liên hệ với Cường Để và có âm mưu bạo loạn, phải ở tù gần 1 năm (được miễn tố và được thả 15-7-1915). Tuy vậy, ông vẫn tìm cách xoá bỏ sự nghi ngờ của chính phủ Pháp đối với người Việt Nam cũng như với cá nhân mình, bằng cách thông báo cho bộ thuộc địa những người lính An Nam sang Pháp tham chiến đã được thưởng bội tinh, một minh chứng của sự gắn bó và sự đóng góp của người An Nam với Pháp.

Có thể nói chiến tranh thế giới I là cơ hội để Phan Châu Trinh khai thác cho cuộc vận động của ông với chính phủ Pháp nhằm làm cho họ thay đổi cách nhìn nhận, đánh giá đối với người Việt Nam, qua đó thay đổi chính sách cai trị ở thuộc địa.

Cách mạng Tháng 10 Nga thành công cùng với việc thành lập chính quyền Xô Viết nhằm xây dựng Chủ nghĩa xã hội dường như không gây được ấn tượng mạnh đối với tư tưởng và đường lối chính trị của Phan Châu Trinh - Tuy nhiên, nhiều lần trong các cuộc diễn thuyết hoặc phát biểu ý kiến, ông cũng bày tỏ cảm tình tốt với mục tiêu nhân đạo của cuộc cách mạng này là xây dựng một xã hội tự do và công bằng không có sự phân biệt giàu nghèo, giai cấp,...

Nhưng những sự kiện lịch sử tác động mạnh nhất đối với hoạt động của Phan Châu Trinh tại Pháp lại chính là những sự kiện đang diễn ra ngay trên mảnh đất này.

Đó là hoạt động mạnh mẽ và có hiệu quả của Liên minh Nhân quyền của các Nghị sĩ cánh tả trong quốc hội Pháp, đấu tranh cho việc thực thi những nguyên lý dân chủ và nhân đạo đối với con người, là hoạt động mạnh của Đảng Xã hội dân chủ Pháp cùng các tổ chức chính trị khuynh tả khác, là sự ra đời của Đảng Cộng sản Pháp. Đó còn là sự hiện diện của nhiều nhà yêu nước Việt Nam ở Pháp như Phan Văn Trường, Khánh Ký, v.v... và nhất là sự có mặt của Nguyễn Ái Quốc từ Anh sang năm 1917...; tất cả đã tạo cho Phan Châu Trinh những điều kiện thuận lợi để hoạt động cho mục tiêu chính trị đã hình thành trong ông từ khi còn ở trong nước và vẫn được kiên trì trong suốt thời gian ở Pháp; và, tuy không làm thay đổi căn bản phương thức đấu tranh của Phan Châu Trinh, song những sự kiện trên cũng đã góp

⁽¹⁾ Xem thư Phan Châu Trinh gửi cho Roux - Thu Trang. *Những hoạt động của Phan Châu Trinh tại Pháp (1911 - 1925)*. Paris - 1983, các trang từ 78 đến 82.

phần làm cho tầm nhìn của Phan Châu Trinh được mở rộng thêm và trong thực tế cũng đã lôi cuốn Phan Châu Trinh vào những hoạt động thực sự có ý nghĩa cách mạng như tập hợp những người Việt yêu nước trong những tổ chức hợp pháp để tuyên truyền giác ngộ họ, tham gia các cuộc sinh hoạt của Đảng bộ Đảng Xã hội (một bộ phận sau đó chuyển thành Đảng Cộng sản), vận động Việt kiều bỏ phiếu cho các ứng cử viên Nghị sĩ của các Đảng cánh tả, kể cả Đảng Cộng sản, cũng như tham gia vào nhiều tổ chức mang tính chất tiến bộ và cách mạng khác như "Hội liên hiệp thuộc địa", "Ủy ban nghiên cứu các vấn đề thuộc địa" mà Nguyễn Ái Quốc là một trong số các sáng lập viên, v.v...

1.2. Trong nước

Cùng thời gian nói trên, ở Việt Nam cũng diễn ra những sự kiện quan trọng. Đó là việc thành lập Việt Nam Quang Phục Hội do Phan Bội Châu chủ xướng năm 1912 và sau đó là vụ đánh bom ở khách sạn Hà Nội do tổ chức này thực hiện năm 1913.

Cũng trong năm này, Đề Thám, thủ lĩnh của nghĩa quân Yên Thế bị giết; cuộc khởi nghĩa vũ trang của nghĩa quân Yên Thế kéo dài gần 30 năm đã chấm dứt.

Khi chiến tranh thế giới bùng nổ, thực dân Pháp ra sức vơ vét tiền bạc, của cải ở Việt Nam và huy động một số lượng binh lính khá lớn để phục vụ cho chiến tranh, gây căm phẫn trong nhân dân, nhiều cuộc bạo động và khởi nghĩa ở đồng bằng cũng như ở miền núi liên tục nổ ra; đáng chú ý là cuộc khởi nghĩa Thái Phiên, Trần Cao Vân năm 1916 và nhất là cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917... Các cuộc khởi nghĩa nói trên lần lượt thất bại, song đã gây cho địch nhiều khó khăn và đã có những tiếng vang khá lớn. Sau chiến tranh thực dân Pháp ra sức ổn định thuộc địa Việt Nam. Các cuộc bạo động tạm lắng một thời gian, để rồi năm 1924, một sự kiện có thể nói là "kinh thiên động địa" báo hiệu một đợt đấu tranh, cách mạng mới bắt đầu; đó là tiếng bom Sa Diện của Phạm Hồng Thái, định trừ khử toàn quyền Merlin. Tuy thất bại song sự kiện này có tiếng vang rất lớn có sức cổ vũ mạnh mẽ đối với tinh thần yêu nước và quật khởi của dân tộc.

Đối với những sự kiện lịch sử nói trên xảy ra ở trong nước, thái độ của Phan Châu Trinh không thật mặn mà, song cũng không hoàn toàn thờ ơ. Qua bài trả lời phỏng vấn của phóng viên báo *Le Journal*, Fernand Hanser, đăng trong số ra ngày 3-5-1913, về cuộc đánh bom ở Hà Nội, Phan Châu Trinh tỏ ý lấy làm tiếc là đã xảy ra một vụ việc mà ông không đồng tình, song ông lại nhấn mạnh rằng những sự việc như vậy sẽ còn xảy ra nếu chính phủ Pháp không thay đổi chính sách cai trị ở Đông Dương. Vậy là, tuy không đồng tình với các vụ bạo động trong nước, song Phan Châu Trinh rất có ý thức khai thác chúng như là một áp lực để đòi hỏi chính phủ Pháp phải thực hiện những cải cách dân chủ ở Việt Nam. Và có thể nói những cuộc đấu tranh bằng bạo lực ở trong nước, khách quan đã có tác dụng như

một hậu thuẫn giúp Phan Châu Trinh mạnh dạn đấu tranh hoà bình ở Pháp cho nền độc lập tương lai của đất nước, khiến người ta có cảm giác có một sự giao kết ngẫu nhiên giữa phái bạo lực với cuộc đấu tranh hoà bình của Phan Châu Trinh ở Pháp.

II. NHỮNG HOẠT ĐỘNG KHÔNG NGƠI NGHỈ Ở NHIỀU LĨNH VỰC

II.1. Những kiến nghị không mệt mỏi gửi chính phủ Pháp

Vốn là một nhà yêu nước đã nổi tiếng khi còn ở trong nước, nên khi đến Pháp ông nhanh chóng lập được mối liên hệ với nhiều nhân vật người Pháp có tiếng tăm, có quan điểm tiến bộ đối với các thuộc địa như giáo sư Sylvain Lévy, luật gia Deloustal, Luật gia Pressensé (Hội trưởng Hội nhân quyền), Marius Moutel (Hạ nghị sĩ), v.v... và nhất là Thiếu tá Roux (lúc ông đang còn là Đại uý) là người đã từng ở Việt Nam, đặc biệt rất thân thiết với Phan Châu Trinh và trở thành anh kết nghĩa của Phan, đã giúp đỡ Phan rất nhiều trong khi ông hoạt động ở Pháp.

Lợi dụng sự thuận lợi đó, Phan Châu Trinh khi thì trực tiếp, khi thì thông qua các nhân vật nói trên, liên tục gửi chính phủ Pháp (thông qua Bộ thuộc địa, hoặc các cơ quan liên đới) những kiến nghị, lên án bộ máy quan lại Nam triều, sự thiếu trách nhiệm của chính quyền Bảo hộ ở Việt Nam, yêu cầu Chính phủ Pháp thực hiện những cải tổ giúp người Việt Nam tiến bộ về mọi mặt để có thể hưởng chế độ tự trị dưới sự bảo trợ của nước Pháp.

Chỉ ngay sau khi đặt chân trên đất Pháp được ít ngày, ngày 31 tháng 5 năm 1911, Phan Châu Trinh đã gửi ngay cho Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp một kiến nghị xem xét lại các bản án xử các nho sĩ Trung Kỳ. Trong kiến nghị ông tố cáo các quan chức chính quyền bảo hộ và quan lại An Nam đã đổ trách nhiệm cho các nho sĩ Trung Kỳ chủ mưu xúi dân nổi loạn để rồi bắt bớ, kết tội mà không có chứng cứ như trường hợp của Huỳnh Thúc Kháng, Phan Duyện, Lê Bá Trinh bị xử cùng tội danh với Phan Châu Trinh, đốc học Bình Thuận Đặng Nguyên Cẩn, Tiến sĩ Ngô Đức Kế bị kết án tù; ông đặc biệt nhấn mạnh trường hợp xử tử một cách bất nhân Trần Quý Cáp mà không tra xét gì! Cuối cùng ông tha thiết yêu cầu Bộ trưởng "lệnh đưa hồ sơ các vụ án dân Trung Kỳ nổi loạn năm 1908 để xem xét lại"⁽¹⁾. Chỉ hai ngày sau, ngày 2-6-1911, ông lại đưa tiếp bản kiến nghị thứ hai, cũng gửi Bộ trưởng Bộ Thuộc địa, yêu cầu cho phép người An Nam được ra báo và mở những cuộc diễn thuyết để nâng cao dân trí. Trong kiến nghị ông viết: "Tôi xin ngài cho phép ra tờ báo làm kim chỉ nam hướng dẫn cho dân chúng lớp dưới. Bằng cách ấy, các tầng lớp thượng lưu cũng được mở rộng tầm nghe thấy, điều đó sẽ giúp các quan chức cai trị xứ này dễ dàng hơn". Ông

⁽¹⁾ Tài liệu số 62 trong sách của Lê Thị Kinh (tức Phan Thị Minh): *Phan Châu Trinh qua những tài liệu mới*. Nxb Đà Nẵng. 2001.

còn nói: "Đám người dốt nát thường hay gây lộn xộn và luôn bị lừa gạt, cho nên tôi xin cho lập các trụ sở diễn thuyết để dạy cho họ con đường ngay thẳng và cách thức trực tiếp cư xử cũng như sự hiểu biết điều hay, dở. Làm như thế cũng là tạo ra sự thuận lợi cho việc cai trị xứ sở"⁽¹⁾.

Hai ngày sau tiếp đó, ngày 4-6-1911, Phan Châu Trinh lại gửi tiếp bản kiến nghị thứ ba, nói về tầm quan trọng của pháp luật, cái lạc hậu và cái tệ hại của việc áp dụng luật cũ. Ông viết: "ở Đông Dương, cái tổn hại tồi tệ nhất là ở chỗ quyền hành chính và quyền tư pháp ở trong cùng một tay"; và ông đề nghị: "Nay, tôi vinh hạnh đề nghị ngài Bộ trưởng, vốn đã biểu lộ ý định tiến hành những cải cách ở Đông Dương, cho cải tổ lại luật pháp, lập lại các Tòa án bổ sung và phân quyền. Các quan chức ngạch hành chính lo việc cai trị, quan chức ngạch tư pháp coi xử việc pháp luật. Làm như vậy, những thiệt hại mà dân chúng phải gánh chịu sẽ ngày càng bớt đi"⁽²⁾.

Chỉ một ngày sau, ngày 5-6-1911, Phan Châu Trinh gửi tiếp kiến nghị thứ tư xin bãi bỏ các biện pháp cấm sách Trung Hoa. Trong thư, ông tố cáo chính quyền Đông Dương cấm lưu hành các sách Trung Hoa vì cho rằng những sách ấy kích động dân chúng căm ghét chính phủ Pháp, và ông biện luận: "... người ta đã không thấy được là tất cả những sách ấy đều có ích cho dân như là các sách Châu Âu cũng như sách Pháp đã được dịch sang tiếng Trung Hoa và cũng nhờ có các sách ấy mà người biết chữ Nho được mở mang trí tuệ..." vì vậy, tôi đề nghị bãi bỏ các biện pháp cấm đoán đó và cho lập các hội dịch các sách Trung Hoa sang chữ Quốc ngữ cũng như cho lập các phòng đọc sách để tạo thuận lợi cho những người muốn học"⁽³⁾.

Cũng trong ngày 5-6-1911, Phan Châu Trinh gửi thêm một thư kiến nghị thứ năm phản đối chính quyền ở Trung Kỳ đóng cửa và huỷ bỏ các trường học do dân tự hùn vốn mời thầy dạy. Ông cũng phản đối việc chính quyền ở đây vẫn truy bắt những người trước đây mở hội học, hội buôn nay đang trốn ở nước ngoài. Ông đề nghị: "Còn những người đã bỏ trốn ra nước ngoài, tôi đề nghị xem xét lại, trước hết là không buộc tội họ, vốn họ không có tội gì để buộc,... Ngoài ra, tôi đề nghị trả lại cho dân chúng các trường học do họ đã lập nên và cho phép họ lập thêm các trường khác, để mỗi làng có một trường (vì mỗi tổng chỉ có một trường thì không đủ)"⁽⁴⁾.

Phan Châu Trinh, sau khi gửi các thư kiến nghị nói trên, đã được Bộ trưởng Bộ thuộc địa Messimy tiếp chuyện. Buổi gặp gỡ diễn ra khá lâu; nội dung buổi nói chuyện không được ghi lại trong một văn bản; song ngay sau đó, phóng viên báo *Le Temps* đã gặp và phỏng vấn Phan Châu Trinh; bài phỏng vấn này đăng trên báo *Le Temps* ngày 17 tháng 7 năm 1911 và được báo *Courrier d' Haiphong* đăng lại ngày 26-8-1911. Những điều Phan Châu Trinh nói trong cuộc phỏng vấn này có thể coi như những kiến nghị bổ sung

(1) Tài liệu số 63.

(2) Tài liệu số 64.

(3) Tài liệu số 65.

(4) Tài liệu số 66.

của ông với chính phủ Pháp.

Trong cuộc trả lời phỏng vấn, Phan Châu Trinh nhắc lại yêu cầu sửa đổi lại việc xử án ở Việt Nam, nhất là ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ. Tiếp đó ông yêu cầu sửa đổi cách tuyển dụng viên chức bản xứ.

Ông nói: "... trước khi Pháp chiếm đóng thì các quan lại thường được chọn theo năng lực và chỉ được thăng tiến khi họ cai trị liêm khiết. Ngày nay, ngược lại toàn do sự ưu ái của quan trên, có khi ở chính quốc cũng như toàn quyền cũng không được rõ. Tất cả đều được định giá: mua giá 1.500 đồng một chức tri phủ, tương đương với chức quận phó ở Pháp. Một quan chức chỉ được tăng một bậc khi nộp tiền cho người nắm quyền đặt để chức vụ". Ông đề nghị phải có những trường chuyên nghiệp như Châu Âu để đào tạo và tuyển dụng các quan chức. Tiếp đó Phan Châu Trinh tố cáo sự nhũng lạm của chính quyền Bảo hộ và quan chức Nam Triều trong việc bắt dân chúng đi sâu vào việc thu thuế ruộng đất gây nên sự bất mãn lớn trong dân chúng.

Không dừng lại ở việc trực tiếp đưa kiến nghị, trả lời phỏng vấn, Phan Châu Trinh còn gửi cho Francis de Pressensé bản điều trần xin xoá án cho các tù nhân liên can đến vụ xin xâu ở Trung Kỳ năm 1908 để ông này nhân danh chủ tịch Liên minh Nhân quyền can thiệp đề nghị Bộ trưởng thuộc địa xem xét lại các bản án và đáp ứng yêu cầu của Phan Châu Trinh. Bộ trưởng thuộc địa đã lệnh cho Toàn quyền Đông Dương xem xét việc này; trong thư phúc đáp đề ngày 29-12-1912, Toàn quyền Sarraut thông báo là đã can thiệp với Nam Triều và đạt kết quả là: 6 người được coi là những "tên phiến loạn chủ chốt" năm 1908 bị xử án khổ sai chung thân được giảm xuống thành 14 năm khổ sai; 36 người bị giam ở các nhà lao Trung Kỳ, có 27 người được xoá án, 9 người được giảm án nhiều năm, 7 người bị giam ở Lao Bảo, có 5 người được ân xá, 2 người được chuyển từ khổ sai chung thân sang 9 năm khổ sai; trong số 46 người bị đẩy ra Côn Đảo, có 12 người được xoá án, số còn lại được giảm từ khổ sai chung thân xuống 9 hoặc 13 năm khổ sai. Có thể nói đây là một thành công lớn của Phan Châu Trinh chỉ sau hơn một năm ông hoạt động tại Pháp.

Theo báo cáo của nhân viên tại Edouard đề ngày 10-3-1920, Phan Châu Trinh đã xin gặp Bộ trưởng Bộ thuộc địa (lúc này là A.Sarraut) để trình bày quan điểm của ông về những sửa đổi cần thiết trong chính sách ở Đông Dương. Phan Châu Trinh dự định sẽ "yêu cầu phát triển mạnh mẽ và cấp bách giáo dục ở Đông Dương, phát triển giao thông trong nước và nước ngoài. Yêu cầu thay đổi chế độ cai trị ở Trung Kỳ, đặc biệt là hành động và ngân sách của quan cai trị phải được đại diện của dân kiểm tra: "Ông cũng cho rằng nhất thiết cần lập ra trong Hạ viện một Ủy ban Thường trực gồm các đại diện dân cử của các thuộc địa, nhằm giúp cho chính phủ cộng hoà sáng tỏ những ý nguyện của dân bản xứ đặt dưới sự bảo hộ của nước Pháp...".

Phải đến khoảng tháng 7 năm 1920, Phan Châu Trinh mới được Sarraut tiếp. Trong cuộc gặp mặt này, Phan Châu Trinh kiến nghị "cho người An Nam được quyền tự do làm kinh tế,... đừng để cho người Trung

Hoa độc quyền". Ông nói: "... trong vấn đề buôn bán, chính phủ rất rộng rãi đối với người Trung Hoa nhưng lại đối xử rất hà khắc đối với người An Nam". Ông còn đưa ra yêu cầu "cho người An Nam một nền giáo dục cao hơn trước kia, mở ra nhiều trường cao đẳng,...".

Năm 1914, khi bị bắt giam, món trợ cấp hàng tháng (lấy từ ngân sách Đông Dương) cho Phan Châu Trinh bị cắt, ông phải học nghề sửa ảnh để kiếm sống, do thu nhập thấp, cuộc sống của ông rất khó khăn, nên sang năm 1921 ông đã ngỏ ý muốn trở về nước. Ngại rằng, Phan Châu Trinh về nước sẽ gây nhiều bất lợi, chính quyền chính quốc cũng như thuộc địa do dự. Trong khi chờ đợi, Guesde (Tổng Giám đốc quân đội Đông Dương Pháp) đã sắp xếp cho Phan Châu Trinh một chân sửa ảnh ở triển lãm về thuộc địa tại Marseille từ đầu năm 1922.

Dường như cảm thấy sự thờ ơ của chính phủ Pháp đối với các kiến nghị rất có thiện chí của mình, ngày 19-12-1922, Phan Châu Trinh đã viết cho Sarraut (lúc này là Bộ trưởng Bộ thuộc địa) một bức thư khá dài, lời lẽ khá gay gắt bày tỏ sự thất vọng trước thái độ của chính phủ Pháp, đồng thời tố cáo thái độ thiếu tôn trọng của chính quyền chính quốc với cá nhân mình. Trong thư có đoạn: "khi tôi nghĩ đến hoàn cảnh hiện nay của người An Nam ở Đông Dương, và của những người An Nam ở Pháp cũng như hoàn cảnh của chính bản thân mình, tôi nhận thấy, và tôi tin chắc như vậy, là từ lâu nay, tôi sống trong một ảo tưởng mà chẳng hề tự biết". Tuy nhiên, sau khi lược kê những bất công, những sự né tránh lắt léo của chính quyền chính quốc đối với những kiến nghị và nguyện vọng rất chính đáng của cá nhân mình, Phan Châu Trinh kết thúc bức thư bằng những lời lẽ bực bội, song vẫn hy vọng vào thiện chí của Sarraut đối với người An Nam: "Thưa ngài Bộ trưởng, tôi xin chờ được ngài trả lời giải thích cho tôi được rõ. Những mối ngờ vực chỉ có thể tiêu tan khi tôi có được những sự giải thích chính xác. Một mối vì tất cả những bất công này, đáng lẽ tôi đã phải nói lên cho 40 triệu người Pháp ở nước Pháp biết. Nhưng do tôi còn chút niềm tin vào sự công minh tối thượng của Ngài, cho nên tôi gửi Ngài bức thư này, mà như tôi đã nói là bức thư cuối cùng tôi viết cho Ngài...".

Bức thư này đã không có hồi âm, mà trong thực tế đó cũng là bức thư cuối cùng của Phan Châu Trinh trong một chuỗi những kiến nghị của ông với chính phủ Pháp trong sự mong muốn nước Pháp thể hiện thiện chí đối với tương lai và tiền đồ của nước Việt Nam như ông hằng mong muốn, song không đạt được kết quả nào đáng kể!

II.2. Viết báo và diễn thuyết

II.2.1. Viết báo

Cũng với ý định gây áp lực đối với chính phủ Pháp và tìm kiếm một sự đồng tình của công luận, một sự ủng hộ của Việt kiều ở Pháp, Phan Châu Trinh đã có những hoạt động tích cực và có hiệu quả trong lãnh vực báo chí và tuyên truyền.

Nhằm làm cho người Pháp ở chính quốc hiểu được chính sách cai trị

hồ đồ, thiếu trách nhiệm của chính phủ bảo hộ ở Đông Dương cũng như sự tàn bạo của bộ máy cai trị Nam Triều được chính phủ bảo hộ dung túng để tác oai tác quái, Phan Châu Trinh đã gửi cho tập san chính thức của Liên minh Nhân quyền bài "Tuồng trình về biến cố năm 1908 ở Trung Kỳ" và đã được đăng trên 28 trang của tập san số ra ngày 31-10-1912, mà theo báo cáo của Josselme (Marseille 17-6-1920) đã được in thành sách và được lưu hành⁽¹⁾.

Hiện không tìm thấy nguyên bản tiếng Pháp, song bài này sau đó được Phan Châu Trinh viết lại chi tiết hơn với tiêu đề "Trung Kỳ dân biến tụng oan thủy mạt ký"⁽²⁾. Bài viết kể lại khá cụ thể nguyên nhân cuộc biến, thái độ bức bối của các quan cai trị Pháp, Nam, cuộc đàn áp dã man, những bản án vu khống cho thân sĩ Trung Kỳ xúi dân làm loạn, kẻ thì bị giết, người thì bị khép án rất nặng, bị giam giữ trong các nhà tù ở Trung Kỳ hoặc bị đày đi Côn Đảo; tiếp đó quan binh kéo đi giải tán hội buôn, phá trường học, sách nhiễu dân chúng bắt người vô tội vạ. Nói tóm lại, bản điều trần phơi bày trước công luận thái độ tàn ác, sự đàn áp dã man của chính quyền địa phương ở Trung Kỳ trước những yêu cầu chính đáng của dân chúng cũng như thái độ đồng tình, vô trách nhiệm của các quan chức người Pháp, nhất là Khâm sứ Lévecque ở Huế đã lệnh cho các tỉnh: "Chẳng cần xét hỏi, cứ thẳng tay trị nặng".

Đầu năm 1912, tuy không phải là người chấp bút, song Phan Châu Trinh đã kể chuyện ở Đông Dương cho một nhà văn Pháp tên Emile Fabre để ông này viết thành một vở kịch nhan đề "Những con châu chấu" (Les sauterelles), chế diễu những chuyện lố lăng, tệ mạt ở Đông Dương. Vở kịch được diễn ở Vandeville, và theo lời kể của Bùi Kỷ (bản dịch tiếng Pháp trong hồ sơ Ngô Đức Kế) thì "người Nam mình lũ lượt đến xem rất đông. Có một số viên chức thuộc địa cũng đến. Bọn này đang ức lại càng tức khi thấy người An Nam đến xem một cách hãnh diện. Không biết chúng báo cáo lại Bộ thuộc địa thế nào mà hôm sau có tin là người Nam đến xem đã vỗ tay âm ỉ đến nỗi các diễn viên không hát được nữa... Sau ông quan ba Roux đã dịch bản kịch này ra tiếng Nam và gửi về nước nhưng hình như bị cấm lưu hành"⁽³⁾.

Trong bức thư của quan ba Roux gửi cho cụ Cử Can đề ngày 5-3-1912 có viết: "Tôi đã bắt đầu dịch vở kịch "Những con châu chấu" mấy hôm nay với vai chính là Nam Triều. Bản dịch ấy sẽ làm xong trong vài ngày tới và nhằm phục vụ người An Nam ở Đông Dương. Tôi sẽ gửi cho ngài một bản dịch của tôi"⁽⁴⁾.

Bản dịch này đã được gửi về Việt Nam, được nhiều người đọc và khiến các quan chức ở đây rất khó chịu. Trong thư của Toàn quyền Đông Dương

(1) (66)- Lưu CAOM:SPCE 372. (Theo Lê Thị Kinh.... sdd).

(2) Nguyễn Văn Dương biên soạn: TUYÊN TẬP PHAN CHÂU TRINH - Nxb Đà Nẵng - 1995.

(3) Lưu CAOM: SPCE 374.

(4) Lưu CAOM: SPCE 372.

gửi Bộ trưởng thuộc địa có đoạn: "Từ lâu, chúng tôi đã được thông báo về trạng thái tư tưởng đặc biệt của những tên An Nam đã được học hành ở chính quốc và suy nghĩ của họ đối với các nhà cầm quyền Pháp ở Đông Dương. Sau đây là một ví dụ mới xảy ra, tôi rút từ bài báo chính trị của công sứ một tỉnh Trung Kỳ.

Trong chuyến đi từ Pháp đến, Phó sứ đã bắt gặp một trong các phiên dịch đang đọc bản dịch "Những con châu chấu" của Emile Fabre do một người bạn đang sống ở Paris gửi cho y. Bên lề tập dịch có những lời bút ghi phản ánh rõ ràng ý nhạo báng và sự thích thú thấy chúng ta bị miêu tả xấu xa hoặc lỗ bịch.

Đặc biệt có những lời bình luận bên cạnh đoạn tác giả nhấn mạnh lai lịch của vợ một quan chức cao cấp từ rạp "Cối xay đỏ" (Le moulin rouge) là nơi có nhiều phụ nữ phóng đảng, tuồng như có nhiều người được đưa qua Đông Dương và trở thành những Bà lớn⁽¹⁾.

Thiết nghĩ tuy không phải là người chấp bút, song hoàn toàn có thể coi Phan Châu Trinh là đồng tác giả của vở kịch, và vở kịch đã có tác động không phải là nhỏ đối với tinh thần yêu nước và chống Pháp của người Việt ở Pháp cũng như ở trong nước. Vở kịch chắc chắn là đã được in và phát hành ở Pháp; tiếc là chúng ta chưa tìm lại được bản nào.

Nhân trả lời phỏng vấn ký giả Fernand Hanser đăng trên báo *Le journal* ngày 3-5-1913 về vụ đánh bom ở Hà Nội, Phan Châu Trinh phát biểu công khai và mạnh dạn suy nghĩ của ông về khả năng những cuộc bạo động sẽ còn tiếp tục diễn ra nếu chính phủ Pháp không cải tiến chính sách cai trị Việt Nam với lời lẽ chân thành, khẳng khái nhưng cũng đủ độ mềm dẻo, đầy tính thuyết phục, thể hiện một đầu óc tinh tế, một ngôn ngữ phong phú, để làm rung động lòng người. Ông nói: "Sự kiện đau đớn đó giống như một hiệu lệnh báo nguy; khi gặp ngài Messimy - Bộ trưởng Thuộc địa và ngài Sarraut toàn quyền Đông Dương, tôi đã báo với họ tình cảnh khốn khổ của đồng bào tôi, tôi đã nói với họ là nếu không cho dân An Nam được hưởng các cải cách đã hứa hẹn thì mọi sự đều có thể xảy ra. Đến nay đã 20 tháng... Từ đó người ta đã làm đôi điều lật vật cho dân An Nam giống như đưa một cái kẹo dỗ đứa trẻ vừa bị đòn đau. Độc quyền rượu lại được gia hạn sau khi long trọng tuyên bố sẽ chấm dứt; những người yêu nước bị giam cầm ở Côn Đảo vẫn rên xiết ở đó mặc dù đã có hứa hẹn sẽ ân xá, sự học hành mà chúng tôi yêu cầu vẫn bị từ chối, sự khinh miệt mà chúng tôi phản nản vẫn tiếp tục được ban phát và người ta thêm vào sai lầm cũ những sai lầm mới, người ta đã xúc phạm phần mộ thiêng liêng của Hoàng đế Tự Đức để tìm của cải... Bây giờ người ta nói cần ban hành một chế độ khủng bố ở nước Nam. Người ta chỉ kích động thêm sự cuồng nộ. Xin đừng nói những điều mình không biết rõ, xin đừng đưa ra những dự kiến vô bổ, dân nước Nam muốn được học hành, muốn được tôn trọng, không muốn bị tống rước vào hòng nữa, họ muốn từng bước được giải phóng.

⁽¹⁾ Tài liệu số 71.

... Ngày mà dân Nam nhờ nước Pháp khai hoá, được nước Pháp trao cho quyền tự trị một cách đương nhiên, thì nước Pháp vì đã chuẩn bị cho chúng tôi tiến lên tự do và giao tự do cho chúng tôi, sẽ giữ được tất cả các quyền lợi ở nước chúng tôi và chúng tôi sẽ tiếp tục là bạn và đồng minh của Pháp⁽¹⁾.

Người Việt Nam nói chung, Việt kiều ở nước Pháp và kể cả những người công dân Pháp chân chính, yêu tự do, công bằng, không thể không rung động trước những sự kiện được trình bày tha thiết và chân thành như vậy!

Những vấn đề có liên quan đến chính sách của Pháp ở Đông Dương cũng như mối quan hệ hữu cơ giữa Pháp với Việt Nam có ảnh hưởng tới tiền đồ của Việt Nam, còn được Phan Châu Trinh đề cập tới khá kỹ trong 2 luận văn "Đông Dương chính trị luận" và "Pháp Việt liên hiệp hậu chi Tân Việt Nam" mà chúng tôi không trình bày ở đây⁽²⁾.

Cho đến trước khi về nước, Phan Châu Trinh vẫn thường xuyên viết báo, và đã để lại một sự nghiệp báo chí có thể nói là xuất sắc xung quanh những chủ đề mang tính thời sự đặc biệt. Những bài báo mà chúng tôi đề cập đến dưới đây có thể có bài chưa được ấn hành (hoặc chưa tìm ra bản lưu trên một tờ báo nào đó) song chúng tôi vẫn cứ điểm qua nội dung, để chúng ta thấy được tài năng của ông như một nhà báo chuyên nghiệp và đầy tâm huyết đối với vận mệnh của đất nước. Thêm nữa, các bài báo hoặc luận văn của ông có nhiều bài tuy chưa công bố song vẫn được nhiều Việt Kiều ở Pháp chuyển tay nhau đọc hoặc công bố bằng miệng trong các buổi hội họp hoặc diễn thuyết, và đã có tác động không nhỏ tới tinh thần yêu nước của Việt Kiều.

Vào giữa năm 1913, nhân đọc bài "Cách mạng An Nam đã động" đăng trên báo "Lục Hải Quân nhật báo" một tờ báo của người Hoa, số ra ngày 17 tháng 6, trong đó có những thông tin sai lệch về hoạt động của một Đảng thiếu niên ở Việt Nam (tức tổ chức Việt Nam Quang phục Hội) như đào mộ vua Tự Đức để tìm vàng, tổ chức ám sát những người có quyền thế, mưu đánh đổ quan lại Pháp về nước, ... Phan Châu Trinh lập tức viết bài báo lấy tên "Lai cảo canh chính" gửi cho báo này bác bỏ từng điểm một mà tờ báo này đã nêu lên, bằng những bằng chứng xác thực, lời văn sắc sảo.

Về vấn đề thứ nhất, Phan Châu Trinh khẳng định rằng đó là việc làm của người Pháp.

Ông viết: "Than ôi! việc đào mộ vua Tự Đức để tìm kiếm số vàng lớn là việc trộm cướp chính tỵ tay người Pháp làm, mà quốc dân nước tôi đều lấy làm đau lòng xót dạ, ngày đêm lo nghĩ cách ăn gan uống huyết quân thù, nay quý báo lại lấy việc ấy mà buộc cho Đảng thiếu niên thì chẳng oan lắm sao? Từ khi người Pháp cướp hai xứ Trung Kỳ và Bắc Kỳ của nước Việt Nam đến nay đã gần 30 năm, máu mủ của quốc dân đã bị vơ vét sạch. Mấy

(1) Tài liệu số 61.

(2) Xem Nguyễn Văn Dương, Sdd.

người Pháp tham bạo kia luôn dòm ngó không còn chỗ nào đào bới được nữa, rồi họ nghĩ đến của kín còn chôn giấu trong cung điện nhà vua Việt Nam và nhiều nước miếng thêm thuổng, lo cướp lấy cho được...

Bốn, năm năm nay, người Pháp nghi trong mộ vua Tự Đức còn giấu nhiều vàng muốn đào lấy chỉ ngại tục người Việt rất trọng mồ mả, làm còn sợ sinh loạn, nên tạm đình. Năm ngoài, người Pháp tên Ma-hê, nhận chức khâm sứ,... tánh tham lại ngu,... Nay nhờ có phe Đảng, được thăng lên chức trọng yếu, vội muốn lập công..., liền âm mưu với Toàn quyền Đông Dương là Xa-rô và được đồng ý, nên ngày 17 tháng giêng dương lịch năm nay, tự đào mộ vua Tự Đức... Việc làm của người Pháp như vậy có phải là việc cướp bóc mà họ gọi là cách văn minh không?

Nay quý báo lại lấy việc ấy mà buộc cho Đảng thiếu niên, há chẳng sai lầm sao?"⁽¹⁾.

Về việc các hội viên Quang Phục Hội giết Tuần phủ Thái Bình Nguyễn Duy Hàn, thì Phan Châu Trinh cho rằng: "... tên tuần vũ nọ là một tên già nua, là đồ bỏ, chỉ vì nó tham bạo vô lý, cam tâm làm chó săn cho người Pháp, dựa thế hút máu mỡ đồng bào, để được nhà cao cửa lớn, người nước tôi không chịu nổi, nên Đảng thiếu niên mới hươ tay giết chết chơi, để răn được kẻ vô sỉ tham lam mà thôi; nói ngay là giết chơi một con chó theo chân người Pháp thì đúng hơn, đâu có phải là người "có quyền thế" đương thời! Còn chủ nghĩa và thủ đoạn của đoàn ám sát, thì là mưu việc lớn kia, chó đâu có chịu đem hòn ngọc quý của mình mà ném... thứ chuột hôi làm gì?"⁽²⁾.

Về việc các hội viên Quang phục ném tạc đạn chết hết hai tên sĩ quan Pháp đã về hưu, Phan Châu Trinh cho rằng họ chỉ dùng lại thủ đoạn mà người Pháp đã dùng để giết hại Hoàng Hoa Thám mà thôi.

Ông viết: "Kẻ ném tạc đạn chắc tự bảo rằng: chúng không thể đường đường chánh chánh phát cờ cùng ta rong ruổi trên cương trường mà lại dùng lối ám sát thì ta cũng dùng lối ấy để nhằm giết trước mấy nhân vật trọng yếu, còn như những lũ không khinh trọng đáng kể, thì có hơi đâu mà nhất nhất trừ hết, như mấy tên quân chánh và dân chánh Pháp kia, thì Đảng thiếu niên chúng tôi có kể vào đâu, có thù chi một chắc họ mà phải làm cho họ chết hay sao?

Đó là cái lý do thật trong vụ này vậy. Còn nói chạm phải máy đặt ngầm thì không đúng, vì tiệm cà phê vốn là của người Pháp thiết lập, có đâu lại để cho Đảng tôi thung dung bố trí đặt máy ngầm được!"⁽³⁾.

Lời văn thật hùng hồn và đầy uy lực. Thêm nữa, tuy không chủ trương dùng bạo lực, song Phan Châu Trinh đâu có thái độ đối lập với Quang phục Hội. Trái lại, ông lại phát ngôn như chính mình là người của tổ chức này và hết lời bênh vực cho hành động đó của họ!

⁽¹⁾ Xem Nguyễn Văn Dương, Sdd.

⁽²⁾ Xem Nguyễn Văn Dương, Sdd.

⁽³⁾ Xem Nguyễn Văn Dương, Sdd.

Ngay sau bài báo trên (1913), Phan Châu Trinh viết bài "Cải chính sau vụ bom nổ ở Hà Nội", bằng chữ quốc ngữ bác lại lời vu cáo của một người Pháp tên Jean Rhodes, đăng trên một tờ báo Pháp (Phan Châu Trinh không ghi rõ tên) cho rằng ở Paris Phan Châu Trinh diễn thuyết kích động Việt Kiều chống Pháp làm cách mạng, có dính dáng đến vụ đánh bom ở Hà Nội và Phan Châu Trinh là người chống đối nước Pháp, là cùng cánh với Phan Bội Châu, v. v... Đối với lời vu cáo thứ ba, Phan Châu Trinh đã đưa ra một ý kiến mà chúng tôi cho là rất độc đáo và sâu sắc: "Tiếng đưa sánh với Phan Bội Châu cũng là câu nói mệnh mông nữa, nhưng tôi có thể trả lời rằng: Phan Bội Châu tưởng là ném trái phá thì người nước tôi được sung sướng, ấy là cái ý nghĩ riêng của anh ta, mặc anh ta, còn nước An Nam là nước chung của mười mấy triệu con người chúng tôi. Cũng không lẽ người ta nói: Người nước tôi chỉ có hai cách, một là vác trái phá ném càn, hai là cúi đầu ngậm miệng làm thính, ngoại giả không ai được phép nhúng vào việc chính trị, nghĩ ra một cái chủ nghĩa nào khác gì nữa, nếu có thì phải tội, cho là đua sánh với Phan Bội Châu hay sao?"⁽¹⁾.

Khi chiến tranh thế giới bùng nổ, Phan Châu Trinh và Phan Văn Trường bị nghi là có liên hệ với Đức, với Cường Để và có âm mưu nổi loạn, bị bắt giam gần 1 năm. Sau khi được miễn tố, Phan Châu Trinh bị cắt trợ cấp, gặp rất nhiều khó khăn trong sinh hoạt. Cho đến đầu năm 1922, khi được Guesde (khâm sứ, tổng kiểm soát quân đội Đông Dương tại Pháp) sắp xếp vào làm thợ sửa ảnh ở triển lãm Marseille với số tiền trợ cấp 600frcs mỗi tháng, cuộc sống của ông mới tạm ổn.

Khi được tin vua Khải Định sắp được Toàn quyền Đông Dương đưa sang xem triển lãm ở Marseille, Phan Châu Trinh đã triển khai một chiến dịch báo chí để chống lại việc này. Ông đã viết một loạt bài báo liên quan tới sự kiện trên, rồi gửi thư cho Hạ Nghị sĩ Moutet nhờ giúp đỡ cho đăng trên các báo cánh tả tiến bộ ở Paris và Marseille. Ông cũng có thư riêng cho báo *L'oeuvre* của Đảng Xã hội, báo *Humanité* của Đảng Cộng sản Pháp, báo *Le Populaire* của Tổng công đoàn Pháp, song loạt bài báo này đã không được tiếp nhận. Tuy nhiên, như đã nói ở trên, các bài báo ấy, bằng cách nào đó vẫn được lưu hành trong Việt Kiều ở Pháp và cả ở trong nước và gây được tiếng vang rất lớn.

Dưới đây xin lược qua các bài báo có liên quan tới việc Khải Định sang Pháp.

Trước hết là 2 bài báo: "Một biến cố thuộc địa rất nguy hiểm" và bài "Hoàng đế An Nam ở Pháp"

Hai bài báo này được viết khoảng trước tháng 4 năm 1922, bằng chữ quốc ngữ và được Nguyễn Minh Quang, nguyên Thanh tra tiểu học Nam Kỳ dịch ra tiếng Pháp.

Trong bài thứ nhất, Phan Châu Trinh cho rằng việc toàn quyền Đông Dương đưa Khải Định sang Pháp chỉ là để tự đề cao uy tín cá nhân. Phan

⁽¹⁾ Xem Nguyễn Văn Dương, Sdd.

Châu Trinh viết: "Ngài Toàn quyền trù tính dùng hành động này để có chút tự hào nói với nước Pháp: "Tôi đã cai trị thuộc địa thế đó. Ảnh hưởng của tôi đã mạnh đến mức tôi đã đào tận gốc được các tập quán muôn đời...".

Sau đó là tư tưởng phô trương: "trình diễn với nước Pháp, với những kẻ tò mò ở chính quốc,..., một Hoàng Đế da vàng, có bộ mặt được hoá trang, có 8 ngón tay đầy nhẫn kim cương, ..., mặc một bộ đồ y phục tiền sử với đủ thứ trang trí đủ sắc màu...

Trò phô trương có tính toán, sự thoả mãn tò mò ở chính quốc, mỗi lợi trông đợi, chỉ là những lợi lộc không đáng kể, nhưng nó sẽ đào ra một lỗ hổng trong ngân sách Đông Dương. Lỗ hổng ấy đáng lẽ có thể đem lại những lợi ích to lớn hơn nhiều cho những kẻ đóng thuế nghèo khổ của nước Nam. Lập một trường học, một thư viện, cấp các học bổng, xây dựng một bệnh viện. ..., biết bao nhiêu việc công ích có thể dùng khoản tiền dành cho một chuyến di chuyển cái thầy ma đế vương đó. Đó là cái dở thứ nhất".

Cái dở thứ hai của việc làm này, theo Phan Châu Trinh là sẽ gây cho Khải Định cái ảo tưởng là mình vẫn còn có thực quyền, sẽ tha hồ tự tung, tự tác để làm bậy bạ, gây khổ cho những người An Nam tội nghiệp.

Và cái dở thứ ba, theo Phan Châu Trinh là việc làm đó đã xúc phạm đến thể diện của người dân Nam khi "cho diễu qua trước mặt mọi người cái hình nộm mà dân Nam không muốn nữa, mà dân Nam đã ghét từ trước khi nó chưa là hình nộm, sẽ là xúc phạm lòng tự tôn của dân Nam, là làm thức tỉnh mỗi hận của kẻ thua trận, là làm cho họ thêm xa vời nước Pháp!!!

Chuyến đi của Hoàng Đế này rõ ràng là một trong những khinh suất rất trầm trọng mà chính quyền thuộc địa đã phạm phải, nhất là vào lúc mà quanh nước Nam, từ Nhật, từ Trung Hoa, từ Triều Tiên, Phi Luật Tân, vang lên những lời kêu gọi tự do, tự chủ, cộng hoà"⁽¹⁾.

Trong bài báo thứ hai nhan đề: "Hoàng Đế An Nam ở Pháp" một lần nữa, Phan Châu Trinh vạch trần tính chất cơ hội của Toàn quyền Đông Dương khi đưa Khải Định sang Pháp, nói rõ rằng tên vua đó chỉ là "một thầy ma mà chính phủ Pháp đã không chịu để thổi rửa, mà đã đem ướp xác đi,..., nhằm để tạo thành một con bù nhìn và một kẻ thừa hành cho họ". Kết thúc bài báo, Phan Châu Trinh chua chát nhận xét rằng dân An Nam đã đổ xương máu ở các chiến hào bên cạnh người Pháp, mong được người Pháp sẽ có sự thay đổi về chính trị có lợi cho dân An Nam. Nhưng "chấn ngán thay, chúng tôi thấy đâu vẫn hoàn đấy mặc dù những lời nói đẹp đẽ của một vị quan lớn "rất yêu mến người Nam" (ám chỉ Toàn quyền Sarraut) còn vang lên trong tai chúng tôi, nhưng than ôi, hành động còn rất xa những điều được hứa hẹn"⁽²⁾.

Trước khi Khải Định đến thăm triển lãm Marseille (ngày 10 tháng 8 năm 1922), Phan Châu Trinh viết thư "Thất điều" mà tiêu đề chữ Hán là "Việt Nam quốc dân Phan Châu Trinh ký thư ư Việt Nam đương kim

(1) Tài liệu số 129, thư 182, 183 ngày 29-4-1922.

(2) Tài liệu số 129, thư 182, 183 ngày 29-4-1922.

Hoàng Đế", có ghi ở trang cuối: "Ngày 14 tháng 7 năm 1922, phát từ thành phố Marseille - Phan Châu Trinh". Trong thư Phan Châu Trinh quy cho Khải Định 7 tội lớn: Tôn lập quân quyền; thưởng phạt không công bình; chuộng sự quỳ lạy; xa xỉ vô độ; phục sức không đúng phép; du hành vô độ; sang Pháp làm việc ám muội. Bức thư này nguyên bản chữ Hán để gửi cho Khải Định; Phan Châu Trinh dịch thân dịch thư này ra chữ quốc ngữ để phổ biến cho Việt Kiều, lại nhờ dịch sang tiếng Pháp để đăng trên các báo Pháp và rải truyền đơn. Hiện chưa tìm thấy có tờ báo nào đăng bức thư này, song điều chắc chắn là bức thư đã được in và bằng hình thức rải truyền đơn, tuyên đọc trong các buổi diễn thuyết, đã đến với Việt Kiều và một bộ phận dân chúng Pháp và tác động của nó mạnh đến mức sau khi nhận bức thư này Khải Định đã vội vàng rời nước Pháp. Về sự kiện này báo *Nhân đạo* (Humanité) của Đảng Cộng sản Pháp số ra ngày 10-8 đã khẳng định trong một bài báo nhan đề "Cuộc chạy trốn của Khải Định"⁽¹⁾.

Chỉ ít ngày sau khi viết bức "Thư bảy điều" gửi Khải Định, Phan Châu Trinh lại cho đăng trên báo *Le Populaire* (báo của Tổng Công đoàn Pháp) bài "Vì nhân quyền và văn minh, một người An Nam bị xua đuổi, anh dám dùng nhà xí" (bản dịch tiếng Pháp của Nguyễn Minh Quang) viết về trường hợp một họa sĩ người Việt tên Phạm Hiếu Kính được huy động đến làm việc ở triển lãm Marseille, đã bị nhục mạ và bị đuổi việc vì đã dám dùng nhà xí dành riêng cho các viên chức Pháp mà 16 tháng làm ở đây Kính vẫn sử dụng...

Để tạo ấn tượng mạnh tới người đọc, Phan Châu Trinh đã liên hệ sự việc này với câu chuyện ngụ ngôn "Con sói và con cừu" (Le loup et l'agneau) của thi hào Pháp nổi tiếng La Fontaine.

Ông viết: "Các bạn có muốn nhìn thấy một biểu hiện sáng chói về sự tôn sùng đối với La Fontaine bất tử không? Đừng đi đâu xa lắm. ở triển lãm thuộc địa tại Marseille, khu Đông Dương, bọn sói vẫn còn lúc nhúc mặc dầu đã qua 3 thế kỷ văn minh, mặc dù đã có tiến bộ về tư tưởng nhân quyền và công lý...". Sau khi lược qua sự việc, Phan Châu Trinh đã phỏng theo cuộc đối thoại của sói và cừu trong bài thơ của La Fontaine để diễn tả: "Ai cho mày làm uestạp nơi đây?", một con sói nói. Con cừu non phân trần, nêu rõ là không có nơi nào khác... Nhưng một con sói thứ hai đã vọt đến, sau khi chửi Phan Hiếu Kính là "đồ bẩn thỉu" và suýt đánh anh ta, nó đã chạy đi tìm "xếp" (tên là Gourdon). Tên này đến, có 4 cảnh sát đi theo và Kính bị đưa ra cổng khu triển lãm như một kẻ phạm tội, "không có hình thức xét xử nào khác". Và, Phan Châu Trinh chưa chốt kết luận bài báo:

"Phải chăng có sự phân biệt chủng tộc đến cả trong nhà xí? Người An Nam đã tham gia chiến tranh... đã hiến cho nước Pháp sinh mạng và của cải... đã góp tiền của, từ mồ hôi và máu của mình làm ra để xây dựng lên lâu đài Đông Dương tại triển lãm Marseille, vậy mà họ không có quyền dù

⁽¹⁾ Tài liệu số 134.

chỉ là đặt chân vào nhà xí dành cho người Pháp"⁽¹⁾.

Với ý thức coi báo chí như phương tiện quan trọng để thực hiện cuộc vận động của mình, Phan Châu Trinh dự định sẽ mở một chiến dịch báo chí rộng lớn và nhờ Hạ nghị sĩ Moutet giúp đỡ. Ông này do dự. Sau đó, chắc có nhiều khó khăn khách quan nên Phan Châu Trinh đã không thực hiện được ý đồ của mình.

Dù vậy, có thể coi những gì Phan Châu Trinh đã làm được trong lãnh vực báo chí cho đến lúc này đã là một trong những hoạt động thành công rất lớn của sự nghiệp đấu tranh cho lợi ích tổ quốc của Phan Châu Trinh ở Pháp.

II.2.2. Diễn thuyết

Với những kiến thức mà ông tiếp nhận được qua các sách vở Đông Tây, nhất là thời gian ông ở Pháp, lại thêm có tài hùng biện, Phan Châu Trinh đã phát huy có hiệu quả những mặt mạnh đó của mình để phục vụ cho sự nghiệp ông đang theo đuổi, bằng cách tổ chức những buổi diễn thuyết mà thính giả gồm cả người Việt và người Pháp.

Trên tờ báo *Le Petit Provençal* ngày 22 tháng 8 năm 1822, có đăng tin:

"Thứ năm tới, vào 21 giờ, tại 6, Cours Saint Louis sẽ có một cuộc họp lớn để bàn về tình hình quân chủ tại nước An Nam.

Một cuộc diễn thuyết sẽ do công dân Phan Châu Trinh, tiến sĩ văn chương, người hiểu sâu vấn đề này, phiên dịch là công dân Minh Quang, cử nhân luật.

...

Lời mời thân ái đối với mọi công dân quan tâm đến các vấn đề xã hội, đến những ai muốn hiểu sự thật về chế độ quân chủ ở Đông Dương".

Cũng trên báo *Le Petit Provençal* ngày 28/4/1922, đăng tin "Liên đoàn tỉnh của Đảng Xã hội và chi hội Marseille của Liên minh Nhân quyền xin mời tất cả các đồng chí đến dự buổi diễn thuyết của đồng chí Phan Châu Trinh, tiến sĩ văn chương, sẽ thực hiện vào tối nay lúc 8 giờ, Cours Saint Louis, số 6, lầu 1"...

Buổi thứ nhất do lệnh của quận trưởng bị hoãn lại, nhưng vẫn diễn ra ở Mazargues, "với quy mô nhỏ hơn, trong một ngôi nhà đặc biệt. Mặc dù tiếng Pháp còn lỗ lỗ nhưng Phan Châu Trinh vẫn được vỗ tay"⁽²⁾.

Buổi diễn thuyết thứ hai diễn ra vào lúc 21h30 ngày 24/8/1922, dưới sự bảo trợ của Hội Nhân quyền và của Đảng Xã hội ở Marseille.

Thính giả có khoảng 160 người, trong đó có 70 người An Nam, một người Cao Miên, ông hoàng Arenno Yueanthoer, 12 phụ nữ Pháp,...

Chủ tịch Đảng Xã hội nói lời mở đầu và giới thiệu diễn giả Phan Châu Trinh.

Phan Châu Trinh nói tiếng Việt và người dịch là Nguyễn Minh Quang.

(1) Tài liệu số 131.

(2) Báo cáo của Josselme, nhân viên theo dõi Phan Châu Trinh. Tài liệu số 133.

Trước hết Phan Châu Trinh xác định mục đích cuộc nói chuyện "không phải là chống chính phủ Pháp mà chống nhà vua An Nam đã chủ trương nên độc tài". Ông cảm ơn nước Pháp đã cho ông cư trú và bảo trợ, cảm ơn Hội Nhân quyền Pháp đã tích cực can thiệp để ông thoát khỏi án tử hình do toà án Nam triều khép và sau đó được trả tự do và được sang cư trú ở Pháp.

Tiếp đó ông đề nghị Nguyễn Minh Quang dịch và đọc cho thính giả nghe bức thư ông lên án Khải Định.

Trước khi nhường lời cho Nguyễn Minh Quang, Phan Châu Trinh nhắc nhở Việt kiều cần cảnh giác với những kẻ làm tay sai cho Pháp để phản bội đồng bào:

"Để kết thúc, tôi xin lưu ý các đồng chí và các bạn về sự việc một số người An Nam thích nịnh hót người Pháp. Họ tìm cách biết các điều bí mật trong tư tưởng và hành động của các bạn để phản bội các bạn.

Vậy nên tôi xin đồng bào thân mến của tôi hãy dè chừng những tên An Nam dã man này, nhưng mà đừng sợ hãi chúng".

Sau khi dịch những lời phát biểu của Phan Châu Trinh, Nguyễn Minh Quang đọc nguyên văn "Thư bảy điều" của Phan Châu Trinh (đã được dịch sang tiếng Pháp) rồi nhấn mạnh thêm:

"Nếu Hoàng đế An Nam phải vội về nước sớm, chính là vì bức thư của cụ Phan Châu Trinh, đúng như báo *Nhân đạo* ngày 10/8 khẳng định".

"Nam nữ công dân ạ, chưa bao giờ một người An Nam dám đến tận đây lên tiếng chống sự chuyên chế của vua và quan lại của ông ta. Cụ Phan Châu Trinh là người duy nhất đã dám lớn tiếng và công khai trình bày những ý kiến của cụ. "Xin các vị hãy tin rằng tất cả những gì mà cụ Phan vừa nói với các vị là chân lý mà cũng là những gì mà 20 triệu con người An Nam suy nghĩ"⁽¹⁾.

Buổi diễn thuyết được hoan nghênh nhiệt liệt và gây xúc động tới mức một người Pháp (Agranier, đại diện Hội Nhân quyền) đứng dậy và yêu cầu đọc công khai bài báo đăng trên tờ *Le Populaire* ra ngày 22/8 kể lại việc thả hoi một cách vô lý ông Phan Hiếu Kính, họa sĩ tại văn phòng kiến trúc triển lãm thuộc địa, và đề nghị ông Kính "làm đơn khiếu nại ngay, càng sớm càng tốt, với bằng chứng để chứng minh và xin chuyển đến văn phòng Hội Nhân quyền Marseille... Nếu chúng tôi thấy sự khiếu nại của các vị là đúng thì chúng tôi thừa kiện ngay lập tức với nhà chức trách có thẩm quyền để cho những kẻ hoặc cá nhân nào phạm tội sẽ bị trừng phạt nghiêm khắc. Buổi diễn thuyết này đã được báo *Cấp tiến* (Le Radical) ngày 26/6/1992, và báo *Le Petit Provençal* ngày 28/8/1922, tường thuật lại rất trung thực lời lẽ thể hiện một thái độ rất trân trọng.

Sau buổi diễn thuyết ngày 24/8/1992, Phan Châu Trinh và Nguyễn Minh Quang lại gặp mặt và nói chuyện với khoảng 50 thủy thủ ở Vieux Port (Cảng Cũ) ngày 27/8/1922.

⁽¹⁾ Tài liệu số 134.

Trong buổi nói chuyện này, theo yêu cầu của các thủy thủ, bức "Thư bảy điều" được dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt để mọi người hiểu được. Phan Châu Trinh và Nguyễn Minh Quang cùng báo cho họ biết cảnh cảnh giác vì có các sở theo dõi họ. Phan Châu Trinh khuyên họ không nên sợ hãi, nên tránh giao du với những tên đáng ngờ và chớ có làm điều bậy bạ. Ông cũng hứa sẽ bằng mọi cách để xóa bỏ theo dõi này⁽¹⁾.

Năm 1923, sau khi đã về Paris (tháng 7/1923) Phan Châu Trinh vẫn cùng với Trần Lê Luật phân phát ở Marseille truyền đơn thông báo cho Việt kiều biết là sẽ tổ chức một tháng 2 kỷ những cuộc diễn thuyết được mệnh danh là "Diễn đàn Việt kiều". Về mục đích của "Diễn đàn Việt kiều", bản truyền đơn viết: "Lâu nay thật là rồ dại mà quỳ gối trước "Hư không" (ngụ ý nói về những kẻ không giúp gì cho chúng ta cả).

Để tránh tình trạng đó chúng ta thỉnh thoảng phải họp nhau lại để diễn thuyết. Chúng tôi có ý định tìm một nơi để đồng bào ta mỗi tháng 2 lần đến diễn thuyết về các vấn đề cai trị, khoa học, văn học, luật pháp, thương mại, công nghiệp...

Về những người sáng lập, truyền đơn viết: "mọi người đã biết phẩm cách của cụ Phan Châu Trinh là tiến sĩ về Hán học. Cụ muốn nói với ta về mọi điều tai nghe mắt thấy với tuổi tác và kinh nghiệm sống của cụ"; "ông Trần Lê Luật, nguyên là Đệ⁽²⁾ phiên dịch hiện làm thủ quỹ kế toán và quản lý một hội thương mại tại Paris"⁽³⁾.

Hiện không có tài liệu nào cho biết dự kiến này của Phan Châu Trinh có được thực hiện như đã hứa hẹn không? Chỉ biết rằng, sau khi về Paris, Phan Châu Trinh vẫn tranh thủ mọi cơ hội để nói chuyện, diễn thuyết, trước Việt kiều và công dân Pháp để truyền đạt sở nguyện của mình, đồng thời cũng là để luôn hâm nóng lòng yêu nước của những người con đất Việt đang ở xa tổ quốc.

Báo cáo của chỉ điểm Désiré đề ngày 1/5/1924 cho biết vào một buổi sáng chủ nhật nhiều người An Nam đã kéo đến thăm Phan Châu Trinh, lúc này đã rời nhà 21 đường Pernety (ông ở đây từ 15/7/1923) về ở số 9 ngõ Cụt Compont. Phan Châu Trinh đã giữ họ lại dùng cơm trưa và trao đổi rất lâu về cuộc bầu cử quốc hội sắp tới ở Pháp. Trong cuộc nói chuyện, Phan Châu Trinh đã yêu cầu mọi người nên tích cực vận động bà con quen biết bỏ phiếu cho các ứng cử viên cộng sản. Ông nói: "Vì quyền lợi của các thuộc địa, phải làm sao cho nhân dân Pháp thoát khỏi một Hạ viện thuộc "khối quốc gia". Một đa số cộng sản hay thậm chí một đa số của khối cánh tả sẽ không còn cản trở mấy may nào là việc tạo lập các nghiệp đoàn thợ thuyền và những nhóm chính trị ở các thuộc địa. "Và nhờ thế, nền chính trị ở thuộc địa sẽ được đổi mới, người dân sẽ được giải phóng khỏi một chế độ cai trị thích hợp cho việc dạy thú dữ hơn là cho việc chỉ huy con người". Sau bữa ăn trưa,

(1) Tài liệu số 137.

(2) Tức là sĩ quan phiên dịch.

(3) Tài liệu số 158.

Phan Châu Trinh cùng các khách ăn kéo đến số 7 đại lộ Hocke, thăm "Hội những người nấu bếp" đông khoảng 40 người. Ở đây, Phan Châu Trinh cũng nói lại những điều mà ông đã nói trong bữa ăn trưa và cũng khuyên những người này vận động bạn bè mình ủng hộ các ứng cử viên cộng sản.

Trong một cuộc họp ngày 2/1/1925 do các sinh viên An Nam tổ chức tại Salle Des Sociétés Savantes (Phòng các Hội bác học) 28 phố Serpente, hồi 20h30, Phan Châu Trinh được mời dự với tư cách là chủ tọa. Buổi họp có 300 người tham dự trong đó có 200 người An Nam, một khách người Pháp là ông Grandjean".

Ông Grandjean phát biểu đầu tiên, ngỏ lời khen ngợi Phan Châu Trinh đã chịu nhiều hy sinh, khó khăn để đấu tranh cho tương lai đất nước.

Sau đó, Trần Văn Khá kể lại cuộc đời khốn khổ của Phan Châu Trinh từ khi đến Pháp.

Nhân cơ hội này, Phan Châu Trinh sau khi cảm ơn hai người đã tranh thủ phát biểu, kích động lòng yêu nước và tự tôn dân tộc của mọi người, động viên mọi người phải tiếp tục đấu tranh để cải thiện tình hình cai trị trong nước. Ông nói: "Trong nước ta có ít nhất 20 triệu dân mà các nhà bác học cũng có tài năng như người Âu, ấy thế mà, như đàn chó con, chúng ta phải bước theo lệnh người Pháp, đôi khi ngay cả những mệnh lệnh chống lại ngay lợi ích bản thân mình.

Chúng ta đều nhất trí thừa nhận rằng dưới ảnh hưởng của Pháp, chúng ta đã tiến bộ rất nhiều và chúng ta sung sướng vì nước Pháp đã đặt nền văn minh châu Âu đến nước ta. Tôi rất sung sướng và hãnh diện nhận thấy thanh niên An Nam ngày càng sang học ở Pháp nhiều. Khi trở về Đông Dương họ sẽ được trang bị tốt hơn để đấu tranh chống các bất công và sai lầm lạm quyền, nhất là những quan lại không chỉ vô tích sự mà còn độc hại. Chúng ta cần phải bằng một cuộc đấu tranh không ngừng để li đến xóa bỏ nạn quan lại, thuốc phiện, rượu, ba vết thương phá hoại đất nước"⁽¹⁾.

Cũng theo báo cáo của nhân viên chỉ điểm Désiré, ngày 3/2/1925 vào lúc 20h30, tại phòng các Hội Bác học, số 8 đường Danton đã có cuộc họp của tổ chức Liên hiệp Pháp- Đông Dương - Paris thảo luận về "Chính sách bản xứ ở Đông Dương với sự giúp đỡ của các thành viên Ủy ban liên minh dân quyền, dưới sự chủ tọa của các ông F.Buisson (Chủ tịch liên minh) và Phan Châu Trinh, cùng các diễn giả: René Maran nhà văn, Grandjean báo *Tribune indigène*, quan ba Monet (chủ tịch trú xá sinh viên An Nam ở Bắc Kỳ, F. Chalaye, Marius Moutet và Maurice Violette Hạ nghị sĩ và thành viên Ủy ban trung ương liên minh, Henri Guernut Tổng thư ký liên minh, thạc sĩ.

Các diễn giả Pháp Moutet, Violette, quan ba Monet đều bày tỏ cảm tình với con người và đất nước Việt Nam, công kích chính sách cai trị bất công của chính quyền bảo hộ, hy vọng chính phủ cánh tả thay đổi chính sách cai trị, giúp cho nước An Nam trở thành "một đất nước của những con

(1) Tài liệu số 184.

người tự do và bình đẳng với người Pháp".

Riêng ông Grandjean thì "khuyến các sinh viên An Nam cố gắng học để trở thành những nhà khoa học, nông học, doanh nhân công nghiệp, chế tạo kim loại, nghệ sĩ... từ đó làm cho Đông Dương trở thành một xứ hiện đại như Trung Hoa và Nhật Bản. Ông cũng khuyến họ không nên trông cậy vào nước Pháp để làm cách mạng mà phải tự mình làm lấy đạn dược, súng ống, (cả đại bác) vì tất cả cái đó sẽ tạo điều kiện cho họ thoát khỏi ách của Châu Âu".

Về phần mình, Phan Châu Trinh "khuyến chính phủ cánh tả nên gửi đến Đông Dương một người công bằng chính trực để cai trị thuộc địa một cách công minh, vì đó là cách duy nhất để văn minh trật tự và bảo đảm hạnh phúc cho dân bản xứ, nhưng nếu chính phủ khối cánh tả cứ tiếp tục các sai lầm của các chính phủ trước, cứ gửi đến những người chỉ ủng hộ các quan chức cao cấp, bọn tư sản và bọn bóc lột như kiểu Sarraut hay Merlin thì dân An Nam sẽ mãi mãi nghèo khổ và như vậy sẽ đẩy họ đến việc nổi dậy".

Ngày 22-2-1925 cũng tại trụ sở các hội Bác học, số 28 đường Danton, Hội liên hiệp Pháp - Đông Dương mà Phan Châu Trinh làm Chủ tịch và Trần Văn Khá là Tổng thư ký lại triệu tập tiếp một cuộc họp vào lúc 15h30, có khoảng 200 người dự. Sau khi Trần Văn Khá hướng dẫn mọi người làm hồ sơ xin nhập Pháp tịch, Nguyễn An Ninh giám đốc tờ báo *La cloche fêlée* trình bày chương trình hành động của mình. Ông nói mình không là cộng sản, nhưng tán thành lý thuyết cộng sản vì nếu đảng này nắm được chính quyền là dấu hiệu của việc Đông Dương giành được tự do hoàn toàn. Ông cho rằng "cuộc cách mạng ở Đông Dương sẽ diễn ra trong vài ba năm tới nếu chế độ hiện nay không thay đổi. Vì vậy, ông khuyến cáo phải xây dựng các lực lượng chiến đấu của đất nước mà kêu gọi sinh viên phải hoạt động cho nền độc lập của Đông Dương, và đất nước này nhất định sẽ trở thành một Nhật Bản khác".

Phan Châu Trinh nhận xét rằng chương trình hành động của Ninh đòi hỏi có một quân đội mạnh mà chúng ta không có. Vì vậy, theo ông, trong khi chờ đợi thì người An Nam phải học hỏi, phải phát triển thương mại và công nghiệp. Mặc dù chúng ta có thể được Trung Hoa và Nhật Bản giúp, nhưng, tốt hơn nên tự mình hành động vì phải tránh lại sa vào sự đô hộ của một nước khác, mặc dù là một nước đồng văn, đồng chủng".

Ông "muốn có càng đông càng tốt người An Nam nhập Pháp tịch để có đại diện ở Hạ viện, vì ở Đông Dương có 20 triệu dân, từ đó có thể có số Hạ nghị sĩ khá lớn. Số này có thể thành một nhóm đông và với sự ủng hộ của những người Pháp bên vực dân bản xứ thì có thể đạt được đa số... và với tư cách đó, chúng ta có thể được giải thoát"⁽¹⁾.

Có thể coi lần phát biểu trên đây là buổi diễn thuyết cuối cùng của Phan Châu Trinh 3 tháng trước khi ông về nước (29-5-1925). Nếu như trong lĩnh vực báo chí, ông đã có những thành công khá lớn, thì trong lĩnh

(1) Tài liệu số 192.

vực tuyên truyền thông qua các cuộc diễn thuyết như đã lược thuật trên đây, nhằm truyền đạt chủ nghĩa của mình, Phan Châu Trinh cũng đạt được những thành tựu không kém. Với một bầu nhiệt huyết không bao giờ suy giảm cộng thêm một khả năng hùng biện hiếm thấy, một trí tuệ minh mẫn, ông không những truyền đạt có hiệu quả những suy nghĩ của mình tới người nghe mà còn kích động mạnh mẽ trong họ lòng yêu công lý, ghét bất công, đặc biệt đã khơi động và hâm nóng lòng yêu nước của những Việt Kiều xa xứ, một việc làm mà vào thời điểm đó ở Pháp (1911 - 1925) đã không ai có thể làm tốt hơn Phan Châu Trinh.

II.2.3. Tham gia các Hội ái hữu và các tổ chức chính trị

Ngoài các hoạt động chủ yếu là gửi các kiến nghị cho chính phủ Pháp, viết báo và diễn thuyết, Phan Châu Trinh còn cùng với Phan Văn Trường, Nguyễn Ái Quốc và một vài người khác tham gia vào các tổ chức ái hữu và chính trị được thành lập ở Pháp những năm từ 1912 đến trước khi ông về nước (1925).

Phan Văn Trường xuất thân từ một dòng họ lớn, ở làng Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, Hà Nội, có nhiều người đỗ đạt cao.

Cuối năm 1908 để tránh những liên lụy của vụ đàn áp Đông Kinh Nghĩa Thục ở Hà Nội năm 1907 và vụ chống thuế ở Trung Kỳ năm 1908 ông sang Pháp học luật, đỗ cử nhân (trước chiến tranh) rồi đỗ tiếp tiến sĩ luật khoa (sau chiến tranh). Từ năm 1912 ông đã ghi danh vào đoàn luật sư Paris.

Khi Phan Châu Trinh sang Paris, Phan Văn Trường đang ở số nhà 6 phố Villa des Gobelins, quận 13 Paris - Năm 1912 Phan Văn Trường gặp Phan Châu Trinh (lúc ấy đang ở Galucoque, gần trường thuộc địa) và mời ông về ở chung căn hộ nói trên. Từ đó 2 người trở thành đôi bạn thân, cùng nhau kết hợp hoạt động cho một mục đích cao cả là lợi ích và tiền đồ của tổ quốc Việt Nam, mặc dù về mặt nhận thức và đường lối chính trị giữa hai người không phải lúc nào cũng có sự thống nhất.

Vào ngày 18-1-1912 Phan Văn Trường và Phan Châu Trinh đã tổ chức một cuộc họp những người Đông Dương tại trường Paragon để thành lập một hội ái hữu lấy tên là "Hội đồng bào thân ái", Hội do Phan Văn Trường làm hội trưởng và Phan Châu Trinh là thành viên trong ban lãnh đạo.

Trong điều lệ của Hội, khoản 1 nói về thành lập hội ghi: "Nay thành lập một hội của người nước Nam có tên gọi: "Hội đồng bào thân ái" - Trụ sở của hội tạm thời đặt tại nhà của vị chủ tịch (nhà của Phan Văn Trường, số 6 Villa des Gobelins - NVK), sau đó nếu muốn di chuyển hoặc thay đổi, sẽ làm theo quyết định của Hội đồng.

Về mục đích của Hội, khoản 2 ghi:

"Mục đích chủ yếu của Hội là:

1. Tạo điều kiện cho những người nước ta đến học từ xa được thường xuyên hội họp, gặp gỡ nhau, quan hệ thân mật và thông cảm với nhau.
2. Thăm hỏi và giúp đỡ lẫn nhau khi có ai gặp khó khăn hay bị ốm đau.

3. Bằng một sự phát triển dần dần tập hợp nỗ lực của họ nhằm giúp họ qui tập, trau dồi trong tất cả các ngành văn học và khoa học.

Khoản 23, qui định: "Các cuộc họp được tổ chức hàng tháng để thắt chặt tình thân. Ở các cuộc họp này, nếu một hội viên nào có một tác phẩm nào đó, sẽ được đọc cho cả Đại hội nghe, sau đó đem in và đưa vào tập san gửi cho mỗi hội viên".

Trong mục "Quy định tài chính - Cứu trợ hội viên".

Khoản 11 quy định: "Những hội viên thuộc loại A ở châu Âu đóng góp mỗi năm 10 phờ-răng, ở Đông Dương hay châu Á đóng góp 4 đồng bạc...

Khoản 13, 14, 15 quy định những trường hợp cần phải cứu trợ đối với những hội viên gặp phải khó khăn, hoạn nạn, đau ốm, qua đời, v.v...

Những điều khoản trích ra ở trên từ điều lệ hội, cho thấy hội Đồng bào thân ái vừa là hội học vừa là hội tương tế.

Có tài liệu cho biết số Việt kiều tham gia Hội lúc đầu chừng 20 người.

Không có tài liệu nào cho thấy đầy đủ các hoạt động cụ thể của Hội trừ một tài liệu (tài liệu số 78) cho thấy ngay sau khi thành lập ít nhất Hội cũng đã có một buổi họp và 2 buổi diễn thuyết.

Theo bản báo cáo này thì trong 2 cuộc diễn thuyết "một cuộc nói về y học do bác sĩ trẻ Hoàng Hữu Phương, cuộc kia nói về bản năng con người do Bùi Kỷ, học viên trường Thuộc địa. Theo ông Deloustal thì nội dung không có gì đặc biệt, chỉ nhằm mục đích duy nhất là phổ biến khoa học".

Còn thông qua biên bản của cuộc họp (không ghi rõ ngày tháng. Tôi chú thích) thì được biết quan tư Roux cũng được mời dự và có phát biểu ý kiến. Trong cuộc họp này Phan Văn Trường đã trấn tĩnh tinh thần các hội viên, nhất là các hội viên thật thà chỉ vào hội với tinh thần tương trợ" bằng câu tuyên bố sau đây:

"Chúng ta hoạt động công khai, minh bạch, không chút giấu diếm để thực hiện sự nghiệp (tương trợ lẫn nhau và học hỏi). Vậy mà vẫn có những kẻ tìm cách ngăn cản, theo ý tôi và cũng là ý kiến nhiều người khác, chỉ cần không thêm để ý đến sự nghi ngờ không đáng có đó và cứ theo con đường thẳng chúng ta đã vạch sẵn. Những người nước ngoài cứ việc nghi ngờ mục đích của chúng ta, chúng ta chấp nhận..."⁽¹⁾.

Tiếp theo, quan tư Roux cũng phát biểu, tỏ ý đồng tình với ý kiến Phan Văn Trường cũng như bày tỏ cảm tình sâu sắc đối với người An Nam.

Lời phát biểu có ý thách thức của Phan Văn Trường cộng thêm những hoạt động bước đầu có kết quả của Hội đã khiến các quan chức Pháp ở chính quốc cũng như ở Đông Dương lo ngại.

Một bản báo cáo cho rằng Hội đồng bào thân ái dưới sự lãnh đạo của Phan Văn Trường và Phan Châu Trinh tuy chủ yếu hướng hội viên vào việc nâng cao học vấn, nhưng thực chất lại là một tổ chức cách mạng nguy hiểm.

Bản báo cáo viết: "Học vấn cao và đúng hướng sẽ nảy sinh tư tưởng

⁽¹⁾ Tài liệu số 78.

cách mạng, đó là chủ trương của Hội đồng bào. Có những người Bắc Kỳ đã phát hiện là có những môn học Phương Tây như triết học, văn học Pháp thế kỷ 18, luật học, dễ dàng đưa thanh niên của họ (hay các dân tộc khác) đến ý nguyện tha thiết thay thế trật tự sẵn có... "Hội Đồng bào năm 1912 có vẻ muốn nối tiếp truyền thống của Hội đồng bào năm 1908 ở Trung Kỳ. Ngay lúc đó họ muốn học đòi các cuộc biểu tình hoà bình của hội trổng nho phía Nam nước Pháp - Ngày nay họ chỉ đòi quyền tự do lấy chương trình giáo dục của chúng ta những gì thích hợp cho họ, và thêm vào đó họ xin được nhập quốc tịch Pháp.

"Chủ trương mới này mang tính lâu dài hơn nhưng còn khôn khéo hơn nhiều, có thể tóm tắt như sau: nấp dưới luật pháp của Pháp để chống chính sách của Pháp ở Đông Dương".

Nhận xét cuối cùng này của bản báo cáo tỏ ra đã nhìn thấy gần đúng mục đích của "Hội đồng bào thân ái".

Chính quyền Pháp ở Đông Dương cũng tỏ ra lo ngại về ảnh hưởng của hội này đối với xứ thuộc địa.

Trong báo cáo của toàn quyền Đông Dương (lúc này là Albert Sarraut) giữ chức bộ trưởng Bộ thuộc địa từ ngày 24-4-1912, có đoạn viết:

"Xem qua nội dung các điều khoản thì không có gì đáng lưu ý. Nhưng đáng ngại là các thành viên trong các phiên họp sẽ có dịp để mà bình luận theo kiểu những sự kiện chính trị ở Pháp, ở Viễn Đông và có quan hệ bạn bè của họ ở Đông Dương. Từ đó ảnh hưởng xấu đến tư tưởng của đám trí thức trong đó thường có những kẻ tích cực hoạt động chống Pháp. Từ lâu chúng tôi đã được thông báo về trạng thái tư tưởng đặc biệt của những người An Nam đã được học hành ở chính quốc về và suy nghĩ của họ đối với các nhà cầm quyền Pháp ở Đông Dương" ⁽¹⁾.

Trong một báo cáo khác của toàn quyền Đông Dương gửi Bộ trưởng Bộ thuộc địa từ ngày 5-7-1912, có đoạn: "Ủy ban Paul Bert (một uỷ ban được lập để theo dõi các hoạt động của người Việt ở Pháp - NVK) sau khi xem xét kỹ điều lệ của Hội đồng bào thân ái đã khẳng định là những em được họ bảo hộ sẽ không được lợi lộc gì trong việc tham gia một hội mà những thành viên chủ chốt Phan Châu Trinh và Phan Văn Trường đã có ý vượt mọi sự kiểm soát để tác động một cách có suy nghĩ, với xu hướng dân tộc mạnh mẽ và rất có thể bất lợi cho quyền lực của chúng ta ở Đông Dương.

Những bất lợi mà tôi đã gọi ra trong một bức thư ngày 24 tháng 4 cũng đã được các vị sáng suốt trong uỷ ban Paul Bert đồng tình- Bản thân tôi cũng hoàn toàn nhất trí với các ý kiến ghi trong biên bản họ trình lên ngài. Tôi nghĩ là họ không có một giải pháp nào thích hợp hơn là cấm các em được bảo trợ tham gia Hội Đồng bào thân ái.

Cũng cần lưu ý là Hội này ra đời vào lúc những người An Nam theo đảng phản loạn Cường Để lánh nạn ở Trung Hoa, Xiêm và Hồng Kông, theo những tin tức mới cung cấp, hình như rục rịch tính chuyện quay rối ở Đông

(1) Tài liệu số 71.

Dương...".

Báo cáo cũng phát hiện mối liên hệ thư từ giữa Phan Châu Trinh, Phan Văn Trường và Lương Văn Can ở Hà Nội, người mà thực dân Pháp coi là kẻ đối đầu nguy hiểm, và ngại rằng rất có thể là "các thư của Lương Ngọc Can gửi cho Phan Châu Trinh và tri kỷ của y là Phan Văn Trường, sáng lập viên Hội Đồng bào thân ái đã được đọc và bình luận trong Hội và được mọi thành viên biết đến".

"Trong tình hình đó tôi nghĩ rằng cần báo cho Phan Châu Trinh biết là thái độ và những mối quan hệ của ông mà chúng ta đã biết không khớp với những tình cảm chân thành với chúng ta mà ông đã nhiều lần bày tỏ."⁽¹⁾.

Những dẫn chứng trên đây cho thấy chính quyền Pháp ở chính quốc cũng như ở Đông Dương lo ngại như thế nào về những hoạt động của Hội Đồng bào thân ái và tìm mọi cách gây khó khăn cho Hội; có lẽ đó cũng là một lý do không kém phần quan trọng khiến Hội khó hoạt động, không phát triển được và nó đã tự tan rã vào năm 1914 khi cả Phan Văn Trường và Phan Châu Trinh, hai người lãnh đạo chủ chốt của Hội bị bắt giam do bị nghi là có âm mưu phản loạn và phải ở tù gần 1 năm⁽²⁾.

Tuy nhiên vai trò tích cực của hai ông đối với Hội cũng như tác dụng tích cực của những hoạt động của Hội phải được ghi nhận như là một thành tích quan trọng trong việc gây dựng tình đoàn kết, lòng yêu nước, chí tiến thủ của Việt kiều ở Pháp trong những năm Hội còn tồn tại.

Theo báo cáo của Deveze, từ năm 1914, Phan Châu Trinh, Phan Văn Trường và Khánh Ký lập Hội những người yêu nước An Nam. Sau khi ra khỏi tù một thời gian, Phan Châu Trinh và Phan Văn Trường đã giao quyền lãnh đạo cho Nguyễn Ái Quốc, đã có mặt ở Paris từ năm 1917 và từ 13-7-1919 đã đến ở nhà của Phan Văn Trường số 6, Villa des Gobelins, nhưng vẫn giữ cương vị là những cộng tác viên chính.

Hiện không có tài liệu nào cho biết tôn chỉ, mục đích của Hội này cũng như thời gian tồn tại của nó. Chỉ biết rằng, do mật báo viết vào tháng 10 năm 1919 thì: "Hội người An Nam yêu nước đã được thành lập từ nhiều năm nay,... do hai nhà cách mạng chống Pháp là Phan Văn Trường và Phan Châu Trinh - đó là một nhóm hoạt động rất tích cực - Trong suốt thời kỳ chiến tranh, trụ sở Hội này (số 6, Villa des Gobelins) là nơi tạm trú của rất nhiều binh lính An Nam và hạ sĩ quan cùng sĩ quan có cấp bậc. Hai người trên, Phan Văn Trường và Phan Châu Trinh đã từng bị bắt vì tội chống an ninh quốc gia. Do đó họ vẫn giữ vai trò lãnh đạo Hội một cách không chính thức, nhưng thực tế thì chính Nguyễn Ái Quốc đảm nhận"⁽³⁾.

Và thường xuyên vào buổi tối, rất đông người Đông Dương họp ở nhà ông Phan Văn Trường (6 Villa des Gobelins) nhiều người trong số họ phát biểu bằng tiếng An Nam, và những tiếng hoan hô, ồn ào của những thánh

⁽¹⁾ Tài liệu số 72.

⁽²⁾ Có tài liệu nói Hội tự tan rã năm 1916.

⁽³⁾ Trích Thu Trang - *Nguyễn Ái Quốc tại Paris. 1917-1923*. Hà Nội 1989, tr. 34.

giả thường khiến cho các người láng giềng kêu ca phàn nàn. Những cuộc họp này thỉnh thoảng kéo dài đến một hai giờ sáng"⁽¹⁾.

Tháng 1-1919, khi Hoà hội Versailles họp mà không có đại diện của Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã đại diện cho những người yêu nước An Nam gửi yêu sách 8 điều đến Hoà hội, mà theo nhiều tài liệu, do Phan Văn Trường viết bằng tiếng Pháp với sự đồng thuận của Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc; Nguyễn Ái Quốc là người ký tên, mang yêu sách đến Hoà hội, cũng như phát tán yêu sách này dưới hình thức truyền đơn với cả ba thứ tiếng Pháp, Hán, Quốc ngữ. Bản yêu sách tám điều (1- Ân xá chính trị phạm, 2 - Cải tổ tư pháp, 3 - Tự do ngôn luận và báo chí, 4 - Tự do hội họp và lập Hội, 5- Tự do cư trú và di chuyển, 6 - Tự do mở trường dạy chữ và dạy nghề, 7- Có hiến pháp thay cho các nghị định và chỉ thị, 8- Cho người An Nam cử đại biểu vào nghị viện Pháp) cũng chỉ là những yêu sách đòi những cải cách dân chủ đối với một thuộc địa, song lại gây tiếng vang lớn ở Pháp cũng như ở Việt Nam, vì đây là lần đầu tiên những yêu sách của người Việt Nam được công bố ở một Hoà Hội lớn của thế giới cũng như được đăng tải trên nhiều tờ báo lớn ở nước ngoài; yêu sách đã tạo nên một không khí phấn khởi, tin tưởng cho mọi người Việt Nam chân chính.

Và, có thể coi đây là một thành tích cần phải được ghi nhận một cách trân trọng của tổ chức Hội những người yêu nước An Nam, một tổ chức chính trị được thành lập sớm ở Pháp mà Phan Châu Trinh là một trong số những người lãnh đạo quan trọng và có nhiều ảnh hưởng.

Từ sau sự kiện quan trọng này, Nguyễn Ái Quốc ngày càng có vị trí quan trọng trong phong trào yêu nước của Việt kiều ở Pháp, có sự chuyển biến quan trọng trong nhận thức chính trị, công khai đi theo xu hướng xã hội chủ nghĩa và chính thức tham gia vào Đảng Cộng sản Pháp năm 1920.

Về phía Phan Châu Trinh, mặc dù vẫn kiên trì đường lối đấu tranh cũ, nhiều lần tỏ ý không tán thành đường lối chủ trương chính trị của Nguyễn Ái Quốc, song tỏ ra vẫn rất quý trọng người thanh niên yêu nước đầy triển vọng này, vẫn ủng hộ Nguyễn Ái Quốc đi dự Hội nghị Tours và gia nhập Đảng Cộng sản Pháp cũng như các hoạt động khác của ông.

Phan Châu Trinh tán thành chủ trương của Nguyễn Ái Quốc sát nhập Hội những người yêu nước An Nam với nhóm "Liên minh Pháp để giành quyền công dân cho người bản xứ Madagascar" thành "Nhóm xã hội chủ nghĩa những người gốc dân thuộc địa" (Liên hiệp các thuộc địa) đặt trụ sở ở số 8F đường Monsieur Le Prince.

Ông cũng cùng Nguyễn Ái Quốc tham gia tổ chức "Ủy ban nghiên cứu các vấn đề thuộc địa" mà người sáng lập là ông Sarrotte, một người cộng sản lai da đen, đã cùng Nguyễn Ái Quốc phối hợp với báo *Humanité* của Đảng cộng sản Pháp, triệu tập cuộc họp ngày 13-6-1921. Phan Châu Trinh

⁽¹²⁾ Tài liệu số 103, đề ngày 19-12-1919. Số 18 bis.

đã cùng với Nguyễn Ái Quốc dự cuộc họp này để thảo ra tuyên ngôn của Ủy ban.

Cho đến trước khi đi Marseille (đầu năm 1922), Phan Châu Trinh thỉnh thoảng vẫn cùng Nguyễn Ái Quốc đi dự các cuộc họp hoặc mít tinh của các nhóm cánh tả Đảng Xã hội Pháp.

Theo mật báo của Deveze (6-10-1920), Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc, Võ Văn Toàn (Marcel), Ba Sóc và Hộ đã từ 6 Villa des Gobelins đi dự cuộc họp tối thứ tư 5-10 của Ủy ban Đệ tam quốc tế, nhóm quận 13, tại 167 Đại lộ Choisy.

Cũng theo mật báo của Deveze (đề ngày 23-10-1920): "ngày thứ năm 21-10, Nguyễn Ái Quốc, Phan Châu Trinh, Võ Văn Toàn và Ba Sóc đi dự một cuộc mít tinh của những người xã hội cách mạng cực tả của Quận 13 tại phòng nhạc Excelsior số 13 đường Fagon để bảo vệ các đồng chí bị bắt ngang ngược tại cuộc mít tinh do Anatole France chủ tọa.

Ngày 20-10, Phan Châu Trinh lại cùng Nguyễn Ái Quốc, Võ Văn Toàn và Ba Sóc đến dự cuộc họp của chi bộ 13 Đảng xã hội với đề mục là: Phân tích các diễn văn của Lê-nin. Vẫn theo mật báo của Deveze (từ ngày 15-6-1921), tối 13-6-1921, Nguyễn Ái Quốc và Phan Châu Trinh đi dự một cuộc họp của Ủy ban nghiên cứu thuộc địa (của Hội nhân quyền - NVK) tổ chức tại số 2 đường Racine tại nhà của Ernest Depré.

Có vẻ Nguyễn Ái Quốc muốn chủ động lôi cuốn Phan Châu Trinh vào các cuộc sinh hoạt chính trị của cánh tả của Đảng Xã hội Pháp với hy vọng Phan Châu Trinh sẽ thay đổi chủ thuyết và đi theo con đường cách mạng bạo lực xã hội chủ nghĩa, đồng thời ông cũng tổ chức nhiều cuộc tranh luận ở 6 Villa Des Gobelins cùng với Phan Châu Trinh, Phan Văn Trường, v.v... để thuyết phục mọi người- Phan Văn Trường ngày càng có xu hướng thừa nhận học thuyết Mác-Lênin, còn Phan Châu Trinh tuy có những lúc bày tỏ cảm tình với chủ nghĩa cộng sản bởi tính nhân đạo của nó, song vẫn giữ nguyên lập trường cũ. Không những thế, ông còn nhiều lần phê phán hướng đi mà Nguyễn Ái Quốc đã chọn.

Một "cuộc trao đổi ý kiến giữa Nguyễn Ái Quốc, Khánh Ký, Lê Văn Sao và Phan Châu Trinh" đã diễn ra tại số nhà 6 Villa des Gobelins đêm 19-12-1919 về một số vấn đề thời sự chính trị ở An Nam; một chỉ điểm của Pháp có mặt trong cuộc họp này đã ghi lại ý kiến khá dài của Phan Châu Trinh nói với Nguyễn Ái Quốc, có giá trị như một cương lĩnh chính trị:

"Anh Quốc cho tôi lưu ý anh rằng anh còn rất trẻ, người ta thấy anh còn sôi nổi quá. Anh muốn 20 triệu đồng bào ta phải làm gì khi trong tay không có vũ khí để chống lại những vũ khí khủng khiếp của người Châu Âu. Tại sao chúng ta lại tự sát vô ích để chẳng đi đến một kết quả nào cả.

"Phải chăng tốt hơn là chúng ta đòi hỏi một cách mềm mỏng nhưng rất kiên quyết và với lòng kiên nhẫn, nhất là những quyền mà phẩm cách con người cho phép chúng ta đòi hỏi.

Việc chúng ta đòi hỏi ở chính phủ là một nền giáo dục mạnh mẽ nâng lên trình độ cao nhất (bao gồm nền giáo dục sơ đẳng bắt buộc), vì chỉ riêng giáo dục đã có thể cho phép chúng ta vươn lên nhanh chóng ngang trình độ văn minh của các dân tộc Phương Tây. Tắm gương Nhật Bản còn đó để làm hậu thuẫn cho yêu cầu của chúng ta. Trước khi người Pháp chiếm đóng nước ta, chúng ta chẳng kém học thức, kém văn minh hơn người Nhật Bản".

"Thứ hai là dân An Nam yêu cầu nhà cầm quyền Pháp, yêu cầu chính phủ Bảo hộ giúp chúng ta cải tiến càng nhanh càng tốt cách thức cai trị trên toàn cõi An Nam. Tại sao người ta lại không thể làm cho Trung Kỳ và Bắc Kỳ những gì họ đã làm cho Nam Kỳ? Nghĩa là tuyên bố có thể áp dụng trong xứ đạo luật hình của Pháp có sửa đổi, tuyên bố chế độ nhân quyền để cứu vớt dân chúng ra khỏi sự lộng hành và lạm quyền với sự chuyên chế của quan lại và viên chức Pháp mà họ là nạn nhân, cải tổ thôn xã làm sao ngăn ngừa được các hào lý không lộng hành và lạm quyền trên lưng người dân; cuối cùng là thay thế tất cả các quan lại già bằng những người trẻ được tiếp thu học vấn trong các nhà trường Pháp, đồng thời lại biết chữ nho".

Tiếp đó, Phan Châu Trinh khẳng định nếu Chính phủ thực hiện cải cách, sẽ được toàn bộ nhân dân ủng hộ.

Ông cũng gợi ý một vài phương cách cải tổ bộ máy cai trị ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ như giữ nguyên bộ máy cai trị do người An Nam đảm nhận với sự chỉ huy của một quan đầu tỉnh hay liên tỉnh người Pháp với tư cách như "người thanh tra cố vấn"; Ông cũng gợi ý nên trả lương khá cho các quan lại bản xứ để họ giữ được tính liêm khiết và trung thực, cũng như phải trừng phạt thật nghiêm khắc những kẻ tham nhũng..., rồi ông kết luận:

"Tôi không phải là nhà tiên tri - Nhưng tôi dám khẳng định rằng nếu Chính phủ Pháp không thay đổi chính sách trong xứ và không tiến hành các cải cách này, thì dân chúng Đông Dương, nhất là dân An Nam ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ sẽ mệt mỏi với chế độ hiện hành, chắc chắn sẽ phải dùng bạo lực để buộc đương cục cao cấp phải thay đổi cách cai trị trong xứ. Tôi không hề mong ước có sự khốn khổ đó. Nhưng tôi tiên đoán điều đó. Máu sẽ chảy, dân An Nam sẽ chết, tôi cảm chắc điều đó và tôi sẽ đau xót nếu tôi còn sống đến ngày ấy. Trái lại, chắc chắn tôi sẽ vui mừng được trông thấy một cuộc đổi thay có lợi cho dân chúng...".

Lập trường trên đây của Phan Châu Trinh vẫn được ông kiên trì cho đến lúc ông trở về nước (giữa năm 1925).

Người ta còn thấy vào đầu năm 1925 "Dưới sự lãnh đạo của Georges Grandjean và sự chủ trì của Phan Châu Trinh "Nhóm theo chủ nghĩa lập hiến" (Groupe Constitutionaliste) được thành lập ở Paris. Ông Trần Văn Khá làm tổng thư ký (S.G) của nhóm - Toàn bộ sinh viên và thợ thuyền gia nhập vào phong trào này. "Lập Hội! vào quốc tịch!" đó là công thức của Đảng, lấy báo *Diễn đàn* (Tribune) làm cơ quan ngôn luận. Nhóm này chủ trương tập trung tất cả mọi yêu sách, đơn từ của người bản xứ để chuyển lên Bộ trưởng, viết trên báo *Diễn đàn*.

Cùng với những hoạt động đưa kiến nghị cho chính phủ Pháp, viết

báo, diễn thuyết, sự tham gia của ông vào các Hội ái hữu các tổ chức chính trị như đã trình bày trên cho chúng ta thấy hiện ra trước mắt mình một Phan Châu Trinh hoạt động không ngơi nghỉ trong nhiều lĩnh vực vì lợi ích của dân tộc giúp ta có khá đủ những căn cứ để khẳng định rõ hơn vị thế của ông trong sự nghiệp đấu tranh cho lợi ích của dân tộc.

III. NHẬN ĐỊNH

III.1. Những hoạt động quen thuộc với hiệu quả rất cao trên đất khách.

Đưa kiến nghị, viết báo, diễn thuyết, lập Hội (hội buôn, hội học),... đều là những việc Phan Châu Trinh đã từng làm ở trong nước. Mười bốn năm ở Pháp, ông vẫn cứ tập trung chủ yếu vào các hoạt động nói trên, song với một nỗ lực cao hơn trong một môi trường chính trị thuận lợi hơn: Quyền tự do ngôn luận và Hội họp ở Pháp, sự hỗ trợ của những nhà hoạt động chính trị yêu nước khác như Phan Văn Trường, Nguyễn Ái Quốc,... của những người bạn Pháp như quan tư Roux, Pressensé (hội nhân quyền), Marius Moutet (Hạ nghị sĩ cánh tả)... nên hiệu quả mang lại lớn hơn nhiều.

Những kiến nghị mà Phan Châu Trinh gửi cho bộ Thuộc địa tuy bị làm ngơ khiến cho Phan Châu Trinh có lúc tỏ ra chán ngán, song chỉ ít nhờ có những kiến nghị đó mà chính phủ bảo hộ Pháp cùng với Nam Triều đã phải xem xét lại các án của năm 1908 liên can đến vụ xin xâu, phải xoá án cho nhiều người và giảm án cho những người còn lại; cũng nhờ có những kiến nghị này (có phối hợp với báo chí) những tệ lậu của chính quyền thực dân ở Đông Dương cũng như những đối xử bất công của chính quốc đối với ông và những Việt Kiều yêu nước khác không những được phơi bày công khai trước dư luận mà còn gây nên một cuộc tranh cãi nảy lửa trong phiên họp của Quốc hội Pháp ngày 22 tháng 12 năm 1924 giữa Moutet (Hạ Nghị sĩ đại biểu cho cánh tả) và Outrey, vốn là cựu công sứ một tỉnh ở Đông Dương, nay là hạ nghị sĩ thuộc cánh hữu. Cuộc tranh cãi xoay quanh chủ điểm chính sách cai trị ở thuộc địa Đông Dương có liên quan đến nhà yêu nước Việt Nam Phan Châu Trinh mà cái cớ làm bùng nổ cuộc tranh cãi là vấn đề cấp hộ chiếu cho 3 người Việt Nam ở Pháp trong đó có Phan Châu Trinh. Cuộc tranh cãi được tường thuật trên báo *Quotidien* và được đăng tải lại trên báo *Diễn đàn bản xứ*, cơ quan của Đảng lập hiến (tổ chức do Grandjean và Phan Châu Trinh lập vào đầu năm 1925) với tiêu đề: "Vụ tai tiếng về Đông Dương ở Nghị viện- Outrey như bị hành hình công khai - Sự phục thù của danh dự", với lời mở đầu của Georges Grandjean, thủ lĩnh nhóm Lập Hiến. Cuộc tranh cãi cũng được đăng chi tiết trên báo *Officiel* (Công báo) và được báo *Courrier d'Hải Phòng* (Tin tức Hải Phòng) đăng tải lại trên số Chủ nhật ngày 1/2/1925. Trong cuộc tranh cãi, Hạ Nghị sĩ Moutet đã kịch liệt lên án chính sách cai trị tàn bạo của chính quyền thuộc địa ở Đông Dương mà điển hình là vụ kết án tử hình Phan Châu Trinh và

mấy người bạn, án chung thân và lưu đầy nhiều người khác mà không cần xét xử, và đến nay lại tìm cách vu khống là cộng sản và mưu toan hãm hại Phan Châu Trinh, người được Hội Nhân quyền cứu thoát khỏi ngục Côn Lôn, đang sống và hoạt động hợp pháp tại Pháp. Trong buổi tranh luận Moutet đã dành cho Phan Châu Trinh những lời lẽ bênh vực sắc sảo, cảm động, kịch liệt phản bác những lời vu cáo của Outrey. Sau khi lược qua quá trình hoạt động của Phan Châu Trinh, cách đối xử bất công của chính quyền Đông Dương cũng như chính quyền ở Pháp đối với ông, hạ nghị sĩ Moutet nói: "... khi đến với chúng ta, ông là người theo chủ nghĩa quân chủ,... Tình cờ thay, trong không khí này ông ta đã thành cộng hoà".

"... Đến nước ta, ông ấy hiểu rằng cái gọi là "Bảo hộ" này chỉ là những điều tưởng tượng, rằng chính phủ của chúng ta, hay đúng hơn, một số công chức của chúng ta biết chơi trò bù nhìn. Do có học, ông ấy nói "Tôi là người theo cộng hoà". Tôi biết ông ta không phải là cộng sản. Ông ấy cũng có thể là cộng sản, đó là quyền của ông. Tự do tư tưởng vẫn còn trên đất nước ta cơ mà!

... Con người này đã có cuộc đời chìm nổi, đến Pháp để thấy con mình bị chết ở đây vì lao ruột, người thân ở Đông Dương lúc này cũng đã qua đời. Ông ta cô đơn trên hành tinh này, chỉ mong đám xương tàn sẽ an nghỉ cùng tiên tổ theo lễ nghi mà ông ta rất gắn bó. Ông ta nói với các vị: "Tôi chỉ muốn trở về bên ấy với sự bảo hộ che chở của luật pháp nước Pháp, với tư cách là công dân Pháp". Đó chính là người mà ông kết án, thưa ông Outrey, người mà khiến tôi đứng ra bảo vệ. Cùng với Hội Nhân quyền, đó là chính sách đối với người bản xứ của chúng ta. Không những chúng ta không được từ chối nó, mà đó là điều chúng ta đòi hỏi chính phủ của chúng ta phải thực thi".

Tiếp đó, ông nhắc nhở: "Điều kiện đầu tiên để có một chính sách tốt đối với người bản xứ là mang cho họ công lý, sự công bằng, nhất là khi người ta phát ngôn nhân danh nước Pháp. Các vị đừng quên rằng uy tín lớn của nước ta là tư tưởng bác ái, tình anh em (La Fraternité) mà nước ta đã truyền ra thế giới"⁽¹⁾.

Nếu không có những kiến nghị bên bỉ, thẳng thắn của Phan Châu Trinh, sao có được một sự kiện đặc biệt nhường ấy ở Quốc hội Pháp, qua đó những tệ lậu của chính sách cai trị ở Đông Dương được phơi bày một cách trần trụi dưới con mắt của những người "tai to mặt lớn" trong bộ máy chính quyền Pháp!

Viết báo vốn vẫn là thế mạnh của Phan Châu Trinh, song chỉ trong 14 năm ở Pháp, trong một môi trường chính trị thuận lợi, thế mạnh ấy của Phan Châu Trinh mới được phát huy đầy đủ hiệu lực - Cuộc chạy trốn vội vàng của Khải Định trước những đòn sấm sét của các bài báo mà Phan Châu Trinh đã viết là một minh chứng- Trong lĩnh vực báo chí yêu nước của Việt Nam tính cho đến lúc này, một kết quả như thế thật là hy hữu!

⁽¹⁾ Xem thêm chi tiết ở tài liệu số 178, 174, tài liệu tập 1.

Cũng cần nói thêm là, trong lĩnh vực chuyên ngành, những bài báo của Phan Châu Trinh mà chúng ta đã được đọc nguyên gốc hay đã được dịch, đều là những bài báo mẫu mực về văn phong, về ngôn từ, về thể loại, mà báo giới ngày nay cần nghiên cứu và học tập. Những bài báo đã được đăng hay chuyên tay nhau đọc cùng với những thư kiến nghị, những luận văn của ông cũng còn có một giá trị văn học đặc biệt, có thể coi ông như một đại thụ về văn nghị luận và văn chính luận. Phan Châu Trinh không chỉ là một nhân vật lịch sử quan trọng trong lịch sử cận đại Việt Nam. Chúng ta phải dành cho ông một chỗ xứng đáng trong lịch sử báo chí và văn học ở Việt Nam!

Diễn thuyết cũng lại là một thế mạnh nữa của Phan Châu Trinh. Những người được nói chuyện với ông hoặc nghe ông diễn thuyết, người Việt cũng như người Pháp, đều khen ông có duyên, có tài hùng biện, biết hấp dẫn người nghe. Ở Pháp lúc ấy cũng có một số người trình độ học vấn cao, cũng có tài ăn nói, nhưng hiếm người nào tạo được sức hấp dẫn người nghe mạnh như Phan Châu Trinh, hơn thế Phan Châu Trinh lại rất nhiệt tình trong loại hình hoạt động này và rất có ý thức tranh thủ mỗi khi có cơ hội. Cũng có thể nói trong lĩnh vực hoạt động này, những Việt kiều đang hoạt động chính trị ở Pháp ít ai làm hơn được Phan Châu Trinh. Trong các thông báo mời dự các buổi diễn thuyết của ông, tên tuổi ông thường được giới thiệu rất trân trọng - Về buổi diễn thuyết của ông ngày 22/8/1922 ở Marseille, tờ báo *Le Provençal* thông báo:

"Thứ năm tới, vào 21 giờ, tại 6 Cours Saint Louis sẽ có một cuộc họp lớn để bàn về tình hình quân chủ tại nước An Nam.

Một cuộc diễn thuyết sẽ do công dân Phan Châu Trinh, tiến sĩ văn chương, người hiểu sâu vấn đề này,..."

Tờ báo này cũng phát lời mời tới dự "buổi diễn thuyết về An Nam" do "đồng chí Phan Châu Trinh, tiến sĩ văn chương, sẽ thực hiện vào tối nay lúc 8 giờ (ngày 24/8/1922) tại Cours Saint Louis, số 6, lầu 1.

Tất cả các thành viên của Liên minh (Nhân quyền), tất cả các đồng chí các chi bộ (Đảng Xã hội),... sẽ coi như có nghĩa vụ đến dự buổi diễn thuyết mà do giá trị cao và uy tín của diễn giả sẽ được xếp vào loại lý thú nhất và có giá trị giáo dục cao nhất".

Những buổi diễn thuyết của Phan Châu Trinh đã giúp ông có nhiều dịp tiếp xúc với Việt kiều cũng như công dân Pháp, để qua đó tố cáo những tệ lậu của việc cai trị ở thuộc địa của chính phủ Bảo hộ, sự thối nát của bộ máy quan lại Nam triều, trình bày và giải thích ý nghĩa những dự kiến cải cách mà ông yêu cầu ở chính phủ Pháp. Đặc biệt là các Việt kiều yêu nước, được nghe ông diễn thuyết, được tiếp xúc trực tiếp với ông, sẽ cảm thấy yêu thương và gần gũi tổ quốc hơn, bớt cô đơn hơn trên đất khách quê người, cần đoàn kết với nhau hơn để tồn tại và giúp ích cho tổ quốc trong khả năng của mỗi người.

Sự hiện diện của Phan Châu Trinh trong các tổ chức thân hữu và chính trị ở Pháp, thường là ở cương vị chủ chốt, là một đảm bảo cho sự trong sáng, lành mạnh, vô tư của tổ chức đó, tạo niềm tin cho những người

tham gia, hướng dẫn cho tư tưởng và hành động của họ vào con đường chân chính, xa rời những cảm dỗ tầm thường của một xã hội tư bản tự do cũng như sự lôi kéo của những phần tử Việt kiều có thái độ chính trị xấu. Sự có mặt của Phan Châu Trinh ở cương vị lãnh đạo của Hội Đồng bào thân ái bên cạnh Phan Văn Trường là một đảm bảo cho tổ chức này có sức thu hút mạnh, có những hoạt động bổ ích, khiến kẻ địch phải lo lắng đề phòng, đối phó - Chỉ cần đọc những báo cáo, chỉ thị, mệnh lệnh, thư từ trao đổi của các quan chức Pháp cũng như Đông Dương xoay quanh tổ chức này là đủ thấy vai trò của Phan Châu Trinh có tầm quan trọng thế nào! Vai trò đó của ông còn được thể hiện trong việc điều hành "Hội những người An Nam yêu nước" cùng với Phan Văn Trường và Nguyễn Ái Quốc, để có sự xuất hiện *Bản yêu sách 8 điều* gửi Hoà Hội Versailles năm 1919...

III.2. Mười bốn năm để tiếp tục bộc lộ một tính cách, một phẩm chất.

Phan Châu Trinh là một người có một tính cách nổi bật, đó là sự tự tin cao độ vào chủ thuyết cứu nước của mình đã được ông hình thành từ khi còn ở trong nước. Đó là chủ trương dựa vào người Pháp, nhờ sự giúp đỡ của họ để nâng cao dân trí, chấn hưng dân khí, bồi dưỡng nhân tài, phát triển kinh tế, sửa đổi chính trị (lúc đầu là sửa sang bộ máy quan lại Nam Triều, nhưng sau khi sang Pháp thì chủ trương xoá bỏ quân quyền) để Việt Nam trở thành một quốc gia tự trị và dân chủ, phát triển về mọi mặt, dưới sự che chở của người Pháp, để rồi cuối cùng trở thành một quốc gia độc lập giàu mạnh. Ông tin tưởng tuyệt đối rằng đó là con đường duy nhất đúng đắn để cứu vớt dân Việt Nam khỏi ách nô lệ của ngoại bang, cũng như tin rằng một nước Pháp vốn có truyền thống dân chủ, tự do sẽ có đủ thiện chí để làm được việc đó. Vì vậy ông không tán thành dùng biện pháp bạo lực mà theo ông sẽ gây chết chóc vô ích, cũng như chỉ nên tranh thủ sự giúp đỡ của Pháp đang hiện diện ở Việt Nam để tránh rơi vào sự thống trị của một quốc gia khác vốn đang có dã tâm bành trướng thế lực ở Đông Á (ý muốn nói nước Nhật Bản).

Sau mười bốn năm hoạt động ở Pháp trong nhiều lĩnh vực, được tiếp xúc với nhiều luồng tư tưởng khác nhau, với nhiều hoạt động chính trị nổi tiếng, có lúc này, lúc khác ông bày tỏ cảm tình với chủ nghĩa cộng sản, tham dự các buổi sinh hoạt của chi bộ Đảng Xã hội Pháp quận 13, v.v..., song chủ thuyết của ông không hề thay đổi. Ngay vào đầu năm 1925, ông vẫn còn cùng với Grandjean lập nhóm "Lập hiến" dùng báo "Diễn đàn" làm cơ quan ngôn luận để đề đạt mọi yêu sách của người bản xứ chuyển lên bộ trưởng (Bộ thuộc địa - cơ quan trực tiếp giải quyết các vấn đề thuộc địa).

Cụ thể hơn là từ sau năm 1919, tuy ông ủng hộ Nguyễn Ái Quốc tham gia Đảng Cộng sản Pháp và luôn tỏ ra rất quý mến người thanh niên yêu nước này, song ông vẫn nhiều lần phê phán phương thức hành động của Nguyễn Ái Quốc và khuyên Nguyễn chỉ nên theo phương thức hành động của ông; mặc dầu có lúc ông đã tỏ ra thất vọng trước thái độ thờ ơ của chính phủ Pháp và tự nhận là mình đã từ lâu "sống trong một ảo tưởng mà không

tự biết"⁽¹⁾; song ông vẫn cứ nuôi hy vọng một ngày nào đó, khi cánh tả chiếm đa số trong quốc hội, chính sách cai trị ở thuộc địa được cải tiến, dân Việt Nam sẽ có cơ hội mở mắt, mở mày! Chính sự quá tự tin vào chủ thuyết của mình, một trong những tính cách nổi bật của ông, đã khiến ông không thể vượt qua được cái ảo tưởng về sự thiện chí của một nhà nước tư sản (dù là khuynh tả như nhà nước Pháp trong thời kỳ mặt trận bình dân năm 1936) lúc nào cũng có ý thức bảo vệ tối đa lợi ích của giai cấp tư sản chính quốc; mặc dù từ năm 1919 cho đến 1923, Nguyễn Ái Quốc đã tích cực hỗ trợ cho ông thoát khỏi cái ảo mộng đó, song không thành công.

Điểm thứ hai nổi bật trong tính cách của ông là sự thẳng thắn và bộc trực, luôn thể hiện trong lời ăn tiếng nói cũng như trong hành động của ông trong 14 năm hoạt động ở Pháp.

Chính sự bộc trực và thẳng thắn đó đã giúp ông nói thẳng và nói công khai mọi tệ lậu của chính quyền bảo hộ ở Đông Dương, sự thối nát của bộ máy cai trị Nam triều, khiến chúng không tài nào che giấu được dư luận, buộc chúng phải có một số động thái để xoa dịu. Ngay khi trao đổi thư từ hay đối thoại với các quan chức cao cấp (Bộ trưởng thuộc địa, Toàn quyền Đông Dương v.v...) Phan Châu Trinh cũng vẫn giữ thái độ thẳng thắn, lời nói bộc trực, không hề e ngại, khiến họ không thể né tránh, quanh co, điều mà không phải bất cứ người Việt Nam nào cũng có thể làm được như Phan Châu Trinh.

Trong cách ứng xử với những người gần gũi và thân thiết với mình như Phan Văn Trường và Nguyễn Ái Quốc, ông cũng vẫn giữ nguyên tính cách vốn có của mình, thậm chí đôi khi còn đẩy nó tới quá mức bình thường. Hãy xem một vài đoạn trích trong thư ông viết cho Phan Văn Trường (có ghi là cho cả Nguyễn Ái Quốc) đề ngày 11/4/1923 từ Marseille nói về một bài thơ do ông sáng tác, song không được Phan Văn Trường và Nguyễn Ái Quốc tán thưởng. Không rõ trong bức thư viết cho Phan Châu Trinh. Phan Văn Trường đã nói gì về bài thơ đó, chỉ biết là trong thư hồi âm, Phan Châu Trinh đã phản ứng rất gay gắt:

"Còn về bài thơ mà tôi đã gửi Nguyễn Ái Quốc, tôi đã biết trước ngay từ ở đây là nó chẳng được ai đồng tình, tuy nhiên tôi không khi nào lại nghĩ rằng tất cả các bạn lại ngu ngốc đến mức độ đọc nó mà chẳng hiểu nghĩa, và vì vậy bạn đã nói về nó thô lỗ như vậy".

Sau khi giải thích rất dài dòng về hai từ "thầy" và "tớ" trong bài thơ, Phan Châu Trinh viết tiếp

"Tôi nói điều đó chỉ lướt qua thôi, còn về thực chất tư tưởng của tôi thì cả bạn, cả Ái Quốc không hiểu được - tôi giả thiết và tôi cũng chắc chắn rằng với học vấn như bạn, những người thuộc gia đình ngu dốt có thể trở thành bậc "hiên nhân" (ám chỉ biệt danh của Phan Văn Trường)

⁽¹⁾ Xem Thư gửi Bộ trưởng A.Saraut ngày 19/12/1922.

nhưng tôi lại cho rằng những người tự cho mình là hiền nhân lại là kẻ ngu ngốc.

"Tôi cũng nghĩ là, không cần thiết phải đặt tên cho mình là Ái Quốc mới là người yêu nước. Các bạn hãy lấy điều này như là câu trả lời phê bình của các bạn về hai từ trong bài thơ của tôi mà các bạn không hiểu. Vì chung các bạn ngu dốt nên các bạn không hiểu tôi, tôi tha thứ cho bạn. Nhưng khi bạn gặp Ái Quốc, hãy cùng đến một xó nào đó và hãy nói nhỏ với nhau rằng "Kể mà chúng ta coi là dốt nát lại coi chúng ta là ngu dốt vì đã không hiểu nghĩa bài viết của hân và hân có lý, tôi là tên đại ngốc và anh cũng vậy"⁽¹⁾.

Phan Văn Trường và Nguyễn Ái Quốc, một người là bạn, một người ở hàng con cháu, lại biết rõ tính nết của Phan Châu Trinh, chắc cũng không coi những lời lẽ trên đây là những lời lẽ xúc phạm, song không rõ những người mới biết Phan Châu Trinh, liệu có thông cảm được.

Bùi Kỷ, một người khá gần gũi Phan Châu Trinh đã nói "ông Phan tính thẳng quá", nếu có ai đó định bàn bạc trái ý ông, "đều bị ông bác thẳng cánh, thậm chí cự tuyệt không giao thiệp". Tôi thường nói với ông "Đến Pháp không phải để làm ngụ sứ!" - Thật ra ông cũng biết ân hận nhưng rất khó sửa, khó tránh được kiểu "Ứng chiến trực điều tước" (Chim ưng đuổi chim sẻ), muốn sửa cũng khó"⁽²⁾.

Tính cách này liệu có ảnh hưởng phần nào đến hiệu quả hoạt động của Phan Châu Trinh tại Pháp?

Trong 14 năm hoạt động ở Pháp, những phẩm chất tốt đẹp của Phan Châu Trinh cũng được bộc lộ đầy đủ.

Khi còn ở trong nước, ông đã nổi tiếng là một nhà yêu nước thiết tha, kiêu dũng, một mình dám đơn độc chống lại triều đình Huế và bộ máy quan lại thối nát của nó, sẵn sàng đương đầu đối thoại mà không hề run sợ với những quan chức cao cấp của chính phủ bảo hộ - Cái án bất công của Nam triều, 3 năm tù đầy ở Côn Đảo, không hề làm ông nhụt chí, đòi được sang Pháp để tiếp tục thực hiện sở nguyện của mình.

Vốn đã là nhà yêu nước nổi tiếng trong nước, khi sang Pháp, ông bị các cơ quan trực thuộc Bộ thuộc địa thường xuyên theo dõi, bao vây, ngăn chặn các hoạt động của ông. Năm 1914, bằng một sự vu cáo trắng trợn, ông bị chúng bắt giam gần một năm trời; khi ra tù, món phụ cấp ít ỏi cho ông và con trai (Phan Châu Dật đang học tập ở Pháp) bị cắt. Ông lâm vào tình trạng khốn quẫn về sinh hoạt, tiếp đó vợ ông ở quê qua đời, rồi Phan Châu Dật bị bệnh lao ruột phải về nước (1920) và mất tại Huế năm 1921. Trong hoàn cảnh như vậy, Phan Châu Trinh không hề nao núng, vẫn cùng các Việt kiều yêu nước hoạt động hăng say trong nhiều lĩnh vực như đã lược thuật ở phần II. Tấm lòng yêu nước thiết tha, kiêu

⁽¹⁾ Tài liệu số 156.

⁽²⁾ Hồ sơ SPCE 374 của Ngô Đức Kế - Tư liệu số 23.

dũng của ông không những vẫn được duy trì mà lại được tô điểm thêm bằng một khả năng tự chế rất cao trước những đau thương mất mát cá nhân, khiến uy tín của ông, cứ ngày càng lớn ở Pháp cũng như ở trong nước. Có thể nói, vào những năm 20, Phan Châu Trinh và Phan Bội Châu, tuy mỗi người mỗi phương thức hoạt động khác nhau song đều là hai nhà yêu nước tiêu biểu trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc ở nước ta. Chắc hẳn đây là lý do cốt lõi vì sao cái chết của ông năm 1926, chỉ sau khi về nước được gần một năm (24/3/1926), cũng là một năm sau phong trào đòi tha Phan Bội Châu đã gây nên một niềm xúc động lớn lao trong toàn quốc và "Cuộc lễ tang Phan Châu Trinh" đã trở thành một biểu tượng của tinh thần yêu nước của dân tộc.

III.3. Đồng bào và bạn bè quý mến, đối phương nể trọng

Với những hoạt động hăng hái, tích cực, có hiệu quả của mình trong 14 năm ở Pháp, Phan Châu Trinh rất được Việt kiều yêu nước ở đây quý mến. Từ các học sinh, sinh viên, đến các lính thợ, thủy thủ và cả những người làm bếp (trong Hội những người làm bếp ở Paris) thầy đều tỏ lòng kính mến và muốn được gần gũi ông để được chỉ bảo, dạy dỗ. Tình cảm này của đa số Việt kiều ở Pháp đối với ông đã được chính những tên chỉ điểm Pháp ghi lại hoặc nhận xét.

Báo cáo của chỉ điểm Josselme viết ngày... tháng 5/1920 cho biết: "trong tháng 5/1920, những người bản xứ viết nhiều về cái họ gọi là "việc đòi", nghĩa là chuyện thế giới, chuyện chính trị. Họ luôn viết về lòng ngưỡng mộ đối với người An Nam Phan Châu Trinh mà tên tuổi được biết nhiều ở Pháp cũng như ở bên thuộc địa - Trong mắt họ, đây là một người có thể lực, một nhà yêu nước lớn, một trí tuệ minh mẫn và chỗ dựa cho mọi niềm hy vọng của họ để đạt được chế độ tự trị mà họ tin chắc sẽ đạt được"⁽¹⁾.

Cũng Josselme, trong báo cáo ngày 17/6/1920 cho biết "một số thư trao đổi ở Pháp đã dùng từ ngữ "Ông già giúp nước mình" để chỉ Phan Châu Trinh. Từ ngữ này không được dùng để tuyên truyền mà như một nhận xét về một trạng thái hiển nhiên, không cần tranh luận gì nữa"⁽²⁾.

Cũng lại Josselme trong báo cáo đề ngày 24/1/1921, lại viết: "Phan Châu Trinh,..., rất được quý mến trong giới người Đông Dương đòi tự trị. Ông ta là người duy nhất ở Pháp được người ta gọi là "Cụ Phan", có thể được dịch bởi từ Monsieur với một hình thức tôn kính rất cao; chữ "Ông" dịch nguyên văn từ chữ Monsieur không có một giá trị tương ứng nào trong nhóm từ "Cụ Phan"⁽³⁾.

Còn chỉ điểm Desiré, trong báo cáo ngày 12/5/1925, viết: "Ông

⁽¹⁾ - (65)- lưu CAOM.372-

⁽²⁾ - (66)- Lưu CAOM. SPCE 372-

⁽³⁾ - Tài liệu số 117.

(Phan Châu Trinh) được tất cả đồng bào của ông ở Paris và ở khắp nước Pháp quý mến. Họ coi ông như một nhà nho lớn và nhất là một nhà ái quốc nhiệt tình của Đông Dương⁽¹⁾.

Tình cảm quý mến trên đây của Việt kiều ở Pháp cũng là tình cảm của những bạn bè người Việt thân thiết cùng hoạt động với ông ở Pháp như Phan Văn Trường, Nguyễn An Ninh, mặc dầu hai ông này không đồng quan điểm chính trị với Phan Châu Trinh và đôi khi cũng đã nổ ra những cuộc tranh cãi khá gay gắt giữa hai ông với người bạn già Phan Châu Trinh.

Những người Pháp biết ông hoặc có liên hệ với ông cũng rất quý trọng ông, trong số đó đáng nêu tên nhất là hạ nghị sĩ Moutet và quan tư Roux. Ngay từ năm 1909, khi chưa gặp Phan Châu Trinh, chỉ biết tiếng ông qua vụ gửi thư cho Toàn quyền Đông Dương và bị Nam triều xử án, Moutet đã bày tỏ sự quý trọng đặc biệt đối với ông, trong buổi diễn thuyết ở phiên họp đặc biệt của uỷ ban trung ương Liên minh Nhân quyền ngày 1/2/1909, ông đã coi Phan Châu Trinh là "một con người mà tất cả cần nhớ tên mặc dù tên rất khó nhớ đối với người Âu chúng ta, vì đó là một người anh hùng thật sự". Trong suốt thời gian Phan Châu Trinh ở Pháp, Moutet là một người Pháp có địa vị trong chính quyền có mối quan hệ thân thiết với Phan Châu Trinh như một người bạn, người cố vấn và người bảo hộ.

Quan tư Roux là một sĩ quan đã phục vụ ở Việt Nam, giỏi chữ Hán, chữ quốc ngữ- Khi trở về Pháp Roux được cử làm giáo viên dạy tiếng Việt trong một trường dạy ngôn ngữ phương Đông, giữ nhiều chức vụ quan trọng trong ngành quân sự. Ông là một sĩ quan Pháp có cảm tình đặc biệt với dân chúng Việt Nam và hết sức quý mến con người và sự nghiệp của Phan Châu Trinh, tới mức nhận Phan Châu Trinh là em kết nghĩa. Ông thường là người phiên dịch cho Phan Châu Trinh trong các buổi tiếp xúc với các quan chức Pháp, là người dịch sang tiếng Pháp khá nhiều bài viết (thư, báo, thỉnh nguyện,...) của Phan Châu Trinh. Ông là người Pháp duy nhất thường xuyên chăm lo hỗ trợ cho các hoạt động và cuộc sống của Phan Châu Trinh ở Pháp, và cũng là người Pháp duy nhất đã chia sẻ buồn vui với Phan Châu Trinh, ngay cả trong cuộc sống riêng tư.

Về phía đối phương (quan chức Pháp và Nam triều), có thể nói chắc rằng các quan chức Pháp, từ cao cấp như Bộ trưởng thuộc địa, Toàn quyền Đông Dương, Khâm sứ Pháp ở Huế cũng như các viên chức trực thuộc Bộ Thuộc địa, mặc dù coi Phan Châu Trinh là kẻ đối đầu nguy hiểm, song đều tỏ ra trân trọng phẩm chất trong sáng, kiên cường của Phan Châu Trinh, thậm chí có người còn khuyên chính phủ Pháp chọn ông làm người hợp tác, làm cố vấn về các vấn đề cai trị ở Đông Dương.

Các quan lại người Việt đang cộng tác với chính phủ Bảo hộ đương

⁽¹⁾ Tài liệu số 196.

nhiên là những người mang hận với Phan Châu Trinh vì bọn họ đã bị ông vạch trần bộ mặt xấu xa một cách không thương tiếc. Tuy nhiên cũng có một số người tuy không nhiều, bày tỏ sự quý trọng đối với Phan Châu Trinh. Xin nêu trường hợp của Lương Khắc Ninh, uỷ viên hội đồng tư vấn Nam Kỳ, (giám đốc đoàn sân khấu ở triển lãm Marseille) như là một ví dụ:

Sau vụ Khải Định chạy trốn khỏi triển lãm Marseille vì bị Phan Châu Trinh công kích, hạch tội, Lương Khắc Ninh đã gửi cho Phan Châu Trinh một bức thư và một bài thơ để tặng.

Xin ghi lại đây nguyên văn bức thư và bài thơ đó của Lương Khắc Ninh như là một chứng cứ sinh động:

"Kính gửi ngài Phan Châu Trinh"

Thưa ngài

Tạo hoá đã ban cho ngài một trí thông minh tuyệt vời, một sức mạnh không gì lay chuyển nổi. Xưa kia, các nhà bác học và hiền nhân luôn làm việc với lòng dũng cảm và luôn nghĩ xa trông rộng. Còn những kẻ lêu lổng, ngu si cho đến nay vẫn chỉ lo ăn ngon, uống thích.

Ôi! Tất cả những gì mà ngài đã làm đều rất phù hợp, nhất trí với việc làm của hiền giả đời xưa. Sự nghiệp của ngài chẳng có chi là quá đáng, có chi phải giận dữ, sự nghiệp ấy chỉ thể hiện lòng quả cảm và đức kiên trì. Ngài là bậc hiền giả kỳ tài của tỉnh Quảng Nam. Chính người anh hùng mở ra đất nước, chứ không phải đất nước làm ra người anh hùng.

Ngài xứng đáng đứng vào hàng các bậc anh hùng... Ngài chưa có quyền cao chức trọng, nhưng tiếng nói của ngài vang lừng bốn cõi. Ngài chẳng hề lấy gân lấy sức mà hành động của ngài có hiệu lực và toả chiếu. Bỏ nhân được ghé qua đây, đã được biết những gì mà ngài đã làm được, Ngài thực sự là bậc hiền nhân mà trong đời bỏ nhân đến nay chưa hề hạnh ngộ.

Non sông dài để tiếng Châu Trinh

Tạo vật ganh chi đó một mình

Quản thúc vừa rồi chưa chịu nín

Đoạn đầu đang khởi chẳng làm thinh

Gay go đôi lạnh đầu nao núng

Nhóp nhép phân trần đáng khùng kinh.

Giữa cuộc tang thương đường ấy hiểu

Non sông dài để tiếng Châu Trinh

Ký tên: Di Sử Thị⁽¹⁾

⁽¹⁾ Trích tài liệu số 142- Di Sử Thị là bút danh của Lương Khắc Ninh, có nghĩa là: Người mang tên họ bị lãng quên trong lịch sử. Triều đại nhà Lương - họ của uỷ viên Ninh rất ngắn ngủi, bị sử Tàu bỏ đi. Chú thích của Jolin, người viết báo cáo).

Nhìn một cách tổng quát, trong 14 năm hoạt động ở Pháp, về mặt chủ thuyết cứu nước, Phan Châu Trinh không có sự thay đổi cơ bản, ngoại trừ lời tuyên bố công khai mình là người cộng hoà; đó là mặt hạn chế của ông.

Song những hoạt động của ông trong 14 năm ở Pháp với một sự năng nổ, một nhiệt tình hiếm có trong nhiều lĩnh vực, phải được coi là những đóng góp rất lớn vào việc nuôi dưỡng và kích thích lòng yêu nước của người dân Việt Nam, ở Pháp cũng như ở trong nước. Thông qua những hoạt động đó, ông đã nêu một tấm gương sáng về tính kiên định, đức hy sinh, lòng quả cảm trong cuộc đấu tranh vì tương lai đất nước. Đó là những thành tựu cơ bản nhất của Phan Châu Trinh trong 14 năm hoạt động ở nước ngoài. Và, có thể khẳng định rằng Phan Châu Trinh cùng với Phan Bội Châu, mỗi người mỗi hướng khác nhau, mỗi người đều có những mặt hạn chế nhất định, song đó là hai gương mặt nổi bật của lịch sử Việt Nam trong hơn 20 năm đầu thế kỷ.

Hà Nội ngày 05/5/2000

GS. NGUYỄN VĂN KIÊM

VĂN XUÔI
CỦA
PHAN CHÂU TRINH

CHUYỆN NGƯỜI LƯƠNG DÂN

Tiểu dẫn: Cụ Phan Châu Trinh không chỉ là một nhà chính trị, nhà báo, nhà thơ, mà còn là một người viết tiểu thuyết cừ nữa. Xin dịch “*Chuyện người lương dân*” dưới đây. Bài này Cụ viết năm 1904, lúc còn ở Kinh, phần đông sĩ phu lúc ấy truyền tụng:

“Người ta đồn nhau rằng, ở tỉnh X, phủ X, làng X có một người tên là Điền Xá Ông. Trước ngõ vào nhà có treo một tấm bảng sơn son đỏ chói, trên có 4 chữ thép vàng to tướng và bóng nháng: “*sắc tứ Lương dân*”. Kẻ qua người lại, ai cũng trầm trồ khen ngợi. Có một người khách nghe tiếng đồn, tới xin ra mắt. Đến, thấy một ông già ra đón. Vào, thấy trong nhà bàn ghế, khay hộp đều là đồ xưa, trên tường treo mấy tấm tranh đã cũ rách. Hỏi ông chủ đâu thì té ra ông già ra đón mình chính là người chủ đó. Ngồi yên, sau mấy câu thù ứng rồi cùng nói chuyện, xem ra người chủ ăn nói lù khù, như là nói không ra câu. Khách hỏi:

- Ông thuở nay làm nghề gì?

- Tôi, thuở nhỏ học chữ nho, nhưng học có 10 năm mà không hiểu nghĩa được một chữ gì. (Biết chữ mà không hiểu nghĩa như lão này, thiếu gì!). Cha mẹ giận bắt về đi cày. Tánh lại ưa phong lưu, không muốn chơi với bọn tay lấm chân bùn kia, nên bỏ nghề nông sang làm nghề thương. Có bao nhiêu vốn làm gì lỗ nấy. Sau cũng tưởng nghề thợ dễ ăn, tôi học nghề thợ mộc. Nhưng nó cũng rủi làm sao! Hễ đẽo cây gỗ nào thì hư cây gỗ ấy, cứ bị bác thợ cả mắng chửi mãi. Vì thế nên nay vẫn không có nghề gì.

- Cha mẹ ông thế nào?

- Trước ở đây, nhưng bị nhà quyền hào giàu sụ kia bức hiếp nên dời đi nơi khác.

- Còn anh em?

- Anh em vẫn đông, song vì đói, người đi một nơi, kẻ đi một ngã.

- Vậy thì tấm bảng thép vàng treo trước ngõ đó, vì sao mà có?

- Năm trên xứ này có cái nạn mất mùa, đói, giặc cướp lung tung. Dân đói, làng xóm dây dưa nhau theo bọn đó đi giựt cướp của người. Tôi vẫn không bằng lòng đi theo, nhưng bị chúng hiếp bắt đi, bắt đắc dĩ cũng đi chung trong bọn ấy, nhưng không lấy tiền của ai hết. Sau việc yên, có người đem câu chuyện ấy tâu lên Triều đình, nên may được ban cái ân điển "*Lương dân*" này.

Nghe rõ đầu đuôi câu chuyện, người khách vừa có ý khinh bỉ, vừa tức đời, bèn nói lớn như giọng gắt rằng:

- Ông trong nghề tư dân, không được một nghề gì, trong gia đình cũng là người thừa, không còn giúp được việc gì, mà lại được tiếng đời khen, ân vua ban. Vậy sao không xuất gia tư ra giúp cho dân nghèo, khiến bọn vô lại trong làng xóm có nghề làm ăn, để trừ tiệt cái nguồn trộm cướp kia, như thế không những là lấy cái công việc đời già bỏ cái hư của lúc trẻ, mà cũng khiến cho người làng khỏi có lời nhạo báng này nọ?

Ông chủ ngẫm nghĩ hồi lâu, rồi trả lời một cách chậm rãi rằng:

- Nhà tôi con đông, đương cùng bà hấn lo cho chúng nó có mỗi đứa một ít tư bản cho kha khá mà tìm chưa ra cách. Tôi có phải người ngu dại, không tính đến việc con cái sau này đâu.

Khách đỏ giận, bước ra khỏi cửa đi thẳng một mạch. Lão lương dân kia, sau cũng không ai nhắc đến chuyện lão nữa".

(Huỳnh Thúc Kháng dịch)

Bình luận: Bài này bản ý tác giả vẽ ra một cái triều đại mà xã hội lộn xộn, nhân vật hèn hạ. "Cùng đi ăn cướp mà không lấy của người". Cái đó không phải là tánh đức đáng khen hay là đáng ban thưởng. Người ở trên đời cốt làm sao có công nghiệp giúp ích cho nhân quần xã hội kia. Ở một cái đời mà dư luận và quốc điển biểu dương cho một người "đi ăn cướp không lấy tiền" thì cái thời đại và xã hội ấy nội dung thế nào, không nói cũng rõ. Tuy vậy anh khách kia cũng khá tánh quá, nếu như anh ta thấy hạng người "quốc sự mang đũa" ngày nay thì hơi đâu mà mắng?

Mính Viên

(*Tiếng Dân*, số 621 – Ngày 6/9/1993)

NGƯỜI NAM NÊN HỌC CHỮ PHÁP

Tiểu dẫn: Trong số báo *Tiếng Dân* ra ngày 24-3-1936, đúng dịp kỷ niệm 10 năm cụ Tây Hồ qua đời, cụ Huỳnh Thúc Kháng trong bài viết mang tựa đề “*Cụ Tây Hồ với việc Tây học - Chuyện dật sử trong khoảng Đông học*”, trong đó có đoạn nhắc lại nguyên văn lời cụ Tây Hồ, như sau:

... “Sau khi đi gặp cụ Sào Nam (1906) về, Cụ nói:

Anh em chưa nên nghe việc ngoài (việc Đông du) vội, trước hết phải học tiếng người ngoài đã. Tôi sang Nhật Bản, đi đâu nhờ có cụ Sào Nam bập bẹ đôi tiếng, gặp người Nhật biết chữ Hán, còn mượn cây bút nói được đôi chuyện, không thì tôi ngồi đối diện với họ như là người câm. Nếu như họ pha nước trà trước mặt mình mà họ chửi hay mắng mình, mình cũng cầm chén uống ngay, mà lại cảm ơn họ nữa. Cái khổ không biết tiếng nói ra thế nào, anh em tưởng tượng cũng biết được”...

Cụ lại nói:

Lúc cụ Sào Nam và mấy người thiếu niên sang Nhật nói chuyện câu học, Khuyển Dưỡng Nghị hỏi:

- Các ông có biết tiếng Pháp không?

- Thưa chưa.

- Các ông ở chung với người Pháp đã nửa thế kỷ, nước Pháp là một nước văn minh có tiếng trên thế giới, sao lại không học chữ họ? Đó là một khuyết điểm lớn. Người Nhật chúng tôi học người Anh tới, chúng tôi học tiếng Anh, người Nga, người Pháp, người Đức đến, chúng tôi học tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Đức. Chúng tôi lại cho bọn thiếu niên trong nước sang tận xứ họ mà học nữa. Vì mình có biết tiếng họ, chữ họ, đọc được sách vở của họ, mới biết tình hình, chính thể, cùng công việc của họ mà bắt chước theo được.

hay của họ chứ. Ông đã lớn tuổi không học được, chớ lớp thiếu niên này sao lại không học tiếng Pháp?

Đại Ôi (Thủ tướng Nhật) nói tiếp:

- Việt Nam thuộc dưới quyền bảo hộ nước Pháp mấy mươi năm nay, mà chúng tôi gặp ông là một người Việt Nam đầu tiên mới tới nước tôi, đủ thấy dân tộc các ông ít đi ra ngoài. Đã không ra ngoài, ở trong nước lại không học tiếng Pháp, thì dầu ở bên cạnh mà đối mặt nhau như cách xa ngàn dặm. Các ông mắc phải bệnh “ngột”. Học tiếng Pháp, chữ Pháp, chính là phương thuốc chữa bệnh “ngột” đầu tiên của các ông vậy...”

(Theo *Tiếng Dân*, số 887, 24.3.1936)

MỘT ĐOẠN ĐỐI THOẠI VỚI CỔ ĐẠO M... Ở PHƯỚC KIỀU

Tiểu dẫn: Sau khi ở Nhật Bản về (1906), Phan Châu Trinh muốn nói chuyện với công sứ tỉnh và nhờ Cổ đạo M. ở Trà Kiệu làm “trung gian” liên lạc cho. Vị Cổ đạo này hẹn ngày giờ tới nhà thờ làng Phước Kiệu nói chuyện trước. Sau đây là nội dung cuộc đối thoại đó:

... “Ông Cổ hỏi tiên sinh việc đi Nhật Bản có không?

Tiên sinh nói:

- Việc ấy khó nói. Nói có thì người ta cũng không tin, nói không thì người ta lại nghi rằng có, chỉ tôi biết lấy tôi mà thôi, không phải nói nữa.

- Đi Nhật Bản thì đi đảng nào?

- Thế giới giao thông này, đảng nào lại không đi được. Vả, tôi nghĩ giáo sĩ như các ngài đều là người nước văn minh bên Tây, nay sang bên này, ôm một lòng bình đẳng bác ái, lo diu dắt nhân loại, dò xét thời cuộc, nghĩ việc tương lai, nên tôi muốn hầu chuyện, đừng tỏ tấm lòng uất ức một dòi chút, không ai ngờ ngài lại hỏi những câu, không khác chi hơn giọng quan trường An Nam như thế!

Ông Cổ biết tiên sinh có ý khích mình, trả lời một cách lạt lẽo rằng:

- Nhà tôn giáo chỉ quản bên phần hồn mà thôi.

- Tôi vẫn biết rồi, song xác đã không còn, hồn dựa vào đâu? Tôi xem dân nước Nam theo đạo Da Tô có ba phần trong mười, nhà thờ khắp nơi, dân giáo thành chợ, lại có mấy đức giáo sĩ văn minh làm cha làm thầy, chuông sớm trống chiều, không ngày nào không giảng dạy, thế mà xét nghĩ trong dân đó, thì phong tục hủ bại,

thực nghiệp sơ sài, sinh kế khốn đốn, không khác gì dân ngoài, thỉnh thoảng cũng có trường học, chẳng qua về phần ít, mà những kẻ ở trường ra, thì cũng làm công việc phiên dịch thường thường, chưa thấy có người nào mở mang nền học thức, làm ra công lợi cho công chúng, để làm tiêu biểu cho dân giáo, làm gương tốt cho người An Nam. Có lẽ dân An Nam không phải con chung của Chúa Trời, nên dầu có theo giáo, chỉ có sớm chiều đọc mấy câu kinh, đến ngày lễ tới trước nhà thờ quỳ nghe giảng mà thôi hay sao?

Ông Cố... biết tiên sinh có hoài bão khác người bèn nói rằng:

- Ông đã có lòng như thế, đã làm bức thư gửi cho Toàn quyền, Khâm sứ rồi, song có một điều này nên tôi không muốn tới: Quan Tây sang bên này, hàng ngày tiếp kiến chỉ có đám quan trường mà thôi, mà trong đám ấy thì nhiều kẻ ô mỵ không có nhân cách, vì thế nên người Tây có ý khinh người An Nam, cho sĩ dân cũng là một bọn như thế, ấy là một điều lắm, nên tôi không muốn tới, và tôi muốn nói là việc quan hệ đến lợi hại cả hai nước Pháp cùng Nam, chớ không phải việc riêng chi của tôi. Quan sứ có chịu đãi tôi một cách khác đãi quan trường thì tôi mới tới.

Ông Cố nói:

- Để tôi làm giới thiệu cho.

Ông Cố mới viết thư cho Công sứ tỏ ý tiên sinh yêu cầu như thế. Công sứ bằng lòng, định ngày tới nói chuyện, hơn mấy giờ đồng hồ. Từ đó quan Nam không lấy ông Sứ mà nhát nữa”.

(Theo Huỳnh Thúc Kháng:

Phan Tây Hồ tiên sinh lịch sử.

Bản in kèm trong cuốn *Giai nhân kỳ ngộ*

(do Lê Văn Siêu bình giải và chú thích).

Nhà xuất bản Hướng Dương – Sài Gòn, 1958, tr.LXX – LXXI).

THƯ GỬI TOÀN QUYỀN ĐÔNG DƯƠNG^(*)

Ngày 1 tháng 10 năm 1906

Phan Châu Trinh thụ trước tác⁽¹⁾ hậu bổ, tỏ bày cái tình trạng ở nước Việt Nam:

Trộm xét từ khi Pháp sang bảo hộ nước Nam đến nay, những việc bắc cầu đắp đê sửa sang đường sá, xe lửa, tàu thủy chạy khắp mọi nơi, cùng là lập ra sở Bưu chính để thông báo tin tức, đều có lợi ích cho nước Nam, người ta ai cũng thấy cả. Nhưng có nhiều việc không thể nhìn đi mà không nói, là các mối tệ hại ở trong quan trường, các sự rất khổ ở chốn dân gian, những sự hư hỏng về nền phong hóa, cùng là những cái có quan hệ đến số mệnh nước Nam, thì Chính phủ đều gác để một bên, mặc kệ cho hư nát mà không thêm hỏi đến. Trong khoảng vài mươi năm nay, các bậc đại thần ăn đấm nằm đìa ở chốn triều đình, chỉ biết chiếu lệ cho xong việc; quan lại ở các tỉnh, thì chỉ lo cho vững thân thế mà hà hiếp bóp nặn ở chốn hương thôn, đám sĩ phu thì ganh đua nhau vào con đường luân cúi hót nịnh, không biết liêm sỉ là gì! Bọn cùng dân bị nặn bóp mãi mà máu mủ một ngày một khô, không còn đường sinh kế nữa. Đến bây giờ thì sự thế hư hỏng, nhân dân lia

^(*) Bài này vốn có tựa đề là **ĐẤU PHÁP CHÍNH PHỦ THU**, nhằm vạch rõ sự áp bức bóc lột của bọn thực dân Pháp và bọn quan lại Nam triều, nhưng mặt khác tác giả cũng bộc lộ tư tưởng bi quan, qua đây ta thấy được mặt tích cực và mặt hạn chế của tác phẩm.

⁽¹⁾ *Trước tác*: một bậc trong ngạch quan; lại triều đình Huế hồi đó. Phần nhiều các người đậu đại khoa được bắt đầu bổ dụng thường được xếp vào hàm này. (Tất cả các chú thích của bức thư này đều theo Đặng Thai Mai trong *Văn thơ cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX* – Nhà xuất bản Văn hóa – Hà Nội, 1961).

tan, phong tục suy đồi, lễ nghĩa bại hoại, một khu đất hơn 4.000.000 thước vuông⁽¹⁾, một dân tộc hơn 20.000.000 người lại sắp sửa ở cái địa vị bán khai mà quay về cái địa vị dã man. Những người có tri thức thấy cái thảm trạng như thế, lo đến nỗi giống tiêu diệt, cũng muốn rung chuông gõ mõ đánh thức nhau dậy, để lo phương cứu vớt lấy nhau, nhưng mà kẻ mạnh bạo thì trốn tránh ra ngoài nước, chỉ kêu gào than khóc mà không dám về; kẻ nhút nhát thì chịu vui dầu ở chỗ hương thôn, đành giả dui giả diếc mà không dám bàn nói đến. Chưa từng có người nào dám đến trước cửa quan Bảo hộ phơi gan gió máu⁽²⁾, kể rõ cái thủ đoạn tàn ngược của quan trường, cùng là cái tình trạng thảm khổ của cùng dân, khiến cho cái tội ác của quan lại, và cái khổ cảnh của quốc dân trong mấy mươi năm nay, lọt vào trong tai các quan Bảo hộ. Đến nỗi nước Nam bây giờ gần thành như một người ốm nặng gần chết, khó có thuốc mà cứu chữa được nữa, đó thật là tội tại sĩ phu nước Nam mà gây nên tội ấy thì cũng bởi hiểu lầm rằng Chính phủ Bảo hộ dùng chính sách ngược đãi người Nam làm cái chính sách hay nhất, tốt nhất.

Tôi cáo quan đã mấy năm nay, đi khắp trong Nam ngoài Bắc, tình trạng nhân dân khốn khổ, quan lại tham tàn, đều được mắt thấy tai nghe, và dư luận ở dân gian về cái cách Chính phủ đối đãi người Nam và người Nam đối đãi Chính phủ, cũng đều đến tai nghe mà ghi vào dạ cả. Tôi không dám nhút nhát, xin cứ thực bày tỏ ra sau này, các quan Bảo hộ nghe thấy, chắc cũng xót ruột đau lòng, cho làm phải mà không nỡ cự tuyệt.

Hiện nay người Nam trừ những người ở trong quan trường không kể, còn ra thì không luận người khôn người ngu, trăm miệng một lời, đều nói rằng Chính phủ ngược đãi người Việt Nam, rằng Chính phủ không lấy loài người đãi người Việt Nam⁽³⁾. Thấy quan lại nước Nam không sẵn sóc tới việc dân mà tàn ngược với dân thì lại đều nói rằng đó là Chính phủ cố ý dụng túng khiến cho cán xuôi lẫn nhau cho nỗi giống mòn mỏi, đó tức là cái kế thực dân của Chính phủ. Trong mấy năm nay, suốt cả trong Nam ngoài Bắc, khắp thành thị cho đến

⁽¹⁾ Con số này không chính xác, có lẽ là 400.000 dặm vuông.

⁽²⁾ *Phơi gan gió máu*: Nói hết những điều trong lòng.

⁽³⁾ Đúng nghĩa là: Không xem người Việt Nam như là giống người.

hương thôn, ý tưởng của nhân dân đều như thế cả. Lại xét biết trí mình không đủ sống được, sức mình không chống lại được, thì lại nghiền cổ giường mắt trông mong các nước mạnh ở đâu đâu họa may họ đến cứu mình chẳng. Chao ôi! một dân tộc đến 20 triệu người, kẻ có học thức cũng đến vài mươi vạn, mà tối tăm mù mịt, mềm yếu ương hèn, không đủ sức bênh vực được nhau, để liệu cách sinh tồn, lại ù ù cạc cạc, không biết rằng mình ở vào thế giới cường quyền thịnh hành, “hơn được kém thua” này, mà còn có cái mơ tưởng hảo huyền như thế, dân trí thực cũng đáng thương vậy! Nhưng đã bao nhiêu năm nay người Nam ở dưới bóng cờ nước Bảo hộ, mà đến bây giờ nòi giống ngày một yếu hèn, không còn có kế gì cứu vớt lấy nhau, đến nổi nóng nảy điên khùng theo cái kế sách đề mật, chỉ trông mong vào nước khác, thế thì vì ai mà nên nổi thế? . Tưởng các quan Bảo hộ cũng nên suy xét kỹ càng vậy.

*

* *

Cái nguyên nhân sinh ra cái tệ ấy có ba điều:

Một là tại chính phủ Bảo hộ dung túng quan lại Việt Nam thành ra cái tệ “cô tức”⁽¹⁾. Xưa nay chính phủ Bảo hộ đối với nước ở dưới quyền thống trị của mình, thường thường chỉ đặt một vài vị quan to cùng với chính phủ bản xứ cầm cái đại cương về việc chính trị, còn các quan lại ở các địa phương, thì tuy có đặt quan Bảo hộ, nhưng cũng phải dùng người bản xứ để coi việc và trị dân. Việc làm giỏi hay không, dân yên hay không, thì cốt nhờ về cái tài năng của dân bản xứ thế nào. Nước Nam độ bốn mươi năm nay, vận nước một ngày một suy, suốt từ trên đến dưới, chỉ biết chuyện lười biếng vui chơi. Pháp luật, chế độ không còn có ra cái gì ra trò, nhân tài cũng tiêu diệt di mất cả. Người trên thì làm lâu được thăng trật, chẳng qua như sống lâu lên lão làng, người dưới thì đem của mua quan, thật là tiền bạc phá lệ luật. Người này làm người kia bắt chước, lâu rồi thành ra thói quen. Những người đồ đạc muốn cầu bổ bán thì hót nịnh luồn cúi ở các nhà quyền quý;

⁽¹⁾ *Cô tức* :Dè dặt, rụt rè không dám hay không muốn đối phó quyết liệt với tình thế.

những người ở nhà thì ỷ thần, cậy thế, hà hiếp bóp nặn ở trong làng, ngoài việc trai gái, ăn uống thì không còn biết việc gì. Những người làm ăn phát đạt, lắm bạc, nhiều tiền thì chỉ tìm cách ăn chơi cho sung sướng. Suốt cả thành thị cho đến hương thôn, đứa gian giảo thì như ma, như quỷ, lừa gạt, bóc lột, cái gì mà chẳng dám làm; đứa hèn yếu thì như lợn, như bò, giẫm cổ, đè đầu, cũng không dám ho he một tiếng. Cả mấy mươi triệu người, như một đàn ruồi lủ kiến, không còn có chút nhân cách nào, đó là thảm trạng trước mắt, ai cũng trông thấy, không phải tôi dám nói quá lời, để vu cho người cả một nước dẫu.

Này cứ xem cái nhân cách của người Nam tồi tệ như thế, không kể là quan là dân, hay là hạng người nào, thì tất phải lập ra hình phạt, phòng giữ cho nghiêm, dùng pháp luật mà ràng buộc, rồi sau mới dắt dìu nhau lên con đường tiến hóa, thì cuộc trị an mới mong duy trì được lâu. Chính phủ Bảo hộ nước Nam đã lâu, không phải là không biết rõ như thế, lại hiểu rằng: tục nước Nam không thể đổi ngay được, người nước Nam không thể dùng làm gì được, chỉ phải cầm lấy quyền lớn trong nước mà cứ để chính phủ Nam triều, cứ dùng quan lại nước Nam, để lấy người sai khiến, làm việc sưu thuế. Còn việc nước Nam, dân nước Nam thì không cần hỏi đến: trong ý cũng nói ta dùng người Việt Nam để trị nước Việt Nam mà thôi. Cũng có đôi khi thay đổi một vài ông đại thần, hoặc là thăng giáng một vài viên quan lại, cái người bị đuổi đi đã đành không làm được việc, mà cái người thay chân ấy cũng có phải là người làm được việc dẫu, cái người bị cách vẫn là gian tham, mà cái người được bổ cũng không phải là người liêm khiết! Phương chi hôm nay bị giáng, bị cách, ngày mai lại được thăng, được thưởng; ở nơi này “can khoản”⁽¹⁾ thì lại đổi đi nơi kia, thì tuy có phạm tội tham, mang tiếng xấu, cũng có hại gì dẫu! Quan lại nước Nam thấy chính phủ có ý dung túng như thế, cho là việc thường, lâu rồi quen đi, đứa can dõ lại càng can dõ, chỉ lo đem tiền đi mua quan, đứa biếng lười lại càng biếng lười, chỉ biết khóa miệng cho yên việc. áo mũ thùng thình, ngựa xe rộn rịp, hỏi quan chức thì ông này là đại thần trong triều, ông kia là đại lại các tỉnh,

⁽¹⁾ *Can khoản* :cách nói tắt nơi quan trường, có nghĩa là: can cứu về một khoản hình sự nào đó.

chỉ biết có một việc là ngày đi hội thương⁽¹⁾ hay ra công đường xử kiện, còn hỏi đến việc lợi bệnh⁽²⁾ trong nước, hay là trong một tỉnh, thì mơ màng chẳng hiểu một chút gì; ông này là quan phủ ở phủ này, ông kia là quan huyện ở huyện kia; chỉ biết việc bắt phu thu thuế cùng là đi đón đi tiễn các quý quan, còn hỏi đến việc nên làm, nên bỏ ở trong phủ, trong huyện, cũng mơ màng mà chẳng hiểu chút nào cả. Còn đến việc đút lót người trên, sách nhiễu kẻ dưới, thì không cứ là quan to, quan nhỏ, đều công nhiên cho là cái quyền lợi của người làm quan đáng được, dẫu có ai bàn nói đến cũng không kể vào đâu.

Than ôi! Nước Nam nhân cách tuy rằng tồi tệ, dân trí tuy rằng lú lẫm⁽³⁾, nhưng nếu vài trăm năm nay cứ đổi bại mãi như thế, thì nòi giống tất phải tan nát những bao giờ rồi, có thể nào độc lập được hơn nghìn năm, nghiêm nhiên là một nước lớn ở phương Nam, số người vẫn cứ sinh sôi nảy nở ngày thêm nhiều ra, đến bây giờ thành ra một dân tộc lớn trên thế giới. Thuộc địa của Pháp, khắp cả năm châu, phỏng khiến cách cai trị thuộc địa nơi nào cũng như thế cả, thì còn ai vui lòng yêu mến nữa?

Than ôi! Pháp luật của nước Nam tuy rằng không công bằng, nhưng mà thuộc về cái mặt ngăn cấm quan lại thì thật nên dùng để trị quan lại đời này. Bây giờ chính phủ lại chỉ dùng cái hình luật rất thảm khốc ác độc để trói buộc bọn dân ngu, mà đối với quan lại thì pháp luật rất là sơ sài, đến nỗi như dê nước võ chân, tung toé ra mà không thể nào ngăn cản được nữa, thế thì lỗi tại chính phủ dung túng quan lại mà thành ra cái tệ ấy đó.

Hai là chính phủ khinh rẻ dân Việt Nam thành ra cái tệ xa cách. Người Pháp ở nước Nam đã lâu, thấy người Nam quan lại thì gian tham, kẻ sĩ dân thì ngu xuẩn, phong tục thì đồi bại, ghét rằng người Nam không có phong cách quốc dân, cho nên phàm những bài đăng trên các tờ báo, cho đến những khi bàn bạc chuyện trò đều tỏ ý ghét người Nam, khinh người Nam, cho là người Mọi, ví với lợn bò, không muốn dũa dất lên cho ngang với

(1) *Hội thương*: họp mặt với các quan Tây để thương nghị công việc (thật ra là để nghe mệnh lệnh và huấn thị).

(2) *Lợi bệnh*: lợi hại.

(3) *Lú lẫm*: quên tất cả, năng khiêu như bị che lấp.

mình, mà lại sợ đến gần mình làm cho nhóp bảnh nữa. Vài mươi năm nay không cứ hạng người nào, không cứ có tội hay không có tội, nếu xúc phạm⁽¹⁾ quan Tây, thì đều bị kỳ nhục⁽²⁾. Những người nghèo đi làm thuê, những dân phu đi làm việc quan, bị người Tây đánh đau hay là đập chết, cũng thường thấy luôn. Những việc ấy đồn thổi đi khắp trong Nam ngoài Bắc, ai nghe cũng phải kinh hãi tức giận, cho là người Tây đãi mình như chim muông, coi mình như gỗ đá, nhưng chỉ căm tức mà không dám nói ra. Những người nhà quê ngu khờ, sợ uy khiếp thế, xem người Tây như sấm như sét, chỉ lo tránh cho xa; những kẻ sĩ phu hơi có liêm sỉ, thì đều sợ cái đường làm quan mà không dám mon men đến. Chỉ có những người ham lợi lộc hay là cấp bách⁽³⁾ về việc ấm no trong nhà, cực chẳng đã phải dấn đầu vào trường nô lệ. Khi đêm hôm thanh vắng một mình, nghĩ đến những cách người Tây khinh rẻ đãi mình, cũng biết tức giận, biết xấu xa, mà mình lại phân vân với mình, chỉ vì mình ở trong vòng, không làm thế nào được, cũng phải im hơi lặng tiếng cho xong việc đi, chứ có phải bọn ấy toàn là đồ vô sỉ, vui thích những sự ô nhục thế đâu. Hiện bây giờ, quan lại nước Nam, không cứ quan lớn quan nhỏ, khi tiếp kiến quan Tây, đều là run sợ rụt rè, chỉ sợ thừa thốt sai lầm làm cho quan Tây nổi giận. Ở các chốn hương thôn, những kẻ thân sĩ, khi đó ở ngoài đường ngẫu nhiên gặp người Tây, không cứ là Tây quan, Tây lính hay là Tây buôn, thì phải cúi đầu cụp tai rảo bước mà đi cho mau, chỉ sợ tránh không xa mà bị nhục.

Nay hai nước ở cùng một xứ, mà tình ý xa cách nhau như thế, cho nên những người cầu làm quan thì ngày càng đến chục trước cửa các quan Bảo hộ, mà những người có kiến thức ở trong nước thì không ai dám đến trước sân, những người kiện cáo thì đôi khi được thấy mặt quan công sứ, mà cái tiếng sầu khổ ở chốn nhân gian thì không bao giờ được lọt vào tai quan công sứ.

Than ôi! Lấy cái tội gian tham vô sỉ mà buộc cho người Việt Nam thì thật không chối cãi được. Nhưng mà cả một dân tộc đến hai mươi triệu người há lại không có một vài người có thể bàn nói

⁽¹⁾ *Xúc phạm*: xúc phạm.

⁽²⁾ *Bị kỳ nhục*: bị xúc phạm nhục nhã.

⁽³⁾ *Cấp bách* ...: bị thúc bách ngặt nghèo.

đến việc lợi bệnh có ích lợi cho nhà nước, mà chính phủ Bảo hộ nhất thiết khinh rẻ đi, tôi sợ rằng ở với nhau càng lâu lại càng xa nhau, khó lòng mà mong được hai bên tình ý đều thông với nhau được. Mới đây *Đại Việt tân báo* có nói rằng số người Việt Nam ở Nhật Bản hiện nay có chừng hai mươi người. Trong số chừng hai mươi người ấy há lại không có một vài người hơi biết cái hiện trạng cùng khốn của nước Việt Nam bây giờ ư? Và từ chỗ những người ấy mà đi đến dinh quan Bảo hộ tỉnh mình, xa thì độ một ngày, gần thì độ vài ba giờ, thế mà dân nước Nam xưa kia chưa từng bước chân ra khỏi cửa, nay thì chịu bỏ mồ mả, lia vợ con, vượt bể ra khơi, mày mò đến một nước mấy nghìn năm nay không biết bao giờ, kêu gào khóc lóc, để thổ lộ cái khí uất ức bất bình, chứ quyết không chịu đến cửa quan Bảo hộ mà bày tỏ những sự đau đớn ở trong lòng, thế là tại chính phủ Bảo hộ khinh rẻ người Việt Nam, thành ra cái tệ xa cách mà sinh ra thế.

Ba là tại các quan lại Việt Nam nhận ra cái tệ xa cách ấy mà thành ra cái tệ hà hiếp dân, chính phủ Bảo hộ vì người Việt Nam tình ý không thông, mà quan lại làm càn làm bậy trên kia đã kể qua rồi. Nhưng phỏng khiến không có người đứng giữa ngăn cản hai bên, ngộ có một ngày kia các quan Bảo hộ vì ở lâu mà hiểu rõ được tình ý người Việt Nam, hoặc là người trong nước không chịu nổi, mà phải bày tỏ cái mối tệ của quan lại ra, người Pháp người Nam thông hiểu được nhau, thì quan lại còn thò ngón gian vào đâu được nữa. Quan lại có muốn như thế đâu, tất phải tìm cách để xa lìa ra. Họ biết rằng sưu thuế thu nạp cho thanh thỏa là điều chính phủ thích, gàn trở việc quan, hay là hợp đảng mưu toan bạo động, là điều chính phủ ghét. Các điều chính phủ thích thì họ hết lòng hết sức làm cho được việc. Tuy lột da dân, hút máu dân, chẻ xương dân cũng không cần. Các quan tỉnh, quan phủ, quan huyện, ý quyền thế để dọa nạt dân ngu và dè nén sĩ phu, lại sợ sĩ dân hoặc có tức giận mà chống lại chẳng họ lại nhân điều chính phủ ghét mà vu oan, hoặc là nói rằng họ tập thân sĩ sợ có ý thức gì khác chẳng... Máy câu mơ hồ, không có những cố gì cả. Chính phủ không hiểu cái mưu gian của họ, lại cứ tin họ, vì thế mà có người phải lụy đến thân gia, mắc vào tù tội.

Cũng có khi chính phủ biết là bọn quan lại nói dối, nhưng lại

cho là họ làm được việc quan, rồi cũng làm thịnh mà không trị tội. Bởi thế dân tình càng cách, sĩ khí càng suy, quan quyền càng thịnh. Các quan phủ huyện chen thẳng dân nào béo thì ăn, từ việc kiện cáo, việc trộm cướp, việc án mạng, cho đến các việc vặt khác, việc gì cũng bóp nặn lấy tiền; còn như là chính phủ sức hỏi trong hạt mình có bao nhiêu trường học, dân lính giống tằm về nuôi, cùng là nhà làm ruộng mang thóc đi đấu xảo, số đình, số điền bao nhiêu, cùng là quan Tây đi khám, thầy thuốc đi trồng đậu, và những việc vận tải đo đạc. Chính phủ thì cho là việc thường, không có gì nhiều dân cho lắm, mà quan lại thì cứ nói rằng đó là việc giao thiệp, rồi sai trát đi bắt dân, làm ồn ào cả lên, nào là đưa, là đón, là khai, là báo, nào là tiền phạt, tiền bút giấy, quan đã quơ quyết được một số tiền to rồi. Phàm những việc sâu khổ ở dân gian, tức là những mối lợi to của quan lại. Không cứ việc lớn việc nhỏ, việc hoãn việc cấp, hễ nắm được một mảnh giấy của quan Bảo hộ thì họ quý như hòn ngọc, coi như cái bùa hộ thân, vì nhờ đó mà thu được nặng túi!

Thậm chí các nha dịch và các tổng lý thấy béo bở quá cũng thêm mà tìm cách chấm mút đôi tý, đua nhau đem tiền bạc ra tỉnh lo chạy, cầu được một chút gì nho nhỏ, nhai cái bã giả cũng đủ no béo rồi. Nghiệm thế thì tình trạng khốn nạn của dân cũng đáng thương thật, chỉ vì sợ uy khiếp thế mà không dám ho he⁽¹⁾. Trong đám thân sĩ cũng nhiều người biết, vì mình ở ngoài vòng, sợ mang lấy hiềm nghi nên không dám nói đến. Các quan to cũng biết như thế cả, nhưng vì ăn của dút, rồi cũng giả điếc giả dui, còn các quan Bảo hộ thì vì ý tình không thông, không tài nào hiểu thấu được. Đến bây giờ dân cùng của hết, người giàu, người nghèo, đều khốn khổ cả; người nào cũng oán thán, trộm cướp nổi lung tung, sự thế thật là nguy cấp. Thân sĩ trong nước, người thì xuống ra học chữ Tây, người thì xin bỏ khoa cử, người thì góp vốn mở cửa hiệu buôn, ý cũng muốn cứu vớt lấy vài phần trong trăm phần; quan lại ghét rằng làm thế là có ý muốn chống chọi với mình thì lại bảo là điên cuồng, cho là âm mưu, những lời vu oan giá họa, chắc là ngày nào cũng nói đến tai các quan Bảo hộ.

⁽¹⁾ *Không dám ho he*: im hơi lặng tiếng, không dám nói cái gì, làm cái gì tỏ ra mình có ý kiến.

Than ôi! Nước Nam không kể là nước dã man hay nước bán khai, nhưng mấy nghìn năm nay theo học chữ Nho, sách vở hầy còn đó, nếu lấy yêu dân là công, hại dân là tội, bọn quan lại đều là người có đọc sách, có biết chữ, mà dám lấy quan trường làm nơi bán hàng, coi nhân dân như cá thịt, bảo những lời thương dân là diên rồ, cho những việc hưng lợi là phản nghịch, làm cho đen trắng mập mờ, phải trái lẫn lộn, làm bậy làm bạ, nói càn nói dỡ, không còn chút kiêng dè sợ hãi gì, thế là bởi quan lại nhân cái tệ xa cách mà gây nên.

Ba cái tệ mới kể ở trên, đó là mới nói qua đấy thôi, còn đến các thói nịnh hót, các cách tham bạo của quan lại, cho các nhà kỹ xảo Thái tây nghĩ mấy năm cũng không hiểu được; cái tình trạng đói rét sâu khổ của dân ngu, các nhà hội họa Thái tây vẽ mấy mươi bức cũng không đúng được.

Nhưng đó chỉ là tại Chính phủ Bảo hộ dung túng quan lại, khinh rẻ sĩ dân, đến nỗi quan lại thừa cơ mà làm hại dân, còn đến cái chính sách kinh lý nước Nam của Chính phủ thì còn nhiều điều nên bàn nói nữa. Nghề làm ăn thì không dạy bảo, lối lợi thì không mở mang, chỉ biết sưu thuế thì tăng cho nhiều, bây giờ cùng khốn đến thế này, tại quan lại làm hại dân, mười phần độ năm sáu, mà vì sưu thuế nặng nề thì mười phần đến ba bốn. Nước Việt Nam mấy nghìn năm nay chỉ trông vào nghề làm ruộng, việc chăn nuôi cùng dâu tằm cũng chưa thành nghề riêng, còn nghề công, nghề thương thì đành thua kém nhiều, không phải bàn đến nữa. Xưa kia suốt các hạng người trong nước, toàn là lười biếng cẩu thả, gặp sao hay vậy, triều đình thì không lo tính đến việc mở mang thực nghiệp, ở chốn hương thôn thì phần nhiều là quân du thủ du thực, nguồn lợi không thông, mỗi lợi lấp hết, vì thế cho nên các ngạch thuế đều thu nhẹ cả. Gặp năm đói kém, thì hoặc phát tiền hoặc cho vay gạo, dân ngu không có nghề nghiệp, chỉ hong hóng ngồi đợi người nuôi. Đến bây giờ khắp trong nước biết bao nhiêu đất bỏ hoang và dân vô nghề, chính trị thì đổ nát, nhân dân thì ngu lười, đã trải bao nhiêu năm như thế rồi. Từ ngày thuộc quyền Bảo hộ của nước Pháp, nào là bắc cầu sửa đường, xây đồn lập ải cho đến lương bổng của quan lại cũng tăng lên, chi tiêu tốn kém kể hàng mấy trăm vạn, mà số tiền thu vào trừ các ngạch thuế

Thương chính ra thì chỉ trông vào thuế đinh, thuế điền, cũng là sự thế phải đến thế. Nhưng nếu được vài bậc đại thần có trí thức, có lòng nhân ái, và vài trăm viên quan lại có đức thanh liêm, có tài miễn cán, mà chính phủ tín dụng⁽¹⁾ cho, để cùng nhau tính toán những việc dấy lợi trừ hại, mở tài nguyên cho nước, thêm đường sinh lý cho dân, rồi sau hãy lần lấy thuế thì trên đã có lợi cho nước, mà dưới cũng không có hại gì đến dân, cũng không phải là không có cách gì làm được. Nhưng nay không làm thế, lại lấy cớ rằng quan lại không có tài cán gì, nhân dân lại hay lừa dối, không cần hỏi đến ruộng rộng hay hẹp, tốt hay xấu, dinh nhiều hay ít, giàu hay nghèo, cứ nhất luật mà lấy thuế, năm nay thêm một phần, sang năm thêm một phần, năm nay gia một khoản, sang năm gia một khoản. Chính phủ đã lấy thế mà tiêu dùng cho đủ, cố hết sức mà làm; quan lại lại lấy thế để làm đường mua quan, răn mớ dân cho đủ ngạch. Cứ theo việc trước mắt thì cách làm như thế không phải là không dễ mà lại là lấy được nhiều tiền, nhưng chỉ sợ rằng tát hết nước mà bắt cá, thì sau không thể có được mãi. Về khoa tài chính, thì người Pháp rất là tinh tường, thử xem số hoa lợi của đất cát trong một tỉnh một năm được bao nhiêu, một người ăn mặc một năm hết bao nhiêu, chi tiêu vật vãnh một năm hết bao nhiêu, tiền đóng sưu nộp thuế một năm hết bao nhiêu, so tính cho kỹ thì nhân dân tiêu dùng thừa thãi hay là túng thiếu, thật là rõ ràng, không còn phải bàn nói nữa; huống chi quan lại lại sách nhiễu, sưu dịch lại nặng nề, và gặp năm thiên tai, tiền của vật sản lại còn hao hụt không biết là bao nhiêu; lại còn chưa kể đến những quân lười biếng ăn bám và những quân trộm cướp bóc lột nữa. Thế mà muốn cho nhân dân không khốn đốn mà chết dần chết mòn đi, thì có thể nào được không? Lại còn đến cái tệ sưu dịch thật cũng không thể nói xiết được, mỗi tên đinh một năm đóng thuế thân rồi phải bốn ngày công ích và mười ngày công sưu, còn như đi làm thứ tạp dịch khác đều có tiền thuê, cứ như thế thì giống như dân cũng

⁽¹⁾ Cũng trong thời gian này, Phan Bội Châu đã có ý kiến về vấn đề “tín dụng” của bọn thực dân đối với người Việt Nam:

Cứ trong bụng nó mà dò,

Bảo rằng tín dụng thực to cái nhâm!

(*Hải ngoại huyết thư* - Phần đầu -- Lê Đại dịch).

không đến nỗi khốn khổ gì cho lắm. Nhưng mà ở chốn hương thôn thật là phiền nhiễu, người nọ đi người kia về, nổi gót nhau trên đường không có ngày nào được yên cả. Quan lại lại nhân thế mà quấy nhiễu, tha tên này, bắt tên kia, tùy ý mình muốn thế nào thì làm thế, lúc đầu thì quan đem tiền thuê dân, sau thì dân đem tiền thuê quan; dứa cùng dân vì thế mà hết sản nghiệp. mà mất nghề làm ăn cũng thật nhiễu. Còn những tiền cố công, tiền hòa mãi của Nhà nước phát cho, thì nha lại ăn béo ăn xén, dân nghèo quanh năm vận tải ở trên đường, khốn khổ khó nhọc, mà tiền công mười đồng chỉ lĩnh được hai ba đồng mà thôi, như thế mà muốn cho bọn cùng dân không lìa tan trôi dạt, có thể nào được không?

Nhân dân nước Nam bây giờ ngu xuẩn như trâu, như ngựa, tha hồ cho người ràng trói, cho người đánh đập, có miệng mà không dám kêu, gần chết mà không dám than thở, lại thêm lấy uy thế của Bảo hộ và quan lại nước Nam tàn nhẫn, cứ dùng roi vọt mà đánh cho đau, thì muốn gì mà chẳng được! Tôi trộm sợ rằng người giàu thì nghèo đi, người nghèo càng thêm khốn, người hèn yếu nhút nhát thì phải đi ăn mày ăn xin, quân gian dối mạnh bạo thì thành ra ăn trộm ăn cướp, trong dăm bảy năm nữa, chốn hương thôn tiêu điều, nhân dân mòn mỏi, không vì đói rét mà chết, thì cũng vì lìa tan mà chết, không chết ở đường sá, thì cũng chết về quan lại hà hiếp: đến lúc ruộng không có người cày, việc không có người làm, thuế má không có người nộp, tuy có lột da dẽ xương, làm đến đâu thì cũng lại theo dõi dân giống đở ở Mỹ châu mà thôi, chứ có ích lợi được việc gì đâu!

Than ôi! Nã Pha Luân hoàng đế là ông sứ giả trời sai xuống rắc cái hoa tự do⁽¹⁾, người Âu châu đến bây giờ vẫn khen ngợi; lại đến câu "yêu giặc như bạn", dân bà trẻ con nước Pháp vẫn còn nhắc đến luôn. Nay một nước cũ mấy nghìn năm ở cõi Á Đông, mới thuộc về ngọn cờ ba sắc, mà đã đến khốn khổ, ức uất không tự lập được các quan Bảo hộ chắc cũng đau lòng xót ruột, ngày đêm lo lắng, tìm phương cứu vớt cho; lẽ nào để như thế mãi mãi, làm hại đến danh dự của nước Pháp, khiến cho kẻ khác mượn cớ thế mà

⁽¹⁾ Ý nghĩ này cũng là một nhận định đã được lưu hành trong một thời gian ở ta. Quả là hồi đó các nhà nho tiến bộ nước ta chưa nhận rõ phần công lao của nhân dân Pháp trong cuộc cách mạng.

thêm tiếng chê bai? Ở nước Nam bây giờ, quan lại tham tàn, sưu thuế nặng nề, nhân dân sâu khổ, thật đã quá lắm rồi, mà các quan Bảo hộ vẫn hình như chưa biết, thế chẳng chậm lắm rồi ư?

Mới đây trong Nam ngoài Bắc, nhân dân đồn thổi đều nói rằng cái chính sách cai trị nước Nam nay Chính phủ muốn đổi phương châm, làm cho người Tây người Nam cùng lòng hợp sức với nhau, đó thực là cái kế vũng yên lâu dài vậy. Nhưng tôi thường đọc những bài diễn thuyết của quan toàn quyền đăng ở các tờ báo, một thì nói rằng khoản đãi người Nam, việc cải hình luật, mở trường học, và các việc khác, cũng có nói đến nhiều, mà đến việc quan lại và việc sưu dịch, thì thật không nói động đến; ông chủ bút báo nọ ở Hải Phòng là người Pháp, bàn việc Đông Dương, dài đến mấy vạn lời, cái tệ sưu thuế, nói cũng đã hết, mà cái việc quan lại nước Nam thì lại nói rằng “không theo cái phép cũ nước Nam, thì không trị được dân Nam”. Ý kiến sai lầm như thế, thật lạ lùng thay! Nay Chính phủ Bảo hộ dùng quan lại để áp chế dân nước Nam cũng đã lâu rồi, đến bây giờ muốn dấy lợi mà không trừ hại trước, mưu yên dân mà không chọn quan trước, thì lợi dấy sao được, dân yên sao được?

Bây giờ dân nước Nam đã sắp chết đến sau lưng, mà quan lại thì trừ việc truyền lệnh thu thuế, không còn biết việc gì nữa, họ không làm qua loa cho xong chuyện, thì họ lại nhân dịp để kiếm tiền, đã không có công hiệu gì mà lại thêm nhiều dân nữa. Vẽ màu xanh sắc đỏ vào bức tường đất bùn, bày vật lạ miếng ngon trên cái bàn bụi bặm, chỉ mất công mà được ích gì đâu! Thế mà cứ nói khoản đãi người Nam, khai hóa người Nam, có khác gì sợ con trẻ vòi khóc, mà đem bánh ngọt quả chín ra dỗ, lo dân đói làm trộm cướp mà chớ mở vàng mở bạc ra chỉ làm cho nó nghỉ ngại mà chết thêm mà thôi, về cái chính sách kinh lý Việt Nam có thấy ích lợi được chút gì đâu.

Tôi xét kỹ chính sách của Chính phủ Bảo hộ hình như ngờ sĩ dân nước Nam thăm mưu chống cự, muốn nhờ quan lại để dò xét, dùng hình phạt để hiếp chế, làm như thế chỉ nén mất sĩ khí của sĩ phu, mà thêm cái gian cho quan lại, về sự thực không đúng gì cả. Nay, yêu tự do, mưu độc lập, lấy sự làm nô lệ người là xấu hổ, ngờ cho dân tộc bên Âu châu có lòng như thế là phải rồi, chứ ngờ cho sĩ

dân nước Nam như thế thì không khác gì ngờ người phải bệnh bại trèo tường ăn cướp, ngờ cho đứa bé ba tuổi đốt nhà giết người. Nước Nam đã lâu nay học thuyết sai lầm, phong tục hư hỏng, không có liêm sỉ, không có kiến thức, trong một làng một ấp cũng xâu xé lẫn nhau, cùng nòi cùng giống, vẫn coi nhau như thù hằn; cho dầu ai có muốn lo toan việc lớn, chưa kể rằng không có chỗ mà nương thân, không có khí giới mà dùng, không có tiền của mà tiêu, giả phỏng Chính phủ cho mượn dăm nghìn khẩu súng, cấp đất vài tỉnh cho ở, không thêm hỏi đến, tha hồ muốn gì thì làm, chỉ độ dăm năm, thật là báo thù lẫn nhau, đến chết hết mới thôi, quyết không thể sống nổi trong cái thế giới này, lại còn chống cự ai được nữa?⁽¹⁾

Sĩ dân nước Nam, không làm gì nổi, đã đành là không phải lo, song bảo rằng cùng với chính phủ Bảo hộ một lòng một chí, không ngờ vực nhau, sống chết có nhau, thì cũng chưa hẳn đã có như thế. Vài mươi năm nay, quan lại tàn ngược ngày càng tệ thêm, cùng dân oán giận ngày càng sâu thêm, lại thêm sưu thuế nặng nề, và nặng to lụt lớn, thiên tai thường xảy ra luôn, sinh kế càng thêm khó khăn, khổ này chưa qua khổ kia lại đến, không biết đến đâu là cùng. Đến bây giờ tiếng oán hận nơi nào cũng thề, nhân tình nhao nhao, nghe những tin thổi hão huyền, cũng đều lấy làm thật, chỉ vì chưa gặp được dịp, chưa dám ô lên mà chống chọi với quan lại đó thôi. Phỏng như một ngày kia nước láng giềng thừa cơ mà gây việc, hai bên đường chống chọi nhau, dân nghèo nhân dịp khởi lên bạo động, người tham thì cướp bóc để lấy của, người mạnh thì chém giết để hả lòng thù riêng, quan lại thì dòm bên nào mạnh thì theo, bên nào yếu thì bỏ, thấy sự thế đã hỏng thì lại mau chân chạy trước, tuy bỏ chủ này làm đầy tớ chủ khác, họ cũng can đảm mà làm, đó là cái ẩn tình của người Việt Nam bây giờ đó. Như bảo rằng người Nam phải liều chết vì Chính phủ Bảo hộ di chống giặc ngoài, là cái nghĩa vụ của người Nam phải làm như thế, sợ người Nam không ai công nhận đâu! Tuy vậy, đó cũng là vì khốn khổ vì tệ chính, khiếp sợ vì ngược uy, không biết làm thế nào, cực chẳng đã phải làm điều đó thôi; chứ không phải là người Nam ham vui

⁽¹⁾ Phan Châu Trinh quả tình là quá bi quan đối với tiền đồ của cách mạng Việt Nam (chú thích của Đặng Thai Mai).

sự tai vạ mà làm như thế đâu! Nếu Chính phủ thật sẵn lòng đổi hết chính sách đi, kén chọn người hiền tài, trao quyền bính cho, lấy lễ mà tiếp, lấy thành mà đãi, cùng nhau lo toan việc dấy lợi trừ hại ở trong nước, mở đường sinh nhai cho dân nghèo, rộng quyền ăn nói cho thân sĩ, báo oán cho mở rộng để thông đạt tình dân, thưởng phạt cho nghiêm chỉnh để khuyên răn quan lại, còn đến những việc đổi pháp luật, bỏ khoa cử, mở trường học, đặt tòa tu thư, dạy lớp sư phạm, cho đến học công thương, học mỹ nghệ và các ngạch sưu thuế, đều cải lương dần dần, thế thì dân được yên nghiệp làm ăn, sĩ thì vui lòng giúp việc cho Chính phủ, chỉ sợ người Pháp bỏ nước Nam mà đi, còn ai toan mưu việc chống cự nữa?

Than ôi! nước Nam bây giờ, dân khí thì yếu hèn, dân trí thì mờ tối, ví với các nước châu Âu châu Mỹ, cách xa không biết bao nhiêu dặm đường. Công việc ngày nay, ai có thể dạy ta thì ta xin làm học trò, ai có thể nuôi ta thì ta xin làm con, nhờ ơn dạy dỗ nuôi nấng diu dắt ôm ấp lấy nhau, mong cho giống nòi sinh tồn ở trên mặt địa cầu này thôi. Bỏ nơi này, sang nơi khác, đi đâu mà chẳng phải là nhờ, nhờ ai chẳng là nhờ, mà lại bảo rằng nhờ người này là vinh, nhờ người kia là nhục, cứ lo ngày lo đêm, tìm cách nọ kế kia, ném đi mấy mươi vạn cái đầu, chảy ra mấy mươi vạn vũng máu, vất đi bao nhiêu cái xác ruồi không thềm bậu, cáo không thềm ăn, để mua lấy cái địa vị nô lệ mấy trăm đời không thay đổi thì trong lòng mới hả mới sướng, người Nam dầu mắc phải bệnh điên, cũng không ai chịu làm thế! Nhưng tôi còn không dám nói chắc lăm, là còn xem cái chính sách của Chính phủ Bảo hộ đãi người Nam thế nào. Tôi trong lòng đau đớn chua xót không biết kêu gào vào đâu, cầm bút viết thư này, quên cả những sự kiêng sợ, các quan Bảo hộ quả lấy lòng thành khoản đãi người Nam, thì tất cũng xét bụng tôi, nghe lời tôi, cho tôi đến ngồi mà thung dung bàn hỏi, cho tôi được phơi gan mở ruột, bày tỏ cái điều lợi hại, may ra nước Nam có cái cơ được cải tử hồi sinh, thế là hạnh phúc của nước Nam tôi, thế là thỏa lòng ước mong của tôi. Ví bằng Chính phủ cứ lấy cái cách làm ngược đãi người Nam là cái chính sách hay nhất tốt nhất, thà bỏ một khu đất bốn mươi sáu vạn dặm, giết một dân tộc hai mươi mấy triệu người, để theo cái chính sách ấy,

chớ quyết không cho người Nam được có lúc mở mặt mở mày với thế giới, thì xin lấy cái tội ngông cuồng khép cho tôi, lấy cái luật phỉ báng buộc cho tôi, gông cùm để trước mặt, vạc dầu đun sau lưng, khiến cho những kẻ có tài có trí ở trong nước, chàm chân khóa miệng, lo liệu lấy cách mà làm, đừng bắt chước tôi đường đột nói càn để mắc vòng tội lệ, thế là một điều không may lớn cho nước Nam tôi, mà cũng là cái lòng ước mong của tôi, xin các quan Bảo hộ xét cho.

NGÔ ĐỨC KẾ dịch

(Theo tuần báo *Tân dân* số đặc biệt

kỷ niệm ngày mất lần thứ 23 của Phan Tây Hồ, ra 24.3.1949 tại Hà Nội).

MỘT VIÊN LÝ TRƯỞNG CHÍNH CHẮN⁽¹⁾

Ở làng X, phủ T.B thuộc tỉnh Quảng Nam có một viên lý trưởng, xuất thân nho học, có học thức, thích đọc tân thư.

Năm nay, viên lý trưởng này đã lập ở làng mình một hội để buôn quế. Ngoài ra, y còn lập một trường học, mời một thầy giáo đến để diễn thuyết, giảng giải và đọc báo. Viên lý trưởng này cũng cắt tóc ngắn, thay đổi y phục cho được thoải mái. Phần lớn dân chúng trong làng cũng làm theo y.

Quan phủ sở tại rất giận dữ trước chuyện này. Chắc quan tự nghĩ rằng nếu dân chúng khôn ngoan thì ông ta sẽ không có được lợi ích gì với viên lý trưởng này. Viên quan này bèn bịa ra một báo cáo láo vờ vụ việc này gửi lên quan Công sứ nói rằng viên lý trưởng tập hợp dân chúng chắc hẳn là với ý đồ chuẩn bị một âm mưu bạo loạn nào đó.

Khi được quan Công sứ thẩm vấn, lý trưởng đã trình bày các lý lẽ một cách vững chắc khiến viên quan đầu tỉnh bị thuyết phục, khen ngợi y và cứ nhắc đi nhắc lại câu: "Ồ! Rất tốt! Rất tốt!". Viên quan phủ trước cảnh tượng đó đã giận dữ lườm viên lý trưởng và bộ mặt y lúc đó thật là trơ trên như "một chiếc bánh đúc thiêu" (Nguyên văn: mặt dầy lên gấp 10 lần một chiếc bánh gạo mốc - một câu chửi tục mà dân bản xứ coi là cực kỳ thô lỗ).

Thật là xấu hổ! Thưa Ngài Quan lớn.

Người thông dịch:

Ký tên: Hoàn

Báo "Đại Việt tân báo"

TV: Quản chủ sự phòng Nhì, số 130 ngày 17 tháng 11 năm 1907

(Theo Lê Thị Kinh (tức Phan Thị Minh):

PHAN CHÂU TRINH QUA NHỮNG TÀI LIỆU MỚI. Tập I. Nxb Đà Nẵng - 2001)

⁽¹⁾ Bài này nhằm đả kích tri phủ Trần Văn Thông và ca ngợi ông Lê Cơ, anh con cô của Phan Châu Trinh, đã rất tích cực xây dựng phong trào duy tân ở làng Phú Lâm là quê ngoại ông Phan. (PTM).

HIỆN TRẠNG VĂN ĐỀ

Tiểu dẫn của Huỳnh Thúc Kháng:

Nói đến cụ Phan Châu Trinh, các báo thường hay nhắc bài điều trần cùng bài diễn thuyết của Cụ, mà có một điều lâu nay không ai nhắc đến là Cụ chính là một nhà viết báo xuất sắc trước 25 năm kia. Có một bài đăng trên tờ *Đăng cổ tùng báo* năm 1907 làm xã thuyết, dưới ký "Phan Châu Trinh lai cáo", Ký giả còn nhớ lại được. Không nhớ toàn văn, song đại đoạn thì không sai, mà ở trong đó có một đôi câu danh ngôn, hiện còn nhiều người truyền tụng, tức là bài mà Cụ nêu cái đề là "*Hiện trạng văn đề*". Bài này có cả chữ Hán và bản dịch của tác giả. Ký giả chỉ nhớ chữ Hán, nay xin dịch như sau:

"Từ thế kỷ XIX trở đi, vết chân người Âu khắp cả thế giới, thương thuyền chiến hạm đi đến đâu, thì học thuật kỹ xảo cũng mang đến đấy, ai có ham muốn thì trút rương tuôn túi ra mà phân tặng, có ý khảng khái ban cho mà không chút gì là bần rùn giấu tiếc. Đến lúc đã hấp thu đồng hóa thì dần dần bình đẳng với nhau, trên đàn giao tế không phân bờ cõi gì nữa. Trái lại, dân tộc nào mà giữ thói dã man, không mong tấn hóa, ôm lấy giấc mộng Hy Hoàng thì họ cứ để mặc kệ, chỉ dùng pháp luật tương đương để cai trị mà thôi.

Trời thanh khí lặng, chén rượu dưới ngọn đèn khuya, tay đỡ quyển "*Âu châu cận thế sử*", lúc bây giờ hoa trái tim nở toe, tinh thần bay ra ngoài trời, muờng tượng như mình đứng trên lầu cao mấy mươi tầng, thấy một vị thần mắt đưa tay ngoắt, trông ta mà mỉm cười, ấy là vị thần tự do vậy. Úi chà! Đây là nơi nào? Mà xếp sách lại ngẫm nghĩ, nước mắt chảy tràn, tự than rằng: Trời mở ra mà mình tự đóng lại, không trách mình còn trách ai!

Nước ta từ ngày nước Pháp sang bảo hộ, trên mấy mươi năm, người mình học Tây học, chỉ làm được công việc phiên dịch, nói phô mà thôi, không có ai hấp thu được chỗ tinh túy, phần tìm đến nơi mầu nhiệm, về mà đào tạo ra học trò để làm việc vẻ vang cho

nòi giống. Trái lại, bụng không một hạt gạo mà nói chuyện thi thơ, tay không nửa đồng mà tự xưng Khổng Mạnh! Có lẽ da thịt huyết tủy của người nước mình, mấy ngàn năm nay đã bị cái hấp lực của huyết dẫn người Tàu chi phối hết cả, nên ngày nay đành làm nộm rối cho người Tàu mà không tự biết chẳng? Không thể vì sao lửa đốt bên da mà không biết nóng, sét đánh ngang trán mà không biết sợ, thầy hay bạn giỏi ở một bên mà không biết gắng sức bắt chước bước theo. Thậm nữa trần trọc tráo trở, một hai toan tìm một nước thứ ba nào yêu mình thương mình mà vui lòng làm trò làm tớ?!

Ôi! Theo như tư tưởng người mình mà cầu có một ngày đạt được mục đích, thì khi nào địa cầu này thông với nguyệt cầu, nguyệt cầu thông với tinh cầu khác mà mỗi nguyện vọng ấy mới thỏa mãn được...

Hiện trong lúc ngủ say mới tỉnh xu hướng chưa định, học cũ học mới, ngã đường phân chia, công hội thương hội, chương trình chưa định, thành hiện ra một cái quái tượng, đầy nhà rối rít ồn ào, chưa giải quyết vội được. Nhân thế, có bọn phù hiệu vô ý thức, lợi dụng cơ hội, dựa hơi vương gió, truyền đơn dán giấy, phỉnh người lấy tiền, gây chuyện rắc rối. Những chuyện như thế, chính ai là người có học thức, có lòng với đời, đều lấy làm đau lòng xót dạ, muốn ngăn mà không sao làm được. Vậy mà nhiều kẻ không xét cho kỹ càng, hễ thấy ai cầm quyển sách mới, nói chuyện tân học, thì nhập chung với bọn kia, mà cho là một phái cử động dã man.

Ôi! Đã là người có học thức rõ tình lý, thì dầu như Ấn Độ nổi lên sụp xuống, Cao Ly đổi chủ thay thầy cũng không thêm làm thay. Dầu có không xét thời thế, không lượng tài lực, nỡ lừa mấy mươi vạn dân ngu không hay không biết kia, xô vào cái hầm nguy hiểm, để chồng dấu xe úp của bọn Kỳ Đồng "Thiên Bình"⁽¹⁾, sống bị người khác làm nhục, chết bị muôn đời mắng chửi sao? Bầy qua đậu chung, không ai phân biệt con nào là trống mái, mà một con muông sữa bầy, thì toàn cả vùng ấy trở nên dăm chông gai. ấy chính là cái quái tượng hiện thời.

⁽¹⁾ Kỳ Đồng Nguyễn Văn Cẩm ở Thái Bình chiêu mộ đội quân chống Pháp, năm 1887 mệnh danh là "Thiên bình" (quân lính nhà trời), đã bị thất bại.

Tuy vậy, ở đầu mỗi giếng họa phúc, rẽ nhau không đầy một sợi tóc, ấy là cái chứng cứ của sự “được mất” xưa nay; may mà trong khoảng mấy năm gần đây, sách mới báo mới lần lần xuất hiện, người mình cũng dần dần tỉnh dậy mà nhận sự xảy ra nói trên; Chính phủ Bảo hộ cũng hiểu rõ rằng cái giấc mê mộng của người Nam trên 40, 50 năm nay, nay đã tỉnh dậy mà đã biết hấp thu Âu hóa. Nếu nhân thế mà thiết lòng khai hóa cho người mình, chỉnh đốn trường học, mở mang sinh kế nọ kia, lấy cái não chất thông minh của người mình mà được thấy dạy hết lòng chỉ đạo cho, thì trên thế kỷ XX này, nước ta sẽ trở nên một nước thiếu niên mới nổi chân theo nước Pháp, vẫn không phải là việc khó...

Vậy xin cùng nói lời chính cáo cùng người nước ta rằng: "Không bạo động, bạo động tất chết! Không trông người ngoài, trông người ngoài thì tất ngu! Đồng bào ta, người nước ta, ai mà ham mến tự do, tôi xin có một vật rất quý báu tặng cho đồng bào, là *“Chi bằng Học”*."

(*Báo Tiếng Dân* số 613, ngày 9-8-1933)

Ghi chú của Người biên soạn:

Về bài *Hiện trạng vấn đề* trên đây, sau khi đăng trên tờ *Đại Việt tân báo* (tức tờ *Đăng cổ tùng báo* mới cải tên), đã được Tân Nam Tử (tức Nguyễn Văn Vĩnh) dịch ra tiếng Pháp và cho đăng trên tờ *Pionnier Indochinois* (*Người Tiên phong Đông Dương*) ở chuyên mục *Tư tưởng người An Nam*. Bản dịch tiếng Việt dưới đây trích từ sách của Lê Thị Kinh (tức Phan Thị Minh): *Phan Châu Trinh qua những tài liệu mới*. Tập I. Nxb Đà Nẵng. 2001. tr...)

HIỆN TRẠNG VĂN ĐỀ

Tiểu dẫn của Tòa soạn: Chúng tôi bỏ nhan đề "*Dư luận An nam*" đã được chọn trước đây cho chuyên mục dành cho các ký giả cộng tác viên bản xứ, bởi lẽ không còn là những ý kiến thông thường mà là một tư tưởng thực sự được trình bày ở đây.

Như một trong số các đồng nghiệp của chúng tôi, ông Tân Nam Tử, nguyên biên tập báo "*Đại Nam*" đã loan báo, sắp tới đây ông sẽ cung cấp cho chuyên mục "*Tư tưởng của người An Nam*" này một loạt bài báo nhằm thử xác lập những xu hướng của cái mà người ta có thể gọi là đảng Cải cách bản xứ.

Ông Tân Nam Tử sẽ phát ngôn chủ yếu nhân danh những người An Nam giống như ông đã tiếp thu nền văn hóa Pháp.

Về phần ông Phan Châu Trinh, tác giả của bài báo dưới đây vốn đã được đăng trên "*Đại Việt tân báo*", lại đại diện cho tiếng nói của các nhà nho cải cách mà ông muốn chúng ta được biết. Ông Phan Châu Trinh là một vị Phó bảng và là tác giả của bức thư gửi quan Toàn quyền trước đây, đã gây tiếng vang mà bản dịch đã được nhiều tờ báo tiếng Pháp đăng tải.

Từ nhiều thế kỷ, người phương Tây đã đạt được sự phát triển lớn lao, họ đặt chân dần dần trên khắp mặt địa cầu. Nơi đâu có chỗ cho một con tàu cập bến, nơi đâu con người có thể tới, đều thấy dấu vết những bước chân của họ. Nơi nào họ tới, họ đều mang theo nền văn minh, nền thương mại, cả quân đội của họ.

Nơi đâu họ đã yên vị, họ đều áp đặt nền chính trị, truyền bá học vấn và sự khôn ngoan của họ. Họ không bo bo giấu diếm khoa học cho riêng họ mà luôn luôn tìm cách giúp các dân tộc khác cùng được lợi. Khi mở mang trí tuệ cho những dân tộc này, họ đã diu dắt người bản xứ từ khi còn ngồi ở ghế nhà trường cho đến khi đạt được trình độ cao ngang họ, và đến lúc ấy, người bản xứ được đối xử như những người bạn, ngang hàng mà không hề đòi hỏi một lời cảm ơn. Chính nhờ thế mà những con người trước đây cách xa

nhau hàng ngàn dặm, ngăn cách bởi núi cao, biển cả, lại có thể có ngày tốt đẹp trở thành anh em, bè bạn và cùng hòa đồng trên con đường văn minh, ở đó họ đối xử với nhau như những người cùng một xóm thôn.

Đó là điều diễn ra bình thường khi những người Âu châu gặp một dân tộc thông minh am hiểu họ. Nhưng cũng lại có những dân thiểu, lạc hậu của họ hơn mọi thứ, họ không muốn từ bỏ những thói quen hàng nghìn năm, họ ngủ cho đến giờ ăn trưa và chỉ thích nằm ườn ở trên giường. Và những người Âu châu, khi nhận ra sự dờ dẫm đó, đã bỏ mặc họ với căn bệnh cố hữu mà họ đã mắc phải. Và để cai trị những người này, họ đã định ra những luật lệ riêng: đối với những người man rợ, phải áp dụng những luật lệ man rợ.

Đêm đã tàn canh, qua các cửa sổ mở rộng tôi ngắm cảnh bình minh đang ló rạng; hơi lạnh buổi ban mai đã làm nguội chén rượu của tôi; ngòi trên ghế, trước ngọn đèn đã sắp lụi tàn, trên đùi tôi là cuốn sách nhan đề "Ngũ châu đương đại sử" và tựa như trong một giấc mơ, tôi buồn rầu nhớ lại những trang sách tôi vừa đọc. Tôi tưởng như tôi không còn ở trên cõi thế này, và đang lạc bước đến một thế giới cao xa, thanh khiết. Tôi đang ở đâu vậy? Thật khó nói ra cho đúng. Mà có lẽ đây là Paris hay New York, bởi tôi đang đứng giữa những người văn minh và có hai người đang dắt tay tôi trèo lên một ngọn tháp cao tới 300m hay đang thăm một ngôi nhà 48 tầng. Ở phía xa xa, tôi tưởng như đang nhìn thấy một pho tượng đồng khổng lồ lơ lửng giữa tầng mây. Pho tượng thật sinh động và đang mỉm cười với tôi. Đó là pho tượng của Thần tự do.

Ôi! Đây là niềm vui của những xứ sở tự do.

Chính vào lúc ấy tôi mở mắt và giấc mơ tan biến. Hình ảnh mà tôi vừa nhìn thấy đưa tôi trở lại với hiện tình của đất nước quê hương tôi, và tôi cảm thấy một nỗi buồn khó tả. Tôi nổi một trận cười điên dại, một trận cười vọng lên thê thảm trong sự tĩnh lặng. Tôi gấp sách lại và chìm đắm trong suy tư. Tôi càng suy nghĩ bao

nhieu, nỗi khổ đau càng tăng thêm bấy nhiêu, và những giọt nước mắt thấm lặng từ từ lăn trên gò má.

Tôi tự nhủ: đầu óc chúng ta thật là ngớ ngẩn biết bao! Những cánh cửa hạnh phúc đã mở rộng trước chúng ta, vậy mà chúng ta lại cố tình ngoảnh mặt làm ngơ. Chúng ta chẳng khác gì một người đang hấp hối nhưng lại từ chối liều thuốc cứu mạng. Than ôi! Chúng ta hãy chỉ tự trách mình nếu chúng ta không được tự do bằng những người khác. Chúng ta chính là những kẻ cai ngục của bản thân mình.

Từ khi người Pháp bảo hộ chúng ta, hai dân tộc đã chỉ có với nhau những quan hệ bè bạn. Chúng ta giống như những người trong cùng một gia đình, những người anh em. Khi những người An Nam đi trên những chiếc tàu thủy, tàu hỏa, thắp đèn pha lê, ăn những thức ăn ngon lành và bổ dưỡng, khi họ nhìn ngắm nhà máy nước, nhà máy điện, họ không thể không trầm trồ khen ngợi nền khoa học phương Tây. Có ai trong chúng ta lại không thừa nhận rằng coi người Pháp là người hướng đạo chính là đã đi vào con đường vinh dự.

Ấy vậy mà, điều rất ngạc nhiên là những người An Nam lại cứ bày tỏ sự khâm phục và thiện cảm đối với người Tàu mà gọi họ là "các chú" của mình.

Đầu óc chúng ta là thế nào? - bụng rỗng tuếch, nhưng lại vẫn làm thơ. Túi tiền của chúng ta trống trơn vậy mà chúng ta vẫn mãi mê bàn luận về Khổng Mạnh.

Một số trong chúng ta có may mắn được học tiếng Pháp, mới chỉ viết được dăm ba câu, nói được vài ba chữ, đã tưởng rằng nắm được hết các môn khoa học của những vị thầy của mình. Không ai có thể vỗ ngực cho mình đã đạt tới đỉnh cao của khoa học, và khi mới chỉ bước chân vào ngưỡng cửa của những điều huyền bí của khoa học là đã có thể trở thành người hướng đạo cho đồng bào mình trên con đường cao quý của sự tiến bộ.

Thật đáng thất vọng! Phải chăng sự tiếp xúc qua nhiều thế kỷ với nước Trung Hoa đã dập tắt trong chúng ta mọi sinh khí tới mức chúng ta chỉ còn là những con rối cho các "chú thân thiết của mình" giật giây?

Nếu chúng ta chẳng phải là những con rối bằng gỗ thì sao

chúng ta cảm thấy đau đớn khi bị áp sắt nung vào da thịt?

Tại sao chúng ta lại có thể bình thần khi sấm sét đang gầm thét trên đầu? Chúng ta có những người thầy tốt bụng, những người bạn chân thực, thế mà chúng ta lại từ chối những bài học mà họ sẵn sàng truyền dạy cho chúng ta. Chúng ta đóng chặt cửa, bưng tai bỏ chạy. Tóm lại chúng ta coi những người muốn làm điều tốt lành cho chúng ta như những kẻ thù. Và trong sự hận thù điên dại đó, chúng ta đã đi đến chỗ muốn trao vận mệnh của Tổ quốc ta vào tay của một quốc gia mới xuất hiện, một quốc gia sẽ chỉ biến chúng ta thành những kẻ nô lệ.

Chính điều mong muốn ấy tự nó đã là sự điên rồ, bởi sẽ không bao giờ có thể thực hiện được, trừ khi trái đất có thể đuổi kịp mặt trăng.

Ôi! Thật là một hy vọng hão huyền! Không bao giờ chúng ta có thể tìm thấy cái quốc gia mà một số người trông chờ sự thống trị. Trên thế giới này người ta kính nể kẻ mạnh và coi khinh những kẻ yếu; và người ta cũng chẳng rủ lòng thương hại những kẻ dốt nát và những kẻ ngu ngốc. Sự mong đợi của các bạn thật đáng nực cười, hồi các đồng bào của tôi. Và sự nực cười đó lại dội lên chính các bạn. Các bạn chờ mong cái gì? Mong nước sông Hồng trở nên trong trẻo chăng? Bao giờ điều đó mới xảy ra? Tại sao lại không lo trời cũng sẽ sập lên đầu chúng ta, và trời cũng sẽ sập sập đấy; rồi các bạn sẽ thấy.

May thay nhờ có báo chí, tân thư dần dần xâm nhập vào dân chúng, và chúng ta đã bắt đầu thức tỉnh. Nước Pháp bảo hộ đã hào phóng ban phát cho chúng ta món ăn tinh thần. Ở khắp nơi, Nhà nước Bảo hộ đã mở trường học, cải tổ việc thi cử, phát hành rộng rãi báo chí, lại còn lập ra Hội đồng tư vấn. Những công trình ấy là những công trình khai hóa cao siêu. Song Nhà nước bảo hộ không thể làm tất cả trong một lúc. Dần dần Nhà nước sẽ hoàn thiện về sự nghiệp đang được tiến hành. Nếu Nhà nước thật sự có ý định dẫn dắt chúng ta vào con đường tốt lành, điều đó thật dễ dàng, bởi Nhà nước sẽ tìm thấy trong chúng ta những đệ tử dễ dạy và họ sẽ nhanh chóng làm rạng danh người dạy dỗ mình.

Hẳn là những người An Nam dường như chưa thoát khỏi cơn mê ngủ. Mắt nhìn chưa tỉnh, tai nghe chưa thính. Họ chưa qua

khỏi căn bệnh đờ đẫn hàng thế kỷ. Họ đã thử lập các hội buôn, hội nông, nhưng họ chưa có kinh nghiệm và còn rụt rè. Họ cũng chưa biết nên chọn lọc chữ Nho hay chữ Pháp. Từ trạng thái bất định lưỡng lự chung ấy, xảy ra tình hình quái lạ, mọi người đua nhau nói cùng một lúc nhưng chẳng ai nghe người bên cạnh nói gì. Có những kẻ chẳng hiểu gì về sự âm ỉ đó lại lớn hơn những người khác, khiến tình trạng càng thêm hỗn loạn. Rồi lại luôn luôn có những kẻ chuyên buông câu khi nước đục, lợi dụng sự hỗn loạn đó để thả những mả lưới nguy hiểm. Họ kích động dân chúng nổi loạn chống lại chính quyền, và những cuộc kích động đó đã gieo họa cho tất cả kẻ có ý xấu cũng như người có ý tốt. Đó là cái họa mà những người hiểu biết rất lấy làm tiếc nhưng biết làm sao được?

Bất hạnh thay, tôi xin nhắc lại rằng sự tình đó đã dẫn đến những sự hỗn độn rất đáng tiếc. Những người tốt bị nghi ngờ cũng như kẻ xấu. Người đọc sách tân thư, nói lời tiến bộ bị đánh đồng với kẻ nổi loạn. Tình trạng hỗn loạn này cần phải được chấm dứt. Cần phải hiểu rằng những người có lương tri và ham hiểu biết không bao giờ muốn làm những điều phạm pháp. Họ ghê sợ sự cướp đoạt dù chỉ là một đồng chĩnh, cũng như ghê sợ sự đổ máu. Những người có đôi chút hiểu biết về lịch sử thế giới biết rõ số phận dành cho những người lính Cipayes ở Ấn Độ. Họ cũng chẳng muốn bắt chước người Philippin đổi chủ này bằng chủ khác. Họ cũng chẳng bao giờ đại dột lấy trứng chọi đá. Họ không bao giờ hồn nhiên đẩy đồng bào mình xuống vực thẳm. Họ cũng chẳng bao giờ đồng tình với gương Kỳ Đồng Thiên Binh⁽¹⁾ vẫn để lại những dấu ấn lố bịch. Người Âu châu có nói "từ đỉnh Capitoile đến mỏm Tarpéinne chỉ có một bước chân"⁽²⁾. Còn người An Nam thì nói vinh quang và bất hạnh chỉ cách nhau một sợi tơ; bên này hố sâu là cái phúc, bờ bên kia là cái họa.

⁽¹⁾ Ý nói về phong trào Kỳ Đồng Nguyễn Văn Cẩm nhuộm màu tín ngưỡng mà những người tham gia tự xưng là "thiên binh".

⁽²⁾ Capitoile là một đỉnh đồi ở La Mã, có đài đón người chiến thắng - Mỏm Tarpéinne ở cạnh Capitoile là nơi người ta đẩy kẻ phạm tội xuống vực cho thú dữ ăn thịt. Có câu tục ngữ: "Mỏm Tarpéinne gần đỉnh Capitoile" ý nói sự sụp đổ thường theo sát sự vinh quang.

Phải chăng ý Trời không muốn điều bất hạnh sẽ xảy ra ở nước ta để dân ta khỏi phải đối đầu với những đại họa tồi tệ nhất? Chính là trời muốn trừng phạt những kẻ hung ác và chỉ nâng đỡ những người tốt và những người sáng suốt một lúc nào đó sẽ được mình oan trước con mắt của Chính phủ. Hạt giống tốt rồi sẽ loại bỏ loài cỏ dại, và cùng với mùa màng bội thu, nước Pháp sẽ nhận ra rằng nước ta dù trong vòng 40 năm trở lại đây còn giống như người say, người chết, vẫn có thể biết phát huy những bài học mà nước Pháp đã dạy cho họ.

Những năm tháng nghi kỵ và rối loạn sẽ qua đi, Chính phủ sẽ niềm nở đón nhận tốt đẹp hơn các hội học, hội buôn các loại. Chính phủ sẽ lập cho họ một quy chế thật rõ ràng giúp các hội này lập được chương trình hành động hữu hiệu. Nhờ đó, sự phát triển của nước An Nam sẽ trở nên ngày càng mạnh mẽ trên con đường tiến bộ và thịnh vượng.

Để kết thúc xin có một lời khuyên với đồng bào: chỉ nên trông cậy ở chính mình, chớ vọng ngoại vì vọng ngoại ắt là chết. Hãy coi trọng nền hòa bình của đất nước nếu chúng ta không muốn mua lấy cái chết. Những sự giải thoát của chúng ta là nằm chủ yếu trong sự học hành, mở mang trí tuệ (tức là không chỉ bằng học cả).

PHAN CHÂU TRINH

Phụ lục

BÀI "CHI BẰNG HỌC" TƯ TƯỞNG CHỦ ĐẠO CỦA PHAN CHÂU TRINH TRONG SỰ NGHIỆP DUY TÂN ĐẤT NƯỚC

Quan niệm dân tộc, dân chủ của Phan Châu Trinh thì chúng ta đều biết. Về mặt lý luận, ông đã có những tác phẩm về *quân trị*, *dân trị*, có *Thư thất điều* nổi tiếng. Về mặt văn chương, ông có thơ chữ Hán (như *Chí thành thông thánh*) và nhiều bài thơ khác (cả chữ Hán, chữ Nôm), lại có tập *Tỉnh quốc hồn ca* và truyện thơ *Giai nhân kỳ ngộ*. Bấy nhiêu tác phẩm đã cho ta rõ về tư tưởng Phan Châu Trinh hồi đầu thế kỷ XX. Trong con mắt của các nhà chí sĩ đương thời, ông được xem như là đại diện tiêu biểu nhất cho khuynh hướng dân chủ Việt Nam. Ông tự ví mình với nhà hoạt động chính trị ở Ý (Mazzini), nên mới lấy cái biệt hiệu là Hy Mã (theo gương Mã Chí Nê). Phan Bội Châu thừa nhận ở ông là: "*Tài Mã Nê đang ra sức hô hào*" và "*Lư Thoa, Mạnh Đức so sánh người xưa*". Với Phan Châu Trinh, đất nước Việt Nam sẽ được hứa hẹn, là một ngày nào đó: "*Cửa dân chủ treo đèn thêm sáng chói*".

Đó là nhìn chung Phan Châu Trinh trong cuộc đời và sự nghiệp của ông. Đi sâu vào tư tưởng và học thuật, ông còn được đánh giá, được phát hiện ở nhiều lĩnh vực. Sau khi ông mất, hàng năm, trên tờ báo *Tiếng Dân*, Huỳnh Thúc Kháng đã đều đặn làm lễ tưởng niệm ngày 24 -3, đăng ảnh ông rất trang trọng, gọi đó là kỷ niệm ngày mất cụ Tây Hồ. Số báo nào, ông Huỳnh cũng trích một câu nói của Phan Châu Trinh, xem như một lời danh ngôn. Nguyên văn chữ Hán, dịch ra thành tiếng Việt (báo *Tiếng Dân* số 613 năm 1933, trong toàn bài nhan đề là *Hiện trạng văn đề*):

"Xin có lời chính cáo cùng người nước ta rằng: Không bạo động, bạo động tất chết. Không trông người ngoài, trông người ngoài thì tất ngu! Đồng bào ta, người nước ta, ai mà ham miễn tự do, tôi xin có một vật rất quý báu tặng cho đồng bào, là: *Chi bằng học*".

Có thể nói là Huỳnh Thúc Kháng đã chọn đúng một câu nói của Phan Châu Trinh, xứng đáng là một câu danh ngôn. *Chi bằng học* (chữ Hán là *Bất như học*) là quan niệm cơ bản của tư tưởng Phan Châu Trinh, là lời gọi thống thiết của Phan Châu Trinh gửi đồng bào Việt Nam. Không phải chỉ có giá trị đương thời, mà cho đến hôm nay vẫn xứng đáng là một danh ngôn, luôn luôn phát huy tác dụng.

Câu danh ngôn này được phát biểu vào năm 1907, trên tờ *Đảng cổ tùng báo* (Huỳnh Thúc Kháng nhớ toàn văn bài báo, nhưng lại không ghi cho biết số báo mấy, ra ngày nào). Lúc này, phong trào học mới đang sôi nổi, trở thành phong trào duy tân, khởi phát từ Quảng Nam do các nhà nho tiến bộ chủ trì. Ở Hà Nội, Đông Kinh nghĩa thực phát động phong trào này. Các nhà chí sĩ khắp ba kỳ đều nhất tề hưởng ứng. Đã có một số tác phẩm lý luận, chính trị, nêu rõ đường lối của cái học mới này: đó là bản *Văn minh tân học sách*. Phan Châu Trinh không có bài viết nào đề cập đến cái sách lược mới này, nhưng ông cũng là người được Đông Kinh nghĩa thực mời đến nói chuyện, giảng bài. Có thể nói là khác với hầu hết các chí sĩ duy tân, - (có thể có một số người mà chúng ta chưa có tài liệu để tham khảo kỹ)- là ông đã rất kiên trì quan điểm: "*Chi bằng học*" trong suốt cuộc đời mình. Đã đến lượt, chúng ta có thể thu thập trong toàn bộ tác phẩm của ông, để hệ thống hoá lại quan niệm "*Chi bằng học*" của Phan Châu Trinh cho trọn vẹn.

1- Trước hết, nói đến sự học, Phan Châu Trinh đã lên án cái học chữ Hán ở nước ta từ trước là cái học "*ù ù cạc cạc*", "*khiến cho con người tôi tắm mù mịt, mềm yếu ương hèn*"⁽¹⁾. Học chữ Nho đã thế, sau này có học theo chữ Pháp nữa, cũng chẳng ích gì cho tầng lớp trẻ Việt Nam:

Học Tây đã lam nham như thế

Học Tàu còn ai kể vào đâu.

*Thừa ra quốc ngữ mấy câu
Trông gì mà đặng cái đầu thiếu niên?*

(*Tĩnh quốc hồn ca*, câu 249 - 252)

Bản chất cái học là như thế, nhưng các nhà cầm quyền (bọn thực dân và bọn vua quan phong kiến) còn tìm cách ngăn cản, hạn chế việc học. Do đó cái học ở Việt Nam là cái học chẳng ra gì, thua kém toàn thế giới:

*Thử xem khắp cõi dinh hoàn
Hai mươi thế kỷ, ai còn như ta*

(Sách trên)

2- Về mục đích sự học, Phan Châu Trinh cũng xuất phát từ quan điểm dân chủ của ông. Cái gốc trước nhất là xét về chế độ chính trị, chế độ xã hội, ông nêu rõ chính cương (ông đã dùng hai chữ này) của mình:

*Quyền vua đổi lại quyền dân
Chánh cang (chính cương) trước phải vùi phần khai
minh*

(*Tĩnh quốc hồn ca*, câu 491 - 492)

"*Khai minh*" là nói cho rõ ra. Rõ ở đây là rõ cái tinh thần dân chủ, tinh thần tự do. Phan Châu Trinh quan niệm cái học phải đi theo tinh thần của tự do dân chủ. Ở bài *Hiện trạng vấn đề* nói trên, ông đã đưa ra một hình ảnh: Ông "mường tượng thấy mình đứng trên lầu cao mấy mươi tầng, thấy một vị thần mắt đưa tay ngoắt, trông ta mà mỉm cười, ấy là vị thần tự do vậy".

Có được tinh thần như vậy, thì mới biết chọn con đường mà học:

*Con nhà trông thấy đêm ngày
Nguồn trong, dòng sạch xưa nay lẽ thường.
Lớn lên học phải lựa trường
Bạn thầy, nghĩa lý, văn chương, trau dồi*

(*Bài ca dạy con*, câu 21- 24)

Từ mục đích sâu xa ấy, đi tới cái mục đích gần gũi, là phải "tự lực khai hoá", phải sửa lại những tục xấu của đất nước mình:

Hiền nhân, quân tử những người

*Đứng lên mà sửa tục đời cho chẳng?**(Tĩnh quốc hồn ca, câu 255- 256)*

Muốn được như vậy, chủ yếu là phải biết học thế giới, học sự tiến bộ của các dân tộc trên hoàn cầu:

*Bây giờ phải tính làm sao**Rủ nhau đi học mọi điều văn minh**(Sách trên, câu 223 - 224)*

Tất cả các nước trên thế giới này đều có những cái hay riêng cho ta học tập. Ta học cả Á, Âu, Mỹ và nhất là học những nước ở chung quanh ta:

*Kìa xem trong cõi Á Đông**Trung Hoa, Nhật Bản cũng dòng giống ta.**Nhìn ngoái lại Xiêm La gần đấy**Phi Liệp Bình chẳng mấy nhiều xa ⁽²⁾**(Tĩnh quốc hồn ca II, câu 79 - 82)*

Quan niệm Phan Châu Trinh đúng là một quan niệm mở.

3- Đi vào nội dung cụ thể, Phan Châu Trinh không có điều kiện đưa ra những chương trình học tập, nhưng ở một vài văn kiện, ta cũng thấy ông nêu được các nhiệm vụ rõ ràng, mà có phần chi tiết nữa. Trong *bức thư gửi Toàn quyền Đông Dương* (bản dịch của Ngô Đức Kế in trên báo *Tân Dân* đã nói trên), ông nêu rõ một loạt 7 vấn đề, yêu cầu người Pháp phải nên thi hành thành chính sách, thì mới nâng cao được trình độ quốc dân, mà khiến cho người dân tin tưởng để vui lòng hợp tác. Đó là các vấn đề:

- Đổi pháp luật - Dạy lớp sư phạm
- Bỏ khoa cử - Học công thương
- Mở trường học - Học mỹ nghệ...
- Đặt toà tu thư

Có thể không thể có một chương trình nào đầy đủ và chi tiết hơn. So với những gì đã được trình bày trong *Văn minh tân học sách*, so với chương trình giáo dục (qua các sách vở được công bố ở trường Đông Kinh nghĩa thực), Phan Châu Trinh không bổ sung gì hơn, nhưng phương hướng và đề cương của ông là cụ thể. Cần lưu ý một điều nữa là, ông đã vạch được những điều mà chính

quyền thực dân Pháp có thể làm được - (mặc dầu chúng không bao giờ làm là lẽ tất nhiên).

Ngoài những điểm cơ bản ấy, có điều đáng chú ý thêm là Phan Châu Trinh rất quan tâm đến việc học nghề. Đây cũng là quan điểm trọng thực nghiệp của các nhà duy tân. Nhưng ông Phan đã tỏ ra thiết tha hơn:

*Ngồi thử nghĩ càng đau tác dạ
Hồi những người chí cả thương quê
Mau mau đi học lấy nghề
Học rồi, ta sẽ đem về dạy nhau.*

(*Tinh quốc hồn ca*, câu 101 - 104)

Học nghề, là học những nghề gì? Theo Phan Châu Trinh, có những nghề cổ truyền cần phải phát huy. Nhân dân ta vốn có tài về những nghề thủ công mỹ nghệ, nhưng chưa hề có sự cải tiến, cần phải rút kinh nghiệm của người Âu Mỹ để cho hàng hoá của ta có thể tinh xảo hơn. ở điểm này, có thể thấy là Phan Châu Trinh tỏ ra có nhiều hiểu biết về vốn cũ dân tộc;

*Đời trước thế, thời sau cũng thế
Vật trăm năm giữ để trơ trơ
Đồ đồng, đồ gỗ, đồ tơ
Đồ sắt, đồ gốm so xưa khác nào.*

(*Tinh quốc hồn ca*, câu 281 - 284)

Và trong việc học nghề, làm nghề như thế, Phan Châu Trinh tỏ ra có ý thức khuyến khích việc đua tài, việc cạnh tranh. Ông quan tâm đến việc thương mại. Có hàng hoá, là để đưa ra thế giới:

*Nghề càng ngày càng đua càng tới
Vật càng ngày càng mới dễ coi
Chở chuyên đi bán nước người
Lợi trong đã được, lợi ngoài lại thêm.*

Cách nhìn nhận này là rất mới trong xã hội bế quan ngày xưa. Và so với yêu cầu của thời đại ta ngày nay trong vấn đề hiện đại hoá, công nghiệp hoá vẫn là gần gũi và cập nhật. Phan Châu Trinh nhận ra được cái thói phô trương của người mình: phát minh cơ xảo thì không có bao nhiêu, nhưng đua đòi để ăn chơi, để

quảng cáo, để tiêu xài thì thật là quá đáng:

*Đặng mấy kẻ phú hào chí khí
Dám đua gan, đấu trí cùng ai
Đua thì đua hại đua tai
Đua ăn tiệc lớn, đua xài bạc muôn
Đua những chuyện bán buôn quyền tước
Vứt bạc tiền như nước bỏ không
Còn như bách nghệ, canh nông
Lợi to ích lớn một đồng chẳng ly
Ty máy gỗ cùng ty máy sợi
Từ hoả thuyền cho tới hoả xa
Lợi gần cho chí lợi xa
Lợi gì cũng để người ta nó làm.*

Rồi kết luận, ông thiết tha kêu gọi:

*• Thương ôi nổi trời Nam biển Quế
Cũng là nòi trí tuệ anh thông
Sao cho gắng chí, gắng công
Sao cho chẳng phụ con Rồng cháu Tiên.*

(Tinh quốc hồn ca, câu 285 - 300)

*

* *

Bấy nhiêu điều lượm lặt và hệ thống hoá lại, chắc chưa thể thu tóm hết quan niệm "*bất như học*" (chỉ bằng học) của Phan Châu Trinh. Nhưng có lẽ cũng không thiếu sót là bao nhiêu. Và một phần nào cũng giúp cho ta thấy được quan niệm học của ông. Là một trong những nhà lãnh đạo tiên phong của phong trào duy tân, ông không có sự cách biệt nào với *Văn minh tân học sách*. Những người đồng chí gần gũi với ông như Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng đã chia sẻ với ông về quan niệm dạy và học. Phan Bội Châu tuy có khác ông về chủ trương, biện pháp cứu nước, nhưng cũng là "tương phản nhi tương thành". Những điều ông Phan tỏ ra bất bình đối với bọn thống trị, bọn cầm quyền- (riêng về mặt khai hoá văn minh)- với cách nhìn của Phan Châu Trinh vẫn là nhất

trí. Những ngày ở Nhật, gặp gỡ các du học sinh, Phan Châu Trinh đã tỏ ra đồng tình với Phan Bội Châu về sự tiếp thu cái mới. Chính vì vậy mà Phan Châu Trinh được cả nước hoan nghênh và cùng với Phan Bội Châu trở thành thần tượng của quốc dân đầu thế kỷ 20. Cái gốc trong quan niệm về sự học của Phan Châu Trinh, vẫn là vì tư tưởng dân tộc và dân chủ. Ông tha thiết với vận mệnh nước nhà, có sự bất bình thực sự với tình trạng lạc hậu của dân tộc. Tha thiết đến mức tình cảm của ông biến thành sự "giận thắm hờn sâu" (*Giai nhân kỳ ngộ*: câu 4867, 4868). Ông đã vì tôn trọng nhân dân, đòi hỏi cho dân có quyền, nghe theo dân mà đặt ra yêu cầu học tập "Quốc tương hưng tác chính chư dân" (*Tỉnh quốc hồn ca*).

Có nghĩa là: Đất nước muốn hưng vượng thì phải nghe ở dân. Dân ta lúc này (đầu thế kỷ XX) đang cần một cái học thiết thực, đảm bảo cho sự tồn vong của nòi giống. Quan niệm học ở Phan Châu Trinh cũng là quan niệm, là đòi hỏi của dân. Không thấy điều ấy, thì không thấy được cái vĩ đại và nét đại diện cho dân tộc ở Phan Châu Trinh được. Chính ông cũng nói:

Dân ta là thánh là thần

Bền gan chắc dạ, quỷ thần cũng kiêng.

(Bài trên, câu 371, 372)

Gs. Vũ Ngọc Khánh

(Kỷ yếu Toạ đàm 130 năm

ngày sinh Phan Châu Trinh Tam Kỳ- 2002)

Chú thích:

- (1) *Thư gửi toàn quyền Đông Dương* (chữ Hán, bản dịch của Ngô Đức Kế).
- (2) *Phi Liệp Bình* tức là Philippin.

BÀI TỰA CHỮ NÔM VIẾT CHO "HỢP QUẦN DOANH SINH THUYẾT"

Mở bản họa đồ của hai nửa địa cầu, xem sử dân tộc trong năm mảnh đại châu, mà nhìn rộng ra, hơn hai mươi triệu loài người, hàm răng đội tóc, vuông chân tròn đầu, hỏi xem có nước nào: lập quốc ở trước mặt đất hơn hai nghìn năm, tự Bắc chí Nam, nào ven bể nào đất liền hơn hai nghìn dặm; năm loại kim khắp đất, năm trăm giống thóc đầy đồng; nào rừng tre nào miếu gỗ, nào muối mắm chần tằm, cát chân tìm là được đủ ăn no bụng. Những kẻ bước chân đến nước mình, kiếm ăn đến xứ mình, đều lưng vốn gấp nghìn, hàng bày đủ mặt; mà cái ông chủ ngồi ôm lấy cái non sông gấm vóc đó, cứ lì lì, lười chân biếng tay, bịt tai nhắm mắt, học không hay cày không biết, công chẳng thiết thương chẳng cần; mùa được mà gào đói, nằm ấm mà than rét; trừ cách cúi đầu quỳ gót, khóc lóc van xin người ngoài, không còn có một nghề gì, một nghiệp gì để tự độ lấy thân cả; hẹp đất chật trời, không còn gì là thú sống; ốm hen hoai hỏ, sớm chẳng chắc chiều, như người nước ta vậy không? Chắc hẳn là không có...

Hỏi xem có giống người nào: quây quần hơn hai nghìn vạn, cùng sinh một đất, cùng bơi một dòng; trong ngoài⁽¹⁾ cùng một tục truyền, Nam Bắc cùng một thứ tiếng; khoe khoang nhau bằng lễ nghi văn hiến, xưng hô nhau bằng chú bác anh em; thế mà dãi giống khác, tiếp người ngoài⁽²⁾ thì vâng theo chiều chuộng, chỉ sợ không chu; đến như cùng giống cùng nòi, lại nỡ coi như quân thù, lạt như nước lã; ngã đau chẳng xót, mưu mẹo lừa nhau; không có một chút nào là tình liên lạc, không có một mảy nào là bụng thương yêu; không có cái đoàn thể bền chặt nào là đông quá ba người, không có một hội xã lợi ích nào là vốn hơn trăm bạc; chùa Phật điện Thần, vàng son rực rỡ; tiệc ca chiếu rượu, mâm chén

ngón ngang; ném món tiền nghìn lạng để cầu một chức quan, phá nghiệp nhà bậc trung để lấy một tên đồ; thế mà nói đến chuyện lập hội buôn, mở trường học, dựng xưởng thợ, khấn đồn điền thì thu tay đứng nhìn, một cái lông không muốn mất; lợi bằng cái tóc thì so kê, họa bằng cái núi thì không nghĩ; như người nước ta ấy không? Chắc hẳn là không có...

Than ôi! Lấy sợi tóc mảnh mà buộc nặng ngàn cân, hơi xềnh cửa sinh là lâm vào đất chết; ruổi cho mau, nổi cái tình thương yêu đây đây, bỏ cái nhâm gián cách nọ kia; hợp sông làm bể, giùm cây nên rừng; phàm việc sống phải nhớ, trừ ra chết mới bỏ; mưu sống như thế, còn sợ không toàn; huống hồ lại hợp một bọn vô số những hạng người cổ xưa, không học thức, không lý tưởng, không nghề nghiệp, không công đức, mà cho ra chống chọi trong giữa chừng mạnh được yếu thua, khôn sống mống chết này, ta không biết trông mong gì chẳng đem lòng lo sợ.

Ấy vì thế nên những người có biết, phải khóc máu sôi tim, mỗi mồm khan tiếng, mà ngay ngáy lo cho đồng bào ta trong bước sau này. Bài "Hợp quần doanh sinh" của ông Mai Sơn có lẽ cũng có ý ấy chẳng? Cũng có chí ấy chẳng? Ông là một người có tiếng ở Bắc Kỳ, nay lại đem sức theo đòi học mới; bể dâu biến cải, từng trải đã nhiều; nấn ná bấy lâu, ta biết rằng không có thể cứ nít thít mà nằm yên được, muốn ra tay tổ chức một công cuộc cho xã hội, mà trước hết viết bài này để hỏi người đời; ngầm nghĩ ý trong bài thì chẳng qua là lấy hợp đoàn thể, mở thực nghiệp là cái nghĩa thứ nhất trong lúc mở màn.

Song lại sợ dân đức, dân trí nước mình, còn chưa đủ để nói chuyện ấy chẳng. Nên lại lấy những tập tục hủ bại từ trước, những tình trạng khốn nạn hiện nay, đem ra mà ghép nên lời, tỉ tốt cân quyền, ba tiếng than sau, theo với một câu xưởng trước.

Tôi đến Hà Thành mới đây vài tháng, muốn tìm những văn nghị luận của các sĩ phu ngoài Bắc, đã lâu mà chưa được bài nào. Gần đây ở nhà ông Nghiêm⁽³⁾ là chủ hội Hà Thành Quảng Hợp Ích Thương hội, được xem bài này của ông (Mai Sơn) không xiết vui mừng, vội khuyên để xuất bản. Lại được sớm hôm đi lại, cùng nhau bàn bạc, thời sự, mới biết rằng ông đối với tiền đồ Tổ quốc, sắp nói trong một bộ sách lớn, mà bài này chẳng qua một mảnh

lông trong chiếc áo cát quang đó thôi. Vả chẳng cứ như điều được biết, thời cái thế kỷ hai mươi này, chính là cái cuộc đời của người văn minh, cùng người bán khai, đương ganh đua lấy bước sinh tồn. Các nước châu Âu châu Mỹ trong vòng năm mươi năm nay; cái dây gấn bó của dân tộc, muôn người cùng lòng, còn đường tiến hóa của nước nhà, một ngày ngàn dặm; mà những kẻ lo sâu nghĩ xa ở trong nước, còn không ngại mòn óc nát tim, ráo môi khô lưỡi; hằng ngày xây một cái huyện tường sắp tới, rất hiểm rất nguy, để rên rĩ ngay cạnh vách; hằng ngày nêu một cái mục đích, rất tươi rất tốt, để khua múa ngay bên mình; mà các nước Á đông chúng ta cùng rung động xôn xao về cơn sóng gió mới của toàn thế giới. Những bậc nhân nhân chí sĩ giật mình về những cơ sống chết mất còn của dân của nước, cùng nhau xuôi ngược kêu rao, ngậm ngùi than vãn; sớm viết một tập sách, chiều ra một tờ báo; để hằng ngày gõ vào đầu, khua vào óc cho người trong nước; khác nào vớt chết đuối, chữa cháy nhà, không thể một khác nào là để chậm; khác nào đói ăn cơm, khát uống nước, không thể một người nào là nhạt nhẽo. Ấy thế mà một người rên trăm người hỏi, một người xướng trăm người theo, đọc những sách, xem những lời bàn; cơ hồ không biết là nét chữ hay là dòng châu, là nét mực hay là dòng máu; khiến cho người xem phải khóc phải ngâm, phải nghe phải tức, phải dựng chân tóc, phải đau khúc lòng. Đến nay xếp vào nhà có thể chập đến xà ngang, tải lên xe có thể nhọc cho trâu kéo (thử chi vị: hãn ngư, sung đồng = chính là bảo: làm chảy mồ hôi trâu, làm đầy cả xà nhà). Thế mà thế vẫn chưa thôi, nước ta trong mấy mươi năm nay, thế nước rất đổi khó khăn, lòng người ngày càng suy kém; cái gương mờ ám trước mắt, cái đường nguy hiểm sau này; đều có cái thể tan hoang không đợi trọn ngày, điều đó chẳng cần phải kể; người biết thời mới xét được ra, người khéo miệng mới bày được gió. Thế mà những kẻ đọc sách biết chữ trong nước, chưa có ai làm được một bài bàn, viết được một quyển sách, đăng được một tờ báo, để gọi là lay tỉnh người nước ta trong một phần muôn. Dẫu có một vài ông học sĩ, đôi ba cậu thiếu niên, gọi độc lập, nói tự do... song chẳng qua khí khái hão mà tức tối xằng; chấp nhặt vài ba danh từ mới, để làm câu nói đầu lưỡi; chứ thực thì không phương châm, cũng không mục đích; không lòng kiên nhẫn, không chí lâu bền; lúc xoay đông, lúc lại chuyển tây; chốc nóng bốc, chốc

đã lạnh ngắt. Giá phỏng có ai lấy lời ngông ý hời mà bẻ bai, đem mặt giận tiếng to mà dọa nạt; thời lại hồn mê chí quẩn, mặt xám mình run; lấm lét bàng hoàng, bỏ ngay chủ ý. Tìm lấy kẻ đã ngã thêm hăng, trăm lay chẳng chuyển, thời thực là chưa thấy được mấy người. Sĩ đã thế rồi, dân lại càng quá, còn mong gì không chôn không khuất, tự đứng tự đi; tro tro giữ vững trong vòng, đối mặt bi ca, dưới chỗ mấy lần áp chế, mở toang lối quây, quát lớn gào to; phá tan giấc mơ mộng cho triệu người, cứu vớt kiếp đắm chìm cho muôn thuở; để mở một con đường sinh hoạt cho nhân dân, phóng một tia sáng quang minh cho Tổ quốc nữa đâu!

Than ôi! Non sông Hồng Lạc, bể dâu chưa tắt khí thiêng; thời buổi gió mây, thảo dã⁽⁴⁾ còn nhiều người giỏi. Lên cao gọi một tiếng: nước ta còn có người nữa không? Ta chắc rằng trong vòng gió bụi, dưới chốn suối rừng, tất nhiên có một ông Mai Sơn vùng ngồi dậy, nhovn miệng cười mà rằng: "Việc đó không phải là việc lạ lùng gì lắm", mơ màng nghĩ đến, tinh thần tìm đến, ta lại chắc rằng ông Mai Sơn cũng cho câu nói của ta, phải như Hà Hán⁽⁵⁾ đâu xa mà ngờ!

PHAN CHÂU TRINH soạn

Chương Thâu phiên âm
theo nguyên bản chữ Nôm - sách
của Thư viện Viện nghiên cứu Hán Nôm
Ký hiệu: VNV.224.

Chú thích:

- (1) *Trong ngoài*: tức là đảng trong đảng ngoài.
- (2) *Giống khác, nước ngoài*: chỉ người Pháp.
- (3) *Ông Nghiêm*: có lẽ là Nghiêm Xuân Quảng, một nhân sĩ Bắc Kỳ, có tham gia lập hội buôn trong hồi đó.
- (4) *Thảo dã*: đồng cỏ, chỉ nơi thôn quê, núi rừng.
- (5) *Hà Hán*: nghĩa chính chỉ non sông Ngân Hà ở trên trời. Nghĩa bóng chỉ điều gì viễn vông, xa cách, khó thực hiện được.

THƯ GỬI NGÀI TRẦN THAI XUYỀN⁽¹⁾ GIÁO THỌ PHỦ NINH HÒA - KHÁNH HÒA

Tôi xin chúc Ngài bình an để làm tròn nghĩa vụ.

Trước khi đến đây (không cụ thể - chú thích trong bản sao) tôi được biết Tôn Vị đã được bổ nhiệm về Ninh Hòa, Ngài đã đến nhiệm sở chưa? Mọi việc ở đó ra sao? Mọi người đều phải tùy cơ ứng biến để được yên lành. Hơn nữa ở đó có quan Đốc học là bạn quen cũ⁽²⁾ và Ngài ở đó chắc phải bàn bạc với Ngài ấy để có cách loan truyền tân học có kết quả. Tôi đã hiểu lòng Ngài nhưng chớ có tính chuyện xin từ nhiệm để rút lui. Ở đây tôi đã thỏa thuận với Nguyễn Văn Vĩnh, một cộng tác viên của tờ báo, chúng tôi đã gửi thư đến các tỉnh (Tôi đã gửi thư cho Nguyễn Tử Trực nhưng thư chưa nói rõ). Ngày nào ở đó có việc, tôi sẽ viết thư cho Ngài ngay.

Người biển Bắc, kẻ trên trời⁽³⁾ xin gửi Ngài lời cầu chúc vạn an, và chỉ thế thôi.

PHAN CHÂU TRINH

(Theo Lê Thị Kinh (tức Phan Thị Minh) biên soạn:

Phan Châu Trinh qua những tài liệu mới. T.I. Nxb Đà Nẵng. 2001)

⁽¹⁾ Tức Trần Quý Cáp, hiệu là Thai Xuyên.

⁽²⁾ Đây là ông Hồ Sỹ Tạo, cũng là nhân sĩ yêu nước.

⁽³⁾ Nguyên bản dịch tiếng Pháp "L'un à la mer du Nord, l'autre au Ciel", không rõ nghĩa.

TỜ KHAI CỦA PHAN CHÂU TRINH TẠI HUẾ

Duy Tân năm thứ Hai, tháng 3, ngày 9 (9.4.1908)

"Tôi tên là Phan Châu Trinh hàm trước tác sĩ bổ. Bị nhà cầm quyền Pháp bắt khi đang ở tại Hà Nội, bị dẫn về giam tại Huế và được các thành viên Phủ Phụ Chánh yêu cầu làm bản khai, tôi xin khai như sau:

Tháng 9 năm ngoái (10.1907) tôi ra Hà Nội để kiếm chỗ dạy học. Thỉnh thoảng tôi viết các bài báo (bằng chữ Hán) để bán cho tòa báo. Không tìm được việc làm như ý, tôi viết hóa đơn gửi Ngài Thống sứ Bắc Kỳ xin phép mở một trường dạy tiếng Pháp và chữ Hán, ký đơn là các quan và các thông dịch viên ở trong thành phố và bản thân tôi, đơn chưa được trả lời, tôi buộc lòng phải nán lại để chờ đợi và đã bị bắt ngày 30 tháng 2 (2.3.1908) và giải về Huế.

Những điều tôi khai trên là đúng sự thật và có thể được những người làm chứng xác nhận.

Tôi hoàn toàn không biết các vụ lộn xộn xảy ra ở Nghệ An và Hà Tĩnh vào giữa tháng 2 vì lúc đó tôi đang ốm ở Hà Nội và mãi 15 ngày sau mới lành bệnh. Mọi người trong thành phố này đều biết việc tôi bị ốm.

Hành trình bằng xe lửa từ Hà Nội đến Nghệ An và Hà Tĩnh mất cả một ngày. Nếu tôi dừng lại ở đâu, ở nhà ai, hay nói với ai về việc gì, thì không thể có chuyện không ai thấy tôi hay nghe tôi nói.

Được hỏi vì sao trong các cuộc nói chuyện tôi đã chỉ trích và phàn nàn về nhà cầm quyền, tôi đã đáp tôi đã nói về sự nhũng lạm của các quan chức hay về tình cảnh dân chúng là vì tôi mong muốn dân được đối đãi tốt hơn chứ không có ý gì xấu.

Được hỏi vì sao khi rời làng đi tôi không để địa chỉ lại và cũng không xin giấy thông hành, tôi đã đáp: vì nghèo khổ phải đi tha phương cầu thực nhưng tôi có để địa chỉ lại (khi ở Hà Nội tôi có viết thư cho lý trưởng biết địa chỉ để trả lời). Còn việc đi Bắc Kỳ không xin giấy thông hành, thì do tôi không biết là phải xin phép vì trước đây tôi rời quê đi các nơi khác (khi ở Quảng Nam hay Thừa Thiên) không ai hỏi giấy tờ của tôi cả. Vì lý do sức khỏe tôi đã phải xin từ bỏ mọi chức trách (tôi đã gởi đơn từ nhiệm đến Bộ Lễ) và không thể buôn bán gì được vì thiếu vốn.

Được hỏi vì sao đi diễn thuyết khắp nơi, tôi đã đáp là vì tôi đọc sách thấy sách nói ở Pháp người ta dạy khoa học, văn học, hành chính và luật pháp, đủ cả các môn, vì muốn cho đồng bào mình cũng được thấm nhuần, tôi đã chỉ ra cho những ai muốn yêu cầu chữ tôi không hề làm các cuộc tuyên truyền gì khác cả.

Những điều tôi khai trên đây hoàn toàn là sự thật.

Phan Châu Trinh hàm trước tác, đã thảo ra văn bản này.

Ký tên PHAN CHÂU TRINH

Sao y nguyên văn.

(Theo Lê Thị Kinh. Sdd)

CUỘC NÓI CHUYỆN VỚI QUAN THỐNG SOÀI SÀI GÒN Ở TRÊN ĐÀO CÔN LÔN

Tiểu dẫn: Ngày 8-9-1909, Quan Thống soái Sài Gòn ra ngoài đảo (Côn Lôn) cùng quan Chánh tham biện ở đấy ra nơi trại cụ Tây Hồ ở và có cuộc đàm thoại. Theo thư cụ Tây Hồ gửi cho tôi (tức Huỳnh Thúc Kháng), thuật những lời vấn đáp như sau:

... “Quan Thống soái hỏi:

- Ông còn có tư tưởng phản đối nước Pháp nữa không?

Cụ trả lời:

- Bản tâm không có tư tưởng đó. Tôi phản đối cái chính sách ngược đãi người Việt Nam chúng tôi, chứ không phản đối nước Pháp.

- Có quen biết Phan Bội Châu không?

- Chính anh em bạn.

- Vậy thì anh cũng là đảng bài Pháp chứ gì?

- Phan Bội Châu hiệu Sào Nam, là một tay hào kiệt ái quốc của nước Nam, trong nước không ai không biết tiếng. Ngày tôi ở Kinh đô Huế, thường qua lại luôn, đến nghị luận việc nước thì ý kiến giữa tôi với Sào quân, hai bên không đồng mà lại trái nhau hẳn.

- Trái nhau thế nào?

- Phan Bội Châu nhận hẳn rằng người Pháp quyết không có thiệt lòng khai hóa cho người Nam, nên nói việc khai hóa, trước phải tìm cách đánh đổ chính phủ Pháp, mà muốn đánh đổ chính phủ Pháp, không nhờ cậy thế lực một nước mạnh

ngoài, thì tự người Nam không làm gì được. Hiện nay, nước mạnh duy Nhật Bản là nước đồng văn đồng chủng nên cầu viện với Nhật Bản...

Tôi bác cái thuyết trên của Sào quân, lấy lẽ rằng, người nước Nam chui núp dưới chính thể chuyên chế đã trên ngàn năm, chưa có tư cách quốc dân độc lập, đâu có cật sức nước ngoài, chỉ diễn cái trò “đổi chủ mà làm đầy tớ lần thứ hai”, không có ích gì. Vả lại, nước Pháp là một nước làm tiên đạo văn minh cả hoàn cầu, nay hiện bảo hộ nước ta, mình nhân đó mà học theo, chuyên dụng tâm về mặt khai trí trị sinh các việc thực dụng. Dân trí đã mở, trình độ một ngày một cao, tức là cái nền độc lập ngày sau ở đấy. Còn theo chính kiến “cật sức nước ngoài” thì nó quanh co khúc chiết, mình không tự lập, ai là kẻ cứu mình, Triều Tiên, Đài Loan, cái gương rõ ràng, người Nhật chắc gì hơn người Pháp.

Sào quân không nghe, cũng không nhận là phải, phủi áo ra đi, làm theo ý kiến mình.

- Vậy thì ông sang Nhật Bản là ý gì?

- Chính kiến của tôi, trái với chính kiến của Sào quân, Sào quân sang Nhật có chỗ đứng chân, bèn phát biểu chính kiến của mình, làm sách làm báo gửi về trong nước, người nước Nam phần khổ với ngược chính của quan lại, gia dĩ sưu cao thuế nặng, không biết kêu van vào đâu. Đương giữa lúc người đau cần thuốc, co lâu muốn đuổi, được sách cổ động của Sào quân cổ xúy, gãi nhăm chỗ ngứa, cả nước đều hưởng ứng, một kẻ xương muôn ngàn người họa, cái chính kiến “tự lực khai hóa” của tôi bị phong trào “Đông học” che át, không xuất đầu ra được, không ai thêm nghe, thực sự trăm phần thiếu thốn, mà cái tiếng trống kêu đội sẽ gây ra mối nguy hiểm cho đường tương lai của quốc dân, không thể tránh được. Bất đắc dĩ, tôi mới băng mình vượt biển thẳng sang Nhật Bản, thuật rõ tình hình phù thảo và cảnh tượng nguy hiểm trong nước cho Sào quân nghe, khuyên Sào quân chăm lo đào tạo bạn thiếu niên du học, mà gác tư tưởng hành vi “bạo động”, đợi thời hội khác. Nhưng Sào quân nhất vị cố chấp, lấy lẽ rằng một nước êm đềm

trong giấc ngủ như người bệnh gần chết, nếu không giống trống to, trống cò lớn, thổi kèn, gõ mõ, làm như đông sấm, thì không sao đánh thức giấc ngủ kia được...

Tôi ở Nhật Bản vài tháng, cùng Sào quân biện cãi nhiều lần, rút cục Sào quân không nghe, tôi bèn từ về, ấy là khoảng tháng 6 năm 1906.

- Về nước ông làm những gì?

- Tôi không theo chính kiến của Phan Sào quân, cũng như Sào quân không theo chính kiến của tôi, ai làm theo sở kiến nấy. Về nước tôi trù cùng anh em đồng ý tổ chức lập những hội công khai như Học hội, Thương hội v.v... Nhưng vì sĩ phu nước Nam thuở nay chưa có cách tổ chức ấy, ban đầu mới khởi làm, không khỏi có vẻ kinh quái, những lời bàn nghị nổi lên, sẽ sinh ra lắm điều ngăn trở. Vì thế nên tôi trước làm bức thư điều trần, gửi lên quan Toàn quyền, quan Khâm sứ và đăng báo Tây, thuật rõ tình trạng trong nước cùng hiểm tượng Đông Dương, bản ý là cốt tỏ bày mối tâm sự, mở đường khai hóa sau này, chớ không có ý gì khác, không dè vì thế mà mang tội.

Quan Thống soái còn đang ngẫm nghĩ. Tôi (Phan Châu Trinh) nói tiếp: - Tôi xem sử Âu Tây có khi anh em một nhà mà chính kiến khác nhau hướng là anh em bạn.

Thống soái gật đầu và nói:

- Ông nói phải, chính kiến không đồng nhau, cái đó vẫn thường. Ông muốn nói gì nữa không?

- Tôi ra ngoài hòn đảo này đã gần hai năm, cách xa trong đất, tin tức không. Song có bọn tù ở Bắc Kỳ vào đây thuật chuyện ngoài ấy, nói biên giới Bắc Kỳ và phía Bắc Trung Kỳ thỉnh thoảng có những hành vi kịch liệt. Nhà nước xử bằng nghiêm hình trọng phạt, e nhân đó gây ra mối biến loạn to, cái đó rất là thất sách, không phải cách xử trí thích hợp.

- Tôi vâng lệnh quan Toàn quyền ra đây, cốt hỏi ý kiến ông, còn việc gì muốn nói cứ nói ngay, không can ngại gì.

- Vâng, tôi lúc ở trong nước, vào Nam ra Bắc, dân tình lại tẻ, nghe thấy cũng nhiều. Khi các nhà đại chính trị sẵn lòng

thâu thái, sẽ biên chép và trình bày sau, trong một cuộc đàm thoại không thể nói hết được.

- Ông ở lại mạnh giỏi, tôi sẽ đạt ý ông lên quan Toàn quyền, có lẽ chúng ta sẽ gặp nhau ở Sài Gòn nay mai”^(*)

(Theo Minh Viên Huỳnh Thúc Kháng:
Thi tù từng thoại NXB Nam Cường, Sài Gòn. 1951, tr.104-107).

^(*) Quả như lời quan Thống soái hứa trên, độ trên một tháng thì có chiếc tàu đặc phái ra đảo Côn Lôn đưa Cụ Tây Hồ về Sài Gòn. HTK.

BẢN SAO 2 THƯ MẬT GỎI CHO GIA ĐÌNH

Ghi chú 1: Thư 1.2.1910 của Khâm sứ Trung Kỳ (lúc này là Groleau - PTM) gửi thông đốc Nam Kỳ báo về kết quả phát hiện được thư Phan Châu Trinh từ Côn Đảo gửi về cho thân nhân:

"Trong tháng 12.1908 tôi đã trao cho Ngài Bonhoure để chuyển đến tiền nhiệm của Ngài một thư của Phan Châu Trinh đã chặn lấy được (ở địa phương - PTM) và đề nghị đặc biệt kiểm soát y hơn nữa. Nhưng do tình hình Ngài Bonhoure bị tai nạn đột ngột tôi không chắc Ngài ấy đã kịp trao cho người quyền nhiệm để chuyển đến Ngài. Vậy nay tôi xin nhắc lại và gửi đến Ngài bản sao của thư mới y gửi ngày 8.12.1909. Trong thư này y đã gợi nhắc đến cuộc viếng thăm của Ngài và đã viết những điều làm ta nghĩ là y đã nhận được thông tin bên ngoài về số phận mình cũng như về cuộc vận động của những kẻ bênh vực cuộc nổi loạn. Vì vậy cần phải thắt chặt hơn nữa việc kiểm soát và cố lấy cho được thư trả lời bức thư ấy của y. Nếu lấy được xin báo và sao gửi cho tôi".

Chi chú 2: Bản sao thư Phan Châu Trinh gửi gia đình bị chặn lấy ở Quảng Nam. Theo thư trên đây của Khâm sứ Trung kỳ và nội dung viết trong hai thư của Phan Châu Trinh bị chặn lấy ở Quảng Nam thì hai bức thư này được viết khoảng cuối tháng 11.1908 và 8.12.1909 tại Côn Đảo. Nội dung cho thấy thư không qua kiểm duyệt tại Côn Đảo, nhưng về đến địa phương thì bị chặn lấy (theo thư Khâm sứ Trung Kỳ ngày 1.2.1910).

Thư số 1: (viết khoảng cuối tháng 11.1908 tại Côn Đảo)

"Không phải vì lười mà tôi viết thư này nhưng bắt buộc phải viết như vậy. Mong rằng sẽ được hiểu đúng nhất là ở các đoạn cuối. Và phải thật hiểu trước khi hành động, vì phải nói rất khéo và khó nói. Phải đọc kỹ nếu chưa thật hiểu thì đừng nên làm gì.

Về tình hình thì tôi đã nói ở thư số 4, không nhắc lại.

Ngày 14.10 (7.11.1908) tôi đã nhận được thư và hộp đồ gửi. Tất cả đều đủ như trong thư.

+ 600 viên Lý trung hiệp thốn kim

+ gói thuốc bột

- + 1 ve và 1 gói thuốc để bôi mũi
- + 1 gói quế bột (6 chỉ) - 2 miếng quế - 2 ve dầu khuất thân
- + 2 cần câu (có giầy bằng tơ và ống làm cần)
- + 1 mền đắp và 2 đôi tất.

Rất vui được biết cả nhà bình yên. Nghe nói anh Năm⁽¹⁾ dạy các cháu học, rất mừng nhưng xin lưu ý là chữ quốc ngữ và chữ Pháp đặc dụng hơn. Các cháu phải cố gắng học, dần dần sẽ có kết quả tốt.

Được báo sẽ gọi tiền khi tôi cần. Rất đồng ý.

Rất mừng biết anh Xã⁽²⁾ và các cháu đã thôi cờ bạc rượu chè và lo làm ruộng, bà con anh em trong làng sống không xích mích gì.

Tất cả những gì đã gọi đủ dùng cho 5-3 tháng nữa. Khi cần gì sẽ báo để gọi. Từ khi đến đây nhiều người đã giúp tôi nhiều nhưng tôi chưa đền đáp được. Để đền đáp tôi muốn nhà mua cho tôi một tấm lụa tốt 10 thước (đủ may 2 áo dài, 1 cho nam, 1 cho nữ) gọi đến bằng bưu điện càng sớm càng tốt vì rất cần.

Tôi không hiểu tình hình quê ta thế nào nhưng hôm 30 tháng 8 (24.8.1908) tôi thấy có một đoàn 27 người trong đó có 8 ở tỉnh ta, 2 ở phủ ta. Họ bị án nặng phải làm lụng rất khổ.

Nhờ báo gia đình Dánh Viên⁽³⁾, Nam Thạnh⁽⁴⁾, Hải Châu⁽⁵⁾, Phong Thử⁽⁶⁾ và 4 người khác là phải tìm cách lo lót để họ đỡ bị hành hạ nếu không sẽ khổ lắm. Vì vậy phải nói các gia đình gọi ra Hà Nội mua 3 tấm khăn bàn bằng lụa thê (người Pháp thường trải bàn ăn). Họ bán ở Hàng Trống giá 30 đến 50 đồng cả 3 tấm. Và gom từ 40 đến 50 đồng để gọi ra cùng với các khăn bàn. Tôi sẽ xoay xở để làm cho họ thoát khỏi bị hành hạ. Vì họ bị án khác tôi

⁽¹⁾ Đây là ông Trần Đình Phiên con ông Trần Đình Phong, thầy học của Phan Châu Trinh thường gọi là ông Năm, rất thân thiết với ông Phan, đã chăm sóc gia đình ông Phan và sớm tổ chức đường dây liên lạc trên biển với ông.

⁽²⁾ Ông Phan Uyển tức Xã Hán, anh thứ 2 của Cụ Phan - PTM.

⁽³⁾ Túc Minh Viên Huỳnh Thúc Kháng - PTM.

⁽⁴⁾ Túc Nguyễn Thành quê ở Nam Thạnh - PTM.

⁽⁵⁾ Túc Lê Bá Trình quê ở Hải Châu, Đà Nẵng - PTM.

⁽⁶⁾ Ông Phan Thúc Duyện quê ở Phong Thử - PTM.

nên tiền bạc đem ra bị thâu lấy hết chưa trả lại, đến tiền mua giấy thuốc cũng không có. Xin chú ý việc này vì lộ ra sẽ rất gay.

Anh Năm thân kính⁽¹⁾.

Khi các gia đình tìm mua được đủ các thứ xin anh bỏ hết vào một hộp và gửi ra theo bưu điện và phải đến đây trong tháng 12 (12 tây). Nếu anh tìm được lụa tốt thì xin cũng gửi cho tôi trong dịp đó. Hộp hàng cũng niêm phong và đề địa chỉ như anh gửi trước. Nếu anh gửi theo nó 1 lá thư thì xin viết rất đại lược, đừng kê rõ các thứ gửi và tên người có của đó.

Nếu yêu cầu trên gặp khó khăn không làm được thì sẽ rất khổ. Phải cố gắng mua sắm cho được.

Sau này nếu các gia đình nhận được thư từ nhân và phúc đáp thì chớ nói gì về việc đã làm. Khi nào tôi dần xếp xong thì những người tù liên quan sẽ trực tiếp báo tin.

Anh Năm ơi, anh phải hiểu đúng nghĩa của thư và nhắc các gia đình phải rất chú ý. Mặc dầu tôi được tương đối tự do nhưng bị theo dõi rất kỹ, chớ nói gì cấm kỵ trong thư, nếu lộ ra sẽ rất nguy hiểm.

Thuốc gọi là thuốc trà⁽²⁾ ở đây rất quý. Nếu có dịp anh gửi cho tôi 5 xấp tôi sẽ rất mừng.

Thư này gửi cho chị dâu tôi và cho anh Xã. Gửi lời chúc tất cả bà con anh em. Về các cuộc thăm viếng anh muốn làm ở đây, tôi sẽ trả lời khi hỏi được rõ hơn.

PHAN CHÂU TRINH ký tên

Thư số 2: Viết ngày 8.12.1909

"Tôi vẫn mạnh thường, không hay viết thư vì không có chuyện gì nói.

Ngày 4.5.1909 (15 tháng 3) tôi có nhận được thư báo cái chết của nhạc mẫu và... (bản dịch chữ Pháp không rõ nghĩa - PTM) và của cậu, chị Tám đã lấy chồng và đã gửi 30 đồng và 10 miếng lụa,

⁽¹⁾ Thư gửi qua ông Trần Đình Phiên, thường gọi là ông Ấm Năm, thư này có khả năng là theo đường liên lạc trên biển.

⁽²⁾ Thuốc trà: cũng gọi là thuốc chè tức thuốc Lào để hút bằng điều cày hoặc điều bát.

1 chén tiêu và 1 gói thuốc hút Bắc Kỳ. Tôi đã nhận đủ và đã trả lời, không biết nhà có nhận được thư đó không mà không thấy phúc đáp, tôi rất mong. Nhận được thư này xin trả lời ngay cho tôi biết nhà ta sống ra sao, con cháu ta học hành có khá không, mùa màng ra sao?

Ở đây nhờ làm nghề thủ công, tôi sống đủ, không cần gởi tiền cho tôi. Nhưng nhận được thư này cần may gởi gấp cho tôi 2 cái áo một áo dài trắng và một áo ngắn bằng vải thô để tôi mặc khi đi câu, phía trước may 2 cái túi bên phải và bên trái để đựng các đồ vật và 2 cái quần, còn không cần gì nữa.

Trung tuần tháng 9 năm nay⁽¹⁾ quan phó Toàn quyền có đến đảo, đến tận nơi tôi ở và hỏi thăm. Tôi đã trình bày mọi lẽ vì sao bị án và ông quan lớn này có vẻ chú ý lời tôi nói. Có lẽ chúng ta sẽ có cơ hội gặp lại nhau, xin bà con anh chị em đừng lo lắng. Ở đây tôi có nhiều tin mừng không tiện nói nên chỉ viết vắn tắt. Sẽ nói rõ khi gặp lại.

May 2 cái áo bằng vải ta (áo dài vải mịn - áo ngắn bằng vải thô) 2 cái quần, 1 cái bằng vải tây hay vải ta tốt, 1 cái bằng vải ta thô.

26 tháng 10 năm Kỷ Dậu (8.12.1909). Đây là thư gởi cho chị dâu cả, cho 2 anh, cho các anh chị em và cho vợ tôi.

PHAN CHÂU TRINH
(Theo Lê Thị Kinh - Sdd)

⁽¹⁾ Trung tuần tháng 9 là theo âm lịch, tức 18.11.1909 dương lịch.

THƯ GỬI QUẢN LAO CÔN ĐẢO 31-7-1910

*Ở Côn Đảo tôi còn 2 thùng: 1 đựng vảy đồi mồi,
1 đựng đồ lật vạt. Cả 2 đều ở bàn giấy ông kế toán.
- Tôi còn gởi các cửa và kéo cho người giữ chuồng bò.
- Yêu cầu chuyển hết các thứ trên về đây cho tôi.*

*Tôi có nuôi được 12 gà trống + mái, 11 gà con và 2 con vịt
hiện ở chuồng heo và do cai Nguyễn Cao Lân coi, yêu cầu bảo
người này bán hết và trả cho anh Hai Khai 1 đồng, Lý Nhường 2
đồng, còn đưa hết cho Lê Bá Trinh đã cho tôi mượn 10 đồng.*

Phan Châu Trinh ký tên⁽¹⁾
(Theo Lê Thị Kinh - Sdd)

⁽¹⁾ Ngay trong ngày 31.7.1910 Thống đốc Nam Kỳ đã có thư 3778 cho quản lao Côn Đảo: "Xin chuyển đến ông bản sao yêu cầu của Phan Châu Trinh về các đồ vật đã để lại khi rời Côn Đảo. Mong ông sẽ ra lãnh để các yêu cầu của đương sự được giải quyết..."

TUÔNG
TRUNG NỮ VƯƠNG

Tiểu dẫn: Tuồng này nguyên tác của các nhà cách mạng Việt Nam bị đày ở Côn Đảo. Dưới đây là chép theo lời của cụ Tú tài Trương Huy (tức cụ Tú Chúc) người làng Tiên Đô, quận Thăng Bình, Quảng Nam, cha của ông Trương Trọng Luyện. Cụ Tú cũng là một nhà cách mạng cùng bị đày một chỗ, khi ra tù thì ai cũng bị lục soát không đem theo được giấy tờ gì, nên tập tuồng này cũng bị tịch thu, không còn *di cảo* nào cả. Rất may là nhờ tài cường ký của Cụ Tú, Cụ đã thuộc lòng và đọc lại cho chúng tôi chép lại vào khoảng năm 1927 lúc Cụ ra chơi nhà tôi tại Huế.

Theo lời Cụ Tú thì vở *tuồng* này là do các bậc thâm nho trong đó có các cụ Phan Tây Hồ, Huỳnh Minh Viên v.v... soạn chung trong khi bị lưu đày để giải trí.

Văn chương vở *tuồng* rất là cao thâm hùng hồn! nhưng trong khi chép lại theo trí nhớ và đọc lại, chắc không khỏi có chỗ sai sót. Tuy vậy tinh thần vở *tuồng* tưởng không đến nỗi nào!

Vậy xin kính cẩn ghi lại để lưu truyền về sau.

Bị chú: Vở *tuồng* này nhà xuất bản Anh Minh, Huế, năm 1962 có ấn hành, nhưng xem ra có nhiều chỗ khác hẳn còn sai sót.

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 5 năm 1974

LÊ ẤM

TRUNG VƯƠNG xướng:

*Hảo giang sơn hà!⁽¹⁾
Non nước Hồng Bàng lắm khí thiêng,
Ngàn năm rạng mặt gái thuyền duyên.
Mây râu ai nấy phường nô lệ,
Xem thử quần thoa giống nữ quyền.*

Họ Lạc Long đứng giữa Nam thiên, thiếp Trưng Trắc vốn dòng nữ kiệt. Như thiếp nay cân quắc tuy hổ mình khuê các, mà kiếm cung song cũng chí nam nhi. Thời đây tơ hồng từ kết với họ Thi, tấm lòng đỏ vẫn thể cùng nước Việt.

Tôi nghĩ nước Nam ta mấy ngàn năm ở trong đất Á châu này, vốn là một nước tự chủ, ai ngờ từ nội thuộc về nhà Hán, nó sai thằng Tô Định qua làm Thái thú, nó hoành chính bạo liêm⁽²⁾, bác tước đồng bào⁽³⁾, quyền trong nước về trong tay nó cả. Bởi vậy cho nên, trông nước cũ mệnh mông cũng tiếc, mà gớm tay người thảm độc đường bao. Thời chừ tôi, biết mưu chi mà cứu kẻ đồng bào, còn ngồi nghĩ lại đã kém tay ái quốc. Âu là kíp tới nơi thụ thất, đành bàn với phu quân, xong.

THI SÁCH nói:

*Hảo phong cảnh hà!⁽⁴⁾
Tản Lĩnh văn phong Quế hải trần
Tây Hồ hồi thủ lệ triêm cân.
Khả lân Hồng Lạc thiên niên quốc,*

⁽¹⁾ *Hảo giang sơn hà!:* Núi sông đẹp dữ! ý nói đất nước ta tuyệt đẹp.

⁽²⁾ *Hoành chính bạo liêm:* ý nói ngang ngược bạo tàn.

⁽³⁾ *Bác tước đồng bào:* bóc lột đồng bào ta.

⁽⁴⁾ *Hảo phong cảnh hà!:* cảnh đẹp biết bao!

Như thử giang sơn tọa phố nhân⁽¹⁾.

Đại Nam Việt quốc dân, Thi Sách ngô biểu tự⁽²⁾. Như tôi, duyên khang lệ⁽³⁾ kết cùng Trưng Nữ, gương trung trinh nổi dãi Lạc hầu, nghĩa đồng bào ghi dạ lâu lâu, còn chữ ái quốc khắc xương tạc tạc.

Thời tôi tủi vận nước gặp cơn tráo chác, mà lại thương người mình lắm nỗi ngu hèn. Từ Hán hoàng ý sức cường quyền, sai Tô Định làm quan trấn thủ, cái thằng Tô Định nó ác cha chả, thường niên cống minh châu thúy vũ⁽⁴⁾, còn ngạch ngoại chinh chích mỗi diên ngư⁽⁵⁾, một đầu người đã phân thuế phần sưu, mà khắp trong nước thấy đều hết dầu hết mỡ, thời dây nô lệ nó buộc vào khó gỡ. Tôi nghĩ chữ "nhơn phương đao trở, ngã vi ngư nhục"⁽⁶⁾, cái thế nó còn mạnh lắm, nên tôi phải miễn cưỡng nhất quan, đặt mà thừa cơ quan hấn⁽⁷⁾, làm vậy là: gánh giang sơn nặng cũng phải chiều, bởi vậy cho nên tấm trung trường những rối chín chiều. Tôi biết ai đây là người nghĩa phần, đặt tỏ cùng tác dạ chữ?

(TRUNG VƯƠNG ra)

THI SÁCH nói: Ủy, phu nhân đây mà, phu nhân ngồi. Những măng nhàn đàm cố ngã, ai ngờ hữu hạnh lương tiêu, vốn ta vô tín tương yêu, chẳng hay có thử lai thậm cán, mà hay.

TRUNG VƯƠNG nói: Dám thưa Phu quân, người đà nên trang hảo hán, công đâu đi nói chuyện nhàn đàm. Tôi dám hỏi có việc chi mà ngồi những lo thầm, xem dạng mặt còn đương buồn bực làm rứa nào?

⁽¹⁾ Mây gió nơi núi Tản, bụi trần(?) ở biển Nam (Quế hải),

Quay đầu nhìn về Hồ Tây, nước mắt thấm ướt khăn.

Thương thay nước tổ Hồng Lạc nghìn năm.

Ngồi nhìn sông núi này đã thuộc về người nước ngoài!

⁽²⁾ Người dân của nước Đại Nam Việt, Thi Sách là biểu tự của tôi.

⁽³⁾ *Duyên khang lệ*: duyên vợ chồng.

⁽⁴⁾ *Minh châu thúy vũ*: ngọc minh châu, lông chim trĩ.

⁽⁵⁾ Còn ngoài ra, vô số... nào là đất ruộng, trâu cày.

⁽⁶⁾ *Nhơn phương đao trở, ngã vi ngư nhục*: ý nói ta như cá thịt nằm trên dao thớt.

⁽⁷⁾ *Miễn cưỡng nhất quan, đặt mà thừa cơ quan hấn*: ý nói gắng gượng một keo, nhân dịp có quan Lạc hầu (?) cũng hưởng ứng (?).

THI SÁCH nói: Phu nhân hỏi tôi lo việc chi, buồn việc chi, thời tôi trông việc đời thêm bức tức, mà thấy người thế lại buồn cười, nhưng vậy mà chí nam nhân, thời người ta ngang dọc biển trời, chớ còn bụng đàn bà dạ con nít, can chi phận nhi nữ mà gạn gùng cội rễ, làm chi rúa.

TRUNG VƯƠNG nói: Ồ, Phu tướng tưởng tôi là đàn bà, nên giấu tôi đó chi, nhưng đàn bà như ai kia mà rằng, chớ đàn bà như tôi là lớp bể, quyết theo hồn Tinh Vệ, mà vá trời lấp dục Nữ Oa, chàng dầu toan mở mặt với sơn hà, là thiếp đâu dám đem lòng khê hác⁽¹⁾ hay làm rằng nào: Huống chi người ở trong nước trai cũng vậy, gái cũng vậy, phân trách nhiệm cũng hai vai chung vác, thời nghĩa công cừ⁽²⁾ sao cho một kiếp giả xong, mới phải chờ, thời trên phu quân lòng đã tỏ lòng, là dưới tiện thiếp cũng quyết việc cho nên việc.

THI SÁCH nói: Nan đắc tai nữ kiệt, nữ kiệt, tối hảo thị phu nhân, phu nhân⁽³⁾ ấy vậy mà tôi tưởng rằng yếm khăn là theo phận hồng quân, chớ ai hay rằng chí khí cũng rất nòi hoàng chủng, thôi.

Tôi nghĩ: Từ thằng Tô Định qua cai trị nước ta đến giờ, họa phúc cày một tay ủy sủng,⁽⁴⁾ thuế sưu thêm trăm mối tru cừ. Mà người mình thời lại ngu lăm, không biết nó là cừ mình, mà thôi, mà lại người tham tước, kẻ tham tiền, vả lại cày thế đó làm hại người mình, như thằng Ứng, thằng Trành làm vậy, thời nghĩa phục cừ đã không kẻ mày râu, mà ai có ngờ bạn đồng chí lại ở trong chăn gối, mà không hay.

TRUNG VƯƠNG nói: Nghe mấy lời gan phổi, tỏ những sự gần xa, non sông đâu xây lại nước nhà, là trời đất lẽ dung đâu tội nó. Nhưng mà tôi nghĩ người trong nước, ai cũng vây cánh nó cả. Cam sự lỗ⁽⁵⁾ đã quên nghĩ dòng họ, chừ phu tướng có làm việc chi đi

⁽¹⁾ *Khê hác*: Khe suối hang hốc.

⁽²⁾ *Công cừ*: Mối thù chung.

⁽³⁾ *Khó có được một nữ kiệt* (như nàng), tuyệt vời thay phu nhân (của ta)!

⁽⁴⁾ *Họa phúc... ủy sủng*: ý nói ban phát họa phúc. *Thuế sưu... tru cừ*: ý nói vợ vét thuế sưu.

⁽⁵⁾ *Sự lỗ*: thờ giặc.

nữa, tả đồ hữu xiết, tứ cố vô lân⁽¹⁾, tôi e lắm, e là e, ngẫu thất cơ khôn thoát lưới cừ thù⁽²⁾ chớ chẳng chơi, thời chi bằng đem công lý mà biện tranh với nó, lẽ văn minh ta trước thử yêu cầu, dầu nó không nghe ta đi nữa, bây giờ quân thiết huyết⁽³⁾ sẽ ra tay để kháng.

THI SÁCH nói: Thử ngôn thậm đáng, thậm đáng! Kỳ kế khả gia, khả gia⁽⁴⁾! Mưu lược này thôi mưa⁽⁵⁾ chớ nói ra, ở ngày hiệp nghị đã tới đây rồi mà, thôi cơ sự ấy sẽ tới đây xem thử. Chừ thời em khá lui nơi trưởng lý⁽⁶⁾, đợi cho anh kịp tới công tòa⁽⁷⁾ nghe.

HÁN TRẦNH nói: Tô Định ấy chủ nhà, Hán Trành⁽⁸⁾ là tên mỗ. Như ta thì biết bỏ buồm coi gió, tài hay vạch lá tìm sâu, mọi⁽⁹⁾ đem đường đà không sợ nổi oán thù, còn gà bươi bếp quyết ra tay ô mị⁽¹⁰⁾. Thời từ nước Nam nội thuộc về nhà Hán, nhà Hán sai Tô công qua cai trị tới giờ, nói cho phải: tôi cùng anh Tô Ứng, hai anh em tôi bữa nay bổ chúc này, tối mai thăng chúc khác, nghĩ cũng may lắm chúc. Bể phùng nghinh xứng ý, mà gặp cơ hội dễ khôn, nhưng nội triều giờ còn có gã Thi Sách, nghĩ ta chẳng là một người dị nghị đó chi, tôi nói thiệt làm cho chàng một trận thất hồn, đợi cả nước này vỡ mật, mới xong cho. Những mắng cặn lời đắc thát, bỗng nay đến buổi hội thương đây là. Chừ thời anh em ta dang tay tới chốn công đường, ngó hiệp mặt đợi luận bàn quốc sự, coi nhà gã⁽¹¹⁾ thế nào phát nghị⁽¹²⁾, rồi bạn ta sau sẽ tùy cơ, hê!

TÔ ĐỊNH xướng:

(1) Ý nói mọi việc lớn nhỏ, trong ngoài chẳng có ai để mà cậy dựa.

(2) Chẳng may mà thất cơ thì khó mà thoát khỏi lưới của kẻ thù.

(3) *Quân thiết huyết*: Quân lính chiến đấu bằng súng ống và máu xương.

(4) *Thử ngôn thậm đáng. Kỳ kế khả gia*: Lời nói này thật đáng giá! Kế lạ này đáng khen.

(5) *Mưa*: từ Việt cổ có nghĩa là dừng, không nên.

(6) *Trưởng lý*: Trong màn (nơi bàn việc quân cơ).

(7) *Công tòa*: tòa nhà làm việc quan (cũng gọi là công đường).

(8) *Hán Trành*: mật thám của quân nhà Hán (của bọn Tô Định...).

(9) *Mọi*: chỉ người dân tộc thiểu số (dùng người dân tộc thiểu số để dẫn đường).

(10) *Ô mị*: ý nói diệt trừ.

(11) *Nhà gã*: nhà hán.

(12) *Phát nghị*: Phát ra lời nghị luận (xem hán ta nói năng ra làm sao).

*Cửu quận dư đồ thánh chỉ huy,
Viêm bang tranh đô Hán quan nghi.
Thắng ưu quyền lợi thân vô hạn,
Xử xử cao tiêu xích hỏa kỳ⁽¹⁾*

Quyền trọng trấn Nam thù, ngã danh xưng Tô Định. Như ta chúc giam buộc người đã khôn lánh, còn sức áp đè ai nấy phải kinh, từ phụng Hán đình, qua dụ An Nam địa. Hễ cái nghề lấy nước người ta, muốn cho quyền lợi về mình, mà thế giới công luận đại cha chã, không phải không biết mình là thù nó, nó lại tham tước lộc, tham tiền bạc, mình chỉ lấy một chức quan năm ba đồng tiền mà nhử nó, thời nó đều làm vây cánh mình cả, như thằng Ưng thẳng Trành, vậy thời cam lòng cho voi nọ giày mỗ. Bởi vậy cho nên mình được thế, như hùm kia thêm cánh. Nhưng mà còn cái thằng Thi Sách, ngoài miệng cũng giả làm cung phụng, nhưng mà xem trong ý có hơi cương ngạnh, nên bạn đồng sự ai cũng ghét cho nó, đã lắm phen nài chúc khu trừ, nầy tao bảo cho: thói tự do dầu đó không chữa là lập mưu bạn⁽¹⁾, cũng có ngày khốn đốn chỗ chẳng chơi. Ồ, nay đã tới ngày nghị sự, chắc là đủ mặt các quan. Bồi binh! mau sửa soạn kỷ bàn, đặng hội đồng thương nghị, nghe!

(ĐỊNH, SÁCH, UNG, TRÀNH đều ra)

SÁCH, UNG và TRÀNH cùng nói: Ngày nay đã đến ngày hiệp nghị, chúng tôi đều chiếu lệ ứng hầu.

TÔ ĐỊNH nói: Mời các quan an vị. Quân, rượu đây! Xin mời các quan nầy! Rượu đôi chung gọi chút tạc thù, việc trong nước sẽ cùng nhau thương nghị, hê!

Từ khâm thừa Hán chỉ, qua dụ trị Nam biên, việc tiện nghi đã giành lấy được quyền chúc kinh tế cũng lắm điều công lợi. Thời tôi nghĩ nước Nam từ khi chưa nội thuộc về Tàu, trong nước thường thường có giặc giã trộm cướp, cho nên trong dân gian cũng

⁽¹⁾ Ý nói: Chỉ huy cả chín quận trong cả nước Nam không đánh nổi quân nhà Hán giành thắng lợi về nước nhà. Khắp nơi phải giương cao cờ đỏ rực.

⁽²⁾ *Mưu bạn*: lập mưu chống lại.

không được yên ổn. Từ hồi tôi qua cai trị đến nay, nói cho phải: ra uy gió thời đảng lục lâm nó viễn tị⁽¹⁾, còn rười ân mưa là nơi bạch ốc⁽²⁾ cũng sinh tân. Thời dưới xã dân đã lợi ích trăm phần, như những việc làm cầu, đắp đường, cùng các việc học hành dạy bảo, cũng là làm lợi cho nước Nam, mà sưu thuế các món thời còn nhẹ lấm, trên Nhà nước đã tổn hao lấm khoản. Chừ thôi thời việc mưu quốc phải lo bồi cán⁽³⁾, mà chính lý tài⁽⁴⁾ quyết phải cạnh trường⁽⁵⁾, nay làm sao cho vương phủ đa tàng⁽⁶⁾, thời mới đảng thiên triều xứng ý. Xin các quan khả như hà trù nghị⁽⁷⁾, đảng cho bốn chức đây đắc tiện thì hành, nghe!

UNG TRẦNH nói: Dạ, thượng quan đã đốc chí kinh dinh, nô bối dễ không lòng báo bổ, hay làm răng⁽⁸⁾. Thời tôi tính nước Nam là một nước tốt lấm. Thời dải địa tuyến đã ở về ôn độ, nên của thiên nhiên là lấm nổi vật hoa⁽⁹⁾, lợi ngư diêm nhấy chốn hải hà⁽¹⁰⁾, còn khoáng kim ngọc lấp nơi lâm tẩu⁽¹¹⁾, nghiệp hộ dù sơn quan hải giác, sinh nhai giành tứ nhượng lân nguyên⁽¹²⁾. Thời trời đã dành một dải tài nguyên, là ta dễ tính mọi đường quốc khổ. Chừ tài chính muốn cho thông thả, thời thuế điền trước phải tăng gia, mấy lời ngu hạ thừa qua, xin có các quan nghị lại.

HÁN TRẦNH nói: Dám thưa quý quan, lời Tô Thị tôi nghe đã rất phải, xin quý quan mưa chớ trì nghị⁽¹³⁾. Vả nước Nam từ thuở

(1) *Viễn tị*: trốn tránh nơi xa.

(2) *Bạch ốc*: nhà nghèo.

(3) *Bồi cán*: bồi dưỡng đào tạo cán bộ (người làm việc).

(4) *Chính lý tài*: lo việc lý tài (lo việc kinh tài).

(5) *Cạnh trường*: ý như "khuếch trương, cạnh tranh".

(6) *Vương phủ đa tàng*: trong vương phủ (cơ quan chính quyền cai trị) có nhiều kho (báu vật).

(7) *Khả như hà trù nghị*: nên bàn định như thế nào.

(8) Cả câu này, ý nói: Quan trên đã đốc lòng về việc cai trị (kinh dinh), thì lũ tôi tớ này dám đâu không biết điều báo đáp sao được!

(9) *Lấm nổi vật hoa*: nhiều của cải quý báu.

(10) *Lợi ngư diêm nhấy chốn hải hà*: Nguồn lợi cá muối đầy rẫy (nhấy) khắp các sông biển.

(11) *Khoáng kim ngọc lấp nơi lâm tẩu*: Khoáng sản, vàng ngọc chứa đầy dưới đất.

(12) *Nghiệp hộ dự sơn quan hải giác*: các nhà làm nghề nơi sườn non góc biển, sinh sống nơi bình địa tốt tươi(?). *Quốc khổ*: kho của Nhà nước.

(13) *Mưa chớ trì nghị*: Đừng chậm trễ.

mô tới giờ, cái việc trị sinh là cô tuân cầu thả lỏng. Bởi vậy cho nên số đình điền nhiều nổi lậu di⁽¹⁾. Từ quý quan qua cai trị đến giờ, thời việc sưu thuế hãy còn khinh giảm, phải một phen chỉnh đốn, cho mọi việc tinh tường, ngạch thôi khóa mà đủ cả mọi đường, thôi thời sổ cốt kê⁽²⁾ chắc là trăm⁽³⁾ gấp đi thôi, như vậy thời quốc dụng hà ưu bất cấp⁽⁴⁾, xin quý quan tận để vụ hành⁽⁵⁾!

THI SÁCH nói: Nghe mấy lời bày những mối manh, khen hai gã khéo là khuông quốc⁽⁶⁾, ấy vậy mà tôi ngỡ các quan thương⁽⁷⁾ làm sao tề kia, chớ các quan thương làm vậy, thời mặc sức nhà nước khen tốt, sổ nguyệt bổng⁽⁸⁾ ắt là tăng cấp, mà người nước Nam mặc sức là đội ơn, ngạch tuế cung⁽⁹⁾ ai cũng lạc du⁽¹⁰⁾ đi thôi!

UNG nói: Anh muốn thương thế nào thì anh thương đi, cho quý quan người nghe, anh lại phải nói gay làm chi.

THI SÁCH nói: Tôi đã đến đây, tôi biết chừng nào tôi nói chừng nấy, lọ là anh phải biểu nào! Dám thưa quan Thái thú việc quốc gia là tính chúc viễn đồ⁽¹¹⁾ còn cái bọn ngu hủ⁽¹²⁾ là nó chỉ tham điều cận lợi. Vả nước Nam từ thuở mô đến giờ nơi nguyên dã còn nhiều khoáng địa⁽¹³⁾, mà nghề công thương chẳng biết thông công. Bởi vậy cho nên sản vật nhiều là đường lợi chưa thông, lại gia dĩ người nước Nam lại ngu đại nữa, học hành ít, nên sinh nhai còn lắm khổ. Chừ tôi xin Nhà nước phải ra công dạy dỗ, cho nhân dân đều biết việc làm ăn, dưới diêm lu⁽¹⁴⁾ dù thừa có muôn phần,

⁽¹⁾ *Lậu di*: gian lậu bỏ sót.

⁽²⁾ *Sổ cốt kê*: Sổ ghi chép tài sản, tiền bạc.

⁽³⁾ *Trăm*: Chỉ số lượng nhiều (tiền của)

⁽⁴⁾ *Quốc dụng hà ưu bất cấp*: việc chi dùng của mỗi nhà sao lại lo không được cấp phát?

⁽⁵⁾ *Tận để vụ hành*: ý nói như "triệt để thi hành"

⁽⁶⁾ *Khuông quốc*: ý nói tài giỏi nhất nước.

⁽⁷⁾ *Thương*: Bàn bạc.

⁽⁸⁾ *Nguyệt bổng*: bổng lộc (lương) hàng tháng.

⁽⁹⁾ *Tuế cung*: tiền cung cấp hàng năm.

⁽¹⁰⁾ *Lạc du*: vui chơi.

⁽¹¹⁾ *Chúc viễn đồ*: mưu chúc lâu dài.

⁽¹²⁾ *Bọn ngu hủ*: bọn người ngu dốt hủ lậu.

⁽¹³⁾ *Khoáng địa*: đất trống chưa gieo trồng.

⁽¹⁴⁾ *Diêm lu*: nhà dân làm muối (?)

thời bách tính túc, quân thực dữ bất túc⁽¹⁾ của Phủ khố như gởi trong trăm họ, họ phải nghe lời gian đồ⁽²⁾, làm cho hại tới chung lê⁽³⁾, nhỏ hết lông cũng chết bấy dê, tát khô lạch còn chi loài cá. Thời quốc thể đã ngại đường khai hóa, mà dân sinh thêm gây nổi oán ta, mấy lời đã cạn gần xa, một lẽ mặc lòng trên dùng bỏ!

TÔ ĐỊNH nói: Chúc lợi hại các quan nghị đó, ai phải không bản chức tỏ rồi, lời Thi Sách đã lắm nỗi vu hời, còn mưu Tô Hán thực đáng tay kinh tế đi rồi. Chừ sức cho phủ huyện kíp tuân y điều lệ, sản hóa⁽⁴⁾ đều hoạt tận khoa trưng⁽⁵⁾, hàng quan liêu ai mà lòng nọ chẳng ưng, tội phản đối ắt tiếng là mang xấu, chớ chẳng chơi.

THI SÁCH nói: Việc đã không nghị thời thôi, đã gọi rằng thương nghị lẽ thị phi phải luận bàn cho thấu, chớ còn cái chi ưng ý mình thời tốt, không ưng ý mình thời xấu, ý dị đồng là tốt xấu không cùng, nay việc hà chính⁽⁶⁾ mà ai nấy bằng lòng, ai kia mà rằng, chớ như tôi dầu quan lớn có chê xấu đi nữa, dầu lạch chức⁽⁷⁾ là tôi đây cũng đành dạ.

UNG nói: Nầy chớ khua mõ gà, mà lại thêm ngựa gan đây. Dám bảm quý quan, như gã Thi Sách, là cháu chống xe⁽⁸⁾ mưu đã tỏ bày, phen nầy như không trị gã, tôi e ngựa quen chúng thể rồi khó trị, chớ không chơi. Bây giờ chính trị ấy muốn cho chỉnh lý, tội danh kia xin chớ nhiều dung⁽⁹⁾, mới phải cho.

TRẦNH nói: Dám bảm quý quan, như gã Thi Sách nầy là lúc bình cư⁽¹⁰⁾ đã đáng⁽¹¹⁾ hai lòng, mà khi công chúng⁽¹²⁾ lại khua lỗ

⁽¹⁾ *Bách tính túc*: nhân dân đủ đầy no ấm. *Quân thực dữ bất túc*: Quân lính lẽ nào lại không no đủ.

⁽²⁾ *Gian đồ*: ý như "gian tà"

⁽³⁾ *Chung lê*: nhân dân nói chung (?)

⁽⁴⁾ *Sản hóa*: sản vật hàng hóa.

⁽⁵⁾ *Hoạt tận khoa trưng*: trưng bày ra cho hết.

⁽⁶⁾ *Việc hà chính*: ý nói việc trị nước nghiêm khắc.

⁽⁷⁾ *Lạch chức*: Rơi chức, cũng như mất chức vụ.

⁽⁸⁾ *Cháu chống xe*: cháu cháu chọi với cỗ xe. Ý nói sức hèn yếu dám chống lại sức lớn mạnh.

⁽⁹⁾ *Nhiều dung*: cũng ý như dung tha.

⁽¹⁰⁾ *Lúc bình cư*: lúc bình thường.

⁽¹¹⁾ *Đáng*: có bộ dạng, có cái vẻ.

⁽¹²⁾ *Khi công chúng*: khinh thường, coi rẻ công chúng.

miệng làm vậy là phạm thượng, đã không kiêng bang hiến⁽¹⁾, còn vọng ngôn⁽²⁾ thêm ngại nổi quốc quyền. Dám bảm quý quan, thuộc địa nầy việc muốn đăng yên, ngang thiên nộ tội kia chó thứ⁽³⁾ xin nghe lời ngu lự, kíp trừ đảng nghịch đồ.

THI SÁCH nói: Thấy nói cũng gồm cho, nghe lời nên ngán nổi. Bớ Ưng, Trình! Như tao là xét mình lại vốn người vô tội, còn như bay là rõ mặt ra thực lũ phi nhân. Tao hỏi: chó ăn của dân sao bày việc hại dân? mà ở trong nước lại không lòng vì nước? Nầy tao nói thực, cây sức mạnh bay nghênh ngang trời mặt, chó không giữ lễ ngay là tao sống chết không sờn, đây bay!

TÔ ĐỊNH nói: Quả hung nhân, hung nhân! Chân nghịch đảng, nghịch đảng! Ra vậy là mưu bạn nghịch⁽⁴⁾ Mặt nầy đã hăn, còn tội kháng hành⁽⁵⁾ phép nọ khôn dung. Quân! Kíp đòi lính nội đao⁽⁶⁾, đăng trừ loài đại nghịch.

THI SÁCH nói: Gồm thay loài quỷ dịch; ngán bấy lũ sài lang. Ra vậy là chúc chẵn dân đà ỷ sức phú cường, mà mưu diệt chủng lại ra tay độc hại.

Bớ Tô Định! Như vậy là công luận đã chẳng biết kiêng trong thế giới!

Bớ Ưng, Trình! Như bay là nô nham không nghĩ tới quốc dân. Tao nói thực hồn anh hùng dầu có về thân, là giống cách mệnh đầu dung loại quỷ, đây bay!

TÔ ĐỊNH nói: Ôi hỡi! Nộ trào phú khí, phần khí phiêu dương⁽⁸⁾. Đao phủ quân! Vâng lời min⁽⁷⁾ dẫn tới pháp trường, chém đầu gã bêu nơi đồng thị, nghe!

(Quân đem THI SÁCH ra chém)

Thôi! Véch dái còn chi loài khỉ, mà dài đuôi hết những khoe mèo. Chừ thôi thời truyền các quan nghiêm yết thuế điều, y túc lệ

⁽¹⁾ *Bang hiến*: Do chữ "Văn hiến chi bang". Ý nói nước lớn văn minh (của quan Nam Hán).

⁽²⁾ *Vọng ngôn*: nói phách lác (nói ba hoa bốc phét).

⁽³⁾ *Ngang thiên nộ*: tội kia chó thứ. ngang bằng trời giận, tội ấy không tha thứ.

⁽⁴⁾ *Bạn nghịch*: bạn phản bội, chống đối.

⁽⁵⁾ *Kháng hành*: chống lại mệnh lệnh.

⁽⁶⁾ *Lính nội đao*: lính làm nhiệm vụ chém giết trong phủ đệ.

⁽⁷⁾ *Nộ trào phú khí, phần khí phiêu dương*: Sóng giận ngút trời, khí uất trào dâng.

⁽⁸⁾ *Min*: tiếng Việt cổ, nghĩa là ta, tôi đây.

ta hồi biệt thụ, nghe!

UNG TRẦNH nói: Uy ha hà... Phen này hết những khoe tài hùng cứ; còn chi làm bộ thánh con! Ai biểu mày làm tài giỏi chi? Đáng kiếp thằng làm khéo làm khôn! Thằng Thi Sách nó chết rồi, anh em ta mới để cho mặc sức mổ bẻ ngang bẻ dọc, chừ thời phép tân nghị phải tuân hành tức tốc, chốn công môn ta huê thủ từ hồi⁽¹⁾, hê!

TUỲ binh của Sách nói: Ủy ơi! Ủy ơi! Thấy việc dễ hời ơi! Nghĩ đời nên ngán nổi! Đây cầm thay loài hung bạo. Nó hại kẻ trung lương!

Tô Định! Tao bảo cho! Ông tao dầu hồn xuống tuổi vàng, là chúng bay ắt đầu rơi mũi bạc! Thôi, âu là kịp phản hồi tư thất, đăng trình với công bà, hà!

Loạn rằng: *Cường quyền thế giới tận phong ba.
Xúc mục giao nhân ảm hận đa*⁽²⁾

Tôi nghĩ mà thương cho ông, cha chă:

Nhiệt huyết mônng xang hà xứ sái

Tô Định: Này hồi mày! Tao nói thực:

Long tuyến nhất kiếm bất dung tha,⁽³⁾

Trưng Nhị than: Ai hà!

*Cơ nghiệp ngàn năm đất nước nhà,
Góm tay người lại bức cho ta.
Áo khăn mấy mặt trai kinh sử,
Để cuộc tang thương đến thế mà!*

Hệ xuất Lạc Long gia, thiếp tiền danh Trưng Nhị. Thời như chị tôi là anh hùng đã nổi danh nữ sử, còn như tôi Ky trử song cũng chí nam nhi, chúc lục thao lãn cả binh cơ, còn nghề song kiếm tột trang Vũ Kỳ⁽⁴⁾. Thời tôi nghĩ nước Nam mình là dòng dõi thần minh cả, mà đến giờ phải nô lệ tha nhân làm vậy, là tại làm

⁽¹⁾ *Huê thủ từ hồi*: dất tay nhau trở về.

⁽²⁾ Ý: thế giới cường quyền gây ra sóng gió làm cho mọi người cảm giận nhiều!

⁽³⁾ Ý: Bâu máu nóng rải khắp nơi nơi. Kiếm Long tuyến này sẽ không tha cho mày!

⁽⁴⁾ Trang Vũ Kỳ: cả câu nói: cũng là một tay giỏi võ nghệ, rành chúc *lục thao*, thạo nghề *binh cơ*.

sao kia chớ? Thời quyền nhà nước đã phải người cai trị, mà tôi xem trong nước các chú đàn ông, kẻ thời cam làm tôi tớ, còn kẻ không làm vậy, thời bó tay ngồi thở dài mà thôi, gánh non sông đã ít kẻ phân ưu. Bởi vậy cho nên tôi cùng chị tôi riêng nghĩ rằng người ở trong nước, đàn ông có hư còn có đàn bà, nhưng mà đàn bà nước người ta kia, chớ đàn bà nước mình, nhỏ đã không học, nên không biết chi, chỉ xây quanh⁽¹⁾ trong bếp mà thôi, không biết chi tới việc nước nên hư, giống nòi còn mất chi cả. Tôi cùng chị tôi nghĩ mà lấy làm tức lắm, nên hai chị em tôi cũng theo học hành, lo mưu nầy tính chước kia, làm sao mà khôi phục nhà nước lại cho đặng, thời gươm phục thù mài đã mấy lâu, mà gần đây thời nghe thằng Tô Định làm hại cho người mình, sưu thuế lại càng ngày càng riết nữa, thuốc diệt chủng nó rưới đã khắp chỗ. Thôi, để sự bằng thù tố, trung trường ám tỵ bi⁽²⁾. Ấu là đạo gót hoa sang chốn hương vi, thăm hiền tử⁽³⁾ đặng thám tường quốc sự, xong.

TRUNG TRẮC nói: Thấy việc nước buổi thường rơi lệ, giận cuộc đời ngày những căm gan. Tôi nghĩ mà tôi nực cười cho tôi, cha chă! Này vẽ vời chi chút phận hồng nhan, mà lại lo những việc phục cừu, việc bỏ quốc, hăm hở muốn gây quân thiết huyết thời cũng lạ nè! Như nay tôi tính những việc ngang trời dọc đất làm vậy, ai cũng quái cho tôi cả, nhưng mà may lại gặp một ông chồng cũng xứng lắm: Phu tướng đã nên trang hào kiệt; lại may có một con em nữa, nó với tôi cũng một bụng vậy: muội nương⁽⁴⁾ đã đáng mặt anh thư, đi thôi; thời tôi cùng em tôi, mấy năm đây âm kết anh hùng, tiềm đồ quốc sự⁽⁵⁾ nhưng mà cái thế nó đương còn mạnh lắm, mà người trong nước mình thức dậy cũng chưa đều, nên tôi tiềm tàng làm ri, là hàm giấu nanh vuốt lúc thừa cơ, nói thực hồng gặp gió⁽⁶⁾ là ta cũng toan bề cử sự, chớ chẳng chơi!

(TRUNG NHỊ ra)

(1) Xây: tiếng miền Nam, có nghĩa là *xoay quanh*.

(2) Cả câu này ý nói: Để góp phần dẹp yên sóng gió và nỗi buồn đau âm ỉ(?)

(3) *Chốn hương vi, thăm hiền tử*: đến thăm người chị hiền đức (Trung Trắc).

(4) *Muội nương*: nàng em gái.

(5) *Tiềm đồ quốc sự*: âm thầm nghĩ đến việc nước.

(6) *Hồng gặp gió*: chim hồng gặp gió thì bay cao.

À, em đây mà, em hãy ngồi. Những mãng bận lòng tiện tử⁽¹⁾, phút đầu hiệp mặt muối nường, có việc chi mà tới đó vội vàng, sẽ tính lại để cùng nhau bàn bạc, thử nào!

TRUNG NHỊ nói: Trông phong cảnh ngày càng thêm khác, gấm sự cơ ngồi những không an. Nước Nam mình hồi giờ mà không lo tự cường tự lập đặng, thời tôi e ngày sau quốc vong chủng diệt⁽²⁾, không thể làm đặng. Bởi vậy cho nên chạnh lòng em mấy nỗi bàng hoàng. Chẳng hay chị cùng anh mấy lúc này có tính phương châm hạ thủ thế nào không? Nên tôi xem chị như hà mưu lược⁽³⁾ đây.

TRUNG TRẮC nói: Cờ bí nước nghĩ đã khó gỡ, bệnh đau lâu khôn nổi mau an. Thời chị nghĩ lại nước mình từ thuở mô đến giờ, việc học hành chẳng có, nên những cái nghĩa quốc dân trách nhiệm không ai biết, mà lại trăm việc cũng thua người ta cả, thời bực người mình lắm nỗi dã man, nên chị có bàn cùng phu tướng⁽⁴⁾ rằng: Cái trình độ người mình còn kém lắm, có làm chi cũng chưa đặng; chi cho bằng lấy lẽ phải trái nói cùng nó, may nó có nghe hiểu, nó dạy dỗ cho người mình, nường hơi nó đặng mở bề dân trí. Không biết làm răng từ Phu tướng tới nơi nghị, dĩ đa thời vị kiến quy mưu⁽⁵⁾, thời cũng lạ này!

Tuỳ binh của Sách về báo: Dạ dạ! Ách giữa đường mang vô, mang vô! Việc trên trời té xuống, té xuống!

Vô cùng oan uổng, oan uổng! Bất tận bi ai, bi ai!..

TRUNG VƯƠNG nói: Hà sự bi ai?⁽⁶⁾

BINH nói: Thỉnh bầm⁽⁷⁾

TRUNG VƯƠNG nói: Thuyết lại⁽⁸⁾ thử nào?

BINH BẮC xướng: Dám thưa bà, nghị hội sơ khai, thẳng Tô Định nó phát nghị rằng: *Kinh lý như hà sung quốc dụng*⁽⁹⁾? Khi

(1) *Tiện tử*: chị (hèn mọn, ý tự khiêm).

(2) *Quốc vong chủng diệt*: Nước mất nòi giống bị tiêu diệt.

(3) *Như hà mưu lược*: Mưu lược như thế nào.

(4) *Phu tướng*: Người chồng, đây chỉ Thi Sách, chồng của bà Trưng Trắc.

(5) Ý cả câu: Tới nơi bàn bạc, đã nhiều lần mà vẫn chưa xong.

(6) *Hà sự bi ai*: Buồn đau cái gì?

(7) *Thỉnh bầm*: Xin được trình bày (bầm báo).

(8) *Thuyết lại*: Nói lại

(9) *Kinh lý như hà sung quốc dụng*: Của cải tài sản đem sung vào Nhà nước chi dùng như thế nào!

rửa chừ, thằng Ưng, thằng Thành nó phụ họa theo, nô nhen hiển mị, trưng khoa tranh đạo bác dân tài⁽¹⁾.

TRUNG VƯƠNG nói: Rồi mới làm răng nữa hử?

BINH xương: Dám thưa bà, thử thời gia lão kháng ngôn⁽²⁾, người nói rằng: Muốn ăn của dân thì phải dạy cho hần đả, khai trí trị sinh, quyền lợi yếu tiên hành nghĩa vụ⁽³⁾. Ai ngờ khịch đắc Tô gia phát nộ, nó đem nó chém ông đi! Thị ủy bức tử, trung hồn vô ná, trụy gian mưu⁽⁴⁾.

TRUNG VƯƠNG nói: Ôi chao! Tịch lịch nhất thanh lai, lâm ly song lệ hạ⁽⁵⁾. Tổ chức kỷ niệm tri kết quả, anh hùng nhất khứ hà thời quy?⁽⁶⁾ Ai hà! *Ngọc chiết lan tời, lưu huyết sử trung trường ảm hận, Sơn minh hải thệ, tự do dài thương hốt tương vi!*⁽⁷⁾ Tôi nghĩ mà tôi tủi cho ông chồng tôi, cha chã! Này, *Quốc sử vị năng thù, tuyến hạ vô đoan tê chí thể*⁽⁸⁾, giờ tôi biết làm răng mà tôi trả thù cho ông chồng tôi, *Phu cừ như bất báo, Nhân gian hà xử đái thân quy*⁽⁹⁾! Nhớ đến thằng Tô Định! Tô Định! mấy hồi mấy cướp nước người tôi đáng phân thân, mà giết chồng mỗ là thù kia thiết xí. Thôi ra làm vậy, là nó ý quyền lực đã không kiêng công lý, tuyệt công cừu ta phải khởi nghĩa binh, cơ hội này là sư xuất hữu danh, tội ác ấy thân dung vô địa. Tôi nghĩ hồi giờ cái thằng Tô Định, tội ác quán dinh, thân nhân cộng phần, có khi cái thời mình đã đến rồi, tưởng mấy lúc mưu còn đương bí, đến bây giờ việc chẳng nên chầy, khởi nghĩa kỳ chi quyết ra tay, Lâm binh sự em phải lo giúp sức.

TRUNG NHỊ nói: Dạ dám thưa chị, thời đã nên sự cơ giao bức,

(1) Ý cả câu: bọn nô lệ tôi tớ ấy lại phụ họa theo, bày ra cách tước đoạt của cải của dân.

(2) *Gia lão kháng ngôn*: Tô Định nói lời chống lại bọn chúng.

(3) *Quyền lợi yếu tiên hành nghĩa vụ*: Muốn được hưởng quyền lợi, phải trước hết là tròn nghĩa vụ.

(4) *Trung hồn vô ná trụy gian mưu*: Hồn trung nghĩa (của Thi Sách) không chống được mưu gian.

(5) Cả câu: Nghe được tin dữ này, nước mắt chảy tràn trề.

(6) Anh hùng đi xa rồi bao giờ trở lại?

(7) Ý nói: Cảnh ngọc gãy, cảnh lan tàn, để lại trong sử sách nỗi hận lâu dài. Thề cùng núi sông, cùng để lại tiếng tăm trên đài tự do.

(8) Thù nước chưa trả được, dưới suối vẫn chưa nguôi chí.

(9) Thù chồng chưa báo, thân này không có chỗ đứng ở trên đời.

nay thằng Tô Định nó làm cơ sự làm ri, ác đã đẩy nên thiên địa bất dung, chị dầu toan rửa hổ cho chồng, em há dễ không lòng cùng chị hay làm răng!

TRUNG VƯƠNG nói: Em đã hiệp ý, chị quyết một lòng, thảo hịch văn truyền bố quốc trung, đặt cho anh hùng hào kiệt biết mình khởi binh mà người ta giúp sức.

Sai lĩnh tiên hội đồng tướng sĩ, chư tướng nghe ta dặn:

Lâm trận xem cây cờ đỏ, lui binh nghe tiếng chuông vàng,

Nếu nghĩa trạch bào chẳng biết giữ đồng, phép quân lữ ắt là vô xá!

Truyền tam quân cá cá, y nhất luật hành hành!

QUÂN TRUNG VƯƠNG bàn:

Khởi nghĩa binh hệ khởi nghĩa binh!

Quốc dân câu dữ câu sinh...

(Lặp lại hai câu một lần nữa)

Sơn hà trường khí diệm,

Thảo mộc trợ uy linh.

Nương tử quân tiên vô địch,

Phu nhân thành thượng thùi tranh.

(Lặp lại hai câu này một lần nữa)

Vạn đội bài tề tề chỉnh chỉnh,

Nhất trường tổ liệt liệt oanh oanh!⁽¹⁾

...

(Theo Di cảo Phan Châu Trinh lưu tại gia đình)

- (1). Ý nói: Quân lính ta dầu hấy vùng nổi dậy!
 Quốc dân cùng sống chết với lũ giặc!...
 Ngút trời khí thiêng đầy núi sông,
 Có cả cỏ cây trợ giúp uy linh.
 Quân của nương tử sẽ là vô địch,
 Thành của phu nhân khó có kẻ tranh!...
 Vạn vạn hàng quân tề tề chỉnh chỉnh,
 Khắp chiến trường đều liệt liệt oanh oanh!

CÁC KIẾN NGHỊ VĂN TẮT CỦA PHAN CHÂU TRINH DO ROUX DỊCH CHUYÊN CHO BỘ TRƯỞNG THUỘC ĐỊA VÀ SARRAUT

(Tất cả có 5 bản, có thủ bút của Roux bằng quốc ngữ kèm theo chữ Pháp - có thêm bản sao đánh máy)

Bản 1.

YÊU CẦU XÉT LẠI CÁC BẢN ÁN XỬ CÁC NHO SĨ TRUNG KỲ

Trường hợp dân chúng ở Trung Kỳ xin được giảm sưu thuế, các viên chức Nhà nước và các quan chức An Nam đổ trách nhiệm về sự biến đổ cho nho sĩ đã xúi giục dân chúng nổi loạn. Do đó, người thì bị bỏ ngục, người bị chém đầu. Nhiều người trong số họ là nạn nhân của những vụ xét xử mà tôi không rõ lý do; còn về một số bản án mà tôi biết thì tôi chắc chắn rằng đã có cơ sở để nhận định là mắc phải sự bất công sâu sắc. Ba người có tên là Huỳnh Thúc Kháng, Phan Thúc Duyện, Lê Bá Trinh bị xử liên lụy cùng tội danh với tôi. Bản án đó cho rằng tôi là người cầm đầu những người làm loạn và các ông trên đã theo tôi để xúi dân nổi loạn. Trong bản án cũng nói rằng, mặc dù không có chứng cứ, nhưng vẫn có thể chắc là như thế và trong bản án của họ có tên tôi.

Trần Quý Cáp (một tiến sĩ) làm quan giáo thụ một phủ trong tỉnh Khánh Hòa - trong tỉnh này dân chúng không làm điều gì phạm pháp và tôi không hiểu vì lỗi gì mà Công sứ và các quan An Nam không tra xét gì Trần Quý Cáp, cho bắt, đem xử và cho chém liền, chém rồi mà vẫn không thông báo cho làng ông biết, đồng

thời xác đem chôn ở một nơi nào đó mà cũng không cho vợ con biết. Viên quan xử án lại còn được thăng cấp rất cao.

Đặng Nguyên Cẩn đang giữ chức Đốc học ở tỉnh Bình Thuận cũng bị kết án tù. Ngô Đức Kế (tiền sĩ) chỉ ở lại nhà để học hành và buôn bán cũng bị bắt và bị tạm giam hơn một năm (trước khi xảy ra vụ dân xin giảm sưu). Đến năm xảy ra vụ xin giảm sưu, người ta nhân đó mà kết án như những người khác.

Trước đây ở Trung Kỳ, nhiều vụ án đã bị xử rất bất công nhưng không đến nỗi quá bất công như các vụ án đã xử vào lúc xảy ra vụ dân chúng xin giảm sưu. Vì vậy, tôi trân trọng xin Ngài Bộ trưởng mở lòng thương đối với người dân An Nam và lệnh đưa hồ sơ các vụ án dân Trung Kỳ nổi loạn vào năm 1908 về để xem xét lại. Một khi Ngài đã xem xét chúng tôi, thì thưa Ngài Bộ trưởng, Ngài sẽ có thể hiểu thấu sự cai trị ở xứ An Nam như thế nào.

Ký tên bằng chữ Hán:

Nguyên chữ: PHAN CHÂU TRINH

Nguyên văn tiếng Nam dịch ra tiếng Pháp. Làm tại Paris, ngày
31.5.1911

Sao nguyên văn

Đã ký tên: Quan ba ROUX

(Theo Lê Thị Kinh... Sdd)

Bản 2

VỀ BÁO CHÍ VÀ DIỄN THUYẾT

Ở Đông Dương, về việc cai trị dân chúng, về việc giáo dục học đường cũng như về các phong tục tập quán ngày càng tệ hại, vậy mà người ta không biết nguyên do từ đâu.

Cho tới nay, đã xuất hiện nhiều sách do người An Nam viết, cũng như các bài cảm hờn và ca thán về sự cai trị của người Pháp. Do đó, tôi nghĩ rằng sự phẫn nộ đó vẫn kéo dài cho đến nay. Các quan cai trị trước đây cũng đã có những biểu thị tốt để giải tỏa những tình cảm hận thù của dân chúng, tuy nhiên sự phẫn nộ đối với Chính phủ vẫn không hề mất.

Hiện nay Ngài Bộ trưởng sẵn lòng muốn cho người An Nam tiến bộ, tôi xin Ngài cho phép ra các tờ báo làm kim chỉ nam hướng dẫn cho dân chúng lớp dưới. Bằng cách ấy, các tầng lớp thượng lưu cũng được mở rộng tầm nghe, thấy, điều đó sẽ giúp các quan chức cai trị xứ này dễ dàng hơn.

Nếu được như vậy những tờ báo này sẽ ấn định phương hướng cho sự giáo dục học đường và có thể sửa chữa phong tục, tập quán của người An Nam.

Trẻ em sẽ có nhà trường để học, người có học sẽ có sách báo để đọc; còn đám người dốt nát thì hiện chưa có cách gì (trong lúc này) để mở mang trí tuệ cho họ. Cho đến nay, đám người này thường hay gây lộn xộn và luôn luôn bị lừa gạt, cho nên, tôi xin cho lập các trụ sở diễn thuyết để dạy cho họ con đường ngay thẳng và cách thức trực tiếp cư xử cũng như sự hiểu biết điều hay, dở. Làm như thế cũng là tạo sự thuận lợi cho việc cai trị xứ sở.

Ký tên: PHAN CHÂU TRINH

Dịch ra tiếng Pháp từ tiếng Annam tại Paris ngày 2.6.1911

Đã ký: Quan ba Roux

Sao nguyên văn

(Theo Lê Thị Kinh... Sdd)

Bản 3**VỀ CÁC ĐIỀU LUẬT VÀ
VỀ VIỆC THÀNH LẬP TÒA ÁN BỔ SUNG**

Luật pháp là việc hệ trọng hàng đầu trong một xứ và nếu không được thấm nhuần tinh thần công lý thì những tổn hại sẽ lại càng tăng. Trí khôn của dân chúng mỗi ngày mỗi phát triển thêm, mà cứ áp dụng luật cũ không thích hợp, đó là cái tệ nghiêm trọng nhất.

Cách thức cai trị mỗi ngày mỗi đổi khác, nếu cứ áp dụng luật cũ là không theo kịp thời thế, đó là cái tệ thứ hai.

Trong các điều luật cũ có nhiều điều không công bằng, và vì thế, cho dù các quan chức cấp trên có tốt, tôi vẫn e rằng vẫn cứ tồn tại nhiều sự đè nén dân chúng, hướng hồ nếu các quan hiện nay lại không có tình cảm tốt đối với dân mà lại cứ dùng luật cũ thì có khác nào chấp thêm cánh cho hổ, và dân chúng không còn sức kham nổi tình trạng đó. Đó là cái tệ thứ ba.

Ở Đông Dương, cái tổn hại tồi tệ nhất là chỗ quyền hành chính và quyền tư pháp ở trong cùng một tay; vì vậy dù quan có làm hại dân, dân cũng không dám nói gì; nếu có ai dám chống lại thì tội vạ sẽ đến ngay: nhẹ thì phạt tiền hoặc khổ sai, nặng thì bị đi đày bị chém; đó là nguyên do sự ta thán của dân.

Trước đây tôi đã có đề nghị với quan Toàn quyền lập các tòa án, nhưng một năm đã trôi qua mà tôi chẳng thấy gì.

Nay tôi vinh hạnh đề nghị Ngài Bộ trưởng, vốn đã biểu lộ ý định tiến hành những cải cách ở Đông Dương, cho cải tổ lại luật pháp, lập các tòa án bổ sung và phân quyền: các quan chức ngạch hành chính lo việc cai trị, quan chức ngạch tư pháp coi xử việc pháp luật. Làm như vậy, những thiệt hại mà dân chúng phải gánh chịu sẽ ngày càng bớt đi.

Ký tên: PHAN CHÂU TRINH

Dịch từ tiếng Nam ra tiếng Pháp tại Paris, ngày 4.6.1911

Ký tên: Quan ba ROUX

(Theo Lê Thị Kinh... Sdd)

Bản 4**BÀI BỎ CÁC BIỆN PHÁP CẤM SÁCH TRUNG HOA⁽¹⁾**

Lập hội dịch sách Pháp và sách Trung Hoa sang chữ Quốc ngữ và mở các phòng đọc sách.

Mấy năm gần đây, dân chúng An Nam rất xôn xao: những quy định ở Đông Dương cấm nhiều thứ sách Trung Hoa vì cho rằng những sách ấy kích động dân chúng căm ghét Chính phủ Pháp. Nhưng người ta đã không thấy được là tất cả những sách ấy đều có ích cho dân; như là các sách Âu châu cũng như sách Pháp đã được dịch sang tiếng Trung Hoa và cũng nhờ có các sách ấy mà những người biết chữ nhỏ được mở mang trí tuệ. Người ta cũng lại không nhận ra rằng: nếu triệt bỏ những sách ấy thì mọi người sẽ nghĩ rằng Chính phủ muốn để dân An Nam ngu tối và rằng do Nhà nước đã lập trường học tiếng Pháp nên loại trừ các sách Trung Hoa.

Vì vậy tôi đề nghị bãi bỏ các biện pháp cấm đoán đó và cho lập các hội dịch các sách Trung Hoa sang chữ Quốc ngữ cũng như cho lập các phòng đọc sách để tạo thuận lợi cho những người muốn học hỏi.

Ký tên: PHAN CHÂU TRINH

Dịch từ tiếng Nam ra tiếng Pháp tại Paris, ngày 4.6.1911

Ký tên: Quan ba ROUX

Sao nguyên văn

(Theo Lê Thị Kinh... Sdd)

⁽¹⁾ Trong bản tiếng Nam ông Roux ghi là sách Tàu, xin chuyển lại là Trung Hoa cho dễ hiểu.

Bản 5

VỀ VIỆC ĐÓNG CỬA CÁC TRƯỜNG HỌC

Sự trừng phạt đối với những người lập trường học
và việc họ bỏ trốn ra nước ngoài

Năm 1908, vào lúc dân chúng xin giảm thuế, một số người đã đứng ra lập các trường học cũng như một số thầy giáo đã bị bắt; còn các trường học của họ đều bị đóng cửa hết.

Ở Phú Lâm, một trường học cho con trai và con gái do dân hùn tiền lập đã bị các quan phá, rồi sửa lại làm chuồng ngựa và lập đồn.

Ở làng Thanh Bình, một trường học cho con trai và con gái cũng do dân hùn tiền lập, trong hoàn cảnh tương tự đã bị lấy làm trường hàng tổng.

Trong làng tôi, có một trường học do dân mở, cũng bị lấy làm trường hàng tổng. Về số dư của tiền góp làm trường và để nuôi thầy giáo lúc này, tôi không rõ sự thể ra sao. Tôi không thể rõ vì từ lúc tôi bị bắt giam, mọi thư từ của gia đình tôi cũng như của bè bạn tôi gửi đến đều bị thu giữ cả.

Còn ở những làng khác, tôi cho rằng các trường học cũng bị triệt bỏ theo cách ấy.

Một số người đã lập hội buôn và hội học. Những người đó một khi bị bắt đều bị giam. Những người còn lại đã bỏ trốn ra nước ngoài. Tôi đề nghị xem xét lại: Trước hết là không buộc tội họ vì vốn họ không có tội gì để buộc. Hiện nay, chính quyền vẫn tìm bắt họ vì cho rằng họ muốn nổi loạn. Ngoài ra, tôi đề nghị trả lại cho

dân chúng các trường học do họ đã lập nên và cho phép họ lập thêm các trường khác, để mỗi làng có một trường (vì mỗi tổng chỉ có một trường thì không đủ).

Ký tên: PHAN CHÂU TRINH
Dịch từ tiếng Nam ra tiếng Pháp
tại Paris, ngày 5.6.1911

Sao nguyên văn

Ký tên: Quan ba ROUX
(Theo Lê Thị Kinh... Sdd)

MỘT CUỘC PHÒNG VẤN PHAN CHÂU TRINH

Chúng tôi đã nhiều lần thông báo cho quý vị độc giả chuyển du hành sang Pháp của vị cựu sách động Phan Châu Trinh, bị triều đình Huế kết án tử hình cải án khổ sai chung thân và mới đây được Ngài Klobukowski ân xá. Được biết vừa qua ông ta được Ngài Messimy, Bộ trưởng Bộ Thuộc địa tiếp chuyện lâu. Một ký giả của bạn đồng nghiệp *Le Temps* (Thời đại) ở Paris mới đây đã phỏng vấn Phan Châu Trinh. Chúng tôi thấy cần đăng lại bản tường thuật về cuộc gặp gỡ ấy:

"Vị khách chúng ta là Phan Châu Trinh đang sống trong một ký túc xá đại học nhỏ ở cuối một vùng ngoại ô lao động. Chính ở đó, trong khung cảnh phương Tây của một mái hiên giản dị, trước những ô sách gỗ trắng của một thư viện học đường, được điểm xuyết bằng ba bốn bức tranh, ông ta đang hoàn thành bản thảo chữ Hán của bản điều trần về tình hình dân bản xứ theo yêu cầu của Chính phủ Pháp. Vì sau khi đã nổi tiếng là người chống Pháp mạnh mẽ, sau khi đã bị dính líu vào vụ nổi loạn 1908 ở Trung Kỳ, viên quan Phan Châu Trinh giờ đây đang cố gắng hợp tác với nước Pháp vì lợi ích của đồng bào ông. Không ai đủ tư cách hơn ông để cho chúng ta biết các vụ lạm quyền mà những người dân Đông Dương của chúng ta đã phải chịu đựng quá nhiều. Ông ta đang dốc sức làm việc này một cách vừa đúng mực vừa thông minh.

Vì vậy tôi đã nghe ông ta hơn một tiếng đồng hồ với niềm thích thú hiếm có khi gặp dịp khám phá được những thực tế sinh động qua lời lẽ của một con người chân thành. Ngồi trước tôi, ông Phan Châu Trinh nói một cách hoạt bát, thỉnh thoảng lại dùng móng tay vạch những đường dài trên tấm trải bàn. Con trai ông, một cậu bé da vàng với đôi mắt tinh anh đang đi lại giữa phòng với đôi guốc cũ. Thỉnh thoảng để cho đỡ mỏi, Phan Châu Trinh lại

co chân, đầu gối lên tới vai, trong khi cậu phiên dịch, một sinh viên trẻ của trường Jules Ferry dịch ý nghĩ của ông bằng tiếng Pháp cực hay.

Trước tiên, theo Phan Châu Trinh, dân bản xứ yêu cầu Chính phủ quan tâm vấn đề tổ chức toà án, tuyển chọn quan lại và thu thuế.

Ông nói: Chúng tôi mong muốn có sự phân quyền để một viên quan không đồng thời cai trị và xử án. Sự phân quyền này đã có ở Nam Kỳ và mặc dầu chưa phải việc xét xử luôn được công minh nhưng tổ chức toà án nhìn chung khả dĩ được dân chúng chấp nhận. Tiếc thay, ở Bắc và Trung Kỳ thì không được như vậy. Các viên chức Chính phủ tự quyền xét xử hoặc ra lệnh cho các toà án bản xứ xét xử mọi vụ án.

Phan Châu Trinh kể ra mấy vụ lạm quyền do lẫn lộn giữa hành pháp và tư pháp. Trước khi xảy ra nổi loạn ở Trung Kỳ năm 1908, dân bản xứ trong tỉnh Quảng Nam thấy rõ bị một võ quan nhúng nhiễu, bắt dân phục dịch thêm nhiều trong việc xây dựng một con đường. Họ kêu lên Công sứ tỉnh nhưng viên quan này không lưu ý và một mực bênh vực tên quan kia.

Lại còn một vụ nghiêm trọng hơn. Cũng trong thời kỳ trên, một vị quan nguyên quán tỉnh Quảng Nam được bổ nhiệm ra Quan Hao ở Bắc Kỳ, bị nghi là có liên quan đến vụ nổi loạn ở Trung Kỳ. Ông ta bị bắt, bị quan trên kết án và đem chém luôn trong đêm đó. Án ấy không được công bố cho dân chúng biết mặc dầu đã có luật quy định rõ ràng phải làm như vậy. Do đó mà dân bản xứ không tin vào công lý ở Đông Dương.

Điều cải cách bức thiết thứ hai theo Phan Châu Trinh là hệ thống quan lại. Không thể chấm dứt sự lạm dụng như hiện có với phương pháp tuyển dụng viên chức bản xứ như hiện nay.

Ông nói trước khi Pháp chiếm đóng thì các quan lại thường được chọn theo năng lực và chỉ được thăng tiến khi họ cai trị liêm khiết. Ngày nay, ngược lại toàn do sự ưu ái của quan trên, có khi ở chính quốc cũng như Toàn quyền cũng không được rõ. Tất cả đều được định giá. Mua giá 1.500 đồng một chức tri phủ, tương đương với chức quận phó ở Pháp. Một quan chức chỉ được thăng bậc khi nộp thêm tiền cho người nắm quyền đặt để chức vụ.

Tôi yêu cầu Phan Châu Trinh kể cho một trường hợp cụ thể. Ông ta có vẻ không muốn chỉ rõ tên tuổi một số nhân vật. Ông ta lấy chuyện bên Tàu làm ví dụ: Một viên tri huyện phạm tội bạo hành (đốt nhà giết người) bị dân kiện. Hắn liền nghĩ ra một thứ thuế mới đánh vào việc buôn bán heo là nguồn sống quan trọng của tỉnh, món thuế đó đã giúp hắn không những thoát mọi trừng phạt mà còn được thăng từ tri huyện lên tri phủ.

Để chấm dứt tình hình đó, Phan Châu Trinh nói tiếp: Chính phủ cần kiểm soát lại chặt chẽ hơn việc bổ dụng quan chức bản xứ, cũng cần gấp rút cải cách giáo dục và thi cử để chọn quan chức. Hiện nay người ta vào quan trường qua con đường thi cử bằng chữ Hán. Nhưng người bản xứ là những kẻ đầu tiên đòi hỏi phải có nền giáo dục hiện đại và chuyên sâu. Nếu có được những trường chuyên nghiệp như châu Âu, và nếu muốn trở thành quan thì không những phải tốt nghiệp ở các trường đó mà còn phải học đầy đủ các môn học cần thiết thì số viên chức bản xứ sẽ có học thức hơn và ít hơn. Người ta sẽ không còn thấy ở Đông Dương số người bản xứ chỉ có bằng mà không có chỗ làm, và đó là những mầm mống của sự bất mãn.

Nhưng có lẽ những tuyên bố của Phan Châu Trinh về vấn đề thuế lý thú hơn cả. Trước khi cải tạo được chính sách, ông nghĩ là Chính phủ Pháp phải lo bảo vệ quyền dân nộp thuế chống bọn tham nhũng đang bóc lột họ ở Đông Dương.

Trước hết nhân dân bản xứ bất bình về nạn đi xâu. Loại thuế này được quy định mỗi năm bốn ngày, nhưng thường thì dân phu bị gọi đến khiêng các viên chức người Âu được giữ lại một hay hai tháng bằng đủ mọi cớ. Và suốt thời gian ấy chỉ được trả 8 đến 10 xu thay vì 20 xu thường lệ. Ngoài ra còn có những cuộc lễ lạt đón tiếp quan trên, người dân bản xứ bị buộc mất nhiều công ngoài những ngày xâu quy định. Tất cả những sự lạm dụng ấy làm người dân không thể chịu nổi.

Việc thu thuế ruộng đất lại còn ghê gớm hơn. Ấn định mức thuế và thu thuế đều trong tay một mình lý trưởng. Họ lợi dụng để ưu đãi cho những người thân quen. Có lúc tay Công sứ tỉnh muốn phạt một xã nào lại tùy tiện nâng số mẫu ruộng (một mẫu = 3600m²) mà xã đó phải trả thuế. Nhưng không chỉ có vậy, mỗi

người bản xứ khi nộp thuế lại phải nộp thêm một khoản "quà đút lót" cho lý trưởng, có khi ngang bằng mức thuế phải nộp. Tiền phải nộp vì thuế thành gấp đôi khoản thuế thực phải nộp theo luật.

Đến phiên mình, lý trưởng khi đem thuế lên nộp quan trên lại phải kèm một khoản "quà đút lót" tương xứng với vị thế của viên quan đó. Vì phải nộp các khoản đó trong một thời hạn nhất định, nên nhiều khi lý trưởng phải đi vay nặng lãi của người Tàu cho vay đến mức 60% lãi và tiền đó nhiều khi lại rút từ các ngân hàng địa phương.

Phan Châu Trinh đã nói những điều đó. Giọng ông ta không hề biểu lộ hận thù hay nóng giận. Ông ta cũng tránh khuyến cáo Chính phủ Pháp. Quá lắm là ông ta nhắc tôi rằng ở Ấn Độ, người Anh đã chấm dứt các lạm dụng tương tự bằng cách thực hiện đo đạc hoàn chỉnh toàn bộ ruộng đất. Ông ta đủ tinh tế để hiểu là không có bất cứ lời bình luận hùng biện nào có thể sánh với sự trình bày mộc mạc và đơn giản những thực tế như vậy.

Ph.M

(Theo Lê Thị Kinh - SDD)

THƯ XIN Ở LẠI PHÁP

Kính gửi Tổng thống Đông Dương Toàn quyền đại thần

Thiết nghĩ: Trinh tôi sinh ở nước hèn, gặp khi quốc biến, phần uất đầy lòng, nói năng không giữ, chứa hiềm gây oán, Trinh thực mắc vạ, hải đảo bị giam, phận mình chắc chết! May nhờ chí sĩ nước Đại Pháp, mở lòng bình đẳng bác ái, vì nghĩa cứu cho, việc được thanh thoả. Đội ơn ngài Tổng Thống đại thần kỳ trước xét lại mà phóng thích, lại hứa cho tham quan thượng quốc, để tận mắt được thấy văn minh đáng để cho ngày sau.

Đội ơn Danh công cự nhân cho đến yết kiến, khuyên bảo ân cần, để cho nói hết, kéo lên từ chín vực, lại được thấy mặt trời, người không phải gỗ đá, hãy còn có lương tâm, biết ơn trả ơn, trời thực cũng rõ. Nhưng Trinh vốn dốt gàn, làm gì cho hiệu quả, chỉ biết đem tình hình Đông Dương và nguyên do làm cho quốc dân ta oán, trình bày đầy đủ đầu đuôi, để tiện cho nước Đại Pháp hoạch định kế sách cải lương.

Lại xin du lịch nước Pháp, lĩnh hội văn minh, đem việc công bằng trong chính trị, tài khéo léo về kỹ thuật, trật tự của nhân dân và về học thuật nhân ái cùng mọi thứ có thể nắm bắt được về báo cáo với quốc dân khiến cho vững lòng tin theo, thờ nước Đại Pháp làm thầy, để hy vọng tương lai tiến bộ, cùng nhau thân ái, hiềm khích tiêu tan.

Đó là việc Trinh tôi có thể để trả ơn mà là bốn phận trung thành với nước Đại Pháp vậy.

Nay kỳ hạn ngắn gấp, chỉ cho bốn tháng, biết rằng việc ấy⁽¹⁾ chưa làm được.

Tổng thống Đông Dương Toàn quyền đại thân cho Trình kỳ hạn bốn tháng đã hết. Nay xin cho lưu thêm một năm để làm xong hết việc (?) chuẩn bị, và để có thêm thời giờ học tập Pháp văn, đặng có thể đỡ vất vả trong việc ứng đối. Dám xin bề trên (ý chuẩn).

Phan Châu Trinh

Chương Thâu dịch từ *Di cảo*

nguyên văn chữ Hán

* Cuối thư này, Phan Châu Trinh còn viết thêm một dòng nữa, dịch như sau:

Chỉ cho nhà quan phóng lửa đốt rừng, không cho trăm họ thổi cơm nhóm lửa!

⁽¹⁾ Chưa rõ việc ấy là việc gì? Phải chăng là việc hô hào thanh niên Việt Nam "tùng chinh" qua Pháp? NBS.

THƯ CẢM ƠN TOÀN QUYỀN SARRAUT
ĐÃ CHO Ở THÊM 1 NĂM⁽¹⁾

Paris ngày 29 tháng 7 năm 1911

Thưa Ngài Toàn quyền

Ông quan ba Roux đã cho tôi hay là Ngài đã cho phép tôi lưu lại Pháp thêm một năm nữa. Tôi xin gửi thư này để cảm ơn Ngài.

Ngoài ra tôi sẽ rất sung sướng được đến chào Ngài trước khi rời để đi Houlgate.

Tôi xin trân trọng kính chào Ngài.

Ký tên

PHAN CHÂU TRINH⁽²⁾

(Theo Lê Thị Kinh... Sdd)

⁽¹⁾ Góc trái có ghi của người nhận thư "Tôi đã tiếp Phan Châu Trinh" chữ ký không rõ, chắc là của văn phòng Bộ Thuộc địa.

⁽²⁾ Thư viết tay, bằng quốc ngữ, nét chữ viết và chữ ký đều không giống chữ của Phan Châu Trinh, chắc là do người khác viết hộ (PTM).

ĐIỀU TRẦN GỬI
HỘI NHÂN QUYỀN

LỜI GIỚI THIỆU

Điều trần gửi Hội nhân quyền về vụ Trung Kỳ dân biến năm 1908

Như chúng ta đã biết, tháng 6-1910 nhà chí sĩ Phan Châu Trinh được "phóng thích" khỏi nhà tù Côn Đảo. Đến tháng 3-1911, ông và cậu con trai là Phan Châu Dật 14 tuổi đáp tàu đi Pháp, để tới đó mong vận động cải cách dân chủ cho đất nước được thuận lợi hơn. Đó cũng là điều mà ông dự định từ trước.

Việc làm đầu tiên của Phan Châu Trinh ở Paris là liên lạc với Liên minh Nhân quyền và tìm gặp nhiều nhân vật trong Đảng Xã hội và Bộ Thuộc địa. Vì dư luận bên Pháp đã chú ý đến ông nên việc này không khó. Chỉ đến cuối cùng ông mới biết rằng phần lớn bọn ấy hứa hẹn đầy hứa, có mấy người thực bụng thì thế lực không đủ để giúp ông chống cánh thuộc địa và bọn chính khách đương quyền, vốn một cốt một đồng.

Phan lúc ở Côn Lôn có được các bạn tù cung cấp cho nhiều chi tiết về cuộc biến động chống thuế và sự đàn áp của thực dân, đặc biệt có bản án mà Huỳnh Thúc Kháng xoay sở sao được. Phan dùng những tư liệu đó viết một bản điều trần gửi cho Liên minh Nhân quyền tố cáo hành vi bạo ngược của bọn quan Pháp ở Đông Dương qua vụ đó và phong trào duy tân. Mục đích căn bản của Phan là buộc chính phủ, nghị viện và những người Pháp có lương tâm chú ý đến Đông Dương, tạo thuận lợi cho yêu cầu cải cách; mục đích trước mắt là nhờ Liên minh Nhân quyền can thiệp với chính phủ và nghị viện để cho các bản án được xét lại và những người yêu nước được phóng thích. Bản điều trần được viết bằng chữ Hán, rồi dịch ra chữ quốc ngữ, hai bản đều đưa cho Ban Chấp hành Liên minh.

Bản điều trần này là một áng văn tiêu biểu nhất của Phan Châu Trinh con người sôi nổi và nặng tình cảm, có ý thức chống áp bức thường trực với lòng công phần chính đáng và tài hùng đàm hoạt luận. Mặc dù chưa nói được hết ý nghĩ của mình, nhưng đứng trước những người Pháp tương đối tiến bộ, ông cũng đỡ lúng túng, khỏi phải che đậy, rào đón quá nhiều, có thể tố cáo trực diện được.

Lập luận của Phan: những người dân biểu tình năm 1908 là những người đói khổ cùng cực vì ách sưu thuế, cùng chẳng đã mới đến trước cửa công van xin "như những đứa con cùng quần đến quỳ xin cha cứu giúp";

như vậy họ chẳng có tội tình gì, họ khổ quá, sợ chết đói nên đi van xin, không có ai là kẻ xúi giục. Ấy thế, mà bọn công sứ đã ra lệnh cho lính bắn chết hàng trăm, bắt đầy tức tức đi Lao Bảo một số, lại còn muốn báo thù đến kỳ cùng, vợ quàng vợ xiên, vu khống, xuyên tạc, mua bọn làm chứng bất lương để giết không xét xử một số thân sĩ; lập nên những bản án hồ đồ, trâng tráo, vô nghĩa lý để bắt đi đầy và bỏ tù số còn lại, những người này hoàn toàn không liên can gì đến phong trào dân chúng nói trên. Thế cũng chưa vừa; khi dân tình đã yên lặng rồi, vẫn có những đội quân về xã thôn đóng lại, nói rằng: để giữ cuộc trị án, nhưng kỳ thực hiếp người, cướp của, đóng cửa trường học, hiệu buôn, bắt thầy cô giáo bỏ tù. Kết luận, Phan buộc tội chính phủ Đông Dương đã nhân những cuộc tập hợp của dân chúng để kêu xin giảm thuế mà "tàn sát lương dân, khủng bố nhân sĩ, phá hủy trường học và hội buôn thành lập theo chỉ thị của nhà nước". Vì vậy cần phải "đại xá triệt để tất cả những người còn sống sót trong vụ biến động 1908". Đây là một bản cáo trạng sôi nổi, chất chứa hờn căm, đọc qua một lần đủ thấy Phan căm ghét thực dân Pháp không kém một chiến sĩ bạo động nào và thương yêu nhân dân, trung thành vô hạn với đồng chí.

Phan đã tái hiện, trong phạm vi một bức thư, cảnh thực dân Pháp đàn áp các cuộc biểu tình: "Họ ra lệnh phải giải tán cho bằng được những người dân đi biểu tình, những con người hiền lành, rách rưới trong tay không có khí giới, mang theo cả cha mẹ già nua tàn tật, cả vợ với con đang còn ẵm, tới trước các công đường để van xin nhà cầm quyền đoái nhìn thân trạng của dân, cảnh đói khát ngặt nghèo của dân. Không! Không! Không thương xót gì hết với cái nỗi giống lừa biếng đáng tởm này! Nào lính xằng đá, lính khố đỏ, lính khố xanh! Tiến lên! Hãy xua chúng nó đi, bằng súng, bằng lưỡi lê, bằng roi vọt, dấm dấm, bằng gì cũng được, tùy ý các người. Chúng phải lùi ra xa, phải rút đi, những lũ hôi hám ấy! Và thế là xằng đá, khố đỏ, khố xanh, nhất nhất thi hành mệnh lệnh của các quan thầy nghiêm khắc! Máu chảy, dầu rơi dưới lưỡi lê mã tấu, người bị thương đủ lứa tuổi nằm la liệt trên mặt đất... nạn nhân kể biết bao nhiêu!"

Những chân dung của tên quan võ thuộc địa và bọn lính tráng của nó, ta ít được gặp trong văn học thành văn của ta, trừ ở *Bản án chế độ thực dân Pháp* sau này và ở đây: "Tuống quan giám binh làm nhiệm vụ cảnh sát, về làng để bắt cướp bắt trộm gì đó (...) những thầy giáo thật thà này xếp học trò làm hai hàng trước cổng trường để đón tiếp quan một cách cung kính (...). Ngài giám binh khinh khỉnh nhìn cảnh tiếp đón chân tình ấy. Ngài bắt học trò vào lớp, bảo các em đọc tiếng Pháp rồi tập thể dục. Đoạn ngài rút kiếm ra, cau mày lại và thỉnh thoảng tóm cổ thầy giáo, đập thầy ngã xuống đất, thét bảo lính trói thầy lại; thầy này dạy tiếng Pháp; ngài cũng bảo trói thầy dạy quốc ngữ nữa: hai thầy bị lính trói giật cánh khuỷu và buộc vào nhau. Bọn học trò hoảng sợ xô nhau chạy thực mạng, đứa ngã vỡ mặt, đứa gãy chân, kêu khóc inh ỏi..."

Trong phần kết luận, tác giả đe dọa người Pháp bằng viễn cảnh mối thâm thù trường cửu của dân tộc Việt Nam: "Các ông hãy hình dung những người vợ góa mặc tang trở vào lúc giỗ chồng, mặt đầm đìa nước mắt, họ nói với lũ con bé vây quanh họ: "Các con hãy nhớ rằng chính bọn cai trị Pháp đã

giết chết cha các con. Hôm nay là ngày giỗ cha các con. Các con hãy nhớ lấy và chớ quên rằng khi các con khôn lớn, các con sẽ có thể chịu số phận của các con!"

Bức thư đạt được phần nào cái mục đích gần của người viết: dư luận công chúng và hạ nghị viện Pháp đã chú ý đến các chính trị phạm bị kết án, do đó họ được giảm hạn tù và từ 1913 được lần lượt phóng thích, đến 1921 thì những người bị xử lưu chung thân cũng được cho về quê hương rồi phục hồi học vị.

Sau bản điều trần này, Phan lại viết một tập ký lấy tên: *Trung Kỳ dân biên tụng oan thỉ mật ký* (tập ký kêu oan kể đầu đuôi vụ dân biên ở Trung Kỳ). Ang văn này nội dung vẫn như bản điều trần nói trên, nhưng dài hơn, có chi tiết hơn và lời lẽ bình tĩnh hơn, Phan viết để đưa cho thượng thư bộ Thuộc địa và toàn quyền Đông Dương.

HUỲNH LÝ

NHỮNG CUỘC BIỂU TÌNH NĂM 1908 CỦA DÂN TRUNG KỲ - ĐƠN XIN ÂN XÁ⁽¹⁾

BẢN ĐIỀU TRẦN BẰNG PHÁP VĂN

VỚI CHỮ KÝ PHAN CHÂU TRINH NGÀY 8.4.1912 TẠI PARIS⁽²⁾

(Đã được Chủ tịch Liên minh Nhân quyền, ông Francis de Presensé chuyển đến Bộ trưởng Thuộc địa kèm theo thư ngày 25.9.1912)

Vương quốc An Nam xưa, nay được gọi chung là Đông Dương, đã rơi vào sự đô hộ của Pháp từ năm chục năm nay. Cuộc xâm chiếm đã tiến hành được dễ dàng nhờ ở tính tình hiền hòa của nhân dân địa phương và nước Pháp không vấp phải nhiều khó khăn để áp đặt ý muốn của mình: Những người bị chinh phục đã

⁽¹⁾ Theo đánh giá của người sưu tầm được sử gia Daniel Hémery tán thành thì văn kiện này là một "công trình tập thể": Phan Châu Trinh thảo một nội dung giống với "*Trung Kỳ dân biến tụng oan thỉ mật ký*". Phan Văn Trường chuyển sang Pháp văn và cuối cùng đã được ban thư ký Liên minh tu chỉnh lại và có nhiều khả năng đã được chính Chủ tịch Liên minh Francis de Presensé duyệt lại trước khi chuyển cho Bộ Thuộc địa. P.T.M.

⁽²⁾ Trên tờ báo *La cloche fêlée* của Nguyễn An Ninh ở Sài Gòn số ra ngày 8-4-1926 cũng có đăng *Bản điều trần* này dưới nhan đề: *Mémoire adressé en 1911 par Phan Châu Trinh: À La ligue des droits de l'homme*. (nhưng không đề tên người dịch). Chúng tôi cho rằng: sớm hơn ngày 8-4-1912, và ngày 25-9-1912, *Bản điều trần* này đã được gửi đến Hội Nhân quyền, nên mới có tiêu đề "*Mémoire adressé en 1911*". Tuy vậy ở đây chúng tôi vẫn sử dụng bản của bà Phan Thị Minh, vì có ghi xuất xứ đầy đủ và dịch tốt hơn bản có xuất xứ từ *La cloche fêlée*. (cũng đã được dịch - bản thảo đánh máy - có trong "Hồ sơ tư liệu PCT" của chúng tôi) NBS.

chịu theo những yêu sách của chính phủ Pháp và thực dân phương Tây với một thái độ quy thuận nhứt nhục đến nỗi chính bản thân nền đạo đức và một nền văn học, nói tóm lại là một quá khứ khá vinh quang, xin không bàn ở đây, vấn đề này sẽ là đề tài của một nghiên cứu riêng biệt vào dịp khác.

Vấn đề tôi đang quan tâm là xét xem liệu trước thái độ nói trên của người dân Đông Dương. Nhà nước (Pháp) đã và đang có một sự đáp ứng thỏa đáng hay không. Tôi cũng xin nói ngay trước rằng tôi không có ý định biện hộ cho toàn bộ vụ án qua đơn thỉnh cầu này; để làm việc đó phải viết nhiều tập dù chỉ là ngắn gọn các yếu tố liên quan. Vả chăng vụ án đã được nhiều người hoàn toàn có thẩm quyền biện hộ nhiều lần; vụ án này còn chưa được Nghị viện Pháp phê duyệt thông qua, và tôi nghĩ rằng dư luận của công chúng Pháp đã phần nào sáng tỏ nhờ những phát hiện của những tiếng nói nhân đạo, của những tâm hồn đồng cảm.

Ở đây tôi chỉ xin nói về những cuộc biểu tình năm 1908-1909 mà đồng bào tôi ở miền Trung người Pháp gọi là xứ Trung Kỳ - đã tiến hành trước những thứ thuế bòn rút đè nặng lên họ và có nguy cơ gia tăng vô hạn, trước đủ loại phiền nhiễu và bất công mà họ phải gánh chịu từ tay công chức các cấp. Những cuộc biểu tình mà chính những người đã thẳng tay đàn áp không thương xót cũng phải thừa nhận là mang tính chất hòa bình, đã khiến cho dân chúng phải trả giá đắt; hàng trăm người bị chặt đầu và hàng loạt bị lưu đày. Chính với hy vọng đạt được việc xem xét lại những bản án quá đáng đó, đạt được sự giải thoát cho các nạn nhân của những biện pháp hành chính sơ sài hiện còn sống sót và đang rên xiết do bị đối xử tàn tệ, mà tôi xin được thuật lại nhanh chóng các sự kiện và xin phân tích ở phần sau một vài bản án đó; chưa phải là loại bất công nhất vì tôi không có quyền lựa chọn, mà đây chỉ là những bản án mà tôi biết rất rõ nạn nhân. Hơn nữa tôi có thể làm được điều này một cách tường tận do chính bản thân tôi, nhân cuộc kháng cáo này của dân Nam, đã là đối tượng của một bản án tử hình. Sự quan tâm kịp thời đến trường hợp tôi của những người

Pháp có thiện tâm tại Pháp đã làm nên một điều huyền diệu là đã lôi tôi ra khỏi lưới kiếm của đao phủ, mà tôi đã nhẫn nhục chờ đợi, do trước khi hiến dâng đời mình cho đồng bào tôi lấy làm thỏa lòng vì đã được trình bày một cách kính cẩn và công khai với chính phủ Đông Dương những hoàn cảnh khốn khổ trong cuộc sống lay lắt của chúng tôi từ ngày bị chinh phục. Án của tôi được chuyển thành biệt xử chung thân và sau ba năm lưu đầy ở Côn Đảo thì chính những bàn tay nhân hậu đã kéo tôi ra khỏi cũi chết lại đã giải thoát tôi khỏi tay bọn đao phủ ở đảo ấy, nơi mà một số đồng đồng bào tôi, bị lưu đầy cùng với những lý do như tôi, hiện đang quần quai giữa cái sống và cái chết. Với những nhà hiền triết nhân đạo ấy, với những người con vĩ đại của nước Pháp, những người không bao giờ hờ hững trước lời kêu cứu của những kẻ yếu đuối, tôi xin gửi đến họ lời chào kính trọng, chính nhờ những người ấy mà hôm nay tôi còn sống để làm người phát ngôn cho những bạn cùng hội cùng thuyền với tôi trong hoạn nạn.

Các cuộc biểu tình đột nhiên bắt đầu từ Quảng Nam. Nguyên nhân chính, chứ không phải duy nhất, là sự bất bình đồng loạt do việc bắt xâu liên miên gây nên. Từ cuối năm 1908 (đúng ra là 1909 - PTM) đến đầu năm sau, quan tri huyện Đại Lộc tỉnh Quảng Nam đã nhận được một số lệnh của Công sứ Pháp có liên quan đến sưu dịch. Thi hành các chỉ thị của tòa Công sứ, ông quan này đã vượt xa mức ấn định của tòa Công sứ, buộc dân phải làm thêm vô số ngày công. Bốn hoặc năm làng đã quyết định phải khiêu nại các những lạm có thể nói đã xảy ra sờ sờ trước mắt các quan chức Pháp. Quan tri huyện, đánh hơi thấy sắp xảy ra việc tố cáo đó, đã vội vàng chạy lên tòa Công sứ, tìm cách tránh né bằng cách biến việc tố cáo nọ thành ra một cái gọi là âm mưu bạo loạn. Mưu mẹo ấy tất nhiên không thể làm cho những người khiêu nại lùi bước, và sau khi biết dã tâm của quan tri huyện, họ đã tập hợp lại cả trăm người, dẫn luôn quan huyện bị lên án đến tòa Công sứ để vạch mặt hắn trước chính quan Công sứ Pháp, bóc trần những lời vu khống và bày tỏ những ý nguyện hoàn toàn hòa bình của mình. Mặc dù dân chúng đã phát biểu rất cụ thể và đầy đủ về những tội lỗi tên ác ôn này đối với dân tộc, quan Công sứ đã gạt bỏ mọi lời khiêu kiện của dân để bao che cho thuộc hạ của mình. Nhận thức

được tính chất chính nghĩa việc làm của mình, những người khiêu nại không chịu thua và kéo đến tố cáo đông hơn. Bị cấm cửa, họ ở ngoài cổng dinh Công sứ, khẩn nài công lý, tố giác phản trắc và xỉ vả viên quan huyện, con quái vật mặt người mà miệng lưỡi rắn độc. Trước làn sóng tố cáo của dân chắc hẳn quan Công sứ thấy rõ "ý kiến của dân chúng là khó cưỡng lại được" bèn quyết định cách chức viên tri huyện nhưng cũng không bỏ rơi hẳn. Để tránh việc đám đông có thể hành hung, quan Công sứ đã cẩn thận cho đưa hẳn về nhà bằng đường thủy. Số người dự biểu tình lúc đó lên đến 300 họ ở tại chỗ 3 ngày liền, mặc cho mưa nắng, đói khát để kêu nài, mong rằng những lời than chính đáng của mình cuối cùng sẽ làm cho các nhà cầm quyền thương cảm và giảm các lao dịch quá đáng khiến họ không thể kiếm sống được.

Tám gương đấu tranh đó được noi theo, dân các làng vùng ven tỉnh lỵ La Qua họp thành đám đông kéo đến, thêm một minh chứng mới về sự đau khổ thực sự và sâu sắc của dân chúng.

Số người biểu tình ngày càng tăng và những tin thất thiệt được truyền đi, điều đó chẳng có gì là lạ ở một nước mà chính quyền đã nghiêm cấm việc xuất bản báo chí bằng tiếng bản xứ nhằm duy trì tình trạng ngu dốt của dân chúng không cho họ biết về những gì có liên quan đến thân phận mình.

Những tin đồn về việc quan Công sứ đã nhận giảm thuế và lao dịch đã khích lệ dân chúng. Những người dân thường, vốn suy nghĩ đơn giản, đã bị chế độ cai trị mới làm cho nghèo đói, từ mọi nơi dồn đến, nhanh chóng đạt tới con số một ngàn người. Lúc bấy giờ quan Công sứ, lẽ ra phải thấy rằng đám đông bị cai trị, chất phác và phục tùng, chịu sự ràng buộc của nhiều lễ giáo lâu đời, đã đến trông nhờ vào mình như những đứa con trong cảnh nguy khốn đến quỳ gối trước người cha để xin cứu giúp với biểu hiện tình cảm chân thành, thì ngược lại, ngỡ rằng đang phải đương đầu với thủ đoạn của một số người cầm đầu, mà trong ngôn ngữ hành chính Đông Dương thường gọi là "những kẻ gây rối". Cuối cùng quan Công sứ ra lệnh bắt bốn hoặc năm lý trưởng có mặt trong hàng ngũ những người biểu tình và đày họ đi Lao Bảo để cho họ có dịp suy ngẫm trong cảnh tù đày, về những điều phiền phức khi đụng đến, dù là một cách hòa bình và kính cẩn, những ý muốn của nhà

cầm quyền. Nhưng biện pháp mà chính quyền đánh giá là kiên quyết và tin tưởng có hiệu quả đó đã không ngăn cản được đám đông dân chúng vô vọng kéo đông hơn nữa đến tòa Công sứ, xem nơi đó là chốn hy vọng cuối cùng của họ. Ngược lại họ coi những nạn nhân của các biện pháp độc đoán nói trên là những người hy sinh vì nghĩa làm người và nghĩa đồng bào nên họ để tang cho những nạn nhân đó; điều ấy chứng tỏ một lần nữa họ tỏ ra chân thành biết bao trong những lời kêu nài của mình.

Để đưa ra một ý niệm, dù rất mờ nhạt, về những hà lạm mà dân chúng phải gánh chịu về lao dịch, tôi nêu lên vài trường hợp ở huyện Hà Đông, là quê hương của tôi cho nên tôi đã được chứng kiến: Những người dân bản xứ nghèo khổ bị trưng tập ít nhất 15 hay 16 lần mỗi năm trong các dịp các quan chức Pháp di chuyển, hoặc để vận chuyển hành lý, hoặc để tiếp tế cho sĩ quan và binh lính Pháp; những các lao dịch ấy không thấm vào đâu so với những lao dịch bắt buộc cho việc xây dựng và sửa chữa đường sá và những việc đại loại như vậy thường xuyên xảy ra. Sau đây là một ví dụ: Một con đường cái dài khoảng 40 km được xây dựng để nối chợ Tam Kỳ với chợ Trà My; từ 6-7 năm nay, những người lao dịch đã phải làm việc trên quãng đường này mà không bao giờ hoàn thành được chỉ vì thiết kế luôn thay đổi. Xin miễn nói dân chúng trong vùng có cảm thấy hạnh phúc hay không trong tình trạng nay.

Đi đôi với những hà lạm là thói quen lạm quyền của quan lại, phụ tá trực tiếp cho các quan cai trị người Pháp. Năm 1907 quan Công sứ giao cho một Đề đốc (tướng người An Nam) trông coi việc xây dựng đoạn đường nói trên. Ông này là nỗi khiếp sợ của dân; trước mặt họ lại thêm một kẻ mặt người dạ thú nổi tiếng tham lam và tàn ác vượt ngoài sức tưởng tượng. Sau khi nhậm chức, điều bận tâm của ông ta là đi vào các làng để tống tiền của dân. Một chút do dự, một thoáng phản kháng đều bị ông trấn áp cực kỳ tàn nhẫn. Rất nhiều lý trưởng đã được ban những trận đòn hàng trăm roi. Những việc làm trên đã được ghi lại trong các đơn khiếu nại của dân chúng gửi đến tòa Công sứ. Quá trình giải quyết lao dịch của ông ta là một chuỗi nhục hình tàn bạo mà nhiều nạn nhân không bao giờ khiếu nại được vì một lẽ dễ hiểu là họ không

còn sống sót. Dân chúng các làng ven con đường đang xây dựng còn rung mình khiếp sợ khi nhớ đến những sự ức hiếp ấy; như trong giấc mơ họ nhớ lại bóng dáng của viên quan cướp đoạt đất đai cùng vườn quế của họ, không những đã bắt họ làm không công cho hắn, mà còn đánh đập tàn nhẫn không thể tưởng tượng nổi. Người dân mà Chính phủ đã trói chân tay trước khi giao họ cho một người trông bọn họ bị đánh, đã quyết định cho tiền báo của một bài học; họ vào trong một khu đất của hắn, nhổ phá sạch những cây quế đã trồng. Vị Đề đốc theo nếp cũ, ra lệnh cho tay chân đánh đập dân phu. Không may cho hắn ta, dân phu vây quanh nhà, tìm cách bắt sống để dẫn hắn đến tỉnh lý và đòi trừng phạt. Như một kẻ cướp bị săn đuổi, hắn bỏ chạy trốn vào trong phủ đường Tam Kỳ; dân chúng đuổi theo hắn và chờ ngoài phủ đường suốt một đêm. Sáng hôm sau, quan Đại lý người Pháp của khu hành chính này đến, dân chúng đã dẹp ra tránh đường cho ông ta vào phủ đường. Ông ta lại ra ngay, theo sau là viên đề đốc chạy trốn, cuối cùng hắn ta đã tìm được an toàn trong văn phòng quan Đại lý người Pháp. Dân chúng không buông tha liền kéo đến đây và đến khi quan Đại lý lại trở ra, báo cho dân chúng biết viên Đề đốc vừa mới chết vì quá sợ hãi, một cái chết có phần bí ẩn nhưng tôi cũng không tìm nguyên nhân làm gì, dân chúng vẫn tỏ ra chưa tin. Quan Đại lý đã phải cho họ vào nhà ông và sau khi đã tận mắt thấy xác chết của kẻ thù, họ đã tuân lệnh trở về làm ăn và từ đó không ai nói đến vấn đề thuế má nữa.

Đây là đại thể những sự việc làm thành nguyên nhân của những sự kiện năm 1908.

Điều tất nhiên phải đến, trong một thuộc địa mà người ta không phải bao giờ cũng tin vào những lời cải chính của Nhà nước, ở đây dân chúng bị nghiêm cấm không được có một tờ báo bằng tiếng bản xứ để biết về những gì có liên quan đến mình, là những lời nói sai lạc, và sau đó là những tiếng đồn bông lông. Điều nghiêm trọng nhất bấy giờ là tin đồn làm cho dân các tỉnh khác tưởng rằng Chính phủ đã chấp thuận cho dân Quảng Nam

được giảm thuế như họ đã cầu xin. Hậu quả chẳng phải chờ đợi lâu: nhiều cuộc biểu tình tương tự các cuộc biểu tình kể trên đã xảy ra tại tỉnh Quảng Ngãi vào giữa tháng Ba, ở tỉnh Thừa Thiên vào đầu tháng Rô. ở tỉnh Bình Định từ những ngày đầu tháng Sáu và những điều trên đây là bằng chứng đầy ấn tượng và hiển nhiên cho thấy dân chúng đã bị nhùng nhể vì các loại thuế đè nặng và họ khát khao công lý biết bao! Rất dễ hiểu là những cuộc biểu tình đó không được các nhà cầm quyền lúc bấy giờ ưa thích. Họ đã ra lệnh, bằng bất cứ giá nào, phải giải tán những người dân hiền lành, quần áo rách rưới, tay không vũ khí, theo sau họ là vợ với con nhỏ còn bám vào vú mẹ, là bố mẹ già tàn tật đến cổng công đường để van xin quan đoái nhìn đến tình cảnh khốn khổ của họ, đến sự khốn cùng đã đưa họ tới kề cái chết... Không, không, không một chút thương xót nào cả! Nòi giống lười nhác bản thủ! Hãy tiến lên, các binh sĩ, lính khố đỏ, lính khố xanh, hãy giải tán chúng bằng những phát súng, bằng lưỡi lê, bằng roi, bằng chân, bằng tất cả những gì mà các người muốn. Hãy tránh xa ra, hãy biến mất đi lũ hôi thối! Và lính khố đỏ, lính khố xanh, tất cả nhất nhất thi hành lệnh cứng rắn của các quan thầy... Và máu chảy, đầu rơi dưới những nhát chém bằng rựa, người bị thương đủ lứa tuổi nằm la liệt trên mặt đất... Số nạn nhân không đếm xuể!

Theo nhiều tin tức tôi thu nhặt được và điều này đã được mọi người biết, thì:

- Tỉnh Quảng Ngãi có 200 người bị giết và bị thương trong số người đi biểu tình. Khi những người này đến, quan Công sứ cho người bảo với họ: "Nếu các người muốn làm những nhà cải cách thì hãy đợi ba mươi hay bốn mươi năm nữa! Lúc này, hãy cút đi, nếu không ta sẽ cho bắn đấy!" Và miệng nói tay làm, ông ta ra lệnh nổ súng... Thà bị bắn chết còn hơn chết đói, những người dân hiền lành tự động viên nhau bước tới, đối mặt với sự giải thoát hãi hùng đó. Đúng vào lúc này một viên chức hải quan đi xe ô tô cán vào chân một người bị thương khiến người này rú lên vì đau đớn. Dân chúng kéo đến trước xe và viên chức hải quan hỏi họ: "Các

anh yêu cầu tôi điều gì?" Họ đáp lại: "Chúng tôi là những người dân khốn khổ, sưu cao, thuế nặng không thể gánh chịu nổi, chúng tôi đã đi đến đây, tay không, không hề có vũ khí, để khiếu nại ở Tòa Công sứ, nhưng người ta đã xua đuổi chúng tôi bằng những phát súng. Chúng tôi khẩn cầu ông gặp quan Công sứ để yêu cầu ông ta đừng cho binh lính bắn vào chúng tôi". Họ xin giữ xe và nói thêm: "Nếu ông làm cho quan Công sứ nghe theo thì khi ông trở lại đây, chúng tôi sẽ xin đẩy xe cho ông". Viên chức hải quan đồng ý và một lúc sau, quan Công sứ cử một người mang đến 50 đồng. Dân chúng trả lời: "Chúng tôi không thể hiểu nổi việc biếu 50 đồng này, với số tiền này, chúng tôi làm được gì? Chúng tôi ở đây hơn một ngàn người và nhiều người đã bị bắn gục. Lúc này chúng tôi chỉ yêu cầu một điều: đừng bắn vào chúng tôi nữa!".

- Tại tỉnh Bình Định, số nạn nhân bị thương, bị giết, bị chém đầu hoặc bị án khổ sai đến hơn một trăm.

- Tại tỉnh Thừa Thiên có 3 nạn nhân bị thương hoặc bị giết.

- Tại các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Phú Yên rất nhiều người bị án tử hình hoặc khổ sai...

Tóm lại, cả Trung Kỳ chìm đắm trong tang tóc.

Và người ta đã sử dụng đủ loại nhục hình chẳng thua gì những thời kỳ dã man nhất trong lịch sử nhân loại. Tại Côn Đảo, tôi đã thấy tận mắt những người bạn lưu đầy của tôi, nhà nho và quan lại cũ, bị đánh đòn đến nổi mông của họ lở loét và mưng mủ.

Tất nhiên, với những biện pháp đàn áp cứng rắn đến vậy, tình thế được dẹp yên nhanh chóng, các vùng quanh công đường của các nhà cầm quyền nhanh chóng trở lại đáng vẻ bình thường, còn lại chẳng là những vết máu của những người biểu tình đã nhuộm đỏ mặt đất như là những phản kháng câm lặng về nỗi bất công họ phải gánh chịu.

Người ta cứ tưởng rằng sau khi đã trả thù và dẹp xong các cuộc biểu tình, các quan chức đầy uy quyền sẽ nghỉ ngơi trên những vành nguyệt quế của mình. Hoàn toàn không như vậy: Họ đã tuyên bố là phải tìm ra ngọn nguồn, phải tìm cho ra những người cầm đầu, người khởi xướng để trừng trị. Và thế là những lệnh bắt người được đưa ra khắp nơi, nhằm vào các nhà nho nổi tiếng về học vấn, về lòng chính trực và trung thực, và khi bị bắt họ

rất đổi ngạc nhiên. Những lý do buộc tội? Hoàn toàn không có. À mà có đấy, có đối với một số người: Họ đã dám tự tiện viết đơn gửi các quan chức Pháp yêu cầu cải cách, tố giác những những loạn của các viên chức. Một tội không thể tha thứ được! Quan lại các cấp đã nhận được chỉ thị, và trong một thời gian ngắn nhiều bản án, mà một số sẽ được phân tích sau đây, đã được chính quyền Pháp phê duyệt xử phạt các nhà nho bị bắt, trong đó có tôi, người thì án tử hình, người thì án lưu đầy hoặc khổ sai chung thân. Tôi xin nói rõ ở đây, để làm rạng danh họ, rằng một số vị quan Triều đình Huế, mặc dù bị sức ép của Tòa Khâm sứ, đã từ chối ký vào bản án tử hình của tôi vì họ chẳng tìm ra điều gì để buộc tội tôi, ngoài một điều là tôi đã không làm vừa lòng một số quan chức⁽¹⁾. Nhân đây, tôi xin tỏ lời khen về một chút liêm sỉ còn sót lại trong các bản án man trá chứa đựng biết bao điều tàn bạo! Chúng ta hãy dở hình luật nước Nam, hãy tra vấn hình luật nước Pháp và tất cả các nền pháp chế các nước, ngoài ra hãy tra cứu các lối xét xử đã từng tồn tại trên thế gian này và tôi đoán ai tìm được một trình tự tố tụng nào, một phương pháp xét xử nào có thể gọi là hao hao giống với cách thức (tôi không nói là trình tự tố tụng) xét xử đã được thực hiện. Tôi cũng đoán bất cứ luật gia nào, nhà hành pháp nào biện minh được những điều phi lý và bất công nghiêm trọng làm cơ sở cho các bản án đó. Đừng nói gì đến thẩm vấn, xét xử! Các bản án được dựng lên một cách tuyệt mật từ nơi kín đáo nhất ở công đường dựa theo những chỉ thị cũng mật của các quan Công sứ. Sau khi án được quyết, người ta cũng không buồn thông báo cho những người bị án. Khi được dẫn đến pháp trường hoặc đưa đi đầy, họ không hay biết gì cả cho đến phút cuối cùng của đời mình! Người ta chỉ thông báo cho các làng xã quê quán của tù nhân một cách mơ hồ rằng họ phạm tội phản loạn.

Xin đừng nghĩ rằng tôi nói ngoa! Mong rằng Chính phủ chính quốc đòi xem văn bản của lối xét xử có một không hai ấy! Mọi người sẽ có được một khám phá bổ ích đấy!

Tôi bắt đầu bằng việc dẫn ra bản án của các ông Huỳnh

⁽¹⁾ Bản này ghi đúng sự thực hơn về thái độ của Khâm sứ đã ép xử tử ông Phan nhưng một số vị trong Phủ Phụ Chánh đã chống lại.

được biết là ông Nguyễn Thành vừa mới qua đời tại Côn Đảo⁽¹⁾. và Lê Bá Trinh, người là tiến sĩ, kẻ thì cử nhân... Tôi sẵn sàng để người có thẩm quyền sử dụng bản sao bằng chữ Hán mà một người bị án, ông bạn Huỳnh Thúc Kháng của tôi đã mày mò tìm ra được sau khi ông bị kết án một thời gian khá lâu.

TRÍCH BẢN ÁN HUỲNH THÚC KHÁNG VÀ NHIỀU NGƯỜI KHÁC

"Xét rằng các ông Huỳnh Thúc Kháng, Phan Duyện, Nguyễn Thành và Lê Bá Trinh đều là những vị thâm nho, do đó không thể chấp nhận rằng họ không biết ai là kẻ phiến loạn chống lại nước Pháp và không biết là không nên theo người ấy..."

Kẻ phản nghịch nổi tiếng quan tòa ám chỉ mà không dám nêu tên là Cử nhân Phan Bội Châu, ở tỉnh Nghệ An, sau năm 1903 đã trốn ra nước ngoài để tránh những sách nhiễu của chính quyền. Trước đó ông được học bổng ở trường Quốc Tử Giám, Huế. Cũng chính trong năm 1903, Phan Bội Châu thi Tiến sĩ nhưng không đỗ. Quan Khâm sứ (Trung Kỳ) cho bắt ông vì những lý do bí ẩn nhưng sau một cuộc hỏi cung vẫn tất đã thả ông ngay. Năm hoặc sáu tháng sau đó, chính viên quan cao cấp này lại mật lệnh cho các tỉnh phải lùng bắt Phan Bội Châu, ông này liền bỏ trốn và mãi một năm sau người ta mới được tin là ông ta đang nương náu tại Nhật Bản.

Không cần bác bỏ một lập luận như trên vì nó quá ấu trĩ. Hãy xem giá trị của phần tiếp theo:

- "Xét rằng Nguyễn Thành sau khi con người đó đến nhà mình liền đi mời Phan Duyện và Huỳnh Thúc Kháng đến để cùng nhau hội họp...", quan tòa không nêu rõ ngày tháng và nội dung cuộc họp kín này. Chắc ông ta cho rằng đó là

⁽¹⁾ Qua thư từ gần đây, tôi được biết là ông Nguyễn Thành vừa mới qua đời tại Côn Đảo (chú thích nguyên văn).

những chi tiết không cần thiết với một quan tòa tâm cỡ như ông. Dù sao, cứ cho như sự việc là chính xác đi, người ta cũng tự hỏi tại sao lại phạm tội khi tiếp xúc với một nho sĩ nổi tiếng được kính phục, đã đỗ Cử nhân, được Chính phủ cấp học bổng, đã được vô sự trước mọi lời kết tội, đã được đi lại trong các văn phòng của Tòa Khâm sứ.

"Xét rằng, về sau, bốn nho sĩ này đã biết rằng người ấy đã rời đất Trung Kỳ, và xét rằng ngoài ra Nguyễn Thành, Phan Duyện và Lê Bá Trinh đã thành lập các hội buôn, hội diễn thuyết và hội những người ăn vận theo kiểu Tây phương, tóc cắt ngắn; xét rằng những điều nói trên, họ rủ nhau tiến hành cùng một lần..." *Xin bỏ qua một sự khẳng định không bằng chứng, và chuyển sang các hội và đoàn bị tố cáo* Những hội buôn đã được các nhà nho lập ra ở tỉnh Quảng Nam trong năm 1905, vì họ thấy rằng ngày nay văn chương không nuôi nổi con người. Trước một chính quyền rất đa nghi, những nhà sáng lập đã trước hết xin giấy phép thành lập do công sứ và các quan lại cấp tỉnh ký. Và hơn nữa, họ đã mở cơ sở đầu tiên tại Hội An, ngay bên cạnh Tòa Công sứ. Xin nói ngay rằng những sự cẩn trọng ấy sau này đã không ngăn cản chính quyền hủy hoại không thương tiếc những cơ sở đó. Đúng vậy, vì đó chỉ là những lợi ích của dân bản xứ thôi mà!

Còn về những việc diễn thuyết công khai trước công chúng tại tỉnh Quảng Nam, thì do chính bản thân tôi đã đứng ra tổ chức. Tôi làm như thế vì sao và như thế nào? Vào năm 1906 Ngài Beau, Toàn quyền Đông Dương có lệnh cho các Công sứ và các quan An Nam thành lập các trường học, nhưng lệnh ấy không được thực hiện. Thấy đây là việc có lợi ích chung, tôi đã đến tìm ông Công sứ để nói về việc này, và ông ta đã trả lời như sau: "Nếu dân chúng muốn học thì hãy tự mở lấy trường. Nếu dân chúng không mở được trường, thì chẳng can hệ gì đến tôi. "Lời tuyên bố rõ ràng của vị quan cai trị đầu tỉnh đã làm tôi yên tâm vì ông đã khẳng định không phản đối các sáng kiến tư nhân trong nền giáo dục bản xứ; vì rằng dưới chế độ hiện nay, mọi việc do người bản xứ khởi xướng, bất luận việc gì, trước sau cũng thường vấp phải những cản trở từ phía nhà cầm quyền... Lúc bấy giờ, vì chưa có thầy giáo tại chỗ, tôi

đã đi diễn thuyết khuyến khích dân chúng mở trường. Những cố gắng của tôi không phải là vô ích; ngay trong năm đó 40 trường học được lập ra để dạy chữ Quốc ngữ và một ít tiếng Pháp. Những cuộc diễn thuyết được diễn ra ở khắp nơi; gần thành tỉnh, tại các làng, trong các chùa, các đình làng, các miếu; và để chứng tỏ sự minh bạch của công việc tuyên truyền này, mọi người đều được mời dự. Không hề có kiểu nói bóng gió, không có từ ngữ lấp lửng, tất cả đều được trình bày rõ ràng bằng một ngôn ngữ bình dân, ai cũng hiểu được.

Hãy xem lại các hội, thoát nghe rất kỳ lạ, của những người ăn mặc theo kiểu phương Tây và tóc cắt ngắn. Đó là cái gì vậy? Cho đến lúc bấy giờ, những nhà nho và những người thuộc tầng lớp trung lưu trong nước chúng tôi thường dùng vải nhập từ Trung Quốc để may mặc. Nhưng từ sau khi bị đô hộ, hàng hóa Trung Quốc bị đánh thuế ngày càng cao nên không ngừng tăng giá và những nhà buôn, để giữ được doanh thu, đã bán ra những hàng kém phẩm chất. Kết quả cuối cùng là một bộ quốc phục đứng đắn giá đắt hơn nhiều so với một bộ quần áo phương Tây thường dùng tại các thuộc địa mà ở đấy vải trắng và vải ka ki được mặc quanh năm, hơn nữa lại lâu rách hơn. Và muốn ăn mặc theo kiểu Tây thì phải cắt tóc ngắn. Do đó, tầng lớp có học nảy ra ý định thử chuyển trang phục theo kiểu mới cho tiện lợi và tiết kiệm. Vả chăng, dù bất kỳ động cơ gì mà họ thay đổi cách ăn mặc thì điều đó chẳng có gì đáng quở trách cả! Ở một số nước láng giềng người ta nghĩ khác. Tôi muốn nói đến Nhật Bản với Triều Tiên. Các vị thực dân luôn kiếm cách trình bày Nhật Bản như là con quái vật hung dữ đối với một đất nước mà họ vừa thôn tính là Triều Tiên. Ít lâu sau khi chiếm đóng, Nhật Bản đã thi hành hai biện pháp, vì lợi ích vệ sinh và nhằm nâng cao nòi giống Triều Tiên mà báo chí Pháp đã thuật lại, đó là: 1 - cắt tóc ngắn, 2 - cấm tảo hôn. Theo tôi đấy là văn minh. Nhưng đối với các ngài thực dân, dân An Nam bản thủ mà lại dám bắt chước người Tây phương à? Không thể chấp nhận được! Điều đó phải chấm dứt! Và họ nhanh chóng đưa ra một cái cớ; Cắt tóc ngắn là dấu hiệu của sự liên kết với những kẻ phiến loạn! Tức thì những người cắt tóc ngắn bị tằm nã và bị tù hàng loạt. Ôi! nơi kia là chân lý thì nơi đây lại là sai phạm!

"Xét rằng, các cuộc hỏi cung tên Hạ cho thấy rằng nhóm người này đã bí mật thông đồng với nhau và cho nhau vay mượn tiền theo kiểu kín đáo". Về tên Hạ, khi tôi đang ở Bắc Kỳ, có nghe nói hắc quê Nghệ An và đã từng theo hầu cụ Phan Đình Phùng nổi tiếng, người đã đương đầu trong nhiều năm với quân đội Pháp, và đứng trước nguy cơ bị bắt, đã tự vẫn để bảo toàn danh tiết. Sau khi vị thủ lĩnh hy sinh. Hạ lang thang khắp nước. Năm 1907 hắc bị một tên mật thám bắt theo lệnh của quan án sát Hà Tĩnh là Cao Ngọc Lễ. Hạ đã già và yếu sức do nghiện ngập. Các quan lại đã tìm cách để buộc Hạ phải thú nhận, nhưng người tù đã đáp lại bằng một sự căm lặng, và từ tra tấn cực hình, các quan chuyển sang dùng mưu mẹo; Hạ được đối xử mềm mỏng, được dụ dỗ, được cho ăn cao lương mỹ vị, được uống rượu ngon và đặc biệt là được cấp thuốc phiện, là linh hồn của dân nghiện. Được đối xử quá hào phóng, Hạ đã bật lên cười, rồi nói: "Ha, ha, những gì các nhà nho đã làm tôi biết hết!" Câu nói đó làm cho quan án sát rất hài lòng và càng hậu đãi y gấp bội. Mấy tháng trước đó quan án này đã vu cho Tiến sĩ Ngô Đức Kế là đồng đảng với Cử nhân Phan Bội Châu đã nói ở trên, đã ra lệnh bắt, gông cổ và giam ông Ngô Đức Kế tại tỉnh lỵ. Sau bốn tháng hỏi cung liên tục và điều tra công phu, quan án vẫn không tìm ra được tội trạng cho địch thủ của mình. Việc này mọi người dân Trung Kỳ đều biết và báo chí Pháp cũng đã nói đến. Làm thế nào bây giờ? Thả Ngô Đức Kế sau bốn tháng giam cầm không căn cứ chẳng? Như vậy quan án sẽ có nguy cơ bị công kích! Nhưng một ông quan cỡ đó không thể lúng túng vì một việc cỏn con như thế! Tên Hạ mà tôi vừa dẫn câu chuyện khôi hài trên đã có sẵn ở đó. Ông Cao Ngọc Lễ đã bắt tên Hạ hứa yểm trợ cho lời kết tội của ông đối với tiến sĩ Ngô Đức Kế. Thế là hơn hở, ông ta đã mời quan Công sứ đến dự cuộc đối chất giữa hai tù nhân. Khi quan Công sứ hỏi, tên Hạ đã khai đúng như hắc ta và quan án đã thỏa thuận, và các câu hỏi và trả lời đã được viên quan án trang trọng ghi chép lại. Nhưng khi quan Công sứ lại hỏi: "Vì sao mày biết chuyện đó?" tên Hạ lạnh như tiền, nhưng còn ít bất nhân hơn quan án, đã thản nhiên đáp: "Chính quan án đã bảo tôi phải trả lời như thế". Quan Công sứ hỏi tiếp gay gắt: "Tại sao mày lại nói theo hướng dẫn của quan án?".

Và tên Hạ trả lời một cách ngáy ngô: "Vì nếu tôi không nghe lời ông ta, thì người ta sẽ không đối xử tử tế với tôi, không cho tôi ăn ngon và sợ nhất là không cho tôi hút thuốc phiện". Những thủ đoạn kỳ quái ấy làm cho Công sứ khó chịu và ông ra lệnh giữ tên Hạ tại nhà lao tỉnh lỵ. Nhưng mặc dù có sự kiện đó, trong tất cả những bản án dành cho các nhà nho của các tỉnh Quảng Nam, Hà Tĩnh, Nghệ An đều ghi rõ về cái gọi là lời chứng của tên Hạ với ghi chú điển hình "Theo lời khai của một người tên là Hạ". Những lời khai đó được thu nhận như thế nào, các quan tòa không cho biết, và tên Hạ bí ẩn đó, chẳng ai gặp nó. Trong đoạn kết của bản án, vị quan tòa đáng kính này đã ám chỉ, mặc dù không dám nói rõ ra, rằng những suất tiền góp cho các hội buôn thực ra là để trợ giúp cho những người phiến loạn, hẳn là cho Phan Bội Châu. Tôi chỉ xin nhắc lại những giải thích mà tôi đã nói ở trên rằng sự thành lập và hoạt động của những hội buôn ấy đã được quan Công sứ và quan lại cấp tỉnh cho phép và những công ty ấy đã hoạt động giữa thanh thiên bạch nhật.

"Xét rằng những thư tín mà họ trao đổi với nhau về vấn đề này được giấu kín nên không bị phát hiện, do đó không thể biết được tí gì, nhưng không phải vì thế mà những nhận xét về phong cách của họ và những gì họ đã làm, khiến ta có thể tin vào lời khai của họ rằng họ chẳng có chút tình ý xấu nào... Xem như Phan Duyệt, Nguyễn Thành là những người đứng đầu các hội buôn và Huỳnh Thúc Kháng, Lê Bá Trinh là những người tổ chức các cuộc diễn thuyết..." Đó toàn là những lời vô nghĩa, tôi xin được miễn bình luận.

"Xét rằng ta xem thi văn của họ, ta thấy có một câu có thể dịch như sau: "Ta còn phải chịu sự lăng nhục, ta còn phải chịu cảnh trong chuồng ngựa, lông thú đến bao giờ?"

Ôi lý lẽ mới quan trọng làm sao! Đó chỉ là một câu trong bài thơ của một thí sinh trong dịp thi hằng năm tại Bình Định năm 1904. Nhà thơ đã châm biếm các cuộc thi văn chương của nước Nam, ngoài các lời phê phán khác, anh ta đã nói: Nếu cứ duy trì các cuộc thi ấy thì đến một trăm năm sau sẽ còn bị phỉ nhổ và bao giờ mới thoát khỏi những chuồng ngựa, những lông thú kia?

Chuông và lồng đây chỉ là những gian lậu của các nho sĩ trong trường thi! Quan tòa đã nêu ra một bài thơ cũ rích không ai còn lạ gì nữa...

"Xét rằng có bắt được thư từ họ trao đổi với nhau, trong đó có viết phải nói trước kẻ có uy quyền".

Ta hãy xem từ "người có uy quyền" có nghĩa như thế nào?

Vào tháng Hai năm 1908, Tiến sĩ Huỳnh Thúc Kháng bị bắt và phải giam cầm tại nhà tù Tòa Công sứ. Bạn của Tiến sĩ, ông Cử nhân Phan Duyện, viết thư thăm hỏi ông trong đó có đoạn: "Thường ngày ông có ý muốn nói chuyện với người có uy quyền, (tức là quan Công sứ, người thực sự làm chủ của toàn tỉnh) tại sao ông không tranh thủ hoàn cảnh này để nói chuyện trực tiếp với quan Công sứ?". Lá thư này bị người gác ngục giữ lại và quan tòa, vì thiếu chứng cứ, đã tóm lấy nó!

"Xét rằng ngoài ra Lê Bá Trinh đã bảo học trò của mình tập hợp lại và những người này đã đọc câu phương ngôn sau: "Thương yêu đồng bào là nghĩa vụ hàng đầu của chúng ta!".

Như vậy, theo học thuyết của những người cầm quyền, ngày nay người dân An Nam không được thương yêu nhau mà phải xâu xé lẫn nhau để thực hiện câu châm ngôn đã được kiểm nghiệm tại nước chúng tôi "Người với người là lang sói".

"Ngoài ra xét rằng trong các buổi diễn thuyết tại trường học, họ đã phát biểu những lời phạm tội. Vì rằng trong khi nói tại các cuộc diễn thuyết về những gì có liên quan đến sự phát triển trí thông minh, bàn về sự cần thiết trong cuộc sống hiện tại, phải hạn chế những hưởng thụ xa hoa, vì lợi ích của học vấn, họ đã gọi cho cử tọa khái niệm chủ quyền của nhân dân, trình bày điều này như là một nguyên tắc cơ bản (của?) và gọi cho người ta khinh bỉ (ai?).

Vậy khi người ta là dân An Nam, dám suy nghĩ tức là phạm tội, và có gan nói về một nguyên tắc xã hội đầy rẫy trong các sách giáo khoa tức là tự đặt mình vào trường hợp đáng bị treo cổ. Thế tại sao các nhà cầm quyền lại rêu rao không ngớt, trong những bài diễn văn của họ trước công chúng, những lời hứa mỹ miều mà rỗng tuếch, những từ ngữ khoa trương nhưng vô nghĩa; công bằng,

khoan dung, lợi ích của văn minh và vô số lời xảo trá cùng một điệu như thế. Thà nói thẳng thắn với chúng tôi rằng: "Chúng tôi đã chinh phục các người, các người là nô lệ của chúng tôi, chúng tôi sử dụng các người tùy theo ý thích của chúng tôi. Các người đã bị đặt ra khỏi dòng giống loài người, các người phải hiểu như thế"⁽¹⁾.

Và chúng tôi cũng chẳng ngạc nhiên đâu: nhiều chủng tộc khác ở châu Âu, châu Úc và nhiều nơi khác đã bị tiêu diệt hoặc đang bị tiêu diệt dưới ách đô hộ của người phương Tây, ví dụ: Tây Ban Nha ở Nam Mỹ; Anh ở Châu Đại Dương.

Chúng tôi đang chờ đến lượt mình và trong khi chờ đợi sự giải thoát cuối cùng, chúng tôi suy nghĩ về những quan điểm xã hội hoàn toàn đối lập tại các nước láng giềng châu Á của chúng tôi: các nước ấy cũng có những cuộc chinh phục nhưng không khai thác thuộc địa. Và sau khi chinh phục xong, đã chân thành truyền bá nền văn minh của mình cho nhân dân bị chinh phục và đối xử với họ như anh em chứ không phải theo kiểu chủng tộc thượng đẳng với chủng tộc hạ đẳng!

"Xét rằng kết quả của việc nghiên cứu các nguyên nhân và lý lẽ trên đây cho thấy tất cả những gì đã xảy ra đều do Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng là những kẻ cầm đầu của họ, còn những người khác chỉ làm theo hai người này mà thôi.

Chỉ đến lúc này quan tòa, sau khi đã phê phán tất cả, thương mại, giáo dục, quần áo Pháp và hàng ngàn chuyện khác, đã cho tôi vinh dự được nêu tên ra! Đây là vào tháng Ba năm 1908 trong khi tôi đang suy ngẫm về nền pháp lý Đông Dương tại Côn Đảo⁽²⁾. Quan tòa nêu tên tôi ra để biện minh cho những bản án tử hình mà ông ta sắp tuyên đọc bởi vì bản thân tôi đã được vinh dự lãnh án tử hình. Thật là một sự biện minh tuyệt vời phải không? Không cần phải tranh cãi xem tôi có tham gia hay không vào cái vụ việc có thật hay tưởng tượng mà người ta đang nêu ra để buộc tội. Vì chỉ có hai con đường: hoặc giả tôi bị án sai do đó chính quyền đã

⁽¹⁾ Có gạch dưới trong nguyên bản.

⁽²⁾ Đúng ra ngày 24.4.1908 Phan Châu Trinh mới ra Côn Đảo và các bản án trên được tuyên xử trong tháng 5 và 6 năm 1908.

sửa một phần sai lầm bằng cách xóa án cho tôi, nhưng thế thì tại sao những người có liên quan trong cùng những vụ việc như tôi lại phải tiếp tục chịu đựng sự độc đoán của chính quyền? Hoặc giả tôi phạm tội; vậy thì chính quyền hãy giết tôi đi hoặc cho tôi được trở về chia sẻ số phận của các bạn bè của tôi!

"Xét rằng hiện nay dân chúng trong tỉnh này đã bị kích động và chưa hẳn những lời nói về chủ quyền tối cao của nhân dân đã không gây ra sự tình này".

Ở đây, điều tôi chờ đợi cuối cùng đã đến. Nguyên nhân sinh ra những biện pháp độc đoán không thể gọi là cái gì khác được mà tôi đang phản đối là những cuộc biểu tình kêu xin của dân Quảng Nam. Nhưng những qua lại được các quan chức thuộc địa che chở, những người đã gây ra biểu tình vì cách cư xử xấu xa của họ, nay chính họ lại đứng ra xử án chúng tôi, hình như hổ thẹn, nếu những tên gian ác như thế còn biết hổ thẹn, khi nói đến việc này, do đó họ đã động đến bằng những lời lẽ quanh co rất khó hiểu.

Theo tôi đây là cách giải thích duy nhất có thể có cho giọng văn này!

"Xét rằng nếu những mưu toan ấy không bị nghiêm trị đúng pháp luật, dân chúng sẽ bị lôi kéo theo các gương xấu và hành động của Chính phủ sẽ gặp khó khăn hơn. Xét rằng chỉ có một số ít là kẻ cầm đầu còn trong những người tham gia một phần có ý thức (về cái gì nhỉ?) nhưng không chịu nhận tội, còn phần khác thì bị lôi kéo do dốt nát... Xét rằng trong những điều kiện như thế, Chính phủ không có lòng dạ nào áp dụng chung một hình phạt cho mọi người...

Sau khi đã suy nghĩ kỹ, cần phải chú ý đến cách cư xử hàng ngày của những người này để so sánh với dư luận quần chúng dành cho họ".

Ai hiểu ra sao thì hiểu, riêng tôi, tôi chẳng hiểu một tí gì cả. Sự ưu ái của Nhà nước nhằm ngăn ngừa dân An Nam noi theo những gương xấu, trừ những gương xấu của riêng họ, sự phân biệt kẻ chủ mưu và người tòng phạm, lòng trắc ẩn của một Chính phủ đã hành hình những ai mà mình không ưa thích (lẽ ra Chính phủ không thể có lòng dạ làm như thế) những sự so sánh không đầu vào đầu ấy, sự so sánh các hành động không nói rõ với dư luận

quần chúng... tất cả những điều đó vượt quá tầm hiểu biết của một người trần mắt thịt như tôi!

"Xét rằng sau khi nghiên cứu, nhất thiết phải tuyên một bản án thể hiện sự chính xác pháp lý tối đa!

Vì những lý do trên, vận dụng luật pháp nói về âm mưu phản loạn, chúng tôi đề nghị Huỳnh Thúc Kháng và Phan Duyện phải cùng với Phan Châu Trinh lưu đày tại Côn Đảo, kết tội tử hình án treo; Còn Nguyễn Thành và Lê Bá Trinh phạt 100 roi và lưu đày biệt xứ 3000 dặm".

Thật là tuyệt vời cái tổ chức tư pháp lờ loẹt của Trung Kỳ!

Cũng vậy, trên cơ sở những thông đồng hão huyền với một người phản loạn không nêu tên... vì những hội buôn, vì các cuộc diễn thuyết, vì quần áo theo kiểu Pháp, vì cắt tóc ngắn, vì sự khai báo tưởng tượng của tên Hạ không được hỏi cung và cũng chẳng ai nhìn thấy v.v... mà các quan cấp tỉnh đã nhất nhất tuân theo lệnh của quan Công sứ tỉnh mình mà quyết định:

1. Hai án tử hình treo,
2. Hai án phạt đánh roi và lưu đày

Tại Côn Đảo, tổ chức nhà tù đã cho các tội nhân trên biết qua phiên dịch rằng họ bị kết án với những lý do giống như tôi. Đó là:

1. Huỳnh Thúc Kháng và Phan Duyện tử hình án treo, chuyển thành lưu đày chung thân.

2. Nguyễn Thành và Lê Bá Trinh, phạt 100 roi và lưu đày cách 3000 dặm, chuyển thành 9 năm khổ sai.

Bản thông báo này chứng tỏ rằng Triều đình Huế ti tiện và hèn hạ, đã xác nhận không hơn không kém những bản án của quan lại cấp tỉnh. Và chẳng, nó làm sao khác đi được khi nó tồn tại như hiện thân của một sự lãng nhục thường xuyên đối với một dân tộc đã thua cuộc.

Tôi chỉ còn thêm một lời vào bản phân tích khá dài này: Vào năm 1908 ấy, năm chúng tôi không thể nào quên, hàng loạt nho sĩ Quảng Nam bị bắt và giam từ tháng Hai đến tháng Tám và trong thời gian đó, mọi tìm kiếm chứng cứ để buộc tội họ đã không có kết quả. Do đó, qua các hội buôn, các cuộc diễn thuyết và nhiều chuyện khác, các quan lại đã cố dựng lên những điều hão huyền để định án nhưng dù vô nhân đạo đến đâu họ cũng không dám

tuyên những án nặng hơn 3 hoặc 5 năm khổ sai... Nhưng khi họ báo cáo lên quan Công sứ, ông này nổi giận lôi đình và đổ trách họ đã xử quá nhẹ (nguyên văn) và sau một hồi la mắng om sòm, bắt họ phải làm lại từ đầu... Chẳng biết làm thế nào để có thể tăng mức án lên, các quan bèn ghi bừa vào hồ sơ của các bị cáo lời ghi chú: "**có mưu toan ăn cướp**" để có thể tuyên án tử hình treo hoặc đày đi Côn Đảo. Chính vì vậy mà một tú tài ở huyện Hà Đông, tỉnh Quảng Nam tên là Dương Thạc, mặc dù vô tội và không liên can đến một vụ việc gì, lúc đầu bị kêu án tù 18 tháng, sau đó đã đổi thành tử hình rồi chuyển thành biệt xứ chung thân tại Côn Đảo. Anh ta chết sau 3 tháng ở trên đảo này, trong khi thương nhớ vợ con và cầu phúc cho cái Nhà nước tự xưng là bảo hộ.

BẢN ÁN CỦA NGÔ ĐỨC KẾ VÀ ĐẶNG NGUYỄN CÁN

Trước khi trình bày về những hành động tàn bạo khác tôi xin dừng lại chốc lát về hai vị nho sĩ đã bị kết tội bằng những bản án tương tự như tôi vừa bình luận.

A. Ngô Đức Kế là một Tiến sĩ, quê tỉnh Hà Tĩnh. Cụ thân sinh ông là Tham tri (Thứ trưởng) Bộ Lễ. Năm 1906 ông lập ở quê mình một hội buôn, một trường học và một thư viện. Năm 1907 quan án sát tỉnh Cao Ngọc Lễ tuyên bố ông là kẻ phản loạn. Vì sao vậy? Đơn giản có lẽ chỉ vì ông đã lập ra một trường học! Ông bị bắt, và trong hơn một năm ông phải chịu đựng một chế độ nhà tù cực kỳ hà khắc. Qua các cuộc hỏi cung, người ta không thể rút ra một chứng cứ nào về tội trạng của ông. Năm 1908, sau các cuộc biểu tình chống chế độ xấu thuế, là những sự việc mà ông không hề biết vì đã bị giam tù hơn một năm trước đó, viên Tuần phủ (Tỉnh trưởng) Phạm Ngọc Quát kết án ông tử hình và đưa đi lưu đày chung thân tại Côn Đảo. Về tên Quát, tôi sẽ nói thêm sau này.

B. Đặng Nguyên Cán, Phó bảng, quê ở Nghệ An, năm 1908 là Đốc học đương chức tại tỉnh Bình Thuận. Tại đây, ông bị bắt mà không ai biết lý do, và bị dẫn về giam tại Hà Tĩnh và cũng bị Tuần phủ Phạm Ngọc Quát tuyên án tử hình và đưa đi đày ở Côn Đảo.

VỤ GIẾT HẠI NHÀ NHO NỔI TIẾNG TRẦN QUÝ CÁP

Trong cả ngàn vụ ám hại tương tự nhân danh Nhà nước, tôi xin trình bày về vụ ám sát nhà giáo Trần Quý Cáp, một nhà nho nổi tiếng được mọi người kính phục. Ông Trần Quý Cáp quê ở tỉnh Quảng Nam. Năm 1906, với học vị Tiến sĩ, ông được bổ nhiệm Giáo thụ tại phủ Thăng Bình; năm sau, năm 1907, ông được chuyển vào làm Giáo thụ tại tỉnh Khánh Hòa. Vừa mới đến nhiệm sở, để đáp lại lòng mong muốn của quan Toàn quyền Đông Dương Beau đã dặn dò quan lại mở thêm trường học, ông đã khuyến khích dân mở trường và đã hoàn toàn được quan Công sứ cũng như các quan cấp tỉnh tán thành.

Năm 1908, bỗng xảy ra những cuộc biểu tình ở Quảng Nam, quan Công sứ và các quan tỉnh ra lệnh bắt ông và không đầy 24 giờ sau, không qua xét hỏi, ông đã bị đưa ra pháp trường và bị chém đầu!⁽¹⁾

Tên Phạm Ngọc Quát mà tôi đã nêu tên qua 2 vụ án khác, lúc đó mới là bố chánh, sau khi thực hiện vụ ám hại liêu lĩnh có chủ mưu này đã được thăng chức Tuần phủ (tỉnh trưởng).

Chưa đầy một giờ sau khi ông Trần Quý Cáp bị hành hình, điện tín của quan Toàn quyền Đông Dương đến, ra lệnh đưa ông Trần Quý Cáp đi chôn tại Côn Đảo. Ôi quan Toàn quyền ơi! Ngài đã không lường nổi sự năng nổ của các viên Công sứ và quan lại dưới quyền Ngài, trong việc giết hại những người dân bản xứ lương thiện⁽²⁾.

⁽¹⁾ Theo tác phẩm "Trần Quý Cáp, chí sĩ duy tân" do Nhà xuất bản Đà Nẵng ấn hành năm 1995, thì thực tế là bắt ngày 17.4.1908. Sau gần hai tháng giam Công sứ đã có trao đổi nhiều điện và thư với Khâm sứ Lévecque cuối cùng mới giết theo mật lệnh của Khâm sứ ngày 15.6.1908 và giết rồi mới báo lên Phủ Phủ Chánh với án văn ghi ngày 18.6.1908 và Phủ này mới làm án trảm quyết đưa qua Khâm sứ Lévecque duyệt để hợp thức hóa (3 ngày sau khi đã trảm quyết).

⁽²⁾ Qua kiểm tra, được biết chi tiết này không đúng sự thật. Trực tiếp quyết định giết cụ Trần là Khâm sứ và Công sứ Khánh Hòa. Chúng đã đánh giá bản lĩnh của cụ và chủ định giết cụ để ngăn chặn phong trào lan rộng vào các tỉnh Nam Trung Kỳ. Trong các báo cáo gửi Bộ Thuộc địa năm 1908, Toàn quyền lâm thời Bonhoure đã khen ngợi hành động kiên quyết và nhạy bén này của Khâm sứ - PTM.

Để có một ý niệm về vị nho sĩ vĩ đại bị ám hại đó, tôi xin nêu qua cuộc đời, đức hạnh và trình độ học vấn của ông. Sinh tại tỉnh Quảng Nam, ông đã sớm được biết đến vì tài, đức. Ông không chỉ là nhà văn học nổi tiếng, một nhà thơ lỗi lạc mà còn là một con người có từ tâm và mẫu mực về lòng hiếu thảo, những đức tính quý báu rất được coi trọng trong một nước thịnh hành đạo Khổng. Sau khi đã đoạt được văn bằng Tiến sĩ qua các kỳ thi, ông được bổ nhiệm vào một chức trách của mình với một sự tận tụy vượt mọi lời khen. Những lúc rảnh rỗi, ông viết sách, ông muốn làm cho mọi người tin rằng chỉ có học vấn mới nâng cao con người và từ khi tinh thần quốc gia của dân An Nam được thức tỉnh với những sự kiện mới đây ở Viễn Đông, ông khuyên mọi người không nên có những hy vọng hão huyền vào bất cứ một ngoại bang nào. Đó là một xu thế tất yếu và rất đáng khen ở một vị giáo thụ và hơn nữa, phù hợp với những chỉ thị của quan Toàn quyền Beau là khuyến khích nhân dân lập trường học. Và chính đó là cái cớ người ta đã dùng để sát hại ông. Ông được học trò của mình yêu mến và kính trọng đến mức họ nguyện sẽ mãi mãi là môn đồ của ông!

Sau khi đã giết ông thầy, để che đậy tội ác của mình... những quan tòa dị giáo của thế kỷ XX lại ráo riết lùng bắt học trò của ông, những người này buộc phải rời bỏ quê cha đất tổ, lánh ra nước ngoài, ở Trung Hoa và Nhật Bản. Lúc ông bị bắt số học trò của ông lên quá con số một trăm người. Khi ông bị dẫn ra pháp trường, hai trong số đó đã chạy theo, và sau khi ông bị hành hình, liền đến xin phép được chôn cất ông nhưng họ đã bị xua đuổi tàn nhẫn.

Chính quyền cho rằng giết chết ông chưa đủ, họ còn hành hạ ông sau khi ông bị chém bằng cách không cho gia đình ông được nhận thi thể⁽¹⁾. Đó là cách tỏ ra văn minh trước một dân tộc có tập quán thờ phụng những người đã khuất! Người ta sẽ

⁽¹⁾ Chi tiết này không chính xác: thi hài Trần Quý Cáp được chôn ngay nơi trảm quyết: gần cầu Phước Thanh, Sông Con, được học trò ông chăm nom, sau chuyển về quê nhà ở Bất Nhị, Điện Bàn, Quảng Nam.

ít ngạc nhiên hơn khi nhớ lại rằng ngay tại Hà Nội, trong lúc hành quyết các lính khố đỏ có liên can đến vụ đầu độc nổi tiếng, Nhà nước đã bắt cha mẹ và con cái họ phải đến chứng kiến cuộc hành hình, với đủ nghi thức, những người thân của họ. Ngoài ra, người ta cũng biết rằng khi bất lực trong việc loại bỏ cụ Đề Thám nổi tiếng, không thể giết cụ bằng thuốc độc, hoặc bằng mìn, Nhà nước đã ra lệnh đào mả và ném hài cốt của thân phụ và thân mẫu cụ xuống sông hồng buộc cụ phải đầu thú. Nhưng âm mưu này đã hoàn toàn thất bại, cụ đã không hề nao núng khuất phục... Trở lại với vị nho sĩ bị ám hại. Đáng lẽ hoặc trước hoặc sau khi đã hành hình ông, các nhà cầm quyền ở tỉnh phải lập bản án. Nhưng ngược lại với luật pháp An Nam, quy định phải công bố bằng niêm yết mọi bản án tử hình, luật pháp mà Chính phủ Pháp tại Đông Dương tuyên bố tôn trọng. Án này đã được giữ tuyệt mật, thậm chí có người tự hỏi liệu nó có được lập ra không? Vì vậy, người ta không bao giờ biết được lý do kết án. Tuy nhiên, có thể đưa ra một số ước đoán. Ta hãy tuân tự phân tích:

1. Giả sử thay vì lấy cớ tuyên truyền cho lợi ích của việc học vấn trong dân bản xứ mà buộc tội ông, các nhà cầm quyền cấp tỉnh đã kết án ông như nhiều nho sĩ khác, là đã thông đồng với ông Phan Bội Châu đang trốn tránh... Không cần phải tranh cãi về tội trạng đó, chúng tôi khẳng định dứt khoát rằng, ngay trong trường hợp đó, luật pháp cũng không cho phép hành hình ông ngay tức khắc sau khi bắt giữ.

Hơn nữa, theo luật pháp An Nam, học vị Tiến sĩ hoặc chức quan tương đương được hưởng đặc quyền trong việc xét xử. Khi một người trong hai loại đó phạm tội thì phải được dẫn về kinh đô và trường hợp của họ sẽ được nghiên cứu tỉ mỉ. Chỉ sau khi đã tập hợp đầy đủ chứng cứ đủ sức thuyết phục và trình lên nhà vua thì tòa án mới có quyền tuyên án...

Tuy nhiên, trường hợp mà tôi rất quan tâm này tuy có vẻ bí ẩn, nhưng có thể được giải thích: thủ phạm của vụ mưu sát này đã được tôi nêu đích danh nhiều lần, chính là Phạm Ngọc

Quát, lúc bấy giờ là Bố chánh (quan phụ trách về thuế khóa) của tỉnh Khánh Hòa. Hẳn là bậc thầy về gian xảo. Khi quan Toàn quyền Beau ra lệnh khuyến bảo dân chúng mở trường học và lập các công ty thương mại, Phạm Ngọc Quát liền không bỏ lỡ cơ hội để tỏ ra sốt sắng, nhằm được thăng quan tiến chức và được đồng bào khen ngợi. Hẳn đã hướng dẫn cho dân chúng trong tỉnh thực hiện các ý định của vị quan đứng đầu thuộc địa và đã cử nạn nhân sau này của hẳn là ông Trần Quý Cáp đến với dân, khuyến khích dân lập các hội buôn. Về phần mình, hẳn thu gom vốn tại tỉnh Bình Thuận. Giữa lúc đó, bỗng xảy ra các cuộc biểu tình ở Quảng Nam và sau đó, chính quyền đã thiết lập trong tất cả các tỉnh có trường học và hội buôn được thành lập. Hẳn đón trước trách nhiệm của mình về việc trên bằng cách thủ tiêu ông Trần Quý Cáp trong một cuộc hành quyết vội vàng và trắng trợn, vì ông có thể là một nhân chứng gây nhiều rắc rối cho hẳn. Hơn nữa, tên khốn nạn này được Khâm sứ Trung kỳ Lévecque khích lệ bằng lệnh cho các nhà chức trách cấp tỉnh thẳng tay tàn sát nói rằng để giữ uy tín cho Nhà nước.

Không muốn viết những lời xúc phạm đến cá nhân ông Lévecque này mà ai cũng biết, tôi xin dừng ở đây.

PHÁ TRƯỜNG HỌC VÀ TRẦN ÁP THẦY GIÁO

Sau khi đã bắt giam các nho sĩ, Nhà nước đã cử các đội lính khố xanh về các làng để phá trường học và bắt các thầy giáo. Họ đồn trú nhiều ngày ở nhiều nơi, làm đảo lộn tất cả, bắt dân cung cấp đồ ăn thức uống hàng ngày.

Trong làng Tây Lộc của tôi, thuộc huyện Hà Đông, phủ Tam Kỳ, dân chúng đã mở một trường học để dạy chữ Quốc ngữ và một ít tiếng Pháp. Hơn 40 trẻ đến trường học. Vào tháng Ba của năm 1908 đó, các thầy giáo biết có một sĩ quan

lính khố xanh đến địa phương. Nghĩ rằng ông này đến để làm công việc trị an, bắt bọn trộm cướp và không hề ngờ rằng ông ta đến để phá trường học, các thầy giáo trung hậu đã cho các học sinh đứng thành hai hàng kính cẩn đón tiếp đội lính khố xanh trước trường, như các em từng đón một viên chức đặc điền thường đến thăm và rất quý mến các em. Viên sĩ quan lính khố xanh đáp lại sự chào đón chân thành đó bằng cái nhìn khinh mạn, cho học sinh vào lớp, bắt chúng đọc tiếng Pháp và sau đó tập thể dục. Bỗng nhiên, tay cầm kiếm, mảy cau lại, hắn ta túm cổ thầy giáo tiếng Pháp đập ngã và ra lệnh trói lại, thầy giáo dạy Quốc ngữ cũng bị làm như vậy, rồi bị buộc hai người vào nhau. Các học sinh nhỏ khiếp đảm, co chân chạy, vấp ngã, đưa thì giập mặt, đưa thì gãy chân, vừa khóc vừa la như một bầy chim sẽ bị diều hâu sà xuống vồ bắt. Trước cửa trường có một quán nhỏ. Lính khố xanh vào quán ăn không trả tiền rồi bắt chủ quán đưa đi, về sau ông này bị án sáu tháng tù. Chúng bắt gà nuôi trong trường, khoảng 40 con và đi khắp làng để cướp vịt. Sau khi đã cướp bóc, chúng dẫn hai thầy giáo khốn khổ ấy vào nhà một người anh họ của tôi, tên là Phan Văn Khải, già nua ốm yếu, rồi bắt cả anh ấy, buộc vào hai tù nhân kia. Ba người khốn khổ này bị dẫn lên tỉnh lỵ như những súc vật, chân không, đầu trần, dưới mặt trời chói chang, theo sau là bọn lính khố xanh thẳng tay đánh đập. Suốt một ngày đường họ không được ăn uống. Sau đó người anh họ tôi và thầy giáo Quốc ngữ bị một năm tù khổ sai, còn thầy giáo tiếng Pháp thì bị ba năm tù khổ sai.

Tại làng Phú Lâm, huyện Lễ Dương, phủ Thăng Bình, có người anh con cô tôi là lý trưởng Lê Cơ. Đó là một con người trung hậu, chăm lo làm cầu, mở đường giao thông trong xóm, lập trường học và tổ chức các hội trồng rau, hội tuần an chống trộm cắp. Ông bị quan lại ghét và thường quấy rầy một cách vô liêm sỉ. Trong làng đã lập một trường học cho nam sinh, một trường học cho nữ sinh và một trường học cho học sinh nghèo, có một thầy giáo dạy tiếng Pháp, một thầy dạy Quốc ngữ và

một cô giáo dạy Quốc ngữ và chữ Hán. Tổng số học sinh trên 150 cháu. Sau khi biết các hành động dã man của đội lính khố xanh đã đến và biến trường học thành chuồng ngựa và chỗ ở cho vợ lính. Vợ lính chiếm dụng đồ đạc bằng gỗ và chẻ bàn ghế ra làm củi. Người anh con cô tôi, lý trưởng Lê Cơ đã nói ở trên, bị kết án 3 năm khổ sai. Cô giáo cũng là chị họ tôi bị giải lên tỉnh lý, tay trói, cổ đeo gông; may thay một bà đầm tốt bụng đã can thiệp cho cô được tha.

Đó chỉ là hai trường hợp mà tôi biết rõ, nhưng xin lưu ý rằng tệ phá hoại hành hạ tương tự đã diễn ra gay gắt khắp nước, tại các tỉnh và các làng.

KẾT LUẬN

Tàn sát người dân chịu sưu dịch, trấn áp nho sĩ, phá các trường học và các hội buôn được thành lập đúng theo lời chỉ dẫn của Chính phủ, đó là những biện pháp mà Nhà nước Đông Dương đã thực hiện sau các cuộc biểu tình khẩn nài của dân Nam chống lại sưu cao dịch nặng đã đẩy họ vào cảnh nghèo khổ và chết đói, chống lại một chế độ bạo hành, chuyên chế đã nhấn chìm họ vào cảnh nô lệ.

Ta hãy hình dung những gia đình phá sản phải đi ăn xin.

Ta hãy hình dung các em nhỏ không được học hành lang thang ngoài đường và luôn mồm chửi rủa nhau...

Hãy hình dung những góa phụ, mặc tang phục, đầm đìa nước mắt trong ngày giỗ chồng, đã nói với con cái đứng vây quanh họ: "Các con hãy nhớ rằng chính nhà chức trách Pháp đã giết hại cha các con. Hôm nay là ngày giỗ của cha. Các con hãy ghi nhớ điều đó và đừng bao giờ quên là sau này khi các con lớn lên, các con sẽ cùng số phận với cha mình".

Cần thực hiện một cuộc ân xá toàn diện và hoàn toàn đối với những người còn sống sót sau vụ việc năm 1908. Toàn thể nhân loại đòi hỏi điều đó! Giam giữ họ lâu hơn nữa tức là buộc

hàng trăm người vô tội phải chết trong một thời gian ngắn trước mắt.

Mong rằng Nhà nước hãy từ bỏ ý tưởng là để bảo vệ uy tín, nhất thiết không nên nhìn nhận sai lầm! Làm như vậy là tỏ ra không hiểu biết tí gì về tập tục và cách xử sự ở Viễn Đông... Thực vậy, trong lịch sử Trung Hoa, sự thú lỗi của người Mãn Châu trước khi sụp đổ đã chứng minh rằng điều ngược lại mới là chân lý!

Ký tên PHAN CHÂU TRINH

Paris, ngày 8 tháng 4 năm 1912

(Theo Hồ sơ lưu ở CAOM - SPCE 372

Phan Thị Minh sưu tầm và dịch)

TRUNG KỲ DÂN BIẾN TỤNG OAN THỦY MẠT KÝ

(Tập ký kêu oan kể đầu đuôi vụ dân biến Trung Kỳ)

TRUNG KỲ DÂN BIẾN TỤNG OAN THỦY MẠT KÝ

(Tập ký kêu oan kể đầu đuôi vụ dân biến ở Trung Kỳ)

MỞ ĐẦU

Năm 1908, dân tỉnh Quảng Nam nhân việc xấu⁽¹⁾ mà gây biến, lan khắp các tỉnh Trung Kỳ. Khi việc xảy ra, bị thương bị chết không ít; khi việc đã yên, bị tù bị giết rất nhiều.

Tuy xảy ra thành lĩnh, rốt cuộc việc biến vẫn có nguyên nhân. Quan của hai nước⁽²⁾ lo giấu lỗi mình; do đó đều đổ tội cho thân sĩ⁽³⁾. Hoặc đem tội chống thuế mà buộc nặng, hoặc đem tội làm giặc mà vu thêm. Không cho biện bạch, nhất thiết giam tù; không đợi hỏi han, nào bắt nào chém. Bắt bớ thảm thiết còn hơn đối với trộm cướp, ngược đãi dữ tợn chẳng khác đối với cầm thú; tiếng kêu oan khóc làm tối cả trời đất. Đến nay, việc yên đã được bốn năm, chính quyền hai lần thay đổi⁽⁴⁾; ai ai cũng lau mắt ngheh cổ trông được bọc bạch nỗi oan.

Việc đã lâu ngày, ám muội nhiều lắm. Tôi⁽⁵⁾ cũng là một người

⁽¹⁾ *Nhân việc xấu*: Di cảo chữ Hán chép “nhân dịch”; “dịch” ở đây là việc, ghép với “dao” “sưu” thành “dao dịch”, “sưu dịch”, có nghĩa là công việc làm xấu, việc xấu vào thời phong kiến hay thời thuộc Pháp.

⁽²⁾ *Quan của hai nước*: Tức là quan cai trị người Pháp và quan lại người Nam.

⁽³⁾ *Thân sĩ*: kẻ có danh phận; người có học, hạng thượng lưu trong xã hội.

⁽⁴⁾ *Việc yên đã được bốn năm, chính quyền hai lần thay đổi*: Vụ dân biến xảy ra vào thượng tuần tháng 3 năm 1908, Phan Châu Trinh viết những dòng này vào khoảng tháng 6 năm 1911. Toàn quyền Bô thôi giữ chức toàn quyền vào tháng 2-1908; toàn quyền tiếp theo là Klô-bu-câu-xki (Klobukowski) nhậm chức từ tháng 9-1908 đến tháng 1.1910.

⁽⁵⁾ *Tôi*: Di cảo chép “Trình”.

trong đó, sự chết chử trong gang tấc; may nhờ ơn lớn, còn thấy được mặt trời. Từ khi đến Pháp thường được quyển cổ, xét lòng không vui, cảm kích biết bao. Riêng một thân tôi nào có oán gì; ngoài lại sĩ dân nước Nam cũng là con dân của nước Đại Pháp, thì những nỗi khổ đau cũng nên đem ra tỏ bày để mong được thương xót. Huống chi thân sĩ bạn bè, cùng bệnh thương nhau, không tội bị hình, oan sâu như biển; hoặc bị trói nơi hoang đảo hàng ngày chịu roi vọt, đến nay sống chết chưa hay; hoặc vui thân nơi xứ khác, đến nay vợ con không thể lãnh chôn. Hễ người có lòng, nói đến ắt nổi giận, âm thầm nghĩ đến mà tan gan nát ruột. Bởi vậy nên tôi ngày đêm than thở, tật bệnh đeo đẳng, ăn không ngon, ngủ không yên; mỗi khi nhớ tới thì nước mắt đầm đìa, thương xót không nguôi.

Nay xin đem đầu đuôi sự biến lúc bấy giờ, cùng cách xử trí thảm khốc của hai nước và việc xử án ám muội, sơ lược trình bày với quan lớn⁽¹⁾ từng khoảng một.

1. BẢNG CHỨNG THẬT NHÂN VIỆC XÂU MÀ GÂY BIẾN

Việc dân biến năm 1908 xảy ra trước hết ở huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam và dân Đại Lộc lại thật do việc xâu mà gây biến.

Năm ấy, vào hạ tuần tháng giêng âm lịch, viên tri huyện X⁽²⁾. huyện Đại Lộc, nhân việc xâu đòi tiền, tăng khổng số dân⁽³⁾. Dân các xã không chịu, họp nhau nghĩ chuyện lại đi kiện. Viên huyện X. chạy trước đến tòa sứ⁽⁴⁾ vội báo dân các xã nổi loạn.

⁽¹⁾ Quan lớn: Tức A. Xa-rô, sẽ sang nhậm chức toàn quyền Đông Dương trong tháng 8 năm 1911.

⁽²⁾ Viên tri huyện X. Nguyên tác chép “tri huyện mỗ”.

⁽³⁾ Nc: “Nguyên tháng trước viên ấy vì làm phiền dân, dân các xã làm đơn kiện tại tòa công sứ xử quan huyện không lỗi, quan huyện nhân đó cậy thế nhân việc xâu mà báo thù, đến nỗi gây ra việc biến này. Đó lại là nguyên nhân của nguyên nhân”. (Các chú thích a, b, c... là nguyên chú của Phan Châu Trinh viết tắt ở trước là Nc).

⁽⁴⁾ Tòa sứ: Chỗ làm việc của viên công sứ người Pháp ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ trong thời thuộc Pháp.

Công sứ⁽¹⁾ sắp sai quan binh đi khám. Chưa kịp đi, dân làng nghe tin, sợ bị mang họa, đem số nửa dân đình của bốn, năm xã chùng trên trăm người tới tòa sứ biện bạch và chỉ trích các tình tệ sách nhiễu của quan X. Quan sứ lúc đầu còn bênh vực quan huyện. Đến khi thấy nhân dân càng ngày càng nhiều. Lúc ấy công sứ trước hết vội đem kết án lý trưởng⁽²⁾ bốn năm xã của huyện Đại Lộc, giải đi Lao Bảo⁽³⁾. Rồi từ tháng hai về sau, thì ở tỉnh thành của quan Nam và hai bên tòa sứ, số người đã trên vài ngàn, mà việc biến càng không thể thu xếp được.

Đó là bằng chứng chắc chắn thứ nhất.

Nhưng việc này lúc đầu nổi lên do xin xâu, sau đó người nhóm lại càng đông, cho nên cũng dính tới việc xin thuế. Đến như việc ở phủ Tam Kỳ, trước sau đều nhân việc xâu mà gây biến, hoàn toàn không liên can gì tới việc thuế.

Việc ấy như sau:

Một vùng huyện Hà Đông⁽⁴⁾, phủ Tam Kỳ, Quảng Nam, xưa nay khổ vì việc xâu không thể kể xiết⁽⁵⁾. Vả lại có một con đường quan từ chợ Tam Kỳ đến chợ Tà Mi⁽⁶⁾⁽⁷⁾, đường dài không quá bốn, năm chục kilômét, mà sáu, bảy năm nay, đắp đó sửa đó, vá cũ thay mới, không năm nào không có việc xâu⁽⁸⁾. Thời gian đi xâu

⁽¹⁾ *Công sứ*: Người đại biểu chính phủ Pháp ở các tỉnh Trung Kỳ và Bắc kỳ thời thuộc Pháp. Tuy gọi là đại biểu, nhưng chính những viên công sứ Pháp này là người coi việc cai trị ở mỗi tỉnh.

⁽²⁾ *Lý trưởng*: Người đứng đầu coi việc hành chánh trong một làng, một xã.

⁽³⁾ *Lao Bảo*: Trại giam ở tỉnh Quảng Trị, gần biên giới Việt-Lào.

⁽⁴⁾ *Nc*: “Là vùng tôi ở”.

⁽⁵⁾ *Nc*: “Huyện này có đồn lính nhà nước tại chợ Tà Mi, mỗi tháng phải một lần chuyên chở qua lại những loại hàng hóa công hay tư. Cho nên ngoài việc đắp đường và đưa rước, hầu như không tháng nào là nhân dân không phải làm xâu”.

⁽⁶⁾ *Chợ Tà Mi*: Di cảo chép như vậy. Lê Âm và Huỳnh Thúc Kháng chép “Trà Mi”.

⁽⁷⁾ *Nc*: “Tức là nơi có đồn lính nhà nước đóng”.

⁽⁸⁾ *Nc*: “Lý do việc này rất ám muội, nếu không rành tình tiết trong đó thì không biết được. Một là về số trích ra từ khoản công ích của quan Pháp trong địa hạt; đường càng đắp thì ăn lạm càng nhiều. Nhưng nếu phải mở mang, xây đắp đường mới thì phí tổn lớn, ăn lạm không được bao nhiêu; chỉ bằng nhân đường cũ sửa sang một đoạn, thì có thể mượn sự chi tiêu ấy để che lấp chỗ hở. Nhưng quan thanh tra sợ đi không phát giác ra được, vì chỉ căn cứ vào chỉ dẫn của sổ sách mà thôi. Nếu chiếu sổ chỉ đã khai với đoạn đường đã làm được bao nhiêu, thì không làm gì mà không phá được cái tệ ấy đi. Ở Đông Dương chỗ nào cũng vậy. Hai là vì quan người Nam và người Pháp coi việc xâu theo trong đó mà ăn lạm công khoán, bóc lột quá công thợ hoặc mạo số dân công, đến nỗi cầu cống đường sá phần đông không có thật. Công sứ không phải không biết, chỉ vì tự mình không ngay thẳng trước, nên che giấu cho nhau. Xem rõ trong bài “Đắp đường” phụ theo đây”.

hoặc nửa năm, hoặc ba, bốn, năm tháng không chùng, dân khổ vì xấu đã lâu rồi.

Năm 1906, 1907, việc làm đường do quan đề đốc X.⁽¹⁾ tỉnh tôi coi. Viên này tham bạo trái lẽ, mọi người đều biết. Từ khi được giữ chức ấy, hễ khám đường nơi đâu thì ép dân đòi tiền, không chỗ nào tha; những người không chịu lo lót thì bị đánh nhậu một trăm roi trở lên. Dân làng kiện lên quan đều không được⁽²⁾. Trong lúc coi làm xấu, thì đánh đập dân phu tàn ác đến bị thương, bị bệnh, bị chết rất nhiều. Dân kiện cũng không được. Ở các xã thôn lân cận với đoạn đường ông ta coi làm, ông ta còn ép nhân dân bán vườn đất, bắt dân phu trồng quế riêng cho ông ta. Dân càng không chịu nổi.

Lần ấy, tại chỗ làm, nghe việc xin xấu ở Đại Lộc, dân công năm, sáu trăm người ôm giận cùng nổi lên, xông vào vườn quế của ông ta, phá huỷ hết thảy. Ông ta sai lính đánh dữ, thì dân công thừa thế đuổi bắt ông ta để đem lên tỉnh biện bạch. Ông ta thấy thế không xong, liền chạy về trốn ở nhà phủ Tam Kỳ. Dân công vây lại một đêm. Lại trốn qua nhà đại lý của quan Pháp. Dân công đuổi theo gấp, ông ta sợ hoảng mà chết⁽³⁾. Quan đại lý⁽⁴⁾ đưa xác ra cho xem, và hiểu dụ dân công, khiến trở về làm ăn. Dân công hoan hô mà giải tán, không ai nói xin thuế⁽⁵⁾.

Xem đó thì tình trạng dân Nam khổ vì bắt xấu, không hỏi cũng biết; và cái chứng cứ chắc chắn là nhân việc xấu mà gây biến, lại không hỏi cũng biết.

Đó là bằng chứng thật thứ hai.

Trên đây là tình hình khơi biến của dân tỉnh Quảng Nam lúc bấy giờ.

⁽¹⁾ *Đề đốc X*: Theo Huỳnh Thúc Kháng, trong *Vu kháng thuế ở Trung Kỳ năm 1908*, thì đề đốc này tên là Trần Tuệ bị dân chúng vây bắt, có người doa đem ra ăn gan, y sợ quá, hộc máu mà chết.

⁽²⁾ *Nc*: "Lý trưởng xã Phú Lâm, huyện Lễ Dương là Lê Cơ kiện ông ta đến tỉnh không được, đó là một chứng; nơi khác tôi không nhớ hết".

⁽³⁾ *Nc*: "Lần ấy, dân công vây ông ta một đêm. Sáng ngày đại lý ra hiểu dụ, dân công sắp hàng hoan nghênh, tố cáo sự tích tàn bạo của ông ta. Quan đại lý bảo dân yên lặng chờ ôn ào, để đại lý bẩm thay cho. Dân công mừng, bèn sắp hàng ngoài cửa nhà, để đại lý vào trong. Khi đại lý trở ra, ông ta giả làm phu xe, chạy vào nhà đại lý. Dân đuổi theo cả đoàn, sợ mà chết".

⁽⁴⁾ *Quan đại lý*: Người Pháp đại diện chính phủ Pháp ở các phủ, huyện.

⁽⁵⁾ Về sự kiện Đề Tuệ bị chết. Huỳnh Thúc Kháng cũng có viết rõ trong "*Vu kháng thuế ở Trung Kỳ năm 1908*".

Nay xét: Huyện Hà Đông thường bị quan Nam hà hiếp, sau mới bàn đặt đại lý để trông coi. Thế nhưng chức quyền đã nhỏ, lại không biết tiếng Nam, cho nên tề tuy có bớt đi, nhưng cũng chỉ mười phần được một mà thôi. Vả lại, việc xâu làm đường đều do công sứ làm chủ, quan đại lý tuy biết cái khổ của dân, cũng không làm gì được. Lại nghe nói quan đại lý lúc ấy cũng hơi khá. Lúc bấy giờ công sứ và quan Nam muốn giết nhiều dân huyện ấy. Nhờ quan đại lý biện bạch thế cho, nên bị tù tuy nhiều, nhưng bị giết chỉ một người mà thôi.

Từ đó về sau, dân các tỉnh nhân qua lại trên đường, nghe lầm truyền lộn, bảo rằng dân Quảng Nam họp nhau xin giảm thuế, đã được quan Pháp ưng cho. Dân nghèo các tỉnh bèn rủ nhau nổi dậy: dân tỉnh Quảng Ngãi nổi lên tháng tư, tháng năm; dân tỉnh Thừa Thiên nổi lên tháng ba; dân tỉnh Bình Định nổi lên tháng sáu; dân tỉnh Phú Yên nổi lên tháng bảy; dân các tỉnh Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa nổi lên tháng bảy, tháng tám. Song hoặc một hai xã đến huyện kêu xin, hoặc cùng nhóm số dân vài ba xã mà chưa kịp đến xin, lúc bị quan Nam bắt, chém, thì tan ngay, không một người nào đi đến tỉnh.

Đó lại là tình hình thật của các tỉnh lúc bấy giờ.

Xét: Việc ấy tưởng không cần dẫn nhiều bằng chứng. Xem những điều đã bày tỏ ở trên, thì án ấy quả có dính dấp đến các thân sĩ hay không, không bàn cũng rõ. Vả lúc bấy giờ quan của hai nước hô hoán lên rằng thân sĩ các tỉnh ngầm thông tin tức, đồng thời nổi loạn, ý muốn làm giặc. Nay xem các tỉnh tiếp nhau nổi dậy, không cùng ngày tháng: Thừa Thiên rất gần tỉnh Quảng Nam, lại có xe lửa, cho nên nổi lên tháng ba; Quảng Ngãi tuy gần, nhưng không có xe lửa, cho nên đến tháng tư, tháng năm; Bình Định, Phú Yên xa nhất, cho nên đến tháng sáu, tháng bảy. Nơi khác cũng vậy. Xem thế cũng đủ biết truyền lầm cho nhau, nghe lầm truyền lộn, chứ không phải ngầm ngầm ước hẹn trước với nhau. Vả lại, dân chỉ đến tay không, chẳng có khí giới gì, thì họ không có lòng làm loạn cũng rõ vậy.

II. TÌNH HÌNH QUAN LỚN HAI NƯỚC VÀ QUAN TỈNH XỬ TRÍ CÙNG ÁM MUỘI CỦA ÁN TÌNH

[A. TÌNH HÌNH XỬ TRÍ]

1. Công sứ sáng sốt báo bậy. Lúc ấy công sứ tỉnh Quảng Nam một mặt lập tức đem kết án nặng lý trưởng của bốn, năm xã thuộc huyện Đại Lộc đã đầu tiên kiện xin xâu, đầy ra Lao Bảo, tỉnh Quảng Trị, một mặt giao cho các quan Nam ra mà hiểu dụ, cùng nghiêm sức cho thân sĩ phải đi bảo ban cấm đoán trong dân; một mặt đánh điện cho khâm sứ tại Kinh⁽¹⁾ nói thân sĩ dụ dân trong tỉnh chống thuế, nổi loạn, nhưng giấu hẳn sự nhân xin xâu mà gây biến. Đó cũng là tình thật công sứ lúc bấy giờ tìm cách giấu lỗi mình, gieo họa cho thân sĩ.

2. Hiểu dụ không công hiệu. Quan phủ, quan huyện các tỉnh của nước Nam cậy thế ngược đãi dân quá lắm. Dân oán đã sâu, muốn bắt cho được mới hả dạ; chỉ ngại còn có Nhà nước Bảo hộ mà thôi. Đó là tình thật. Năm xưa tôi gửi thư cho quan lớn Toàn quyền trong thư đã nhiều lần nói tới. Nay bỗng nhiên ra mà hiểu dụ, thì kẻ thù cùng thấy nhau, chó sủa mặc chó, chỉ còn sợ phép, chưa dám báo mà thôi⁽²⁾. Lời họ hiểu dụ, dân không những không nghe mà còn nổi lên chỉ trích những việc xấu xa, hầu như không chịu nổi.

Vả lại lúc bấy giờ dân nghèo nhóm lại tại tỉnh thành và tòa sứ đã trên sáu ngàn người. Tụ họp đã đông, ồn ào càng dữ, tuy đối với quan Pháp họ hơi có trật tự, nhưng đối với quan Nam và thân sĩ thì họ la lối giận dữ, hầu như không thể lại gần, thì còn hiểu dụ vào đâu?

3. Khâm sứ nổi giận. Khâm sứ trú tại Kinh Lê-viết⁽³⁾ thường ngày không ác lắm. Bởi vì mê muội không biết sự lý, mọi việc đều nghe theo tên thư ký, nói nên thì rằng nên, nói không thì rằng không, cho nên trong công việc, người thì được lợi, mình thì bị lừa,

⁽¹⁾ *Khâm sứ tại Kinh*: Người đại diện chính phủ Pháp tại kinh đô Huế lúc bấy giờ.

⁽²⁾ *Nc*: “Lúc bấy giờ tri phủ X, phủ Điện Bàn bị dân oán lắm, họp nhau lôi tới bờ sông, gần như xông đời. May có một vài người biết việc ngăn lại, mới được thoát. Nay đã thăng tới bộ chánh sứ rồi”.

⁽³⁾ *Lê-viết*: Dịch âm tiếng Pháp Levecque, tên của viên khâm sứ.

cuối cùng bị mang tiếng ác. Đó là chỗ kém của ông ta. Nay bỗng được tin kia, không phân biệt lý do, nghe lầm làm lỗi, đánh điện báo các tỉnh: “Chẳng cần xét hỏi, cứ thẳng tay trị nặng”.⁽¹⁾

Do đó, thân sĩ hoặc chém, hoặc tù, gần như heo lợn; còn nhân dân thì bị bắn chết khi việc đương xảy ra, bị gươm giết sau khi việc yên, oan thảm biết bao, tối tăm cả trời đất; vô số sinh mạng người Nam ở các tỉnh phải chịu bỏ đi dưới cơn thịnh nộ của ông khâm sứ hiếu sát. Thương thay!

Lúc ấy tại tỉnh Quảng Nam, hễ các thân sĩ có tiếng thường ngày, đều bắt giam vào ngục, hễ các sĩ dân có dính dấp đến các hội buôn, hội học, hội nông, hội diễn thuyết, đều bủa lưới bắt sạch; hễ xã thôn nào trong dân có trường học, đều sai lính nhà Nước đến đập phá, mà lính nhà nước cũng thừa thế đuổi bắt, chẳng khác nào đánh nhau với giặc dữ.

[B. ÁM MUỘI CỦA ÁN TÌNH]⁽²⁾

Lúc ấy, thân sĩ tỉnh Quảng Nam bị bắt giam tại tỉnh từ tháng hai đến tháng tám, chỉ có công sứ cùng quan tỉnh người Nam qua lại bàn bạc rồi tự kết án. Trước khi xét án, chẳng hỏi hạn gì; đến ngày án làm xong, cũng không cho đương sự được biết. Sau đó cũng không tuyên bố cho nhân dân rõ. Trát quan tư đi⁽³⁾ các nơi chỉ nói: “Tên X. mưu loạn, đày đi chỗ Y. chung thân”; “Tên X. mưu loạn, đày đi chỗ Y. mấy năm” mà thôi. cho nên đến nay người ngoài cũng không được biết án văn bắt buộc như thế nào; cũng có người không biết mình đã mắc vào tội gì!

Chỉ có bạn tôi là tiến sĩ Huỳnh Thúc Kháng khi ở trong ngục của tỉnh, có thuê người tìm được một bản án do quan tỉnh làm. Nay xin sao y như sau:

1. Án văn. “Huỳnh Thúc Kháng, Phan Duyện, Nguyễn Thành,

⁽¹⁾ Nc: “Việc báo rằng điện này tuy là nghe nói, nhưng nghiệm việc thật ở các tỉnh lúc bấy giờ, thì không tỉnh nào không như vậy. Cái điện ấy, ở tỉnh Bình Thuận ai ai cũng biết. Riêng công sứ tỉnh ấy không tuân theo, cho nên truyền ra ở ngoài”.

⁽²⁾ *Án tình*: Chi tiết của một vụ án, của một bản án. “Tình” là tình tiết, là sự việc cụ thể đã xảy ra trong một vụ án hay đã được nêu ra trong một bản án, khác với “lý” là lẽ đương nhiên phải xét xử theo luật.

⁽³⁾ *Trát quan tư đi*: “Trát”: công văn của quan trên, “tư”: gửi, đưa về.

Lê Bá Trinh⁽¹⁾ đều là người có tiếng tăm, há không biết kẻ chống lại nước (tức Phan Bội Châu)⁽²⁾ là không nên theo, Nguyễn Thành thấy y tới nhà, bèn mời Phan Duyện, Huỳnh Thúc Kháng cùng nhau bàn bạc. Tiếp đó, nghe y đi khỏi nước, Nguyễn Thành, Phan Duyện, Lê Bá Trinh lại lập ra hội buôn, diễn thuyết, mặc đồ tây cùng lúc nổi lên. Cứ như lời khai của tên ngục gọi là Hạ, những

⁽¹⁾ *Huỳnh Thúc Kháng, Phan Duyện, Nguyễn Thành, Lê Bá Trinh*: Huỳnh Thúc Kháng (1876-1947), hiệu là Minh Viên, quán làng Thạnh Bình, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam. Đậu giải nguyên năm 1900, đậu tiến sĩ năm 1904. Cùng với Phan Châu Trinh và Trần Quý Cáp, là ba nhân vật lãnh đạo phong trào Duy Tân ở miền Trung vào đầu thế kỷ này. Năm 1908, bị đày Côn Đảo, năm 1921 mới được tha về. Làm viện trưởng Viện dân biểu năm 1926, đến năm 1928 thì từ chức. Năm 1927 mở báo *Tiếng Dân* tại Huế cho đến năm 1943 báo mới đình bản. Năm 1946, tham gia Chính phủ liên hiệp kháng chiến với chức vụ Bộ trưởng bộ Nội vụ. Mất tại Quảng Ngãi ngày 21-4-1947.

- Phan Duyện hay Phan Thúc Duyện, hiệu là Mi Sanh, quán làng Phong-Thủ, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Đậu cử nhân, nhưng không ra làm quan, ở nhà tham gia phong trào Duy Tân, tổ chức hội buôn tại làng Phong Thủ. Bị bắt và bị kết cùng án với Huỳnh Thúc Kháng. Ông có người con trai đầu đi lính mộ sang Pháp sau ở lại học, có làm đơn kêu oan cho cha, được cải án còn 11 năm. Sau về sống tại quê nhà cho đến sau 1946 mới chết.

- Nguyễn Thành (1863-1910), cũng gọi là Nguyễn Hàm, tự là Triết Phu hiệu là Tiểu La, quán làng Thạnh Mỹ, phủ Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Vốn là kiện tướng của phong trào Cần Vương. Năm 1902 cùng hoạt động với Phan Bội Châu trong phong trào Đông Du. Năm 1908 bị bắt, đày Côn Đảo, mất năm 1910 tại đảo.

- Lê Bá Trinh (1875-?) hiệu là Hàn Hải, quán làng Hải Châu, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam. Đậu cử nhân nhưng cũng không ra làm quan, dời nhà vào gần Ngũ Hành Sơn để tiện tham gia phong trào Duy Tân. Năm 1908 bị bắt và bị đày Côn Đảo.

Ngoài năm nhân vật được nêu tên trong bản án trên đây, những nhân vật khác bị tù đày, bị giết, chết vì phong trào Duy Tân còn có Dương Thạc, Mai Dị, Châu Thơ Đồng, Lê Cơ ở Quảng Nam, Lê Tự Khiết, Nguyễn Bá Loan ở Quảng Ngãi, Trần Quý Cáp ở Nha Trang, Đặng Nguyên Cẩn ở Bình Thuận, Ngô Đức Kế ở Hà Tĩnh...

⁽²⁾ *Phan Bội Châu* (1867-1940), tự là Hải Thụ, hiệu là Sào Nam, quán làng Đan Nhiễm, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Năm 1900 đậu giải nguyên trường Nghệ An. Năm 1905 bị thực dân truy nã. Ông bèn sang Tàu, sang Nhật hoạt động cách mạng, tìm cách đánh đuổi người Pháp. Năm 1909, bị trục xuất khỏi Nhật Bản. Từ đó, ông hoạt động tại vùng Hoa-Nam và Thái Lan. Năm 1925, ông bị mật thám Pháp bắt cóc tại Thượng Hải đem về Hà Nội kết án khổ sai chung thân. Bị an trí tại Huế, trong một gian nhà nhỏ ở Bến Ngự. Con đường dẫn đến nhà ông tại dốc Bến Ngự, nay mang tên ông.

người ấy trước thì rủ nhau kết mưu ngầm, sau thì lén giúp của. Tuy trong đó thư từ qua lại bí mật không có được mà biết, nhưng dò theo việc họ làm như thế, bảo rằng họ không có chí khác, thì ai mà chịu tin.

“Hội buôn thì Phan Duyệt, Nguyễn Thành làm chủ. Diễn thuyết thì Huỳnh Thúc Kháng, Lê Bá Trinh làm chủ.

“Ví như làm thơ thì có câu “mắng nhiếc, cưỡi lồng”; gửi thư thì có lời “nói trước kẻ cường quyền”; Lê Bá Trinh sai học trò xuống xóm dân kết đoàn cũng có lời “lấy yêu đồng bào làm tôn chỉ”. Trong những bài diễn thuyết ở trường học đều có nhiều lời trái quấy; tuy trong đó có các việc “mở trí, lo làm ăn, siêng học, bớt xa xỉ”, nhưng đại để đều lấy dân quyền làm chủ nghĩa, xúi người ta sinh lòng khinh mạn. Xét nguyên uỷ, thật do Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng xướng ra, còn mấy người kia chỉ phụ hội mà thôi. Bây giờ dân trong tỉnh náo động chưa hẳn không do thuyết dân quyền dần dần gây nên.

“Nếu không chiếu luật trị tội cho nặng, thì nhân dân bắt chước điều lỗi của nhau, không khỏi trở ngại cho chính quyền, mà việc dùng hình pháp trong cai trị khó được tỏ rõ. Vả chẳng bày đầu ra việc ấy, chẳng qua một hai người. Ngoài ra, kẻ biết mà không thú tội cũng có, kẻ không biết mà nghe bậy theo cũng có. Nếu một lúc mà bắt tội hết cả, thì Nhà nước có chỗ không nở lòng. Nên phải xét theo ngày thường, so sánh với lời bàn của số đông, hỏi xét rõ ràng, theo đó mà bắt tội cho thích đáng.

“Chiếu theo luật mưu làm phản mà chưa làm”, Huỳnh Thúc Kháng, Phan Duyệt xin định cùng tội với Phan Châu Trinh: xử tử, đầy Côn Lôn; Nguyễn Thành, Lê Bá Trinh: đánh một trăm gậy, đầy ba nghìn dặm”.

2. Nhận xét: Bản án này là nguyên văn bản án tỉnh Quảng Nam đã làm. Chưa biết sau khi tư về Bộ có sửa đổi chữ nào không. Nhưng khi tôi ở Côn Lôn, các người bị giải đến đảo ấy, theo lời hiểu thị của quan tham biện⁽¹⁾ tại đó, thì nói: Huỳnh, Phan⁽²⁾ mưu phản, xử tử, cùng tội với tôi, đầy chung thân ở Côn Lôn; Nguyễn

⁽¹⁾ *Quan tham biện*: Người đứng đầu cai trị việc hành chính trong một tỉnh hội thuộc Pháp. Quan đây là quan Tây, các tỉnh ở đây là các tỉnh ở Nam Kỳ.

⁽²⁾ *Phan*: Tức Phan Duyệt.

Thành, Lê Bá Trinh đánh một trăm gậy, đầy ba nghìn dặm đổi thành khổ sai bảy năm. Căn cứ theo đó, thì các quan lớn ở Bộ cũng y án ấy. mà các người kia cũng chỉ đến Côn Lôn mới biết qua đại khái tội án của mình.

Lại xét bản án ấy, nghĩa câu văn không thông, thù dật không trúng lẽ, mờ ám quá đỗi, đọc lên khiến người không thể hiểu được. Thật là một cái án quái gở, chưa từng có từ khi nước Nam có sử đến nay⁽¹⁾.

Nay xin theo từng đoạn chưa rõ lại giải thích thêm để quan lớn tiện xem, thì biết được nhân phẩm và học thức của quan Nam ở Trung Kỳ ngày nay và sự coi rẻ mạng người trong hai mươi năm nay không hỏi cũng biết được.

“Huỳnh Thúc kháng, Phan Duyện, Lê Bá Trinh, Nguyễn Thành⁽²⁾ đều là người có tiếng tăm, há không biết kẻ chống lại Nhà nước (tức Phan Bội Châu) là không nên theo”.

Phan Bội Châu người tỉnh Nghệ An, đậu cử nhân. Năm 1903 về trước, vào ở trường Quốc tử giám⁽³⁾, ăn lương đi học. Năm ấy, thi hội⁽⁴⁾ không đậu; không biết bị ai cáo giác việc gì, quan khâm sứ tại Kinh có gọi lại hỏi, rồi được thả về ngay. Bốn, năm tháng sau lại sức giấy cho các tỉnh mọi nơi bí mật tìm bắt. Ông ấy biết

⁽¹⁾ Nc: “Nước Nam ngày xưa cũng có nhiều án oan. Nhưng án tình tuy có oan, cũng phải ép người lấy cung để làm chứng cứ chắc chắn. Và lại văn, chữ cũng xuôi thuận, làm cho quan trên không biết rằng oan. Vì thời xưa quan Nam tuy tàn ngược, nhưng đọc luật nhiều và có học làm án. Vài mươi năm lại đây dùng người không đúng cách, cho nên người Nam muốn được làm quan chỉ lo có nhiều tiền, chẳng cần đọc luật, làm quấy quá cho xong việc, chỉ cốt quan Pháp ưng cho thì làm án. Quan Pháp lại không biết Hán văn, cũng không thích hiểu kỹ, khi có xảy ra việc gì lại giao cho quan Nam, đến nay điều ấy đã thành thói quen. Việc quan hệ đến mạng người mà xem như trò chơi của con nít! Như bản án này thật vô lý hết sức, bất thông hết sức, nước Nam thời xưa cũng chưa làm ra một cái án như thế. Tôi xin sao nập một bản, lúc quan lớn đang ở tại Đông Dương, lưaquan Nam có học thức đưa cho xem, lại gọi quan lớn đã kết án lấy lời tôi nói mà hỏi, thì sẽ biết là tôi nói không sai. Nhưng từ bấy lâu nay người Nam chết vì những án như vậy, chẳng biết bao nhiêu! Thương thay!”

⁽²⁾ Trong án văn dẫn trên, tác giả ghi Nguyễn Thành trước Lê Bá Trinh.

⁽³⁾ *Trường Quốc tử giám*: Trường đại học của triều đình lập ở kinh đô để đào tạo các nhân tài ra làm quan.

⁽⁴⁾ *Thi hội*: Ngày trước, thi hương là thi từng vùng (hai hay nhiều tỉnh gom lại) để lấy tú tài và cử nhân, thi hội và thi đình là thi tại kinh đô để lấy tiến sĩ.

được, trốn đi xa, chẳng biết đi đâu⁽¹⁾. Sau một năm mới biết ông ấy trốn sang Nhật Bản, hiện nay còn bắt chưa được.

Bốn người ấy vốn liên can đến việc dân trong tỉnh xin xâu mà bị bắt kết án. Nay ở đầu bản án lại đưa ra việc Phan Bội Châu chống lại Nhà nước. Thử hỏi Phan Bội Châu quả có dính dấp gì tới bản án ấy? Và lấy gì biết được bốn người ấy ắt theo Phan Bội Châu? Chưa thấy nói rõ. Án tình thì vô lý, nghĩa văn lại không thông; đó là một điều không thể hiểu.

“Nguyễn Thành thấy y tới nhà, bèn mời Phan Duyện, Huỳnh Thúc Kháng cùng nhau bàn bạc”.

Nói “y tới nhà” là nói ông ấy tới nhà trước khi chưa đi Nhật Bản hay là sau khi đã đi Nhật Bản trốn về mà tới nhà? Và lại vào năm nào, tháng nào, ngày nào, sao không nói rõ?

Song căn cứ lời văn đoạn dưới *“Tiếp đó, nghe y đi khỏi nước”*, thì biết tới nhà trước khi chưa đi Nhật Bản. Nhưng trước khi ông ấy chưa đi Nhật Bản thì vốn là một cử nhân, chưa mắc tội danh gì. Nếu quả ông ấy có đến nhà thì mắc tội gì? Nếu quả mắc tội, thì không riêng Nguyễn Thành, và ba người kia mắc tội. Vì sao? Vì trước khi ông ấy chưa đi khỏi nước, thì nhà Quốc tử giám thấy ông ấy tới⁽²⁾, nhà trường thi hội thấy ông ấy tới, rồi tòa Khâm sứ ở Kinh cũng thấy ông ấy tới. Mà bất cứ nhà nào cũng vậy. Và chẳng, tới nhà Nguyễn Thành với việc dân xin xâu có liên can với nhau như thế nào, chưa thấy nói rõ. Đó là hai điều không thể hiểu.

Nói *“cùng nhau bàn bạc”*, thì bàn bạc về việc gì? Lại ắt phải có người biết. Nay chưa thấy nói rõ, mà chỉ nói hồ đồ. Và lại việc bàn bạc có liên can gì tới việc dân xin xâu, cũng chưa nghe nói rõ. Đó là ba điều không thể hiểu.

“Tiếp đó, nghe y đi khỏi nước, Nguyễn Thành, Phan Duyện, Lê Bá Trinh lại lập ra hội buôn, diễn thuyết, mặc đồ tây cùng lúc nổi lên. Cứ như lời khai của tên ngục gọi là Hạ...:”

Hội buôn ở Quảng Nam thì thân sĩ lập năm 1905, mở tại phố Hội An, gần bên tòa công sứ. Và chẳng việc hùn vốn thì có chữ phê làm bằng của công sứ tỉnh và quan tỉnh người Nam. Lại hội buôn thì các tỉnh Bắc Kỳ đều có không phải chỉ Quảng Nam. Bảo lập

⁽¹⁾ Nc: “Lúc ấy tôi làm ở Bộ, nên biết hơi rõ”.

⁽²⁾ Nc: “Nhà nước có cấp bổng”.

hội buôn thì mắc tội, vậy hội buôn Bắc Kỳ và hội buôn Bình Thuận đến nay vẫn còn thì nói làm sao? Vả chẳng hội buôn có liên can như thế nào tới việc Phan Bội Châu, tới việc xin xâu, không thấy nói rõ. Đó là bốn điều không thể hiểu.

“Diễn thuyết”. Hội diễn thuyết thì do tôi xướng ra. Nguyên lúc ấy quan lớn Bô có sức⁽¹⁾ cho các quan tỉnh sức lại các dân làng lập trường tiểu học, Bắc kỳ thì đã có nhiều, Trung Kỳ hoàn toàn không thấy sức, tôi bèn đến tòa sứ xin sức thật cho dân làng lập trường học, Công sứ trả lời: “Dân muốn học thì lập, không thì thôi. Vả chẳng cũng không có giáo sư”. Do đó tôi đi khắp dân làng diễn thuyết về ích lợi của việc lập trường học; trong năm, sáu tháng dân lập ra trường dạy chữ Quốc ngữ và trường dạy chữ Pháp chừng hơn bốn mươi sở. Vả chẳng, diễn thuyết thì diễn tại tỉnh thành hoặc tại đình làng. Trong huyện tôi là huyện Hà Đông, thì diễn thuyết tại Khổng miếu, cách tòa đại lý chừng hai ki-lô-mét, quan Pháp cũng có lúc đến nghe. Vả chẳng diễn thuyết có liên can như thế nào tới việc Phan Bội Châu và việc xin xâu, chưa nghe nói rõ. Đó là năm điều không thể hiểu.

“Mặc đồ tây”. Nước Nam từ trước đến nay, người bực trung trở lên áo quần phần nhiều dùng hàng nhiều, lụa của Tàu. Từ khi thuế nhập khẩu tăng, vật giá càng đắt, con buôn Tàu hay giả mạo, lấy hàng xấu thay hàng tốt, tốn tiền nhiều mà mặc mau rách. Thân sĩ biết vậy, nên hẹn nhau ngày thường qua lại thì đổi lại mặc đồ tây, bởi vì giá rẻ mà hàng tốt, lại tiện cho khi làm công việc. Đó là ý của hội mặc đồ tây lúc bấy giờ.

Vả chẳng, không nói đến những việc bớt tốn ấy, như mặc đồ tây thì có tội gì? Thế các loại đồ tây ấy có bị nước Đại Pháp cấm không? Than ôi! Mặc đồ tây mà xử tử, cái án này ngàn đời mới thấy. Vả chẳng, mặc đồ tây có liên can như thế nào tới việc Phan Bội Châu và tới việc xin xâu của dân, chưa thấy nói rõ, mà lại kéo vào. Đó là sáu điều không thể hiểu.

“Tên nguy gọi là Hạ”. Nghe nói tên Hạ là người Nghệ An thủ hạ của ông Phan Đình Phùng. Sau khi ông chết, tên ấy lưu lạc khắp nơi, đã giả lại nghiện thuốc phiện. án sát Hà Tĩnh Cao Ngọc

⁽¹⁾ *Quan lớn Bô có sức*: “Quan lớn Bô”: tức toàn quyền Bô (Beau). Phan Châu Trinh viết chữ Hán đọc là Bô: “sức”: truyền dạy.

Lễ bắt giam tại tỉnh ấy. Sau đó, án xử tử thân sĩ ở các tỉnh đều có bốn chữ “tên Hạ đã khai” đến nay chẳng ai thấy mặt nó. Vả chẳng, khi các quan tỉnh Quảng Nam kết án, tên Hạ chưa từng được dẫn đến; việc ấy, người trong tỉnh tôi ai ai cũng biết; như vậy, những lời khai của tên Hạ từ đâu mà đến? Lại đã nói do tên Hạ đã khai, nhưng lời khai của tên Hạ vì sao không kể ra? Làm án vậy thật là ngàn đời mới thấy.

Nếu mượn những điều đã nói trên mà bảo là lời khai của tên Hạ, thì hội buôn, diễn thuyết, mặc đồ tây, ai ai đều thấy, đợi gì tên Hạ phải khai? Đoạn này, về án tình thì vô lý, về nghĩa văn thì không thông. Đó là bảy điều không thể hiểu.

“Những người ấy trước thì rủ nhau kết mưu ngầm, sau thì lén giúp của. Tuy trong đó thư từ qua lại bí mật không có được mà biết, nhưng dò theo việc họ làm như thế, bảo rằng họ không có chỉ khác, thì ai mà chịu tin”.

“Mưu” mà nói “ngầm”, “giúp” mà nói “lén”, “thư từ qua lại” mà nói “bí mật không có được mà biết”, thì việc trên đây không ai thấy ai biết là sự thật vậy. Quan Nam dựa vào đâu mà chia ra “trước” và “sau”? Vả chẳng trước là vào năm nào, sau là vào thời nào? Lại về trên thì nói “ngầm”, nói “lén”, nói “bí mật không có được mà biết”, nhưng về dưới lại tiếp mà nói “dò theo việc họ làm như thế”, thì “việc làm như thế” quả là chỉ vào việc gì? Hay là chỉ vào hội buôn, diễn thuyết, mặc đồ tây là “việc làm như thế” chẳng? Nếu quả vậy, thì ba việc ấy rõ ràng là trước tai mắt mọi người, không có gì gọi là “ngầm”, không có gì gọi là “lén”, không có gì gọi là “bí mật không có được mà biết”.

Hay chỉ là quẹo qua hội buôn lén giúp chẳng? Nếu quả vậy, thì thân sĩ tự ngầm ngầm chia nhau đóng góp, cầm tay mà cho, lại không tiện hay sao? Cần gì phải lập hội buôn, kể rõ họ tên, người nào hùn phần bao nhiêu, cả hội được tiền bao nhiêu, biên thành sổ sách, lại xin công sứ ký tên làm bằng? Như vậy để làm gì? Đòi nào có việc lấy tiền của giúp người Nam làm giặc là lại tới quan Pháp xin ký làm chứng bao giờ? Tưởng thân sĩ Quảng Nam tuy không khôn gì, nhưng không đến nỗi dại như thế. Than ôi! Quan Nam ngày nay nói bậy nói bạ đến thế hay sao? Đoạn này về án tình thì vô lý, về nghĩa văn thì không thông. Đó là tám điều không thể hiểu.

“Hội buôn thì Phan Duyện, Nguyễn Thành làm chủ, Diễn thuyết thì Huỳnh Thúc Kháng, Lê Bá Trinh làm chủ. Ví như làm thơ chỉ có câu “mắng nhiếc, cũi lồng”; gửi thư “nói trước kẻ cường quyền”; Lê Bá Trinh sai học trò xuống xóm dân kết đoàn cũng có lời “lấy yêu đồng bào làm tôn chỉ.”

“Mắng nhiếc, cũi lồng”. Xét lúc bấy giờ trong kỳ thi hạch học trò tại tỉnh Bình Định, có người làm thơ để chế nhạo việc thi, trong có câu “Cứ cam chịu mãi người mắng nhiếc, Biết tới ngày nào thoát cũi lồng”.⁽¹⁾

Bài thơ này làm để chế nhạo khoa cử. Ý nói: Nếu cứ kéo dài việc khoa cử ấy cho đến trăm năm, thì trăm năm phải chịu người mắng nhiếc; lại không biết ngày nào ra khỏi được cái cũi lồng khoa cử ngu dân ấy!

Quan Nam bảo bài thơ là do mấy người ấy làm cho nên nói vậy. Nhưng làm thơ ấy, thì cũng không có lý do gì bắt tội được. Vả chẳng, thương xót việc đời đem gửi vào thơ văn cũng là sự thường của văn sĩ đông tây xưa nay. Thơ văn tôi làm hàng ngày cũng thường như thế. Lại khi tôi đưa thư lên quan Toàn quyền và viết bài đăng báo, cũng nhiều lần nói vậy. Nếu Nhà nước quả lấy đó làm tội thì tôi đã bị bêu đầu bởi trăm dao rồi. Dầu việc ấy mà làm án thì chẳng là kỳ quái lắm sao!

Nếu nói rằng có quyền không lý, muốn bắt tội thì phải tội; nhưng cũng phải chỉ hai câu ấy là do ai làm, không lẽ bốn người cùng làm chung hai câu ấy sao. Vả chẳng, thơ ấy có liên can gì tới việc Phan Bội Châu và việc dân xin xâu? Đó là chín điều không thể hiểu.

“Nói trước kẻ cường quyền”. Lúc bấy giờ Huỳnh Thúc Kháng bị bắt. Khi bị giam trong ngục, Phan Duyện gửi thư nói: “Đại huynh

⁽¹⁾ *Nc: Toàn bài (dịch):*

Việc đời ngoảnh lại hết trông mong.

Vắng mặt anh hùng, tủi núi sông.

Tám vế văn chương mê mệt ngủ.

Muôn nhà tôi tớ xót xa trông.

Cứ cam chịu mãi người mắng nhiếc.

Biết tới ngày nào thoát cũi lồng?

Thử hỏi ai người bầu máu nóng.

Văn này xem hết, nghĩ sao không?”

ngày thường nhiều lúc muốn nói trước mặt kẻ cường quyền. Nay sao không nhân đó mà nói đi?”⁽¹⁾ Thư ấy bị người coi ngục tìm lấy được, quan Nam nhân đó dẫn ra mà làm án.

Trong thư ấy nói kẻ cường quyền là chỉ công sứ; nói công sứ có quyền mạnh. Ý nói: Ngày thường Huỳnh Thúc Kháng muốn gặp công sứ để kể những nỗi khổ của nhân dân nhưng công sứ không chịu. Nay sao không nhân lúc bị bắt, công sứ xét hỏi, mà nói ra. Bởi vì lúc bấy giờ thân sĩ tuy bị bắt gắt gao, nhưng trong ý họ còn mong quan Pháp lấy lòng công bình xét hỏi, cho nên nói như vậy. Thư ấy có ý nghĩa hết sức rõ ràng, phạm người Nam có học, hơi biết chữ, đều hiểu cả. Thế mà đường đường hai ba quan lớn của tỉnh lại không thông, đã là một điều lạ; lại lật ngược lấy đó bắt tội người ta, chẳng là điều lạ trong các điều lạ hay sao?

Vả chẳng nói công sứ là người có quyền mạnh mà bị xử tử, thì đọc khắp những truyện quan lại tàn khốc trong lịch sử chuyên chế ngang tàng xưa nay, thật quả có được một việc như thế hay không? Câu này là câu bất thông nhất trong toàn bản án. Học thức của quan Nam đã đến như vậy, thì dám giết người cũng không lạ gì! Đoạn này án tình thì vô lý, nghĩa văn hết sức bất thông. Vả chẳng thư ấy có liên can gì tới việc xin xâu? Đó là mười điều không thể hiểu.

“Lấy yêu đồng bào làm tôn chỉ”. Đọc đến câu này thì phải than rằng lòng người nước Nam đã chết hết cả rồi! Vả chẳng lời nói ấy, dầu là hạng chót trong loài người cũng không nên nói ra, huống hồ đường đường là một bậc quan lớn ở trên dân! Than ôi! Người Nam thoái hóa sao mà mau lắm vậy! Yêu đồng bào mà phải xử tử, thì ghét đồng bào là công to, và kẻ giết nhiều đồng bào ắt càng được thưởng lắm! Có lẽ nào như vậy chăng? Nhưng mà, ba bốn năm nay ở Trung Kỳ, trên từ quan lớn dưới đến quan nhỏ, không ngày nào không thấy thăng quan tiến tước, nhiều người lấy làm ngờ, nay thì đã hiểu rõ rồi vậy. Cái án như thế, đọc khắp sử xưa nay của đồng

⁽¹⁾ Trong *Di cảo, Phan Châu Trinh* có chép lại nguyên văn toàn bài thơ: “Chí thành thông thánh”.

Nc: “Nguyên văn thư này còn để tại quan Nam. Tôi nhớ qua ý trong thư như thế.

tây, chỉ thấy có một! Đó là mười một điều không thể hiểu.

“Trong những bài diễn thuyết ở trường học đều có nhiều lời trái quấy; tuy trong đó có các việc “mở trí, lo làm ăn, siêng học, bớt xa xỉ”, nhưng đại để đều lấy dân quyền làm chủ nghĩa, xúi người ta sinh lòng khinh mạn”.

“Lời trái quấy” là những lời nào? Đã nói “đều có nhiều” vì sao không thử chỉ ít ra một hai lời để làm chứng? Đã không dẫn thật được những lời trái quấy, mà dưới lại nói các việc “mở trí, lo làm ăn, siêng học, bớt xa xỉ”, rồi dưới lại nói tiếp “đại để lấy dân quyền làm chủ nghĩa”. Như vậy thì bảo các việc ấy là “lời trái quấy” hay sao? Hay là nói các việc ấy là chủ nghĩa dân quyền hay sao? Và lại các việc ấy vì sao lại “xúi người ta sinh lòng khinh mạn” được? Và lại các việc ấy có liên can gì tới việc dân xin xâu?

Nghĩa văn trên dưới hoàn toàn không theo nhau. Không kể là án từ không nên có sự đen tối như thế, mà ngay thư trát trong dân cũng chưa hề thấy rời rạc như vậy. Đoạn này, về án tình thì vô lý, về nghĩa văn thì không thông. Đó là mười hai điều không thể hiểu.

“Xét nguyên uỷ thật do Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng xướng ra, còn mấy người kia chỉ phụ hội mà thôi”.

Từ đầu bản án, cho đến đây, chưa hề dẫn đến họ tên, việc làm của tôi, bồng ghép vào một câu “Phan Châu Trinh xướng ra”. Nếu nói rằng những việc kể trên đây do tôi xướng ra, thì cũng phải kể cho rõ ràng, hà tất phải nửa nuốt nửa nhả như thế. Và chẳng, tôi đã xướng ra thì tôi nhận. Nhưng việc ấy có liên can tới việc xin xâu hay không, sao không nói rõ? Đoạn này, về án tình thì vô lý, về nghĩa văn thì không thông. Đó là mười ba điều không thể hiểu.

“Bây giờ dân trong tỉnh náo động, chưa hẳn không do thuyết dân quyền dần dần gây nên”

Án này vốn do việc dân xin xâu mà ra. Thì trong án phải lấy việc dân trong tỉnh xin xâu làm chủ, rồi kể những chứng thật về việc thân sĩ dụ dân làm loạn, sau đó phần dưới mới xét đoán định tội. Đó là lệ thường trong việc kết án. Nay trong bản án, từ đầu đến cuối không hề nói gì đến việc xin xâu, bồng ghép vào một câu “dân trong tỉnh náo động”, lại đổ tội cho thuyết dân quyền; còn lời chuyển ở giữa là chỗ hết sức quan hệ bồng dùng những lời “mạc tu

hữu”⁽¹⁾ mà nói ba chữ “chưa hẳn không”. Như vậy thì là đúng hay là không đúng? Sao lại mờ ám đến thế? Đoạn này là chỗ quan yếu của toàn bản án, sống chết là do đó, thì lại du di không nhất định. án tình thì vô lý, về nghĩa văn thì không thông. Đó là mười bốn điều không thể hiểu.

“Nếu không chiếu luật trị tội cho nặng, thì nhân dân bắt chước điều lỗi của nhau, không khỏi trở ngại cho chính quyền, mà việc dùng hình pháp cai trị khó được tỏ rõ”.

“Chiếu luật trị tội cho nặng”. Trị tội thì nặng đó. Thử xem họ chiếu theo luật nào? Buông ý giết người, xem như cỏ rác, thì việc cai trị không khó gì mà không tỏ rõ. Đoạn này là lời đoán trong bản án, nhưng thử đọc từ đầu bản án đến đây, quả có việc gì liên can tới việc cai trị hay không? Đó là mười lăm điều không thể hiểu.

“Vả chẳng, bày đầu ra việc ấy, chẳng qua một hai người. Ngoài ra, kẻ biết mà không thú tội cũng có, kẻ không biết mà nghe bày theo cũng có. Nếu một lúc nào bắt tội hết cả, thì nhà nước cũng có chỗ không nở lòng”.

Đoạn này là lời rườm trong bản án, vốn muốn lấy tốt, không cần bàn sâu. Nhưng bảo rằng “không nở lòng” mà còn như vậy, một khi “nở lòng”, chắc sẽ như Nga La Tư dời Ba Lan, Ai Cập đuổi Do Thái vậy⁽²⁾. Than ôi!

“Nên phải xét theo ngày thường, so sánh lời bàn của số đông, hỏi xét rõ ràng, theo đó mà bắt tội cho thích đáng”.

Đoạn này không quan hệ gì, nhưng cũng là lời dối trá mờ ám, không thể không biện bạch.

Nói là “xét theo ngày thường”, thì ngày thường những người ấy quả đã có những điều gì phạm gian phạm pháp hay không? Quả đã từng hiếp người cướp của, tiếng xấu đồn khắp hay không? Lại “xét” như thế nào? Hay là sai quan binh khố xanh dẫn vài mươi lính tập như sói như hùm xông vào nhà người ta nghiêng hòm lật

⁽¹⁾ *Mạc tu hữu*: Chẳng cần có [chứng cứ].

⁽²⁾ Năm 1795, nước Ba Lan bị ba nước Đức, Áo, và Nga chia nhau cai trị. Dưới triều Ni-cô-la đệ nhất, ngày 29-11-1830, Ba Lan nổi dậy đuổi ngoại xâm không thành công, hàng ngàn gia đình Ba Lan bị vua Nga cho dời vào nội địa nước Nga. Về sự kiện Ai Cập dời Do Thái, chúng tôi chưa được rõ.

tráp, thấy đồ vật là lấy, quấy phá đến cả gà heo, như vậy gọi là “xét” đó phải không?

Nói là “*lời bàn của số đông*” là chỉ vào đâu? Lời bàn của quan chăng? Lời bàn của dân chăng? Nói là dân, thì “số đông” bị bắt đương rên la dưới ngọn roi lưỡi kiếm, cứu cho khỏi chết không xong, làm sao có được lời bàn? Còn “số đông” chưa bị bắt, thì nuốt hờn ngậm tủi, co ro nhón nhác, chưa biết hoạ tới ngày nào, lại làm sao có được lời bàn? Nói là quan, thì chẳng qua một hai quan tỉnh cùng một công sứ, ở trong màn tối có bàn với nhau hay không, người ngoài không biết, làm sao gọi là “số đông” được? Cũng không thể bắt chước người xưa gọi ba người là “số đông”.

Nói là “*rõ ràng*”, thì quả là rõ ràng hay sao? Nói là “*hỏi xét*” thì quả có hỏi xét sao? Nói là “*thích đáng*” thì quả là thích đáng sao? Vả chẳng, tự cho là “rõ ràng” mà mờ ám như thế, nếu không rõ ràng thì còn như thế nào nữa? Tự cho là “thích đáng” mà không công bằng như thế, nếu không thích đáng thì còn thối nát như thế nào nữa?

“Chiếu theo luật “mưu làm phản mà chưa làm”, Huỳnh Thúc Kháng, Phan Duyện xin định cùng tội với Phan Châu Trinh: xử tử, đày Côn Lôn: Nguyễn Thành, Lê Bá Trinh; đánh một trăm gậy, đày ba nghìn dặm.”

Thử đọc bản án ấy từ đầu đến cuối, quả có việc gì liên can đến việc mưu làm phản hay không? Không những không liên can, mà các việc nêu ra đều là những việc lợi ích, cần thiết cho sự sống còn của loài người, không thể một ngày không có được. Nếu đem những việc kể ra ở trên, việc nào có dính đến là đem xử tử, thì cho họ sống không bằng cho họ chết. Nếu đem cấm hết các việc trên, thì người Nam trừ trộm cướp, ăn xin và lạy lục để làm quan, tuyệt nhiên không có cọn đường nào khác để sống còn. Trong thiên hạ lẽ nào có luật pháp cực ác, vô lý như thế hay sao?

Nhưng ngày nay quan Nam có chỗ cậy không sợ, nên dám công nhiên viết thành án rằng “*chiếu luật xử tử*” thì sự không sợ sệt của họ đã đến tột bậc vậy. Quan Nam học thức như vậy, lòng dạ như vậy, thì không lạ gì các quan lớn người Pháp ở Đông Dương hết lòng che chở riêng, đang lo tăng thêm quyền cho họ, để sai họ

hàng ngày làm việc giết chóc cắt xẻ người Nam. Đến nay nhân dân oan sâu như biển, lòng oán ghét bốc lên tận trời, hễ có một hai quan lớn nhân ái, công bình muốn lập riêng một tòa thẩm phán, thì lại tìm trăm kế để hòng ngăn trở. Than ôi!

Trở lên là theo từng đoạn mà chú thích lại lược thêm lời bàn, để các quan lớn tiện xem, không phải dám viết dài dòng để thêm điều bày đặt, dối trá. Ngoài ra, những chữ những câu không thông, vô lý chưa kịp trích ra, nếu theo từng chữ mà trích thì xem cũng chán mắt. Bởi vì quan Nam từ trước tới nay, không kể án gì, chỉ nghe theo lời dặn miệng của công sứ về tom góp làm ra, không kể gì tính mạng nhân dân, cũng không đếm xỉa gì đến nghị luận bên ngoài. Vả chẳng, việc oan khuất bằng theo lời nói miệng thì có thể làm một cách mờ ám, viết thành văn tự thường thường phản lại ta. Nhưng mà từ hai mươi năm trở lại đây, tính mạng người Nam đã trao đứt vào cái màn đen ấy không biết là bao nhiêu; mà quan Nam cũng toàn nhờ vào đó được yêu mến, giàu sang, đến nay hầu như là việc quen thấy lấy làm thường.⁽¹⁾

3. Lời xét phụ: Đây là căn cứ theo nguyên văn quan tỉnh Quảng Nam kết án mà chép ra; sau khi gửi đến Bộ rồi, không biết có sửa đổi chữ nào hay không. Nhưng tuy có sửa đổi, thì cũng vậy mà thôi. Vì quan lớn ở Bộ so với quan lớn ở tỉnh, thì học thức, tâm thuật, tài khéo cũng chưa thấy có gì hơn. Xem như nguyên án của tôi, đến nay cũng chưa dám đưa ra ngoài; khi tái thẩm, tôi nài xin xem nguyên án mà quan Pháp không chịu cho, thì sự đen tối tưởng còn hơn thế nữa.

4. Những điều gian của án ấy và lý do.

a) Lúc ấy dân trong tỉnh xin xâu, liên lụy đến thân sĩ, bắt giam tại tỉnh, từ tháng hai đến tháng tám mới đem kết án, thì án ấy thật thuộc án xin xâu. Nay về phương diện xin xâu thì bỏ hết, lại

⁽¹⁾ *Hầu như là việc quen thấy lấy làm thường:* Trong di cảo tác giả viết “chí kim tư không kiến quán hôn nhân sự”. Đó là lấy ý từ bài thơ của Lưu Vũ Tích, trong đó có hai câu kết: “*Tư không kiến quán hôn nhân sự. Đoạn tận Tô Châu thứ sử trường*” ngụ ý nói quan tư không quen thấy (cảnh giàu sang của mình) thì lấy làm thường, nhưng cảnh ấy lại làm đứt ruột thứ sử Tô Châu (tức Lưu Vũ Tích khi Lưu đến dự tiệc tại nhà quan tư không).

lấy việc thông mưu với Phan Bội Châu làm án chính⁽¹⁾.

b) Đã lấy việc thông mưu với Phan Bội Châu làm án chính, thì phải dẫn những sự thật về thông mưu để làm chứng. Nay những điều dẫn ra như hội buôn, diễn thuyết, mặc đồ tây, trường học, mở trí, lo làm ăn, chăm học, bớt xa xỉ, yêu đồng bào để làm chứng. Nếu quả vậy, thì không những vô tội mà lại có công, bỗng nhiên lại xử tội chết.

c) Trong án xử tử của thân sĩ ba tỉnh Quảng Nam, Nghệ An, Hà Tĩnh, đều nói “căn cứ theo lời khai của tên Hạ”, nhưng lời khai thì không kể rõ, mà tên Hạ thì trước sau chưa từng đem ra làm đối chứng.

d) Lúc ấy quan Pháp, quan Nam đều cho thân sĩ Quảng Nam cùng tội, cùng án với tôi, một mực kết tội, lại cho tôi là cầm đầu. Tôi nhờ xét lại được tha, thì cái án của các thân sĩ khác cũng phải được xét lại. Vì sao có việc kẻ cầm đầu đã được xét tha, mà kẻ nghe theo lại xếp đi không hỏi đến? Quan Toàn quyền Đông Dương trước đây vì che lỗi cho quan lớn của hai nước ở Trung Kỳ cho nên không xét lại.

Xin kể những lý do của tình gian như sau:

a) Lúc ấy khâm sứ trú tại Kinh có ý muốn giết hết những thân sĩ có tiếng ở Trung Kỳ. Cho bắt tôi trước hết và xử chém rất chóng. May nhờ các chí sĩ Pháp ở Đông Dương cứu mà được khỏi chết; quan lớn Toàn quyền lại đánh điện giảm một bậc, dày Côn Lôn. Khâm sứ không làm sao được, cho nên đối với thân sĩ các tỉnh khác, mới có ý giam lâu để kiếm chuyện thù hận. Kéo dài mãi đến tháng tám mà vẫn tìm không được một chút sự thật, nhưng chí thì muốn đưa họ vào chỗ chết mới vừa lòng. Do đó, mới không thể không đem việc thông mưu với Phan Bội Châu mà vu cho. Bởi vì cho là việc Phan Bội Châu chống lại nước bảo hộ, nước mẹ đã biết, nhưng xa vời muôn dặm, việc vốn mờ ám không đến nỗi khiến cho

⁽¹⁾ Trong nguyên tác, tác giả kết thúc đoạn này bằng hai chữ “gian nhất” (có nghĩa: đó là điều gian thứ nhất), và các đoạn sau bằng “gian nhị”, “gian tam” (điều gian thứ hai, điều gian thứ ba...). Chúng tôi không dịch các chữ “gian nhất”, “gian nhị”, “gian tam” ở cuối đoạn ấy mà thay bằng các chữ a, b, c... ở đầu đoạn để cho được rõ ràng hơn. Vả chăng, đó cũng là một cách dịch của chính Phan Châu Trinh trong bản tiếng Việt *Thư thất điều*.

người nghi, rất tiện theo đó mà vu hãm.

b) Lúc ấy công sứ theo lệnh của khâm sứ nghiêm sức cho các quan tỉnh người Nam âm thăm tìm việc vu hãm cho thân sĩ phải vào chỗ chết. Không ngờ quan Nam trăm kể cũng không tìm được việc gì. Nghe nói lúc ấy quan Nam bắt được dân nghèo xin xâu hơn một trăm người, trói tay trói chân, giam cầm đánh đập dã dượi, bảo khai thân sĩ lén xui; máu thịt đầm đìa, nhưng không ai chịu khai. Hoặc dọa đem xử chém, chém đến hai, ba người, dân nghèo vẫn kêu van mình làm mình chịu, cũng không ai chịu khai cả. Sau cùng, có một dân nghèo khai thân sĩ nọ bày vẽ. Quan Nam mừng lắm, bèn đem thân sĩ nọ từ trong ngục ra đối chứng. Thân sĩ đó đến ngoài thêm, người dân nghèo kia thấy được, vội chạy đến thân sĩ để xin lỗi, lại đưa móng cùng tay chân máu thịt đầm đìa cho thân sĩ coi, nói rằng: “Độc phẩm đến như thế, làm sao không khai bậy để mong khỏi chết. Ông thật không bày vẽ gì!” Thân sĩ nọ và người chung quanh thấy vậy đều rơi nước mắt. Quan Nam thấy tình trạng ấy, thất vọng hết sức. Từ đó đóng cửa mà kết án, còn thân sĩ thì hoàn toàn không xét hỏi gì đến nữa.

Vả lúc ấy quan Nam tuy nghe theo lệnh nghiêm của quan Pháp, nhưng khổ nỗi không có phép gì để giết được, cho nên không thể không lượm lặt các việc trường học, hội buôn, diễn thuyết, mặc đồ tây, bày biện ra cho thành án. Tôi nghe đích xác rằng lúc đầu định án chỉ được mỗi người 3 năm, 5 năm hoặc 8 năm. Khi đưa qua công sứ, thì quan Pháp nổi giận, lại la mắng dữ, nói rằng án ấy làm quá nhẹ. Quan Nam không biết làm sao, mà quan Pháp lại hối thúc, bắt đắc dĩ cứ để nguyên án cũ, chỉ thêm vào cuối bản án một câu là: “Chiếu luật mưu làm phản mà chưa làm, xử tử”, làm cho bản án trở nên tội không hợp với án. Đó là sự thật⁽¹⁾.

c) Vả chẳng, lúc ấy trình thám của các tòa quan Pháp đi khắp nơi dọa ép dân làng, khiến họ khai oan cho thân sĩ, nhưng rốt cuộc

⁽¹⁾ Nc: “Chúng có là ông tú tài Dương Thạc (cũng gọi là Dương Đình Thạc hiệu là Trường Đình). Sau vụ xin xâu, ông bị dày Côn Lôn, sau chết tại đó. Phan Châu Trinh đã đắp mộ ông và có làm thơ điếu, tức bài “Khấp Dương tú tài mộ” người huyện tôi, lúc đầu kết án 3 năm, sau cũng xử tử, dày Côn Lôn.

chẳng được gì. Quan Nam cũng bủa vây bốn phía, mong tìm được cái gì đích đáng hầu làm đẹp mắt quan Pháp.

Thì quả là năm 1907, tức trước vụ dân xin râu một năm, án sát sứ tỉnh Hà Tĩnh Cao Ngọc Lễ⁽¹⁾ có tìm được một tàn tướng tay chân của ông Phan Đình Phùng, tên là Hạ, đã già nhưng còn sáng suốt, khéo nghề tiêm thuốc phiện. Lúc đầu ra oai dọa nạt lấy cung, nó chẳng nói gì, cũng không sợ sệt. Dỗ nó bằng lời ngọt, đem cho rượu thịt, thường thêm thuốc phiện, thì trước bàn đèn nó mạnh bạo chuyện trò, lại nói: Sĩ phu nước Nam mưu sao, nó đều biết cả. Án sát sứ nghe nói mừng rỡ, đãi hậu hơn, quý như được ngọc, dầu ngàn vàng cũng không đổi.

Trước đó, tiến sĩ tỉnh Hà Tĩnh là Ngô Đức Kế bị án sát ấy vu hãm, bắt giam một năm mà không chứng có gì. Tiếng oan bay khắp, nhật trình Pháp ở Đông Dương cũng vì ông ấy mà lên tiếng bất bình thay cho. Án sát kia khó xử trí, sắp thả ra. Bỗng nghe tên Hạ nói thì rất mừng, thầm dặn riêng bảo vu cho ông tiến sĩ ấy thông mưu với Phan Bội Châu. Tên Hạ cũng vâng lời.

Ngày sau thăng đường, cho đem ông tiến sĩ ấy trong ngục ra đối chứng với tên Hạ. Lại mời công sứ thân đến xét hỏi. Công sứ nghe nói, trong lòng cũng khen làm được. Tên ấy vốn sáng suốt. Chẳng ngờ công sứ hỏi tới, tên ấy nhất nhất trả lời theo như án sát đã dạy. Công sứ cũng mừng, bảo làm tờ cung. Lại khi bảo nó đến gần mà hỏi làm sao biết được, thì nó trả lời: “Đó đều là những điều quan án bảo nói”. Công sứ cả giận, mắng rằng: “Nếu quả là quan án dạy, thì sao mày lại nghe theo?” Thì nó đáp: “Không theo thì không có thuốc phiện mà hút, lại không có rượu thịt”. Công sứ lại nạt: “Mày đã nghe theo, nay vì sao lại phản cung?” Nó nói: “Sợ vu chứng thì làm người chết oan”. Quan của hai nước không biết làm sao, chỉ biết đưa nó vào nhà tù. Còn tên ấy đã không vợ con lại không nhà cửa, thì nay địa ngục nó cũng xem như thiên đường.

Từ đó về sau, phạm các án tử hình của thân sĩ Trung Kỳ đều dẫn lời khai của tên Hạ làm chứng, mà không chép ra lời khai của

⁽¹⁾ Nc: “Mà nhân phẩm, lịch sử Trung Kỳ đã sớm có bình luận rõ ràng, không thuật lại nhiều làm gì. Nay đã thăng chức”.

tên Hạ lại cũng không dẫn tên ấy đến đối chứng.

d) Lúc ấy tuy tôi mang ơn được cứu khỏi chết, nhưng án của tôi thì do các quan lớn Viện Cơ mật⁽¹⁾ thảo ra, khâm sứ ký tên và quan toàn quyền cũng duyệt y; cho nên tội danh xử tử đầy Côn Lôn chung thân cơ hồ đã thành án sắt, vững như núi không thể phá được. Các quan tỉnh của hai nước cho rằng các án nặng của thân sĩ các tỉnh, tuy lấy việc thông mưu với Phan Bội Châu làm chính, nhưng lại khổ vì thật không có chứng cứ, nay vội xử tử, còn e chưa thành án vững; vả các thân sĩ can án phần lớn là người đồng học với tôi, là bạn bè thường ngày lui tới, bèn gia nặng thêm một lời, cho tôi là thủ xướng, cùng tội với tôi, để tiện dẫn đến cái án xử tử. Đó là chỗ khéo.

Không ngờ nay tôi nhờ ơn riêng của nước Đại Pháp xét lại mà thả ra, thì án của thân sĩ các tỉnh nay lại thành ra nghi án. Bởi vì người cầm đầu đã được tha, thì kẻ theo sau ắt không phải bị tội nặng; mà nếu như thế, thì điều mà ngày trước làm cho họ chết, nay trở lại làm cho họ sống, quan hai nước lại càng không chịu được. Cho nên tôi tuy được xét lại, mà án các thân sĩ khác đến nay quan lớn hai nước vẫn còn giấu kín với nhau, không chịu giở ra coi lại.

III. TÌNH HÌNH THẨM SÁT

Trong khi dân các tỉnh nổi dậy, thì bị tàn sát khá nhiều. Thế nhưng người và việc trong đó phần lớn tôi không biết, hoặc biết mà chưa được rõ. Nay xin đem cái án của tiến sĩ Trần Quý Cáp thuật rõ đầu đuôi cùng thêm lời biện bạch để quan lớn xem. Nếu xem qua thì tình hình đen tối ở Trung Kỳ lâu nay không hỏi cũng biết được.

⁽¹⁾ *Viện Cơ mật*: Cơ quan cốt yếu của chính phủ Nam triều do các quan thượng thư sáu bộ tổ chức từ năm 1835. Trong thời thuộc Pháp, Viện Cơ mật do khâm sứ Trung Kỳ (người Pháp) làm chủ tịch.

[A. VỤ ÁN TIẾN SĨ TRẦN QUÝ CÁP]

Tiến sĩ Trần Quý Cáp⁽¹⁾, người tỉnh Quảng Nam, lúc đầu làm giáo thụ phủ Thăng Bình tỉnh ấy. Năm 1907 đổi vào làm giáo thụ phủ nọ ở tỉnh Khánh Hòa. Sau khi nhận chức, ông diễn thuyết nói về lợi ích của việc học, khuyên nhân dân mở nhiều trường học. Lúc đầu, công sứ Pháp và quan tỉnh người Nam cũng khen và khuyến khích. Đến khi dân tỉnh Quảng Nam nổi dậy, tuy có lan ra các tỉnh gần, nhưng nhân dân tỉnh Khánh Hòa ở yên như thường. Nào ngờ quan hai nước của tỉnh ấy đem lòng độc ác ngầm, bắt ông giáo thụ bỏ ngục, chưa đầy một ngày đêm, chẳng xét hỏi gì, đem ra kết án xử tử, chém ngay tại chỗ.

Nghe nói đích xác rằng lúc đầu quan tỉnh người Nam là Phạm Ngọc Quát kết án xử lăng trì⁽²⁾ sau đổi ra chém ngay. Chém xong chưa đầy một giờ, vội tiếp được điện của quan lớn Toàn quyền sức giải đi Côn Lôn, nhưng than ôi! chết rồi không thể sống lại được! Đến nay án ấy hoàn toàn được giấu mất, không tuyên ra cho mọi người biết, còn thầy và đầu cũng không cho người nhà nhận lãnh⁽³⁾, cũng không chôn cất ở một nơi nào. Than ôi! Trong thiên hạ có đâu mà coi mạng người như cỏ rác, có đâu mà giết chí sĩ một cách phi pháp hết sức như vậy?

B. ÁN ẤY CÓ TÁM ĐIỀU OAN

1. Ông tiến sĩ ấy phẩm hạnh trong sạch, học và hành đều giỏi, thờ mẹ rất có hiếu, đứng đầu trong đám thân sĩ Quảng Nam, sĩ

⁽¹⁾ *Trần Quý Cáp* (1870-1908): Trước tên là Trần Nghi, tự là Dã Hàng, hiệu là Thai Xuyên, quán làng Bất Nhị, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Nổi tiếng hay chữ. Đậu tiến sĩ năm 1904. Trước làm giáo thụ ở Quảng Nam, sau đổi vào Khánh Hòa. Trong cuộc vận động Duy Tân, ông là tác giả nhiều bài thơ quốc ngữ cổ động tư tưởng dân quyền và thực nghiệp. Vì Phạm Ngọc Quát sợ liên lụy mất chức, nên ông bị xử án chém ngay.

⁽²⁾ *Lăng trì*: Thứ hình phạt ngày xưa rất tàn khốc, trước hết cắt tay chân người có tội, sau đó xẻo thịt dần dần, cho đến chết.

⁽³⁾ *Nc*: “Lúc bấy giờ có người nhà đi theo. Sau khi chém, vội đem ngay người nhà ấy giải về nguyên quán”.

phu theo học có hơn trăm người⁽¹⁾. Danh tiếng ông, người các tỉnh đều biết. Ngày thường ông viết sách nhiều, khuyên người hướng về việc học, đừng trông vào người ngoài vô ích mà lại có hại, nói rất rõ ràng⁽²⁾. Nhân phẩm như ông ấy, nước Nam ít có, không tội gì mà giết một cách phi pháp.

2. Diễn thuyết hướng về việc học, khuyên lập trường học là chức vụ phải có của thầy giáo. Huống chi lúc bấy giờ quan toàn quyền Bô đã sức cho các quan tỉnh sức lại cho dân các xã lập trường học. Vậy trường học là công lệnh của Nhà nước; nay lại lấy đó mà giết một cách phi pháp.

3. Vả lại, công sứ cùng quan tỉnh các tỉnh sở dĩ bắt tội nặng thân sĩ là vì hai việc thông mưu với Phan Bội Châu và ngầm xui dân chống sưu, nhưng không tỉnh nào xử quyết chém liên. Tỉnh Khánh Hòa đã không có những việc xin xâu ấy, thì tuy quan tỉnh có vu hãm thế nào đi nữa, cũng không có lẽ gì mà phải giết. Nay lại giết một cách phi pháp.

4. Vả lại, theo pháp luật nước Nam, bất cứ người nào, chỉ làm giặc hay giết người mới bị giết tại chỗ. Nhưng trừ trường hợp lâm trận hay bị bắt mà chống cự lại, cũng phải để ba, bốn ngày xét hỏi và làm thành án, mới đem ra xử quyết⁽³⁾. Nay ông tiến sĩ ấy không có những hành vi kia, lại không xét hỏi gì, mà vội giết ngay một cách tàn ác.

5. Vả lại, theo pháp luật nước Nam, người có khoa mục⁽⁴⁾, trừ phi làm giặc, ăn cướp, giết người, thì không có phép bị tước tịch⁽⁵⁾ chứ đừng nói đến xử tử. Nếu có tội, thì cũng phải giải về Kinh đô, xét hỏi năm, ba lần, lấy chứng cứ xác thật rồi tâu lên vua định án. Năm xưa ông phó bảng Nguyễn Hiệu⁽⁶⁾ người tỉnh Quảng

⁽¹⁾ *Nc*: “Sau khi ông tiến sĩ ấy chết, các học trò giỏi của ông phần uất không biết kêu vào đâu, nhiều người bỏ nước mà đi”.

⁽²⁾ *Nc*: “Đợi sau khi trở về nước, tôi sẽ chép và gộp lại để quan lớn xem”.

⁽³⁾ *Xử quyết*: Cũng như xử tử: theo pháp luật mà giết kẻ bị tử hình.

⁽⁴⁾ *Khoa mục*: Nghĩa đen, mục đề tên những người thi đỗ; nghĩa rộng: người thi đỗ thi hương thi hội, người đỗ đạt.

⁽⁵⁾ *Tước tịch*: Gạch bỏ tên họ ở trong sổ di, như quan bị cách, học trò bị đuổi.

⁽⁶⁾ *Nguyễn Hiệu* (1847-1887): cũng gọi Nguyễn Duy Hiệu, quán làng Thanh Hà huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Đậu phó bảng, làm phụ đạo dưới thời Kiến Phúc, Hàm Nghi. Năm 1882, thực dân Pháp chiếm Trung Kỳ, ông đứng lên lãnh đạo nhân dân chống Pháp, lập chiến khu tại miền nguồn tỉnh Quảng Nam và lập tân tỉnh tại làng Trung Lộc, huyện Quế Sơn, giết được nhiều quân Pháp. Năm 1887, ông bị Nguyễn Thân đánh bại, bị bắt, rồi bị xử tử tại Huế.

Nam khởi binh chống lại nước Đại Pháp ba năm, sau bị bắt, cũng giải về Kinh định án xử quyết. Nay ông tiến sĩ ấy không những không có những tội làm giặc, giết người, lại đang tại chức làm việc công, thế mà không xét hỏi gì, đem giết một cách phi pháp.

6. Nếu quan tỉnh ấy tìm cách làm hại, vu cho những việc làm ám muội, thì cũng phải giải về Kinh đô chất vấn. Chính năm ấy, tại tỉnh Quảng Ngãi, nguyên bố chánh Lê Tựu Khiết và thân sĩ Nguyễn Bá Loan chưa biết phạm tội gì, mà bị xử tử, nhưng cũng giải về Kinh xét hỏi tới ba, bốn tháng sau đó mới đem ra chém. Vả chẳng tỉnh Quảng Ngãi có chút ít náo động mà còn thông thả giải về Kinh kết án; nay tỉnh Khánh Hòa hoàn toàn vô sự, chưa biết quan tỉnh lấy cớ gì mà vội vàng đem giết một cách phi pháp như vậy.

7. Vả lại, theo pháp luật nước Nam, hễ gặp những án nặng như làm giặc, giết người, cướp lớn, thì đem chém bêu đầu một hai ngày mới cho lãnh về chôn. Cái luật dã man ấy, đến nay người văn minh ai cũng chê cười. Còn những án xử chém khác, thì sau đó vội cho người thân nhận lãnh ngay. Nay ông tiến sĩ quả đã có tội gì mà thêm thảm hình gấp mấy, giấu xác không cho nhận lãnh? Thật là dã man hết chỗ nói.

8. Ở nước Nam xưa nay bất cứ án nào, hễ chém xong thì lập tức đem sao chép những lý do phạm tội và lời bắt buộc của án văn tư đi khắp nơi, yết thị ra, là tỏ ý cùng với quần chúng trừ bỏ đi. Nay ông tiến sĩ ấy quả đã phạm tội gì, xử tội chém như thế nào, sau khi giết một cách phi pháp, đã ba, bốn năm trường án văn nhất thiết giấu bắt, chẳng hề tuyên, chẳng hề yết, đến nay oan sâu như biển, không ai biết được.

Có tám điều oan như vậy mà lần ấy quan tỉnh của hai nước chẳng hề thương xót, chẳng hề tra hỏi, ắt muốn làm cho chết mới vui lòng! Than ôi! hình phạt như vậy mà bảo người chết nhắm mắt nơi chín suối, kẻ bị tù yên chí nơi nhà lao thì khó lòng lắm thay! Oan khốc như thế nghìn xưa mới nghe thấy. Tôi trộm sợ rằng tuy có đem người nước Nam làm cỏ đi một nửa, nhưng lửa ngoài đồng cháy không hết, gió xuân thổi lại bùng lên. Đường sau vời vọi, sự thể nát như tương, tính mạng người nước Nam chẳng là nguy lắm hay sao!

C. NHỮNG ĐIỀU GIAN CỦA ÁN ẤY VÀ LÝ DO

Những nỗi oan của án ấy đã được biện bạch từng điều như đã bày tỏ trên đây. Nhưng quan hai nước của tỉnh ấy quả có oán ghét gì ông tiến sĩ ấy mà phải làm cho chết mới vui lòng? Tôi xin nêu ra và làm sáng tỏ những tình gian của án ấy như sau:

1. Bố chánh tỉnh Khánh Hòa Phạm Ngọc Quát là người xảo trá tàn nhẫn, mọi người đều biết. Đường làm quan đã lâu không được thông⁽¹⁾, khao khát được lên chức; tuy được bổ làm bố chánh tỉnh Khánh Hòa nhưng cũng chưa vừa lòng. Nghe quan lớn Bô có lòng thương dân, sức cho dân lập nhiều trường học, lại nghe cho các tỉnh nhóm lập hội buôn, ông quan tỉnh kia vốn có lòng xảo trá muốn đón ý lập công. Cho nên một mặt sức khắp các dân làng lập trường học, lại giao cho tiến sĩ Trần giáo thụ khuyên dân lập trường; [một mặt] quan tỉnh ấy bỏ tiền ra định lập hội nông, hội thương, gọi người hùn vốn⁽²⁾, lại trong hội buôn của tỉnh Bình Thuận, ông ấy cũng hùn vốn buôn chung. Đến khi nghe việc dân tỉnh Quảng Nam xin xâu nổi dậy, người trong các trường học, hội buôn ở các tỉnh đều bị tù, bị giết, ông ta sợ hãi hết sức. Lại lo nhân đó mà mất chức, bèn tìm trăm kế thù dật, đổ hết tội cho ông tiến sĩ ấy để mong thoát thân.

2. Lại lo nếu một mai giải đi Kinh, nếu có hỏi han đến việc trường học, hội buôn, ông tiến sĩ ấy khai báo ắt lụy đến quan tỉnh ấy. Chi bằng xử nặng giết ngay để bịt miệng.

3. Vả chăng, lúc bấy giờ khâm sứ trú tại Kinh giận dữ thái quá, chưa kịp suy tính, lấy hình phạt làm oai, đánh điện sức cho các tỉnh trừng trị thẳng tay⁽³⁾. Quan tỉnh ấy được dịp kia, liền quay nghĩ cách khác: thừa theo ý tốt của Toàn quyền thì chưa chắc được

⁽¹⁾ Nc: “Ông ta làm án sát lâu không được thăng”.

⁽²⁾ Nc: “Mới lập, chưa thành”.

⁽³⁾ Nc: “Lâu nay quan Nam lên chức mau là nhờ giết nhiều người Nam: mỗi lần trong dân có một chút lộn xộn, thì quan hai nước ắt có thêm một phen thăng quan tiến tước – việc này sẽ nói rõ nơi khác -, đến nay đã quen lệ. Cho nên quan hai nước đều lấy việc ấy làm con đường mòn duy nhất để thăng quan. Lần ấy khâm sứ chỉ bảo trị tội nặng, cũng chưa nói rõ là giết ngay. Thế nhưng cái lòng cầu quan của quan Nam, như đói như khát, gặp được cơ hội thì nảy ra ngay, thường thường như vậy, không chỉ lần này mà thôi. Than ôi!”.

công mà rất có tội; còn như thỏa lòng giận dữ của khâm sứ, thì không chỉ khỏi tội mà có lẽ được công. Vả chẳng, nghe các tỉnh ồn ào, tù nhiều giết nhiều chính là cơ hội lập công; còn tỉnh mình thì im lìm vô sự, không khỏi gặp phải bế tắc. Do đó, mà lòng muốn khỏi tội cùng ý muốn cầu quan hợp nhau mà làm ác, thì ông tiến sĩ kia càng không có lẽ nào sống được. Quả vậy, sau khi giết ông tiến sĩ, quan tỉnh ấy được thăng ngay tuần vũ tỉnh Hà Tĩnh. Nghe nói quan tỉnh ấy một khi đến tỉnh kia, chém giết cũng nhiều, đến nay chưa hỏi đã thăng lên chức gì rồi.⁽¹⁾

4. Mặc dầu quan Nam tuy xảo trá, khâm sứ tuy nổi giận, nhưng giá công sứ có một ít lòng nhân thì người Nam cũng được nhờ phước. Xem như ông Gạc-nhê⁽²⁾ tỉnh Bình Thuận nhận lệnh khâm sứ, nhưng không chịu hủy trường học, phá hội buôn, bắt thân sĩ. Vả chẳng, lúc bấy giờ quan Nam tỉnh ấy đón ý khâm sứ, kiếm chuyện thù dật để kết tội nặng người trong tỉnh; ông nhất thiết chống lại gắt gao không chịu ký tên, còn biện bạch thay cho khiến được thả về mà bảo toàn được một tỉnh; đến nay tiếng ca tụng đầy khắp đường sá, lòng kính yêu cũng như cha mẹ⁽³⁾. Nay nhân dân Trung Kỳ hễ ai nghe đến tên ông, biết việc làm của ông, cũng đều thấy ông thì vái từ xa, mến mộ ông hết sức. Than ôi! ông mới là đại biểu thật của văn minh nước Đại Pháp vậy. Tuy nhiên công sứ các tỉnh ở Trung Kỳ hiện nay như ông có được mấy người? kiến thức, tâm thuật không giống với quan Nam có được mấy người?

Vả chẳng, lâu nay công sứ các tỉnh, đối với các việc phi pháp, thường ép quan Nam gánh vác⁽⁴⁾. Việc nên thì công về mình, việc hư thì đổ lỗi cho quan Nam; lối kiến giải ấy không phải mới có một

⁽¹⁾ *Nc*: "Lần này quan lớn các tỉnh vì có không chịu giết nhiều bị cất chức cũng lắm, sẽ nói rõ ở các nơi khác".

⁽²⁾ Ông Gạc-nhê: Trong *di cáo*, tác giả viết hai chữ Hán có thể đọc là *Ngạc-nhi*, rồi chú hai chữ quốc ngữ *Gạc-nhê* ở dưới. Bản Lê Ấm cũng đọc *Gạc-nhê*, chưa biết chữ Pháp viết ra sao, phải chăng là Garnier?

⁽³⁾ *Nc*: "Lúc ấy các quan Pháp làm việc ở tòa sứ, thấy ông việc gì cũng nhân ái, cũng nổi lên chống lại. Ông nói: Ông là quan cầm đầu một tỉnh, nếu dân làm giặc, lỗi ấy ông tự gánh lấy. Than ôi! Lời nói của người nhân có lợi lắm thay!"

⁽⁴⁾ *Nc*: "Nhưng chỉ quan Nam nào còn có chút ít công lý mới dợi thúc ép, còn quan Nam bạo ngược xảo trá, thì chạy vậy nghe ngóng, lo làm trước cho vừa ý muốn, không dợi ép nữa".

ngày. Huống chi những án giết người đều chiếu theo luật nước Nam mà xử, thì công sứ càng có chỗ để mượn cớ. Than ôi! giết người không mắc tội mà lại được công, thì ai còn lo sợ gì. Do đó, công sứ lo làm hợp ý khâm sứ để được thăng quan, quan Nam lại lo làm hợp ý công sứ để được chức. Nếu đem lòng sốt sắng về những hy vọng giàu sang của quan hai nước nhập lại để làm ác, thì ông tiến sĩ ấy càng không có lẽ nào sống được. Quả vậy, sau khi giết ông tiến sĩ ấy, thì công sứ tỉnh ấy vội được thăng bổ đi nơi khác trước cả quan tỉnh.

5. Sau khi quan tỉnh ấy đã giết ông tiến sĩ, trong cũng như ngoài thành tiếng kêu oan sôi sục; lại tiếp có điện giảm tội chết của quan Toàn quyền, thì quan tỉnh ấy tự biết có lỗi, ra sức bưng bít, không để cho việc tiết lộ ra ngoài. Lại sợ để người nhà ở lâu trong xứ mà nhận lãnh, chôn cất, lỡ để tiết lộ thì tiếng tăm truyền bá xa gần, ắt phải một phen lộn xộn. Từ đó, đem giam riêng một nhà, rồi giải về quê quán, không cho nhận lãnh thầy đầu, thật do cớ ấy.

6. Vả chăng, sau khi việc lần ấy đã yên, các nhật trình công bình ở Đông Dương phần lớn lấy công luận vạch ra những điều gian, nghị luận sôi nổi. Từ đó quan hai nước cùng che giấu cho nhau, nên lý do vì đâu ông tiến sĩ ấy bị giết và bản án xử tử lúc bấy giờ, thấy đều được giấu mất, không dám đem ra tuyên bố lại nữa.

Có sáu điều gian này, hễ ai biết tới việc ấy thì không khỏi không thương người bị oan. Nhưng lâu nay quan lớn của hai nước cùng che đậy cho nhau, không chịu vì người chết oan mà xét lại, rửa oan. Bởi vì quan tỉnh của hai nước đã kết án lúc bấy giờ, nay đã đồng thời sớm được thăng chức đổi đi, nếu xét lại án ấy, thì điều gian lộ ra hết, ắt đến mắc lỗi không nhẹ; vả chăng nhân đó cũng kéo luôn cả đến các quan tỉnh lần ấy nhờ giết nhiều mà được thăng quan, cuộc diện quan trường lại đến một phen biến động; lại nay quan Nam đều ẩn nấp ở dưới bụng quan Pháp, ai cũng có chỗ đứng, ai cũng có nơi nương tựa, nếu nhân giết người mà bị lỗi, mất chức, thì đó là điều quan Pháp không vui. Thà để cho chí sĩ ngậm oan, thà để cho nhân dân oán trách, thà nhân đó làm hại đến tình thân ái của người hai nước, thà nhân đó mà sinh ra chướng ngại cho tiền đồ của hai nước, chứ quyết không muốn lấy tính mạng

của trên mấy trăm thân sĩ, nhân dân nước Nam bị chết ức, bị tù oan, làm lụy đến một mảy quyền lợi của quan Nam đến sa sút đi, để cho người ta thấy mình nuôi nấng không hay. Đau đớn thay, buồn thay!

IV. TÌNH HÌNH NHIỀU LỤY OAN THÂM

Hai cái án trên đây, là đem những điều tôi biết hơi rõ mà nói. Nay lại xin nói về tình hình nhiều lụy oan ức, thảm thiết ở các tỉnh vào thời bấy giờ mà tôi đã nghe biết nhưng chưa rõ lắm, cùng những điều nghe người ta nói sau khi việc xảy ra, thấy thấy thuật qua như sau.

A, TỈNH QUẢNG NAM

1. Giết chết khi việc xảy ra và xử chém sau khi việc yên⁽¹⁾. Lúc bấy giờ, trong khi dân nhóm hai bên tòa sứ, bị lính tập xua đuổi, nhảy xuống nước chết đuối ba người; sau khi việc yên, xử chém năm người hoặc sáu người, nay chưa rõ.

Lần ấy, dân tỉnh Quảng Nam thật do việc kiện về xâu không do chống thuế, công sứ tỉnh nhà cũng biết việc không phải tại dân, hơi có ý cho mình có lỗi. Vả lại lần ấy dân nghèo tụ họp xin xâu ở tòa sứ tuy đông, nhưng đối với công sứ xét ra hơi có trật tự. Vì hai lẽ ấy, cho nên cách đối đãi so với các tỉnh có phần rộng rãi hơn.

Tuy nhiên, tất phải xử nặng thân sĩ, chém giết nhân dân, một phần vì quan Pháp muốn che lỗi mình, một phần vì quan Nam đón ý người trên, mượn việc để mà trả oán. Đó là tình hình thật lúc bấy giờ.

2. Giải tán hội buôn. Lúc ấy hội buôn Quảng Nam lập tại phố

⁽¹⁾ Đoạn "Tỉnh Quảng Nam" có 5 tiểu mục. Trước ba tiểu mục đầu, tác giả có đánh số 1,2,3 trong *di cảo*: theo cách trình bày chung, chúng tôi thêm số 5, 6, ở 2 tiểu mục cuối.

Hội An. Quan Nam cũ Nguyễn Tấn⁽¹⁾ và cử nhân Phan Duyệt chủ trì công việc.

Lúc ấy làm án, vì Nguyễn Tấn tuổi già bảy mươi, nên được miễn nghị. Phan Duyệt thì xử tử đầy Côn Lôn. Các khoản tiền của hội buôn, thì chiếu sổ sách trả lại cho người hùn vốn. Lại người hùn vốn, trên từ thân sĩ dưới đến nhà giàu, bản thân người hùn đều bị kết án khổ sai từ 3 năm đến 3 tháng; cũng bắt tội đến cả vợ hay cha người hùn. Khi trả phần cũng rất mờ ám. Nghe nói mỗi phần là 50 đồng, khi trả chỉ 5,6 đồng. Nhưng người hùn đều can án cho nên không có ai dám nói gì. Cũng có người không dám lãnh, chỉ ký khống đã nhận bao nhiêu đó mà thôi.

3. Thực trạng phá trường học, bắt giáo sư và nhân việc mà nhiều hại. Sau khi đã bắt giam thân sĩ, hễ các sự nghiệp gì của thân sĩ ngày thường lập ra, đều nhất thiết phá hủy; hễ những người ngày thường qua lại với thân sĩ, đều tìm bắt; cũng có khi bắt đến thân thuộc; cũng có khi nhân việc mà lấy tiền của, súc vật của người ta. Nay xin thuật những việc mà tôi biết khá rõ.

Lúc ấy các xã có trường học thì vội sai quan binh khố xanh người Pháp đem trên 20 lính tập hợp với lính của quan tỉnh⁽²⁾, đến nơi hủy phá, đuổi bắt như gặp giặc lớn, chỗ nào cũng vậy, thảm họa thật không kể xiết. Hãy kể những việc tôi biết chắc.

Làng Tây Lộc⁽³⁾, thuộc huyện Hà Đông, phủ Tam Kỳ, có lập một trường học, giáo sư Pháp văn, Hán văn mỗi môn có một người, học trò nhỏ trên 40 đứa. Tháng ba năm ấy, giáo sư nghe quan binh Pháp đến, cho rằng quan binh đến lần này chẳng qua là đàn áp dân nổi loạn, chứ không biết là phá trường học. Bèn đem học trò ra ngoài đường lớn trước cửa trường sắp hàng đón rước quan binh. Quan binh kia không đáp, vội sức trẻ vào trường sắp hàng ngồi, ra lệnh cho giáo sư đem bài học Pháp văn hàng ngày khiến học trò

⁽¹⁾ Nguyễn Tấn: *Di cảo* chép chữ Tấn, có nghĩa là giúp đỡ, khen ngợi. Bản dịch Lê Âm chép *Toán*: theo cụ Lê Âm, ông Tấn là bang tá, người Kỳ Lam, nên đồng bào trong tỉnh thường gọi là ông Bang Kỳ Lam.

⁽²⁾ Trong *di cảo*, tác giả viết “quan tỉnh *thần*”, vô nghĩa: có lẽ lầm chữ *binh* thành chữ *thần*.

⁽³⁾ Nc: “Quê của tôi”.

đọc qua một lượt; lại ra lệnh cho học trò ra chỗ tập thể thao, thử thao diễn một lần. Quan binh mang gương tròn mắt đứng xem. Thành linh, tự tay nắm lấy cổ giáo sư, chân đạp ngã quỵ xuống đất, ra lệnh cho lính tập trối thúc ké hai tay, lôi kéo ra đi. Học trò không biết gì, thấy việc hung dữ như vậy, vượt tường mà chạy, đứa bị thương ở mặt, đứa bị thương ở tay chân, kêu khóc sợ hãi, khác nào lũ chim én, chim sẻ bị ó diều đuổi vậy.

Lại bắt người anh nhà bác tôi là Phan Khải đã hơn 60 tuổi, bắt cả người dân nghèo nhà trường thuê làm phu và mấy người dân làng bán cơm bán rượu⁽¹⁾, xâu luôn với hai giáo sư cột chung một dây, sai lính tập lôi chạy, theo sau đánh dữ dội như lửa trâu dê. Từ chỗ đó đến tỉnh, đường đi gần một ngày. Lúc ấy nắng đang gắt, nhưng đầu không cho đội nón, chân không cho mang dép, đói khát không cho ăn uống. Ôi! Tàn ác biết bao!⁽²⁾

Xét: Trường học làng tôi lập ra đã hơn hai năm. Các quan họa đồ người Pháp lúc qua lại, có người muốn vào trường xem thì học trò sắp hàng đón tiếp để tỏ ý kính trọng, quan Pháp cũng thường thường đáp lễ, nhân dân truyền nhau cho là việc tốt. Lần này, tại tỉnh tuy dân nghèo có tụ họp, nhưng hương thôn vẫn yên ổn như thường. Lúc bấy giờ nghe quan binh đến, tuy biết là đi bắt thân sĩ, nhưng trong ý cho rằng đã có quan Pháp thân hành đến, ắt cũng không có gì quá lắm. Vả chẳng thấy quan binh cũng nghĩ đều như quan họa đồ; cho nên mới lấy lễ ấy mà tiếp. Không ngờ gặp họa lớn như vậy, thật cũng đáng cười và đáng thương!

Làng Phú Lâm thuộc huyện Lễ Dương lập trường học, học trò nhỏ trai gái hơn 100 đứa, nam giáo sư 3 người, nữ giáo sư 1 người. Nghe quan binh tới, học trò chạy tan. Quan binh liền phá trường học, hoặc lấy làm chuồng ngựa; hoặc làm phòng ở cho lính tập; các thứ bàn ghế thì làm củi hết phân nửa. Sau đó, dỡ trường học đem làm nơi khác cho vợ con lính tập ở, bàn ghế còn lại thì cho vợ con lính ấy ngồi, hoặc dùng vào việc nhà bếp. Ôi, lạ thay!

⁽¹⁾ Nc: "Mấy người này đến nửa đường thì thả về.

⁽²⁾ Nc: "Sau Phan Khải bị án khổ sai 1 năm, giáo sư bị tù 3 năm".

Lý trưởng làng ấy là Lê Cơ (anh bên ngoại tôi)⁽¹⁾ liên can đến việc trường học, bị gông giải lên tỉnh làm tù 3 năm. Chị bên ngoại tôi, nữ giáo tập Lê Thị X.⁽²⁾ cũng bị gông trời giải lên tỉnh: sau khi đến tỉnh, gặp bà Y. vợ quan Pháp xin cho, mới được tha về.

Hai việc trên đây là tôi biết chắc mà nói. Còn ở các phủ huyện khác, dân làng hề có ai lập trường học đều lấy phép đó mà trị.

Ví như ông Trần X.⁽³⁾ ở xã Phước Bình, huyện Quế Sơn, có hơi thông Pháp văn, hiểu Pháp học, làm công đã lâu cho mỏ than của hãng buôn Pháp ở Quảng Nam. Sau đó xin thôi, lấy nhà mở trường học, học trò nhỏ bốn, năm mươi đứa. Lúc ấy quan binh đến liên phá nhà ông ấy làm phòng lính đóng ở lâu dài. Trần X. sợ trốn, quan tỉnh vu là làm giặc, đến nay tìm bắt gắt gao chưa thôi. Còn các nơi khác, không thể kể xiết.

4. Tình hình nhiều hại. Hễ thân sĩ nào lập trường học, đều bị coi là làm giặc. Cho nên quan binh nhân đó đến nơi nào cũng như là vào đám giặc lớn. Ngoài việc phá trường học, bắt giáo sư, còn cho lính tập làm nhiều việc phi pháp, cướp bóc nhiều hại, nhân

⁽¹⁾ Lê Cơ: (1859-1916) thường gọi là Xã Sáu, quán làng Phú Lâm, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam. Nguyên là học trò thi trường ba (hồng tú tài), năm 1903 bị tri phủ Tam Kỳ buộc làm lý trưởng làng Phú Lâm. Ông nhân đó mà hoạt động cho phong trào Duy tân một cách công khai, tổ chức Phú Lâm thành một làng duy tân điển hình. Chưa đầy hai năm, các hội đoàn đã được thành lập, dẫn đầu là đoàn thanh niên cúp tóc ngắn, tiếp đến là các hội làm ruộng, hội buôn tạp hóa, hội nuôi tằm, hội trồng quế. Làng còn mở trường dạy võ, dạy chữ Quốc ngữ và chữ Pháp. Lại còn mở lò rèn để rèn đúc các nông cụ, mở cơ bảo hiểm để lo bảo vệ an ninh, đề phòng trộm cướp. Năm 1908, ông bị án 3 năm tù. Năm 1916, ông lại có mặt trong cuộc khởi nghĩa của vua Duy Tân. Do đó, ông bị đày Lao Bảo, rồi bị bắn chết nhân một cuộc chống lại sự đối xử tàn bạo của bọn cai ngục. Xem thêm về những hoạt động duy tân của Lê Cơ tại làng Phú Lâm trong cuốn sách *Phong trào Duy tân*, của Nguyễn Văn Xuân. Nxb Đà Nẵng. 1994.

⁽²⁾ Lê Thị X: Tức Lê Thị Mười, nữ giáo viên của trường Phú Lâm.

⁽³⁾ Trần X.: Theo ông Lê Ấm, trong *Trung Kỳ dân biến thử mạt ký*, thì Trần X. là Trần Hoàn. Còn gọi là Cửu Cai, vì ông làm cai ở mỏ than Nông Sơn (Quảng Nam) của người Pháp. Ông vừa là giáo viên Pháp văn vừa là giáo viên dạy võ của phong trào Duy tân. Sau khi bị truy nã lâu ngày, nhân vụ khởi nghĩa của Duy Tân, ông bị bắt và bị đày Côn Đảo.

dân sợ hãi không thể nào chịu nổi. Nay xin nói qua như sau:

Ngoài cổng trường làng tôi là làng Tây Lộc, có người dân làng tên là Trá, vợ chồng làm một quán nhỏ bán cơm rượu để kiếm ăn. Lính tập xông vào quán ấy cướp lấy rượu thịt đem đi ăn uống. Lại bắt tên ấy đánh trối lại. Sau tên ấy trốn thoát, lại bắt em trai vợ tên ấy trối giải ra tỉnh, làm án khổ sai năm tháng.

Lại trong trường làng tôi có nuôi một bầy gà chừng ba, bốn chục con, để làm thức ăn cho các thầy giáo, cũng cho lính tập đuổi bắt đem làm thịt mà ăn. Lại khi đi dọc đường, còn xông vào nhà dân, cho bắt gà vịt. Người anh họ tôi tên là Lúa có một bầy vịt, bị lính ấy đập chết đem đi. Anh ấy khiến vợ con ra cãi cọ, lính tập nhóm lại đông, lấy báng súng đánh túi bụi. Nhân dân tức giận, ồn ào rối loạn, gần thành to chuyện, lính ấy mới bỏ mà đi.

Lại trong khi phá trường học tại làng Phú Lâm, mượn cớ xông vào nhà người, nói là kiểm soát, vợ vết sạch sành sanh, không chỗ nào sót. Bà chị bên ngoại của tôi, Thị Kính, nhà cũng bị soát; nghe nói khi soát có lấy nhiều của cải.

Đây tôi chỉ đưa ra những việc tôi biết chắc. Ngoài ra, hễ xã, thôn nào có trường học, đều đóng lại một hai ngày, bắt dân cung phụng ăn uống, bảo là phạt cơm; lính tập cũng quấy phá lấy của, hại không kể xiết. Việc ấy, hễ tỉnh nào có trường học đều có cả; Nghệ An, Hà Tĩnh lại càng quá lắm.

5. Bắt bớ thân thuộc. Lúc ấy đã bắt thân sĩ, về sau phần nhiều còn dính dấp đến cả thân thuộc.

Tức như anh nhà bác tôi là cửu phẩm Phan Khải đã già lại bệnh, bị bắt xử khổ sai một năm.

Lý trưởng làng Phú Lâm là Lê Cơ và Lê Thị Mười cũng là anh, chị bên ngoại tôi.

Tiến sĩ Huỳnh Thúc Kháng bị bắt giam tại tỉnh. Cháu ông ấy là Huỳnh Quán ra tỉnh thăm viếng cũng bị giam phạt 5 tháng.

Anh ruột ông cử nhân Phan Duyện cũng bị bắt giam, án chưa rõ.

Cũng có khi bắt đến vợ, cha thân sĩ nữa.

Cử nhân Nguyễn Bá Trác và Phan Khôi, Nguyễn Mai⁽¹⁾ mười người ra Hà Nội học tập Pháp văn; sau khi việc dân xảy ra, đều đánh điện sức về. Bạn học năm, sáu người tuân lệnh về quê quán, liền bị bắt kết án. Ông cử nhân ấy sợ mang họa, đi ra nước ngoài. Nghe nói bắt giam người cha và tìm trăm kẻ để ép buộc. Nhà ông ấy trước hơi giàu, nay nghèo xơ xác mà lệnh bắt bố vẫn chưa ngừng, thật chẳng gì thúc giục người ta ra nước ngoài vậy.

Bà con thân sĩ tỉnh Quảng Nam cùng những người vô tội bị bắt giam khảo đánh, nhiều không kể xiết. Làm án, thì ngoài án lưu đầy của thân sĩ, dưới từ 2 tháng khổ sai, trên từ 3 năm, chừng trên một trăm người. Nghe nói lúc bấy giờ kết án một cách lạ lùng, nước Nam từ khi có sử đến nay, thật không hề có một. Quan lớn nếu không tin thì sai đem lời trong các bản án phiên dịch ra xem một lần, cũng đủ thấy đau lòng xót dạ.

B. TỈNH QUẢNG NGÃI

Năm ấy dân nghèo tỉnh Quảng Ngãi họp lại bên ngoài tỉnh thành khá đông. Công sứ và quan Nam tỉnh ấy sai quan binh nổ súng bắn ngã, làm chết và bị thương khá đông. Lòng người tức giận không chịu đi, lại họp thành đoàn giành nhau đến nơi nổ súng, cùng hô lời cầu thần để mong được mau chết. Cho nên chết và bị thương ước tới hơn trăm người.

Lại nghe nói lúc ấy dân nghèo bị thương phần đông nằm ở

⁽¹⁾ Nguyễn Bá Trác (? – 1945), hiệu là Tiêu Đầu, quán làng Bảo An, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Vốn là học trò của Trần Quý Cáp. Đậu cử nhân. Năm 1907 ra Hà Nội học chữ Pháp, bị thực dân lùng bắt, trốn sang Nhật. Sau về đầu thú, làm mật thám cho Pháp. Năm 1917 giữ phần chữ Hán trong tạp chí *Nam phong*. Từ đó trở thành một tay sai đắc lực của thực dân. Năm 1923 làm tá lý bộ Học, sau đó làm tuần vũ Quảng Ngãi, tại đây y đã đàn áp nhân dân, tàn sát nhiều nhà cách mạng. Năm 1945, y đã đến tội trước nhân dân.

- Phan Khôi (1887-1959), hiệu là Chương Dân, quán làng Bảo An, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Học chữ Hán, đậu tú tài năm 1906. Năm 1908 bị bắt tại Hà Nội giải về giam tại nhà lao Hội An đến năm 1911 được tha. Sau đó chuyên viết báo, làm sách. Trong thời kỳ Phạm Quỳnh tranh luận với Ngô Đức Kế, Huỳnh Thúc Kháng về *Truyện Kiều*. Phan Khôi có viết bài ở báo *Hữu Thanh*. Sau (Cách mạng tháng Tám, Phan Khôi được vào Hội Nhà văn Việt Nam và trong thời gian kháng chiến, tham gia đoàn văn nghệ kháng chiến. Ông mất năm 1959 tại Hà Nội.

ngoài cửa thành, kêu khóc than van nơi nào cũng có. Bỗng có quan thương chính ngồi xe⁽¹⁾ từ chỗ mình đến tỉnh, đi ngang qua chỗ dân bị thương nằm, chợt đề phải chân họ, người bệnh đau quá la lên. Dân nghèo xúm quanh trước xe quan ấy không cho đi. Quan thương chính dừng xe hỏi họ muốn gì. Dân nghèo la to: “Nhờ quan lớn vào thành nói với công sứ rằng dân nghèo không chịu nộp thuế đến đây xin giảm bớt, chỉ đến tay không, chẳng có ý gì khác. Xin công sứ thương xót, chớ giết hại nhiều những kẻ vô tội”. Quan thương chính nhận lời và bảo người phu xe đánh xe đi qua. Dân nghèo không chịu, nói: “Xin giữ xe cho quan lớn. Quan lớn vào nói với công sứ nếu được, thì khi quan lớn về dân chúng tôi xin đẩy xe cho quan lớn”. Quan thương chính bèn để xe ngoài thành mà vào. Chốc lát thấy công sứ đứng trên thành, sai người cầm năm mươi đồng cho dân nghèo và sai dân nghèo trả xe lại cho quan thương chính ấy. Dân nghèo cùng la lên: “Nay ngoài thành họp lại gần vài nghìn người, chết và bị thương như vậy, được công sứ cho từng ấy tiền không biết làm gì, không dám nhận. Chỉ xin đừng sai quan binh nổ súng mà thôi”.

Lại nghe nói lúc dân nghèo nhóm lại tại tỉnh, công sứ sai đuổi đi và bảo rằng: “Chúng mày như muốn cách mạng, nên đợi vài chục năm sau hãy làm. Nay chẳng qua là tìm chỗ chết mà thôi”. Rồi ra lệnh cho quan binh nổ súng, làm cho dân nghèo chết và bị thương nhiều.

Lại nghe nói sau việc này, nhân dân bị xử tử cũng nhiều, nhưng đều chưa rõ. Còn thân sĩ thì xử tử, đầy Côn Lôn cùng khổ sai 20 năm, 10 năm có 7, 8 người; còn lại, người bị nặng thì đầy Lao Bảo, nhẹ thì khổ sai tại tỉnh nhà cũng không dưới 100 người.

Lại nghe nói nguyên bố chánh Lê Tự Khiết và thân sĩ Nguyễn Bá Loan⁽²⁾ bị giải về Kinh giam ba tháng; làm án xong bị xử chém tại tỉnh nhà. Lý do mắc tội, tôi chưa hiểu; về những người ấy, tôi cũng

⁽¹⁾ Nc: “Người hay ngựa kéo chưa rõ”.

⁽²⁾ *Lê Tự Khiết*: Cũng gọi Lê Thử Khiết hay Lê Khiết, người làng An Ba huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi. Trong thời Cần vương, ông là thuộc hạ của Nguyễn Thân, làm đến chức bố chánh. Khoảng năm 1900, ý thức được hoàn cảnh nô lệ, ông từ quan hưởng ứng phong trào Duy tân. Ông bị thực dân giết trong vụ xin xâu ở Quảng Ngãi năm 1908.

chưa biết. Nhưng nghe người ta nói âm lên rằng vì thù riêng mà vu hãm. Việc ấy hết sức ám muội, lại thuộc về người có địa vị trọng yếu và có quyền thế, nên ít ai dám hở môi, khó mà biết cho thấu đáo.

C. TỈNH BÌNH ĐỊNH

Đầu đuôi việc tỉnh ấy, phần lớn tôi chưa rõ. Chỉ nghe nói khi việc xảy ra bị giết và bị thương khá nhiều, lại sau đó bị chém chừng hai, ba mươi người trở lên.

Nghe nói tỉnh ấy sau khi việc yên, công sứ xử chém nhiều. Quan tổng đốc tỉnh cho rằng lần này tuy dân nghèo không biết gây việc phạm pháp nhưng xét ra không hại lắm, nên lựa vài ba người cầm đầu xử quyết, ngoài ra thì nên phân biệt mà định tội. Công sứ không nghe, đánh điện xin triệt chúc ông ấy. Người kế nhiệm đón ý mà thù dệt, cho nên chém giết khá độc ác.

Thân sĩ cùng lý hào, nhân dân bị xử tử đầy Côn Lôn và khổ sai 7, 8 năm có 7, 8 người. Án tỉnh có oan hay không, tôi không được biết. Nhưng khi tôi ở Côn Lôn, thấy giải đến tám người, trong đó có một người án ghi là: Tên này làm tướng cầm đầu, tay cầm địa đồ vào núi, nghĩ mưu chiếm cứ nổi loạn. Sau tôi hỏi mới biết người ấy chừng hai mươi lăm tuổi, mặt mày thô kệch, nói năng khô khạo, gần như không phân biệt được phải trái, trông qua cũng biết không phải là người hiểu việc. Tôi lấy làm lạ hỏi kỹ đầu đuôi mới biết người ấy tên Hồ Như Ý nhà giàu, con một, không học hành; năm trước thi hương ở tỉnh, lấy tiền mua được tiếng tú tài, từ đó ở nhà làm ăn. Khi việc dân trong tỉnh nổi lên, quan Nam thêm cái giàu của người ấy, vu hãm bắt giam kỹ, làm án nặng, khiến trút của nhà ra mà chuộc. Tú tài kia tiếc tiền không chịu, bèn vu cho làm tướng cầm đầu, xử tử đầy Côn Lôn.

Lấy đó mà xem thì các tình hình đen tối ở các tỉnh lúc bấy giờ không hện mà giống nhau. Bởi vì quan Nam ngày thường vốn cùng một lòng dạ ấy, cùng một tay nghề ấy.

D. TỈNH PHÚ YÊN

Sau khi việc xảy ra có bị chém giết hay không, tôi chưa rõ. Còn lại, thân sĩ bị đầy Lao Bảo và bị khổ sai ở tỉnh nhà chừng hơn

mười người.

D. TỈNH KHÁNH HÒA

Dân tỉnh ấy yên ổn, không có lộn xộn gì. Ngoài quan tỉnh ấy vụ giết tiến sĩ Trần Quý Cáp, cũng có liên lụy đến kẻ vô tội, nhưng chỉ 8, 9 người và chỉ giam khổ vài tháng rồi thả. Cũng có người bị phạt một, hai năm.

E. TỈNH BÌNH THUẬN

Dân tỉnh ấy cũng không có lộn xộn gì. Lúc ấy quan tỉnh đón ý khâm sứ, tìm việc thuê dặt kết án trên mười người, hoặc 10 năm hoặc 8 năm, 5 năm không chừng. Công sứ tỉnh nhà là Gạc-nê công bình, không chịu ký tên, không cho gửi đi, biện bạch giúp mà thả ra⁽¹⁾. Không ai mắc tội, chỉ bị quan Nam giam 1, 2 tháng mà thôi.

G. TỈNH THỪA THIÊN

Nghe nói khi xảy ra cũng có nổ súng, số người chết và bị thương chưa rõ; có người nói chết một người, bị thương 5, 6 người. Sau khi việc yên quả có chém giết hay không chưa rõ. Thân sĩ bị xử tử đầy Côn Lôn một người. Nghe nói nhiều người bị đầy Lao Bảo và bị án khổ sai tại tỉnh.

H. TỈNH HÀ TĨNH

Nghe nói dân nghèo tỉnh ấy truyền với nhau rằng các tỉnh xin thuế được giảm, bèn họp nhau tới huyện bắt chuộc xin. Nhưng chỉ năm, ba mươi người, không nhiều như các tỉnh và cũng không đến tỉnh thành.

Lại thân sĩ tỉnh ấy hoặc bị tù, hoặc bị chém, việc chưa rõ lắm. Nay hãy đem những điều biết mà thuật qua.

Thân sĩ và lý hào tỉnh ấy bị xử tử đầy Côn Lôn 4, 5 người. Tôi

⁽¹⁾ Phan Châu Trinh có nói rõ việc làm công bình của viên công sứ này ở đoạn trước.

biết rõ là oan, đó là án của tiến sĩ Ngô Đức Kế⁽¹⁾. Thân phụ ông tiến sĩ ấy, Ngô Huệ Liên, năm đó hiện làm tham tri bộ Lễ. Ông tiến sĩ ấy, sau khi thi đậu năm Tân Sửu (cùng năm với tôi), không chịu ra làm quan, ở nhà lập phố buôn, lại lập trường học và thư xã. Năm 1907, án sát tỉnh nhà là Cao Ngọc Lễ vu cho ông tiến sĩ ấy làm giặc, bắt giam tại tỉnh một năm, xét không có thực trạng cũng không chứng cứ. Nhật báo. Pháp ở Bắc Kỳ nhiều lần biện bạch ông vô tội mà bị vu hãm bậy, lại chỉ trích những vết xấu của ông án sát ấy; người ngoài ai cũng biết ông bị oan, nên kết án không thành, sắp thả ông ra. Năm 1908 dân các tỉnh nổi dậy, khâm sứ nghiêm sức một luật là kết án xử tử đày Côn Lôn, cha làm tham tri cũng ra lệnh cho về. Than ôi! Làm sao có những việc làm thì mình bạch như thế, mà dám to gan lớn mật buộc tội cho người để rồi xử tử!

Lại nghe nói bố chánh tỉnh Khánh Hòa Phạm Ngọc Quát sau khi đã giết tiến sĩ Trần Quý Cáp, liền được thăng tuần vũ tỉnh này; quan tỉnh này sau khi đến chức, có bắt giết 4, 5 người. Nghe nhiều người nói là oan, nhưng tôi chưa rõ họ tên và tình trạng họ ra sao.

Ngoài ra bị đày Lao Bảo và bị khổ sai tại tỉnh này khá nhiều, nhưng chưa rõ; hoặc nói chừng 4, 5 người.

I. TỈNH NGHỆ AN

Dân làng của tỉnh ấy tuy có họp nhau hai, ba xã đến những phủ, huyện gần để nài xin, nhưng cũng chưa đến tỉnh. Lại nhờ quan tổng đốc tỉnh ấy là Trần Đình Phác có phần sáng suốt, cho nên tuy có đày Côn Lôn 4, 5 người thân sĩ, lý hào, nhưng có liên

⁽¹⁾ *Ngô Đức Kế* (1878-1929), hiệu là Tập Xuyên, quán làng Trảo Nha, huyện Can Lộc (có sách chép là Thạch Hà), tỉnh Hà Tĩnh. Đậu tiến sĩ năm 1901, cùng khoa với Phan Châu Trinh, nhưng không ra làm quan, về nhà dạy học, nghiên cứu tân thư và hoạt động cho phong trào Duy Tân. Ngoài việc đề xướng cái học mới, ông còn chú trọng đến thực nghiệp, cùng Đặng Nguyên Cẩn, Lê Văn Huân thành lập Triều Dương thương điểm ở Vinh. Năm 1908, ông bị bắt, đày Côn Đảo. Năm 1921, ông ra Hà Nội chủ trương tạp chí *Hữu Thanh*, từng đả kích phong trào tấn dương *Truyện Kiều* của Phạm Quỳnh. Mất tại Hà Nội ngày 10.12.1929.

can tới việc dân biến thì không có xử chém.⁽¹⁾

Những điều oan khuất trong đó tôi chưa rõ lắm. Riêng cái án phó bảng Đặng Nguyên Cẩn của tỉnh này tôi biết hơi rõ, xin thuật qua như sau:

1. Vụ án Đặng Nguyên Cẩn. Ông Đặng Nguyên Cẩn⁽²⁾, người tỉnh Nghệ An. Năm ấy làm đốc học tỉnh Bình Thuận, bị bắt giao cho tuần vũ tỉnh Hà Tĩnh là Phạm Ngọc Quát và án sát tỉnh ấy là Cao Ngọc Lễ xét, kết án xử tử đầy Côn Lôn. Tuy đến nay chưa biết ông ấy liên can tới việc gì, bị bắt vào tội gì, nhưng căn cứ vào những điều bày tỏ dưới đây⁽³⁾, thì nỗi oan không hỏi cũng biết.

2. Nỗi oan của án ấy. Ông Đặng Nguyên Cẩn dẫu có mắc tội, nhưng ông ấy là người trong đám khoa mục, lại đang làm đốc học một tỉnh. Nếu khi bắt không hỏi mà giết đi như tiến sĩ Trần giáo thụ thì cũng thôi. Đã bắt giải đi để đợi xét hỏi, tuy muốn cho phải chết, cũng phải giải về Kinh hỏi rõ, làm án, thì mới hợp lệ. Bằng không, thì giải về nguyên quán của ông ấy là tỉnh Nghệ An hỏi, làm án, thì mới hợp cách. Nay bỗng giải giao cho quan tỉnh Hà Tĩnh xét xử, là ý là sao? Có phải vì tuần vũ tỉnh ấy là Phạm Ngọc Quát tháng trước đã từng giết tiến sĩ Trần Quý Cáp và án sát tỉnh ấy là Cao Ngọc Lễ năm qua đã vu hãm tiến sĩ Ngô Đức Kế, hai người ấy có bụng dạ đặc biệt, nên quan khâm sứ mới giao cho xử cái án ấy chăng?

⁽¹⁾ Trong Vụ kháng thuế ở Trung Kỳ năm 1908, Huỳnh Thúc Kháng có viết sự bắt, giết các thân sĩ Nghệ Tĩnh như sau: “Vụ này Hà Tĩnh có Trịnh Khắc Lập, Nghệ An có Nguyễn Hàng Chi là hai tay học cứng, quan trường cho là tội khôi nên bị tử hình. Còn đồng thời bị đầy ra Côn Lôn với đốc học Đặng Nguyên Cẩn, tẩn sĩ Ngô Đức Kế, cử nhân Đặng Văn Bá, Lê Văn Huân (ba ông bị bắt trước vụ cự sưu), có Đỗ Tịnh, Đội Phương (cựu đảng Cần Vương), Lý Hạ Lôi, Lý Tư, Hương Hạp”.

⁽²⁾ *Đặng Nguyên Cẩn* (1866-1928), hiệu là Thai Sơn, người làng Lương Điền (có sách chép là Xuân Triều), huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Đậu phó bảng năm 1895, làm giáo thụ Hưng Nguyên, đốc học Nghệ An, rồi đốc học Bình Thuận. Là bạn thân của Phan Bội Châu nhưng ông hoạt động theo phái Duy Tân, cùng Ngô Đức Kế, Lê Văn Huân lập Triều Dương thương điểm ở Vinh, rồi lập Liên Thành công ty ở Bình Thuận. Năm 1908, ông bị bắt, đầy Côn Đảo, năm 1921, được tha một lần với Ngô Đức Kế. Vì đau ốm luôn, hai năm sau ông mất tại quê nhà.

⁽³⁾ *Những điều bày tỏ dưới đây*: Di thảo chép “cứ thượng sở trần”; có lẽ tác giả viết lầm từ “cứ hạ sở trần”.

Nói rằng hai người ấy tuy tâm thuật bất chính nhưng giỏi luật pháp, có thể giao cho xử án nặng hay chăng? Thì Phạm Ngọc Quát vì tập ấm cha mà được làm quan, Cao Ngọc Lễ vì vụ hãm thầy mà được lên chức⁽¹⁾. Hai người ấy ngày thường đi đến đâu, nhân dân đều ta oán. Quan Nam người nào hơi hiểu sự lý cũng coi rẻ cách làm người của họ. Vậy khâm sứ thấy họ có gì đáng dùng mà giao cho xử cái án nặng ấy? Không phải là vì họ dám giết người hay sao? Than ôi! Lấy đó mà suy, thì nỗi oan không biện bạch cũng tự rõ vậy.

3. Tình hình quan binh sách nhiễu... Lại nghe nói ở tỉnh ấy, lúc bấy giờ hễ xã, thôn nào có xin xâu và có trường học, thì quan binh khố xanh đến đóng lại ba ngày hoặc bốn ngày, bắt phạt đến dân làng phải dọn cơm rượu. Lính tập thừa thế bắt cướp cả gà, chó. Dân càng không chịu nổi, có kẻ muốn nổi loạn.

Bọn bất lương thừa cơ nổi dậy làm ngang, dân làng càng thêm rối loạn. Chạy đi báo quan binh tới, thì giặc đã đi nơi khác. Quan binh quả trách báo cáo không sớm, lại đóng binh ba, bốn ngày, phạt cơm rượu.

Giặc đi thì lính đến, không bên nào hơn bên nào, đều lấy việc nhiễu hại cướp bóc làm kế hoạch thứ nhất. Than ôi! Nhân dân có tội gì mà gặp phải nỗi khổ đến thế? Nghe nói đến nay bọn ấy còn ẩn nấp trong núi rừng, quan binh không làm gì được, chỉ có dân làng là phải gánh nặng nề mấy phen cơm rượu và chịu hai tầng khổ hại mà thôi! Đường sau mờ mịt, làm sao mà chịu cho thấu!

K. TỈNH THANH HÓA

Nghe nói dân làng trong tỉnh ấy tuy có họp nhau một hai xã, nhưng chưa đến tỉnh. Nhưng lúc bấy giờ công sứ tỉnh ấy bắt thân

⁽¹⁾ Nc: “Cao Ngọc Lễ là học trò của Tống Duy Tân. Năm Ất Dậu [tức năm 1885]. Tống Duy Tân theo thân sĩ khởi nghĩa. Về sau biết việc chẳng thành, muốn ra thú mà không biết cậy ai. Nghe nói Cao Ngọc Lễ là người đi theo quan Pháp, cho nên sai người tìm đến Ngọc Lễ, nhờ tên ấy nói trước với quan Pháp để ông ra thú cho tiện. Tên ấy giả dối nhận lời, lại bảo ông Tống chờ ở chỗ nọ. Ông tin theo lời nó. Tên ấy đến quan Pháp để xin lính vây bắt. Tên ấy vì tự mình bắt được, sợ ông Tống tố cáo sự việc, nên xin giết gấp ông đi. Sau nhờ công đó, nó được làm quan. Việc này, ai cũng biết”.

sĩ giam kỹ, đánh đập dữ, có người bị đánh đến một, hai trăm roi. Lúc ấy quan bố chánh tỉnh là Nguyễn Đình được lệnh tra xét. Quan tỉnh ấy thấy đánh đập thái quá, liền phản đối với công sứ rằng: “Việc không có bằng chứng thật mà muốn đánh chết người, thì chẳng là thúc giục người ta làm giặc hay sao?” Bèn không chịu dự tra, sau nhân cáo bệnh mà về⁽¹⁾. Quan khác tới thay đều kết án nặng, xử tử đày Côn Lôn.

Khi tôi ở Côn Lôn, thấy giải đến năm, sáu thân sĩ, hai mông sưng tấy lên, máu thịt dầm dề nhiều người bước đi không nổi, thật hết sức thảm khốc!

V. THÂM TRẠNG LÚC ĐI ĐÀY

Lúc dẫn đi đày duy thân sĩ Quảng Nam là có hơi thông thả. Các tỉnh khác, tuy có ngược đãi, cũng không đến nỗi quá lắm. Chỉ có thân sĩ hai tỉnh Hà Tĩnh, Nghệ An giao cho quan binh áp giải, thì mỗi người đều bị lấy dây thừng to bằng ngón tay trói quặt tay chân ra sau lưng, không cho cựa quậy. Sau khi xuống tàu, cũng không chịu nổi lỏng, cùm làm dây trên mặt hầm tàu. Khát không cho uống, mưa to gió lớn mặt hầm ướt cả, cũng không cho dời đi. Có người kêu khổ, van đau!

NGUYỄN VĂN DƯƠNG dịch

⁽¹⁾ Nc: “Nghe nói nay bổ lại ở Thừa Thiên, chưa biết chức gì”.

THƯ GỬI LƯƠNG VĂN CAN⁽¹⁾

Dịch lại từ bản sao dịch⁽²⁾ ngày 10.3.1912 tại Pháp

Ngày 25.1 tôi có nhận được thư bác và một thư của ông Nguyễn tôi chưa kịp trả lời bác thì 20 ngày sau lại nhận tiếp được một thư bác (do ông Pháp Thuật đưa⁽³⁾). Đọc xong tôi rất cảm tạ bác. Tôi biết mặc dầu có nhiều chuyện đã xảy ra, tấm lòng của bác vẫn không nguội lạnh. Tôi rất mừng cho đồng bào trong nước. Tôi lại được biết bác sẽ viết rõ mọi sự khổ ải trong nước mình để gửi cho ông Pháp Thuật⁽⁴⁾ (Quan ba Roux?). Đó là một việc tốt, nếu bác không làm thì ai sẽ làm. Ngày đêm tôi mong bản thảo (manuscrit) đó sẽ được viết xong.

Về thư của ông Nguyễn⁽⁵⁾, sau khi đọc tôi thấy ông ta nói về những sự nhùng nhậm hiện nay. Tôi kính trọng và yêu mến tác giả của thư ấy. Nhưng ông ta phải nhờ ai dịch ra (tiếng Pháp) và gửi thẳng đến Bộ Thuộc địa và Hạ viện. Như vậy thì tốt hơn, có lợi hơn. Tôi không thể đem thư ấy đến nhà cầm quyền vì:

1. Ở đây việc nhờ dịch thư đó rất khó (đồng bào mình đang học ở đây rất bận bịu, người có chút thời gian rảnh lại không dịch nổi).

⁽¹⁾ Thư Phan Châu Trinh gửi Lương Văn Can ở đường Hàng Đào - Hà Nội (trong bản tiếng Pháp ghi là Lương Ngọc Can).

⁽²⁾ Ở đầu tài liệu có bút ghi: "Lương Ngọc Can tức Cử Can là chủ tịch của Đông Kinh Nghĩa Thục".

⁽³⁾ Mỏ ngọc là chữa trống trong bản sao dịch, biểu hiện sự nghi ngờ về tên người này.

⁽⁴⁾ Bên cạnh chữ Pháp Thuật có bút ghi rõ "quan ba Roux?" và gạch đậm dưới chữ Pháp Thuật.

⁽⁵⁾ Có nhiều khả năng là ông Nguyễn Quyền, yếu nhân trong Đông Kinh Nghĩa Thục.

2. Tôi nói với nhà cầm quyền mọi điều tôi biết, vì vậy bọn thù nghịch cho rằng chỉ có mình tôi nói chớ không phải là lời của dân Nam. Tôi luôn mong mỗi các thân sĩ có lòng trong nước gấp gấp gởi thư, càng nhiều càng tốt. Trước hết để cho bọn thù nghịch không nói gì được nữa, sau đó là để gây xúc động trong những giới có thẩm quyền và để cứu nước ta. Vì đó là thư của Nguyễn nên nếu tự tôi chuyển đến nhà cầm quyền thì cũng giống như là một trong các thư của tôi vậy, có nói người ta cũng không tin.

Tôi mong ông Nguyễn sẽ kiên định, không thối lộ với bất cứ một ai và làm ngay điều mà ông nói. Như vậy sẽ phước cho dân mình lắm.

Hiện nay đảng lớn đang cầm quyền ở Pháp rất muốn tiến hành nhiều cải cách ở nước ta. Nhưng dân ta lại lặng thinh, bằng lòng và không muốn đòi hỏi sửa đổi. Vì vậy đảng đối lập lấy cớ ấy để phản đối. Tôi nói không ăn thua gì, một tay làm sao mà vỗ nên bộp được. Tôi mong các thân sĩ có nhiệt huyết biết tình thế đó hợp sức với nhau mà viết lên những bản thỉnh cầu để thoát cảnh hiểm nghèo. Nhưng bọn mình hay do dự, sợ quan chức như sợ cọp. Một mình tôi thì làm gì nổi!

Ôi, thời cơ thuận lợi đã đến, đây là lúc trời không nở diệt nòi giống ta và cơ hội như treo đầu sọ tóc. Còn chờ gì mà không lợi dụng cơ hội này.

Bác ôi! để cho nhiệt huyết tôi nguội lạnh đi sao? Để cho hi vọng tôi tắt đi sao? Bà con mình không còn chút nhiệt huyết nào nữa chẳng?

Tôi đang học tiếng Pháp. Chính là để có thể nói với nhà cầm quyền tất cả những bất công mà các thân sĩ xứ An Nam ta ở miền Trung đang chịu. Tôi không thể làm được việc gì khác, nhưng lòng tôi không hề thay đổi. Đây quả là một công việc rất hệ trọng vậy mà chỉ để cho một kẻ hèn nhỏ (simple lettré) phải gánh và trong nước không ai giúp! Phần tôi, tôi không hề dám quên bà con đã giải thoát tôi! Nhưng bác ơi, trên đời này, làm sao ngọn bút và cái lưỡi của một nho sĩ có thể ngăn được những làn sóng dữ?

Ở đây tôi có dịp được ngắm tượng của các vĩ nhân thời trước của nước Pháp đã đổ máu cho dân tộc tự do. Tôi đã tức cảnh sinh tình viết mấy câu sau:

*"Nước này đã đi đầu dựng quyền dân
Đã mua tự do bằng hàng triệu sinh mạng
Cười cho kẻ cuồng nho không kinh nghiệm*

Muốn dùng ngọn bút và lưỡi lê để quay ngược dòng nước dữ"

*Bác đã quý nhiệt huyết của tôi, nay nếu bà con mình đồng
tâm nhất trí kiên quyết đưa yêu sách rõ ràng thì tôi sẽ hết lòng hỗ
trợ. Đó là điều tôi luôn luôn mong mỏi.*

*Tôi xin bác tìm cơ hội chuyển thư này đến những bạn đồng
tâm, đồng chí của chúng ta. Cuối cùng, xin bác chuyển lời tôi chúc
cho ông Babut và các vị trong Liên minh Nhân quyền được an
khang⁽¹⁾*

Ngày Tây: mồng 10 tháng 3 năm 1912

PHAN CHÂU TRINH

Sao nguyên văn

** Có chữ ký "đã xem" của giám đốc Sở các vấn đề chính trị và
dân bản xứ tại Phủ Toàn quyền. Tên ký không rõ*

Người sao: P.ARNOUX⁽²⁾

(Theo Lê Thị Kinh. Sdd)

⁽¹⁾ Nét gạch đậm dưới đoạn thăm Babut và các vị trong Liên minh Nhân quyền cũng như các bút ghi lưu ý ở các phần trên đều là của người đọc tại Bộ Thuộc địa (PTM).

⁽²⁾ Là một nhân vật kỳ cựu trong Sở Mật thám Đông Dương, năm 1919 chuyển về Pháp chuyên trách dõi người Đông Dương, cuối 1925 trở lại Sài Gòn (theo dõi Phan Châu Trinh).

THƯ TRẢ LỜI CAPUS⁽¹⁾

Ở thành Paris ngày 15 tháng 6 năm 1912

Bẩm quan lớn,

Bữa nay tôi có được cái thơ quan lớn bảo tôi phải mau sửa soạn đi neufchatel-en-Bray ở gần Dieppe. Cái việc đó tôi đã kể hết sự tình của tôi với quan phó đầu phòng Thuộc địa Thượng thư⁽²⁾, đã nhờ quan cai trị Guénot nói lại rõ ràng, tưởng quan lớn cũng đã rõ cái bụng tôi rồi. Bữa nay tôi cũng xin trả lời như bữa trước. Còn bây giờ tôi ở đây còn mắc nhiều việc lắm chưa có thể đi được. Khi nào đi được tôi hãy xin trình quan lớn biết.

Sau tôi xin chúc quan lớn được mạnh giỏi như thường.

TRINH

(Theo Lê Thị Kinh - Sdd)

⁽¹⁾ Bằng quốc ngữ, đánh máy trên giấy tiêu đề của Vụ Thuộc địa, thêm dấu bằng nét bút mực viết tay. Cuối thư chỉ ghi "Trinh" không có chữ ký.

⁽²⁾ Tức là Phó văn phòng Bộ Thuộc địa Pierre Guesde lúc đầu có nhiều thiện cảm với Phan Châu Trinh, về sau vẫn không xấu lắm.

TRUNG KỲ ĐIỀN THỔ THUẾ NGẠCH HÀ TRỌNG THUYẾT MẠT CHI TÌNH HÌNH

(Tình hình đầu đuôi về sự hà khắc
của ngạch thuế ruộng đất ở Trung Kỳ)

GIỚI THIỆU

Đây là một "chuyên khảo" của Phan Châu Trinh về tình hình Thuế-Sưu- Dịch hà khắc ở xứ Trung Kỳ được trình bày khá chi tiết và đầy đủ về cả ba mặt: thuế ruộng đất (điền thổ), thuế đinh (cũng gọi là thuế thân của các suất đinh) và thuế tạp dịch (tức "làm trâu"). Theo tác giả, "thuế điền thổ và các khoản sưu dịch ở Trung Kỳ ngày một tăng thêm mãi, quá nặng, dân không chịu nổi". Và chỉ khảo sát kỹ một tỉnh Quảng Nam, thì có thể suy rộng ra cả xứ Trung Kỳ, mà đã biết Trung Kỳ thì không hỏi cũng biết được Bắc Kỳ. Từ đó mà thấy hết được mọi "sự tệ ở trong cái tệ, sự khổ ở trong cái khổ, chẳng những thêm đinh, còn thêm sưu dịch. Ngạch thuế phiên hà ngày càng thêm mãi, thật rất khốn đốn, mà cảnh tượng lạ lùng trong đó không ai biết được".

Nội dung chuyên khảo này, tác giả đề cập 3 phần lớn;

1. *Thuế ruộng đất* gồm các mục:

1. Đại lược về thứ bậc ngạch thuế ruộng đất và về thời kỳ thu thuế.
2. Đại lược về sổ bộ ruộng đất của quan thời xưa.
3. So sánh thuế suất nhiều hay ít giữa cách tính tiền và thóc thuế ruộng đất thời trước với thời kỳ mới gia thuế.
4. Tình hình thảm khốc rối loạn thời kỳ gia tăng cùng số mẫu ruộng và thứ hạng không minh bạch.
5. So sánh tình hình tăng thuế, tăng ruộng đất phiên nhiều nặng nề và thuế suất cả năm nhiều hay ít.
6. Tình cảnh khổ sở do kỳ hạn thuế ngắn gấp liên quan đến các thứ tệ nạn lúc thu thuế.
7. Thuỷ lợi xưa và nay thay đổi và thứ bậc thực tại của ruộng đất liên quan đến thuế suất nặng hay nhẹ.
8. Khí hậu xưa và nay thay đổi liên quan đến lợi hại về thuế suất nông nghiệp.
9. Đại lược về nông vụ, cách làm ruộng xưa và nay thay đổi liên quan đến lợi hại của thuế suất.
10. Lý do thời trước khai thác ruộng đất nhiều hay ít so với khai thác sau này.
11. Sự lợi hại của thời kỳ giá thóc lên xuống liên quan đến phép thuế kỳ thuế.

12. Sự lợi hại của lý do giá bạc cao thấp liên quan đến phép thuế kỳ thuế.

13. Sự lợi hại của lệ vay lãi nặng thời trước liên quan đến phép thuế kỳ thuế.

14. Phụ ghi đầu đuôi về ngân hàng nông nghiệp Đông Dương.

15. Nguồn bạc eo hẹp và cái hại liên quan đến phép thuế nông nghiệp.

16. Lý do trộm cắp liên quan đến nỗi khổ lụy của thuế nông nghiệp.

II. *Thuế đình* gồm các mục:

1. Đại lược về thuế suất dân đình nước Nam thời trước.

2. Thuế suất

3. So sánh thuế suất nặng nhẹ khi tăng đình tăng thuế và tình hình bóc lột nặng nề của dân nghèo.

III. *Phép sưu dịch* gồm các mục:

1. Đại lược về phép sưu dịch xưa nay.

2. Sự phiền nhiễu của phép sưu dịch.

3. Sự bất định của tiền công về thời kỳ sưu dịch

4. Thực trạng khổ lụy của tạp dịch.

5. Thực trạng khổ lụy về sưu dịch công ích.

6. Tình trạng khổ lụy trong việc thuê mướn lao dịch.

7. Lý do của việc tạp dịch nhiễu loạn.

Thông qua nội dung trên đây, chúng ta càng thấy tâm huyết của nhà chí sĩ đối với thực trạng "sưu cao thuế nặng" mà nông dân nước ta phải gánh chịu. Chuyên khảo này có giá trị như một bản cáo trạng đối với chính quyền cai trị đương thời. Bằng công trình này, một lần nữa Phan Châu Trinh muốn nói lên khía cạnh phải đấu tranh với tầng lớp thống trị (Thực dân và quan lại Nam Triều) để đòi lại quyền dân chủ- nhân quyền và lẽ công bằng cho đông đảo nông dân nghèo khổ, một tầng lớp xã hội chiếm đại đa số nhân dân Việt Nam.

Chuyên khảo gồm 3 phần, chia làm 26 tiểu mục. Trước đây, trong *Tuyển tập Phan Châu Trinh* do Nguyễn Văn Dương biên soạn (Nxb Đà Nẵng. 1995) đã được Phan Đình Liệu, Lê Văn Hoàng và Nguyễn Văn Dương tuyển dịch được 9 tiểu mục ở phần I: *Thuế ruộng đất* 5 tiểu mục: 1, 2, 7, 8, 9 và ở phần III: *Phép sưu dịch* 4 tiểu mục: 1, 2, 3, 4. Còn lại 17 tiểu mục gồm 11 tiểu mục ở phần I (3, 4, 5, 6, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16) 3 tiểu mục ở phần II (1, 2, 3) và 3 tiểu mục ở phần III (5, 6, 7) đều do Chương Thâu và Đỗ Quang Liên dịch tiếp.

TÌNH HÌNH ĐẦU ĐUÔI VỀ SỰ HÀ KHẮC CỦA NGẠCH THUẾ RUỘNG ĐẤT Ở TRUNG KỲ

Thuế điền thổ và các khoản sưu ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ thêm mãi quá nặng, dân không chịu nổi, đến nay người Pháp không ai không biết, nhưng chỉ biết qua mà thôi. Còn như sự tệ ở trong cái tệ, sự khổ ở trong cái khổ, chẳng những thêm thuế, lại cũng thêm ruộng, chẳng những thêm đinh, còn thêm sưu dịch, ngạch thuế phiên hà ngày càng thêm mãi, thật rất khốn đốn, mà cảnh tượng lạ lùng trong đó không ai biết được!

Tôi người tỉnh Quảng Nam, xin đưa tỉnh Quảng Nam ra mà nói, thì có thể biết được cả Trung Kỳ. Mà đã biết Trung Kỳ, thì không hỏi cũng biết được Bắc Kỳ. Người nước Đại Pháp bác ái, bình đẳng đọc sách này, chắc không khỏi đau lòng mà rơi lụy.

I. THUẾ RUỘNG ĐẤT

1. Đại lược về thứ bậc ngạch thuế ruộng đất và về thời kỳ thu thuế

Thời trước, ruộng đất nước Nam định thành từng mẫu, đo theo thước của quan, mỗi thước quan bằng 4 tấc 2, 3 phân của thước tây. Nếu lấy mỗi mẫu ruộng đất ở Nam Kỳ bằng một vạn thước tây làm chuẩn, thì mỗi mẫu ở đây chỉ bằng ba phần mười.

Ruộng chia làm ba hạng, đất chia làm sáu hạng. Đó là nói

chung. Nói tỉ mỉ, thì ruộng có hơn 10 hạng: ruộng công, ruộng tư, ruộng nước, ruộng cạn, ruộng trang, ruộng trại, ruộng núi, ruộng cỏ, ruộng mới, ruộng cũ; đất cũng có hơn 20 hạng: đất nhà, đất vườn, đất bãi, đất trồng dâu, đất trồng rau, đất trồng khoai đậu, đất bờ dốc, đất rừng, đất đầm, đất phù sa, đất cát trắng, đất cỏ tranh...

Việc định ngạch thuế, thì cứ xem hiện thời thu được nhiều ít rồi định suất thuế cao hạ. Thuế thì có người toàn nộp bằng tiền, lại có người toàn nộp bằng lúa. Người nộp tiền thì thu tiền, nộp lúa thì thu lúa, gồm cả hai thứ, các hạng nhiều ít không đều nhau. Nói tóm lại, mỗi mẫu ruộng hạng nhất, nếu toàn nộp bằng lúa, cũng chỉ trên dưới 10 vuông⁽¹⁾ hạng dưới thì chỉ nộp 1, 2 vuông mà thôi. Toàn nộp bằng tiền, mỗi mẫu nhiều lắm thì 5, 6 quan, ít thì trên dưới 1 quan⁽²⁾. Còn như đất toàn nộp bằng tiền, hạng nhất thì trên dưới 4 quan, hạng chót thì 1, 2 tiền, tính theo bạc là 1 xu rưỡi, có khi cũng không được giá đó.

Vụ thu thuế thì sớm chiều trong khi gặt phải thu. Giá lúa cao hạ, lấy tiền mà định giá lúa. Đem nộp được nhiều ít, thu nộp có kẻ trước người sau. Cho nên có khi thu về vụ hè, có khi thu về vụ đông, lại có khi thu cả hai vụ một lần.

Về cách thu nộp, mỗi năm chia làm hai kỳ, mỗi kỳ 3, 4 lần. Khi đem nộp, thì thương tình nhà nông, tùy thời mà làm việc.

2. Đại lược về sổ bộ ruộng đất của quan thời xưa

Nước Nam từ trước đến nay, mọi việc không hề ngó lại, chính trị của dân bỏ luống. Sổ ruộng có khi hai, ba mươi năm không sửa lại, chẳng qua tùy thời đi khám mà thôi, xưa là ruộng hạng nhất, nay thành đất khô. Cũng có khi xưa là ruộng đất, nay thành một con sông; cũng có khi đất ở rừng núi mới khẩn mà chưa ghi vào sổ. Lại thêm quan lại không giữ chức vụ, chỉ lo hối lộ, đáng ra là phải đi khám việc công, nhưng chỉ sai kẻ dưới làm thay, rồi mẫu ruộng

⁽¹⁾ Nc: "Cũng có khi đến 12 vuông nhưng rất ít".

⁽²⁾ Nc: "Vì giá lúa lúc đó rất hạ, mỗi vuông lúa giá 5, 6 xu, nếu nộp bằng tiền thì mỗi quan tính theo giá bạc chỉ được 1 hào 5 xu".

rộng hẹp theo số tiền đứt lót mà thêm bớt. Có khi thật ra ruộng đất số nhiều mà trong bộ lại rất ít, hoặc chỉ có số ít mà trong bộ lại nhiều⁽¹⁾. Hiện nay theo bộ cũ mà có ghi thứ bậc ruộng đất cao thấp, số mẫu nhiều ít, trong thời loạn này, chẳng qua chỉ là hư văn trên giấy tờ mà thôi, chứ số ruộng đất không thật đúng như thế.

3. So sánh thuế suất nhiều hay ít giữa cách tính tiền và thóc thuế ruộng đất thời trước với thời kỳ mới gia thuế.

Nước Nam thời trước, quan lại binh lính lương bổng được cấp phát hiện vật nhiều, tiền lĩnh thì ít. Phương pháp tính thuế ruộng đất thời xưa cũng nhân theo thế. Gia dĩ... năm thường được mùa, giá thóc rất thấp. Số lượng tuy nhiều nhưng so với tiền lại ít, gặp năm mất mùa, dân cũng dễ đóng nộp. Đôi khi không kham nổi thì giảm một, hai phần, hay giảm một nửa hoặc nhiều hơn; có khi miễn cả, có khi cho chịu. Thời trước đã không có biểu dự toán xuất, nhập hằng năm, cho nên du di cũng dễ. Nếu không dùng phương pháp ấy, trừ phi có cải lương nông điền (thuỷ lợi)... cũng không có phương pháp nào tốt hơn.

Niên hiệu Thành Thái năm thứ bảy, thứ tám trở về trước, thường gặp hạn hán, giá thóc nâng cao, bỏ thóc nộp tiền, dân phải chịu gánh nặng (Xét quan Pháp bảo thuế so với nước Nam thời trước thì có nhẹ hơn, ý nói chỗ này) vì thế cái lệ dân chiếu nộp bằng tiền (mỗi mẫu sáu, bảy quan) lấy tiền thay thóc mà thôi.

Lúc đó hạng thuế ruộng đất còn do quan Nam giám thu, các loại phí tổn hư hao, lễ lạt tính cho mỗi mẫu nhiều ít không giống nhau, đại khái ruộng thượng đẳng trên dưới tám quan, trị giá với tiền bạc ở Quảng Nam là một đồng, hai ba hào (từ đây xuống dưới, giá tiền bạc đều tính theo tỉnh Quảng Nam) (mà lúc đó chỉ nộp trên dưới một đồng một hào, bởi vì đương thời tiền bạc tiêu dùng trong dân gian còn ít, giá bạc còn cao, mỗi đồng trị giá trên dưới chín quan tiền Nam). Ruộng đất hạng ba, bốn tiền trị giá

⁽¹⁾ Nguyên chú: "Vì các lẽ đó cho nên làng tôi xưa mỗi năm hai mươi mẫu không thuế, mà nay lên đến hai, ba trăm mẫu".

năm, sáu tiền xu đồng thôi.

Năm 1897, thuế ruộng mới do Toà sứ chiếu theo phép cũ chuẩn bổ tiền thóc, thuế nộp bằng tiền bạc (Lúc đầu định thượng đẳng điền mỗi mẫu một đồng năm hào, trung đẳng trở xuống giảm dần. Thượng hạng hai đồng năm hào, trung đẳng trở xuống giảm dần) mà lúc đó tiền bạc lưu thông còn ít, giá tiền khá cao, mỗi đồng trị giá trên dưới tám, chín quan tiền Nam (hiện nay chỉ trên dưới bảy quan), nông dân lại càng khổ luy.

4. Tình hình thảm khốc rối loạn thời kỳ tính thêm (gia tăng) cùng số mẫu ruộng và thứ hạng không minh bạch.

Năm 1898, công sứ các tỉnh ủy quyền cho các quan Nam súc cho các xã dân, phận ai có ruộng đất rộng thêm hạn trong ba, bốn tháng tự đến khai báo để quan làm trước bạ, nhân dân dỗi trá... (... không dỗi trá thì khó sinh tồn, các nước đều thế, không riêng gì người Nam). Ai khai thực, quan lại cũng sách nhiễu lấy tiền, ai dám biện bạch rõ sự thật. Trong khoảng vài tháng, dân xã lấy số mẫu ruộng ít để khai báo cho xong việc, cũng là thế tất nhiên phải vậy.

Rồi thì nghiêm sức cho phủ, huyện dùng phương pháp lấy cung, đòi hỏi nghiêm ngặt nội trong hai tháng phải khám báo hết số ruộng (Xét: quan Tây ra thông sức đó chẳng qua là dỗi người thôi, sao có thể khám hết ruộng đất trong hạn hai tháng, nếu nói việc đó là dễ thì quốc gia sao không đo lại, mà khiến dân tự đo đạc lấy). Phàm quan lại nhân từ thì không nỡ làm những việc bạo ngược; kẻ không thể thì đưa tất cả lên quan toà, bởi vậy, chúng càng không kiêng sợ, dân xã không kêu đau được, gông trói dọa dẫm, roi gậy vút xuống (Lúc đó, Lý trưởng xã tôi gông giam ba tháng liền bốn người, đánh ba trăm roi, máu thịt tơi bời, đến nay nghe nói còn run). Lo gì ruộng không nhiều, của không đủ, phàm là người Nam càng không còn đường sống.

Tăng thêm nhiều ít tùy quan chỉ định, có ai biện bạch, lập tức bị tù tội, quan lại thừa thế, tệt hại trăm đường. Tùy theo hối lộ nhiều hay ít mà ruộng có hay không, có người trăm mẫu phải tăng gấp đôi, có người tăng một nửa, có người tăng 3 phần mười. Số

mẫu của sổ sách trước đều giống nhau nhưng tính thêm thì nhẹ, nặng không đồng nhất. Đến như lúc phân biệt cấp bậc nhất nhất phải nghe quan. Có tiền thì số ruộng ít mà số đất nhiều, ruộng đất lại phân nhiều ghi vào mặt hạng. Không tiền thì số ruộng nhiều mà số đất ít, lại phân ghi vào hạng thượng và trung. Liên tục ba năm tính thêm và phân hạng đều dùng theo cách đó. Hiện nay sổ sách mới rối như tơ vò. Không tìm đâu lấy đúng sự thực, so với sự nhầm lẫn rối loạn của sổ sách cũ nước Nam thì lại tăng gấp đôi.

5. So sánh tình hình tăng thuế, tăng hạng ruộng đất phiên nhiều nặng nề và thuế suất cả năm nhiều hay ít.

Cứ tình hình lúc gia tăng mà nói thì phần thêm nhiều, phần bớt ít. Lấy số trung bình thì Trung Kỳ ruộng đất cứ trăm mẫu thêm lên năm mươi mẫu, tăng ruộng đất thật là quái dị. Lấy cấp bậc ruộng lúc mới tăng thuế so với thời trước thì mỗi mẫu hạng nhất là một đồng năm hào, người dân có một mẫu ruộng bây giờ phải nộp thuế một mẫu năm sào thì thượng đẳng điền một mẫu phải nộp hai đồng hai hào năm xu, đúng là ngạch thuế đã không lường được.

Tuy nhiên thời đó ở Đông Dương chính là thời kỳ bay nhảy của các tay chính trị gia, mời đón cất nhắc thầy bạn càng nhiều càng khéo, ngạch quan đã đông, nhu dụng càng nhiều, thêm nữa không biết đâu để kê cứu, bảo là một chút ngạch thuế đủ cung cấp cho bọn quan trường phung phá, nói sao dễ dàng, vì thế mà hằng năm phương pháp gia tăng thuế theo hạng ruộng nối tiếp cao thêm.

Từ đó về sau, liên bốn năm năm, lần lượt tăng mười phần trăm, năm phần trăm, ba phần trăm, hai phần trăm, một phần trăm không chừng. Đến năm 1908 là thời kỳ dân biến ở Trung Kỳ, mới thôi. Cứ thế mà tính thì trước ruộng thượng hạng nộp hai đồng hai hào năm xu, nay lại tăng đến hai đồng bảy hào, đến trên 3 đồng; các bậc ruộng đất khác cũng có thể biết được.

Ruộng đất tăng, thuế lại tăng, sức nông dân có hạn, lòng ham muốn không cùng, biển xanh chưa biến thành ruộng, chốn nào để lấy thêm.

Từ năm 1899 trở về sau, hằng năm đều dùng phép lên hạng, phàm sổ mới hay cũ ghi ruộng hạng hai, đem một nửa nâng lên hạng nhất, hạng ba cũng đem một nửa nâng lên hạng hai, hạng đất cũng thế. Lại bỏ hai hạng năm và sáu, đều ghi vào hạng bốn cả. Sau lại đem ruộng hạng hai nâng hết lên hạng nhất, ruộng hạng ba nâng hết lên hạng hai, nay gọi là ruộng hạng ba đều là hư số treo trong thời kỳ nâng thêm ấy. Tự trung thực điền đã đều đưa vào hạng một, hạng hai; cũng có nhiều xã thôn không đưa đều vào hai hạng, thì số ruộng đều đưa vào hạng nhất. Phương pháp nâng thêm hạng đất cũng như thế.

Cứ thế mà tính trước đã thêm tiền thuế tám chín hào đối với ruộng hạng hai, năm sáu hào đối với ruộng hạng ba. Nay cứ mỗi ruộng hạng nhất cũng chịu hai đồng, bảy tám hào đến 3 đồng thuế suất, số bạc tăng thêm còn có thể ghi chép nữa chẳng!

Đã thêm lại thêm, đã tăng lại tăng, nhưng ruộng đất chỉ có số đó... Lấy giá bạc ở Quảng Nam, Trung Kỳ mỗi đồng trị giá bảy quan, năm tiền, tiền Nam mà so sánh với thuế suất thời trước thì hạng nhất đã tăng lên gấp ba, bốn lần... Lấy ruộng Nam Kỳ một vạn mét vuông một năm chỉ nộp hai đồng năm hào thì gấp đến năm lần. Thuế suất quá nặng chẳng cũng quái đản lắm sao? (Xã tôi thời trước ruộng hằng năm nộp... nay ruộng nộp một nghìn năm trăm đồng. .. Tính ra thực đã gấp mười lăm lần...)

6. Tình cảnh khổ sở do kỳ hạn thuế ngắn gấp liên quan đến các thứ tệ nạn lúc thu thuế:

Thời trước nước Nam thuế cả năm chia làm hai kỳ, mỗi kỳ hai ba lần thu nộp, thực không phải là nung nịu, bởi đã hiểu sâu cảnh khổ của nông dân Trung Kỳ, phép hay ý tốt không gì hơn thế. Từ ngày quan Tây tăng thuế đến giờ, lúc đầu cũng định hai kỳ, mỗi kỳ trên dưới ba tháng một lần thu nộp (thuế, kỳ hạn ngắn, dân không kham nổi). Nếu chính lệnh nhất định mỗi kỳ ba bốn tháng thì dân có thể ca múa không thôi. Nhưng giới quan trường ở Đông Dương rối loạn như tơ, dân với quan tựa hồ nước với lửa. Dân bảo là "khổ quan" vì vấn đề thuế dịch nhiều ít, thiếu đủ tức bị quan trường trách phạt, đưa công lệnh xuống, thuế càng tăng

nhiều, thu càng nhanh chóng. Dầu tiếng xấu dội đến, việc dở lời ra, mà việc thăng quan, thêm bổng y nguyên như cũ, giàu sang thúc đẩy con người đến thế, đủ khiến họ hướng lên cấp trên mà không thấu tình người. Cách nhau không xa, quan Tây như thế, thì chuyện thường ngày rất kính tin quan Nam khỏi cần phải hỏi nữa. Bởi thế kỳ hạn nộp thuế càng bị thôi thúc, nông dân lại thêm một lần khổ sở.

Quan Tây biết thuế ruộng quá nặng, hằng năm liên tục thất thu, mỗi vụ xuất ra không đủ cung dưỡng, nếu nới rộng kỳ hạn một chút là thóc lập tức hết ngay, sao bằng xuống tay trước. Vì vậy ép dân vào chỗ cùng khốn, quan không thể không có tiền để cung đốn tiêu pha. Đến thời kỳ thu hoạch, không xét được mùa hay mất mùa, giá thóc cao hay hạ, nhất nhất thu róc, nghiêm hạn một kỳ nộp đủ, mỗi kỳ nộp chóng thì một tháng, chậm thì hai tháng. Tuy là trong giấy thu thuế năm ghi rõ hai kỳ, chẳng qua là nói suông, pháp luật còn chẳng có bằng cứ, huống là chút hư văn ấy ư!

Lệnh quan dầu nghiêm, giá thóc đã hạ, kỳ hạn lại gấp, lấy đâu ra bạc, thuế khó thanh toán, thế tất như vậy. Bèn lập ra phép kiểm thuế, cứ đến kỳ hạn thu thuế, nghiêm khắc giao cho phủ huyện thân hành xuống làng xã thu thuế, được bao nhiêu lập tức tiến hành xét kiểm. Có tiền thì khoan khoái, không có tiền thì dồn thúc. Thêm nữa, quan Nam đã đến đâu thì người đi theo như mây cuốn, cộp vào bấy dề, dân vạn lán không được một lần may. Vì thế mỗi xã chi phí cho xét kiểm và cung đốn quan dịch: xã lớn thì một hai mươi đồng, xã nhỏ cũng năm sáu đồng trở lên.

Ở dưới hương thôn, tiền giấy chưa thông hành, nộp thuế toàn dùng bạc thật. Lại lập ra phép kiểm bạc. Kiểm bạc cũng những loại người ấy, chẳng hỏi biết hay không. Có tiền thì kiểm qua loa xong chuyện, không có tiền thì vạch vôi gạt bỏ. Đồng bạc giả thật theo đâu mà biện biệt, vì thế mỗi xã nhiều thì bốn năm đồng, ít cũng một hai đồng biếu xén.

Mỗi huyện nghiêm ngặt bắt một kỳ phải nộp xong. Gởi bạc bọc cơm, dân xã kéo lên, hành trình đi lại, ngày càng lâu chi phí càng nhiều, tranh thu nộp trước, mong giảm chi phí. Bèn lập ra phép chia thứ tự. Người đứng phân thứ tự đã làm việc lâu với nhau ở

toà, tai mắt tinh tường, há lại không có chút lợi nào! Có tiền thì đến sau được nộp trước, không tiền thì đến trước cũng phải chờ, ban đêm họ trộm cắp, ban ngày phải ăn uống, nếu không nén nhịn, hao tổn càng nhiều. Bởi thế nhiều là một hai đồng, ít cũng năm hào trở lên (xét cả 2 kỳ Nam, Bắc tề này đều có, nhưng chính kiến các quan đều giống nhau, cho nên tề nạn không ở đâu là không giống nhau!).

Người Nam từ trước đến nay rất hay nhiễm thói tục ấy, ngày nay lại càng mở rộng, việc lan sang cả địa tô, phù thu rất dễ. Ngày trước dựa vào phép quan và sổ sách làm căn cứ, đến nay quan pháp đã không hỏi đến, mà sổ sách cũng không thể làm bằng cứ. Thêm nữa thời kỳ tính thêm, người nào ruộng bao nhiêu, đất bao nhiêu, mỗi mẫu bao nhiêu bạc, nhất loạt xã dân phải chiếu theo sổ cũ gia thêm nộp thuế, điền chủ không được hỏi lại. Người giàu thì nhẹ, người nghèo thì nặng, đã chẳng công bằng. Thời kỳ thu nộp bức bách càng lắm, cứ mỗi kỳ thuế, Lý trưởng và điền chủ tranh tụng nổi dậy rồi bời.

Thời gian tranh tụng, điền chủ nói Lý trưởng phù thu, Lý trưởng nói điền chủ chống thuế, hai bên tranh cãi, ai là trọng tài? Một khi đến quan Nam thì hồi lộ gian dối, đưa thẳng lên toà sứ. Một câu "chống thuế", trước đã gài đúng chỗ ngựa của quan Tây, chưa cần phán đoán, thắng thua đã rõ. Vả lại Lý trưởng Trung Kỳ cả năm chỉ được miễn thuế thân 2 đồng năm hào và mấy ngày công dịch. Ở ngôi quan lớn, lương tháng bảy tám trăm đồng còn không giữ được liêm khiết trong chức việc; hưởng chi hương lý là kẻ chỉ tiểu dân, bụng rộng, việc công tháng không có bổng, năm chẳng lên quan, chi phí khi ra ngoài đã nhiều, nếu lạm thu mà đã vội vàng khiển trách, tất như bó chân không đi lên được; Suy mình đến người, lại còn trách gì, cái công án phán xử đã có thể thấy được!

Hương chức được thế, ngạch thuế nâng cao, dân ngu không kêu đâu được, nửa thân thịt cá. Nếu có một hai trung nông trở lên tập hợp đi kêu thì Lý trưởng đã chạy trước lên nha môn tố cáo điền chủ chống thuế. Thời gian kiện tụng càng dài, kỳ nộp thuế càng chậm, thà bắt dân thua kiện, không thể để quan chậm tiền, vì vậy hễ nhân dân kêu kiện liên quan đến khoản thuế thì quan

nha đều bác bỏ hết, nông dân lại chịu thêm một tầng oan nghiệt.

Đến nay những xã tổng có nhiều ruộng đất, hương dân phải hối lộ đến năm trăm đồng, bảy tám trăm đồng, nghìn đồng trở lên để được lòng Lý trưởng, được lòng Cai tổng, thì việc đút lót đối với cấp trên cũng có thể biết được. (Xét thời gian thu thuế ở Nam Kỳ đều có thưởng bạc đỏ, xã lớn một trăm, năm mươi đồng, xã nhỏ bảy tám đồng. Không đều nhau, đã là "chuyện lạ ngàn xưa chưa nghe nói", tuy thế còn có hạn. Quan Pháp ở Trung Kỳ có nghe dân xã bị lạm thu, tiếc giữ khư khư, chỉ thêm tệ hại. Tài chính trị của quan Pháp ở Trung Kỳ không bằng hai kỳ Nam, Bắc chẳng!)

Khốc hại như thế, thuế nào mà chẳng sòng phẳng. Nhưng lửa mạnh dù cháy to, dầu mỡ đã kiệt, trăm phương đòi thúc, mà việc chậm và thiếu thuế vẫn vậy. Bèn lập ra cách thưởng quan: các xã khoản thuế một nghìn trở lên luôn ba năm thanh toán sớm được tặng Cưu phẩm hư hàm. (Xét phương pháp này rất lợi: một là thuế quan sớm được thanh toán, hai là một người được thưởng, tức là được trừ hai suất thuế đình). Trong địa hạt phủ huyện nào nhiều ruộng đất mà ba năm đốc thúc nộp thuế sớm cũng cho thăng quan.

Than ôi! Thăng quan tăng bổng, nước nào không coi là vinh dự, người Nam đang buổi bán khai, thế tất càng mạnh, nghe được lệnh này, nhẩy nhót tranh trước, máu thịt tôi bởi, ác nào chẳng làm, nông dân lại phải sa xuống tận mười một tầng địa ngục.

Năm sáu năm nay, không năm nào không mất mùa, gốc tiền ngặt ít, (lý do sẽ nói rõ ở tiết khác) nghèo giàu đều mắc tai vạ, dầu trăm cách kế hay, thịt da khó róc, quan lại dầu khốc liệt, cũng không biết làm thế nào. Vì vậy cái lệnh nộp trước, thu sau kế tiếp đưa xuống. Chỉ nghĩ vét sạch đầm, hỏi chi đến việc không có cá. Người Nam sinh đẻ vốn nhiều, chẳng ngại chết một nửa; Đông Dương ngạch thuế đã định, không thể giảm khoản thu.

Nghiêm sức cho các phủ huyện đòi hỏi xã dân đến kỳ thuế phải nhận nợ để quan đem nộp thuế sẽ thu sau. Việc trả nợ và lãi do điền chủ căn cứ theo mẫu mà chịu. Có ai không theo, quan Pháp giúp vào, máu thịt dễ buốt, gây roi vô tình, quan trên ở mây xanh, dân đen như sâu kiến, khóc kêu thảm thiết, trời cũng không nghe. Lãi nợ nặng hay nhẹ của dân Nam, quan Tây không rồi

công hỏi đến, nông dân lại một lần rơi vào nước sôi lửa bỏng.

Một người cười vui, trăm họ kêu khóc, cứ cung cách này, trừ phi Lu-Thoa (Rousseau) sống lại, còn ai chẳng làm thế. Đến nay Bắc, Trung Kỳ, các địa hạt nhiều ruộng đất, người hai nước Pháp, Nam rất dễ thăng quan là thế.

Nhưng số bạc hiện có trong dân mỗi năm mỗi giảm, ngạch thuế toàn tỉnh sao chỉ lụy đến muôn dân, khoản nợ của xã chẳng nơi nào trả đủ. Bởi thế khoản lớn của Ngân hàng nông nghiệp Đông Dương chuyển qua tay người Chi-Na đòi nợ người Nam. Dân Nam hằng năm mỗi lần nộp thuế một trăm đồng, trong sáu tháng lại phải nộp thêm cho người Chi-Na trên hai mươi đồng nữa.

Đồng niên, ngạch thuế ruộng đất xất ra, quốc gia chỉ trực tiếp nhận được ba bốn phần mười, tai hại chồng chất, nơi nào sống nổi, nếu không phải người Nam chịu nhọc chịu khổ, chậm chết phút giây, thì sao giữ được chút hơi tàn cho đến ngày nay để đợi chờ sự giác ngộ của nước mẹ!

Tuy nhiên, chẳng qua nêu ra một mặt để nói mà thôi. Ngoài ra việc gián tiếp, trực tiếp làm khốn khổ dân cày không chỉ một mặt mà đủ. Nếu không quan sát đủ cả 4 mặt thì không thấy hết sự thực (chân tướng). Nay xin đưa ra mấy đoạn sau đây thì cái hiện trạng cùng khốn của điền chủ Trung Kỳ nghiêm nhiên hiện ra trước mắt.

7. Thuỷ lợi xưa và nay thay đổi và thứ bậc thực tại của ruộng đất có liên quan đến thuế suất nặng hay nhẹ.

Toàn hạt Trung Kỳ gần núi gần biển, toàn cả đất dốc, nước sông chảy gấp ra biển, bờ thẳng nước sâu, không lợi cho ruộng nhà nông. Chỉ nhờ thời xưa, số người còn ít, cây rừng quá nhiều, các mẩu ruộng gần núi, nước chảy được thông, nông dân nhờ đó mà cày cấy. Lại thêm núi cao cây rậm, khí lạnh quá nhiều, dồn thêm khí ở biển, hay gây thành mưa, thuận lợi cho ruộng nhà nông là nhờ ở đó. Về sau, hộ khẩu thêm nhiều, người đồn cũi đốt than càng đông, ở nước Nam không có chính sách cấm đốt cây rừng, để cho người tùy ý đốt lấy, đến nay các núi cao ở gần chỗ dân ở, cây rừng thưa thớt, trèo núi mà nhìn chỉ thấy đất đá mà thôi, các đồi

núi nhỏ bị phá hết sạch. Núi nhỏ nước khô, khí đất thay đổi, xưa là ruộng màu mỡ, nay thành đất chai gầy. Cái khổ về thủy lợi, ở Trung Kỳ bi thiết hơn cả.

Nay các sổ bộ mới cũ có ghi các hạng ruộng, rối loạn không kê cứu được, không thể phân thứ bậc màu mỡ hay chai gầy, chỉ lấy ruộng nước làm chứng, chỗ nào không có ruộng nước thực tại, mới có xác cứ.

Một là ruộng nước. Cả năm có nước⁽¹⁾. Tuy gặp đến mùa nắng ráo, mà vẫn cày cấy được, trừ phi nắng lớn, mưa lớn, gió lớn đều có thể thu hoạch được. Nay giả định làm ruộng hạng nhất.

Hai là ruộng cạn. Suốt năm không có nước, đợi có mưa mới cày cấy. Nước khô, gió, sâu, các tai hại ngoài ý muốn đều bị mất lợi. Hạng này giả định làm ruộng hạng ba.

Ba là ruộng vừa nước vừa cạn. Vụ đông có nước, vụ hè thường thủy lợi có thể nhờ sức người mà có; hạn thì cách này cấy như ruộng cạn. Hạng này nay giả định làm ruộng hạng nhì.

Căn cứ vào ba hạng ruộng đã định ở trên làm chuẩn, thì 6 tỉnh ở Trung Kỳ là Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Quảng Nghĩa ruộng nước và ruộng cạn mỗi hạng chiếm một nửa; Thừa Thiên và Bình Định ruộng nước tuy nhiều mà số ruộng không mấy, tỉnh Khánh Hoà người ít đất rộng, số ruộng chưa khai; Bình Thuận rất ít, và suốt năm chỉ một vụ mà thôi. Lấy đó mà xét, thì ở Trung Kỳ hiện tại ruộng hạng nhất chỉ đến ba phần mười mà thôi.

Tỉnh Quảng Nam được coi là tỉnh giàu có, màu mỡ trong 12 tỉnh ở Trung Kỳ; địa thế đều nhau, cho nên các hạng ruộng đất không cách xa nhau mấy. Nay xin nói qua thực tại ruộng nước ruộng cạn nhiều ít của tỉnh tôi để làm một chứng cứ.

Ba huyện Hà Đông, Lễ Dương, Diên Phước ruộng cạn rất nhiều; huyện Duy Xuyên ruộng nước nhiều mà ruộng cạn ít; huyện Đại Lộc tuy có ruộng nước nhưng hạt ở về thượng du núi nhiều ít ruộng; huyện Hoà Vang vốn đất xấu cần cỗi, nửa dưới đều là đất khô, nửa trên choán vì rừng núi, mẫu ruộng rất ít; huyện Quế Sơn ruộng nước và ruộng cạn mỗi bên một nửa. Do đó mà

⁽¹⁾ Nc: "Gồm cả nước suối hay nước do người đào mà có".

xem thì tỉnh Quảng Nam; ruộng nước số nhiều cũng chỉ hơn ba phần mười mà thôi. Đến nay ruộng hạng nhất cũng đến bảy, tám phần mười, nông dân làm sao có thể chịu được?

8. Khí hậu xưa và nay thay đổi có liên quan đến lợi hại về thuế suất nông nghiệp.

Khí mưa ở Trung Kỳ toàn nhờ gió bắc; gió nam mà mạnh, đại để nắng nhiều. Từ Thanh Hoá về nam, núi cao đứng sừng ở tây bắc, biển rộng bao quanh ở đông nam; nhân dân, ruộng đất thì ở men theo biển. Khí biển do gió nam thổi đến cao, chỗ lạnh thì gây thành mưa, nhưng phải nhờ gió bắc thổi ngược trở lại mới có thể rưới khắp các mẫu ruộng. Nếu không có gió bắc, thì mưa đi thẳng vào nơi xứ mội, núi hoang mà thôi.

Trong khoảng một năm, thời kỳ gió đông chiếm rất ngắn, một, hai tháng mới có. Gió tây rất ít. Trong 12 tháng, cơ hồ hai thứ gió nam, bắc đều chiếm cả. Khí hậu mà thuận là từ tháng 8 đến tháng 10, khi gió nam, bắc thay đổi là thời kỳ mưa nhiều, nước mưa rất lớn; từ tháng 11 đến tháng 2, bắc mạnh nam yếu, là thời kỳ mưa nhỏ, từ tháng 3 đến tháng 7, nam mạnh bắc yếu, là thời nắng nhiều. Gặp có xê xích, thì mưa lớn nhỏ mỗi tháng hai, ba lần không đều. Thời xưa nghề nông đều nhờ như vậy.

Trong khoảng 50 năm lại đây, khí trời thay đổi, suốt cả một năm, gió bắc đến chậm. Về kỳ vũ thủy⁽¹⁾, có đến hạ tuần tháng 8, trung tuần tháng 9 mới đến. Lúc giao thời về tháng 7, tháng 8, bông lúa ngậm sữa, là thời đợi mưa. Nếu không có mưa, thì bông lúa khô rụng, đói kém sẽ theo ngay. Lại trong thời kỳ thay đổi, gió nam không toàn thịnh, thì gió bắc toàn thịnh; thời mà gió bắc thịnh, khí biển bị thổi lui, thì mưa sao được. Thời gió nam mà thịnh, thì mưa vào núi hoang, tuy có mưa cũng không ích gì cho ruộng nhà nông.

Thời mà gió nam thịnh, không có gió bắc để chế lại, khí nóng ở xích đạo theo đó mà đến, tuy không đại hạn, mà nước đọng trong

⁽¹⁾ Vũ thủy: Tên tiết khí trong lịch cũ, nhằm ngày 19 hay 20 tháng 2 âm lịch.

ruộng đều bị rút hết, cũng đến khô tảo⁽¹⁾. Thời gió bắc thịnh, không có gió nam chế lại, khí lạnh ở núi cao phương bắc theo đến, bông lúa đang lúc ngậm sữa, gặp phải khí lạnh không chịu nổi, rồi héo lá rụng bông⁽²⁾. Các thứ gió tai hại, ruộng nhà nông thường hay gặp phải. Đến nay đã quen theo khí hậu ở Trung Kỳ mà còn gió lốc, nước ngập, đại hạn, sâu keo, v.v... các thứ tai hại ngoài ý muốn, không thể bàn xiết.

Đó là nói về thiên thời, còn như việc người gây ra thì cũng có. Thời xưa các núi cao cây cối um tùm, rất gần các mẫu ruộng chỗ dân ở, khí lạnh đủ làm thành mưa, tuy gió bắc rất yếu, một khi thổi ngược ắt vào ruộng của nhà nông. Đến nay các núi cao làm mưa, toàn ở biên giới xứ Mọi, gió bắc không lạnh lắm, thì giọt mưa chỉ ở mép núi cao, các mẫu ruộng rất ít gặp mưa. Đến nay các mẫu ruộng ở tít trên thượng du gặp nhiều thủy lợi là vậy.

Sau đời Tự Đức, các tỉnh ở Trung Kỳ thường bị đói kém mất mùa, không phải vì chính trị sơ suất, nông dân nhác nhớn, mà vì khí trời thay đổi là một nguyên nhân rất rõ ràng vậy.

Khí hậu tự nhiên thay đổi thì không thể làm gì được, đến như cây trong rừng, thủy lợi do người mà ra, thì có thể bổ cứu được. Đến nay không hề nghe nói cử chỉ hành động thế nào, mà chỉ nghe năm nay tăng ruộng, sang năm tăng thuế, thời trời việc người cùng dồn vào, nào có tội gì với trời mà chịu sự thảm độc ấy⁽³⁾.

Xét Triều Tiên vì ôn độ mà đất tốt. Nhật Bản lấy được, đem trồng trọt cây rừng để kinh lý Triều Tiên thành một nước chính trị lớn, văn minh, từ chỗ bán khai. Quốc dân có lòng dụng tâm, há không được như vậy hay sao?

9. Đại lược về nông vụ, cách làm ruộng xưa và nay thay đổi có liên quan đến lợi hại của thuế suất

Ở Trung Kỳ từ xưa nói là ruộng nhà nông có hai vụ đông và hè là nói về ruộng nước hạng nhất; các ruộng đất khác đều có vụ

⁽¹⁾ Nc: "Hại này ở Trung Kỳ về các tháng 5, 6, 7 thường năm hay có".

⁽²⁾ Nc: "Hại này về các tháng 11, 1 và 2 nhiều năm thường có".

⁽³⁾ Nc: "Ở Đông Dương có đặt Cục Kiểm lâm, không những vô ích mà tệ hại theo đó sinh ra. Việc ấy nói ở thiên khác".

đông, không có vụ hè. Sở bộ cũ có chép ruộng mùa thu, đất mùa thu là vậy⁽¹⁾. Từ đời Tự Đức về sau nước lụt, hạn hán dồn tới, vụ đông mà bỏ hoang thì đói kém đến ngay. Nông dân lo sợ, bắt chước nhau cấy theo cách ruộng cạn, làm vụ hè hơi nhiều. Nhưng nay thuế ruộng đã nặng, lại bị gió, bị hạn, mỗi năm thu vào không đủ để ăn, không kể hạng ruộng đất nào cũng đều trồng hai vụ, giữa hai vụ còn có xen thêm khoai, đậu, dưa, mì, một năm không những có một mà có ba vụ.

Vụ đông thì từ tháng 8, tháng 9 bắt đầu, đến các tháng 10, 11, 12 thì hết, các tháng 2, 3, 4 thu hoạch. Vụ hè thì tháng 4, 5 bắt đầu đến tháng 7 thì hết, các tháng 9, 10, 11 thu hoạch. Vì thổ nghi các xứ không giống nhau, cho nên các thời kỳ cày cấy hay thu hoạch cũng sớm muộn khác nhau, đại lược cũng không cách nhau xa lắm.

Chất đất ở Trung Kỳ khô ráo, không được như ở Nam Kỳ và Bắc Kỳ. Mỗi năm hai vụ, tinh hoa ở chất đất đã hết, trồn năm khó nhọc mà cái được không bù cái mất, thường bị mất mùa là vì như thế. Chỉ vì nông học không rõ, sinh kế chật vật, chẳng biết làm thế nào, cố chạy mà tránh nguy, càng chạy càng vấp, càng vấp càng chạy, không lẽ ngồi chịu đói cho nên phải đánh bạc với trời. Huống gì phép làm ruộng thô sơ, phép gieo giống nguy hiểm!

Cách cày và cách bón phân. Nước Nam không dạy nghề nông, cho nên cách cày ruộng và bón phân đều làm theo thói quen. Ruộng nhà nông cày sâu chỉ 1, 2 tác tây, cày cạn thì không được như thế. Lại không chia năm cày sâu năm cày cạn, cho nên mặt đất chứa khí dương và chất phân rất ít. Đến như những vật bón cho ruộng, cũng không biết chất lân, chất thán là gì, chẳng qua chỉ lấy phân trâu, heo và các loại lá cây mà bón. Dân nghèo không có trâu, heo thì dùng lá cây, rong cùng máu huyết thừa, các loại tro trộn chung mà bón. Lại thêm vụ này tiếp liền vụ khác, chất đất không chịu nổi, nên hề hơi gặp thiên tai là bị mất mùa ngay.

Cày cấy về vụ đông. Vụ đông bắt đầu cày vào tháng 8, tháng 9. Chính lúc đó là thời kỳ Vũ Thủy, cho nên các mẫu ruộng cao thấp đều được cày cấy. Chỉ sợ trong khoảng giêng hai, là lúc lúa trong

⁽¹⁾ Nc: "Đến mùa thu có mưa mới bắt đầu canh tác, nên gọi như vậy".

ruộng đang ngâm dòng trở bông, nếu gặp gió, hạn, thì hoa lợi mất cả hay mất một nửa.

Cày cấy về vụ hè. Vụ hè bắt đầu cày vào tháng 4, tháng 5. Đó là thời kỳ hạn lắm. Nếu ruộng ở gần nước, thì có cách lấy nước, ruộng không có nước, thì có cách gieo khô. Nay thuật sơ lược mấy cách ấy như sau:

*** Cách lấy nước**

Cách ngăn đập. Thời xưa các chỗ rừng núi um tùm, có nhiều suối nước chảy mạnh. Nông dân đắp đê chặn lại, dẫn nước vào ruộng. Nguồn nước mạnh có thể tới được 500 mẫu trở lên, nguồn nước nhỏ thì tưới 10, 20, 30 mẫu không đều nhau, lúc hạn thì giảm mất một nửa hoặc mất gấp đôi, nguồn nhỏ thì cạn hết. Về công xây đắp và chi phí về nhân công, thì người giàu kẻ nghèo tính mẫu mà chịu, lớn thì tốn ba, bốn trăm đồng, nhỏ thì năm, bảy đồng không đều nhau.

Cách đem nước như thế, các mẫu ruộng gần núi ở miền thượng du thường có. Nhưng vì ngày nay cây ở rừng thưa ít, suối nước vẫn cạn, gặp lúc trời nắng tuy biết cách lấy nước như thế, mà không thể thi hành được.

Xe đập nước. Đường sông, đường nước, bờ các khe nhỏ, từ 15 thước trở xuống, có thể đặt xe máy, nhờ sức trâu vận chuyển. Lượng nước nhiều ít, theo máy lớn nhỏ. Máy lớn thì 15 mẫu trở lên, máy nhỏ thì 5 mẫu trở lên; mùa nắng giảm mất nửa hoặc mất gấp đôi. Cách này ở các mé sông, đường nước thường có nhiều.

Cũng có nơi, giữa ruộng đào một lỗ sâu lấy nước, đặt một xe máy nhỏ, do sức người vận chuyển, tưới 1, 2 mẫu, 4, 5 mẫu trở lên. Mùa nắng giảm mất nửa, hoặc giảm gấp đôi, hoặc nhiều khi mất hết.

Cách này tuy thủy lợi không nhiều, nhưng rất quan hệ đến đời sống của nông dân. Sáu bảy năm về trước, bờ sông Vĩnh Điện ở Quảng Nam, nông dân có làm nhiều chỗ đặt máy xe, thủy lượng phải sâu 3 thước tây trở lên, đến các tháng 4, 5 là mùa trời nắng, nước sông cạn khô, tàu thuyền đi lại thường bị trở ngại bất tiện. Ông công sứ đi chơi, bắt phải triệt bỏ hết.

Than ôi! Thuế ruộng thì muốn thu nhiều, mà thủy lợi lại bị cấm, nông dân ngẩn cổ biết kêu với ai?

Gàu. Lấy tre làm gàu để lấy nước. Hai mép gàu cột hai sợi dây dài, hai người cầm hai đầu dây, hạ xuống mức nước rồi đưa lên cao. Gàu lớn chứa nước được 7, 8 kilô, gàu nhỏ 3, 4 kilô. Lúc thường chỗ gần nước, một ngày đem tưới được 1 mẫu; về mùa nắng thì giảm mất nửa hoặc giảm gấp đôi không đều nhau. Cách này ở các đường sông, đường nước và ở các chỗ suối thường hay dùng, nhưng gặp lúc hạn quá cũng dùng được.

Ba cách trên đây, ở tỉnh Quảng Nam, lúc thường các mẫu ruộng dùng đến 4, 5 phần 10. Về mùa nắng thì chỉ còn 1, 2 phần 10 mà thôi.

*** Cách gieo khô. Có hai cách;**

a) Trong các tháng 3, 4 lúa mới gặt xong, chất đất còn đọng, thì phải cày liên, rồi để phơi nắng cho chất đất khô. Qua các tháng 5, 6 gặp mưa, đất cục nát nhỏ, rồi phơi nắng độ 4, 5 ngày. Khi đó chất đất không khô không ướt, thì bừa cho đất bằng, rồi bón phân, rồi đem lúa giống cầm tay mà vãi. Cày lại một lần nữa để cho lúa giống lặn xuống, rồi bừa lại cho bằng; 7, 8 ngày sau, lúa giống mọc mầm trời lên khỏi mặt đất. Một tháng sau, cây mạ đã lớn bèn dùng trâu kéo bừa lướt nhẹ một lượt để trừ bớt cỏ, mỗi tháng hai ba lần không đều. Đến tháng 6, 7 mưa xuống, thì lúa đã lớn, đó là cách thuận.

b) Gặp khi trời nắng lâu không mưa, mà kỳ làm mùa đã đến, đất cục còn nguyên, lấy gì mà gieo giống? Phải dùng dùi vỗ hoặc cước đập tan đất cục; mỗi mẫu 4, 5 người hoặc 7, 8 người tùy nơi nào đất cứng hay mềm không đều nhau. Khi đất cục đã đập tan rồi, thì gieo giống cũng như cách đã nói ở trên. Sau khi mưa xuống, giống mọc trời lên mặt đất.

Cách làm tạm trên đây có ba điều nguy hiểm:

a) Trong lúc đợi mưa, không được quá lâu, chậm lắm cũng chỉ 15 đến 20 ngày mà thôi. Quá lâu, thì hạt giống bị khí nắng hút hết sinh khí, trở nên yếu, tuy gặp mưa cũng không thể mọc mầm mà lên được.

b) Lượng mưa cần đến phải có hạn. Nếu trong 10 ngày mà mưa

luôn 5, 6 trận vừa, hai trận lớn, nước ướt quá độ, hạt giống sẽ úa, nếu không thì lớp bùn quá dày, hạt giống bị hư mầm, yếu không trồi lên được, mà các thứ cỏ khác đã choán đường mọc lên trước.

c) Nhưng hai điều hại kể trên là nói sau khi đã gieo mạ. Lại có khi đất cục đã đập nhỏ chưa kịp gieo giống thì gặp mưa to, đất biến thành bùn, ruộng chứa đầy nước. Đáng ra là phải cấy mạ, nhưng không gieo giống trước, nay muốn gieo mạ, thì từ khi vãi giống cho đến khi thành mạ, mau lắm cũng phải 45 ngày. Đến khi mạ lớn, không mưa mà nắng, thì nước khô, số mạ thì ít, mà đất bùn gắt cứng lại, nếu không dùng vôi mà đập, thì phải bỏ ruộng, chứ không có cách gì hơn.

Ruộng đất ở Trung Kỳ làm theo cách này, mười phần đến năm, gặp phải hại này hại khác, không khi nào khỏi.

Nói ba điều hại trên đây, là nói về khi gieo giống, nếu không gặp phải những hại đó, mà các mẫu ruộng không có thủy lợi, cả năm chật vật, hễ nghe trời gió hay trời nắng là đã thấy hại, gặp lúc khác mà thu hoạch được, là số không thể biết.

Than ôi! Thiên hạ sao có ruộng thượng hạng mà phải cày bừa khó nhọc đến thế? Còn đất thì không phải nói nữa. Thế mà trong sổ bộ của quan đã đem lên bậc nhật hết: mỗi mẫu ruộng không được 4000 thước tây, mà mỗi năm phải nạp 3, 4 đồng trở lên, nếu không trộm cướp, thì lấy gì mà nạp thuế cho quan?

10. Lý do thời trước khai thặng ruộng đất nhiều hay ít so với khai thặng sau này.

Sổ sách nước Nam ngày trước không rõ ràng, gây nên khai lậu ruộng đất là lẽ tất nhiên, nhưng tựu trung chỉ là không phân biệt mà thôi.

Một là, ở hạ Trung du có một lý do khai thặng. Trung Kỳ khai thác 700 năm nay, ruộng đất trung và hạ du khai phá sớm, trưng thước đo khám lúc bấy giờ cũng dễ sai, số ruộng đất lậu chỉ do quan lại hối lộ gây nên.

Một nữa là, lý do khai thặng ở thượng du có hai: một do hối lộ

giống như trung hạ du. Hai, khai thác thượng du chậm hơn, ruộng có nước suốt phần nhiều chưa khai thác hết, việc khai khẩn ruộng của người Nam cũng dần gây nên sự thê như sau: dân nghèo không nghề nghiệp lại dựa vào rừng núi, đất mở cây cấy kiếm sống, hàng năm khai phá chừng 5, 7 thước tây (m). Đến khi thành ruộng nhà giàu mới bắt đầu bỏ tiền ra mua rồi đăng bạ chịu thuế. Rừng núi phức tạp, phần nhiều đã khó, ruộng đất linh tinh, giấu diếm cũng dễ, ruộng đất khó có sổ thực, thực bỏ là thế.

Tuy vậy, nước Nam ngày trước có luật xử trí tội hối lộ ruộng đất rất nghiêm. Phàm là ruộng chưa trước bạ, chủ ruộng giấu diếm không khai, cũng như rừng núi chưa có chủ, đều nhất loạt quy về của công.

Xem các lý do trên thì số ruộng lậu ở trung hạ du đã do hối lộ, hối lộ nhiều thì lậu nhiều, hối lộ ít thì lậu ít, không hối lộ thì không lậu, số trung bình cứ một trăm mẫu thì có đến bảy tám mẫu; quá nửa thượng du thì lậu ở hối lộ một nửa, nửa nữa ở khai báo không thực và ruộng mới khai khẩn, quá nửa thượng du mỗi trăm mẫu phải khai thặng đến 12 mẫu, còn gần một nửa phải đến mười lăm mười sáu mẫu. Nhưng ruộng đất trung hạ du Trung Kỳ thực chiếm 7/10, còn thượng du chỉ có 3/10 mà thôi. Lại lấy con số chung thì toàn hạt cứ một trăm mẫu phải khai thặng đến mười sáu, mười bảy hoặc mười tám mẫu; tối đa đến 19, 20 mẫu. Nay là thời buổi khai thặng, cứ một trăm mẫu phải khai thặng đến trên bốn, năm mươi mẫu. Tức là không tăng thuế dân cũng đã không chịu nổi, nếu tăng thu đều một loạt cả thượng, trung, hạ du thì cái gánh nặng về thuế ruộng đất của trung hạ du còn cực đến bao nhiêu nữa!

11. Sự lợi hại của thời kỳ giá thóc lên xuống và quan hệ đến phép thuế kỳ thuế

Ruộng các tỉnh Nam Kỳ rộng, lúa nhiều, đường sông ngang dọc, vận chuyển dễ dàng, thuyền buôn tấp nập, rất dễ tiêu thụ; được mùa thì xuất khẩu nhiều, giá thóc không đến nỗi quá thấp, mất mùa thì trao đổi lẫn cho nhau, giá thóc cũng dễ giữ ở mức bình thường. Bắc Kỳ tuy không bằng Nam Kỳ, Trung Kỳ ruộng đất ít, đường sá khó khăn, lúa làm ra hàng năm chẳng qua trong dân mua bán với nhau. Được mùa thì nơi nào cũng có, không ai

đến hỏi; mất mùa thì người người cần thóc không biết tìm đâu ra. Được mùa hay mất mùa đều khổ thì hỏi chịu làm sao?

Khi giá thóc, giá đồng bạc (tiền Đông Dương) bình thường mỗi hộc quan giá là một hào năm sáu xu (nếu dùng tiền đồng là một quan 20 đồng tiền), hạ thì trên dưới một hào (tiền thì bảy tám tiền, bảy tám mươi đồng tiền), đắt thì hai ba hào không chừng.

Trong một năm chia làm ba thời kỳ giá thóc cao hạ và bình thường: từ cuối tháng hai đến tháng tư, từ tháng chín đến đầu tháng giêng, vì đang mùa thu hoạch dân nghèo đều đi làm thuê nên ăn ở nhà giàu, dân buôn bán nhỏ đem thổ sản qua lại mua bán nên có thóc, nên giá thóc thường hạ. Được mùa lại càng hạ, có khi không có người mua; mất mùa cũng giữ được bình ổn, ít có khi thóc đắt.

Các tháng năm, sáu, bảy, tám, mùa thu hoạch đã qua, lại đang vào vụ canh tác; mọi người đều cần thóc, cho nên giá thóc thường đắt; mất mùa càng đắt hơn, có lúc không có thóc mà mua. Được mùa thì giữ được bình thường, hoặc đắt ít.

Các tháng chạp, giêng, hai lại gặp mùa thu hoạch đậu khoai, dân nghèo nhờ đó mà đỡ đói, cho nên giá thóc cũng giữ được bình thường. Nếu gặp năm bão, hạn mùa màng thất bát, giá thóc tăng vọt cũng ngang với các tháng năm, sáu, bảy, tám.

Năm mất mùa thóc đắt dễ tiêu thụ bán được bạc (tiền Đông Dương) dễ dàng. Nhưng thu được thóc ít thì lợi được bao nhiêu, vật giá cao vọt, cái dùng hàng ngày càng cần. Từ trung nông trở xuống thóc mỗi vụ thu được, trừ vốn canh tác ăn uống đất đỏ và nộp thuế ra, phần còn lại không đủ chi dùng trong một hai tháng, đến mùa cày cấy đều phải đi vay, còn dân nghèo lại càng không thể kể được.

Năm được mùa thì giá thóc hạ, khó kiếm được bạc, tuy việc ăn uống hàng ngày của dân nghèo có nhỉnh hơn, nhưng mọi cái mua sắm đều phải lấy thóc thay tiền, giá thóc đã hạ lại phải chịu chiết tiền nhiều. Thóc tuy bội thu nhưng bạc thu được lại ít hơn mất mùa, huống thêm vào đó là tiêu thụ chậm, thì nỗi khổ còn đến chừng nào nữa?

Trung Kỳ hơn hai mươi năm nay không năm nào không mất mùa. Thời gian lúa đắt kéo dài, cho nên dân nghèo khổ vì lúa hạ

lại ít hơn khổ vì lúa đắt. Từ sau khi tăng thêm thuế đinh điền, người dân ngày càng khổ hơn, còn kỳ thuế lại bắt nộp vào vụ thu hoạch đều vào lúc lúa hạ, thế là thóc cao hay hạ đều khổ, giàu nghèo đều khốn đốn, nhưng muốn chữa được nỗi đau trước mắt không ai không như cắt ruột vậy.

Nay xin đem so sánh giá thóc cao hạ và bình thường với thuế suất thì sẽ thấy ngay cái lợi và cái hại vậy.

Thuế một mẫu nhất đẳng điền thu 3 (\$) đồng bạc (lấy số trung bình mà nói), giá thóc bình thường phải hai mươi hộ quan thóc, thóc đắt thì phải mười lăm hộ, thóc rẻ thì ba mươi hộ quan.

Mỗi suất đinh 2\$7 hào (lấy số thấp mà nói), giá thóc bình thường thì phải 18 hộ, đắt thì 12, 13 hộ, rẻ thì 26, 27 hộ.

Trung Kỳ thuế vào mùa thu hoạch được mùa thì giá thóc hạ, mất mùa thì giá thóc bình thường, mất quá thì giá đắt, vào lúc này thì cả dân nghèo dân giàu đều khổ cả; thế là thuế suất ruộng đều phải 26 phương trở lên, thuế đinh thì phải 18 phương trở lên. Nếu gặp năm được mùa thóc tiêu thụ chậm phải đi vay bạc thì nỗi khổ chồng lên càng không thể nói. Tuy vậy, đó là nói người có thóc mà thôi, còn dân nghèo không có ruộng thì lấy thóc ở đâu thế ắt phải đi vay nhà giàu bởi sự thôi thúc của thuế quan, mỗi phương phải khấu một hào, đến khi cần thóc để canh tác lại đến nhà giàu vay bạc mua thóc mà trước đây đã phải khấu một hào, nay lại chịu thiệt một hào để xin mua. Mỗi một hộ thóc trước sau khấu hai hào bạc, suốt năm như thế lấy gì mà sống? Đây là lấy thóc đổi bạc mà nói, nếu lấy thóc đổi tiền, lại một lần nữa lấy giá bạc thấp cao thì nỗi khổ chồng lên hỏi còn nói gì đây?

Nông dân Trung Kỳ từ trước đến nay luôn bị khổ vì giá thóc cao thấp. Trước đây nước Nam bắt đầu đặt phép "Bình thiểu". Thóc rẻ nhà nước xuất tiền mua vào với giá chuẩn, khi thóc đắt thêm vào một phần lãi theo giá chuẩn bán ra, thuế ruộng cũng theo giá chuẩn nộp thóc, cách làm hay ý đẹp, nông dân được nhờ. Nay nhà nước bảo hộ hàng năm đưa ra dự toán sẵn, đều lấy đồng bạc tính nộp theo lệ, không tiếp tục làm như phép "bình thiểu". Hiện nay có một số tiền lớn của ngân hàng nông nghiệp Đông Dương bắt chước mà làm, trên thì có lợi cho nước dưới có lợi cho dân, há chẳng được cả hai sao? Hà tất phải trở tay làm trái lại để

khổ thêm cho người Nam. Nếu các nhân vật quan cai trị Đông Dương đầu đầu cũng làm như thế, sợ là nông dân lại thêm một tầng gánh nặng mà thôi.

12. Sự lợi hại của lý do giá bạc cao thấp liên quan đến phép thuế kỳ thuế.

Chính sách tiền tệ của Đông Dương lấy đồng bạc (\$) làm tiền mẹ, phụ với đồng bạc là hào bạc và xu đồng, đó là thông lệ vậy. Nam Kỳ thì xu đồng trở xuống có tiền nhỏ bằng đồng mới đúc, hào xu chỉ thay đổi số lẻ, chính sách tiền tệ xây dựng rõ ràng đã thành hệ thống không cần phải bàn sâu. ở Bắc Kỳ dưới đồng bạc (\$) thì phụ theo có hào xu và tiền kẽm từ trước, không đem tiền đổi ra đồng bạc (nơi thôn quê hẻo lánh ở Bắc Kỳ cũng có đồng bạc, nhưng chỉ một vài đồng mà thôi). Đồng bạc ở Trung Kỳ và tiền thời trước, tiền đồng bằng ba bằng sáu bằng mười quan đều là tiền mẹ (có cả số lẻ). Ở thành thị thì hào xu và tiền đều dùng, ở làng quê thì toàn là tiền đồng, hào xu lưu thông rất ít (hào còn có vài nơi dùng, xu thì không có hẳn). Đây là điểm khác nhau đặc biệt của chính sách tiền tệ ở Trung Kỳ, nên giá đồng bạc cao thấp do đó mà sinh động.

Bình thường đồng bạc (\$) và tiền trao đổi lẫn nhau đều có thể thông dụng tiền mẹ thấy khá đều đặn. Từ khi thuế khoán nhà nước có lệnh chỉ thu bạc không thu tiền, thuế suất đình điền lại tăng thêm một gánh nặng. Bình thường giá mỗi đồng bạc bằng bảy quan tiền Nam; Khi cần đến đồng bạc mỗi đồng lại thành bảy quan năm mạch (7,5 quan). Gặp khi đồng bạc khan hiếm, người lại dùng nhiều mỗi đồng lên đến bảy quan sáu, bảy, tám mạch không chừng.

Dùng chung không cùng nặng nhẹ cũng dễ khi đến kỳ thuế giá đồng bạc cao tiền hạ, thì đồng bạc không còn là tiền mẹ mà lại trở thành hàng hoá quý hiếm. Thế là nông dân bởi kỳ hạn thuế thôi thúc phải lấy thóc đổi tiền nhưng thóc hạ, lại phải đem tiền đổi lấy bạc, nhưng tiền lại hạ nên phải qua hai lần khấu đổi.

Nay thu thuế đã trong mùa thu hoạch, ắt là thóc hạ, thuế lại không thu bằng tiền mà thu bằng đồng (\$), thì đồng bạc ắt cao, bạc cao thì người có bạc bỗng trở thành có thứ hàng quý hiếm.

Dùng thóc hạ để đổi lấy bạc cao thế ắt khó được, cho nên không ai không đem thóc đổi lấy tiền, lại một lần nữa đem tiền đổi bạc.

Nay thử đem giá thóc hạ nhất và giá bạc cao nhất lấy tiền làm chuẩn đem so với thuế suất thì lại có thể trông thấy ngay điều lợi hại.

Lúc giá thóc hạ nhất, mỗi phương là bảy tiền (7/10 quan). Khi giá bạc cao vừa mỗi đồng bảy quan năm tiền, lúc cao nhất là tám quan. Mỗi mẫu ruộng nhất đẳng là 3 đồng bạc thuế, bạc cao vừa thì phải trên dưới 31 hộ tám thăng; bạc đắt nhất thì lại phải 33 hộ. Nhưng Trung Kỳ thì trước đến nay trải qua mất mùa, thóc nhà nông thu được rất ít, trung nông trở lên không dám tùy tiện bán hạ, thường là đi vay để nạp thuế ruộng, mãi đến tháng 6 tháng 7, lúc thóc cao mới đem ra bán để trả nợ. Đến lúc ấy giá thóc không cao chỉ giữ mức giá bình thường, thì sự tăng giá của thóc không đủ để trả lãi nợ, thấy ngay là phá sản.

Nhưng đó là trung nông có thóc mà nói, còn thuế đinh của dân nghèo thì vay bạc vay thóc đều lãi lên gấp bội, thuế xong tiếp đến việc quan, làm lụng cả năm không đủ để trả nợ, đi đến đâu cũng khốn khổ.

Theo như chính sách tiền tệ sử dụng bạc tiền rồi ren ở Trung Kỳ, nhà nước hàng ngày đã biết trong dân sử dụng bạc tiền như thế, thì khai thu thuế sao không thu bằng cả hai thứ, lại phân biệt nghiêm ngặt để đến nỗi thành một gánh nặng. Dân nghèo nhân đó nói: nhà nước hàng năm đưa ra biểu thuế đều tính bằng bạc không tiện thu bằng tiền, hơn nữa tiền thời trước, các tỉnh sử dụng đồng tiền không giống nhau rất khó lưu thông, không tiện cho việc trừ khoản (liệu cách lấy tiền). Đã vậy sao không mua hết tiền cũ, thay đem đúc thành xu tiền nhỏ như chính sách tiền tệ ở Nam Kỳ, để tiện cho dân sử dụng, há chẳng rất tốt hay sao.

Lại theo như 12 tỉnh Trung Kỳ, các nơi sử dụng đồng tiền cũ không giống nhau, mỗi một tỉnh lại đổi một kiểu tiền, thậm chí cùng trong một tỉnh, đồng tiền các huyện cũng không giống nhau, việc này rất khổ cho việc buôn bán. Khi Nhật Bản mới vào Triều Tiên, mọi việc còn chưa ổn định, việc đầu tiên là hoàn thiện chính sách tiền tệ để tiện cho việc buôn bán, đó là một việc làm rất hay. Từ khi nước Nam có bảo hộ đến nay, sự gánh vác của dân ngày

một tăng, còn chính sách làm khổ dân của thời trước bỏ bễ không nhìn đến. Thay đổi lại làm nặng thêm nỗi khổ, mọi việc đều thế, nỗi uất ức về tiền tệ rất nhỏ vậy thay!

13. Sự lợi hại của lệ vay lãi nặng thời trước liên quan đến phép thuế kỳ thuế.

Phép cho vay của nước Nam trước kia, lệ lấy lãi là ba phân, (ví dụ 100 đồng (\$) cho vay trong 12 tháng lấy lãi là 30 đồng). Kỳ vay tuy lâu cũng lấy một vốn một lời (ví như số tiền vay để lâu không kể mấy năm, 100 đồng lấy lãi 100 đồng, cộng lại là 200 đồng). Sự nặng nề của tiền lãi so với các nước Châu Âu đã gấp sáu bảy lần.

Nhưng từ trước đến nay, sự vay mượn trong dân đều theo tập quán, nhân cần kíp của người khác mà lấy lãi không biết đến nỗi cực khổ của người: phải vay, nên người giàu càng giàu, người nghèo càng nghèo, trước đây chỉ có hai khoản nợ: tiền và thóc (giá thóc cao hạ dân đã không chịu nổi). Từ ngày vào bảo hộ, dùng rộng rãi đồng bạc (\$) lại tăng thêm một khoản nợ bạc, thêm vào đó giá bạc lên xuống nên dân càng không chịu nổi.

Kỳ vay nợ thì có năm, nợ phổ thông thì có nợ vụ, nợ nửa vụ, có nợ tháng, có nợ tháng trả hàng ngày, có phân loại nợ. Lệ nợ, nợ tiền trả tiền, nợ bạc trả bạc, nợ thóc trả thóc. Khác với nợ tiền trả bạc, nợ bạc trả tiền, nợ bạc tiền trả bằng thóc.

Cách tính lãi năm, nợ bạc tiền trả bạc tiền, cả năm 10 phân; người lấy lãi nhẹ 4 phân, nặng thì 5 phân. Bạc tính bằng đồng, tiền tính bằng quan, năm tính bằng 12 tháng.

Nợ thóc trả thóc, đồng niên 10 phân hoặc 5, 6 phân không chừng. Thóc tính bằng斛, trên sáu tháng đều tính một năm.

Cách tính lãi nợ vụ, trên một tháng là một vụ, bạc tiền mỗi vụ tính lãi ba phân, thóc thì một tháng trở lên đều tính là vụ, tính lãi 2,5 phân hoặc 3 phân, cũng có lúc đến 5 phân. Bạc tiền tính lãi cũng như nợ năm, thóc thì một tháng trở lên đã tính 3 phân hoặc 5 phân.

Cách thay đổi trả lãi vay năm vay vụ

a- Nợ tiền trả bạc

Ví như hiện nợ tiền 70 quan theo bình thường ngang với giá mười đồng bạc, người cho vay biết lúc trả nợ đúng vào kỳ thuế giá bạc ắt cao, bắt người vay viết văn tự không viết nợ 70 quan mà viết nợ mười đồng bạc đến kỳ trả nợ 15 đồng bạc.

b- Nợ bạc trả tiền

Ví như nợ bạc 10 đồng, gặp lúc giá bạc lên ngang với tám quan một đồng, người cho vay biết lúc trả nợ đúng vào kỳ thuế đã qua giá bạc ắt xuống, bắt người vay viết văn tự không viết nợ bạc 10 đồng mà viết nợ tiền 80 quan. Đến kỳ trả tiền, nếu không có tiền thay bằng bạc, gặp lúc bạc hạ chỉ sáu quan, hoặc sáu quan bảy, tám tiền, tính gồm 5 phân lợi thì 10 đồng bạc tiền vốn phải trả thành 18 đồng bạc.

c- Nợ bạc tiền trả bằng thóc

Ví như bình thường giá bạc ngang với 7 quan một đồng, nợ 10 đồng bạc hay nợ 70 quan tiền, nếu người cho vay muốn trả thóc không muốn trả bằng tiền bạc bắt người vay viết trong văn tự đến kỳ trả bằng 100 hộc thóc. Lúc trả nợ gặp giá thóc bình ổn mỗi hộc giá một quan tiền tính lãi 3 phân một vụ. Nếu giá thóc cao vọt mỗi hộc một quan một tiền, thậm chí một quan năm tiền, thì chỉ trên một tháng mà lãi đến 7, 8 phân. Cái khổ của vay lãi nặng còn không cực lắm sao? Trên đây là ba biến lệ, nợ năm, nợ vụ đều theo như thế.

Có hai cách tính lãi nợ tháng:

a- Nợ tháng trả tháng

Nợ tiền bạc mỗi tháng ba mươi ngày, đến kỳ trả 1 phân hoặc 1,5 phân, đến kỳ không trả cộng cả lãi lẫn gốc, lãi mẹ đẻ lãi con.

b- Nợ tháng trả ngày

Cách tính lãi giống như nợ tháng, nhưng cái trước một lần trả hết, còn cái này trả hàng ngày, ba mươi ngày trả xong cả lãi lẫn gốc. Nếu không trả xong, cũng lãi mẹ đẻ lãi con.

Cách tính lãi nợ ngày:

Nợ ngày hôm nay ngày hôm sau trả, tính lãi một một đến hai phân, quá kỳ không trả, cũng tính lãi mẹ đẻ lãi con.

Cách nợ năm nợ vụ, chẳng kể làng quê hay thành thị nơi nào

cũng có người cho vay và người vay.

Cách nợ tháng trả tháng, dân nghèo và dân tiểu thương thành thị có nhiều người vay. Không có việc buôn bán hoặc việc rất khẩn cấp không dám vay.

Cách nợ tháng trả ngày, phần nhiều là dân tiểu thương vay, dân cày thì rất ít.

Cách vay ngày, những người làm ăn không ai hỏi vay, người vay là bọn rượu chè cờ bạc vô lại, dân quê kiện tụng đến cửa quan, bất đắc dĩ phải vay cũng nhiều.

Cái hại của nợ tiền.

Nợ tiền lãi nặng lắm, nhưng từ trước đến nay không có người Nam vay tiền để làm ăn, chỉ khi nào cần thiết lắm mới vay, hơn nữa thời trước ngạch thuế thu bằng cả tiền lẫn thóc, có lúc lại cho lấy thóc để thay tiền nhân dân trao đổi cũng dễ, trừ kiện tụng hối lộ kẻ đánh bạc phải cầm cố vay tiền phá gia, chỉ là số ít mà thôi.

Cái hại của nợ thóc.

Lãi nợ thóc rất nặng, bởi trước đây người ít, mùa được dân dễ làm ăn. Đến nay lệ vay trở thành thói quen. Ba mươi năm nay không năm nào không mất mùa, sinh kế ngày một khó khăn, từ trung nông trở xuống ai cũng cần thóc, ai cũng phải vay. Cả năm lao khổ, trừ nạp thuế ra, ít nhiều đều của nhà giàu, cái hại của nợ thóc còn tệ hơn cả nợ tiền.

Cái hại của nợ bạc.

Lãi nợ bạc nặng lắm, nhưng cái hại trước khi thuế chưa thu bằng bạc cũng chỉ hại ngang với nợ tiền. Từ khi phép thuế nặng lên lại bỏ thu tiền và thóc chỉ dùng riêng đồng bạc, vì vậy cả giàu lẫn nghèo không ai không cần bạc, nhà có bạc nhân đó mà thu lợi, mỗi khi đến kỳ thuế giá bạc lại nâng cao, nợ lãi càng nặng, tiền của từ bạc trung trở xuống đều rơi xuống hố, mười nhà nghiêng ngả đến chín, dẫn đến nghèo khó không gì nhanh hơn thế.

Ban đầu trong dân vay mượn lẫn nhau, người Nam mất người Nam lại được, thì trong cái lợi hại đó đã không nói tới. Mười năm trở lại, hàng năm mất mùa, mọi cái đều lên giá, thuế nặng lao dịch nhiều, quan tham lại nhiều, tiền phạt tiền không ngày nào không nghe, nỗi khổ kéo dài, giàu nghèo đều khổ, đồng bạc

lưu hành trong dân không đủ. Thế là nhà buôn ngoại quốc nhân dịp lũng đoạn, bắt chẹt làm cao, bao nhiêu lãi đều rơi vào tay người nước ngoài, người Nam lại thêm mấy lần gánh vác, nên cái hại của nợ bạc còn độc hại hơn nợ thóc.

Nay xin đem thuế suất và suất nợ lãi so sánh với nhau thì sẽ thấy ngay điều lợi hại.

Thuế một mẫu ruộng nhất đẳng điền 3 đồng (\$). Nợ bạc mỗi mẫu đồng niên phải trả lãi 1 đồng năm hào, nợ mùa trên một tháng mỗi mẫu mất chín hào, một đồng rưỡi, một đồng tám không chừng. Nợ tiền cũng thế, nợ thóc lại càng quá.

Như đã nói ở trên, khoảng cách cao nhất của giá bạc và giá thóc thấp nhất, thì một suất thuế đinh 2 đồng (\$) 7, hai đồng tám hào, thóc nợ lãi năm phải mất 27, 28 hộ; sáu tháng trở lên thì lãi thóc phải mất 13, 14 hộ; nợ vụ tính ba phân thì một tháng trở lên đã mất lãi thóc 7, 8 hộ, nếu tính 5 phân thì một tháng trở lên đã mất đến 13, 14 hộ. Nếu tính bằng cách nợ bạc trả bằng tiền, nợ tiền trả bằng bạc, nợ bạc tiền trả bằng thóc, một tầng càng thêm một tầng nặng.

Nhưng đây là nói những người không có tiền và thóc, người có tiền và thóc cũng không đến nỗi quá khổ. Bấy tám năm lại đây những nhà trung sản, vì thuế nên mắc nợ, vì nợ nên hết sạch tài sản, trả nợ đã khổ, đòi nợ cũng khó khăn, người cho vay người vay đều cùng kiệt. Bạc không lấy đâu ra, kỳ thuế ngăn ngui, dân khó lòng mà nộp ngay. Quan lại hai nước nóng được thăng quan, ép lý trưởng các thôn không đợi thu xong, toàn số thuế vay nợ một kỳ nạp hết, thu dần số lãi vay do chủ ruộng và dân đinh chia chịu thêm vào thuế suất. Bởi vậy cả giàu và nghèo đều mắc vào cái hại của nợ bạc. Ngạch thuế tăng nặng, phép thuế thu bạc, kỳ thuế gấp chẵn những cạn kiệt máu mủ người Nam, nửa vào quan nửa cho người nước ngoài. Trung Kỳ thì quyền cho vay toàn bị người Tàu khống chế, Bắc Kỳ thì người Tàu và người Chà Và chia nhau béo bở làm giàu.

Những khổ lụy như thế, Trung Kỳ là nhất, Quảng Nam còn hơn nữa. Bấy năm về trước dân xã đều bị nợ làm khổ, lý trưởng không có vật gì để cầm nợ. Thậm chí đem quan bạ của thời trước cầm cho người Tàu để vay, về sau thóc ruộng mất mùa, dân định

ly tán đi một nửa, ngạch thuế thu không đủ để trả nợ. Nhà buôn Tàu thuê dân nghèo người nước chúng xuống làng đòi nợ, mỗi xã 6, 7 hoặc hơn mười người, bắt dân xã nuôi ăn cung cấp thuốc phiện sách nhiễu không chịu nổi, quan lại hai nước mặc (Bạc vốn của người Tàu đều vay ở ngân hàng nông nghiệp Đông Dương, dân không trả được thì mất vốn, người Tàu lâm vào cảnh đổ vỡ thì liên lụy đến ngân hàng, và thuế khoản năm sau cũng khó mà thanh toán ngay, thêm vào đó người Tàu nhiều tiền khéo hối lộ, cho nên quan hai nước đều thích).

Sau này đòi được một nửa, còn lại đều là xã thôn nghèo nàn. Khoảng năm 1907 quan Pháp và quan Nam bỗng nghiêm sức cho xã dân đem sổ bộ thời trước lên tỉnh sao nộp, hạn trong một tháng phải xong. Bởi người Tàu khéo dùng cách sách nhiễu gián tiếp, thuê quan hai nước đòi ngặt sổ bộ, nhưng sổ bộ hiện nằm trong tay chúng, dân xã muốn có sổ bộ ắt phải trả nợ để chuộc lại. Người Tàu đúng là khéo buôn bán giỏi hối lộ thay. Còn quan hai nước Pháp Nam cũng có thể gọi là thấy lợi làm hăng.

Bấy giờ Trinh (tôi) thấy dân xã khổ lụy, có thay dân kêu với quan, được trả lời: lấy gì để đòi nợ cho người Tàu. Quan Pháp với quan tỉnh Nam ghét Trinh, vì dân mà tranh đấu không nghe. Than ôi! Quan chính trị đến thế thì còn nói gì nữa.

14. Phụ ghi đầu đuôi về ngân hàng nông nghiệp Đông Dương

Luật cho vay trước đây của nước Nam đã nặng, nay sau khi các thuế tăng, bạc đất thóc rẻ, dân càng không chịu nổi. Các đại thần mới bàn lập ngân hàng nông nghiệp Đông Dương, phàm những việc của dân liên quan đến nông nghiệp, cho họ lấy chữ ký và dấu của tổng xã đến nơi cho vay, tính lãi ít nhiều chưa rõ, đại khái 100 đồng (\$) cả năm tính lãi 12 tháng, so với nợ lãi trước kia đã giảm nhẹ đi ba bốn phần (không nói cái khác, chỉ một việc này), có thật đúng là thương giúp người Nam không.

Người Nam từ trước đến nay vốn không tin ở nền pháp luật của nước bảo hộ. "Quan nước Pháp quyết không vì người Nam mà làm lợi", một câu nói mọi người mãi mãi ghi vào cân não, đến nay

đã thành nếp nghĩ phổ biến trong xã hội. Gặp khi hoãn cấp trong dân đều vay mượn lẫn nhau, hoặc vay người Tàu hoặc người Chà Và mà thôi. Người có công chuyện làm ăn càng không dám đến hỏi.

Lý do không chịu vay:

Người Nam từ trước đến nay phàm có việc giao thiệp với người công quyền nước Pháp, không khi nào không bị thiệt (như người cục Thương chính ép người mua rượu, ném bã rượu phạt bạc liên luy đến hàng xóm người thân, người khai khẩn ruộng chiếm không ruộng dân, người buôn ép dân bán hạ giá, việc cai lục lộ làm chết công nhân đã rõ ràng, lại như các khoản thuế đình điền và các thuế muối, thuế chợ, thuế rượu, tuy nói là công định của nhà nước, khác gì ép lấy của dân đình mà thôi. Dân ly tán hoặc chết rồi bắt người khác bồi thường và các thứ ép buộc sách nhiễu không thể kể xiết). Hàng ngày trừ nạp thuế và ứng dịch ra, không ai dám gần với người Pháp mà còn khổ như thế không nơi kêu cầu, dân không tin vào pháp luật. Chợt có sai sót, dây dưa liên luy đến không biết bao nhiêu là thân thích xóm giềng đều sa vào hố thẳm, vương vào vòng nước sôi lửa bỏng.

Lại chuyện vay mượn trong dân, xảy ra cãi cọ, đến quan, thì quan Tây đứng ngoài lợi hại công bằng mà phán xét, thì mười phần may một phần thắng. Một khi dính đến công khoản thì biết đâu quan tây lại không dùng thủ đoạn ép như ép thu các loại thuế thì chẳng mấy mà tìm đến cái chết.

Với hai lý do trên cho nên người dân Nam thà vay lãi nặng kiểu thời trước, mà quyết không dám vay lãi nhẹ của ngân hàng nhà nước, đó là lẽ tất nhiên, chẳng có gì đáng trách.

Thế là bọn du đảng, làm ra dấu và chữ ký giả đến vay, để ra chuyện ngân hàng bị lừa hơi nhiều. Nhà nước lại định ra lệ, phàm người vay trước tiên phải lấy chữ ký và triện của lý tổng, lại đến quan địa phương viết đơn xin làm bằng, lại kê khai ruộng đất của người đó trong sổ kèm văn khế đến cục cầm vay, lập phép càng thêm chặt chẽ. Tuy vậy cũng chẳng có hiệu quả gì, còn người Nam phàm có việc gì cần vẫn như cũ không dám đến hỏi.

Có các lý do:

Nha môn quan Nam chuyên đục khoét của dân, khi cần giao thiệp đến quan nha thì có tiền yết kiến, tiền đơn từ giấy mực, tiền dấu má, trên từ quan to đến môn dịch (gác cửa) qua bốn năm tầng càng lên cao càng nặng. Tính cả gói, lớn thì bốn năm mươi đồng, nhỏ thì chín mười đồng. Đến nay trong dân đến những việc như nhân mạng, trộm cướp có tang vật đều phải giấu diếm cầu hoà, không dám cho quan biết, ai còn dám lấy việc vay mượn riêng tư mà tự dẫn thân vào hố?

Lại việc kiện cáo ruộng đất trong dân đến quan để dựa vào pháp luật, tư nhân buôn bán; văn khế vẫn nằm trong tay người đó, còn dựa thế ép lấy bằng được mới thôi, lấy được rồi thì lột sống nuốt tươi, người dân còn biết kêu vào đâu. Nay bảo đem văn khế để vay nợ, ai còn dám đem trứng gửi cho ác để chuốc lấy cái hại.

Hơn nữa trước đây chưa có việc cầm cố còn không dám vay, nay lại thêm tầng tầng phiền phức, còn ai dám có tính mạo hiểm đó, đem thân gia tính mệnh ra làm trò đùa. Việc người Nam không vay là lẽ tất nhiên, chẳng có gì đáng trách.

Pháp quan như lò lửa, lòng người tựa sắt, cũng chỉ có bọn du đảng vô lại dám vào để thử mà thôi, hoặc là giả mạo văn khế để lừa quan trên, hoặc trước khi vay nợ cắt một nửa cho người bảo đảm, cướp bóc lừa dối theo đó mà ra. Pháp luật tuy nghiêm, những việc như thế biết xử thế nào, thế là ngân hàng lại bị lừa không ít.

Quan người Tây không tìm ra vì đâu, lại trách người là: người Nam thích chịu lãi nặng không ưa chịu lãi nhẹ, người Nam dối trá có nợ thì quyt. Than ôi! Người Nam trở thành dối trá, nhưng dối trá há phải là đặc tính của người Nam đâu. Tránh nặng đến nhẹ là lẽ thường tình của con người, người Nam há ngu thật sao? Nếu có người bóp cổ hầu, lại thụi vào lưng, làm sợ mất hồn, lòng dạ run lên, hỏi không ngu có được không?

Từ khi có cục tín dụng, ngân khoản chỉ cho người Tàu vay, người Nam không còn dự phần nữa.

Khoản nợ người Tàu vay cũng không dùng vào kinh doanh, chẳng qua là trước khi đến kỳ thuế đồng niên họ đến ngân hàng nông nghiệp vay ra một khoản lớn, chuyển cho người Nam vay, cứ sáu tháng tính lãi 10 phân, lợi được 3 phân. Tiền vào tay với lãi

trả gấp bội, nên người Nam không còn cách nào trốn khỏi con đường chết.

Cứ như phần nhiều người Pháp ở Đông Dương nhìn người Nam không ngu thì gian trá một cách mù quáng đều từ nợ bạc mà ra, còn ngân hàng lãi nhẹ để qua tay người Tàu thành lãi nặng thì lại là không gian trá. Tiền vay ở ngân hàng nhà nước hạn lâu lãi nhẹ thì gian trá, ở nước ngoài hạn ngắn lãi nặng thì không gian trá, ở ngân hàng nhà nước pháp luật nghiêm ngặt, bồi thường liên luy rất khó gian trá lại là gian trá, người nước ngoài thân buôn đi vạ dẫm không một tác quyền hành gian trá rất dễ thì lại là không gian trá, thế thì người Nam không đúng là ngu thật sao!

Còn có thuyết cho là người Nam chung sống với người Tàu hơn nghìn năm, phong tục đã giống, tình ý đã hợp, không có lý để ngờ vực gian trá; thế thì người Chà Và ở Nam Dương, từ trước đến nay vốn không quen biết người Nam, nhưng người Nam cũng không gian trá với họ, thế thì nói thế nào?

Lại có thuyết cho là: người Nam vay người nước ngoài, chẳng kể là người nước nào, nghe nhiều đến việc quyt nợ, sao lại bảo là không?

Nếu người Nam hể vay là quyt nợ, thế thì người cho vay ắt phải thua lỗ, thua lỗ ắt thất thế, ắt phải bó chân không tiến lên được. Nay thì người Chà Và mới đem tiền vốn đến làm ăn ở đây, còn người Tàu và một số người Chà Và cũ ở nước Nam từ trước vốn nắm quyền cho vay thấy ngày càng phát đạt, thế thì nói thế nào? Chẳng lẽ người nước ngoài cũng giống như người Nam đem tiền, vàng ném vào khoảng trống, để cho người Nam tiêu xài, còn mình thì lại tô vẽ bên ngoài, lầu gác nguy nga, để lừa dối người khác sao. Cứ lấy đó làm ví dụ, thì chẳng riêng gì người Nam ngu, còn người ngoại quốc không ai không ngu, chẳng riêng gì người Nam dối trá, còn người ngoại quốc không ai không dối trá. Có lý như thế không? Than ôi!

Ở Bắc Kỳ, ngân hàng người Pháp luôn kêu gọi người Nam tích trữ, làm như thế người Pháp rất có lợi cả đôi đường. Nhưng từ bấy đến nay, trừ một vài quan ta ra không có ai hưởng ứng cả, lý do cũng gần giống như đã chỉ ở trên. Bởi người Pháp từ khi vào Đông Dương, không tên nào không nhìn người Nam như cỏ rác, hàng

hoá Pháp vào người Nam mua, mới vào cửa, mũ nón chưa kịp bỏ ra, thường là người Nam đã bị sỉ nhục. Người buôn còn như thế huống quan cai trị nắm pháp luật, có quyền đứng trên người khác, sinh sát cho cướp tùy ý, lại còn đến như thế nào nữa.

Nay hàng hoá nước Pháp mở ra, người Tàu và người Nam không ai không tranh mua, nhưng người Pháp chủ bán ở các phố, và ngoài các người biết tiếng Pháp và người làm việc cho nhà nước ra, còn nhân dân thôn quê không dám đến hỏi. Trước đây người Nam và người Tàu còn chưa nắm được cách buôn, luật buôn, còn phải nhờ vào tay họ mới thấy lưu thông. Huống nay, từ sau khi người Tàu tổ chức gom vốn lại với nhau, quảng cáo chào hàng, phàm những gì Âu thương làm được họ cũng làm được, thì sự cạnh tranh thua hay được của giới buôn Đông Dương không đợi phải giao dịch thoả thuận đã hiện ra rồi. Người hiểu biết xét cái nhỏ thì biết, huống đã hình thành ra rồi, sao lại không rõ? Người nắm quyền buôn ở Đông Dương vẫn có thể thay đổi lề lối để thao túng quyền điều hành thì cũng có thể làm được.

15. Nguồn bạc eo hẹp và cái hại liên quan đến phép thuế nông nghiệp.

Từ trước đến nay tiền bạc ở Trung Kỳ đều là tiền mẹ, bình thường việc đổi chác tạm dễ dàng thông suốt. Từ khi phép thuế chỉ thu bằng bạc, thế là bạc đắt tiền hạ, nguồn bạc bị khan, đó là nguyên nhân rất là rõ ràng, nhưng chẳng qua cũng chỉ là một phần nguyên nhân mà thôi. Trong dân tiền lãi không còn, làng quê bình thường kiếm được bạc đều khó, nhưng đến kỳ thuế càng rõ sự khó khăn, thì tiền mẹ không đủ để quay vòng có thể thấy.

Nhưng sự giảm ít của tiền mẹ tương đương, thì từ sau khi cục tiền ngừng đúc, thì số tiền ngày một ít là lẽ tất nhiên. Nhưng số tiền tuy giảm nếu nhập ngay số bạc vào để bù vào chỗ thiếu, nội thực của bạc nhiều, nội thực của tiền ít; giảm tiền 7 quan tăng bạc một đồng, thì bạc tuy chậm tăng, tiền tuy giảm nhanh, lấy đó cân đối cho nhau, cũng dễ làm cho đủ. Vì tiền không được làm cho đủ, nên sự eo hẹp không thể không dồn vào đồng bạc.

Đồng bạc eo hẹp dựa vào đâu mà khẳng định? Nhà kinh tế học

Âu châu từng nói: "Cung quá cầu vật thường hạ, cầu quá cung vật thường cao". Nay giá bạc ở Trung Kỳ thường đắt hơn hai Kỳ Nam và Bắc, lấy đó mà suy sẽ không sai lầm. Mỗi đồng bạc ở Nam Kỳ 5 quan ở Bắc Kỳ 5 quan hoặc 6 quan, Trung Kỳ thường là trên dưới bảy quan, lúc đắt đến 8 quan. Nay xin đem đường đến đường đi và chỗ co hẹp của đồng bạc mẹ trình bày qua mọi nhẽ và so sánh với nhau thì lý do không thể không rõ ràng như trong lòng bàn tay.

Dại khái có thể chia sơ ra làm ba:

Một là xuất khẩu.

Hai là nhà nước xuất nhập hàng năm.

Ba là xuất nhập của ngân hàng.

Nói là xuất khẩu thì Trung Kỳ toàn dựa vào đất đai hàng năm sản xuất ra, thóc gạo là sản phẩm chính, cái khác như thuốc lá, vỏ quế, đường phèn, chè, dừa, đậu nành, vừng, gỗ cây, quả tươi, ngà voi, trầm, kỳ và những thứ có thể xem là hàng hoá đều là thổ sản đặc biệt, với số rất ít; còn thóc, thuốc lá, đậu nành, vừng, quả tươi đều là trong dân mua bán với nhau, cái xuất khẩu chỉ một nửa số đặc biệt rất ít mà thôi.

Nhưng người Nam từ trước đến nay vốn không biết buôn, phàm hàng xuất khẩu đều nhờ qua tay khách buôn, nếu không đều là hàng hạ giá. Còn cái gọi là khách buôn, trước thì chỉ có người Tàu, nay lại thêm cả người buôn Pháp. Người Tàu ở nước Nam rất thông thạo tình hình buôn bán, hàng hoá đều mua tận gốc giá hạ bán được lãi suất cao, người Nam không bằng 1/4, nhưng do thuận mua vừa bán tùy lúc mà cao hạ, người buôn Pháp thì một mực ép giá tại chỗ, bao mua không bán cho người khác, vật giá lại theo giá bình thường của ngày trước mà trả tiền. Nhân dân mua bán không được tự do (như chè ở Quảng Nam, Hà Tĩnh; gỗ, sắt ở Nghệ An, Quảng Bình, hàng hoá ở các tỉnh khác cũng thế), có lúc so giao dịch với người Tàu thiệt mất vài ba phân không chừng. Lấy đó mà nhìn thì con đường nhập khẩu của đồng bạc mẹ mà người Nam có được không hỏi cũng biết vậy.

Nói đến hàng nhập khẩu, ngoài ô Tây, đèn Tây, vải Tây và hàng hoá Trung Quốc để cho những người trung sản dùng, còn có hàng phổ thông như bút giấy, tạp hoá cho cả người giàu và người nghèo dùng. Hàng Tây thì có dầu hoả và sợi bông, tiêu thụ rất

nhanh.

Vì thuế nặng, giá hàng đều cao, hàng xuất khẩu là loại đặc sản, ắt số ít giá lại hạ bạc thu được ít. Hàng nhập khẩu là phổ thông, ắt số nhiều hơn nữa giá cao, bạc ắt nhiều. Vừa xuất vừa nhập, khách buôn hai nước ở giữa lũng đoạn, đảng nào người Nam cũng chịu thiệt thì đồng bạc mẹ chẳng những đường đi nhiều, còn đường về ít.

Theo như thế, về thực hoá mà nói, đến như lưu thông hàng hoá giữa tỉnh này sang tỉnh khác, tuy không phải là hàng nước ngoài, nhưng cái lợi cũng về tay những khách buôn, chẳng khác gì hàng nhập khẩu.

Bởi người Nam không biết buôn, việc gì cũng chịu thiệt, ngày nay lại càng quá hơn. Cũng nhờ được thuế bấy giờ rất nhẹ, nên số thiệt thòi cũng ít. Từ khi nước bảo hộ xuất khẩu hàng năm không đủ, phàm khách buôn nước ngoài ở lại và hàng hoá nhập khẩu đều đánh thuế nặng. Còn thương nghiệp người Nam hoàn toàn không được nâng đỡ, lại còn dùng chính trị làm trở ngại đủ điều, kể cả những việc nhỏ nhoi như buôn chè cũng bị thua lỗ. Gần đây sĩ phu (người Nam) hơi biết buôn bán. Nói chung không nghĩ đến việc góp cổ phần buôn để mong giành lại quyền lợi, lại sinh ra nghi kỵ cho nên hầu hết là tan vỡ. Đến nay, cái lợi của hàng hoá thổ sản nước Nam đều nằm trong tay người Tàu. Thuế bội lên trăm lần trong năm đều lấy ở người Nam. Người Nam chẳng những trực tiếp đóng thuế năm cho nhà nước bội lên gấp 10 lần, lại còn gánh vác gián tiếp cho người Tàu bội lên gấp trăm lần. Tính toán của nhà nước bảo hộ thì được, còn tính mệnh của người Nam thì sao đây?

Nói đến xuất hàng năm thì không biết hết được toàn ngạch Đông Dương. Ngoài ra trừ một khoản dặt xuất (quá mức) của bản quốc có đi mà không có lại không kể, còn trong nước chỉ ra đại khái có hai mục:

a- Lương cả năm của quan lại binh dinh hai nước, một khoản này ước 7/10.

b- Công ích Đông Dương, công ích địa hạt và chi bất thường địa hạt Đông Dương. Ba khoản này ước 3/10

Lương hàng năm quan lại chia làm hai:

Một là lương hàng năm người Pháp.

Hai là lương hàng năm người Nam

Lương hàng năm quan Pháp gấp 10 lần quan Nam, ăn uống hàng ngày của người Pháp quá nửa mua của nhà buôn Pháp. Lương của người Nam rất ít, và lương tháng người Pháp tương đối cũng chỉ dưới hai, ba trăm đồng (\$), người khác nếu ba trăm đồng trở lên, mỗi tháng chi tiêu quá nửa, hoặc nửa số hoặc không đến một nửa, còn lại đều gửi vào biệt khoản của ngân hàng, chi dùng hàng ngày quá nửa mua của nhà buôn Pháp, người Nam dùng hàng hoá thổ sản, không bằng số nửa, quan Pháp ở Đông Dương lâu ngày, đa số trong họ có ngoại bổn (việc rõ ràng xin trình bày ở thiên khác). Nếu tính kỹ số bạc chảy ra ngoài thì phần còn lại của dân chỉ là 1/2 của số ít mà thôi.

Còn như lương hàng năm của quan Nam ở Trung Kỳ do An Nam xuất, tổng ngạch thì cũng chỉ đến 930.000 đồng (\$) mỗi năm, cuối cùng cũng thường có dư đều được các quan lớn bảo hộ mượn để dùng vào việc khác, thì thuế suất hàng năm đã không bằng số này rõ lắm.

Hơn nữa lương tháng người Nam rất ít, nếu chỉ dựa vào lương tháng để chi dùng cho cả nhà hàng ngày, chỉ có quan tỉnh trở lên mới tạm đủ mà thôi. Phủ huyện mỗi tháng chỉ có 40,50 đồng (\$), tiền lương trong một năm chỉ đủ lễ quan trên, hai lần vào hầu, hoặc là không đủ mà thôi. Nhưng quan Nam từ trước đến nay không lấy lương tháng làm nặng nhẹ. Cái trông cậy để ăn uống chi dùng hàng ngày và làm giàu đều nhờ vào tiền sách nhiễu bên ngoài mà thôi. (Việc tương tạn có thiên khác).

Đến nay, một chức phủ huyện ở Bắc Kỳ phải hai, ba nghìn đồng (\$) trở lên, Trung Kỳ nghèo, nhiều là 2000đ (\$) ít cũng phải tám, chín trăm đồng (\$). Lương tháng chức lại thuộc ở phủ nha chỉ có 10 đồng hoặc 3, 4, 5, 6 đồng, mà người Nam tranh để vào được, nhiều thì 7, 8 trăm đồng, hoặc 1000 đồng trở lên, ít cũng trên dưới 4, 5 trăm đồng. Nhưng có lương tháng còn chưa nói, thậm chí đến cái chức lý, tổng, xã đều không có lương tháng cũng phải chi phí đến 200 đồng cho đến nghìn đồng mới xong. Việc này con người không phải là ngu, cũng không phải là rồ dại, nếu cái được không đủ để bù cho cái mất, chúng được lợi cái gì mà làm như vậy?

Đến như người giúp việc bên cạnh quan Tây, tiền để mua được chức so ra ít, nhưng cái thu vào so với quan cũng xấp xỉ. Theo đây mà cân nhắc thì đồng bạc mẹ do quan Nam làm chảy đi mười

Đến các khoản công ích như, đường sắt cầu công, đường bộ, đường thủy, các công trình đều là đường ra của đồng bạc và tiền. Nhưng những việc đường sắt và cầu cống phần nhiều đều do quan Pháp và những nhà thầu người Pháp nhận được, nếu không là người Tàu mà thôi, vật liệu sắt cũng về tay nhà buôn Pháp, người Nam chỉ nhận được gỗ đá, tạp liệu và nhân công, nhưng nhờ có nhân công hạ, thì số bạc chảy vào trong dân cũng chỉ là vài ba phần trên mười phần mà thôi. Vả lại những việc như thế không thường xuyên. Trung Kỳ thì Thanh Hoá, Nghệ An, Thừa Thiên, Quảng Trị, là các tỉnh có đường thủy cũng thế. Hai Kỳ Nam Bắc thỉnh thoảng cũng có Trung Kỳ chỉ có tỉnh Quảng Nam là không có hẳn; mười năm trước mới có, không phải là không có ích, như cái hại càng quá (việc tường tận có thiên khác). Đường bộ thì các tỉnh chỉ có một con đường cái quan, và những nơi quan binh đóng đồn, những nơi quan Pháp qua lại mới làm đường. Khi có làm đường thì quan trong hạt dựa vào đó để xâm phạm quỹ công, bọn lại dịch dựa vào đấy để đòi tiền của dân, chẳng những dân không được gì, mà đây là quan lại gián tiếp để kiếm bạc, hơn thế nữa để trực tiếp vét bạc.

Một khoản chi bất thường, Đông Dương từ trước đến nay không dùng xe ngựa quán sảnh thì dùng nhu cầu như tiếp đãi tân khách, bạn bè. Muôn vật có chạm đến việc hỗn tệt trong dân, cũng chẳng qua là các khoản như trên mà thôi.

Nhưng đây là dùng vào việc đặc biệt cho công ích mà nói. Khoản công ích Đông Dương từ trước đến 1/2 dùng vào việc riêng, lại còn để lại mà không dùng đến, đến cuối năm cất đi để khoá sổ là chuyện thường. Cứ đấy mà suy ra thì công ích và chi bất thường chiếm mất 3/10 trong chi tiêu lộn xộn. Vậy nên con số mà dân có được có thể biết vậy.

Nói đến nhập hàng năm, thì từ khi Đông Dương nhập bảo hộ

đến nay, trăm thứ thuế không có thuế nào không tăng gấp 5 đến 10 lần so với trước. Thuế muối thì tăng gấp 20 lần, thuế rượu cũng vậy, thuế chợ thì đặc biệt dựng nên sở đầu giá, cho nên càng ngày càng tăng nặng, thêm và đó chính trị rối ren, cho nên hàng năm nhà nước nhập vào 10 phần, nhưng ngạch mất mát trong dân đầu chỉ 17, 18 phần. Hễ xuất hễ nhập trong đó chỉ có quan lại và khách buôn là được, còn dân thì biết tìm kiếm ở đâu, nên đồng tiền mẹ không chỉ có nhiều đường đi nhưng lại ít đường về.

Nói đến xuất của ngân hàng, thì khoản vay đều từ tay khách buôn, việc nông dân người Nam từ trước đến nay không trực tiếp vay, thì cũng ngang với người Tàu và người Chà Và cho vay ngân khoản mà thôi, tiền họ xuất ra nếu không phải để nộp thuế quan thì dùng để hồi lộ. Trước đến nay không có người nào vay để kinh doanh và dùng vào ăn uống hàng này, thì có thể biết được đồng bạc không chảy vào trong dân.

Nói đến nhập, cứ trong sáu tháng trả lãi hai ba phân không chừng. Loại đồng bạc mẹ này chẳng những không có ích cho dân mà khi đi còn đem kèm theo 2, 3 phân bạc mẹ của dân. Hễ xuất hễ nhập lại cho khách buôn ở giữa thu lợi, còn người Nam không ai không chịu thiệt, thì đồng bạc mẹ chẳng những lại có đường đi nhưng không có đường về.

Cứ những lý do trên mà suy, thì số lưu thông của đồng bạc mẹ ở Trung Kỳ Đông Dương tuy chưa từng đình trệ, nhưng một nửa đã quy về ngân hàng công tư và tay của khách buôn, phần chảy vào dân chỉ 4/10 mà thôi, nhưng 4/10 này không dùng vào đóng thuế quan thì dùng vào mua cái ăn, không dùng để trả nợ thì lại dùng để ứng cho quan cần. Đồng bạc mẹ trong dân đã không nhiều nhưng dùng hàng này đều vào những nơi không thể sinh lợi, thì mấy mà đời sống của dân không khổ.

Nhưng đó cũng vì người Nam cho nên nói chung mà thôi những khoản ở trên xin xuất bạc, đều là những người buôn bán ở thành thị, và những nơi có sản nghiệp tơ lụa, đường quê. Dân thợ nếu được cũng chỉ đủ để chi phí hàng ngày, còn dân cày chỉ có trực tiếp mất bạc. Hễ muốn có bạc phải đem thóc đến chỗ có bạc để đổi, nếu không đem thóc đổi lấy tiền, đem tiền đổi bạc, qua mấy lần quanh co bạc mới vào tay, bạc cao thì thổ sản càng hạ, ở đâu cũng

bị thiệt. Một khi ruộng thất thu chỉ còn cách cầm ruộng để vay bạc. Nông dân Trung Kỳ chóng nghèo thực bởi là như thế.

Cứ một khoản này là cái hại rất lớn cho Trung Bắc hai Kỳ, nhưng tổng số xuất nhập khẩu của Đông Dương và tổng số hối đoái của ngân hàng công tư. Trình (tôi) chưa được rõ nên nói chưa được cặn kẽ. Nay nếu được người của nước Đại Pháp, đem cái tinh tuý của khoa học tính cặn kẽ trọn cả gói thì đời sống khó khăn của nhân dân Trung Kỳ càng có những điều không thể nói hết.

16- Lý do trộm cắp nhiều và liên quan đến nỗi khổ lụy của thuế nông nghiệp.

Sách Luận ngữ nói: "Kẻ trộm cũng là dân, đói thì đi ăn trộm, no thì làm người lương thiện, bởi người có hăng sản thì có hăng tâm, người không có hăng sản thì không có hăng tâm. Nếu không có hăng tâm, thì buông thả theo thói xấu, không gì không làm". Cho nên việc trộm cắp không nước nào không có, cái đáng dựa cậy là điều hành có đạo, điều khiển người có cách thì kẻ trộm hoá thành người lương thiện. Nếu không cắt bỏ đi, mà lại gieo rắc thêm, thì lại không có người lương thiện nào lại không trở thành kẻ trộm. Than ôi! Cây cỏ sâu róm tốt thì cây lúa bị lấn lướt, tổ kiến làm đê lớn vỡ. Có ai hay rằng trong làng mà có trộm cắp, người nông dân còn khổ hơn cả thiên tai nước, hạn. Còn có ai hay ngoài những khổ lụy mà người nông dân phải chịu lại còn thêm một nỗi đau cắt da nữa? Những người sa vào những thảm trạng tày trời như thế, không phải tất cả đều là dân ngu không thể cảm hoá mà là vì người bề trên của dân có mang điều thiện để tưới tắm, khiến cho ngày một sinh sôi, nặng lòng thương xót dân lành hay không? Mỗi khi nghĩ đến máu nóng lại trào dâng. Nay xin nuốt lệ, vẩy bút trình bày sơ với đại nhân

Từ trước đến nay nước Nam vốn không có chính sách canh sát, gặp phải buổi đói kém trộm cắp nhiều nhưng, mới sức cho dân xã tự tổ chức bảo vệ, cho đến khi có mùa màng dân để có cái ăn mới thôi canh phòng. Chính sách tạm nghỉ như thế, bởi sự việc ngày trước khác, bởi trộm cắp rộ lên hay lắng lại không sai với năm mất hay được mùa.

Sau những năm 31, 32 Tự Đức, ruộng hoang hạn thường xảy ra, trộm cắp khắp nơi, dân khổ nhiều qua mấy chục năm nay, việc đó càng tệ, thêm vào là quan lại trể nải chúc trách. Trong dân có nhiều người mất nhà cửa không nghề nghiệp, liền đi theo con đường nguy hiểm, làm cái việc trộm cướp, không ngày nào không nghe. Nhưng, cướp thì bẽ đảng phải nhiều, một chốc khó gây nên vậy, tuy bắt thân xảy ra nhưng dân dễ phòng thủ, một khi việc xảy ra, quan lại che đậy cũng khó. Trừ một vài nhà giàu ngu si, thường bị quan lại hạch sách vô lý, những người khác thì thường là chống án. Chỉ có trộm cắp nhỏ lẫn vào trong dân, ngày thường đã khó mà phát giác, việc xảy ra không đáng gì, bẽ đảng chúng thì rải rác, khó mà đối phó, sự việc thì mờ ám, ẩn hiện dễ dàng, nặng thì dựa vào quan che chở cho một phía, vậy nên nơi làng quê không lúc nào không nghe chịu khổ.

Những điều xấu xa ở nha môn quan Nam, trước đây tôi đã nhắc đến luôn, việc tố tụng của dân chẳng kể như thế nào, hễ bước chân vào là tiền, chẳng may mà án trộm cướp có dính đến nhân mạng lại là con đường rất phát tài, đến nay tục lệ như thế này hầu như là quyền lợi chiếm ưu thế đặc biệt nơi quan trường.

Làng quê hoặc có bắt được trộm cướp giải đến quan nha ngoài nộp đơn giải nộp ra (phí nộp đơn thì quan trên thu, phí giải nộp thì nha dịch thu) mọi phí tổn về án phí và ăn uống có liên quan đến vụ trộm cũng chỉ có hỏi ở chủ mất hoặc lý trưởng. (Tên trộm nếu có gia sản thì việc ăn uống do vợ con cung cấp còn các chi phí khác thì do chủ mất. Nhưng trộm cắp thì mấy tên đã có gia sản, cho nên chỉ còn hỏi chủ mất, đó cũng là thông lệ của nha môn). Không thể thì tên trộm vẫn yên lành không xảy ra việc gì.

Hơn nữa, trước đây nước Nam đã dụ cho lệ lại nha môn phủ huyện, trong một năm mà án trộm cắp nhiều, đều cho là do cấm bắt không nghiêm, đến kỳ xét thành tích đều đem ra bàn ở trên diện. Cho nên phạm việc gì liên quan đến trộm cướp, quan lại nha môn thường là ỉm đi không hỏi. Đến nay việc này đã thành thói quen, mọi cái nhìn vào như thể không phải việc của mình. Việc nào mà hỏi đến chẳng qua muốn dựa vào một trọng án để kiếm tiền mà thôi, nếu không thế thì kẻ trộm sao lại có thể an nhiên vô sự?

Vả lại chủ ý bắt trộm thì chân chù, chủ ý kiếm tiền thì cái gì cũng làm. Thỉnh thoảng hạch sách kẻ trộm không được tiền sao? Hoặc phản lại chủ mất bằng cách ném tang vật vào nhà, hoặc vận lại hương lý vì kiểm soát không nghiêm, hai miệng nhiều lưỡi lo gì thiếu lời, nếu thế thì trộm cắp an nhiên vô sự. Tra trộm giả mà có tiền thì sao lại không làm, tạm giam phạt nhẹ, còn kẻ trộm lại có thể an nhiên vô sự.

Hơn nữa kỹ nghệ vùi tiền của nha môn, nhỏ đến mấy cũng vào được, lạ lùng đến mấy cũng có (vô vi bất nhập, vô kỳ bất bị), trong đó sắp đặt vô cùng kín kẽ, không phải lo kẻ trộm không tiền, đã có cách lấy tiền gián tiếp; giải giam nghiêm, ngày ngày hỏi nghiêm, kín đáo chỉ vẽ cho tên trộm dính dáng đến nhà giàu (mẹo này rất độc, nói ra rợn tóc gáy, từ đó trong dân không có ánh sáng mặt trời nữa), hoặc chỉ cho là mua tang vật, hoặc phao tin là chủ chứa. Lời đồn tung ra, dây thừng cột vào, vài tháng ngồi giam, bắt cần có thể. Như thế thì kẻ trộm chẳng những vô tội, mà lại còn có công, bắt giam nhưng lại có thể an nhiên vô sự.

Có người hỏi: sao lại không lên toà công sứ tỉnh để nhờ tra xét rõ ràng? Muốn lên tỉnh sao? Phủ huyện gần hơn, quan trên ít, đòi hỏi bình thường, hàng ngày tiêu pha ít. Còn phí tổn giải nộp chờ xét so với số của bị mất đã tăng lên mấy chục lần. Chỉ cần một lần lên tỉnh, trăm phí tổn đều tăng gấp bội, sao mà kham nổi. Dù cho là xét đoán công minh cũng còn không thể, huống là chưa chắc.

Sắp lên toà ư? Từ trước đến nay những án nặng cướp của giết người toà sứ mới xét, nhưng cũng thường là giao cho quan tỉnh, còn những án nhỏ trộm cắp toàn giao cho phủ huyện, sao lại có thể giải quyết được tất cả những án kiện vụn vặt. Cứ cho là làm được và xét đoán một cách sáng suốt, không mất một đồng cho toà. Nhưng chi phí ăn uống hàng ngày so ra chẳng gấp hàng chục số của bị mất? Huống chi quan Pháp từ trước đến nay tin quan không tin dân, trăm lưỡi của dân quê không bằng một mảnh giấy của quan Nam sao! Lúc bấy giờ người dân sẽ như thế nào?

Người có tài sản có quyền lực lại còn hiểu biết lý sự. Khi bắt được kẻ trộm chẳng quan chẳng phép, trói vào cây cho một trận đòn đau rồi thả ra, khiến tên trộm không dám bén mảng đến nữa, đó là thượng sách.

Người có tài sản nhưng không có quyền lực và lại kém hiểu biết về lý sự, khi bắt được kẻ trộm, bực tức không tính đến chuyện phí tổn, ném tiền thuê quan, thì tên trộm ắt bị trừng trị nặng, sợ rồi không dám đến nữa, đó là trung sách.

Hoặc là so sánh lợi hại, tiền có khi hết, trộm không ngày nào yên, với mất tiền cho quan thà mất vì trộm, chịu đựng qua được thì hãy cho qua. Khi bắt được kẻ trộm thì giả vờ như để xổng mặc cho nó đi, còn vừa lấy lòng để nó không phạm mình nữa, đó là hạ sách.

Nhưng những người dân hiền lành nghèo khó, chưa đến nỗi gay quá, khổ quá, ngày thường gánh vác thuế dịch đã nặng, lại không có ruộng đất, trăm cách xin nài lòng thương mượn được một mẫu nửa mẫu ruộng bạc mẫu để lấy cái cây cấy, hoặc có người tuổi tác đã đứng, vợ con nghèo khổ tích cóp được một ít bạc mua được một vài con nghé, hoặc cho vợ con đi ở cho nhà giàu mua được một vài con về nuôi để mệnh mạch ở nhà sinh sống nhờ vào đó.

Một khi quan dịch thôi thúc, trong bụng đã không tiền mua dịch, thế không thể không kiếm một ít gạo để lên đường, dăm ba ngày việc xong lại về trông nom ruộng vườn, mấy tháng nay, sáng cấy chiều ngập, hoa lợi nhờ vào đó để sống không gió mà rụng không mưa mà trôi, không đến bờ ruộng mà gào khóc, thì chỉ còn ôm củi lau mà về. Nhìn đến chuồng trại, nơi ban ngày mức nước suối, ban đêm thả cỏ, cuộc sống cấy vào đó đã không cánh mà bay, không đường rẽ mà mất (kỳ lộ vong dương), tức tốc chạy hỏi tin tìm tức, khi có tin thì đã da ra đàng da thịt ra đàng thịt, xương không gửi nơi thôn quê hẻo lánh, thì phơi giữa chợ ồn ào. Tình cảnh như thế hỏi chịu làm sao được, vợ chồng chỉ còn nhìn nhau mà khóc, không có cách nào mà bắt đền người đi chặn, sờ cái gì cũng không ra trong ngôi nhà trống trải, ngoài ngõ thì om xòm người đến đòi tô, cuộc sống đã cùng, tiền đâu tự có, trừ phi đi ở cho người, cũng chỉ là tự tìm số quỷ mà thôi, cũng có người vì quá gấp gáp, bụng đói tìm đến nhau, việc đến nước này, chẳng dè liêm sỉ, chỉ bằng đem sai lầm đến với sai lầm, gia nhập đoàn thể không nhà cửa không quê quán, thuế không dịch không, sáng nơi này chiều nơi nọ, đi lại tự do, chỉ có ta làm khổ người, không người làm khổ ta, chỉ có người phòng ta, không có ta phòng người; trước đây

là làm dân thì quan ắt xét, nay ta làm kẻ trộm thì quan che chở cho; có tiện lợi, có chỗ trông cậy không phải sợ hãi như thế, còn kiêng dè gì mà không? Thế là, trước đây bị người ăn trộm, nay kéo nhau đi ăn trộm của người, truyền nhiễm như bệnh dịch, như hổ như trăn (ma người nhập vào hổ, ma cọp vào) quấy rầy làm khổ lẫn nhau, lôi kéo nhau vào. Thế là không người dân nào không là kẻ trộm, còn người dân hiền lành nơi làng quê càng không thể chịu được nổi khổ.

Dân đã như thế, quan làm sao đây, bởi ngày thường sách nhiễu thái quá, cho nên nhân dân tự nhường nhịn những việc kiện cáo không dám đến cửa quan, trừ nhân mạng cướp lớn vạn bất đắc dĩ mới dấn thân vào hạng cọp, bấy giờ cửa quan mới thấy rậm rịch, còn không thì vắng như nhà chùa. Tuy vậy, quan đã có quyền lo gì không có cách, bình thường bọn sai nha thao việc để làm gì? Hơn nữa bọn chúng rất giỏi bắt bóng bắt gió, không gì qua được mắt chúng. Tơ tóc nhà người không gì chúng không hay, về báo quan, quan cho lệ đến ngay nơi đó. Nơi nào bắt trộm thả trộm, giấu trộm không báo, người biết chút ít lý sự còn có thể biện bác bằng lời lẽ; hoặc có người thấy khó khăn nhứt nhát nên rút lui, hoặc lơ mơ không biết một tí gì, hễ trông thấy trát quan như sét đánh ngang tai, nếu không đưa ra cái gì để xin xỏ, chỉ còn một cách là giải đi mà thôi. Thế là kẻ trộm thoát thân ra ngoài cuộc, đứng cười thầm ở bên, còn người mất của lại đâm đầu vào ngục, lăn lóc gào khóc dưới đòn roi.

Bởi vậy, vì việc trộm cắp trong dân, đã trở thành tranh cãi giữa quan với dân, có vấn đề bị mất trộm và không bị mất trộm, còn vấn đề trộm cắp thì xử trí như thế nào lại gác lại đằng sau rồi chẳng ai đề cập đến nữa.

Than cho khổ đến như thế, người dân lành hỏi chịu làm sao? Nghĩ rằng cả năm sau khi gánh vác thuế nặng xong thì có thể làm ăn yên ổn, mà sao nay lại liên tục rồi ren như thế.

Đến nay những nơi người thưa thớt, vườn rừng đất tốt để mặc cho hoang hoá, hoặc trồng lật vạt rau khoai (hàng năm vẫn đóng thuế nặng) còn kể cả dân giàu và nghèo đều không dám cấy một cây chè trồng một cây quế, một cây cau, dựng một nọc tiêu, hỏi ai đã làm nên cơ cực như vậy?

Mỗi khi quan Tây và người Tây qua lại trong dân, thấy đất đai bỏ hoá thì cười với nhau rồi nói: "Người Nam ngu và lười vậy, đất tốt như thế không chịu trồng tĩa để sinh sống, chỉ thích trộm cắp, chẳng trách đói khổ".

Nhà hơi giàu có nuôi trâu, còn có thể nuôi người trông nom, mới dám làm chuồng trại cách nhà vài chục bước; còn như nhà nghèo, dựa vào nhau mà sống, sớm tối người vật ở chung một nhà, khi việc quan thôi thúc, đi vay trăm ngả để cầu được miễn, không có tiền thì lỗ mất. Chồng ra đi thì vợ con ngủ chấn ở xung quanh, thâu đêm không ngủ, không kể đến mùi phân súc vật nồng nặc, có hại đến sức khoẻ con người, nhưng còn biết than thở cùng ai, sống như thế, hỏi ai gây nên nỗi cực khổ này.

Mỗi khi thấy quan Pháp (ý của quan thầy thuốc) trát sức cho dân thôn hể có chăn nuôi trâu, phải nuôi xa nhà trên một trăm bước, gần nơi người ở quá có hại đến vệ sinh, và khi biết dân thôn không chịu nghe, không hỏi lý do vì sao, lại cười với nhau nói: "Người Nam đã man, ăn ở bẩn, người ở chung với súc vật chẳng trách ốm chết".

Than ôi! Làm quan mà không biết dân bệnh tật khổ sở, không trách quan mà lại trách dân, chẳng mấy mà người dân chết vậy.

Hạt khác chẳng kể, hãy lấy một hạt phủ Tam Kỳ mà nói, trung du trở lên đất đai hơi màu mỡ, rất có thể trồng quế, trà, tiêu, nếu không có cái tệ hại này thì người dân có thể trồng tĩa hết, cả năm mỗi mẫu có thể đem lại (tính con số tối thiểu) hai ba mươi đồng đến 50 đồng, số lợi trong dân tăng lên cả năm đâu chỉ năm sáu vạn đồng (\$). Nay vì cái hại trộm cắp, thay vào đó là trồng khoai đậu, cả năm mỗi mẫu thu được chưa đến một hai đồng; không phải là không biết cái nên làm, chỉ vì đã quen mau chóng dễ giữ, không may bị mất cũng chẳng là bao.

Hơn mười năm nay khách buôn Trung Quốc, vì việc thuế má mà thương nghiệp thua lỗ nên bỏ thương sang nông, góp vốn lại khai phá núi rừng trồng quế, phần nhiều là thuê dân đinh giữ trộm cắp, đến nay thấy tấn tới. Còn cây quế người Nam trồng, vì lẽ không chịu nổi trộm cắp nên quá nửa đã bán cho khách buôn để làm nghề khác, thế là đến nửa quyền lợi đã thuộc về người ngoài vậy.

Thế là sĩ hào bản hạt trông thấy hiện tượng này, không ai không nghĩ giành lại quyền lợi, tập hợp lại một số nhà tư sản nhỏ trông chề quế, lại sợ trộm cắp quá nhiều một mình khó giữ, cho nên tập hợp các xã lại để phòng thủ lẫn cho nhau, lợi của nhân dân tức là lợi của nhà nước. Vào năm 1908, có vụ dân nổi dậy, đó là việc rất kiêng kỵ của quan địa hạt. Cho nên ở các thôn xã hễ có hội họp nhất loạt cho là để làm giặc, thế là các sĩ hào người thì vào tù ngục, người thì bị lưu đầy ra hải đảo. Nghe nói tất cả những cây quế trồng ngày trước, quá nửa bị rụng lá, đến nay ý chí của dân làng quê suy sụp, không ai không lấy việc góp vốn trồng quế làm điều răn lớn không dám bàn đến, còn nguồn lợi lớn của đất đai giao hết vào tay người Trung Quốc (việc này là cái hại chung rất lớn cho nhân dân Trung Kỳ, nay mới nói sơ, ngày sau xin tập hợp những vụ thực án trộm cắp và sự việc quan Nam dung túng trộm cắp và nỗi khổ của nhân dân về trộm cắp, đọc lên không ai không dựng tóc).

Than ôi, người Nam tuy vựng về nông nghiệp, người dân vốn lười biếng mà mấy chục năm nay cả thiên thời và nhân sự đều thúc ép nhưng xuất nhập ngày một tăng. Nếu không có các thứ tệ hại gây cho người dân nhiều điều khổ khổ, nguồn lợi đất đai được khai thác hết thì đâu đến nỗi không gánh vác được tô thuế của nhà nước, mà nay đến như thế này, quả là lỗi của ai?

PHAN ĐÌNH LIỆU - LÊ VĂN HOÀNG
NGUYỄN VĂN DƯƠNG - CHƯƠNG THẬU dịch

II. THUẾ ĐÌNH

1. Đại lược về thuế suất dân đình nước Nam thời trước.

Thuế đình nước Nam thời trước, phạm những người 20 tuổi trở lên có tài sản nhà cửa, đều phải đăng bạ chịu thuế gọi là tráng đình, đến năm 60 tuổi gạch tên gọi là suất nhiều. Đình tráng hoặc vì có gì

sản nghiệp tiêu hết không thể chịu thuế, thì do lý trưởng khai báo. Lý trưởng có tờ đoan cật (cam đoan là đúng sự thật) gửi lên quan xin trích gạch tên, còn dự định có thể đóng được thuế thì đăng vào thay thế, nếu không thì trừ thuế suất (gọi là khai bản cùng). Gặp năm đói kém hoang hoá bệnh dịch theo lý trưởng kê khai trắng tịch (sổ đình tráng) chết bao nhiêu... còn bao nhiêu... còn chịu nộp thuế bao nhiêu... do quan khai định lại thuế suất; nếu đều không đóng nổi cũng cho gạch hết (gọi là khai điều hao). Năm năm hoặc sáu năm khai báo một kỳ (gọi là đương tuyển), nếu dân xã có tráng đình mà kỳ tuyển chưa đến cũng do quan đơn khai chịu thuế (gọi là bổ tuyển). Tuyển là lựa chọn chịu và không chịu được.

2- Thuế suất

a- Biệt nạp

Đồng niên không đi lính không đóng thuế, không đi phu dịch (gọi là vô đình). Năm nạp vàng bao nhiêu... quế bao nhiêu... sâm bao nhiêu... vải bao nhiêu... chiếu bao nhiêu... đều tùy từng nghề, nhiều ít khác nhau. Lại có nạp thuế thân một quan ba bốn tiền trở lên không chùng, hoặc có cái miễn hết.

b- Chính nạp.

Đồng niên đi lính chịu sai dịch có công điền công thổ, mỗi đình một quan bốn tiền, không thì một quan hai tiền, hiện nay bạc (\$) là trên dưới một hào sáu xu.

Còn lại bản cùng tàn tật đều gọi là dân ngoại tịch, nam phụ lão ấu đều miễn thuế.

3. So sánh thuế suất nặng nhẹ khi tăng đình tăng thuế, và tình hình bó buộc nặng nề của dân nghèo.

Năm 1897 định lại phép thuế, bấy giờ tất cả dân đình, không kể chính biệt, mỗi đình định tăng thuế suất một đồng (\$) hai hào quan dịch bốn ngày hương dịch 10 ngày, đến năm 1898 lại trích ra công ích hai ngày hương dịch 10 ngày chuẩn cho nạp bạc 1 đồng (\$) hai hào thêm vào thuế đình, cộng lại là 2 đồng 4 hào sau lại tăng một hào. Từ đó về sau trong mấy năm liền không phân định điền, mỗi năm tăng dần 10%, 5%, 3%, 2%, 1% không chùng. Đến

năm 1908 dân Trung Kỳ nổi dậy mới đình chỉ (đến nay mỗi đình đều 2 đồng sáu, bảy hào không chừng). So với trước thuế suất đã gấp gần 20 lần.

Nhưng nếu chọn người có sản nghiệp để sung vào thì dân nghèo cũng không đến nỗi bị gò ép nặng nề, nay lại dùng thủ đoạn tăng thuế ruộng đất khốc hại, cho nên cùng đình hạ hộ, không lấy gì để sống qua ngày.

Khi tăng thuế ruộng, cũng tăng thuế đình, nghiêm giao cho quan Nam, ai thu được nhiều thì thưởng. Ruộng còn có thể khai thặng, tăng không hưởng chi hơi thở thoi thóp ai dám đến cáo yết. Quan lại được như thế sao lại không thích thú mà làm, hại gọng kìm đè xuống, có tiền thì ít không tiền thì nhiều, có tăng gấp đôi, có tăng một nửa có tăng ba bốn phần mười, trước đây đình bản cùng không báo nhờ lọt lưới nên sống được qua ngày, nay thì quá nửa đăng vào sổ.

Lệ cũ điều hao một loạt trừ hết, già yếu, xuất nhiều bắt phải thay thế, thuế dân đình chết không trừ. Đến nay dân bản cùng ở làng quê lưu tán đi khắp nơi, ngạch thuế hoặc chia cho điền chủ phải gánh, hoặc do lý trưởng phải đền, liên lụy dây dưa dân không thể sống. Hưởng chi đợt sóng này chưa lặng thì đợt sóng khác đã nổi lên, khoản nợ đền oan chưa trả hết, lệnh tăng thuế đình đã theo sau xuống xã, ba bốn suất thuế vẫn cho là thường, thế là người đi biên biệt quên về, chưa biết gửi xương ở phương nào; người ở lại gánh vác ngày một tăng, cũng đành gửi thân nơi ngòi rãnh.

Cứ như làng của Trinh (tôi) trước đây chỉ có 120 đình, nay đã tăng lên 207 suất, số cả xã đâu chỉ trên chín trăm; nhưng đất ít người đông, đời sống khó khăn, mỗi khi đến lúc thóc hết dịch gấp, người gầy như que củi, mặt xanh như tàu lá, gà treo đợi cắt tiết dây mình bầm vết roi, gào khổ kêu đói, mắt không mở nhìn, hàng năm chết chóc không biết còn lại bao nhiêu, chẳng hay còn có thể hoãn cái chết lại chốc lát để nhận cái ơn ưu ái của nước Đại Pháp ru?

III. PHÉP SƯU DỊCH

1. Đại lược về phép sưu dịch xưa nay

Nước Nam từ trước đến nay, cầu cống đường sá ít được sửa sang, xây đắp⁽¹⁾. Về việc cừ nhỏ, đường sông cũng ít khi có. Gặp khi giặc giã, mới bắt đầu có sưu dịch lớn. Cho nên thời trước tuy có phép sưu dịch ba ngày khi dân rảnh việc nông⁽²⁾ nhưng cũng không dùng vào việc gì, chẳng qua quan lại dùng để đưa người đi, rước người đến mà thôi. Còn đến mỗi năm 4, 5 lần, thì nghề mất việc bỏ, dân chịu không nổi. Lấy bữa ngày sưu của dân để đón rước, đó là tệ riêng của quan lại vào các triều cuối của nước Nam, không phải là điều cho phép trong pháp luật nước Nam, đó là điều ai cũng biết.

Từ khi về tay nhà nước Bảo hộ đến nay đã trên 25 năm. Trong mười lăm năm về trước, thì các việc đón đưa xây đắp gần như gấp năm lần so với trước. Thuở ấy các thứ thuế chưa tăng mà dân phải trôi nổi bỏ nhà cửa quê hương vì sưu dịch, ai cũng thường nghe nói.

Năm 1886, 1887 về sau, các thứ thuế đã tăng, công dịch lại thêm nhiều. Lúc đầu định dân các làng mỗi năm thuế thân 1 đồng 2 hào, công ích 4 ngày, công sưu 10 ngày. Sau lại lấy có 10 ngày công sưu dân làng ít dùng phải để cho quan mượn, như vậy mỗi người dân cả năm có 14 ngày công dịch. Sau lại định dân đinh nạp bạc 1 đồng được trừ công sưu; lại trích 2 ngày công ích cho nạp bạc 2 hào, cộng là 1 đồng 2 hào đưa vào thuế đinh. Căn cứ vào đó, người dân mỗi năm đi công dịch 2 ngày xong, thì có thể yên ổn làm

⁽¹⁾ Nc: "Mỗi tỉnh có một con đường quan, hư thì tu bổ"

⁽²⁾ Nc: "Nước Nam dựng nước bằng nghề nông, cho nên rất trọng sức nông dân, tuy có sưu dịch, ắt cũng phải đợi khi rảnh việc nông, nước Tàu và nước ta đều thế".

ăn. Nhưng ở Trung Kỳ từ trước đến nay, quan lại của hai nước chỉ lo điều tiện lợi cho mình, chẳng đoái hoài đến dân sinh, việc sưu dịch phiền phức, ngàn năm mới thấy, mà người dân khốn vì sưu dịch nặng, lại gấp đôi so với khốn vì thuế nặng.

2. Phiền nhiễu của phép sưu dịch

Nay xin đem phép sưu dịch trình bày qua như sau:

1. *Tạp dịch*: Quan Pháp qua lại thì phải đưa rước; hàng hoá của họ thì phải kiêng vác. Quan cai trị thì hoàn toàn không trả tiền. Các quan Pháp khác thì tùy họ cho, khi có khi không, nhưng người có cho thì hiếm. Việc sưu này tùy lúc tùy nơi, thừa dầy không chừng, không kể lúc nào, hễ thúc là phải đến, ai chậm thì bị phạt. Vì là sự dịch không có tên gọi, cho nên gọi là tạp dịch⁽¹⁾.

2. *Công ích dịch*. Mỗi dân đinh hàng năm ngoài thuế thân còn chịu loại sưu dịch này. Phải tự lo phí tổn riêng, không trả tiền. Không kể lúc nào, hễ thúc là phải đến, ai chậm thì bị phạt. Căn cứ theo quan đã định, loại này chỉ có 2 ngày, nay tăng lên bốn ngày. Vì là việc nghĩa vụ, cho nên gọi là công ích.

3. *Cố dịch*. Cầu cống, nhà cửa, đường sá hễ có sửa đắp, đều chiếu theo sổ đinh mà sức bắt. Số ngày nhiều ít là tùy quan định, việc làm ăn của người dân không được tự do. Không kể lúc nào, hễ thúc là phải đến, ai chậm thì bị phạt. Theo sổ ngày, nghe có cấp tiền, nhưng mỗi ngày bao nhiêu, chưa từng định rõ tiền công. Đó là sự dịch thuế công, cho nên gọi là cố dịch.

Theo những điều trình bày trên đây mà xem, thì tuy không nêu hết tệ hại, xem qua danh mục chẳng bao nhiêu, cũng đủ khiến người ta lạ lùng hết sức. Xem phép sưu dịch phiền phức như vậy, nếu pháp luật nghiêm minh, nhất thiết phải trả tiền, một năm mấy ngày mấy tháng, thì nhân dân không phải bỏ hết công việc mà lui tới nơi đường sá, chẳng có ngày nào được yên! Than ôi! Sao lại nở lòng đến thế!

⁽¹⁾ Nc: "Xét việc này xưa thường thấy ở công sưu, từ khi lấy bạc nạp thuế mà vẫn cứ dùng, cho nên dân mới không chịu nổi".

3. Bất định của tiền công và thời kỳ sưu dịch

Nước Nam xưa nay là nước công nghiệp, nông dân hầu như chiếm 9 phần 10, hễ gặp mất mùa là chết chóc theo ngay. Nay nếu đã không kiểm chế bớt lợi riêng của mình, thì vì sinh mạng của toàn dân, cũng nên định rõ tiền công và thời kỳ sưu dịch, tệ hại chắc cũng không quá lắm. Nay cứ giao cho quan Nam tùy tiện, muốn thúc bắt lúc nào cũng được, tùy ý trả công bao nhiêu cũng không định. Mỗi khi thấy dân đang lúc gieo trồng gặt hái, lệnh quan đưa tới, phải nuốt lệ mà ra đi. Chúng thừa dịp dân gặp khó khăn mà đòi hỏi gấp mấy lần, khiến cho không ngày nào không nghe kiện tụng, làm cho quan trên đưa vào chỗ chết mới thôi. Than ôi! sao lại nỡ lòng đến thế!

4. Thực trạng khổ lụy của tạp dịch

1. *Đưa đón.* Quan Pháp khi mới bổ tới hay khi qua lại trong dân, thì quan sức khắp dân làng cả vùng đến nơi họ đi qua, ở lại lâu để chờ đón. Cờ xí la liệt, trống chiêng huyền nao. Cũng có khi tổ chức lễ đứng vọng bái⁽¹⁾, thì sai hương chức hay thân sĩ áo mũ đứng chờ đón. Đón rước lâu hay mau, số dân nhiều hay ít là tùy xem theo chức quan lớn hay nhỏ. Với quan khâm sứ trở lên, xã lớn phải trên dưới hai, ba mươi người, xã nhỏ phải ba bốn người không chừng. Nơi gần thì 2, 3 ngày, nơi xa thì 4, 5, 6, 7 ngày, cũng có khi tới 10 ngày. Đi lại do dân tự lo lấy, người chậm đến không kịp thì cứ lý trưởng mà phạt.

Các quan khác như quan y tế, quan canh nông, quan lục lộ, quan nhà binh, hễ có qua lại, đều sức dân đình đến hai bên đường chực ở địa đầu mà đón đưa, mỗi xã 5, 6 người hoặc 10 người không chừng. Kể đến chậm thì hoặc xử phạt sau khi việc xong, hoặc đánh ngay tại chỗ. Nếu quan nào không tương đắc với công sứ thì không ở trong lệ này⁽²⁾.

2. *Khiêng vác.* Lúc quan cai trị người Pháp qua lại, không kể quan lớn hay quan nhỏ, đều có sức trước để chờ đón. Các hàng

⁽¹⁾ Vọng bái: ở xa trông mà lạy chào.

⁽²⁾ Nc: "Quan Nam thì vẫn theo lệ này".

công tư của quan ấy, những gì mang theo của kẻ tòng sự, bồi đắp, đồ dùng của vợ con... người thì có vống, kiệu, hàng hoá thì khiêng vác. Mọi cái đều do người đi xấu cung ứng, không trả tiền công chút gì, hoặc có lúc tặng cho nhiều roi, gậy.

Hai hạng việc trên, mỗi năm thừa dày không thường. Từ khâm sứ trở lên, 1, 2 năm mới có một lần; từ khâm sứ trở xuống, mỗi năm 3, 4, 5, 6 lần không chừng. Đến như khiêng vác, hễ nơi nào có quan binh khố xanh đồn trú thì phải một tháng một lần. Xã Trà Mi ở vùng thượng du huyện Hà Đông, phủ Tam Kỳ của tỉnh tôi có một quan binh xưa nay đồn trú để ngăn Mọi dữ. Đến nay cái nạn Mọi dữ chưa trừ hết, thường thường xảy ra cướp bóc người đi đường, mà vùng ấy bị khốn về việc khiêng vác mỗi tháng một lần; dân làng cả vùng chạy theo mệnh lệnh, hễ hơi chậm trễ, thiếu sót, thường bị đánh dữ dội, tiền công mỗi ngày trả 10 tiền hoặc 4, 5 tiền, phần nhiều cũng không trả. Lúc tôi ở tại xã An Khê, tỉnh Bình Định, nghe người ta nói quan binh xứ đó bạo ngược lại càng hơn nữa.

5. Thực trạng khổ luy về sưu dịch công ích:

1. Tăng hao số sưu dịch:

Tình hình tệ hại tăng hao (phù tăng) số sưu dịch

a- *Tình hình tệ hại ở trên tỉnh*: Phàm trong tỉnh có đoạn đường nào cần sửa hoặc đắp, mà số nhân công do số đinh phải làm công ích gánh chịu thì công sứ thường uỷ cho quan võ trong tỉnh (tỉnh khác thì chưa rõ, riêng tỉnh Quảng Nam phần lớn dùng quan võ, vì trong Nam Kỳ võ quan ngày nay đã thành cái bước không là con đường sinh lợi. Công sức lấy loại vô luân trong chức việc này, dùng cái tàn bạo của họ thì vô lý, dân không nghe theo mệnh lệnh, thì bảo dân Trung Kỳ ngang bướng? đó cũng là nguyên nhân) đến nơi khám xét về báo cáo, sau khi tính công nhiều. ít uỷ cho quan Nam giám đốc, lúc về xem xét, tệ nạn đã sinh ra, không ai chẳng đem một báo mười, nhưng đã được công sứ uỷ khám thì không lời nói nào mà không tin.

b- *Tình hình tệ hại ở huyện và tổng*:

Các quan trình với công sứ, tính định số công thì do quan tỉnh

bàn bạc ấn định, quan tỉnh chỉ là tiếng nói theo của công sứ bảo được là được, từ đó chuyển sức cho phủ, huyện, tổng căn cứ số nhân công sức bắt, mà cái việc sưu dịch đã là con đường mòn kiếm tiền của phủ huyện tổng, do đó lấy ít làm nhiều, trên dưới đều thế. Còn thời gian thì hoặc nhân vụ mùa của dân, hoặc tăng con số, hoặc giao ngặt kỳ hạn, chín thứ khẩn, mười thứ nghiêm, có tiền thì xong, dân càng không thể chịu nổi, đó là cái khổ lụy trước khi đến dịch sở (nơi làm việc)

2- Lệ hà khắc trong việc nộp giải sưu dịch:

Dân công nhiều hay ít, Lý trưởng các xã chiếu theo trát của quan đốc cho đủ, đều phải chuẩn bị bao ngày lương thực, giải giao cho quan tổng (hoặc chánh hay phó, có hối lộ huyện thì quan huyện uỷ cho việc này bao nhiêu tiền, sau tiến hành phân chia) kiểm nhận, việc xong ký giấy làm bằng; lại giao người giải đến công sở giao cho quan đốc dịch, lại tiến hành kiểm nhận, ký giấy như thế. Từ đây về sau, phạm làm việc ở dịch sở sớm hay muộn, số công nhiều hay ít, số sưu dịch hư hay thực là do đốc dịch quan.

Lệ hà khắc tại dịch sở:

Sau khi quan giám dịch đến dịch sở, chọn một nhà dân rộng lớn hoặc lập một nhà tạm, giao cho người giúp việc phát ra dịch lệnh: mọi dân công từ sáu giờ sáng phải tề tựu ở đường ngõ chờ, đợi lúc nào giám quan hoặc người giúp việc ăn sáng xong mới tới đếm, đưa đến chỗ làm. Đến nơi, dân công xếp hàng đứng thẳng đếm đầu gọi tên ghi vào sổ mới đi làm việc. Lúc đứng đếm nếu có ai không vừa ý, có thể tùy ý đánh đập, hoặc đợi đến chín mười giờ không đến, hoặc đến mà không ghi tên, dẫu có làm việc cũng đều phế bỏ cả bấy nhiêu ngày. Làm việc xong, quan Giám dịch chiếu theo sổ sách họ tên và số ngày, cấp giấy chấp chiếu về trình tổng xã làm bằng, không thế thì dẫu làm việc xong, quan Giám dịch có thể coi là trốn dịch, ghi tên, tư về huyện chiếu theo sổ sách sức bắt giải giao đến công sở để làm lao dịch lần nữa, lý trưởng nếu chậm trễ không giải nộp nhất loạt phạt tiền, từ khi có lệ dã man ấy, đúng là giữa ban ngày trông thấy hùm beo ăn thịt người ngay trong chợ. Than ôi!

Cái lệ hà khắc đó để nói đến sự khổ hại phải đến một tháng mới hết, nhưng nếu nói không rõ thì không thể hiểu hết cái thảm

trạng của nhân dân Trung Kỳ nên không ngại phiền toái, sơ lược sau đây.

Khổ hại của lệ này:

Trừ việc tăng hao số công, đốc thúc khẩn cấp kỳ hạn lao dịch, xã dân đã phải tốn tiền với quan tổng, huyện để cầu được giảm bớt hoặc tạm thư kỳ hạn không kể.

Lý trưởng giải nộp quan tổng tất nhiên phải xoay tiền trong xã hoặc tiền mua dịch hoặc thu tiền, biện một lễ tốt để biếu quan tổng, nếu không quan tổng không chịu kiểm nhận, hoặc việc sổ sách chậm lại một hai ngày, thì chi phí dân nghèo mang theo bao nhiêu ngày đã hao mất nửa, dân không có ăn thì bỏ trốn hoặc về đi kỳ sau, kỳ hạn lao dịch không đủ. Lý trưởng lập tức bị phạt (cũng có lý trưởng không làm thế, thì trên tìm cách xoay xở bảo là thua giặc).

Đến khi chánh tổng giao quan giám định thì cũng làm như trên. Không thế thì dân không có ăn hoặc trốn, hoặc về đi lao dịch đợt sau. Kỳ hạn lao dịch không đầy đủ, quan tổng cũng có thể bị triệt chức ngay. Đến cái lệ hà khắc ở dịch sở thì độc hại vô cùng, không thể kể hết. Chủ yếu quan kiểm được tiền, dân có tiền thì để cho tự do còn không tiền thì không biết số mệnh đến ngày nào. Than ôi!

3. Mua công:

Lệ hà khắc tăng khổng số công và con đường lao dịch nói ở trên chớm cho thấy cái việc mua công. Quan giám dịch đòi dân công đến sở đã đông, trăm lượt lưới giăng, khiến không trốn được, rồi sau uỷ cho người giúp việc riêng lệnh cho dân công phạm ai có tiền thì được mua công, lúc đầu định ra mỗi ngày hai ba hào không chừng ai theo thế thì thời hạn lao dịch hết sẽ cho chấp chiếu trở về tổng xã làm bằng. Không có tiền thì hoặc nhận nợ, hoặc đem các thức ăn mang theo, trừ khoai ra, còn gạo đồ có thể trị giá thành tiền giao cho người giúp việc riêng của quan giám định chiếu giá định tiền, cấp cho một hai ngày chấp chiếu. Vì khổ nạn này, người đi lao dịch chỉ mang theo các vật thô xấu không đáng tiền mà thôi.

4. Ngược đãi:

Quan giám dịch có người như hùm beo, thường ngày dân đi lao dịch không ai không biết. Những nhà có tiền, mỗi khi đến kỳ thì tìm trăm cách để mua dịch, khỏi phải đi làm. Còn dân nghèo không có tiền đành phải nuốt lệ đi vào hang cọp để cầu may. Cho nên lệnh mua dịch đưa ra mà người hưởng ứng quá ít. Quan chỉ ở kiếm tiền mà dân đành can đảm chịu đấp đường, đó không phải điều quan giám hộ thích, vì thế các loại ngược đãi không gì không làm. Hoặc đến làm mượn không cho ghi tên, hoặc kỳ làm đã hết không cho chấp chiếu, hoặc hạn làm bốn ngày, mới được hai ngày lập tức đuổi về bắt làm đợt sau, làm cho phải gồng gánh đi lại trên đường, tiêu pha ăn uống hàng ngày cho khổ sở, hoặc có bốn ngày mà chia thành ba đợt, hoặc bởi việc ra để đánh đập, chủ yếu cố ý làm cho dân công không chịu được khổ, thế tất phải viết thư gửi về cho vợ con anh em tìm mọi cách vay mượn đem đến, hồng chuộc lấy tính mệnh. Có người không chịu nổi bỏ trốn thì trong huyện lại sức nã giải về, ngược đãi lại càng thậm tệ. Bởi thế, phàm người có thể xoay được tiền không ai không mua dịch, người không có tiền thì lưu vong tứ tán, không dám về làng biến thành trộm cướp. Những người ở lại lao dịch phần lớn là dân ngu lưu luyến quê hương, sợ hãi phép quan, mặc cho ngược đãi, sống chết nhờ trời, ăn uống ngô rau, bữa đói bữa no, đợi được hết hạn lao dịch trở về, thì dúm da bọc xương, áo quần rách rưới, lở ghe đầy mình, cơ hồ không nhận ra mặt mũi nữa.

5- Bắt làm thêm ngày công:

Quan giám dịch không để tâm trí vào đường, chỉ tìm trăm cách ngược đãi dân để kiếm tiền. Đến khi kiếm tiền được nhiều, ngược đãi thái quá, dân công ở chỗ làm hoặc mua dịch hoặc trốn đi, mười phần chỉ còn hai ba phần, trông lại dân công làm đường rơi rụng hầu hết. Bởi thế phàm dân quê nào hết hạn lao dịch mà có đôi chút hiểu biết thì cho về, còn lại, chọn những người dọa nạt được, không cho chấp chiếu, tìm mọi cách ép phải làm thêm một hai ngày công lao dịch nữa, sau

mới thả về. Không chịu thì nói là trốn dịch, lần sau bắt giải đến thì đừng hòng sống trở về. Cho nên bảo lao dịch công ích chẳng kể sáu ngày, tám ngày, mười ngày hay hơn nữa. Đó là cái khổ luy ở nơi dịch sở.

6- Vay công:

Trở lên trên là trình bày tình trạng khổ sở do tình hình tệ hại thuộc về quan Nam, các quan tỉnh của hai nước hoặc chưa biết, còn có thể nói được. Đến như việc vay trước dân công thì do lệnh từ trên, không thể đổ lỗi cho ai được. Vì thế ngược hại dân mà việc làm đường khó xong cũng là cố nhiên. Quan Giám dịch thường ngày đã được công sứ yêu nên không sợ về mà trăm phương rũ tội lo gì không có cách nói, hoặc bảo lúc đầu tính nhầm số công, hoặc bảo đường núi khó đắp. Công sứ đã tin hoặc sai tính thêm số công, và uỷ cho lại về lộ sở (chỗ làm đường) cung chức. Nhưng mà ngày công ích từ đâu để có nhân công. Bởi thế công sứ tư cho quan tỉnh lệnh hãy vay trước ba bốn ngày công ích của năm sau, năm tới sẽ trừ. Đến năm sau mà đường chưa xong thì lại vay nữa. Năm nay, sang năm, chồng chất vay mượn, sức dân thì hết, đoạn đường vô cùng. Phương pháp này Công sứ chỉ phí một nét bút, một trang giấy có gì khó xử, còn sinh mệnh sâu kiến của người Nam không thể sống nổi (chuyện này thuộc về sáu bảy năm trước ở tỉnh Quảng Nam, còn tỉnh khác chưa rõ).

6- Tình trạng khổ luy trong việc thuê mượn lao dịch

Phép cố dịch vốn là chính sách tốt, ngày xưa lấy dân làm con đường công ích tức là trả về cho dân, khiến cho chính trị có chừng mực. Quan lại được người tốt, thì trong lúc giáp hạt xen vụ, nhờ đó làm chính sách giảm bớt tai hoạ, dân có thể làm công lấy ăn, không đến nỗi khốn đói, mà con đường cũng nhân thế được tu sửa, việc thuận tình người, thật là tốt đẹp. Nhưng từ thuở Trung Kỳ rơi vào hắc ám, các việc y dược, đấu xảo, dâu tằm thật là lợi dân, không cái nào không biến thành

hại dân (đặt ra phương pháp tốt mà còn như thế) hướng chỉ là sự rối loạn trong phương pháp lao dịch ư! lược ghi cái hại sau đây (khổ hại như công ích, nhưng so với công ích càng tệ hơn).

1. *Cưỡng bức*: Cố dịch sở dĩ khác với ngày dịch công ích mà không hại dân là vì tình nguyện, đi hay không đều được tự do. Nhà nước đã xuất tiền bạc để thuê dân, dân thấy có tiền, tự nhiên tranh đến, không phải cưỡng bức, đó là lẽ tự nhiên. Nay bất luận chuyện gì, hoặc do nhà nước phái người giám sát tu sửa hoặc cho người buôn Pháp bao thầu đều nhất loạt đòi bức xã dân, chia xã chiếu sổ sách sức bắt, như vậy việc ám muội trong đó, không cần hỏi cũng đủ biết. Bởi vậy nói là cố dịch, kỳ thực là lao dịch cưỡng bức, mà mọi thứ tệ hại từ đó sinh ra, dân gầy quan béo cũng từ đó sinh ra. Thực trạng khổ lụy như dịch công ích mà nhân việc dùng qua tiền bạc hà khắc bạo ngược càng thậm tệ, so với dịch công ích, lại thêm 1 lần nước sôi lửa bỏng nữa.

2. *Luật lệ hà khắc và ngược đãi*:

(Lệ như công ích nhưng cố dịch lại bắt tự lo chi phí, đợi ba bốn năm ngày lao dịch xong, mới tiến hành điểm danh phát tiền)

Tình hình ngược đãi nhất loạt như công ích, nhưng thời gian làm cố dịch thì trăm kiểu đánh đập, dân có người không chịu nổi thì bắt đến người giúp việc cho Giám dịch ký nhận không cố dịch là bao nhiêu tiền, đợi khi phát tiền tiến hành chiết khấu, hoặc người tông sự (giúp việc) bắt đến quán rượu mua thức ăn cung đốn hân hoan say thì khỏi roi vọt, hoặc người tông sự tự lập quán cơm rượu ở nơi làm đường (lộ sở) đặt giá cao, bắt dân công đến đó ăn uống, có đến ăn thì khỏi đánh đập và khi phát tiền mới được đủ, nếu không thì chiết công và càng ngược đãi. Nhiều tình tiết khổ nhục, miệng không nói hết bút không ghi xuể, mắt cũng không nỡ nhìn!

3. *Lại công* (lần nữa ngày công)

Ở chỗ làm, dân công làm việc được bao nhiêu ngày đều do quan giám định và người tông sự hằng ngày ghi chép, dân

công không được biết. Đến khi phát tiền, hoặc rút ngắn năm ngày thành ba ngày, hai ngày, hoặc rút bớt hai hào thành một hào hoặc chỉ còn năm sáu xu. Dân quê hơi chút kêu hỏi thì đều bị đánh đập. Vả lại tuy là cố dịch nhưng dân công đi làm đều phải tự liệu phí tổn ăn uống, đến lúc xong dịch thì tiền ăn đã hết, sao có thể lưu lại bốn năm ngày để đòi. Hơn nữa tội chúng hung dữ như hùm beo, nếu có đánh ác đến bị thương chết thì nhất thiết coi là chết bệnh cả. Dân ngu từ trước đã không nơi tố cáo, há dám vì số tiền vài hào để lâm vào chuyện bất trắc ư? Nhưng đây mới chỉ nói về người Nam thôi, còn người Pháp lại thậm tệ hơn. Thường xuyên giữ lại bốn năm sáu ngày không chịu phát tiền, nói là vĩ số (số đuôi) đợi lúc nào xong dịch mà về mới cấp đủ. Nhưng người Nam bao việc làm ruộng, trồng chè, ai không nghĩ đến mau về để lo sinh kế, nếu đợi dịch xong thì vợ con ở nhà cơ hồ chết đói đầy đồng. Vì cố đó, ngoài việc bớt công, lần lửa công, còn thường mất không năm sáu ngày máu và nước mắt nữa. Than ôi!

7. Lý do của việc tạp dịch nhiều loạn

- Trước tiên là do quan Nam xu nịnh cấp trên:

Nước Nam từ trước trăm thứ chính sách không được rõ ràng, nhưng việc bắt dân làm tạp dịch thì rất trịnh trọng. Phàm thời nào bắt dân tạp dịch nhiều là triều đại hỗn loạn. Thời đại sáng sủa thì yêu tiếc sức dân lắm lắm. Trừ khi Hoàng đế ngự du hoặc việc binh đao, nước, lửa mới có chuyện huy động tạp dịch. Cho nên dầu chính sách sinh dân (làm cho dân sung sướng) còn có chỗ chưa kịp (bắt cập) nhưng dân có thể dồn sức vào đồng ruộng, nếu không phải hạn hán mất mùa, cũng không đến nỗi khốn khổ lắm. Vả lại trước đây, dầu có lệ đưa đón quan lại, cũng chẳng qua là một số dân đó lại dọc đường mà thôi, cũng chưa sức cho nhân dân toàn hạt phải đi hết, đứng trực. Nếu có một hai quan lớn ở tỉnh biên giới tự vọng tôn (tự tôn bậy mình lên) mà làm thế, quan Ngự sử nghe được, có thể sẽ tâu vua cách chức, như vậy phương pháp sai

khuyến dân không phải không nghiêm.

Ba mươi năm qua phép nước sạch trơn, lại thêm khoảng năm Ất Dậu các tỉnh dấy quân, một vài quan Kinh lược không bị kiểm thúc lại muốn thể hiện oai nghiêm, dọa nạt đám hương lão và đàn bà con trẻ, không tiếc sức dân, không nghe lời nói mà việc bắt dân nghinh tiếp như đi tế vậy.

Từ ngày có quan bảo hộ, quan Nam tìm mọi cách đón ý, khổ thì dân chịu, ơn thì quan được, ngại gì mà không làm. Vả lại các quan phủ huyện y theo lệnh trên, ở giữa đòi bắt để dễ xoay tiền, một mặt được quan trên khen thưởng, một mặt được ních nặng túi riêng, đủ 2 điều lợi, nên lại càng không ngại mà không làm. Đến nay đã thành ngược chính (chính sách tàn ngược) của nước Nam, cũng đáng rầu rĩ thay!

- Sau là do quan Pháp ưa thích chuyện lạ:

Quan Pháp lúc mới đến nước Nam, chưa hiểu phong tục, nhất nhất hỏi quan Nam, quan Nam xu nịnh bảo rằng tục lệ người Nam từ trước vẫn vậy, nước Đại Pháp nếu không nhận thì dân Nam không an tâm. Những quan Pháp hiểu biết dấu trong lòng không cho là phải, nhưng tục lệ họ đã như thế, ta hãy nhận một lần không ngại, nhưng lâu lâu lòng cũng thấy chán vì phiền nhiễu dân. Còn những quan Pháp không hiểu biết, thích được xu nịnh, thì cho là tục lệ họ quả như thế, họ quả yêu kính ta, ta tiếp nhận đường hoàng mà họ không lời ta oán. Một lần như thế lấy làm thích, lại muốn lần khác cùng nhau truyền đi, cùng nhau bắt chước, đến nay chuyện này trở thành tập quán. Vả ta đã được thế, ta đã vinh dự, các bạn đồng niên của ta chưa trông thấy cảnh đó, chưa được nếm mùi đó chưa khoái. Bởi thế, những bạn quen biết ta cũng cho một lần được thấy cái oan nghiêm ấy, nhằm biểu thị cái ý ta làm vinh dự đối với bè bạn. Do đó vết chân quan Pháp đến đâu không nơi nào không đưa đón, quan Pháp nhận được hư vinh, quan Nam làm việc đức che cho lại thuộc thả sức tham tàn, nhân dân chịu tai hại thực, không đâu không thế!

Đến nay, mỗi khi một quan lớn đến nhậm lý (làm việc) tại

Đông Dương, thì quan lớn hai nước thôi thúc nhân dân, khai lược cơm nắm, đứng trực hai bên đường, hoặc dựng cờ đánh trống, băng đồ nghị trượng, bái tiếp ở tận ngoài vài chục bước, áo mũ nhếch nhác, người ngòm trâu ngựa, tập hợp đứng im, không ai cho là quái gở, trái lại còn cho là vẻ vang, chẳng đáng nguyên rửa lấm ư! Ngày trước, chỉ có Phô đại quan (Toàn quyền Beau?) đến Trung Kỳ, thấy lạ hỏi, quan lớn hai nước tranh nhau trả lời thay: Dân Nam yêu mến đại quan, không đợi thúc giục, họ tận xa đến lạy quỳ tiếp đón, biểu thị ý kính trọng (Than ôi! oán hận chăng? yêu mến chăng?) (những câu nói đó, quan lớn hai nước thường thường đặt ở đầu lưỡi, mà người nghe đã không ai còn tốt như Phô công nữa!). Phô đại quan không cho là phải, nghiêm cấm về sau bất luận quan nào, không được như thế. Chỉ một chuyện đó, người Nam ngày nay nghĩ đến công đức không quên. Nhưng từ Phô đại quan về sau, thói lệ đó lại y nhiên như trước, mà các quan lớn đều vui nhận. Than ôi!

Lại xét: Lễ lạy quỳ là tục xấu nước Nam, Phô công đã nghiêm cấm. Nhưng Công sứ và quan Nam các tỉnh rất thích thú, mỗi lần xã dân đến nha môn, bắt họ quỳ lạy, còn mình ngồi dạng chân tiếp nhận lấy thế làm khoái, nghĩ cũng lạ thật! Chỉ một việc này mà đến nay người Nam lại càng nhớ Phô công, không thể quên được.

NGUYỄN VĂN DƯƠNG - CHƯƠNG THÁU
ĐỖ QUANG LIÊN dịch

ĐÔNG DƯƠNG CHÍNH TRỊ LUẬN

(Bàn về chính trị ở Đông Dương)

Tiểu dẫn: Chúng tôi cho rằng ĐÔNG DƯƠNG CHÍNH TRỊ LUẬN là tác phẩm chính trị luận khá hoàn chỉnh của Phan Châu Trinh khảo về tình hình chính trị, đặc biệt là tình hình 3 xứ Trung Kỳ, Bắc, Nam Kỳ ở Đông Dương.

Ở tác phẩm này, tác giả đã khảo sát đủ các thứ tệ hại của thực trạng xã hội, như:

I. *Tổng luận:* về: 1. Dùng người; 2. Tệ dùng người; 3. Lạm dụng việc đặt quan.

II. *Tệ trong các cục, các ngành:* 1. Tệ của cục Thương chính; 2. Tệ của lục lộ; 3. Tệ của canh nông; 4. Tệ của cục cảnh sát; 5. Tệ của của lính khố xanh và quan Pháp; 6. Tệ của quan y tế chủng đậu.

III. *Tệ của tô thuế:* 1. Thuế ruộng đất - Nói chung và thuế ruộng đất, về nghề nông và về sống ruộng đất thời xưa ở Trung Kỳ; 2. Việc tăng ruộng, tăng thuế; 3. Tình hình có quan hệ đến lợi hại của nông dân hiện thời ở Trung Kỳ; 4. Chính sách tiền tệ; 5. Giá bạc; 6. Lệ cho vay; 7. Tình trạng cho vay của Nhà nước hiện nay và lợi hại của việc nắm quyền cho vay; 8. Lý do, lượng tiền bạc giảm sút ở Trung Kỳ; 9. Việc rút ngắn thời kỳ thu thuế và các loại tiền tệ đến với nông dân trong thời kỳ thu thuế; 10. Thuế đình - Đại lược về số đình và về việc ấn định số người nộp thuế ở nước Nam thời xưa; 11. Thuế suất; 12. So sánh thuế suất nhiều ít, nặng nhẹ trong thời kỳ tăng đình, tăng thuế và tình hình khổ sở của dân nghèo.

IV. *Tệ của sưu dịch:* 1. Tình hình hỗn loạn, gian dối của phép bắt sưu và lý do cùng lợi hại có liên quan tới thuế đình; 2. Việc đón rước hầu hạ quan Pháp; 3. Việc khiêng vác hàng hóa; 4. Việc sửa đắp đường sá; 5. Tình hình sinh kế của dân nghèo cùng sự rối loạn của thời kỳ làm sưu; 7. Lý do tin dùng người coi việc sưu; Việc lộ chính thuộc quan Nam.

Thực ra thì ở tác phẩm này, tác giả đã có "tu chỉnh" lại một số điều mục và nội dung ở tác phẩm TRUNG KỲ ĐIỀN THỔ THUẾ NGẠCH HẢ TRỌNG THỦY MẠT CHI TÌNH HÌNH (Tình hình đầu đuôi về sự hà khắc của ngạch thuế ruộng đất ở Trung Kỳ) nhất là về các mục thuế điền, thuế đình, phép sưu dịch, và đã bổ sung, hệ thống hóa lại đầy đủ hơn và cũng cụ thể hóa bản "cáo trạng về nỗi khổ của người dân thuộc địa" mà tác giả đã dày công nghiên cứu khảo nghiệm.

ĐÔNG DƯƠNG CHÍNH TRỊ LUẬN

I. TỔNG LUẬN

1. DÙNG NGƯỜI

Hoạ phúc của nhân dân gốc ở nền chính trị; mà chính trị tốt hay xấu thì bắt đầu ở chỗ dùng người. Nếu chính trị nhằm làm cho nước lợi dân giàu thì lối dùng người sẽ là công; dùng người công chính thì tài trí sẽ được phát huy, mọi việc thực hành được chu tất. Nếu chính trị nhằm vào tư lợi cá nhân, thì lối dùng người ắt là tư; dùng người đã thiên tư thì hối lộ nảy sinh, kỷ cương rối loạn. Tăng thêm một viên quan là đem lại mối hại của một viên quan; đề ra một chủ trương là tăng thêm mối tệ của một chủ trương. Dùng pháp luật thì pháp luật trở nên công cụ hãm hại người; nói dùng giáo dục, thì giáo dục lại là đầu mối nảy sinh tội ác. Tài chính lạm dụng thì thuế má ắt phải tăng. Thưởng phạt đã thiên vị thì không thể nào làm trong sạch đám viên chức được. Đã không bàn đến việc trừ mối hại dân của nền tệ chính thì những lời hay ý đẹp chỉ là những cạm bẫy sâu hiểm mà thôi. Xét kỹ những điều ấy, thì chính giới Đông Dương ngày nay thế nào, chẳng cần hỏi cũng biết được vậy.

2. TỆ DÙNG NGƯỜI

Nước Đại Pháp xưa nay không chú trọng các chính sách kinh lý Đông Dương. Cho nên trong việc dùng người, đặt quan chức, chẳng kể đến việc một đôi người chiếm cứ chức vị riêng nào, mà mỗi khi thay đổi vai vế trong chính quyền thì phần lớn người ta kéo theo kẻ thuộc hạ cùng phe cánh, và ai cũng tranh chấp địa vị tốt, để có thể ngồi hưởng quyền lợi. Tình hình ngày một đổi mới nhưng thói cũ vẫn không chữa. Lúc ấy lại tăng viên chức, tăng số

cục, phiền tạp lắm điều. Một việc có thể chỉ do một cục nắm giữ thì lại tăng dần lên ba, bốn cục. Tăng rồi lại tăng, đặt rồi lại đặt, máu tuỷ của dân vì thế mà bị hút kiệt.

3. LẠM DỤNG VIỆC ĐẶT QUAN

Thương chính⁽¹⁾ Đông Dương, cả năm xứ Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ, Cao Miên, Ai Lao đều có đặt tổng cục; dưới tổng cục đặt phân cục. Các tỉnh nhỏ đặt năm ba sở; tỉnh lớn đặt mười sở. Mười năm trước đây lại đặt thêm Tổng cục Thương chính Đông Dương.

Ty Lục lộ⁽²⁾ cũng vậy. Cả năm xứ Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ, Cao Miên, Ai Lao đều có đặt Tổng cục và còn đặt thêm Tổng cục Lục lộ Đông Dương.

Sở Canh nông, sở Bách công⁽³⁾, các xứ Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ, Cao Miên, Ai Lao đều có đặt Đại cục, có xứ đặt thêm phân cục; và còn đặt thêm Tổng cục Canh nông Đông Dương.

Những việc đó là cần thiết trong công việc kinh lý quốc gia; không thể không thiết lập cục sở; thế nhưng việc đặt quan chức, lập cục sở là mong đủ để làm việc, đâu có phải thật nhiều người lắm cục mới xong việc. Nay cục sở phiền tạp như vậy chẳng phải là điều đáng kinh ngạc lắm sao? Huống chi mỗi cục có thể chỉ cần một vài người làm thì lại tăng đến năm, sáu người hoặc trên mười người. Một việc có thể chỉ cần một vài cục coi giữ thì lại tăng lên bốn, năm cục, nên chẳng có việc gì để làm, ngồi giữ văn thư, kéo bè cánh thuộc hạ riêng tư; hao tổn hàng triệu bạc hàng năm. Như vậy thì tài chính làm sao không hụt; tô thuế làm sao không tăng, dân sinh làm sao khỏi khốn cùng? Giả như dùng người đích đáng, có thể làm tròn chức phận, có lợi cho quốc dân ít nhiều, thì quốc dân sẽ gắng chịu khổ sở nhất thời, gánh vác công việc tài chính để cung ứng cho người làm việc, như vậy cũng còn được; thế nhưng ở đây chẳng có lợi gì cho dân, ngồi không hưởng quyền lợi; dầu cho tệ hại không nảy sinh, thì cũng là đem máu và mồ hôi của dân tộc

⁽¹⁾ *Thương chính*: Việc hành chính về thương mại. Ta thường gọi sở Quan thuế là sở Thương chính.

⁽²⁾ *Lục lộ*: “Cục Lục lộ nắm giữ tất cả những công việc về cầu cống đường bộ, sông ngòi, đường thủy”.

⁽³⁾ *Sở Canh nông, sở Bách công*: Cơ quan coi về nông nghiệp và công nghiệp ở mỗi nơi.

hèn yếu mà cung phụng cho kẻ cường mạnh, thế là sự hy sinh dân tộc là điều hiển nhiên vậy.

Ngày nay, đặt thêm một cục thì tăng thêm một khoản chi phí, tăng thêm một chức quan là tăng thêm một mối tệ. Lợi ích chưa thấy đâu mà họa hại đã nảy ra liên tục, nhiều sách gian dối ở mặt nào cũng có. Dân dưới không biết kêu ai, quan trên như điếc, mà dẫu có ai nói điều gì thì cũng coi như sợi tóc sợi tơ.

[II. TỆ TRONG CÁC CỤC, CÁC NGÀNH]

1. TỆ CỦA CỤC THƯƠNG CHÍNH

Phân cục Thương chính đã nhiều lại dùng không đúng người. Hễ gặp thuyền bè người nước Nam, thì họ nhiều sách đủ điều: muối, gạo, thuốc lá, hàng thổ sản, thuyền bè qua lại, cứ mỗi chiếc phải hối lộ hai, ba đồng mới chịu kiểm soát cho đi; nếu không, thì họ tìm cách giữ lại: sai đem sổ thuyền, hóa đơn do viên chức của Cục nắm giữ ra để kiểm soát; hoặc bảo là viên chức của Cục đi vắng; hoặc bảo là bận nhiều việc, chưa thể kiểm soát được ngay; hoặc buộc người ta mang hàng hóa trong thuyền chở đến Cục sở, phải ở lại cách đêm; nếu gặp phải ngày chủ nhật thì phải kéo dài mấy ngày mới cho đi. Chi phí vận tải đã quá cao, mà còn có lúc hàng hóa bị ngâm nước cân nặng hơn, không phù hợp với trọng lượng đã ghi trong hóa đơn, thế là lập tức phạm tội. Người dân ngu nước Nam sợ quan như cọp, mà đối với quan Pháp lại càng khùng khiếp, có ai cãi lại! Thế sao không kiện lên tòa thẩm phán? Phí tổn đầu đơn kiện vượt quá cả trị giá hàng hóa trong thuyền. Thời gian kiện tụng lại kéo dài mấy tuần, phải trái chưa biết ra sao, mà phí tổn đã gấp mười lần. Huống chi xưa nay quan Pháp không kể việc gì, đều bênh vực người Pháp, thế thì kiện cũng chẳng làm rõ lẽ phải; mà dẫu có ra lẽ phải đi nữa cũng chẳng bù đủ phí tổn. Thương dân⁽¹⁾ phần lớn thuộc hạng trung sản⁽²⁾ trở xuống, vốn liếng vay nhờ ở nhà giàu, họ đâu dám tranh hơn để phải vong gia bại sản, đành phải ngậm mồm nuốt giận góp vài ba đồng bạc mồ hôi nước mắt, cung phụng cho túi tham của bọn ấy để

⁽¹⁾ *Thương dân*: Người dân buôn bán.

⁽²⁾ *Trung sản*: Có tài sản vừa.

cầu vô sự. Cái tệ này đến nay đã trở thành lệ thường, coi như là bổng lộc ngoại lệ của viên chức Cục Thương chính vậy.

Tửu chính Đông Dương ép dân mua rượu làm khổ dân chúng trong các thôn xã; oán giận chồng chất. Xứ Bắc Kỳ chịu nặng nề nhất; xứ Trung Kỳ thì mấy tỉnh Nghệ An, Thanh Hóa bị hại mà thôi. Cái chính sự tệ hại này ngày nay được người Đại Pháp đã biết rõ, chẳng cần phải kể ra đây đủ. Thế nhưng việc đó là mối tệ hại của Thương chính, chứ chẳng nên trở thành mối tệ hại của quan cai trị. Cục Thương chính không có liên can gì đến quyền dân sự. Chỉ do quan cai trị thông đồng với kẻ bao thầu mới tạo nên tệ hại mà thôi. Lại còn một việc thực đã là mối tệ hại chung cho cả ba kỳ, ấy là việc người của Cục Thương chính sục vào nhà người ta kiểm soát rượu lậu. Có lúc không thấy trong nhà người ta có rượu lậu thì đập phá đồ đạc cho sượng tay; nhà người ta có rượu Thương chính nhưng do để lâu ngày mà độ số có sai thất ít nhiều, hoặc có người dùng rượu Thương chính nhưng có bỏ trà Tàu vào để trừ độc, nên độ số có sai thất, thì đều nhất luật bị coi là rượu lậu; nhân dân chịu oan không kể xiết. Rượu do kẻ bao thầu thuế rượu Đông Dương nấu ra, phần lớn đều có bỏ các chất độc, chỉ cần lời nhiều, không đếm xỉa đến vệ sinh. Vả lại, vì giá rượu quá cao, nên số người uống rất ít. Cục Thương chính bèn thông đồng với quan cai trị, chiếu theo số dân mỗi xã, mỗi thôn mà chia số rượu cần bán của họ. Hàng tháng bắt các lý trưởng mang tiền đến Cục Thương chính, nhận rượu về phát cho dân trong làng, trong xã. Vì vậy, mà đến kẻ cùng đinh rất ghét rượu cũng phải bị buộc chịu đổi rét, mua rượu tập uống. Bởi vì rượu Cục Thương chính có bỏ nhiều đá vôi và các vật liệu độc khác, nên vị rượu quá cay nóng, khác với vị rượu do người nước Nam tự nấu lấy; thế nên việc nấu rượu lậu, bán rượu lậu thế tất là không tránh khỏi, nhưng xử phạt về rượu lậu rất nặng. Khi đã sa vào lưới bẫy thì lập tức bị phá sản; kẻ dân cùng sau khi bị khổ sai, còn kéo dài đời tàn của mình sau này trong cảnh con khóc vợ kêu. Họ đành phải làm kẻ trộm cướp, dẫu lòng họ không muốn vậy.

Người trong Cục Thương chính biết những kẻ cùng dân cùng quần không lối thoát ấy, nếu có tróc nã khép vào trọng tội, cũng chẳng có lợi lộc gì; lúc ấy họ bèn sai người từ bốn phía đột nhập vào làng xã, vút vào nhà người khá giả những vò hèm, bình rượu

để vu oan giá họa, mong tìm cơ phạt tiền. Thêm nữa, dân ngu nước Nam không hiểu biết gì, nên có một bọn tráo trở đi tâu báo, làm chứng, tâm địa như loài lang sói, lấy việc báo thù để thỏa nỗi căm phẫn riêng tư. Như thế, gà chó trong ba kỳ cũng sống không yên ổn nữa là người.

Dân làng không chịu nổi sự nhùng nhể nên đã nổi nóng tranh biện; việc lớn thì bị bắn, việc nhỏ thì cũng đánh bị thương. Nếu có ai tố giác lên quan Pháp, thì mười quan không được lấy một người công bằng, mà may ra gặp người công bằng đi nữa thì bất quá là được miễn phạt tội mà thôi; còn về phí tổn đơn trưng kiện tụng phí tổn ăn uống hầu kiện, phí tổn thuê luật sư thì không kể xiết. Nếu mà bị vu khống hãm hại thì tai họa đến cả làng xóm, cho đến khi có được tha về, kéo dài cái đời tàn thì cũng phải sống trong cảnh gia sản sạch không, thân mình máu thịt bê bết qua những trận roi đòn trong lao tù. Mối tệ hại này, trong mấy chục năm lan khắp cả ba kỳ, không nơi nào không có; thế nhưng các bản án về các vụ ấy đều bị quan Pháp che giấu. Sự việc đã cũ, thời gian đã lâu khó lòng phanh phui nêu lại. Nay chỉ trích một việc có chứng cứ rõ ràng, được mọi người biết để cung cấp cho người Pháp phán xét mà thôi⁽¹⁾.

Cách đây mấy năm, người của Cục Thương chính hạt Gia-Định⁽²⁾, giữa ban ngày đột nhập vào nhà người ta tự tiện kiểm soát, hương chức trong xã nghe có việc bèn đến hỏi, thì bị người Pháp bắn chết một người, bắn bị thương một người. Sự việc trình lên tòa án, quan thẩm phán chỉ mời người Pháp đến hỏi qua loa rồi cho về. Nhà báo người Pháp ở Đông Dương, George đã tranh biện với người Pháp ở Đông Dương, tỏ ra có ít nhiều công tâm, đã bất bình nổi giận. Quan cai trị người Pháp không biết làm sao được mới chịu cấp tiền tuất⁽³⁾ mấy trăm đồng cho hai người, để mong cho qua việc. Nhưng cũng may sự việc ấy đã xảy ra ở bốn hạt Gia Định, nhiều người tai mắt đều nghe thấy, không thể giấu

(1) *Nc*: “Loại sự việc này có rất nhiều chứng cứ xác thực, đều được ghi lại trong nhật ký, lúc bị bắt tôi để cả lại nhà: nếu người Pháp không tin, thì chờ dịp tôi về nước, sẽ chép lại thành tập, để tỏ rằng tôi chẳng nói sai”.

(2) *Hạt Gia Định*: Cũng như “khu vực Gia Định”.

(3) *Tiền tuất*: Tiền giúp đỡ.

điểm cho được cho nên mới chịu bỏ ra ít tiền tuất; nếu như ở một địa hạt xa xôi nào, hoặc ở các tỉnh của hai xứ Trung Kỳ, Bắc Kỳ thì chẳng có ai đoán hoài vậy. Cùng những sự việc như vậy, mà xem xét với con mắt công bình của người ở nước Đại Pháp thì đều thấy mọi điều là trái với công lý; nhưng với con mắt của quan Pháp ở Đông Dương thấy thế thì chỉ nhìn nhau cười, vì họ cho rằng người nước Nam mọi rợ như trâu ngựa, ta tùy ý đâm chém. Loại tệ hại còn quá hơn là việc các ty sở nhàn rỗi không việc.

Lại chuyện người của Cục Thương chính Trung Kỳ tự đặt ra nhà tạm giam. Hễ người nước Nam nào làm điều gì họ không vừa ý thì bị tống vào nhà giam. Mấy năm trước đây, Trinh tôi có đi qua cảng Vĩnh Lâm, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên đã mua vé đò, khi sắp xuống đò đi Phan Rang, nhân vì chuyện người đi theo tôi đã không cất nón chào khi gặp người của Cục Thương chính, nên đã bị người Pháp trói đánh bắt vào nhà giam, Trinh tôi cũng bị bắt giam tranh biện mất hai giờ đồng hồ, mới cho phép lên tỉnh xét hỏi, sau mới được thả; thế là vé đò đã quá hạn hơn mười ngày rồi. Tôi thấy sự tàn bạo quá đỗi kinh ngạc, bèn hỏi người địa phương, thì họ đều nói rằng: “Người Pháp hết sức ngang ngược, mỗi tối bắt dân xã đưa họ đi dạo chơi ở bờ biển, người trong làng xã đi qua trước mặt họ, nếu không cúi đầu cất nón chào thì lập tức bị giam và đánh đập, không ai không sợ họ”. Từ đó mà xét thì người nước Nam ngu hèn thật là đáng thương hại, nhưng sự ngang ngược tàn bạo của người Thương chính há không phải khả ố sao? Những sự việc kiểu như vậy nhiều vô kể trong toàn cõi Đông Dương. Tôi là người ngoài cuộc chỉ đi qua có một lần, vốn là không liên can gì với Thương chính, và dám tranh biện với họ, mà còn liên lụy đến như vậy; huống chi đến những người nước Nam hèn yếu không hiểu biết, thuyền bè hàng hóa qua lại sự việc thiết yếu như huyết mạch, hàng ngày giao thiệp với Thương chính, thì hẳn phải ở trong cảnh “cá thối nằm trên thớt” rồi.

Ngày nay, mỗi tệ hại của Thương chính các nước trên thế giới không đâu như ở cửa khẩu Trung Hoa, bắt giữ hạch sách đủ điều, thậm chí thuyền buôn trong nước mà đều treo cờ nước ngoài, để khỏi bị hại, thực là điều làm trò cười cho các nước văn minh Âu Mỹ, thế mà Thương chính Đông Dương bây giờ còn thâm độc hơn

thế nhiều lắm.

2. TỆ CỦA LỤC LỘ

Cục Lục lộ nắm giữ tất cả những công việc về cầu cống đường bộ, sông ngòi, đường thủy. Khi có công việc cần làm thì do Hội đồng Lục lộ và quan Pháp địa hạt trừ liệu; dài ngắn bao nhiêu, gỗ ván bao nhiêu, vôi đá bao nhiêu, tiền bạc bao nhiêu, tất cả đều tính toán quyết định, rồi đem ra đấu giá khởi công. Công việc xong, cũng do Hội đồng kiểm xét đốc công cùng quan địa hạt và chủ bao thầu thông đồng chia lợi một cách âm muội, làm ít báo nhiều, làm xấu nói tốt. Loại việc tệ hại này ai cũng biết.

Nghề đấu thầu ở Đông Dương, ngoài người Pháp ra, thì đều là người Trung Hoa chiếm lợi. Có lẽ người Trung Hoa thạo việc đắp các con đường trung lộ. Cũng có một vài việc do người nước Nam lãnh thầu, đó chẳng qua cũng chỉ là một thủ đoạn mà thôi. Nếu không như vậy, thì sao người ta đã hết lòng làm việc, không sai sót mảy may thế mà họ vẫn bối lông tìm vết để bắt bẻ.

Xét ra việc ấy hình như không tai hại gì lắm, thế nhưng gián tiếp làm khổ người Nam cũng nhiều.

Một là: Trong dự án ngân sách chi tiêu hàng năm của Đông Dương, sự nghiệp công ích chỉ là một phần hai mươi tổng số. Trong một phần hai mươi đó, lại bị quan cai trị đem chuyển dùng vào việc khác hơn một nửa. Tài khoản kinh doanh dân sự còn lại chỉ là ba, bốn phần ấy lại bị bọn khốn nạn đục khoét. Vì vậy, mà sự nghiệp công ích thực hành trong dân chúng chỉ bằng một phần trăm số tài khoản công ích đã ấn định.

Hai là: Thương nghiệp nước Nam rất ấu trĩ, nhưng giả sử quan Đại Pháp giúp đỡ gây dựng thì nó có thể phát đạt, tranh lợi với người Trung Hoa đâu có khó khăn gì, mà dẫu không thể giúp đỡ gây dựng đi nữa thì lấy cái thái độ công bằng mà đối xử, để mặc cho người nước Nam tự lực cạnh tranh với thương nghiệp Trung Hoa, dẫu rằng không thể kịp người ta thì cũng không đến nỗi thua sút quá xa như vậy; mỗi tệ hại ấy ngày nay thành trở lực lớn, quan Pháp ngấm ngầm nâng đỡ người Trung Hoa, nên thương nghiệp nước Nam lại chịu áp chế. Ngày nay quyền lợi của Đông Dương đều lọt vào tay thương nhân nước ngoài, nguyên nhân của nó thì rất nhiều, nhưng nguyên nhân trực tiếp, gián tiếp làm hại

người nước Nam, thứ nhất là thương chính, thứ hai là quan cai trị, và Cục Lục lộ cũng là một đầu mối vậy.

Tuy rằng các tệ hại trong cách đấu thầu kiểm xét ở các nước văn minh cũng còn có cả; nhưng trong chính giới Đông Dương ngày nay quyền chính rối loạn, nên tệ hại gấp trăm lần. Nhưng đó chỉ là nguyên nhân tệ hại gián tiếp, cái tệ hại trực tiếp là những viên chức của Cục Lục lộ. Mỗi lần đắp đường mở kênh, họ tự gây ra biết bao nhiêu những điều tệ hại cho người ta.

Phàm những địa hạt nào cần đắp đường mới, đào kênh mới thì trước tiên do người của Cục Lục lộ khảo sát địa thế, cắm cột mốc làm dấu, thế rồi người của Cục Lục lộ khi xây dựng thường thường tìm cớ gây hại. Họ bắt quanh đường cho chạy vào giữa hoa lợi vườn tược, hoặc đi qua nhà thờ, phần mộ, những vùng mồ mả của người ta: Trước tiên, họ chặt phá hàng rào vườn tược, phá huỷ bờ cõi, người ta sợ hãi phải mang tiền bạc ra đút lót, họ mới dời đi nơi khác, rồi người nơi đó cũng vậy.

Mỗi lần mở đường, đều thay đổi đến bốn, năm lần cho đến khi thu được thật nhiều tiền mới chịu tiến hành theo hàng tiêu, nếu không thì buộc dời nhà, dời mộ, định thời hạn thúc ép di chuyển. Phần lớn những nhà nghèo không chuyển dời kịp trong hạn định, thì gia sản bị phá huỷ, mồ mả bị đào bật xương cốt, thật là khủng khiếp đau lòng chẳng có gì còn hơn thế được nữa. Những nơi bị hại Trinh tôi thấy đã nhiều, nhưng cũng chưa nơi nào bằng huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam và phố Đà Nẵng, nhượng địa⁽¹⁾ tiếp liền các làng xã. Có lẽ xứ Trung Kỳ xưa nay đường sá trong dân gian hầu hết chưa được đắp sửa; chỉ những nơi có quan Pháp tụ tập mới tiến hành xây đắp. Địa hạt ấy liền với nhượng địa người Pháp thường đi lại, cho nên Cục Lục lộ mới đắp sửa nhiều hơn ở các nơi khác và cũng vì thế mà ở đấy người dân bị hại nhiều hơn. Nhưng ở đây là do có việc thực hành xây đắp mà kiếm có sinh sự, còn có thể nói được; điều đáng lạ hơn là nơi không có việc xây đắp gì mà cũng sấn vào làng xóm cắm bừa cột mốc, đòi của hối lộ như ở xã Liễu Trì và mấy thôn lân cận ở huyện Nhượng Dương(?) tỉnh Quảng Nam, mấy năm trước đây, từng bị người của Cục Lục lộ

⁽¹⁾ Nhượng địa: Đất nhường cho nước khác, ở đây là nước Pháp.

đến khảo sát, kết quả các khoảnh ruộng màu mỡ đều bị cắm mốc, họ nói rằng sẽ mở nương nước, rồi nhấn bảo các nhà giàu, thúc ép hối lộ, mỗi tháng nhiều sách một lần, đến nay đã năm, sáu năm, cột mốc đã mục nát hư hỏng, nương nước chưa thấy khởi công, thế mà chẳng có ai nhắc đến việc ấy nữa.

Lại việc ở xã Phú Cốc, huyện Quế Sơn, mấy năm trước đây, có mấy người của Cục Lục lộ đến tuyên bố rằng sẽ khảo sát mở đường xe lửa. Trước hết họ đến các vùng có nhiều mồ mả của nhà giàu dẫn cây phá bờ, trồng cột mốc. Dân xã không chịu nổi sự nhùng nhằng của họ, bèn đến toà Công sứ kiện cáo sự việc mới đình chỉ. Về sau con đường đó chẳng thấy có ai khảo sát lại. Nhưng đó cũng chỉ là việc nhỏ mà thôi. Còn một việc có quan hệ đến tính mệnh cả tỉnh, cho đến nay người nước Nam oán giận đến tận xương tủy. Mười năm trước đây ở vùng tiếp giáp thượng du của ba huyện Đại Lộc, Diên Phước, Hòa Vang thuộc tỉnh Quảng Nam, có mở một con sông dài, nối sông Đại Lộc với đầu nguồn sông Cẩm Lệ, Hòa Vang. Lúc bắt đầu khởi công đã hủy hoại vô số nhà vườn của nhân dân. Mồ mả của nhà nghèo không thể dời kịp, đều bị đào bới vứt bỏ hết. Dân ở các huyện vùng lân cận trong toàn tỉnh đều phải góp 4 ngày công ích, đi phu lục lộ. Lệnh sức bắt dân tự lo liệu ăn uống; người bần cùng chịu đói đi phu dịch. Sau bốn ngày, lại sức bắt dân có trả tiền công, nhưng tiền công lại bị bọn cấp phát ăn bớt. Trong vài ba năm phu dịch bẽ bộn, oán trách chồng chất, lại thêm ở vùng đó lam sơn chuồng khí, dân phu ốm chết nhiều không kể xiết⁽¹⁾.

Kể ra thì đó gọi là một công trình lớn của Cục Lục lộ, thế nhưng sông đào được bao nhiêu lại lấp đi bấy nhiêu, không thành sông, về sau phải đình chỉ, không đào sông đó nữa mà tiền của cả tỉnh vứt không, máu thịt của người dân đầy ngòi rãnh như vậy, mà chẳng ai thêm hỏi đến. Khi con sông ấy mới bắt đầu khởi công, các người hiểu biết nước Nam đều biết là sẽ không thành công, vả lại sông ấy chẳng quan hệ gì đến sự nghiệp nông thương; vậy lợi ích của nó ở đâu? Đến nay có ai dám hỏi một tin tức gì ở quan Lục lộ.

Những sự việc nêu ở trên đây chỉ là nói lên mấy điều mà Trinh

⁽¹⁾ Nc: “Dân trong xã của Trinh tôi có đến ba người ốm chết ở đó”.

tôi đã mắt thấy tai nghe ở bản hạt⁽¹⁾ mà thôi. Biết bao mối tệ hại khác khắp ở hai xứ Bắc, Trung Kỳ, nhiều vô kể khó kể hết được.

Lộ chính Trung Kỳ làm khổ dân chẳng phải chỉ do người của Cục Lục lộ mà thôi, còn do việc quan Pháp tỉnh có sức cho quan Nam triều tự tiến hành, khám đạc, thúc dân xây đắp, sai khiến dân quá tàn tệ, những việc ấy thôi tạm chưa nói đến, chỉ cái tệ hại của một việc đắp đường, cũng có biết bao nhiêu chuyện dựng cột đóng mố, đòi hối lộ, cũng giống hệt như các người trong Cục Lục lộ; vả lại những ruộng đất bị chiếm làm đường đã không bồi tiền lại không trừ thuế; hoặc đi qua ruộng lúa đang kỳ làm đồng trở bông, họ cũng bắt lập tức hủy hoại để tiện việc xây đắp, hoặc khi đường đi xuyên qua nhà dân, vườn cây ăn quả sum sê, giả sử con đường chỉ dời qua một ít thì có thể nuôi được mấy mạng người, nếu không hối lộ thì nó đắp thẳng vào phá hoại hết sạch. Dân nghèo có được bao lăm đất đai, của cải! Mấy năm trước đây, Trinh tôi đi qua xã Hà Lam huyện Lễ Dương tỉnh Quảng Nam, nơi đang đắp lại con đường cũ thấy dân phu đang phá hủy lúa và ruộng không ở hai bên đường đi qua để đắp, lúa đã trở bông được hơn mười ngày, chỉ chậm lại khoảng mười lăm ngày thì có thể thu hoạch, chủ nhân của đám ruộng đứng vòng quanh ruộng nhìn mà khóc! Trinh tôi hỏi: “Sao lại không kiện lên quan phủ huyện?” Thì họ đều nói rằng: “Quan phủ đây sức về làm như vậy”. Tôi lại hỏi: “Sao không kiện lên Công sứ tỉnh này?” Thì họ nói: “Quan phủ ở đây được quan Công sứ quý mến lắm, mấy tháng trước đây dân xã sáu tổng trong toàn hạt làm đơn tố cáo sự việc lên quan Khâm sứ ở Kinh đô. Chẳng ai có thể sáng suốt, rộng lượng như quan Khâm sứ; thế nhưng đến nay dân xã vẫn bị bóc lột một cách vô lý, so với trước còn thậm tệ hơn”. Trinh tôi nghe nói đành thở dài rồi bỏ đi. Tệ hại này rất phổ biến ở Trung Kỳ, ở đây tôi chỉ nêu lên một sự việc mắt thấy tai nghe mà thôi. Thực ra việc này là cái tệ hại của quan cai trị, chẳng liên quan đến người trong Cục Lục lộ, nhưng nhân nói đến tệ hại của Cục Lục lộ mà nêu ra đây thôi.

⁽¹⁾ *Bản hạt*: Vùng của tôi.

3. TỆ CỦA CANH NÔNG

Trường Canh nông Đông Dương xây dựng ở Nam Kỳ đã lâu còn Bắc Kỳ, Trung Kỳ thì mười năm trước đây xây dựng hai tổng cục ở xứ Hà Nội và Thừa Thiên, gồm cả Sở Bách công. Vận mệnh quốc gia ở đâu? chẳng phải là điều mà người ngoài cục có thể biết được sao. Hay là vì nghĩ đến danh, lo đến nghĩa mà đem dạy công nghệ và nông học đó chẳng?

Nông dân nước Nam từ xưa đến nay vẫn giữ tập quán cũ, nông cụ phế, không linh hoạt, giống lúa, thổ nghi không được lựa chọn, cho nên nghề nông ngày càng thấy thoái hóa. Nay nghe nói nước Bảo hộ mở trường Canh nông, trường Bách công, ai cũng nói rằng nông học từ đây được cải lương, công học từ đây được tiến hóa, đất đai ngày một mở rộng, sinh kế ngày một dồi dào, giới nông thương nước Nam ngày một tăng thêm lợi ích. Nhưng nay thử đi khắp mọi nơi trong toàn hạt Đông Dương quan sát xem trường Canh nông có ảnh hưởng gì đối với việc cây cấy của nhà nông không? Hãy đi xem xét xem quốc gia đặt Thiết cục, Thuyền cục⁽¹⁾ và các sở chế tạo, người họ thuê không phải người Pháp thì là người Trung Hoa mà thôi. Học sinh trường Công nghệ tuy có được một số ít tri thức kỹ nghệ, cũng không có nơi dùng, họ đều đi tìm việc khác làm để kiếm sống. Những sự việc ấy phỏng có lợi ích gì cho người nước Nam, mà chi phí hàng năm lên đến mấy mươi vạn đồng, như thế là để làm gì?

Nếu như không có lợi cho dân mà cũng không hại tý gì cả thì cũng có thể được, thế nhưng từ ngày tăng thêm quan Kiểm lâm, thì tệ hại của trường Canh nông cùng với các Cục Lục lộ, Thương chính đều nảy sinh ra hàng loạt.

Toàn hạt Đông Dương, phàm là gỗ củi đưa ra khỏi rừng, hoặc đốn chặt phải đi qua các nơi có đặt Cục Kiểm lâm, nhân viên cục đó đều do trường Canh nông lựa chọn phái đến, và vận chuyển gỗ củi xuôi theo khe suối, dọc hai bên bờ, từng đoạn một có đặt Cục Kiểm lâm để phòng gian lậu.

Quốc gia lập pháp có thể nói là nghiêm mật; nhưng người nước Nam gian lận vốn có thể đề phòng, mà tệ hại của nhân viên trong

⁽¹⁾ *Thiết cục, Thuyền cục*: Cơ quan coi về sắt, thép, về đóng tàu, thuyền.

cục thì quốc gia không hề đề phòng. Hàng loạt mối tệ từ đó sinh ra. Thử nêu một số việc như sau:

Người nước Nam chuyên nghề gỗ củi, trước tiên nạp thuế rừng cả năm, lúc nào vào rừng chặt cây thì việc trước hết là đầu đơn lên Cục Kiểm lâm kể rõ chặt hạng nào, gỗ sắc gì, bao nhiêu đoạn, chu vi, dài ngắn bao nhiêu thước; thời gian mấy ngày, tháng phải ghi rõ ràng, đợi cục viên ký tên chấp nhận, sau đó mới được vào rừng đốn chặt. Hết hạn chuyển đến bến để cho cục viên kiểm soát xong mới được xuôi bè. Mỗi lần đi qua một cục lại bị kiểm soát như trước, gỗ củi vận chuyển xuôi dòng thuận lợi khi nước xuống, còn nếu như gặp phải lúc nước thủy triều dâng lên to thì vận chuyển chậm chạp phí tổn tăng gấp bội. Vả lại, người khách mua gỗ củi này, trước tiên làm việc giao ước kỳ hạn, ký hết ngày giờ cụ thể, nếu sai kỳ hạn vận chuyển thì khách mua không thêm hỏi lại nữa. Thế là lỗ vốn. Nhân viên Cục Kiểm lâm hiểu rõ tình trạng này lắm, trước tiên họ giữ người Nam lại hạch sách đòi hối lộ, được tiền hối lộ rồi mới cho đi, nếu không thì bắt đạu lại. Cục này như thế, cục khác cũng như thế, mà thương dân mua bán bị bắt bẻ hết điều này qua điều khác, phiền phức không thể chịu được. Lại nữa, phạm khi vào đốn củi, trước hết phải đốn những cây to ở ngoài rìa núi, còn cây nhỏ ở đây họ cấm ngặt, đợi sau khi lớn thành gỗ đã mới đốn. Vì thế mà nhân viên cục Kiểm lâm càng có cách làm lợi. Gỗ củi tuy đốn ở tầng trong nhưng phải vận chuyển đi qua vùng rừng cấm bên ngoài mới có thể đến đường cái hoặc bến nước. Trong rừng núi vận chuyển khó khăn, trâu kéo vất vả thế tất phải đi qua vùng rừng cấm, gặp nguy hiểm ở đó và không may gặp người trong Cục Kiểm lâm thế nào cũng bị hạch sách đòi hối lộ, hễ có một tí gì không làm thỏa mãn, chúng liền quy phạm cấm rồi phạt tù ngay.

Quan Pháp từ trước tới nay vốn bao che cho bọn này, thế mà người Nam không ai biết, người buôn bán nhỏ biết đầu tố vào nơi nào? Hơn nữa, từ tòa tỉnh đến các nơi đi bằng thuyền, bằng xe trâu, xa thì hết mười ngày gần thì cũng bốn năm ngày.

Quan Pháp mỗi lần đến cai trị ở Đông Dương, đều ở nơi quan trọng mà coi giữ việc nông thôn, dầu là nơi tiện đường xe cộ, tàu bè còn chưa muốn đặt chân đến, còn mong gì họ đặt chân đến những vùng lam sơn chướng khí để khám xét lại sự việc. Khi có

tiền thì chịu nén lòng đứt lốt, hối lộ; khi không có tiền thì cúi đầu chịu phạt, nếu không nữa thì vất bỏ lại mà chạy trốn thoát thân là may mắn nhất.

Khắp các nơi ở Nam Kỳ, Bắc Kỳ đâu đâu cũng có tệ hại như thế, duy chỉ có Trung Kỳ mới đặt Cục Kiểm lâm ba bốn năm, tôi e rằng cũng tệ hại như thế. Nhưng Trình tôi xa quê nhà đã lâu, nên cũng đỡ bớt chứng kiến những điều thương tâm ấy.

Một người Pháp ở Đông Dương làm đủ các tệ hại ngang ngược trong các nghề nông, công, thương. Người Pháp ở Đông Dương, kẻ nắm quyền lực trong tay thì nhiều sách mọi việc không tệ hại nào không sinh ra như đã lược kể ở trên. Còn có những người Pháp ở Đông Dương nói chung làm việc trong các ngành nông, công, thương ý thể hoành hành, coi dân ngu như cá thịt, họ độc ác, gian tham, lừa dối không sót ngón nào. Hãy nêu một số việc mà hiểu những việc khác.

Mấy năm trước đây, ở tỉnh Thái Bình xứ Bắc Kỳ, một người Pháp đến các nơi làm nghề bao thầu khai khẩn đất hoang. Chủ đất gặp khi hạn hán, đời sống khó khăn không thể cày cấy được, ông ta đòi nạp tô, bắt ép dân giao nạp văn khế. Giấy tờ họ đều viết bằng tiếng Pháp, cố ý hành văn quanh co, để dân ngu không biết, họ vừa làm vừa lừa dối, sau rồi chiếm hản làm của riêng⁽¹⁾. Dân làng không chịu nổi bèn cùng nhau đâm đơn kiện, sự việc đưa lên ngân mãi không giải quyết, dân tình xôn xao gần như nổi loạn. Quan Pháp không biết làm thế nào bèn phê chuẩn xuất tiền công hơn hai mươi vạn đồng chuộc đất đem trả cho dân, mới có thể dập tắt sự việc. Suốt trong vòng ba, bốn năm người ta đều bỏ nghề nghiệp để theo việc kiện cáo, được kiện cũng không bù nổi tổn phí. Ấy chỉ một người hoành hành mà nghèo giàu toàn hạt đều bị nhiễu loạn. Thật là không kể xiết.

Lại có một người Pháp ở tỉnh Thanh Hóa, khai khẩn đất đai cày cấy, bao chiếm ruộng của dân, sự việc được kiện lên tòa Công sứ, quan tòa xét thấy người Pháp này trái lý, người Pháp ấy oán thù, thừa lúc quan Công sứ đi công cán, y bèn dùng súng lục ám sát, may mà chưa trúng. Sự việc đệ trình lên Tòa án Pháp, người

⁽¹⁾ Nc: Trong chuyện này nó quanh co lắm thứ, không thể nêu lên hết được, nay tôi chỉ nêu sơ lược một chuyện như vậy để biết mà thôi.

Pháp này viện cớ rằng Công sứ vốn có hiềm khích riêng, chẳng liên quan đến việc kiện cáo ấy. Rồi người Pháp ở các đồn điền ở Đông Dương cũng liên kết nhau kháng nghị lên Tư pháp, họ vẫn bỏ qua sự việc đó và kết thúc trót lọt. Lòng dạ độc ác của người Pháp ấy người nước Nam ai mà không biết. Quan cai trị ở Đông Dương biết yêu mến dân như vị Công sứ nọ thì không phải là nhiều đâu; nếu có cũng chỉ một vài người, nhưng lại bị người Pháp thù ghét như thế đó, nên chẳng lạ lùng gì Công sứ các tỉnh tranh nhau dâng rượu hiềm bắt ép dân nghèo mua cho nhiều để lập công.

Lại có người Pháp ở một xã nào đó tại phủ Bồng Sơn tỉnh Bình Định, có vườn cau hơn mười mẫu tây, với hơn mấy nghìn gốc, kinh doanh mấy năm, thu được ít hoa lợi, sau bỏ nó mà đi, vườn cau không có người chăm sóc, quả thường bị người ta lấy trộm, người Pháp đó thuê người đi bắt kẻ lấy trộm, bắt được sẽ trọng thưởng tiền bạc. Sau đó bắt được ba bốn đứa trẻ trộm quả cau, tuổi độ mười lăm, mười sáu trở xuống, giải lên quan phủ tra hỏi; quan phủ vốn rất hà khắc, tham lam, lại dựa thế người Pháp thông đồng với nhau, dọa nạt bắt ép mấy đứa trẻ vu cáo cho mấy nhà giàu có lân cận, thế là gia sản của họ bị niêm phong cả. Sau đó chuyện này kiện lên tỉnh, lúc tòa chưa xét xử, chính là lúc Trình tôi còn ở tỉnh ấy, có gặp mấy chủ đi kiện, hỏi họ thì họ nói: “Đã tốn kém hết mấy nghìn đồng rồi”. Sau nghe người ta nói quan sứ xét miễn tịch thu tài sản cho những nhà này, nhưng phải bỏ ra hơn mấy nghìn đồng bồi thường cho người Pháp do ba bốn năm nay đã mất hoa lợi; quan Pháp xét xử như thế cũng trúng ý với quan nước Nam.

Lại một người Pháp ở tỉnh Khánh Hòa, bao thầu việc làm đường, đi ra các tỉnh Bắc Kỳ thuê mộ nhân công, được hơn năm trăm người; mới đầu nói đến tỉnh Quảng Nam, hàng ngày sẽ có cấp phát đầy đủ tiền công, chỗ ở đều do người Pháp lo liệu cả. Sau chở đến tỉnh Khánh Hòa, giảm mất một nửa tiền công, mỗi ngày chỉ cấp hai lon sữa bò gạo xấu và bảy đồng bạc ngang với ba trăm bảy mươi đồng tiền kẽm nước Nam lúc đó, lại không có nhà ở, hơn nữa đây là nơi lam sơn chướng khí, nhân công ốm đau nhiều, không thể làm việc được, mặt khác còn bị đánh đập đến chết, người ta không chịu nổi khổ cực, chạy trốn khắp nơi. Người Pháp

đó nhờ viên Công sứ sức cho quan nước Nam đón dọc đường bắt về rồi giải đến giao cho người Pháp. Người Pháp căm giận chồng chất nên ngược đãi những người dân chạy trốn này. Người chạy trốn về sau không dám đi theo đường quan, mà đều chạy vào vùng rừng núi dân Mán ở, bốn năm ngày không được ăn uống, phần lớn chết đói ở nơi rừng sâu. Ai may mắn sống sót thì chạy đến các tỉnh lân cận, mới dám xuất đầu lộ diện, quần áo rách nát, phải dùng bao gai cắt ra để che nửa thân dưới, tay chống gậy, toàn thân ghẻ lở, cứ ba bốn người thành một tốp, đi vào làng xóm xin ăn, tình trạng đói khổ, tiêu tụy, mắt không nở nhìn. Theo lời người dân chạy trốn cho biết; đợt phu dịch này, kẻ chết bệnh, người chạy trốn, người biệt tích, đã quá nửa rồi, người sống sót không đến ba bốn phần mười nữa.

Than ôi! Những cảnh thảm độc này trút lên người dân Nam bần cùng, những tệ hại này mãi mãi in sâu vào đầu óc không thể nào quên được.

Giả sử có hỏi quan lại hai nước, thì họ cho rằng những sự việc nhỏ nhặt như vậy, khắp toàn cõi Đông Dương đều có cả, lại không có án tích, thì quan lớn làm sao xét xử được. Nay xin nêu lên một việc gấp mười lần và có đủ chứng cứ như sau:

Một người Pháp bao thầu làm đường sắt Việt - Điện - Yên-Bái⁽¹⁾, vì con đường đi vào nơi núi sâu rừng thẳm, lam sơn chướng khí, nên không có người ứng mộ, quan nước Nam thay người Pháp đi về các tỉnh để thuê mộ nhân công, nói rằng: tiền công hàng tháng, ăn uống, chỗ ở, thuốc men đều do người Pháp lo liệu. Rồi họ ký giao kèo với quan các tỉnh mới mộ được người để giao cho người Pháp đưa lên tàu hỏa chở về nơi làm đường. Đến lúc khởi công, bọn họ lòng lang dạ thú, chỉ biết tiền tài lợi lộc, không kể gì đến tính mệnh người nước Nam, cấp phát thức ăn vật dụng đều bị tham ô, nhà ở thì chỉ dựa vào chi phí của tỉnh, trên dột, dưới nát, ứốt át, chật hẹp, bẩn thỉu mà lại chứa quá nhiều người, không khí ẩm ứốt, độc địa nặng nề, bệnh tật tăng lên, nhưng bệnh viện chỉ có mấy gian, thuốc điều trị thiếu thốn; người nhiều nhà ít chữa không hết, bệnh nặng mà thuốc thì sơ sài, chữa chạy không có kết

⁽¹⁾ Việt-Điện: Việt là tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây; Điện là tỉnh Vân Nam ở Trung Quốc.

quả gì cả, nội trong mấy tháng, người chết liên tiếp, không ai chịu nổi cảnh đó bèn chạy trốn, đó là lẽ tất nhiên.

Người Pháp sợ nhân công chạy trốn hết, ngày đi coi phu làm việc cũng mang súng đi theo, giống như coi tù nhân, ngay lúc ăn uống nghỉ ngơi cũng như thế, ban đêm thì cắt người canh giữ, vòng quanh nhà đều có hàng rào cao. Công nhân có bệnh xin đi bệnh viện, chúng cho là giả ốm, bắt làm công việc xây đắp vất vả không chịu được, thường bị chúng đánh đập dã man đến chết, lúc sắp chết chúng giả chuyển vào bệnh viện nhưng kỳ thực là đem vất vào rừng sâu. Vả lại, người chết ở bệnh viện ngày một nhiều, chúng sợ mất công đi chôn, nên công nhân càng khủng khiếp khi thấy chúng thừa lúc đêm đến khiêng người chết ra vất đầy hang núi, làm no bụng sói cọp. Muôn ngàn thảm độc không thể nào kể xiết.

Về sau, người chết ngày một nhiều, công nhân làm ngày một ít, chúng càng đốc thúc gay gắt, đến tối mịt vẫn không cho giải lao, công nhân không thể chịu nổi, người ta chạy trốn ngày một đông. Người Pháp sợ lộ việc này ra, nghiêm cấm tàu hỏa, hễ ai không có giấy của Cục ấy cấp thì không cho lên tàu, lại còn nói láo rằng: Công nhân được lĩnh tiền trước rồi bỏ trốn, cần bắt giữ lại. Công nhân chạy trốn không còn cách nào kêu van nữa, không có lối thoát, ngồi mà đợi chết, sao bằng trốn vào rừng. Vì họ biết rằng, ở lại đây không chết đói thì cũng chết bệnh, không chết vì đánh đập thì cũng chết vì lam chướng. Cũng có người chạy ngược sang đất Vân Nam, người buôn Trung Hoa thương họ đói khổ, quyên góp tiền gạo đem cho, cũng có người trốn vào rừng núi, hái quả cây ăn, đêm ngủ trên cành cây, may mà không chết, đi hết hơn một tháng mới về đến quê nhà và kể hết những thảm trạng đó cho mọi người nghe. Những người có hiểu biết nghe chuyện đều rơi nước mắt, cũng có nhiều người Pháp biết điều này. Những người thân thuộc của công nhân lên báo với tòa tỉnh, rồi sự việc được kiện lên quan Thống sứ, phát đơn nhiều lần, Thống sứ mới giao cho một kẻ thuộc hạ cấp tỉnh đến các xứ ấy xem xét về báo lại cho Thống sứ biết tình trạng ngược đãi thảm khốc đó. Quan Thống sứ bèn sức cấp ngay tiền cho người sống trở về, còn tiền công của những người chết không có ai truy hỏi cả. Có cấp phát chẳng qua là để lấp liếm bề ngoài cho xong chuyện đó thôi. Nghe người ta nói rằng: lúc

khám nghiệm ở rừng sâu, những chỗ vát xác tanh tao nồng nặc, có một số hoặc làm mồi cho dã thú, hoặc trôi theo khe suối chảy xuống tích lại, xương trắng chất thành đồng, lên cao nhìn xuống thấy giống hệt như những đồng đá trắng nằm kề nhau. Đến như chỗ nhốt bệnh nhân, mà cũng phải cật vấn nhiều lần người ta mới chỉ ra cho. Đợt phu dịch này, người chết của các tỉnh nhiều ít ra sao chưa biết rõ, riêng số người của tỉnh Thái Bình ứng mộ là bảy trăm người, mà số trở về vồn vẹn có hơn hai trăm người mà thôi. Trong số đó người mắc bệnh đã hơn một nửa. Than ôi! Sống ở trong trời đất, ai chẳng phải cùng một loài người, thế mà nỡ vì quyền lợi mà coi tính mạng muôn người như cỏ rác! Người ta chẳng phải là gỗ đá, thì ai mà chẳng đau lòng. Họa nặng thì oán sâu, không có nơi nào như ở đây. Thế mà sổ sách báo cáo của Đông Dương toàn kể la liệt những chuyện tốt đẹp để khoe với mẫu quốc, thế thì còn có một chỗ nào để bù vào chỗ những lời báo cáo vô tích sự ấy, để mong người đọc biết được sự thực không?

Lại ở hai xứ Bắc Kỳ, Trung Kỳ, có nhiều người Pháp khai khẩn ruộng đất, về chiêu mộ dân quê, làm tờ giao kèo, ở trong giấy đại khái viết thế này: Người ứng mộ hàng năm ứng nạp sưu thuế bao nhiêu do người chủ khai khẩn người Pháp này nạp thay, tiền công hàng tháng bao nhiêu, cách dự tính không phải là không tốt, nhưng khi thực hành thì lại không như thế. Người dân nghèo một thân một mình bị ràng buộc như chim lồng cá chậu, hơi động một tí là bị đánh đập tàn nhẫn, hoặc chịu đủ mọi hình phạt tàn ác. Chúng cấm đoán không cho ra ngoài, nhiều người không thể chịu đựng nổi, có kẻ đã chạy trốn, họ ghi tên đưa cho quan địa hạt tước nã, có người bị bắt cầm tù. Thảm trạng của nông nô Âu châu trước thế kỷ mười bảy, mười tám lại thấy ở Đông Dương.

Xét trong địa hạt Đông Dương, đất đai bỏ hoang còn nhiều, người nghèo cũng rất đông. Nếu người Pháp làm nghề khai khẩn đất đai, có lòng nhân từ một chút, thì đất đai ngày một mở rộng, mà người nghèo cũng có nơi làm ăn, há chẳng phải lợi cả hai bên sao? Sao lại phải tàn bạo như thế! Mới thấy kẻ cường quyền bắt ép, người nghèo đã trốn tránh. Cuối cùng không mộ được ai thì họ lại tăng gia để chiêu mộ người Trung Hoa. Sự nghiệp mở đồn điền của người Pháp ở Đông Dương đến nay chưa thấy tiến bộ, mà mua oán chuốc thù thì nhiều, người có chức trách đều biết như thế cả.

Lại mấy năm trước đây, ở huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, có một người Pháp đi xuống các xã nông thôn định bao thầu làm xe đập nước, nói vắn tắt rằng: Phàm ruộng đồng hàng năm tùy theo vụ cày cấy cần lượng nước bao nhiêu đều do Cục Thủy xa cai thầu dẫn nước vào ruộng, nếu quá vụ mà không có nước đến nỗi mất hoa lợi, đều do cục này bồi thường, còn như chủ ruộng hàng năm cần nhận trả cho cục này mỗi mẫu bao nhiêu tiền, nếu không thì một vụ mai một thu hoạch được bao nhiêu hoa lợi, chia ra lấy một phần ba hoặc một phần tư nạp cho cục này; phàm các công trình thủy lợi đồng ruộng do cục này đã nhận làm, nếu từ năm trăm mẫu trở lên, thì năm, mười năm đủ hạn rồi sẽ thay khoán ước.

Ruộng đất ở Nam Kỳ rất thiếu công trình thủy lợi, hàng năm vụ hè phải gieo giống lúa cạn, thường thất thu, nông dân rất khổ, nay thấy người Pháp công bằng trù liệu như thế, ai mà không vui lòng nghe theo. Họ tranh nhau góp cổ phần, ký khoán ước, chẳng lẽ nào lời khoán ước của người Pháp đều là lời nói suông sao? Trong ba, bốn tháng lượng nước chảy về không đủ năm mươi mẫu, ruộng đất còn lại phải ngồi chờ nước mãi chẳng có gì, tất cả đều như cũ, lúc ấy lại quá thời vụ, không thể cày cấy được, liền đến cục chất vấn, người Pháp tìm lời nói quanh co, không chịu bồi thường. Chủ ruộng không biết làm thế nào, năm tới chỉ biết dựa vào tập quán cày cấy cũ. Đến vụ thu hoạch, người Pháp lại đến nơi chia phần, có kẻ đã cưỡng bức thu hai phần ba hoa lợi. Sự việc được kiện lên tòa án, tòa phán rằng: chi phí của cục cai thầu đã quá nhiều, theo lý thì phải chia hoa lợi, và bác bỏ đơn. Người Pháp cưỡng ép chia một nửa hoa lợi rồi mang đi, người Nam góp cổ phần chẳng biết đòi ở đâu, chỉ biết kêu khổ mà thôi.

Lại có chuyện người Pháp kinh doanh xe đập nước, một hôm bỗng nhiên có một trâu cày vọt chạy bên cạnh cái xe đập nước của người Pháp đó, chúng liền bắn chết và nói rằng nó phá hỏng xe máy, rồi tìm bắt nhà có trâu phải bồi thường. Những tệ hại như thế, không thể nào kể xiết. Ngày nay, dân gian nghe nói người Pháp sắp làm việc gì đó liên quan đến làng xóm, họ đều bịt tai mà đi, không có lấy một người hỏi qua. Lại ở vùng thượng du huyện Duy Xuyên tỉnh Quảng Nam, đất ở đó phần lớn trồng chè, có một người Pháp đến nơi, lấy thế cưỡng ép bao mua hết, ra lệnh cho mỗi

xã phải lên mượn người Pháp này một trăm đồng bạc, hoặc năm, ba chục đồng, trong thời gian mượn tiền, không cho phép chủ vườn chè hái, không được đem bán cho người khác. Thời gian mượn tiền lại không có hạn năm tháng, chỉ biết đến năm nào người Pháp ấy bằng lòng thu hồi thì đó là mãn hạn, nếu không thì không thể tự tiện đem trả được. Người Pháp ấy lại đặt các trạm, cử người đại lý hàng tháng đến kỳ chè non đâm búp, thì huy động người ra hái, rồi tự mình cân đong trả tiền. Cây chè mất hết lá, không còn để che nắng, khô chết hết nửa, dân làng không chịu đựng nổi tai hại đó, góp tiền đem trả, người Pháp không chịu nhận, chủ vườn chè phần uất oán trách, không biết làm thế nào, đành bỏ mặc vườn chè thành vườn hoang. Trình tôi đi qua mấy xã hỏi sự việc này, thì đều nghe dân chúng nói như thế cả. Lại còn nghe nói ở Hà Tĩnh và một số tỉnh khác, các nơi trồng chè cũng đều chịu thiệt hại như vậy cả.

Các sự việc trên đây, đều chỉ nêu sơ lược những cái tệ hại đối với nhiều người, Trình tôi đã tai nghe mắt thấy mà nói ra đây. Còn như những mối hại đến với từng nhà từng người, khắp nơi đều có, dầu có tốn đi mấy ngàn tờ giấy cũng chưa có thể kể hết. Ở một nơi khác như phủ Cam Lộ tỉnh Quảng Trị, một người Pháp cai quản việc làm đường quan, đã đánh chết phu, sự việc đem kiện lên tòa Khâm sứ, cũng chỉ chuẩn cấp tiền tuất mấy chục đồng thế là xong chuyện. Ở tỉnh Gia Định một người Pháp khai khẩn đất hoang, có mất một con trâu cày, rồi nghi cho một người Nam ăn trộm, liền đến bắt người anh và bà mẹ già ngoài bảy mươi tuổi, giam giữ, đánh đập, ngược đãi quá mức, sự việc kiện lên tòa cũng chỉ được thả ra mà thôi. Phàm những người Pháp bao thầu làm đường, lấy tiền công của dân phu, hàng tháng gác lại, hàng tuần cũng không cấp phát cho tí gì, rồi lại thừa lúc say rượu hoặc tức giận đánh chết, đánh bị thương dân phu. Những tệ hại ấy, khắp toàn hạt Đông Dương không nơi nào không có, không ngày nào không nghe, không dễ dàng tính hết mọi sự việc.

4. TỆ CỦA CỤC CẢNH SÁT

Bộ máy hành chính của ngành Cảnh sát Đông Dương ở các thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Sài Gòn đều đặt một đại

cục; ngoài ra ở các tỉnh nơi Công sứ đóng lại đặt phân cục. Các đại cục người Pháp làm chủ, đều mộ người Pháp làm cảnh binh giúp người Nam; các tiểu cục thì đều thuê người Nam đưa vào. Quy định quyền hạn như án nặng thì do cục Cảnh sát bắt giao cho quan Pháp, việc nhỏ thì do nhân viên cục này tra hỏi, xử phạt. Nếu sử dụng người Pháp nhiều thì không xứng với chức vụ. Họ không tuân theo công lý, hễ động một tí là chúng bắt bỏ giam cầm, quấy nhiễu dân lành. Họ thuê mộ người Nam, mà không thêm để ý đến tư cách của người đó. Những người đã được mộ, trước tiên đến cục làm việc, dò xét, rình mò năm, ba tháng, đợi đến khi có công lao mới trả tiền lương tháng, mà cái gọi là có công lao tức là nếu không bắt bỏ dân thường thì cũng bịa đặt báo cáo đó thôi. Người dân lương thiện và những người có gia sản nhỏ phần lớn không ứng mộ; kẻ ứng mộ nếu chẳng phải là dân du đảng, thất nghiệp thì cũng là bọn độc ác vô lại cả thôi. Giá như có một người lương thiện nào đó được tuyển nhầm vào, thì nhân viên của cục cho là không xứng chức vụ, lập tức đuổi ra khỏi cục. Trên mộ người như thế, dưới ứng mộ như thế, gian tham lừa dối, nhiễu loạn không từ một việc gì, mong sao cho cục viên được ban thưởng, còn người dân nước Nam thì hết chỗ dựa quây.

Mấy năm trước đây, ở thành phố Hà Nội, cảnh binh Pháp đánh chết hai người, án này do quan Pháp xét, chưa kịp phán xét thì có cái án người của cục Thương chính giết người vô tội ở hạt Gia Định, họ bèn tha bổng luôn.

Lại năm ngoái, ở Chợ Lớn Nam Kỳ có một người Nam bị can tội vì có người phát giác có dính đến việc quên tiền lập hội, cảnh binh bắt đánh đập thành thương rồi đưa vào bệnh viện, hôm sau thì chết, lại đổ do bệnh mà chết. Việc đánh người độc hại đến chết ấy, người Nam và người Pháp ai mà không biết.

Lại ở kinh thành Thừa Thiên, ba, bốn năm trước đây, sự biến lại xảy ra luôn, nhân tình hoảng hốt, người Pháp ra yết thị nghiêm cấm, không cho tụm năm tụm ba trò chuyện, lại sức cho cục Cảnh sát bắt giữ nghiêm ngặt. Cảnh binh của cục thừa cơ làm loạn, đi khắp nơi hễ gặp người đi lại buôn bán, đều hạch sách đòi hối lộ, hễ không vừa lòng lập tức bắt bỏ ngục; người nhiều, ngục nhỏ, chật ních những người bị giam, có nhiều người suốt ngày đêm không đứng ngồi được, chúng lại còn trói ngược hai tay vào cột, để

phòng chạy trốn. Vì vậy, người đi đường gặp nhau, mới vừa hỏi thăm một câu, là bị chúng bắt đi. Chúng lại còn đột nhập vào nhà người ta, bắt người thân thích của họ, chỉ vì tội tụ họp trò chuyện, cuối cùng phải nén lòng dứt hơi lộ, chúng mới thả cho.

Lại khi Trinh tôi bị bắt, giải qua Hải Phòng tạm trú ở cục Cảnh sát thấy ba, bốn cảnh binh Pháp bắt một người Nam, chừng hai mươi tuổi, kéo vào phòng kín, tay dấm chân đá, thảm trạng không kể xiết, độ vài giờ sau người đó thổ huyết, bỏ nhào ra đất, không nói được nữa, họ mới buông ra, rồi kéo đi giam tiếp. Cảnh thảm khốc như thế ở các cục đều có, nhưng ở đây chỉ nói ra điều mà Trinh tôi mắt thấy đó thôi.

Lại ở nhà lao cục Cảnh sát, phen người chết đông, thối không thể chịu được, như Trinh tôi đã thấy thì bản nhất là ở Thừa Thiên, sau đó là Đà Nẵng, Trinh tôi đã từng là người sống ở trong đó. Những ai đã từng qua lại đó chắc cũng đều nghĩ như vậy cả.

Thời Trinh tôi ở quê, có một tên mật thám đi võng, có năm, sáu người đi theo, xông vào nhà lý trưởng xã tôi, đưa ra cái trát của mật thám, bắt làm cơm nước, soạn chỗ ngủ cho chúng nó. Sáng hôm sau Trinh tôi mới biết, nhờ người đến hỏi, bắt chúng nó đi nơi khác. Nghe người ta nói, bọn ấy là dân xã lân cận, không ngày nào không đi sách nhiễu dân chúng.

Trinh tôi ở tại tỉnh nhà, bọn quan lại hai nước đều nói Trinh tôi hung hãn, thích làm giặc, nên bọn chúng mới hoành hành như thế. Những người dân ngu dốt khác, chịu phạt cá thịt, còn biết hỏi vào đâu.

Lại như khi thân sĩ ở Nghệ Tĩnh bị đày đi Côn Lôn, quan lính Pháp áp giải, ai nấy đều bị chúng dùng dây gai lớn bằng ngón tay, trói chặt chân tay, lúc ăn lúc ngủ cũng không được cởi, đứt da chảy máu, mắt không dám nhìn; đi ba, bốn ngày đến nhà khám lớn Sài Gòn mới cởi trói. Bọn họ nhẫn tâm làm những hành động độc ác và kinh hãi như vậy.

Những bến thuyền vận tải ở Đông Dương, trên bờ đều có Cục Thương chính và Cục Cảnh sát, thuyền buôn ghé đậu, cảnh binh đứng chờ hành khách lên bờ, thì giục đi đến cục trình giấy tờ thông hành, hoặc biên lai thuế thân, còn đồ hành lý thì lại bị người Cục Thương chính đưa đi kiểm soát, người và của tách ra

hai nơi, khó trông coi được, nhiều sách đủ điều, chỉ có tiền hối lộ mới được, không có tiền thì sau khi kiểm soát xong, hàng hóa mang theo đều không cánh mà bay! Hai cục gặp nhau, hợp ý nhau thật đã quá rõ! Dân quê biết làm sao được, chỉ biết cúi đầu chịu nhần nhục. Ở Sài Gòn và Hải Phòng tệ hại này ghê gớm nhất.

Lại một người Pháp ở Cục Cảnh binh Hà Nội, được sung vào làm chức kiểm soát thuế chợ, không đầy mấy năm đã xây lầu phố, đến hơn ba, bốn sở, hàng năm cho thuê hơn nghìn đồng, lương tháng của Cục Cảnh binh được bao nhiêu, nếu chẳng phải là hạch sách lấy tiền, thì làm sao có thể giàu nhanh đến như thế được. Ở đây tôi chỉ nêu cụ thể một người Pháp như thế để làm ví dụ, còn những người Pháp đồng nghiệp khác, không nói đến chúng ta cũng có thể biết được.

Lại việc đầu độc lính tập ở Hà Nội có một người Nam can án, gia sản bị tịch, bán đấu giá. Lúc ấy có một người Pháp hăm dọa người mua: nếu có việc gì thì sẽ cho bọn bè đảng vu cáo, thế là bị nghiêm trị. Người Nam đều sợ liên lụy, chẳng ai dám ra mặt cả, vì vậy mà một thửa vườn, một tòa nhà, cuối cùng chỉ được bảy trăm đồng; sau đó chỉ cần bán lại một cái nhà, đã tăng gấp mấy lần nguyên giá. Người Pháp ấy tay không mà ngồi thu món lớn, nếu không có âm mưu thâm độc thì không dễ làm được như thế. Việc này có chứng cứ xác thực, người ta đều biết.

Lẽ ra thì cảnh sát là kẻ bảo vệ tính mạng và tài sản cho nhân dân, ở các nước văn minh không nước nào không coi trọng, chọn tuyển kỹ càng người cho cục này; nếu không làm như thế thì không thể đề phòng kẻ gian tà, trộm cướp và bảo vệ trị an được. Nay ta thấy cảnh sát ở Đông Dương hung ác, ngang ngược, tất cả đều không có tình người. Người Nam mỗi năm dâng hàng trăm vạn đồng để nuôi họ, mà không tránh khỏi những nỗi oan khuất.

Ngày Trinh tôi đi sang phương Tây, lúc thuyền đậu các nơi như Xanh-ga-po, Cô-lông-bô⁽¹⁾, lên bờ dạo chơi thấy cảnh sát địa phương, mang kiếm đứng thẳng tắp, dáng mạo hiển lãnh nghiêm túc. Ở các nước văn minh, nếu không biết đường đến hỏi cảnh sát,

⁽¹⁾ Cô-lông-bô: Thành phố chính của Sri Lanka, ở về bờ biển phía tây của đảo. Nơi đậu thuyền thường được thăm viếng trên đường từ Viễn-đông sang châu Âu.

họ sẽ chỉ dẫn ân cần, dịu dàng dễ mến. Có một người phu xe, cho là Trinh tôi không hiểu thổ âm, lừa tôi đòi tiền xe cao, tôi đến nói với cảnh binh, họ lập tức đến phân xử, và lại ân cần đưa tôi xuống thuyền. Lẽ nào cảnh sát thuộc địa quyết không theo như thế chăng? Thử hỏi dân thôn quê nước Nam mới vào thành thị, ai dám hỏi cảnh binh về chuyện lầm đường, hay khi có việc tranh chấp, ai dám hỏi cảnh binh cái đúng sai. Lính Pháp đã như thế rồi, lính Nam triều cũng là một giống vô lại, thì đáng gì mà trách móc.

5. TỆ CỦA LÍNH KHỐ XANH VÀ QUAN PHÁP

Các tỉnh ở Trung Kỳ đều phải chiêu tập lính khố xanh, mỗi tỉnh một đội hoặc mấy đội, do lính Pháp coi giữ, để phòng ngừa được bọn làm loạn ở địa phương, giữ an ninh cho dân cư. Thế mà từ trước tới nay, các nơi có trộm cướp nổi lên, dân xã đều tự dẹp lấy, có báo lên quan trên, rồi cũng giao cho dân xã tầm nã, họ chỉ ngồi không mà tiêu phí tiền của Nhà nước. Một mai, nếu bỗng có một số việc không yên, điều lính ấy đến, chúng lại vin vào cơ đó để hành hạ dân làng, nếu phải xây đồn lũy thì quan lính càng trực tiếp quấy rối hơn.

Tại tỉnh Thanh Hóa, quan lính các đồn nhận trát quan địa phương giao cho họ việc khám xét trâu bò buôn bán có bị bệnh không. Thế là quan đồn kiểm chuyện nhiều dân nước Nam, đàn trâu bò muốn qua phải có đút lót mới được đi, nếu không thì trâu bò lắm bệnh, bắt giữ lại bốn, năm ngày, hoặc hơn mười ngày. Nếu như gặp người buôn Pháp thì để họ ung dung đi qua, người Nam làm nghề buôn trâu có nhiều phen mất vốn.

Lại mấy năm trước đây, ở huyện Diên Phước tỉnh Quảng Nam, dân hai xã kiện nhau về việc ruộng đất, gây nên cuộc ẩu đả, tên quan nhận hối lộ của một xã, rồi mới đến nơi can thiệp, dân xã kia tức không chịu được, cãi nhau với họ, bị một tên quan dùng giày đinh đá bị thương rồi chết. Thân thuộc của nạn nhân đòi tên quan ấy đền mạng. Tên quan này đánh đập tứ tung rồi chạy thoát về tỉnh, dân xã tụ tập lại đi đến tỉnh kiện. Viên quan người Pháp cai trị ở tỉnh này cùng với quan Nam triều che chở cho tên quan ấy và ra lệnh cho lính lấy roi đánh đập loạn xạ và đuổi họ đi, chỉ có thân thuộc của nạn nhân ở lại kêu oan, không chịu lui về, bị một tên lính lại dùng roi đánh, hai bên má sưng vù, toàn thân đầy lần roi,

ngã gập lăn quay ra đất, rồi chúng đem bỏ ra ngoài cửa thành, đóng chặt cửa lại, Trinh tôi đi qua thấy thế mà lòng đau như cắt.

Lại ở vùng núi Trà Mi phủ Tam Kỳ tỉnh Quảng Nam, những kẻ dân Mọi ác nghiệp, thường cướp của giết người, rồi vứt xác đổ cho lính đồn. Quan Pháp đóng ở đấy, ra lệnh cho quan binh tiến sâu chiếm lấy vùng đất người Mọi, ở hơn mười ngày, rồi cứ một dặm đường làng xây một đồn để canh giữ nghiêm ngặt, dân phu mấy hạt phải dài tải vận chuyển, công việc rất vất vả, nước độc, đường sá khó khăn, người chết chất đống. Phải mất mấy năm, dân Mọi mới tạm yên. Sau nghe nói quan lính ngược đãi ghê lắm, người Mọi không chịu được lại tụ tập nổi lên thiêu hủy đồn bốt, đâm giết lính tập và quan Pháp sợ bỏ đồn chạy về các xã Quế Phương, Trà Mi giữ đồn cho đến nay. Lại nghe khi dân Mọi quấy nhiễu, quan lính bó tay không biết làm thế nào, chỉ nghe nói là mỗi tháng bắt dân trong hạt chuyên chở các vật hạng và cấp tiền lên cho chúng, nông dân thất nghiệp, khổ không chịu nổi. Mỗi một tên quan đi qua con đường nào, dân xã phải vội vã ra đón tiếp chiêng trống âm ỉ. Nghênh đón mà hơi chậm một tý thì bị đánh đập tàn nhẫn. Dân các xã gần đồn thiếu thốn, làm không vừa lòng chúng đều bắt giam, thậm chí có người làm đơn kiện thay cho nạn nhân thì bị chúng cho là có âm mưu chính trị.

Khi Trinh tôi đi du lịch qua tỉnh Bình Định, nghe nói ở xứ An Khê quan lính thâm độc càng ghê gớm hơn, những xứ khác chưa được rõ, nhưng suy ra tôi nghĩ rằng đều như thế cả.

Thời dân biến ở các tỉnh Trung Kỳ, quan Công sứ tỉnh Quảng Nam, sức cho quan lính Pháp dẫn lính tập xuống dưới thôn bắt thầy giáo, phá trường học, và bọn quan lính này mượn việc ấy để ra sức trở tài, còn dân quê thì khổ sở không kể xiết.

Ở xã Tây Lộc phủ Tam Kỳ (tức là làng của Trinh tôi), mới mở một trường học để dạy lớp đồng ấu, thầy giáo nghe quan lính Pháp đi đến, liền đem ba, bốn chục học trò nhỏ ra ngoài đường cái trước cửa trường, vòng tay đứng đón; nhưng quan bảo trở về trường, bắt ngồi xuống; quan ra lệnh đem bài giảng hàng ngày ra đọc qua một lượt, rồi ra lệnh cho trẻ em ra sân trường tập thể dục một lần; quân lính mang gươm trường mắt đứng nhìn, rồi bỗng nhiên, đến nắm lấy đầu thầy giáo, đá ngã lăn xuống đất, rồi ra lệnh cho lính tập lấy dây trói gập hai tay ra sau lưng dắt đi. Bọn trẻ ngây thơ

thấy chúng hung bạo như thế, trèo tường chạy, có em bị thương ở mặt mũi, có em bị thương ở chân tay, khóc la sợ hãi chạy về. Thảm trạng đó khó lòng tả xiết.

Lại nữa, ở xứ này rất xa chợ, cho nên dân nuôi ba, bốn chục con gà để làm thức ăn cho thầy; quan cũng thả bọn lính tập ra bắt hết làm thịt. Họ lại xông bừa vào nhà dân bắt gà vịt, nhân dân có ai dám tranh cãi với họ, thì bị lính tập xúm lại dùng báng súng đánh túi bụi. Trình tôi có một người anh họ, hơn sáu mươi tuổi, đã già lại bệnh, lính tập mượn ông anh ấy cái điều hút thuốc, ông không cho, chúng nó về báo với viên quan, viên quan đến nhà Trình và nhà ông anh ruột, lục soát khắp nơi chẳng được gì, ra ngoài cửa thấy ông anh họ của Trình tôi đang đứng hầu, họ dang tay đánh ngã nhào, rồi trối gập tay ra sau lưng, xâu vào một dây với hai thầy giáo; sai lính tập kéo đi từ làng lên tỉnh, ước chừng một ngày đường. Hồi đó, đúng vào giữa ngày hè, đâu không đội nón chân không cho đi dép, đói khát không cho ăn uống. Đúng là việc này đành rằng do quan Công sứ sai khiến, nhưng giả sử quan lính này hơi có chút lòng nhân từ thì đâu đến nỗi việc bé xé ra to như vậy, mượn cớ nhiều hại, bắt vài thầy giáo của bọn trẻ, xem như kẻ địch lớn.

Xét việc xã tôi từ khi mở trường học tới nay, viên quan họa địa đồ người Pháp, lúc đi qua đây, các học trò nhỏ bé nhiều lần ra đường nghênh đón. Quân Pháp vào trường dạo xem và ban thưởng cho học trò. Đạo ấy ở tỉnh tuy có dân nghèo tập trung xin giảm thuế, mà các nơi trong làng xóm vẫn yên ổn như thường. Nghe quan đến, dân xã đều bảo là quan lính đi tuần hành để phòng kẻ trộm cướp làm loạn dân đấy. Cho nên các em học trò nhỏ ấy cũng ra đón như lần đón quan họa địa đồ Pháp, không ngờ gặp phải chuyện ức hiếp lớn như thế, thật đáng buồn cười và thật đáng thương xót!

Ở xã Phú Lâm, huyện Lễ Dương cũng có một trường học, giảng dạy cho hơn một trăm nam nữ học sinh, mới nghe quan lính đi đến, thầy trò đều bỏ trường mà chạy; quan lính đến nơi lập tức phá hủy trường học, hoặc dùng lớp học làm tàu ngựa, hoặc làm chỗ ở của lính tập; mấy cái án và ghế bàn thì một nửa làm củi, còn một nửa thì để sau làm đôn bốt. Họ triệt hạ nhà trường này, dời đi dựng nơi khác để làm chỗ ở của vợ con lính tập. Họ đang còn giữ

lại mấy cái án thư để cho vợ con lính tập dùng và trở thành đồ dùng cần thiết của họ⁽¹⁾.

Than ôi, cách ức hiếp người thật là lạ thay!

Lại ở các thôn xã trong toàn tỉnh, phạm là nơi có trường học, họ đều ở lại ba, bốn ngày bắt dân toàn xã làm cơm nước dâng cho lính tập ăn uống, thay khoản tiền phạt, lính tập còn sục khắp nơi nhiều hại dân cư, người ta nói những sự việc ở trên ngày một thậm tệ, nhưng không thể nào nêu lên nhiều được.

Việc dân nghèo tỉnh Quảng Ngãi đi khát sưu, người đứng chặn ních ngoài cửa thành, bị bọn lính trên tỉnh dùng súng bắn chết và bắn bị thương hơn một trăm người. Ở tỉnh Thừa Thiên cũng có bốn, năm người chết và bị thương. Tôi cứ tưởng rằng chỉ có quan lính khố xanh mới có thủ đoạn giết người, không ngờ số lính canh giữ ở tỉnh vốn không cầm súng cũng giết người như vậy.

Lại như ở các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, nhân dựa vào chuyện khát sưu thuế mà khắp nơi đều canh giữ rất nghiêm ngặt, nhân tình xao động, loạn đảng thừa cơ nổi lên, hoành hành khắp nơi. Quan lính tỉnh ấy cũng vào hù dọa trấn áp chẳng thu được gì, chỉ nghe nói họ đến đâu đều bắt cung phụng cơm nước bốn, năm ngày, mượn có sách nhiễu, dân không chịu đựng nổi khổ sở!

Xét các hạt ở Nam Kỳ, cũng có lính tập khố xanh, do người Nam coi giữ thường xuyên, họ đóng ở tỉnh mà không làm nên sự việc gì, mà còn bắt dân phải cung ứng, chỉ dùng bồi bếp cho quan tham biện bốn hạt và chỉ dùng xe tàu. Khi trong dân xã, có vụ ẩu đả, hoặc bắt được trộm cướp thì số lính này chỉ việc áp giải và canh giữ bọn tù mà thôi. So với bọn lính Giản thời xưa của nước Nam thì cũng gần giống nhau. Dù là tổn phí vô ích, nhưng ít nhiều hại dân chúng hơn. Ở Trung Kỳ đã có lính tập khố xanh, mà ngạch của lính Giản ở tỉnh cũng chưa bỏ hết, chức quản lãnh đều là hư vị, ngồi không ăn hại thậm tệ. Hoặc lấy chức quan võ mà đi làm đường, việc quan đã không ra gì, họa hại lại sinh ra nhiều, nhiều quan Pháp coi giữ lính tập thì cho là không xứng chức. Vì vậy mà nhân dân các tỉnh Trung Kỳ càng không kham nổi tệ hại của quan võ hai nước vậy.

⁽¹⁾ Bốn đoạn nhỏ trên đây nói về việc phá trường học, bắt giáo viên và dân thuộc đã được đề cập trong *Trung Kỳ dân biến tụng oan thủy mật ký*.

6. TỆ CỦA QUAN Y TẾ CHỨNG ĐẬU

Các chính giới Đông Dương làm rối loạn đã đến cực điểm. Không những chính sự tệ hại làm hại dân đủ điều, mà một vài việc vốn là có ích lợi chút ít thì cũng không phải là không hại dân chuốc oán. Dân chúng nước Nam, lúc bệnh đậu lưu hành, dân tình khổ sở, Nhà nước chuẩn y cấp tiền mua thuốc, cho người xuống làng chủng đậu khắp mọi nơi, những cử chỉ đẹp đẽ như thế, ai dám nói không tốt sao? Nhưng họ giao cho nhiều người không tốt, vừa mới đến làng thì bắt kẻ đón người rước, nơi chưa đến thì phải nổi chiêng trống âm ỉ, cũng có nơi họ sức giấy về trước, bắt dân làng tập trung trẻ em, nhi đồng lại để tiện việc đến là chủng ngay. Bà con khăn áo, tã lót, nách công trẻ em đi đầy đường, đến ngồi nhìn nhau, đợi đến mấy ngày, cuối cùng không thấy ai đến cả! Sau có một người mang thuốc đến chủng, xem ra thì đều là thuốc cũ, chủng vào hoàn toàn không có hiệu quả, cũng có kẻ làm lếu láo tắc trách, đem về một ít thuốc, không tiến hành tiêm chủng, mà bắt ép dân xã ký tên vào và nói là đã chủng được bao nhiêu, mang đi để tiện đối chiếu báo lên quan mà thôi. Việc làm này tệ thật, cái thảm hại đã mang đến cho không biết bao nhiêu người, không như sự việc ở tỉnh Bình Định.

Mấy năm trước tại một huyện ở tỉnh này, có quan chủng đậu đến huyện, ở lại trong phủ đường, không chịu xuống làng, định thời hạn nghiêm ngặt, thúc dân toàn phủ, mang hết trẻ em đến nơi, để tiện cho quan ấy tiêm chủng, trẻ em khăn áo, tã lót đi đường vất vả, mà lệnh quan thì oai nghiêm, ai dám chống lại, bà con đành phải thuê thuyền đi theo đường thủy, dọc đường thuyền lại gặp sóng to gió cả, người lớn và trẻ em chết hơn một trăm người. Tiếng kêu oan khóc thảm thiết, xa gần nghe thấy, ai nấy đều kinh hãi!

Mấy năm trước ở huyện Hòa Vang tỉnh Quảng Nam, trong dân gian có tin đồn đại rằng quan y tế nghiêm sức bắt trẻ con mổ lấy tim để làm thuốc, khắp các thôn xã đều tự khăn gói bông bế trẻ con chạy trốn vào rừng núi; dạo ấy trời nắng nực, mồ hôi dầm dề, vừa thở hổn hển, vừa chạy hoảng hốt, giống như đàn chim sẻ bị điều hâu đuổi bắt. Trình tôi đi qua năm, sáu xã đều thấy như thế cả, không hiểu nguyên nhân, đến khi tôi đi ngang huyện, hỏi người đi đường, mới biết có một quan y tế ở trong huyện đường,

quan Nam triều, sức gấp về các xã mang trẻ em lên để chủng đậu, cho nên sinh ra tin nhảm đồn đại trong dân như thế đó. Dân chúng đã lâu bị người Pháp làm khổ nhiều, hồn xiêu phách lạc, cho nên mới tin chuyện như thế là có thật. Ngày xưa, việc dân không chủng đậu, phần lớn là do người thầy thuốc nước Nam, mua các phương pháp chủng đậu của người Trung Quốc và thuốc của thương nhân Pháp, rồi tự tiến hành tiêm chủng. Nhà nước phát thuốc tiêm chủng chẳng qua chỉ là ở tỉnh lỵ, huyện lỵ, thành phố và các xã phụ cận có hưởng được chút ít ân huệ, còn dưới các làng quê thì chỉ khi có bệnh mới được cấp ứng mà thôi. Sự nghiệp công ích ở Đông Dương, chỉ hữu danh vô thực, đại khái như thế đó.

Xét những sự việc có trăm phần lợi, không một chút hại như thế, thế mà do sử dụng bọn chẳng nên người, tệ hại còn như thế, huống chi dùng loại người ấy, làm các việc khác thì bất lợi cho dân gấp vạn lần như thế nữa. Ở đây tôi chỉ nêu lên một việc để khái quát, những việc khác cũng có thể suy ra mà biết được.

[III. TỆ CỦA TÔ THUẾ]

1. THUẾ RUỘNG ĐẤT, NÓI CHUNG VỀ THUẾ RUỘNG ĐẤT, VỀ NGHỀ NÔNG VÀ VỀ SỐ RUỘNG ĐẤT THỜI XƯA Ở TRUNG KỲ

Một là nói về thuế ruộng đất: ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ thuế ruộng đất phiền phức nặng nề quá lắm. Nông dân không chịu nổi khổ sở, đến nay người nước Đại Pháp không ai không biết; nhưng cũng chỉ biết cái tệ ấy mà thôi. Còn nói đến cái tệ trong tệ, cái khổ trong khổ chẳng phải chỉ có tăng thuế mà còn tăng cả ruộng nữa. Trong đó có nhiều việc quanh co lắm. Ở Bắc Kỳ thì Trinh tôi chưa hiểu hết, vậy xin đem những tệ hại chồng chất ở Trung Kỳ ra thuật lại như dưới đây.

Ngày xưa ở nước Nam, ruộng đất đều dùng thước đo do Nhà nước quy định. Mỗi mẫu ruộng không bằng một phần ba diện tích so với mẫu ruộng ở Nam Kỳ là một vạn thước tây, ruộng lại chia thành ba hạng: thượng, trung, hạ; đất chia thành sáu hạng. Nói gộp lại là trong ba hạng ruộng, ruộng lại chia thành: ruộng công, ruộng tư, ruộng cỏ lác, ruộng nước, ruộng cạn, ruộng bằng, ruộng dốc, ruộng trại, ruộng dừa nước... không dưới tám chín hạng. Đất

thì chia thành sáu hạng, trong đó lại phân ra đất vườn, đất nhà ở, đất bãi, đất trồng dâu, đất vườn cau, đất trồng khoai đậu, đất pha, đất cát bồi, cát trắng, đất rừng, đất đầm, đất cỏ tranh, cả thảy trên mười hạng. Việc định ngạch thuế thì dựa vào mức độ canh tác khó dễ, hoa lợi thu hoạch được nhiều ít, để định mức thuế cao thấp. Thời gian thu thuế, cũng dựa vào thời vụ thu hoạch sớm hay muộn, và theo giá lúa cao thấp để thu nạp trước hoặc sau. Cho nên có nơi thu vào mùa hè, có nơi thu vào đông, có nơi thu hai lần vào hai vụ. Tuy các hạng ruộng đất có ngạch thuế nhiều ít khác nhau, nhưng hạng ruộng tốt thì nạp toàn bằng lúa, nhiều nhất là bốn, năm chục thăng, hạng ba thì hai, ba chục thăng. Hồi mới định phép thuế giá lúa rất rẻ, mỗi thăng chỉ bằng giá bạc hiện ở Trung Kỳ một hai tiền. Số nạp bằng tiền, nhiều nhất chỉ năm, sáu quan, ít thì một hai quan. Mỗi quan tính theo giá bạc hiện thời là mười lăm tiền (một quan năm)⁽¹⁾. Hạng đất thì toàn nạp tiền một hai quan, hạng thấp nhất thì nạp một hai xu, mỗi xu⁽²⁾ tính theo giá bạc hiện thời là một tiền rưỡi. Đó là những nét lớn về thuế ruộng đất thời xưa ở Trung Kỳ.

Toàn hạt Trung Kỳ trước mặt là biển, sau lưng là núi, địa thế dốc nghiêng nước sông chảy không có bờ đập, nước chảy cuộn cuộn, tuy có sông nước mà chẳng lợi cho đồng ruộng. Ngày xưa người ở thưa thớt, cây rừng rậm rạp, những thửa ruộng ven chân núi, nước nguồn chảy xiết, nông dân dựa vào vốn đó để gieo trồng. Về sau nhân khẩu ngày một tăng, đồn gốc củi ngày một nhiều. Ở nước Nam lại không có cơ quan coi về rừng, người ta tùy ý đồn chặt cây rừng, thì suối cạn nước, đất bạc màu, ngày xưa là ruộng nước, ngày nay biến thành đất hoang, tuy có dê đập, gàu sòng, guồng quay nước, nhưng cũng chỉ một số ít thửa ruộng gần sông, gần nước mới lấy được nước để cày cấy, ngoài ra phần lớn ruộng đất đều ngồi đợi trời mưa mới cày cấy. Nếu trời không mưa, lập tức thấy họ bỏ cày cấy, chỉ bỏ hoang một năm là biến thành ruộng

⁽¹⁾ *Quan tiền*: Quan, tiền là đơn vị tiền tệ dùng ở Việt Nam và trong thời thuộc Pháp đến khoảng 1910, 1920; một quan ăn 10 tiền, đơn vị nhỏ của tiền là lổngkẽm.

⁽²⁾ *Xu*: “Xu” là đơn vị tiền của người Pháp đặt ra ở Đông Dương. Một đồng tiền bạc có một trăm xu: mười xu là một hào.

trông khô, quanh năm vất vả, tất cả trông chờ vào trời. Mỗi vụ thu hoạch được cũng không bù lại vốn, đó là nói lúc bình thường, còn nếu như trời hạn hán thì tai hại không thể nói hết. Đó là nói sơ lược về nông nghiệp thời trước ở Trung Kỳ vậy.

Nước Nam, năm mươi năm lại nay, trên dưới vui vẻ, mọi việc không tu sửa, việc dân phế bỏ, số ruộng đất có đến hai ba chục năm không sửa đổi, ruộng nhất đẳng ngày trước mà nay có khi thành đất khô cằn, loại đất mặt hạng nay có thể thành ruộng nương. Rừng núi mới khai khẩn, chưa ghi vào sổ, có loại ruộng xưa cây cấy được nay biến thành dòng sông. Thêm vào đó là quan lại chèn ép việc công, nạn hối lộ thịnh hành, khi có khám xét, ghi chép đều giao cho các viên thuộc lại, ruộng đất xếp loại tốt hay xấu đều tùy theo có hối lộ hay không. Đến nay sổ cũ có ghi hạng ruộng, hạng đất, đều là những hư văn trên giấy, chẳng phải căn cứ vào thực trạng ruộng đất hiện tại; thậm chí có khi có ruộng đất thực mà trong sổ thì không ghi, có khi trong sổ chỉ ghi xứ này ruộng bao nhiêu, xứ kia đất bao nhiêu, mà tra cứu lại thì ruộng đất hoàn toàn không có. Đây là những nét lớn về sổ ruộng đất thời xưa ở Trung Kỳ.

Ở nước Nam thời xưa, lương bổng hàng năm của các hạng quan lại, lính tráng đều cấp ba phần gạo, một phần tiền, hoặc nửa tiền nửa gạo, cho nên phép thuế ruộng đất, lúc đầu cũng dựa vào đó. Và lại giá lúa thời đó rất hạ, số thặng tuy nhiều mà chuẩn phân tương đối ít, dân dễ đưa đi nạp. Gặp khi mất mùa có giảm một hai phần, hoặc giảm một nửa, có nơi miễn hoàn toàn. Có khi cho mắc nợ lâu. Các chính sách mềm dẻo này dễ làm cho bọn quan tham lam chậm trễ trong việc lo cho dân khỏi khốn khổ. Thực chẳng phải là điều mà các nước văn minh chịu làm, thế nhưng đã không có nông học, thủy lợi để hồng cải thiện nông nghiệp, thì phải tùy thời mà châm chước để nới rộng dân sinh. Âu cũng là điều bất đắc dĩ vậy. Từ thời Tự Đức⁽¹⁾ đến nay, nhiều lần bị hạn hán, mất mùa luôn, nhưng giá lúa cao lên, cho phép nạp tiền thay lúa, do thời giá, thành thuế nặng, nông dân không chịu được. Lúc ấy tùy dân có thể giảm lúa nạp tiền. Mỗi mẫu ít nhiều không buộc phải giống nhau. Ruộng hạng nhất năm, sáu quan, đến đất hạng chót hai, ba

⁽¹⁾ *Tự Đức*: vua triều Nguyễn, lên ngôi năm 1848 chết năm 1883.

xu. Lệ nạp lúa tuy chưa bỏ hẳn, nhưng cũng chỉ được một ít năm.

Các thứ thuế ruộng đất ngày xưa, quy về cho quan nước Nam thu, lạm tương đối ít, các khoản chi phí ngoại ngạch đưa vào bàn tính để tính toán thì ruộng hạng nhất cũng chỉ có bảy, tám quan, tính ra giá bạc hiện thời là trên dưới một đồng. Đất hạng chót chỉ bốn, năm xu, tính ra giá bạc hiện thời là sáu, bảy tiền mà thôi. Đây là nói vắn tắt về phép thuế ruộng đất ở Trung Kỳ thời chưa tăng thuế. Xét đoạn này chẳng qua nói vắn tắt như vậy, còn như cần xác thực thì còn sổ ruộng đất, hộ khẩu làm căn cứ, nhưng chỉ sợ những điều đã nói ra không thể không có sai lầm.

2. VIỆC TĂNG RUỘNG, TĂNG THUẾ

Từ năm 1887, các loại thuế ruộng đất, mới đem nạp Tòa sứ và cho nạp thay bằng bạc thật. Năm 1888 mới tăng thuế, lúc ấy chẳng phải chỉ là thuế ngày một nặng, mà số mẫu ruộng đất của các hộ cũng tăng lên gấp bội.

Thử đem tình hình đương thời nói sơ lược như sau: ở Trung Kỳ số ruộng đất lấy tăng lên, lúc đầu do Công sứ tỉnh đó dự tính rồi sức dân xã, ai có ruộng đất rộng hơn số ghi trong sổ điền, hạn, trong ba tháng tự mình kê khai lên quan để trước bạ; người Nam từ trước đến nay, giảo trá đã thành thói quen chẳng ai chịu khai thực⁽¹⁾. Quan nước Nam cũng bắt ép từng người lấy tiền riêng, nên chẳng ai chịu làm đúng, hướng chỉ việc xét và đo đạc ruộng đất không phải kỹ lắm, cho nên hạn ba tháng không phải là gấp lắm tuy có khai báo, chẳng qua chỉ là một con số báo cáo láo mà thôi.

[Xét] việc quan Pháp ra lệnh cấm, chẳng phải không biết tình hình tệ hại kê khai ruộng đất hiện tại của nước Nam, không phải có thể một sáng một chiều mà làm xong, thế mà nay lại giao cho dân làng trong vòng hai tháng, khám xét đo đạc xong là báo lên. Dân có thể dựa vào nền chính trị hà khắc mà xong việc? Đó chẳng qua là mượn cái kể trước thì lễ, sau thì binh để che mờ người ta mà thôi. Sau khi xem xét những việc này thì mọi tệ hại, có thể biết được cả.

Thời ấy chính giới Đông Dương khuếch trương rộng lớn, tăng

⁽¹⁾ Nc: “Ông Montesquieu có nói: dân ở các nước quân chủ chuyên chế đều như thế cả, chẳng phải chỉ có người Nam ta”.

quan, mở cục, chẳng biết mấy mới đủ; đòi hỏi tài chính phải tăng ba, bốn lần mà vẫn không đủ để cung cấp. Do đó Công sứ các tỉnh nghiêm sức cho các quan lại ở phủ, huyện bòn rút máu thịt của nhân dân mà cung phụng. Phàm quan lại hễ ai hơi có tí nhân từ, mềm mỏng, tỏ ra không vừa ý thì tất cả đều phải lui về. Kể tàn bạo ngang ngược thì tăng lên. Dây khóa trời buộc, roi gậy quất vào lưng, thì chẳng lo gì ruộng không tăng, tiền của không đủ! Nông dân nước Nam mới không còn con đường sinh sống nữa. Ruộng đất có nơi tăng một nửa, có nơi tăng gấp đôi, hoặc có nơi tăng ba, bốn phần mười, tùy quan ước định. Hễ có ai oán thán thì tù tội sẽ rước vào thân. Quan lại tham lam xảo trá, tệ hại sinh ra hàng loạt, tùy theo hồi lộ có hay không, để làm hại nhiều hay ít. Dân xã hiện nay chịu nhận sổ ruộng quá thặng⁽¹⁾, bên này nặng, bên kia nhẹ thật là rối loạn như tơ vò, không biết theo đâu mà làm chỗ dựa đối chiếu. Tệ hại thời xưa ở nước Nam bây giờ tăng lên gấp mấy lần. Số ruộng gia thặng thời xưa ấy, toàn không có thủ đoạn ác độc khốc liệt. Nay trong ba, bốn tháng phải đạc định lại. Dân xã tuy có nhận sổ đất thặng lên bao nhiêu đó, cũng đều hư không, chỉ cần con số để báo lên sở quan, chẳng phải cần có thực. Ruộng đất hay thay đổi, biết dựa vào đâu mà phân chia thứ hạng; có thỉnh thì quan trên cách làm thì quan trên lại thừa cơ mà làm nặng thêm túi tham. Có tiền hồi lộ thì số ruộng ít, mà số đất nhiều; ruộng phần lớn lại trước nhập vào hạng ba, đất thì phần nhiều trước nhập vào hạng năm hạng sáu. Không có tiền thì số ruộng nhiều mà số đất ít, ruộng làn phần lớn trước nhập vào hạng một, hạng hai, hạng ba. Sau đó là liên tiếp năm này qua năm khác tăng nhiều lên đều dùng cách này. Đó chính là tình hình gia tăng ruộng đất đương thời. Hạng ruộng gia tăng, số ruộng gia tăng, số ruộng đã gấp bội thì ngạch thuế cũng tăng gấp bội. Số quan hiện thời ở Đông Dương đã nhiều, chi phí cho nó cũng rộng. Trong đó có đủ mọi thứ nhưng chẳng có ai kê cứu, mà còn nói ra rằng số ngạch thuế nhỏ như thế, cũng đủ cung cấp cho nhu cầu mở rộng của quan trường chính giới. Nói sao mà dễ thế? Đất ruộng nông dân có hạn, hạng lớn khó lấp cho đầy, nên đã nâng hạng ruộng đất lên

⁽¹⁾ *Thặng*: Dư ra. Số ruộng có ít nhưng kê ra nhiều hơn để bắt dân nạp thuế cho nhiều.

liên tục, hạng ruộng hàng năm lại nâng thêm, số mẫu tăng nhiều. Phàm số ruộng thời trước nay phải chuyển một nửa số ruộng hạng hai lên hạng một, ruộng hạng ba cũng nâng một số lên hạng hai. Số đất cũng vậy, và nhất loạt bỏ hạng năm hạng sáu, làm lại trước bạ nhập vào hạng ba hạng bốn cả. Sau lại đem tất cả hạng hai trước đây nhập vào hạng một, hạng ba tất cả nâng lên hạng hai, và để tăng thêm nữa thì số ruộng còn lại dưới hạng ba trong sổ đều đem làm hạng ba. Số đất cũng như vậy; cho nên hiện nay trong sổ thuế ruộng đất ở Trung Kỳ số ruộng hạng ba, đất hạng ba, hạng bốn ghi trong giấy, thẻ do Tòa công sứ các tỉnh cấp đều là số ma cả. Kỳ thực, hiện nay sổ sách đã ghi số ruộng đất có thực mà ruộng thì đều trước nhập hạng một, hạng hai vào; đất thì đều trước nhập hạng một, hạng hai, hạng ba, lại cũng có trường hợp hoàn toàn không có ruộng đất nữa.

Việc tăng thêm thuế má: ruộng đất đã tăng, mức thuế cũng tăng. Ruộng hạng nhất đều phải nạp một đồng năm hào; hạng hai, hạng ba theo thứ tự đó mà giảm bớt. Thuế đất cũng như thế. Về sau lại theo năm mà tăng ba phần trăm, năm phần trăm, ba mươi phần trăm không chừng; đến nay mỗi mẫu ruộng thực có chủ hạng nhất nạp thuế hai đồng, hoặc hai đồng năm hào, không đều nhau. Do đó ở đây chỉ đem số ruộng có thực ra mà nói thôi. Lại có trường hợp lẫn lộn đất với ruộng, hoa lợi hàng năm thu hoạch được không đủ để nạp một nửa thuế, thêm vào đó, số ruộng là số ma, thuế thì thu tiền thực, danh nghĩa là tăng ruộng, nhưng thực là tăng thuế, phân chia lại không đều, dân nghèo bị thâm nặng hơn; vì thế mà có trường hợp một mẫu lên đến bốn, năm đồng.

Hiện nay, ở Trung Kỳ ruộng hàng năm so với Nam Kỳ (mỗi mẫu một vạn thước tây, hàng năm chỉ nạp một đồng năm hào) đã gấp những năm sáu lần.

Trên đây là tình hình tăng thuế.

3. TÌNH HÌNH CÓ QUAN HỆ ĐẾN LỢI HẠI CỦA NÔNG DÂN HIỆN THỜI Ở TRUNG KỲ

Muốn biết nỗi khổ nạp thuế của nông dân ở Trung Kỳ, thì nên biết thời vụ nông nghiệp ở Trung Kỳ sớm muộn như thế nào, giá lúa cao hạ ra sao, giá bạc lên xuống và các sự thực khác, hiểu được

tình trạng đó thì tình trạng nông dân không nói cũng có thể biết được. Xin trình bày vắn tắt như sau:

Nông nghiệp ở Trung Kỳ, mỗi năm hai vụ, vụ đông thì giữa tháng chín, tháng mười mới bắt đầu cày cấy, sang tháng hai, tháng ba, tháng tư sang năm mới thu hoạch. Vụ hè thì vào tháng sáu, tháng bảy mới bắt đầu cày cấy, đến tháng chín, tháng mười, tháng mười một năm đó thu hoạch. Vì thổ nghi các nơi không giống nhau, cho nên cày cấy, thu hoạch sớm muộn cũng khác nhau. Nhưng những điều sai biệt không cách xa nhau lắm, trong một năm giá lúa cao thấp, trung bình đều chia làm hai thời kỳ. Trong vụ thu hoạch, dân nghèo đều làm công ở nơi nhà giàu, dân buôn bán nhỏ cũng lấy hàng hóa để đổi lấy thóc lúa. Cho nên giá lúa thường là thấp. Năm được mùa, thậm chí có lúc không có người chịu mua lúa nữa; tháng năm, tháng sáu, tháng bảy, tháng tám là tháng gặt hái thu hoạch vừa xong lại là tháng vào vụ cày cấy, mọi người đều cần lúa, cho nên giá lúa thường cao; năm mất mùa càng thậm tệ, có lúc không có lúa để mua nữa. Tháng mười hai, tháng giêng, tháng hai tuy thời vụ gặt hái đã xong, nhưng có khoai lang, nua, đậu, bắp... dân nghèo có thể có thêm tiền. Cho nên giá thóc phần nhiều trở lại bình thường. Nếu gặp hạn hán thì giá lúa cũng đắt lên. Đây là nói vắn tắt về tình hình thời vụ.

Ruộng ở Nam Kỳ đã rộng, trồng lúa lại tương đối nhiều, hệ thống thủy nông chạy dọc, chạy ngang, vận tải dễ dàng, thuyền buôn tấp nập, dễ giao lưu, giá gạo rất dễ nâng cao, gặp năm mất mùa họ cùng nhau bỏ đi, giá gạo cũng dễ giữ mức bình thường.

Ruộng ở Trung Kỳ ít, đường sá đi lại khó khăn, lúa làm ra hàng năm, chẳng qua đủ để mua bán trong dân gian, giá lúa lúc bình thường mỗi thăng giá một hào năm xu, rẻ thì trên dưới một hào, đắt thì hai, ba hào không chừng.

Thời kỳ thu hoạch mùa màng ở Trung Kỳ, trước sau chẳng xa nhau lắm, cho nên trong thời gian thu hoạch, giá lúa thường hạ, lúc được mùa lại càng thấp, cho nên nông dân chỉ có thể thu lợi vào những năm mất mùa và vào các tháng sáu, tháng bảy, tháng tám, tháng giêng, tháng hai mà thôi.

Ở Trung Kỳ nhiều năm nay, liên tiếp gặp phải hạn hán lụt bão, ruộng đồng thu hoạch kém, cho nên thóc đắt luôn, vì hoa lợi đã ít, nên tuy có được bù đắp ít nhiều, nên hàng năm thu hoạch được,

ngoài chi phí ăn uống để cày cấy ra rồi, chỉ vón vện đủ để đem đi nạp thuế cho quan. Trừ số nhà đại phú có dư dật ít nhiều, còn mua được một ít hàng hóa sản vật. Sau khi nạp thuế thì thóc lúa khó khăn, có tiền cũng không có lúa để mua; may mắn gặp năm được mùa, thì giá lúa hạ, ăn uống tương đối khá, lúa tuy có bội thu, nhưng không ai hỏi đến, cho đến thời kỳ thúc thuế nghiêm ngặt, nếu chẳng phải đi cầm ruộng, thì làm sao nạp được tô, đợi đến lúc lúa đất mới đem ra bán để trả nợ, giá bạc đã cao, tuy có được ít lợi, nhưng chỗ được không bù lại chỗ mất. Được mùa, mất mùa đều khốn khổ, thật chịu sao nổi. Nay lấy số thuế mỗi mẫu để so sánh số lúa với số tiền để biết: trước hết ruộng hạng nhất là lấy hai đồng năm hào làm chuẩn, lúc lúa đất mỗi thưng trị giá hai hào. Vậy thì mỗi năm cần phải có số lúa là mười bốn thưng; lúc lúa rẻ mỗi thưng trị giá một hào, tất phải còn có số lúa vào khoảng hai mươi bốn thưng. Lúc giá bình thường cũng phải có mười bảy thưng. Đó là lấy lúa đổi sang bạc mà nói; còn như nếu mắc nợ bạc thì đất vô kể, vay bạc tháng thì mỗi mẫu phải trả lời hai hào năm xu, vay bạc vụ thì mỗi mẫu phải trả lời một hào năm xu, lại còn thêm biết bao chi phí khác nữa, mỗi mẫu phải đến ba đồng; đó là nói trả nợ đúng hạn đấy, còn như quá hạn chưa trả thì lãi mẹ, lãi con tăng lên. Tệ hại đó không thể nào kể xiết!

4. CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ

Chính sách tiền tệ của xứ Đông Dương, lấy bạc đồng làm chính, dưới bạc đồng thì bạc hào, đồng xu. Lệ chung như vậy. Dưới đồng xu, ở Nam Kỳ thì có đồng kẽm, ở Bắc Kỳ có tiền kẽm thời xưa của nước Nam ở Trung Kỳ thì có đồng tiền “ăn ba”, “ăn sáu”, “ăn mười” và tiền kẽm. Các tỉnh, sử dụng đồng bạc lại cũng khác nhau.

Chính sách tiền tệ ở Nam Kỳ đã sửa đổi quy về một mối, phổ thông dùng bạc đồng, tiền đồng. Tiền kẽm chỉ dùng tiền số lẻ. Ở Bắc Kỳ, tiền kẽm cũng chỉ dùng phụ vào số lẻ của hào, xu; không có lấy tiền đổi thành bạc đồng. Riêng ở Trung Kỳ thì tiền bạc thay đổi cho nhau, có thể thông dụng. Đây là nói cái đặc biệt của chính sách tiền tệ ở Trung Kỳ.

5. GIÁ BẠC

Chính sách tiền tệ không giống nhau, giá bạc cũng khác nhau.

Giá bạc ở Nam Kỳ mỗi đồng bằng một trăm xu, hoặc năm trăm đồng tiền kẽm, đã có quy định; cho nên giá bạc tất thấy không có cao thấp, lấy năm quan làm chuẩn, ở Bắc Kỳ tuy có cao thấp, nhưng cũng chỉ có nông thôn ngày xưa dùng tiền kẽm, tiêu khắp nơi thì mới có việc tiền bạc đổi sang nhau. Đến nay thôn quê trao đổi đều dùng hào, xu, còn tiền kẽm chỉ để phụ tiền lẻ. Vì vậy giá bạc cũng gần như ở Trung Kỳ. Ở Trung Kỳ đến nay hào, xu là phụ ở thôn quê, còn chưa thông dụng, họ trao đổi đều dùng tiền đồng. Cho nên giá bạc không thường, lúc bình thường mà trao đổi, thì mỗi đồng bạc tính sang tiền là bảy quan tiền kẽm; khi cần bạc thì đổi đến tám quan, khi cần tiền thì mỗi đồng chỉ đổi trên dưới sáu quan mà thôi. Đây là hiện trạng của giá bạc Trung Kỳ.

6. LỆ CHO VAY

Cách cho vay ở nước Nam, đồng niên cho lấy ba phân lời (mười đồng trong mười hai tháng chỉ lấy ba đồng), kỳ hạn dù có lâu cũng chỉ cho lấy một vốn một lời. Lấy lời xem như ở các nước châu Âu đã gấp năm, sáu lần, nhưng từ xưa nay việc vay nợ, trả nợ trong dân đã trở thành thói quen; Nhà nước cũng để mặc dân làm ăn, không thêm đếm xỉa, người giàu có của cứ ngồi mà ăn lợi tức. Có nợ năm, có nợ vụ, có nợ tháng, có nợ ngày. Nợ năm, cứ đủ mười hai tháng, mười phân lấy lãi năm phân, hoặc sáu phân. Nợ vụ, cứ đủ sáu tháng, mười phân lấy lãi ba, bốn phân, không chừng; nợ tháng thì lấy một phần mười; nợ ngày thì lấy nợ tháng rồi chia lẻ ra từng ngày mà trả, cũng có khi nợ ngày thì hàng ngày trả, có khi họ lấy lời một, hai phần mười không chừng. Tóm lại, họ đều nhìn vào tình thế chậm rãi hoặc gấp gáp của nhu cầu, gia sản nhiều hay ít, khả năng trả nợ dễ hay khó, để tính mức độ lấy lời. So với Âu châu ngạch nợ nặng nhất, cũng gấp hơn mười lần.

Lệ cho vay đã nặng như thế, cho nên các nhà kinh doanh nước Nam, chưa có ai đi vay vốn làm ăn, mà chỉ có gặp khi khẩn cấp, bí không có cái gì đem ra, mới đi vay, mỗi khi đã rơi vào hố sâu thì mười nhà đã có chín nhà sụp đổ, từ hạng trung sản nhanh chóng biến thành người nghèo, không có cái gì mau hơn việc mắc nợ. Những người đã mắc vào vòng ấy trở nên phóng túng bữa bãi, nếu không trở thành kẻ cờ bạc rượu chè thì cũng trở thành kẻ gian phi.

7. TÌNH TRẠNG CHO VAY CỦA NHÀ NƯỚC HIỆN NAY VÀ SỰ LỢI HẠI CỦA VIỆC NẮM QUYỀN CHO VAY.

Quan quốc gia cũng biết lệ cho vay nước Nam rất nặng. Người cho vay thu được nhiều lời trong các kỳ thuế, nên họ cầu mong cho thật cấp bức để cho vay lấy lời nhiều, khổ nhất là nông dân, mới thiết lập ngân hàng nông nghiệp, không kể dân có việc hoãn cấp, đều chỉ cần lấy chữ ký và dấu của xã, tổng lên cục vay nợ, lời lãi nhiều ít chưa rõ, đại khái lệ cho vay nợ thời đó đã giảm bảy, tám phần, há chẳng phải là phúc cho người Nam chăng? Thế nhưng dân Nam xưa nay không tin tưởng vào quốc gia đã thành tập quán, nên tuy nghe có cử chỉ đẹp đẽ như vậy, mà người dân tôn kính ngưỡng vọng, không dám đến giao thiệp. Gặp khi có việc khẩn cấp, dân cũng tự vay trả với nhau, nếu không thì cũng đến xin dựa vào cái uy của người Trung Hoa vay. Lời tuy nặng, nhưng dân gian giao thiệp riêng với nhau, nhờ có việc gì, bất đồng thì còn có thể tranh cãi, còn như giao thiệp với quốc gia, ngôn ngữ không thông, pháp luật khó tin, nhờ có bất trắc biết kiện tụng với ai nữa. Dân Nam mấy chục năm lại đây, đã bị người tư, người công nước Pháp gieo rắc bao nỗi khốn khổ. Người Pháp tuyệt không hề làm cái lợi cho người Nam, một lời nói như vậy đã in sâu vào tim óc, đã trở thành lý tưởng phổ biến của xã hội, là sự việc nhức mắt đau lòng.

Người Nam nghe nhiều rồi, đại khái như thế cả, có gì phải lấy làm quái lạ! Lúc đó có bọn du đảng thừa cơ làm lợi, làm giả con dấu và chữ ký, đến cục vay nợ, cục mất mát nhiều.

Nhà nước lại định lệ, phàm người vay nợ, trước hết lấy chữ ký của lý trưởng, chánh tổng, rồi đến quan địa phương hạt đó, làm đơn xin để làm bằng cứ, sau đó đối chiếu với văn khế hiện có với số ruộng đất tư hữu trong sổ xong cho vay nợ; về vấn đề vay nợ luật pháp thật là chặt chẽ vậy.

Tình hình tệ hại trong cửa quan nước Nam xưa nay như kẻ tóc khó đếm xuể, dân gian giao thiệp, hễ đến cửa quan thì phải tốn chi phí yết kiến, chi phí đầu đơn, chi phí giấy mực, chi phí đóng dấu. Trên từ quan lớn, dưới đến môn dịch sai nha, lòn qua bốn năm tầng, và tính toán thấy việc lớn thì năm, sáu chục đồng, việc nhỏ thì cũng hơn mười đồng. Đến nay, trong dân gian nếu chẳng phải là việc vạ bắt đặc dĩ, còn thì không dám bước chân đến cửa

quan, ai dám lấy việc riêng vay trả nợ thu nhập vào cái hố lớn này.

Trong dân gian từ xưa nay, phạm giao thiệp việc ruộng đất tiền tài, kiện tụng và việc giao thiệp với người Pháp về các việc ruộng đất, văn khế, đều còn ở trong tay nhân dân, thế mà họ còn dựa thế hạch sách, bắt ép, ăn tươi nuốt sống. Luật pháp quốc gia thấy giống như trò chơi trẻ con, ai dám gửi con cho giống quạ gà, để phải phá sản mau.

Trước đây lệ cho vay này, tất thấy đều không có cầm thế, và không phải xét hỏi, nay lại thêm cái tầng lớp khốn khổ tệ hại như thế. Những nhà hơi có ý kinh doanh nhỏ, mới nghe đồn đại, đã phải bỏ đi, còn nhà giàu thì lại càng không nói cũng có thể biết được. Phép quan cho vay nợ lãi, như cái lò, lòng dạn tựa như sắt thép, chỉ có kẻ du dương xảo trá, mới dám vào để thử sức nhau, có kẻ giả mạo văn khế để lừa quan viên, có kẻ khi mới nhận vay nợ, là chiết lấy một nửa, chia lợi cho các nhân viên ở trong cửa quan, hàng loạt việc giả dối, xảo trá, liên tiếp xảy ra, may thì phải bồi thường, không may thì tù tội, nếu không nữa thì chạy trốn là thượng sách. Phép quan tuy nghiêm ngặt nhưng biết làm sao đây mà ngân hàng thì bị lừa gạt không ít.

Quan quốc gia không hề biết trách mình, ngược lại chỉ biết trách người, họ đều nói người Nam không phải ngu thì cũng xảo trá. Than ôi! Người Nam thật là xảo trá vậy, mà xảo trá đâu chỉ có người Nam chăng?

Lánh nặng tim nhẹ là cái lẽ thường của nhân tình vậy, người Nam quả là ngu thật chăng? Hay là bởi bóp cổ họ, trói tay họ lại, khiến cho họ không thể không ngu được!

Từ đó về sau, vốn cho vay của cục này không cho người Nam tham dự, mà chỉ cho người Trung Hoa vay nợ, và quyền nắm giữ việc cho vay lại hoàn toàn thuộc về người Trung Hoa vay. Vốn cho vay này của người Trung Hoa chẳng dùng để kinh doanh sinh sống, và cũng không có phép xuất quỹ, nhập thần gì để mà trả nợ lãi; chẳng qua lấy lời tăng gấp bội đối với người Nam mà thôi. Người Trung Hoa mỗi khi đến kỳ thuế, trước hết đến ngân hàng nông nghiệp quốc gia vay một khoản lớn rồi chuyển cho người Nam vay, mỗi vụ sáu tháng thì mười phân lấy ba phân lời, suốt cả

năm ngồi thu lời gấp bội, như thế là tăng nặng thêm ngạch thuế của quốc gia, và việc thúc thuế cấp bách trong các kỳ thu thuế, chẳng phải là vắt lấy máu tủy người Nam, để một nửa nhập vào của công, một nửa làm tăng thêm mối lợi của người Trung Hoa đó chăng?

Quan Pháp ở Đông Dương thường nói: sợ người Trung Hoa đoạt hết quyền lợi của người Nam, muốn dè nén họ để nâng đỡ người Nam, nay lại làm ngược lại như vậy. Chẳng lấy gì làm lạ, càng nói dè nén thì quyền lợi người Trung Hoa buôn bán ngày càng phát đạt, càng nói giúp đỡ, thì sinh kế người Nam ngày càng thất bớp lại.

8. LÝ DO LƯỢNG TIỀN BẠC GIẢM SÚT Ở TRUNG KỲ

Ở Trung Kỳ lượng tiền bạc giảm sút có ba nguyên nhân. Một là, sản xuất ít, thổ sản xuất ở Trung Kỳ phần lớn là lúa gạo, ngoài ra còn có tơ tằm, quế, mía, chừ, dừa và các thứ khoai đậu, v.v...

Tuy sản vật các tỉnh sản xuất không giống nhau, nhưng trong dân chúng đều có trao đổi những thứ này. Có một số ít xuất khẩu, đều là do người Trung Hoa, người Pháp đến tận nơi mua rẻ bán đắt, giữ độc quyền giá cả, đồng bạc do người ta đưa vào, không đến một phần ba, giá đồng bạc bị sút là do ở đó mà ra.

Hai là, tiền nhà nước hàng năm đầu tư vào, lại không được lưu chuyển trong dân gian.

Số nhập hàng năm, xuất hàng năm ở Trung Kỳ, nước Nam không biết được, nhưng tính ước lược số xuất ra đại khái có ba đường:

Một là tiền bổng lộc, lương lậu của quan lại, binh lính;

Hai là tiền công ích của xứ Đông Dương;

Ba là tiền chi bất thường chi cho công ích địa phương.

Ba đường ấy là ba con đường tiền bạc đi ra, nhưng các giới quan lại Đông Dương từ xưa nay vốn là nổi tiếng tham lam, gặp chuyện gì cũng đều làm tiền, bổng lộc cấp cho thì đem cất kín làm giàu; quanh năm chi tiêu đều lấy của dân. Tuy cũng có một số tiền nhỏ nhoi của binh lính tản ra thôn quê, thành thị so với số tiền bọn quan lại vơ vét trong dân, chẳng qua như giọt nước trong biển cả. Đến như công ích, tuy trong dự toán, đã kê la liệt các hạng

mục sự việc, nhưng chẳng qua để tính cho rõ số bạc, để lừa mầu quốc đó thôi. Ở Trung Kỳ xưa nay sự nghiệp công ích có xứ nào bày ra đâu, như cầu cống, đường sá, ngôi nước, các nguồn vốn lớn xuất ra từ đó; nhưng từ xưa đến nay, việc cầu cống bị công sứ và Lục lộ thông đồng giấu diếm cho nhau, tiền bạc kho nhà nước xuất ra, một nửa bỏ vào túi quan, số còn lại thì vào tay số người Pháp bao thầu cả. Tuy có trao trả tiền bạc cho việc mua bán gỗ củi, dân nghèo có được một ít, thế nhưng tiền công quá rẻ mạt, nên trong dân gian chẳng mấy nơi có được bạc. Đến như các công trình đường sá, ngôi lạch, thì mỗi tỉnh chỉ có một con đường quan và con đường dùng chung cho người Pháp đi lại. Hễ cần sửa sang thì dù là con đường nào cũng đều sai dân phu làm, cách xây đắp đã không nhất định, mà lại giao cho kẻ không có tư cách điều khiển, giả dụ có trả tiền thì một nửa làm no bụng chúng; thêm vào đó mỗi khi gặp mùa màng bận rộn, nhân dân đều bỏ ra nhiều tiền, mua đất suất dịch để theo việc mùa màng. So sánh tiền dân phu nhận được với tiền trong dân chúng xuất ra, thì số được không bù lại số mất, ở đâu cũng vậy. Ngoài ra các công trình ngôi lạch, vốn thuộc nông chính. Nhưng ở Trung Kỳ từ xưa đến nay, việc dân sự chưa ai từng bàn đến, làm gì mà có công việc làm; giả dụ có việc đi nữa thì cũng là tăng phiền phức cho dân mà thôi. Tiền bạc chi tiêu bất thường, chẳng qua chỉ là chi phí làm chuồng ngựa của công và địa phương mà thôi. Còn các nhu cầu khác của bản thân quan, tiếng là dùng cho việc công, nhưng thực là tiêu riêng. Vạn nhất có dùng cho dân gian, thì không có việc nào là không dùng một mà báo mười. Hàng loạt việc tệ hại không thể nào nêu lên hết được.

Lượng tiền bạc giảm sút, lại còn vì sự cất trữ của nhà giàu và sự sách nhiễu của quan lại.

Tiền bạc hiện nay ở Trung Kỳ, ngoài số nằm trong tay quan lại, nhà buôn người Pháp, nhà buôn người Thanh ra, số tản ra trong dân gian, phần lớn lại nằm trong tay các nhà giàu. Dân Nam từ xưa nay, chẳng biết công thương là nghề gì. Hễ được đồng bạc là cất giấu hết, hòng để lại cho con, trừ phi trộm cướp đào ngạch, quan lại bắt ép, còn thì không thể đem ra tiêu, hoặc nhằm khi người khác gặp nguy cấp, hoặc đem ra cho cầm nợ, mua ruộng. Nhưng số bạc vay nợ nếu chẳng phải là nạp vào cửa quan, thì cũng dùng vào việc rượu chè cờ bạc, nếu chẳng phải nạp thuế cho

quan, thì cũng dùng vào việc ăn uống. Đồng bạc đã lâu đình trệ, không lưu thông, vừa ra khỏi kho bạc, đã thấy phù phí, bạc vốn phần lớn bị đưa vào nơi không thể sinh lợi, thêm vào đó là đủ thứ tình tệ sưu dịch của quan lại. Nhân dân đang lâm vào hoàn cảnh đung vào đâu cũng có thể mất vốn, suốt năm cần cù làm ăn mà chẳng thu về được bao lăm!

Lượng tiền bạc giảm sút lại còn vì người nắm quyền buôn bán, nắm quyền cho vay là người Trung Hoa. Quyền buôn bán ở Đông Dương đều thuộc về người Trung Hoa có nguyên do từ lâu đời rồi. Phàm số hàng hóa xuất khẩu của người Nam, nếu không qua tay người Trung Hoa thì biến thành của vất đi, giá hàng hóa cao hạ tùy theo họ; hướng chỉ cách buôn bán của Trung Hoa gần đây ngày một khôn khéo hơn. Họ hợp, ta ly, họ sáng tỏ, ta mờ tối, số hơn thua không nói cũng có thể biết vậy.

9. VIỆC RÚT NGẮN THỜI KỲ THU THUẾ VÀ CÁC LOẠI TÌNH TỆ ĐẾN VỚI NÔNG DÂN TRONG THỜI KỲ THU THUẾ

Thời kỳ thu thuế thời trước ở nước Nam mỗi năm chia làm hai kỳ, mỗi kỳ ba, bốn lần đăng nạp, quả thực làm giảm bớt nỗi khổ của nông dân, hơn nữa lại còn phát chẩn, cứu tế, thực là cách hay ý đẹp. Nhưng từ sau khi thuế ruộng tăng lên, mới đầu cũng định ra hai kỳ, mỗi kỳ hai, ba tháng. Kỳ hạn rút ngắn còn một nửa này, nông dân đỡ khổ một ít rồi, nhưng nếu chính lệnh nhất luật, thì dân còn nhờ chút ít; nếu mỗi kỳ ba, bốn tháng, thì dân đã nhảy múa reo ca lên rồi. Thế nhưng, quan Pháp ở Đông Dương mặc nhiên không hề biết đến cái lợi hại của dân chúng, mà dù họ có biết đi nữa thì họ cũng không thèm hỏi đến, chỉ biết thu đủ bạc sớm hàng năm, để cầu thăng quan tiến chức, tăng lương bổng mà thôi. Còn như vấn đề thuế má sưu dịch nhiều ít đủ thiếu, tức là hợp với công trạng của quan trường Đông Dương thăng lên hay hạ xuống. Như thế tức là làm cho thuế tăng phải nhiều, thu phải sớm. Do đó, dù mỗi ngày giết một người Nam, mỗi ngày lấy một khoản hối lộ lớn, mà quan chức vẫn thăng thưởng như cũ. Quan Pháp đã như vậy, thì những viên quan nước Nam được quan Pháp tin dùng, không nói cũng có thể biết được. Như vậy kỳ thuế lại càng rút ngắn và thúc bách thì nông dân làm sao mà sống nổi.

Quan Pháp biết thuế ruộng quá nặng, lúa thu hoạch không đủ

nạp, nếu để kéo dài kỳ hạn, thì lúa có thể hết, không bằng ra tay cưỡng bức dân trước đi là hơn, mà quan lại thì không thể thiếu tiền cung phụng, cho nên mỗi khi đến kỳ gặt hái, không cần hỏi giá lúa cao hạ, nhất loạt đi thu một cách nghiêm ngặt, trong một kỳ phải nạp cho xong, kỳ thu nạp cũng chỉ hạn một hai tháng. Tuy trong giấy ghi rõ rành rành, là thu thuế phân làm hai kỳ, nhưng quan Pháp thúc quá nghiêm ngặt, ai dám chậm trễ. Lệnh quan nghiêm ngặt, dân tình thực vô cùng khốn khổ, kỳ hạn lại thúc gấp, đâu có thể làm xong khắp mọi nơi, bèn lập cách kiểm thuế. Hết đến kỳ thuế, họ giao cho phủ, huyện thân hành xuống làng thu ngay được bao nhiêu, lập tức lên trình kiểm, có tiền thì nói rộng, không có tiền thì thúc ngặt, chỉ phí mỗi xã lên trình kiểm và biểu xén quan lại, nhiều thì trên mười đồng, ít thì cũng năm, sáu đồng. Thôn quê ở Trung Kỳ bạc giấy chưa thông dụng, nạp thuế toàn là dùng bạc thật, nên lại có cách kiểm tiền, người kiểm tiền cũng do quan Pháp sử dụng, không nói cũng có thể biết, có tiền thì kiểm sơ lược, cho là vô sự, không có tiền thì tìm chuyện bắt bẻ bạc đồng thật, giả v.v.. Dân làng biết làm sao được giả hay thật, mà mỗi xã nhiều thì hai, ba đồng, ít thì cũng một đồng trở lên. Mỗi huyện hạn nghiêm ngặt là một kỳ phải nạp xong, dân xã lũ lượt đến theo kỳ hạn mà đến, đi đi lại lại bốn năm ngày, dân phần nhiều tranh nhau nạp trước, để giảm bớt phí tổn. Lúc đó lại có cách phân hạng, phân người theo thứ tự, nếu không được phân trước, thì hết có tiền dứt lốt thì sau thành ra trước, còn không có tiền thì trước ra sau, đứng đợi. Phần lo trộm cướp, phần ở lại tốn kém, nếu không dứt lốt, tốn kém lại càng nhiều. Cho nên ở đây tiền dứt lốt mỗi xã, nhiều thì đến một, hai đồng; ít cũng năm hào trở lên. Người Nam xưa nay vô luận việc gì cũng rất khéo nhúng tay, hướng chỉ việc khai thuế. Sổ điền thổ được phân là dựa vào sổ điền thời xưa để làm chuẩn, đến nay sổ rất lộn xộn không tra cứu được, chỉ dựa vào thẻ mà quan Pháp đã phát để làm căn cứ, nhưng cái thẻ chỉ nói hạng ruộng, hạng đất bao nhiêu, bạc bao nhiêu. Còn như người nào ruộng bao nhiêu, đất bao nhiêu, mỗi mẫu bao nhiêu bạc thì không biết. Lúc tăng thêm sổ điền thổ thì để mặc dân làng, chiếu theo sổ cũ chịu thuế gấp bội, lúc chia để chịu thì người giàu nhẹ, người nghèo nặng. Việc đã không rõ ràng, lúc thu nạp tệ hại này càng thậm tệ. Mỗi kỳ thuế đến, chủ ruộng và lý

trưởng kiện nhau om sòm. Khi kiện nhau, chủ ruộng đưa ra điều lý trưởng thu trội; lý trưởng thì đưa ra việc chủ ruộng chống thuế. Hai bên kiếm chuyện cãi nhau, ai đứng ra mà phân xử, hễ đưa đến quan Nam triều thì gian tham, hối lộ nổi lên, đến hỏi công sứ thì chỉ một mực nói là chống thuế, vì ông lý đã gài đúng chỗ ngựa của quan, chưa xử mà được thua đã rõ. Vả lại lý trưởng các xã ở Trung Kỳ hàng năm chỉ miễn thuế thân hai đồng năm hào và mấy ngày công dịch. Kể làm quan to, lương tháng bảy, tám trăm đồng, còn chưa thể giữ mình trong sạch, hưởng chi hương lý hèn mọn, hết lòng làm việc. Lương tháng đã không có, hàng năm không thăng quan, chi phí lại rộng rãi, nên đã phải lạm thu. Thế cũng phải, suy bụng ta ra bụng người. Ôi, trách móc làm gì! Phán xét cho công bằng đại khái có thể hiểu được!

Hương chức có quyền, ngạch thuế nâng cao, dân ngu biết gì, ngồi chịu phạt cá thịt. Hoặc cũng có một hai nhà trung nông trở lên, rủ nhau kiện lên quan, lý trưởng lại lên báo của quan trước, nói là chủ ruộng chống thuế, thế là kỳ kiện kéo dài. Dân thà thua kiện, chứ không chịu để quan kéo dài việc kiện tụng để được tiền. Về việc này, ở cửa quan phạm có việc liên quan đến kiện tụng thuế má, thì ra sức bác bỏ, cho nên dân làm ruộng lại tăng thêm một tầng oan nghiệt. Do vậy mãi đến nay, phạm làng xã có ruộng đất nhiều, dân làng có hối lộ một, hai trăm đồng, để được lòng lý trưởng, tệ hại này cũng có thể biết được.

Tàn khốc độc hại như thế thì thuế nào mà không thanh toán. Lửa mạnh tuy cháy rực, nhưng dầu mỡ đã kiệt, ức hiếp trăm phương, mà thiếu, chậm vẫn như cũ. Trong trường hợp này, họ lại bày ra cách thăng quan. Phạm số thuế các xã từ một ngàn năm trăm đồng trở lên, liên tiếp trong ba năm thanh toán sớm thì sẽ được khoác lên cái hư hàm Cửu phẩm; phủ huyện nhiều ruộng đất, mà liên tiếp trong ba năm, thúc thuế nộp được nhanh chóng, thì lập tức cho thăng chức. Than ôi! Thăng quan tiến chức, nước nào không lấy làm vinh? Nước Nam ở vào thế bán khai, tất nhiên càng ham. Vừa nghe lệnh nay, không ai không tranh làm trước. Kêu van không ai nghe, kiện tụng hết đường, nông dân lại rơi xuống thêm một tầng địa ngục nữa vậy!

[Xét]: Các xã ở hai xứ Nam Kỳ, Bắc Kỳ, lúc thúc tô, có cách thưởng tiền hoa hồng, đã là một việc nghe lạ tai xưa nay, nhưng

còn có hạn độ. So sánh với Trung Kỳ, quan Pháp để mặc lạm thu của dân xã, nơi nơi đều tăng tẻ hại, chẳng phải tài làm chính trị của quan Pháp ở Trung Kỳ không bằng quan Pháp ở Bắc Kỳ và Nam Kỳ chăng!

Gần đây, lụt lội, hạn hán luôn, nông dân chịu nhiều khổ khổ, thêm vào đó là tiền bạc hiếm hoi, không có nơi để cầu cứu, tuy có bày ra trăm xảo kế, nhưng đều vô hiệu cả. Thế mà ở đây các lệnh nạp trước, thu sau, liên tiếp nhau ban xuống.

Chỉ sợ đầm cạn, chẳng lo không cá, việc sinh đẻ của người Nam vốn nhiều, chết một nửa cũng chẳng sao, số phận hàng năm của Đông Dương đã định trước, thì làm sao có thể giảm thu được. Nếu như không có xảo kế để làm cho người chết sống lại, thì làm sao được tiếng khen của nhà viết nhật báo của mẫu quốc. Nghiêm ngặt sức phủ huyện bắt dân xã trước tiên phải vay nợ do quan dâng nạp. Chờ đến vụ gặt, theo thứ tự sẽ trả lời, các chủ ruộng chia nhau mà chịu, có người không chịu nổi, thêm vào đó là phép quan nữa. Máu thịt có đau, mà roi thì thật vô tình, quan trên như trời xanh, dân dưới giun kiến, kêu la tuy thảm thiết, thì cũng chẳng có ai nghe thấy. Nợ lãi nước Nam nặng nhẹ, tưởng rằng quan Pháp tuy làm quan đã lâu mà chưa hề hỏi đến, nông dân lại phải rơi vào một tầng nước sôi lửa bỏng nữa.

Cũng trong một sự việc, mà người thì chịu khổ sở, còn ta thì hưởng sung sướng, tình thế thuận lợi như thế, trừ phi Rousseau sống lại, còn người nào mà không làm. Vậy trách làm gì quan nước Nam độc ác.

Ở Trung Kỳ, tiền bạc tiêu dùng trong dân gian, hàng năm giảm sút (lý do này sẽ nói kỹ ở chương khác) mà ngạch thuế toàn tỉnh không phải chỉ đến bạc vạn. Các khoản nợ của dân xã, làm sao có thể cung ứng được. Do vậy, bạc ngân hàng nông nghiệp ở Đông Dương chuyển cho người Trung Hoa nắm giữ, rồi trở lại đem cho người Nam vay nợ (việc này sẽ nói rõ ở chương khác) mà người Nam mỗi lần nạp thuế một trăm đồng, thì trong sáu tháng lại nạp thêm cho người Trung Hoa hai mươi đồng. Sản vật mà hàng năm ruộng đất sản xuất được, quan quốc gia trực tiếp lấy ba bốn phần mười, và nhà ngân hàng và người Trung Hoa lại gián tiếp lấy một, hai phần mười số đó. Tai hại cứ tăng chồng chất, không còn con đường sống nào, trừ phi người Nam chịu khổ nhẫn nhục, sống lay

lất, thì làm sao mà kéo dài hơi thở cuối cùng cho đến ngày hôm nay, để đợi sự giác ngộ của mẫu quốc. Huống gì sự việc không phải chỉ có chừng ấy. Trên đây chỉ lấy việc của một tỉnh Quảng Nam ra mà nói, thì việc ở Trung Kỳ, Bắc Kỳ đại khái có thể suy ra.

Tuy nhiên, trên đây chẳng qua nêu lên một mặt mà nói thôi, ngoài ra còn có hàng loạt sự việc, hoặc gián tiếp, hoặc trực tiếp đã làm khổ nông dân, không phải một loại mà đủ, nếu không theo từng mặt để quan sát sự việc thì không có cách gì để tìm được chân tướng của nó, nay xin lần lượt nêu sơ lược như dưới đây. Hiện trạng cùng khốn của nông nghiệp Trung Kỳ đã nghiêm nhiên hiển hiện trước mắt.

10. THUẾ ĐÌNH, ĐẠI LƯỢC VỀ SỐ ĐÌNH VÀ VIỆC ÁN ĐỊNH SỐ NGƯỜI NẠP THUẾ Ở NƯỚC NAM THỜI XƯA

Nước Nam thời xưa, thuế đình chỉ nhằm vào người có sản nghiệp. Đàn ông từ hai mươi tuổi trở lên, hiện có gia thất, thì gọi là *tráng đình*, do lý trưởng hàng năm đăng ký vào sổ chịu thuế, đến sáu mươi tuổi mới bỏ tên, thì gọi đó là *xuất nhiều*. người hiện đang có tên trong sổ tráng đình, nếu sản nghiệp tiêu mất, không thể nộp nổi thuế, thì lý trưởng làm tờ khai lên quan trên để xin xóa tên, sổ đình còn lại có thể nộp nổi thuế, thì đăng ký vào sổ khác, nếu không thì trừ số này ra. Nếu gặp trường hợp mất mùa, chết chóc, lý trưởng đơn phương kê khai, sổ đình chết bao nhiêu, còn bao nhiêu và đem số hiện đang chịu nộp thuế là bao nhiêu, khai báo lên quan, định lại thuế suất, nếu như tất cả đều không nộp nổi, cũng nghe nói trừ hết, gọi là khai “điều hao”. Sáu năm khai báo một kỳ gọi đó là *đương tuyển*. nếu dân xã đã có tráng đình mà kỳ tuyển chưa đến, cũng nghe do quan đơn phương khai chịu thuế đó. Đến kỳ tuyển, đăng ký vào sổ, gọi đó là *phụ tuyển*. Gọi là tuyển, ấy là nói việc chọn người nộp được thuế hay không nộp được thuế.

11. THUẾ SUẤT

Những người cả năm không đi lính, không chịu phu dịch, thì gọi là kim hộ, cả năm nộp bạc thật ba chỉ, không có bạc thật thì cho nộp tiền năm quan, theo bạc hiện thời là bảy, tám hào. Người cả năm có đi lính, chịu phu dịch, thì gọi là *khách hộ*, nếu có công điền thì bảy quan, mười bốn xu; không có công điền thì một quan

hai xu, trên dưới một hào, năm sáu xu. Còn lại đều gọi là dân ngoài sổ. Nhà nước có những công dịch lớn nhỏ bất thường, mới dùng đến họ, nhưng chẳng qua cũng chỉ ba, bốn ngày thôi.

12. SO SÁNH THUẾ SUẤT NHIỀU, ÍT, NẶNG, NHẸ TRONG THỜI TĂNG ĐÌNH TĂNG THUẾ VÀ TÌNH HÌNH KHỔ SỞ CỦA DÂN NGHÈO.

Năm 1897, lúc định lại việc tăng thuế ruộng, không phân biệt *kim*, *khách*, mỗi đình chịu thêm một đồng hai hào tiền thuế. Cả năm công dịch bốn ngày, gọi là *công ích*, hương dịch mười ngày gọi là *công sưu*, sưu lại trích ra công ích hai ngày, với công sưu mười ngày, cho phép nạp thay bạc một đồng hai hào, hợp lại để định thêm thuế suất, như vậy công mỗi đình cả năm hai đồng bốn hào, các năm liền sau đó, không phân đình điền, hàng năm tăng thêm mười phần trăm, bốn phần trăm, ba phần trăm không chừng. Đến năm 1908, ở Trung Kỳ có dân biến thì đình chỉ, đến nay dân làng đều nạp hai đồng bảy, tám hào, làm theo thời xưa. Vẫn còn *kim hộ* có bốn ngày không đi làm dịch, đã tăng gấp bốn lần.

Khách hộ đi lính và ứng dịch đã tăng gấp hai mươi lần. Tuy nói cả năm bốn ngày mà thực ra mỗi năm chẳng phải bốn, năm tháng đó sao?

Ngạch thuế tuy nặng, khiến những người có sản nghiệp gánh chịu, còn dân nghèo thì gánh chịu không đến nổi nặng lắm. Nay lại thực hành thủ đoạn thâm hại, tăng hạng ruộng nên hộ cùng đình càng không có con đường sống.

Lúc tăng ruộng, đồng thời cũng tăng đình, giao cho quan Nam làm, ai làm được nhiều thì thưởng, ruộng không có thực cũng còn có thể tăng không lên, hưởng chi người hen suyễn gây còm tàn tạ, ai dám đòi hỏi. Quan lại được như thế có gì khoái bằng, khéo tay thì sẽ được cả hai bề, có tiền đứt lót thì tăng ít, không có tiền thì tăng nhiều, có người tăng gấp bội, có người tăng một nửa, có người tăng bảy tám phần mười, có người tăng ba bốn phần mười. Như vậy, những nam đình cô thế, ngày xưa nhờ vào chỗ lọt lưới để mong kéo dài cuộc sống tàn, nay thì quá nửa đều đăng ký hết vào sổ.

Lệ xưa trừ hao, đại khái từ người già cả, bệnh tật đã xuất nhiều, còn thì lệnh bắt phải điền thế. Khi có tử vong, suất thuế không trừ; đến nay hàng xóm bần cùng, dân tản đi bốn phương, ngạch thuế ấy hoặc là do chủ ruộng phân ra để chịu, hoặc là căn

cứ vào dân xã để trả bù cho đủ. Khổ sở trăm chiều, không thể nào vực nổi cái thân, mà lại đợt sóng này chưa yên, thì đợt khác lại nổi lên quật vào. Trả bù nợ chưa xong, mà năm mới đã có lệnh đưa xuống xã lấy thêm ba, bốn suất thuế, hàng năm thường là như vậy. Chỉ cần thu được nhiều tiền, chứ không hề đoái hoài gì đến dân chúng. Vì vậy, có người bỏ đi tha phương không trở về, không biết đi chôn xác ở phương nào! Mà kẻ ở lại gánh vác ngày càng nặng, cũng sẽ đến nỗi phải vất xác ở nơi nương rãnh. Than ôi! Bắt con trâu ốm mạng nặng nghìn cân, không thể đi nổi, mà bảo là nó không báo đáp, cứ tăng mãi roi vọt, nếu trâu chưa chết ngay cũng miễn cưỡng kéo đến nơi được; huống gì ở loài người, oan ức, độc ác chồng chất lên, gian tà, biến loạn ngày một sinh ra, không một chút nới tay, hàng tháng có biến loạn lại thêm gươm súng, sao chẳng có lòng nghĩ đến con người đó. Dân cùng khổ e sợ cường quyền, gắng gỏi lắm mới có thể kéo dài cuộc sống lay lắt của mình, may ra mới khỏi chết.

[Xét]: Người Nam sinh đẻ rất đông, số đình nhiều, chẳng biết trốn tránh đi đâu. Đất ít, người nhiều, thức ăn đắt, tiền công thì rẻ, sinh kế ngày một quần bách, chết chóc ngày một nhiều, nhưng đến lúc có lúa thì nhu cầu về phu dịch càng gấp, người gầy như que củi, mặt xanh như tàu lá, lại như chim cút nửa trời, nửa treo, còn in vết lưu lạc đầy đường, dấu giày đá, lằn roi đập, kêu đói, kêu đau oán khổ, tình trạng thống thiết, thảm hại, tàn phế thương tật, đã khiến cho họ quy những cái tật, bệnh, đói kém, tất cả đều đổ ở số trời. Nay toàn việc dân sự dồn dập kéo đến, đã làm cho người nước Nam, nay phải đi lính, nạp thuế, tiễn người đi, đón người đến, há có thiên thần(?) nào có oán thù gì, ai chẳng phải con người, mà muốn bắt giết hết để mua vui. Ngày trước, các nước Âu châu, dân nghèo chịu sự đè nén dưới nền quân chủ chuyên chế tàn bạo, thuế má sưu dịch nặng nề. Ông Lư Thoa⁽¹⁾ với chiếc áo vải, hy

⁽¹⁾ *Lư Thoa*: dịch âm chữ Rousseau (Rút-xô). Rút-xô (1712-1778) là nhà tư tưởng lớn của nước Pháp. Tác phẩm chính của ông là *Luận về học thuật văn nghệ*. *Luận về bất bình đẳng*. *Dân ước luận*. *Ê-mi-li hay bàn về giáo dục*: Hai tác phẩm đầu chỉ trích văn minh tiến bộ là nguyên nhân làm sa đoạ con người, chế độ và quyền tư hữu phát sinh lại đưa loài người đến bất bình đẳng. Hai tác phẩm sau công kích chính trị xã hội đương thời, chính phủ Pháp cho là muốn làm rối loạn an ninh xã hội đương thời, định bắt, khiến ông phải trốn sang Thụy Sĩ rồi sang Anh.

sinh hạnh phúc của Mácxây, đi ra bốn nước, ra sức trước thư lập ngôn, lớn tiếng hô hào; đến nay khắp Âu, Á, ai nấy đều chịu cái ơn ấy. Nay nhiều nước đã do nguyên cớ thuế má nhỏ nhặt ấy mà cùng nhau đứng lên chống đối. Phi tướng quân⁽¹⁾ đọc đường thấy chuyện bất bình, bèn quyên góp tiền bạc giúp đỡ, mở lòng nghĩa hiệp bách chiến. Vốn nghe Trinh tôi mỗi lần đọc sách đến đoạn đó, chưa lúc nào không khoa tay múa chân, đốt hương chúc bình đẳng, bác ái. Sao các nhân vật nước Đại Pháp lại không như thế.

Nay lấy ở Đông Dương trăm thứ thuế má nặng nề, so với các nước nông nô thế kỷ 17, 18 còn thậm tệ hơn. Chỉ riêng việc thuế má nhỏ nhặt mà nói hết sao được. Đến nay, chưa thấy một người ra tay giúp đỡ, có một hai người nói thay nỗi thống khổ, nhưng tình thế cách trở, ngôn ngữ bất đồng, một trăm phần chưa có thể hiểu được một, hai. Thế mà đông đảo dân chúng đã cùng nhau nổi dậy ở nhiều nơi. Nếu che chở cho các quan lại Đông Dương, thì nước Nam nhỏ yếu với mấy mươi triệu sinh mạng con người, sẽ dựa vào đâu?

[IV. TỆ CỦA SƯU DỊCH]

1. TÌNH HÌNH HỖN LOẠN GIAN DỐI CỦA PHÉP BẮT XẤU VÀ LÝ DO CÙNG LỢI HẠI CÓ LIÊN QUAN TỚI THUẾ ĐÌNH

Nước Nam từ xưa nay, cầu cống, đường sá, chẳng mấy khi tu sửa. Mỗi tỉnh chỉ có một con đường quan, bốn năm năm mới sửa sang lại một lần. Quan lại ở các tỉnh tùy lúc mà tu bổ đê đập đường sông, nếu có thì cũng ba năm, năm năm, mười năm mới có một lần. Cho nên thời xưa tuy có lúc nông dân rảnh rỗi mà phép lấy dân đi làm phu dịch cũng không sử dụng, chẳng qua khi các quan lại đi về phải đón tiễn mỗi năm bốn, năm lần mà thôi. Từ trước khi thuộc về nước Pháp hơn mười năm, đón tiễn tuy nhiều, nhưng công dịch chưa đến nỗi nặng nề lắm. Từ năm 1887, toàn cục mở ra hàng trăm thứ thuế nặng nề, công việc phu dịch cũng theo đó mà tăng thêm, lúc đầu định quan dịch bốn ngày, hương dịch mười ngày, sau lại lấy hết số hương dịch với hai ngày quan

⁽¹⁾ *Phi tướng quân*: tức Phi Liệt Yết (La Fayette), đại tướng và nhà chính trị người Pháp, đã từng sang giúp quân cách mạng ở Mỹ trong 5 năm (1777-1782).

dịch, bắt nạp bạc một đồng hai hào, cộng thêm vào thuế đình. Căn cứ vào đó thì dân đình cả năm chỉ còn quan dịch hai ngày thôi. Thế nhưng quan Pháp ở Đông Dương theo lệnh của Toàn quyền, Khâm sứ, nặng như Đế thiên. Lời của công sứ là pháp luật, đã là ý muốn của quan, ai dám hỏi lại. Như thế thì kỳ quan dịch là bốn ngày, còn từ hương thôn trở xuống không có ngày nào, chẳng nghe thôi thúc gì cả.

Nhưng nếu như cả năm bốn ngày dịch làm xong, thì để mặc cho dân sinh sống thoải mái, thì trong dân gian cả năm đến kỳ quan dịch đi về phí tổn ăn uống, nơi gần thì sáu ngày, nơi xa thì tám ngày, xong rồi là thời kỳ làm ăn lâu dài các ngành nghề khác, thời gian giao thiệp với quan ít. Ngạch thuế đình, thuế điền tuy nặng, suốt năm đổ mồ hôi và máu để làm thì một nửa đem nạp cho quan, một nửa thì giữ lại để kéo dài ngày sống cho tám thân tàn. Đàng này đi tạp dịch vừa mới về, lại tiếp quan dịch, quan dịch vừa xong, lại tiếp hương dịch, hương dịch vừa hết lại lệnh đi làm phu, các lệnh cứ theo nhau ban xuống. Trong một năm đã năm, sáu tháng ứng dịch, ăn nằm ở ngoài đường sá, ngày ngày chịu roi vọt, chết đói, chết bệnh, không ngày nào không có. Loại độc hại này ai cũng biết cả.

2. VIỆC ĐÓN RƯỚC HẦU HẠ QUAN PHÁP

Những lúc quan Pháp mới bố đến và những lúc dời gót về thôn xã, đều sức dân xã toàn hạt, đến nơi quan sẽ đi qua, đứng lại lâu để nghênh đón; xã lớn mấy mươi người, xã nhỏ bốn, năm người. Thời gian đi đón dài ngắn xem chức của quan to hay nhỏ; chức Công sứ trở xuống, thì người ở gần là một ngày, người ở xa thì hai, ba ngày; từ Khâm sứ trở lên, thì người ở gần hai, ba ngày, người ở xa năm, sáu, bảy, tám ngày không chừng. Phí tổn ăn uống cho quan thì do dân nghèo cung cấp, nếu chậm trễ không kịp, thì cứ lý trưởng mà nghiêm phạt bạc. Trường hợp này, người đi đón mang khoai, cơm nắm đi ăn, mất hết thì giờ ngồi không suốt ngày, nhưng kẻ ở lại nhà thì gánh chịu khoản phạt cũng nặng nề không chịu nổi. Tệ hại này xảy ra một năm bốn, năm lần hoặc hơn mười lần. Hai xứ Bắc Kỳ, Trung Kỳ đều như thế, cũng có một hai đại thần mới đến Đông Dương, thấy thế lấy làm quái lạ mà hỏi, quan Pháp và quan Nam tranh nhau trả lời trước, nói rằng: dân nước

Nam yêu quý, hâm mộ quan Đại Pháp, cho nên từ xa lại vái quỳ, nghênh đón, hầu hạ để biểu lộ lòng kính trọng ấy. Than ôi! Yêu quý, hâm mộ chẳng? Thù oán chẳng? Người ta có con mắt sáng, có thể không phân biệt được ư?

[Xét]: Quan Pháp đến Đông Dương đã lâu, hàng ngày giao tiếp với người Nam nhiều, lâu thành ra quen vậy. Thói quen thời xưa của nước Nam đối với việc vô ích có hại thì không những không ghét mà còn làm đủ lễ đón, tiễn, vái quỳ. Khi đi về thì đều có cờ quạt la liệt, chiêng trống inh ỏi, quan Pháp mũ áo đứng nghiêm, dân xã tám phương vái lạy, tỏ vẻ vui sướng, về việc này quan Nam lại có phần vui sướng hơn. Lại khi dân xã kiện cáo, thì quan hoặc la ngồi đuổi hai chân ra, hoặc là đứng nghiêm để người ta lạy. Lễ này tuy đã nghiêm cấm, nhưng đến nay, dân xã mỗi khi vào cửa quan, có ai không lạy, thì bị roi, hoặc bị giam, việc vô ích mà còn như thế, huống gì phép tắc hồi lộ. Những kẻ mà người Nam ái mộ nhất không nói cũng có thể biết được.

3. VIỆC KHIÊNG VÁC HÀNG HÓA

Một là, đối với quan Pháp ở bốn hạt và bạn bè của quan Pháp như quan binh, quan y, quan kiểm lâm, quan lục lộ và những người làm ở các sở nông, công, thương (nếu như ai không thâm tình với quan Công sứ, thì không kể vào đây), thì sức cho dân xã đi đón rước hầu hạ các ông quan này, với vợ con của họ, và cả bồi bếp tùy tùng. Tất cả hàng hóa mang theo phải có người đài tải, còn người thì phải có võng kiệu do dân đình gánh. Tất cả đều không trả tiền công.

Hai là, phàm nơi có đồn lũy quan lĩnh Pháp đóng, mỗi tháng một lần, các thứ hàng hóa của công với hàng tư của bốn quan, đều do dân đình đài tải. Trong thời gian đài tải, may gặp được ông quan tốt, cho mỗi ngày, bảy, tám tiền; tiền phí tổn đi về, dân tự túc lấy. Nếu như gặp ông quan không tốt thì một tiền cũng không có, mà nhờ có việc gì làm không cần thận, thì nó tha hồ đâm đá. Hai loại phu dịch trên đây gọi là tạp dịch.

4. VIỆC SỬA ĐÁP ĐƯỜNG SÁ

Trong địa hạt, phàm có tu bổ đường cũ, cho đến việc mở đường mới, đều sức bắt số dân làm công dịch bốn ngày, ấy gọi là công

dịch. Hạn công dịch đã hết, mà đường làm chưa xong, hoặc là làm lại đường khác, số dân công này do quan chiếu theo số dân trong sổ nhiều hay ít, thúc ép bắt đến nơi để xây đắp, phí dụng ăn uống đều do dân tự túc lấy, quan sẽ chiếu theo số ngày để trả tiền, mỗi ngày hai hào; mỗi suất đình, mỗi kỳ bao nhiêu ngày, do quan hạn đình, bốn ngày hoặc sáu ngày không chừng, gọi là cố dịch.

Số ngày tạp dịch không thường, đưa đón đã không có ngày rồi, lại thêm vào công dịch, cố dịch, gian tham, hủ bại và hàng loạt tai ương nảy sinh, toàn là không có đạo lý.

Vừa mới trải qua hai tầng sách nhiễu của huyện, tổng phải chịu sự đối xử hà khắc, độc ác của quan lại làm đường, da thịt xây xát, gia thất khó giữ nổi. Ở đây người Nam đâu có xương đồng da sắt? mà đâu có xương đồng da sắt cũng không khỏi điêu đứng dưới làn roi vọt và giày đình. Vàng mỏ, bạc núi cũng chưa có thể lấp được cái hang dục vọng của họ, huống chi chút hơi tàn như tờ trước gió sắp đứt này. Nồi niêu không có gì bỏ vào, ngày này qua ngày khác chịu đói, sức đâu mà kham nổi!

5. TÌNH HÌNH SINH KẾ CỦA DÂN NGHÈO CÙNG SỰ RỐI LOẠN CỦA THỜI KỲ LÀM XÂU

Ở Trung Kỳ, trong một năm, nông vụ sớm muộn không giống nhau, nhà nông bận rộn chủ yếu vào các tháng ba, tư, năm, sáu và tháng chín, mười, mười một, nhàn rỗi vào các tháng giêng, hai, bảy, tám. Các tháng ba, tư, năm, sáu vừa gặt hái vụ hè vừa cày cấy vụ đông. Dân nghèo nếu có nợ lúa, tiền của nhà giàu, đến vụ cày cấy và thu hoạch, thường đến làm thuê để trả nợ. Những ruộng đất cấy cạn thì chờ mưa xuống mới cày cấy. Lúc trời đã mưa xuống nếu để chậm hai, ba ngày, nước chảy ruộng khô, thì quá kỳ gieo trồng, dù có cày cấy cũng không thu hoạch được gì. Ba tháng chín, mười, mười một là vừa gặt hái vụ hè vừa cày cấy vụ đông, số trả nợ cũng như vậy. Tháng một, tháng chạp là lúc trời mưa dầm; các thứ khoai, đậu, gai, ngô, với các thứ cây ăn quả, nông dân trung du, thượng du đều gieo trồng vào lúc này. Sinh kế một năm của người nghèo toàn là ở trong những tháng ấy, hễ bỏ mất thời kỳ này thì đói kém, mất mùa lập tức tràn đến. Nay do phu dịch làm rối loạn, quan lại dựa vào phu dịch để ăn tiền, chỉ có trong thời kỳ này, thế nên hơn mười năm nay, ruộng đất không thu

hoạch được. Nhà nghèo, nhà giàu đều khốn đốn, lưu tán, chết chóc, mắt không nở nhìn, tất cả đều từ đó mà ra cả. Quan Pháp ở địa phương, từ xưa nay, không đếm xỉa đến việc của dân, chỉ biết ngồi thu thuế của dân mà thôi; hễ có công việc gì thì lại chỉ biết ngồi ở bàn giấy của Ty, Sở để ăn bớt tiền công. Xong được một khoản như thế là đủ để thăng quan. Được lợi mọi đường như vậy thì còn cần hỏi gì đến việc khác. Hễ có một công việc gì thì ngoài việc ngồi ăn bớt của công ra, còn mọi sự lợi hại trong dân gian đều chẳng biết gì cả. Bắt dân làm phu dịch mà không hỏi đến thời kỳ rảnh rỗi, thư thả hoặc vụ mùa bận rộn của nông dân. Thời gian sớm muộn đều tùy ý quan. Công sứ phủ huyện phủ huyện lại sức tổng xã, nên sinh kế một năm của dân nghèo đều bị phu dịch bất thường này xâm phạm mà không có dư dật một tí gì.

6. THỰC TRẠNG QUAN LẠI GIAN THAM LỪA DỐI TRONG THỜI KỲ LÀM XÂU

Nhân phẩm quan Nam không nói cũng có thể biết, còn người Đại Pháp thì thông minh và không lật vặt. Mỗi lần đến kỳ phu dịch, thừa cơ làm đủ tình tặc, có tiền thì số công ít, không tiền thì số công nhiều; có tiền thì kỳ dịch thư thả, không tiền thì kỳ dịch đến khẩn trương; phủ, huyện cũng vậy. Mỗi lần đến chánh tổng, lý trưởng, thói đời ai thấy tiền mà chẳng lấy, vậy lại tăng số công, lại kỳ dịch đến gấp. Hễ thấy đồng tiền, mọi việc đều xong; quan đã như thế, dân sẽ như thế nào? Quan dịch xong thì thời vụ đã quá. Trong trường hợp này, người hơi khá giả, tìm trăm cách bỏ tiền ra để xin hoãn kỳ phu dịch, nhưng người nghèo không có cách gì để kêu lên, đành bỏ thời vụ để ứng quan dịch.

Không chỉ có như thế, quan dịch bốn ngày, đường sá khó khăn cách trở, hành trình đi về, người gần mất năm, sáu ngày, người xa mất bảy, tám ngày; nếu theo đúng như kỳ hạn này thì dù gặp lúc việc nông khẩn trương, sau sáu bảy ngày đó còn có thể thông dong đi làm việc nông được, như vậy cũng không đến nỗi khổ sở lắm. Nhưng nay lại không được như thế, có tiền thì hợp làm một kỳ, không tiền thì phân làm hai, ba, bốn kỳ không chừng. Mỗi kỳ đi về, người gần mất một, hai ngày; người xa mất ba, bốn ngày. Nhìn lại, thì tuy nói quan dịch bốn ngày, mà người nào gộp lại một kỳ xong, đã đến sáu, bảy ngày rồi; còn chia hai ba, bốn kỳ để ứng dịch, thì phải hơn mười ngày. Như thế thì những nhà khá giả, không thể không bỏ tiền ra, để cầu xin làm một kỳ, mà dân nghèo không nơi kêu cứu, không thể

không tùy theo lệnh mà đi. Không ngày nào là không ở trên đường, quan dịch mấy ngày là có hạn định, mà đương dịch còn như thế, hưởng gì cố dịch, kỳ hạn thì vô dịch. Quan dịch không tiền còn như thế, hưởng gì ngân khoản cố dịch rất dễ ăn bớt.

7. LÝ DO TIN DỪNG NGƯỜI COI VIỆC XÂU

Chức giám dịch (coi việc xấu), toàn do Công sứ tỉnh ấy cất cử, lúc thì giao cho người Nam, lúc thì giao cho người Pháp, không định trước. Lý do cất cử người nào thì nếu chẳng phải người ở trong hang ổ đó, chưa dễ đã biết được. Xứ Đông Dương xưa nay, ngoài quan cai trị và người coi đường sắt ở các tỉnh ra, một chức giám dịch, đã làm cho người hai nước Nam và Pháp phát tài một cách mau chóng. Chức này đến nay, đã mấy lần là một thứ hàng hóa lạ, trừ phi đứt của hối lộ, hoặc được quan Pháp thân yêu ra, không dễ gì được chen chân vào. Mỗi khi có công việc thì quan Công sứ xem khoản tiền bỏ ra lớn nhỏ, mùa màng mất được như thế nào, để định người cất cử. Phép này có ba cách:

Một là, khoản làm đường, trích trong khoản công ích địa phương ra, ngạch này lớn, thì dùng người Pháp thân tín, làm việc mờ ám, chia của công với nhau. Người Pháp chỉ thuê đốc dịch, kỳ phu dịch ấy lâu hay mau, dân công nhiều hay ít, thì do công sứ làm chủ.

Hai là, khoản tiền trích xuất ngạch ít thì công sứ với người giúp việc tòa sứ, trước tiên lấy sáu, bảy phần mười, số còn lại giao cho quan Nam tin yêu trù tính.

Ba là, bốn ngày quan dịch, tuy không có ngân khoản, nhưng khéo xoay xở cũng có thể đầy túi, thì những viên quan Nam tin yêu, hoặc người hàng ngày vốn nhiều lễ biếu, thì được giao cho việc này để làm ơn vậy. Kỳ dịch lâu hay mau, dân công nhiều hay ít, tùy những người đó trù định. Các hiệu lệnh thì đã có quan công sứ làm chủ, cốt ở việc làm xong đường mà thôi.

Ba cái lý do trên thực là cái cốt tủy của những tệ hại về công dịch ở Trung Kỳ. Nông nghiệp, công nghiệp đều phế trệ hết, cái khổ che thân cũng không còn, đến nay dân nghèo lưu tán khắp bốn phương, cướp bóc để sống, bạo động vì vậy nổi lên, chống sưu, chống thuế cũng sinh ra từ đó. Tuy có sinh ra hàng loạt dịch tệ, chung quy đều có nguyên nhân của nó, mà sự việc này thực là nguyên nhân lớn gần nhất, rõ nhất.

8. VIỆC LỘ CHÁNH THUỘC QUAN NAM

Xin đem việc lộ chánh thuộc quan Nam trình bày sơ lược như dưới đây:

Hai loại quan Nam và quan Pháp, chí hướng không phải ở chỗ làm đường, một là bắt công dịch nhiều lần thì dễ kiếm chác, hai là cứ tăng bữa, lấy một báo mười, ấy là lẽ tất nhiên, chỉ có điều đáng lo là hại dân mà thôi. Những việc hại dân lại chẳng phải là điều mà pháp luật Đông Dương cấm. Thế là đoạn đường có thể vài tháng là xong, mà dần dần tăng đến năm, sáu năm vẫn chưa xong; công làm đường có thể chỉ vài ngàn người làm, dần dà tăng đến hai, ba vạn dân phu mà không đủ. Than ôi! Nền chính trị ở Đông Dương còn có thể coi là chính trị nữa chăng?

TRẦN HỮU DUY dịch

PHAN CHÂU TRINH - NHÀ NHO AN NAM NÓI VỀ QUẢ BOM TẠI HÀ NỘI⁽¹⁾

(Bài phỏng vấn của báo *Le Journal* ngày 3-5-1913)

Xung quanh một ấm nước chè trong một căn phòng nhỏ ở khu Latinh, vài người An Nam và tôi cùng ngồi; có một luật sư trẻ, ông Phan Văn Trường đang chuẩn bị bằng tiến sĩ và nhà nho nổi tiếng Phan Châu Trinh.

Độc giả chúng ta biết rõ lai lịch bi thảm của Phan Châu Trinh, nhà nho năm 1906 đã gọi đến Toàn quyền Đông Dương một bản điều trần về tình cảm của đồng bào mình, đã bị nghi ngờ rồi bị truy tố về những vụ việc ông ta không hề tham gia, bị kết án tử hình, được ân xá đưa đi đày ở Côn Đảo. Ông ở đó 3 năm, lúc bấy giờ có nhiều người trong đó có chúng tôi đã lưu ý Ngài Klobukowski về trường hợp Phan Châu Trinh.

Ngài Toàn quyền đã nghiên cứu hồ sơ Phan Châu Trinh và kết quả là ông ta được giải phóng. Được phép sang Pháp, Phan Châu Trinh sống ở đây 2 năm qua, nghiên cứu nền văn minh của chúng ta và cố gắng làm cho nhà cầm quyền quan tâm đến số phận dân An Nam.

Hôm nay Phan Châu Trinh vui lòng tiếp tôi để nói về quả bom nổ tại Hà Nội, ông ta trả lời tôi bằng tiếng An Nam và luật sư Phan Văn Trường đã vui lòng dịch giúp.

- Ôi, quả bom ấy, thật là đau lòng cho tôi...! Phan Châu Trinh kêu lên... Và không may là nó đã giết hại hai sĩ quan Pháp.

⁽¹⁾ Dịch từ mảnh báo cắt ở báo "Nhật báo" (*Le Journal*) ra ngày 3.5.1913 tại Paris, đăng bài phỏng vấn Phan Châu Trinh do phóng viên Fernand Hauser thực hiện. PTM.

Ông biết không, các sĩ quan chính là những người hiểu chúng tôi hơn, quý chúng tôi hơn trong những người Pháp. Nhưng những kẻ nổi loạn khi họ nổi lên thì làm gì có sự lựa chọn nạn nhân.

Sự kiện đau đớn đó giống như một dấu hiệu báo nguy, tôi đã dự kiến trước. Khi gặp Ngài Messimy Bộ trưởng Thuộc địa và ngài Sarraut Toàn quyền Đông Dương, tôi đã báo với họ tình cảnh khốn khổ của đồng bào tôi, tôi đã nói với họ là nếu không cho dân An Nam được hưởng các cải cách đã hứa hẹn thì mọi sự đều có thể xảy ra. Đến nay, đã 20 tháng... Từ đó người ta đã làm đôi điều lật vật cho dân An Nam giống như đưa một cái kẹo dỗ đứa bé vừa bị đòn đau. Độc quyền rượu lại được gia hạn sau khi long trọng tuyên bố sẽ chấm dứt; những người yêu nước bị giam cầm ở Côn Đảo vẫn rên xiết ở đó mặc dù đã có hứa hẹn sẽ ân xá; sự học hành mà chúng tôi yêu cầu vẫn bị từ chối, sự kinh miệt mà chúng tôi phản nàn vẫn tiếp tục được ban phát và người ta thêm vào sai lầm cũ những sai lầm mới, người ta đã xúc phạm phần mộ thiêng liêng của Hoàng đế Tự Đức để tìm của cải. Ông muốn dân chúng nghĩ gì về tất cả cái đó?...

Ôi, khi biết việc phạm đến điều cấm kỵ ở Huế, tôi đã run sợ... Tôi đã nghĩ đến một tai họa có thể xảy ra, tôi đã báo trước cho một người bạn những hậu quả ghê gớm của sự băng bó ấy diễn ra sau biết bao hành vi tai hại. Tôi biết là chính phủ Pháp đã nhận báo cáo về bức thư trong đó tôi trình bày các e ngại của tôi... Hai mươi ngày sau, quả bom Hà Nội đã nổ tung...

Bây giờ người ta nói cần ban hành một chế độ khủng bố ở nước Nam. Nói thì dễ. Người ta sẽ bắt năm trăm người, một nghìn người, người ta sẽ chém nhiều cái đầu, rồi sao nữa? Người ta chỉ kích động thêm sự cuồng nộ.

Xin đừng nói những điều mình không biết rõ, xin đừng đưa ra những dự kiến vô bổ; dân nước Nam muốn được học hành, muốn được tôn trọng, không muốn bị tống rượu vào họng nữa, họ muốn từng bước được giải phóng.

Trên quan điểm đó, ông có thấy nước Pháp có lợi khi đồng tình với dân Nam không? Ngày mà dân Nam, nhờ nước Pháp khai hóa, được nước Pháp trao cho quyền tự trị một cách đương nhiên, thì nước Pháp, vì đã chuẩn bị cho chúng tôi tiến lên tự do và trao

tự do cho chúng tôi, sẽ giữ được tất cả các quyền của nước chúng tôi, và chúng tôi sẽ tiếp tục là bạn đồng minh của Pháp.

Lợi ích của các ông các ông phải có nghĩa vụ; các ông phải cho dân Nam được hưởng những gì họ đáng hưởng, những cải cách họ đòi hỏi; bãi bỏ độc quyền rượu, phải cấm hẳn việc dùng thuốc phiện, cho tự do giáo dục, xác định rõ chế độ chính trị và tư pháp ở Đông Dương, hồi hương những người bị đi đày, ân xá cho những người bị án, thực thi một thái độ mới đối với người bản xứ đang bức tức vì bị khinh rẻ đến cùng cực.

Tôi nhìn kỹ Phan Châu Trinh: ông ta bình tĩnh, rõ ràng là ông ta chỉ nói những gì ông ta muốn nói. Tôi ngắt lời ông:

- Nhưng nói cho cùng, quả bom là điên rồ? Nó không giải quyết được tình hình...

Phan Châu Trinh đáp:

- Chính sách đè nén là củi chất vào lò, chỉ cần một tia lửa là bốc cháy. Cần cẩn thận. Tôi yêu nước Pháp, tôi tha thiết mong nước Pháp giữ được danh tiếng về sự công bằng và mong rằng đối với đất nước chúng tôi, nước Pháp cân nhắc kỹ lợi ích chung và quyền lợi riêng: nước Pháp sẽ thấy được lợi đủ mọi bề nếu thực hiện các cải cách cần thiết cho chúng tôi.

Có lẽ chính quyền sẽ khẳng định là không việc gì phải vội, tình hình không có gì nghiêm trọng. Ý kiến tôi là ngược lại và chính vì tôi yêu nước Pháp một cách sâu sắc, nên tôi nói điều đó với ông.

Cần phải nói sự thật với những người ta yêu mến.

Và Phan Châu Trinh khi nói những lời trên, với đôi tay hơi run, lấy một ít thuốc lá châu Á và cẩn thận cuốn thành một điếu thuốc.

FERNAND HAUSER thực hiện

(Theo Lê Thị Kinh - Sdd)

VỀ VỤ ĐÀO MẢ VUA TỰ ĐỨC⁽¹⁾

Bài báo lai cáo nhằm cải chánh bài đăng trong
"Hải lục quân nhật báo" Trung Quốc⁽²⁾.

Tôi vừa đọc quý báo số 6 ra ngày 17.6 năm Dân Quốc thứ II dưới cái đề: "Bộ máy cách mạng An Nam đã động" có nói rằng: "Nước An Nam từ khi bị nước Pháp bảo hộ, ngôi vua triều đình tuy còn để lại, nhưng cái quyền thống trị thật thì do quan lại Pháp nắm hết, nên một đảng Thiếu niên⁽³⁾ từ lâu đã nuôi cái chí lật đổ ngôi vua và xuống độc lập. Hiện nay phần lớn có xu hướng cộng hòa nên làn sóng cách mạng càng thêm mạnh mẽ. Gần đây họ đã có những động tác như sau:

1. *Đào mả vua Tự Đức vì cho rằng có chôn nhiều vàng, có thể lấy để dùng vào việc khôi phục.*

2. *Tổ chức đoàn ám sát chia đi các chỗ để giết hại những nhà có quyền thế.*

3. *Mưu đánh đuổi quan lại Pháp về nước.*

Theo tin nhận được sau cùng thì người Pháp có hai quan

⁽¹⁾ Bản lưu bài này là thủ bút của Phan Châu Trinh nhưng ta chú ý là cách lập luận có khác bài viết cho báo Pháp. Đặc biệt có thể thấy nhiều ý kiến bênh vực các hoạt động bạo lực, gọi đảng thiếu niên là "đảng chúng tôi"... Vì vậy cũng có ý kiến cho đây là một bài "viết hộ cho nhóm cách mạng đang hoạt động ở Trung Quốc hoặc chép lại một bài của người thuộc nhóm đó" chứ không phải là bài của ông Phan tự viết để gởi đăng vì nó không nhất quán với tư tưởng và đường lối của ông. Cần tìm hiểu thêm. P.T.M.

⁽²⁾ Dịch theo nguyên cáo bằng Hán văn.

⁽³⁾ Bài báo Phan Châu Trinh đã đọc ra "năm Dân quốc thứ II" tức là 1913, do vậy, có thể "Đảng Thiếu niên" là Việt Nam Quang phục hội, tổ chức chủ trương các cuộc đánh bom năm 1913.

binh thiếu hiệu và hai quan dân chánh đều bị đảng ấy ngấm đặt tạc đạn máy giết chết. Nói tóm lại là bộ máy cách mạng đã động, hậu hoạn chắc nhiều, nhưng kết quả sau này thế nào, người bàng quan không thể liệu biết được".

Quý báo là "Lục hải quân nhật báo", theo cái tên thì là báo công mà theo tính chất thì hoặc tư hoặc công, độc giả thật không thể biết được, nhưng xem cách nói vẫn tắt sơ lược, không để lời phán đoán, thì chẳng qua là nhìn rộng phong trào Đông Á và xu thế của nó, nghe gì nói nấy, chờ xem hậu hiệu, không có ý gì ghét hoặc nói xấu trong đó. Nhưng tiếc thay! Những điểm quan sát tuy không phải bày đặt, nhưng mà trong đó nói các động tác phần nhiều không đúng sự thật. Việc thứ hai và thứ ba, tuy truyền văn có lầm, cũng không hại mấy, duy có việc thứ nhất không những trái với sự thiệt mà thôi, mà đối với danh dự của đảng Thiếu niên nước tôi rất có quan hệ, sợ e người chí sĩ các nước thấy vậy thì tưởng rằng: ở nước tôi gọi là chí sĩ, chẳng qua là một bọn trộm cướp làm việc không có ý thức gì mà thôi. Vì vậy nên tôi không thể không thanh minh để yêu cầu quý báo rửa sạch vết nhơ cho họ.

Quý báo lấy việc đào mả vua Tự Đức mà buộc cho đảng Thiếu niên, mà cho là việc thứ nhất chứng tỏ cái tư trào cách mạng đã kịch liệt. Ôi! lời nói đó từ đâu mà ra? Có phải nghe lầm truyền lộn chẳng? Có phải là trúng cái kế giáo quyết của người Pháp mà viết ra như vậy để bôi nhọ cho người chẳng? Bằng không thì sao lại có cái lời chẳng lành như vậy?

Than ôi! việc đào mả vua Tự Đức để tìm kiếm số vàng lớn là việc trộm cướp chính tực tay người Pháp làm, mà quốc dân nước tôi thì đều lấy làm đau lòng xót dạ, ngày đêm lo nghĩ cách ăn gan uống huyết quân thù, quyết phá tan lưới giặc, mưu toan độc lập mà chưa thành, nay quý báo lại lấy việc ấy mà buộc cho đảng Thiếu niên thì chẳng oan lắm sao!

Từ khi người Pháp cướp hai xứ Trung Kỳ và Bắc Kỳ của nước Việt Nam đến nay đã gần 30 năm, cao huyết của quốc dân đã bị vơ vét sạch, mấy người Pháp tham bạo kia trừ dòm ngó không còn chỗ nào đào bới được nữa, rồi họ nghĩ đến của kín còn chôn giấu trong cung điện nhà vua Việt Nam mà nhử nước miếng thêm thuồng, lo cướp lấy cho được. Năm 1887 họ đánh thuốc độc giết

vua Đồng Khánh là vì có của kín như vậy. Năm 1884 binh Pháp hãm kinh đô Việt Nam, đuổi bắt vua Hàm Nghi, lập vua Đồng Khánh và lập lại điều ước bảo hộ, đoạt hết quyền vua. Khi vua mới lớn lên, cũng khá anh minh nên lấy làm xấu hổ, cứ theo di chúc trong kim quỹ, đào được vàng bạc hơn vài vạn lượng, ý muốn đem của ấy lên cho người qua Hương Cảng vận động với liệt cường để phá cuộc bảo hộ đi. Nhưng xem khắp các thân quý đại thần không có ai có thể cùng mưu việc ấy được, nên đem đưa cho một người tu; thân quý đại thần làm chó săn cho Pháp tiết lộ mưu ấy, nên vua bị thuốc độc chết. Lúc ấy người Pháp muốn lấy vàng bạc nói trên, nhưng vì dẹp loạn chưa xong nên hoãn lại. Đến năm 1898, Khâm sứ ở kinh đô Việt là Bôlaxông vào hậu tẩm trong điện, đào được vàng bạc vài trăm vạn nén, lấy đem về Pháp. Từ đó về sau, phàm những người kế nhiệm đều bắt chước làm theo, chỉ hiềm không biết dấu tích chỉ đường, còn như những đồ sứ cổ và châu ngọc cùng các đồ chơi quý báu trong các lăng tẩm, đều bị chúng tìm kiếm trộm cắp sạch sành sanh.

Bốn năm nay, người Pháp nghi trong mã vua Tự Đức còn giấu nhiều vàng, muốn đào lấy, chỉ ngại người Việt rất trọng mồ mả, làm cản sợ sinh loạn nên tạm đình. Năm ngoái người Pháp là Mahê, nhậm chức Khâm sứ (chức ấy là chức đặt ra khi nước Việt chưa mất, còn giao thông với Pháp, nay gọi theo thói quen như thế, thật thì là một chức nắm cả chính quyền ở Trung Kỳ vậy). Mahê tính tham lại ngu, qua đây hơn 20 năm chỉ làm việc bên Ai Lao, nay nhờ có phe đảng được thăng lên chức trọng yếu vội muốn lập công cho vừa lòng kẻ bề trên, liền âm mưu với Toàn quyền Đông Dương là Xarô, và được đồng ý, nên ngày 17 tháng giêng dương lịch năm nay, tự đào mã vua Tự Đức⁽¹⁾.

Đào đất 6,7 ngày đến quan tài, phá ra tìm kiếm không được gì cả. Xương khô vấy vá, mùi hôi sặc mũi, người Việt ghét việc vô lại, tiếng chửi rửa giận hờn bay ra xa gần. Tên ấy xấu hổ quá thành ra tức giận, không chịu dừng tay, ra lệnh đào khắp trong và ngoài mã, hai ba tháng chưa thôi. Trong khi đào thì bốn phía mã

⁽¹⁾ Theo báo cáo của Sarraut gửi về Bộ Thuộc địa thì việc này do Mahê tự ý làm, không xin ý kiến Toàn quyền.

đều đặt để lính Pháp canh giữ nghiêm ngặt, ra lệnh rằng: Hễ người Việt nào dám tới gần dòm rình hoặc than thở van trời thì cho lính Pháp được lấy lưỡi lê đâm vào mắt nó. Ôi! thảm biết bao!

Từ đó lòng người sôi nổi gần sinh loạn lớn, các báo chí cả nước Pháp nhiều tờ nổi lên công kích, Đảng Xã hội ở Hạ nghị viện cũng chất vấn nghiêm khắc. Chính phủ Pháp bắt buộc phải triệt tên Mahé về nước, nói để trọng trị, nhưng đến nay tên ấy vẫn không bị lụy gì. Người Việt nuốt giận đến thấu xương.

Việc làm của người Pháp như vậy, có phải là việc cướp bóc mà họ gọi là cách văn minh không? Nay quý báo lại lấy việc ấy buộc cho đảng Thiếu niên há chẳng oan lắm sao?

Chủ nghĩa của đảng Thiếu niên nước tôi là phản đối người Pháp, giành độc lập, nhưng trước khi chưa thiết hành được, thì một mặt ngầm nuôi thế lực, một mặt khác thì dùng thủ đoạn ám sát để trừng trị bọn tham bạo ngoan ngu, hoặc đối với người Pháp, hoặc đối với bọn người Việt làm chó săn cho Pháp mà thôi, còn đối với nhà vua thì không yêu gì mà cũng không ghét gì. Đó không phải là kiêng kỵ chỉ nhà vua đâu; nếu như nước Việt chưa mất, quyền vua hãy còn, dân tộc tôi khổ vì chuyên chế, không bỏ vua đi thì không giữ được độc lập tự do, nếu vậy thì đảng Thiếu niên có ngần ngại gì đâu, nhưng cũng chỉ đối với nhà vua hiện tại mà thôi hành phản đối một cách chánh đáng mà thôi, còn vua đã qua đời rồi thì không nói đến làm gì. Nay thì không thể, nước Việt đã mất trong tay người Pháp, thì hoàng đế chẳng qua cũng như quốc dân, một loạt làm trâu ngựa cá thối cho người Pháp mà thôi. (Từ khi Pháp lấy nước Việt đến nay, trải qua ba đời vua, một bị thuốc độc chết, một bị đuổi làm tù, còn vua này chưa được 10 tuổi, chưa biết kết cuộc ra sao). Người Pháp sợ dĩ chưa vứt vua đi, sợ dĩ còn chịu đau lòng xén bớt số vàng bạc mà họ rất quý, đem mỗi năm một vạn hai ngàn đồng để nuôi một trẻ con như vậy, là họ cố ý để lại làm bù nhìn phỉnh phờ người Việt đó thôi; họ nói: "vua này còn đó! chúng này không được chống lại!" Cái kế giáo quyệt của người Pháp đó, người nước tôi cũng biết rõ như thấy đến gan phổi họ, nhưng đến nay xem vua đã không xứng một đồng tiền, một ông vua bù nhìn như vậy thì cần gì phải xô ngã rồi mới được độc lập hay sao?

Đảng Thiếu niên đã không thêm phản đối vị vua hiện tại thì đối với bộ xương khô của vị vua đã chết ba mươi năm rồi, họ còn cừu oán gì mà phải đào lên mới vui hay sao?

Nếu nói rằng: đó là ông vua làm mất nước, thì nước mà mất không phải chỉ một người vua làm mất được, tất phải có quan lại vậy, cũng không phải chỉ có mấy trăm quan lại mà làm mất được, tất phải quốc dân cả nước cho nó mất thì nó mới mất vậy. Sách Luận ngữ nói rằng: "Nước nhà còn mất, người dân thường cũng có trách nhiệm", nay nếu quy tội cho một ông vua mà thôi, há chẳng oan sao? chắc đảng Thiếu niên không đến nỗi ngây thơ không biết đến. Còn như cái thuyết nói trong mả có vàng bạc nhiều, đủ dùng để làm cái việc khôi phục nước nhà, thì lại lắm lắm. Trong lăng mộ đế vương ở đâu mà có vàng bạc nhiều? Có chăng là các đồ chơi quý báu mà thôi. Xưa nay các nước Á Đông, phàm gặp loạn lớn, giặc giã nổi lên, dân đói hay thừa thời đào mả vua chúa, đào mả không phải tin chắc có vàng bạc nhiều, mà vì tưởng rằng những vật chôn theo tất nhiều đồ quý giá, cũng như dân nghèo ở hương thôn hay đào mả mới chôn của nhà giàu để lấy trộm đồ chôn theo vậy. Đảng Thiếu niên là gồm những người anh tuấn, có nghị lực, giàu học thức, chạy lo việc nước, là đại biểu của một quốc dân, có lẽ đâu lại đồng một kiến thức với bọn trộm cướp hay sao? Đảng Thiếu niên đương căm giận cái hành vi cướp bóc dã man của người Pháp, ngày ngày nằm gai nếm mật, lo kể tội, đánh đuổi để khôi phục cái giang sơn của họ Hồng Bàng đã gây dựng mấy ngàn năm mà sức chưa làm nổi, còn phải nén hơi nuốt giận đến nay, mà quý báo lại lấy cái tội của bọn Pháp buộc cho đảng Thiếu niên thì há chẳng là oan khuất lắm sao?

Quý báo đã ngộ nhận điều đó là của đảng Thiếu niên làm, nên đoán là phần nhiều xu hướng cộng hòa thì cũng không phải là lời bàn xác thiết vậy. Đảng Thiếu niên đương lúc nước mất, giống tiêu, chỉ biết vùng dậy mưu độc lập để bảo tồn nòi giống mà thôi. Sau khi đã khôi phục sơn hà rồi thì quân chủ hay dân chủ như thế nào sẽ tùy theo ý quốc dân, đảng Thiếu niên không chủ trì bên nào cả.

Vả chẳng, cộng hòa như nước Hoa Kỳ đã đành có danh tiếng khắp năm châu, mà các nước ở Nam Mỹ thì không biết ra sao, chỉ

như nước Mắc Tây Cơ thì có thể nói ngay là không cộng không hòa gì cả. Còn nước Pháp là nước mà lá cờ ba sắc đã phát phới trên nước tôi hơn 30 năm nay, thì xem kỹ nội chánh có thể nói là dân chánh thuộc quyền chuyên chế của một số ít, chẳng qua là họ khéo trau tria mặt ngoài, không đến nỗi mười phần hư nát, còn nội tình thì đã nguy ngập, chưa biết ngày nào là ngày chót; một mai thời thế biến đổi mà không mất thì cũng là việc ít có vậy.

Lại ngó về các nước có vua chúa như Anh, Nhật, Đức, thì ngày nay giá trị biết bao nhiêu, không cần phải nói nữa!

Nếu không nhận rõ trình độ quốc dân, thói quen lịch sử mà chỉ chuộng lý tưởng trống không, đóng cửa chế xe, mong cho ăn nhịp đường rầy, chỉ thêm quả đẹp nước ngoài, chấp nỗi càn đùa, cốt lấy cái hư danh mà thôi, đó đều là những việc mà đảng Thiếu niên nước tôi không làm vậy.

Về việc thứ hai, nói tổ chức đoàn ám sát bữa khắp xứ, thì có thật, nhưng nói giết hại người có quyền thế đương thời thì chưa. Quý báo nói đó chắc là chỉ việc giết tên tuần vũ tỉnh Thái Bình, nhưng mà tên ấy có xứng với ba chữ "có quyền thế" đâu! Phàm người Việt mà đi làm tôi tớ cho người Pháp đều là bọn tham bĩ mất lương tâm, quỳ lạy giống khác, xẻo thịt đồng bào, không bằng cầm thú, nên người Pháp cũng đối đãi như loài thú, vui thì gọi tới, giận thì đuổi đi, coi không quan hệ bằng việc giữ lại hay đuổi đi một người tiện tỳ trong nhà vậy. Xem như việc Trung Kỳ mới yên thì Nguyễn Thân bị đuổi về, Bắc Kỳ vừa định thì Hoàng Cao Khải gần đi đời; hai người ấy đành bỏ tất cả liêm sỉ danh tiết một đời, đem hết tâm huyết tài lực giết hại đồng bào để cầu được công với người Pháp, chẳng qua là chỉ thêm thường ba chữ "có quyền thế" đó thôi, song rút cuộc còn như thế kia, hướng chi tên tuần vũ nọ là tên già nua, là đồ bỏ, chỉ vì nó tham bạo vô lý, cam làm chó săn cho người Pháp, dựa thế hút cao huyết đồng bào để được nhà cao cửa lớn, người nước tôi không chịu nổi nên đảng Thiếu niên mới hươ tay giết chết chơi để răn kẻ vô sỉ tham lam mà thôi, nói ngay là giết một con chó theo chân người Pháp thì đúng hơn, đâu có phải là người "có quyền thế đương thời". Còn chủ nghĩa và thủ đoạn của đoàn ám sát thì là mưu làm việc lớn kia, chớ có đâu chịu đem hòn ngọc quý của mình mà ném thử chuột hôi làm gì?

Việc thứ ba, nói hai quan binh thiếu hiệu và hai quan dân chánh người Pháp chết vì tạc đạn, thì có thật. Nhưng nói chạm phải máy ngầm thì cũng là tin đồn sai. Xưa nước Việt Nam có một bậc nghĩa sĩ là ông đề đốc Hoàng Hoa Thám, dùng binh giỏi, chống với Pháp gần 30 năm, giết quan binh Pháp vô số, quan binh Pháp bị bắt mà được tha cũng rất nhiều, Pháp oán lắm mà chẳng biết làm sao, mới lén thuê người Trung Quốc là con của Lương Tam Kỳ (nguyên là quan binh của quân Cờ Đen Lưu Vĩnh Phúc, sau đầu người Pháp), cho nó nhiều tiền bạc, hứa thưởng nó làm tri phủ thực thọ, bảo nó ngầm đầu ông Hoàng Hoa Thám để lo việc ám hại. Vài tháng sau, con của Lương Tam Kỳ mang một xác chết đến, đầu mặt dập nát, không còn nhìn ra là ai, nó nói đó là xác ông Hoàng Hoa Thám đem nạp cho người Pháp. Cứ theo lời nó thì nó nằm chung một phòng với ông Hoàng, rồi thừa lúc ông ấy không để ý mà giết chết. Người Pháp tin thật, thưởng nó vài ngàn bạc và cho làm tri phủ tỉnh Sơn Tây vừa khuyết, nó nhận chức ngay. Ông Hoàng Hoa Thám có thật chết không, đó là chuyện khác. Nhưng cái lòng độc ác của người Pháp đã biểu lộ rõ ràng ai ai cũng thấy, đó là quan binh và quan dân Pháp đã chủ mưu, bốn đảng ghét cái việc làm phi nhor loại ấy nên mới dùng cách chúng nó đã làm để hại người mà báo thù lại chúng nó, thừa dịp chúng nhóm nhau ăn uống trong tiệm cà phê ở Hà Nội, ném một trái tạc đạn làm chết hai tên quan tư nhà binh và làm bị thương hơn 10 người. Kẻ ném tạc đạn chắc tự bảo rằng: chúng đã không thể đường đường chánh chánh phát cờ cùng ta dong ruổi trên cương trường, mà lại dùng lối ám sát, thì ta cũng dùng lối ấy để báo thù thôi. Nếu không nghĩ thế, thì phàm bắt giặc thì tất phải bắt chúa, xưa nay những cuộc ám sát đều nhằm giết trước mấy nhor vật trọng yếu còn như những lũ không khinh trọng đáng kể, thì có hơi đâu mà nhứt nhứt trừ hết, như mấy tên quan quân chánh và dân chánh Pháp kia, thì đảng Thiếu niên chúng tôi có kể vào đâu, có thù chi một mình họ mà phải làm cho họ chết hay sao? Đó là cái lý do thật trong vụ này vậy. Còn nói chạm phải máy đặt ngầm thì không đúng, vì tiệm cà phê vốn là của người Pháp thiết lập, có đâu lại để cho đảng tôi thung dung bố trí đặt máy ngầm được.

(Tài liệu Phan Châu Trinh đem về năm 1925.
Gia đình lưu - Lê Ấm dịch từ thủ bút chữ Hán)

THƯ GỬI BÁO *LE TEMPS* YÊU CẦU ĐĂNG CẢI CHÍNH SAU VỤ BOM NỔ Ở HÀ NỘI(1)

Chủ quý báo,

Những người đồng bào tôi đi nghỉ ngoài bờ biển về có cho tôi biết rằng: số quý báo ngày 26 tháng 9 có đăng vào mục "Thơ bên Đông Dương gửi về" nói với mưu bạn⁽²⁾ bên An Nam: nhiều người thiếu niên khách thông đồng⁽³⁾, một cái thơ của ông phóng viên riêng của quý báo đề ngày 25 tháng 8 ở Hương Cảng. Máy người đó lại giảng rõ ràng cho tôi nghe về mấy khúc đề mục nhỏ "Việc mới xét ra được", trong khúc ấy ông Jean Rhodes buộc thắt cho tôi một cách chặt chia gồm ghiếc.

Ông Jean Rhodes nói ra giọng dữ tợn nghiêm khắc rằng:

1. Là tôi ở Paris diễn thuyết nhiều lần để vận động ghê gớm những người đồng bào thiếu niên ở bên này;

2. Là nhân cái sự mới phát ra ở bên này (ông ấy chỉ việc trái phá) mà truy tình xét ra, thì những người chăm chỉ về việc tha tôi cho việc ấy là đại;

3. Là tôi là người thù nghịch gồm ghiếc với nước Pháp, tôi là họ hàng với Phan Bội Châu và đưa sánh với anh ta nữa. Trước vì tôi đã nghịch với nước Pháp nên bị đầy ở Côn Lôn.

Ông ấy nhắc lại rằng: Nhờ có Hội Nhân quyền xin cho tôi nên

⁽¹⁾ Ngày 26.4.1913 tại tiệm cà phê "Gà trống vàng" (Coq d'Or) ở đường Paul Bert nay là phố Tràng Tiền bị nổ bom làm chết hai thiếu tá Pháp là Montgrant và Chapuis. Văn kiện này giải thích là nhằm trả thù vụ giết ám muội Cự Đê Thám. Lời lẽ ca ngợi sự nghiệp của Cự và chê trách hành động ám sát của nhà cầm quyền.

⁽²⁾ Có nghĩa là mưu loạn.

⁽³⁾ Di cáo nguyên văn như vậy, có thể hiểu là "nhiều người thiếu niên cùng tham dự".

đổi ra làm an trí. Về việc đó ông ấy tỏ ra ý mình rằng: sự đó bất đắc dĩ còn nói được, có một điều lạ lắm là người ta lại cho tôi tiền ở Paris, là chỗ tôi dễ vận động nguy hiểm nhất.

Đây không phải nói để gỡ mình, cũng không phải tôi nói để trần tố với ai, chủ ý tôi chỉ xin các người xem quý báo đừng biết những ý tôi nghĩ về mấy việc của ông phóng viên riêng quý báo buộc cho tôi là thế nào?

Việc diễn thuyết ở Paris, tôi nhận hẳn⁽¹⁾. Nhưng tôi không rõ ý ông J. Rhodes muốn nói chữ "vận động" là thế nào? Ông ấy không muốn tỏ ra cái ý của mình muốn nói. Có lẽ ông ấy nói vận động về cách mạng. Như vậy tôi bịa ra hai lẽ:

1. Là những người nghe tôi diễn thuyết đó vốn sẵn có tính cách mạng;

2. Là những người đó sẵn không có tính cách mạng.

Như lẽ thứ nhất, dầu tôi không nói⁽²⁾ thì trong óc người ta cũng vẫn có tính ấy rồi.

Còn lẽ thứ hai, dầu tôi có tài miệng như nước, lưỡi như dao, nói đá gặt đầu, thì vận động cũng không chuyển cái trí người ta.

Và tôi lại nói ngay hiện bây giờ, những người học ở Paris về bên nước tôi, cũng chưa nghe có dính dáng vào việc gì. Vậy thì những người đó Nhà nước chẳng những chẳng đáng lo sợ, lại đáng thương người ta nữa. Xem như vậy thì tôi có vận động hay là không cũng chẳng cần cãi cò nhiều lời.

Còn điều thứ hai, tôi khó trả lời lắm, vì nó viển vông quá, không hiểu ý ông ấy muốn nói thế nào? Song le dấu ý nào mặc lòng, ngay bây giờ tôi có thể nói như vậy: nếu nhà nước thuộc địa Đông Dương có đủ chứng cứ tôi có lỗi, hay là có dính dáng gì với việc mới phát bên Hà Nội, mà chưa thấy động chạm chi đến tôi, thì tôi lấy làm lạ lắm.

Còn như hoặc người ta hồ nghi cho tôi, hay là phong văn hão huyền, thì sẽ đợi cho chắc chắn rồi hãy buộc cho tôi.

Ông J. Rhodes lại ban cho tôi một tiếng nghịch gớm ghiếc với

⁽¹⁾ Như vậy Phan Châu Trinh đã thực hiện những buổi diễn thuyết ở Paris mà ta không có được tài liệu cụ thể.

⁽²⁾ Di cảo chép là "dầu tôi không nói".

nước Pháp. Tôi không hiểu ông ấy nói nghịch là nghịch thế nào? Hay là nghịch vì tôi dám đem những việc một vài người Tây bên thuộc địa Đông Dương làm bậy mà tỏ ra cho thiên hạ biết⁽¹⁾?

À, nếu như vậy tôi lại nghĩ thêm mấy điều như sau này: Giả như nước tôi ai không bằng lòng việc gì, trông mong việc gì, cứ nói thẳng ra cho Nhà nước hiểu, khi Nhà nước hiểu rồi, tôi tưởng Nhà nước chắc cho đồng bào tôi được mọi sự công bằng nhưn đức, xứng đáng cách thói tục người Lang Sa vẫn ăn ở xưa nay. Tôi chắc rằng cả người nước đội ơn, và lại hết lòng trung với Lang Sa⁽²⁾ nữa. Vậy mà có một hai người nghịch gồm ghieác đi nữa, lâu ngày hiểu được lòng thực của nước Lang Sa, có lẽ người ta dịu lòng đối trí lại, chẳng may nó chẳng đổi, thì Nhà nước vẫn cũng không hại gì.

Nếu ngược lại, ai tức việc gì không nói, ai trông mong việc gì cũng không nói, có hỏi đến điều gì, sự gì (cứ) dạ dạ, vâng vâng, Nhà nước chẳng hiểu đường nào sất, cứ đi lầm mãi, đi lạc càng ngày càng xa, làm cho mất hết cả lòng nước tôi, đến khi nhân dịp sóng gió nổi lên, tức nước vỡ bờ, mới hiểu rằng: mấy triệu con người trong lòng chứa sự thù nghịch đã lâu mà không hay. Tôi xin ông J.Rhodes thử nghĩ: lúc bấy giờ dầu tôi, dầu người khác có liều chết trung với Nhà nước, thì có ích chi không?

Nên bây giờ tôi tự nghĩ cứ việc nói thẳng, ấy là một cách trung, mà lại có ích cho nước Lang Sa và nước tôi nữa.

Tôi dám nghĩ rằng: những người Lang Sa thực nên cho tôi là những người bạn thiết, chẳng nên cho là người thù nghịch.

Nay tôi lại xin nói thực thà với ông J.Rhodes: tôi tiếc tôi không được danh giá dự họ hàng với Phan Bội Châu để cho bằng lòng ông. Vả lại có họ hàng thiết đi nữa, tôi cũng không hiểu là tội lỗi gì?

Tiếng đưa sánh với Phan Bội Châu cũng là câu nói mênh mông nữa, nhưng tôi có thể trả lời rằng: Phan Bội Châu tưởng là ném trái phá thì người nước tôi được sung sướng, ấy là cái ý nghĩ riêng của anh ta, mặc anh ta, còn nước An Nam là nước chung của

⁽¹⁾ Âm chỉ tên khâm sứ Ma-hê đào mộ vua Tự Đức bị Phan Châu Trinh đá kích.

⁽²⁾ Lang Sa: tức Pha Lang Sa nói gọn, dịch âm Hán của chữ France (nước Pháp).

mười mấy triệu con người chúng tôi. Cũng không lẽ người ta nói: người (nước) tôi chỉ có hai cách, một là vác trái phá ném càn, hai là cúi đầu ngậm miệng làm thính, ngoại giả không ai được phép nhúng vào việc chính trị, nghĩ ra một cái chủ nghĩa nào khác gì nữa, nếu có thì phải tội, cho là đua sánh với Phan Bội Châu hay sao?

Còn tôi xin nói luôn một thể: Người ta thấy Nhà nước cấp cho cha con tôi mỗi tháng 450 quan tiền ở tại Paris, người ta tưởng là có khi sung sướng lắm. Nhưng việc đó là việc nhỏ mọn không cần phải nói.

Tôi chắc rằng sau ông J.Rhodes hiểu cái hi vọng của tôi, chẳng phải là thí mạng đi để mong bây giờ mỗi tháng lĩnh mấy trăm quan tiền, đặng ăn không ngồi rồi trong một thành (phố) phồn hoa huyền ảo này, thì ông chẳng lấy làm lạ nữa.

Tôi lại muốn nói thêm rằng: tôi ở đây có thể còn trông mong làm được một vài việc ích lợi chung cho cả hai nước nữa.

Đây tôi xin ông tha lỗi cho tôi, vì tôi (viết) dài quá. Xin ông nhận cái bài này của tôi đăng vào quý báo (2). Cảm ơn ông lắm.

Sau xin (ông) nhận cái lòng kính trọng của tôi.

Phan Châu Trinh
(Theo Lê Thị Kinh - SDD)

THƯ VIẾT CHO JULES ROUX⁽¹⁾

"Ông bạn thân mến,

Hôm nọ đến dùng cơm tại nhà ông, ông đã hỏi ý kiến, tôi nghĩ thế nào về việc chính phủ Pháp hiện đang có dự định dùng người An Nam để đem vào quân đội, và họ đề nghị là sẽ đối xử với những người lính này một cách rộng rãi y như những lính Pháp.

Tôi nghĩ đó là một dự án hết sức quan trọng, và sẽ có lợi cho dân chúng của cả hai bên, mà tác dụng của nó có thể tràn ra khắp cõi cực Đông (ý Phan Châu Trinh muốn ám chỉ Nhật chăng?)

Điều này nếu trở thành sự thật, thì chẳng những tránh được cho chính phủ Pháp những lo nghĩ về việc giảm sút quân lực, mà lại là một điều làm cho thanh niên của xứ chúng tôi có dịp để được thi thố tình cảm ngay thẳng của mình đối với nước Pháp, trong hoàn cảnh đáng lo ngại hiện nay. Điều này sẽ làm cho người Pháp hiểu được, một cách rõ ràng giá trị của dòng giống chúng tôi, để bịt miệng những kẻ còn dám nói là dân An Nam là mọi rợ, chỉ biết tụ hội thành một đoàn người hung dữ náo loạn, nung nấu bằng ý muốn trả thù... vì thế phải đề nén dân dưới ách đô hộ, không nên cho họ được học hỏi và giúp đỡ họ.

Tôi tin chắc rằng, sau khi dự án trên được thực hiện, thì sẽ chẳng những làm cho người Pháp hết phàn nàn về việc đặt tin cậy vào chúng tôi, hoặc nghe chúng tôi, mà còn làm cho họ, những người có nhiệt huyết sẽ đồng thanh hưởng ứng- trong việc thủ tiêu những phương pháp của một loại hành chính áp chế, và số người ấy sẽ đông đảo đến giúp đỡ chúng tôi.

⁽¹⁾ Bản dịch ra tiếng Việt ở đây, chúng tôi theo Thu Trang (lược dịch). Trong sách của Lê Thị Kinh... Sdd, trích lại chính bản này, và có đề thêm tựa đề *Thư gửi Jules Roux* ngày 15-10-1913. NBS.

Sự mà tôi đoán trước này không phải là một điều ảo tưởng, do trí tưởng tượng của tôi, mà là một điều tôi đã được nghe tận tai, thấy tận mắt, cách đây 4 tháng khi Nghị sĩ Moutet đã cho tôi xem một bản nghiên cứu, về cách đối xử với số người Algérien một cách công bình và xứng đáng- vì họ đã là những người đã đạt được huy hiệu là ân nhân của nước Pháp. Bản nghiên cứu này do ý kiến của Quốc hội đề ra với chính phủ.

Tôi nhớ trong bản nghiên cứu ấy có một câu: "Những người Algérien đã đổ máu họ trên đất Pháp để kháng cự chống quân thù của xứ này. Nếu người Pháp không nhớ đến những sự giúp đỡ ấy, không trả nợ những người mà nước Pháp phải chịu ơn một cách đàng hoàng, nếu người Pháp không coi những người này như anh em, thì thực không xứng đáng với hai chữ làm người". Tôi đã thực sự cảm động khi được nghe những lời như vậy, đó là những câu nói xứng đáng của những người đại diện cho nước Pháp.

Vì thế mà trong thâm tâm tôi, tôi mong mỗi là người Pháp và người An Nam nên bỏ hết những vấn đề cũ đi, những hận thù, gây gổ- mà chúng ta phải có một hành động chung, người nọ dựa vào người kia, và chính phủ sẽ mở rộng cửa công lý và quảng đại, để cho dân chúng của xứ sở chúng tôi cũng được hưởng. Như vậy, thanh niên của xứ này có dịp đổ máu, và hy sinh thân xác họ bên thân xác lính Pháp ở Âu châu, để giúp đỡ nước Pháp trong tình thế này, cũng như người Pháp có tình cảm tốt ở trong tâm, cũng sẽ phải giúp đỡ đồng bào chúng tôi!

Như vậy, với những lý do có ơn huệ ấy, tôi dùng bút chấm với nước mắt và máu để đòi hỏi chính phủ phải cải tạo những áp bức, những bất công mà chúng tôi là nạn nhân, chắc chắn chính quyền Pháp sẽ cảm động.

Đó là những điều tôi đã nghĩ thầm một mình, không thể nói ra, vì có bao nhiêu người nghi kỵ, thù oán mà chung quanh tôi cũng chẳng thiếu gì.

Về dân chúng thì không ai làm gì để cho họ tin cậy, trong khi tôi có nói gì thì chỉ tăng sự nghi kỵ, và thậm chí có những kẻ họ còn ghét bỏ tôi, có thể nói rằng: "Xem cái con người kia, đã từng là một tên phiến loạn, bây giờ đâm ra mất trí nên muốn làm ra vẻ trung thành với nước Pháp". Xin ông tin lời tôi, những sự kiện như

thế càng làm tăng tiếng xấu về tôi, mà rút lại chẳng lợi lộc gì cho ai cả. Bây giờ được ông hỏi han đến, thực ra tôi rất lấy làm hoan hỉ.

Tôi nghe nói, chính phủ sẽ giao công việc thực hiện dự án trên cho Đại tướng Pennequin, đó là một người rất có kinh nghiệm và nhất là, chính ông ta đã có dự định về công việc này cách đây hai ba năm.

Mặc dầu có một vài trở ngại muốn ngăn cản việc thực hiện những ý định này. Thiên hạ đã được nghe ông ta bày tỏ về những điểm chính- trong một cuộc diễn thuyết- để đem ra thực hành, mà ông ấy tin là sẽ thành công. Đó là một vị tướng có tiếng là công bình, trong thời kỳ ông ta cai trị ở đây, nên ông rất rõ về tính tình đồng bào chúng tôi, và đồng thời những người này cũng đặt tin tưởng ở ông ta. Nếu vị tướng này, trở sang Đông Dương để thực hiện dự án trên, thì tôi tin rằng nhiều người từ lâu nay vẫn mong muốn giúp nước Pháp, sẽ sẵn sàng đóng góp với tất cả tấm lòng, tất cả sức lực để làm những điều trên, mà không ai ngăn cản nổi.

Về phần tôi, từ nhiều năm nay, tôi đã có những cảm nghĩ: Sau những gì đã xảy ra ở vùng Cực Đông, vào lúc này, không nên trở lại những gì mà người ta đã làm, hai dân tộc Pháp- Việt không nên xa nhau, mà trái lại người Pháp phải sửa đổi cách cai trị, và nên giúp đỡ cho người An Nam tiến bộ lên, để hai bên được sống cạnh nhau một cách thông minh và bền vững.

Nhưng buồn thay là những hy vọng của tôi đã hoàn toàn tan vỡ. Vì thế, tôi đã thu hết sức để làm lại những gì có thể, những người họ bất mãn khi thấy tôi hành động như thế, đã chỉ tuyên bố nói tôi là kẻ tử thù của nước Pháp.

Đáng nhẽ tôi phải trở về nước trong dịp này, để có thể giúp ích trong việc thực hiện những dự án trên, đồng thời tỏ rõ cho mọi người biết lòng ngay thẳng của tôi, rửa tiếng xấu họ đã gán cho tôi, làm mất thanh danh tôi một cách như bản.

Nhưng ông cũng biết trước số phận tôi sẽ thế nào. Vì trong lúc này, tại An Nam tình hình không được yên ổn lắm. Vì vậy tôi về, nếu mọi sự đều yên ổn cả thì không ai nói gì, nhưng rủi có biến cố gì xảy ra, thì những kẻ họ ghét tôi, họ sẽ bảo là: "Tất cả những điều ấy xảy ra, là vì Phan Châu Trinh đã xúi giục quần chúng nổi

dây". Điều ấy, nếu đột ngột xảy đến như một tai nạn cho tôi ở đúng vào lúc lộn xộn như vậy, ai tin vào tình cảm thành thực của tôi? Ai có thể biết trước được, sự gì sẽ xảy ra trong một cuộc xét xử, mà tôi có thể trông cậy vào ai?

Tôi thực là một người khổ sở, tôi từ bỏ gia đình, vợ con từ tám, chín năm nay, tôi chịu đựng bao nhiêu là tủ nhục, và hy sinh với ý niệm là làm thế nào cho hai dân tộc gần nhau... Nếu có cần cả đến cái chết của tôi, để có lợi ích cho nước ông và quê hương của tôi, điều ấy tôi cũng chẳng tiếc gì... Nhưng than ôi, nếu cái chết của tôi chẳng đem lại ích lợi, mà trái lại làm cho hai bên càng xa nhau hơn, thì đó thật là một điều ân hận. Vì thế, trước tình hình hiện nay, tôi không dám nghĩ đến việc hồi hương, và không nói gì trước được.

Nhưng dù tôi chưa về Đông Dương trong lúc này được, thì ở đây, tôi cũng có thể làm những công việc để giúp cho dự án trên, bằng cách viết thư cho người tôi quen biết, và các thân hữu để cho họ thấy những điều kiện của dự án này, và điều cần thiết, là sự đóng góp của đồng bào tôi đối với nước Pháp trong tình thế khó khăn này.

Về vấn đề tài trợ, cùng dự bị để đưa ra một nghị định đôi dãi với những người đem thân đi đỡ đạn đại bác, từ bỏ quê hương ra đi ấy được như người Pháp, và sự giúp đỡ sinh sống cho gia đình họ, v.v., đại tướng Pénnequin đã từ chối, ở đây tôi không cần phải nhắc đến.

Thư đã dài, để khi nào tôi gặp lại ông sẽ nói nhiều hơn".

Dưới thư này đề: "Dịch nguyên văn thư của bạn tôi.
Paris ngày 16-11-1915" và ký tên: "Quan tư Roux".

(Theo Thu Trang - Những hoạt động
của Phan Châu Trinh tại Pháp 1911-1925
Nxb Đông Nam Á - Paris. 1983-tr 78.82)

CÁC THƯ VIẾT TẠI NGỤC LA SANTÉ⁽¹⁾:
THƯ GỬI QUAN BA CARON

Thư số 3

Ngày 27 tháng 4 năm 1915

*Quan sơ thẩm Tòa án binh, ông quan ba Caron,
Quan lớn,*

Ngày 3 tháng 3 mới rồi, quan lớn gọi (tôi) tới buồng giấy, nộp tôi mấy câu, thiệt là ức hiếp, thiệt là trái ý với phép luật Nhà nước xa quá. Cái thơ ngày 4 tháng 3, tôi đã thuật lại rõ ràng, hỏi quan lớn, xin phải gọi tôi mà trả lời cho tôi hiểu. Thơ ấy đến chỗ quan lớn chắc đã lâu rồi, gần hai tháng nay, chẳng thấy quan lớn nhắc đến, chẳng biết vì cớ gì mà quan lớn chẳng trả lời.

Quan lớn chẳng trả lời, chắc có hai cớ;

Một là quan lớn khó thể trả lời nên quan lớn muốn bỏ chìm đi;

Hai là quan lớn nói tôi hỏi không đủ lời lẽ nên quan lớn chẳng thèm trả lời.

⁽¹⁾ Trong khoảng hai tháng rưỡi (từ 3.3.1915) Phan Châu Trinh đã viết cho quan ba Caron mười bức thư trong đó có bảy thư đánh số từ 1 đến 7, nhưng nay chỉ tìm thấy năm thư, từ số 3 đến số 7, hai thư số 1, số 2 chắc tác giả không sao lại. Đáng chú ý hơn cả là các thư 3,4 và 7; các thư khác đều là phụ hoặc có ghi "Thơ này bỏ" (theo tác giả trong thư gửi cho Phan Châu Dật ngày 2.5.1915, thì "thơ đã gởi thì để ngày, chưa gởi thì không). Chúng tôi công bố ở đây ba thư số 3, 4, 7 và thư gửi Phan Châu Dật. Số thư này Phan Châu Trinh chép lại đem về nước năm 1925, gia đình lưu(PTM).

Như cơ thứ nhất, thì mấy câu đó là câu quan hệ về cơ tôi phải ở tù mấy tháng nay. Quan lớn muốn bỏ chìm, còn tôi chẳng muốn bỏ chìm đâu.

Còn như cơ thứ hai, thì đây tôi sẽ thuật lại kỹ càng từng tí, rồi tôi hỏi quan lớn cho rạch ròi từng câu.

Ngày 3 tháng 3, quan lớn cho giấy gọi tôi tới sở Tòa án binh. Độ 3 giờ chiều, thấy quan lớn sai người lính cầm một cái xích tay bằng sắt, tới gọi tên tôi xích tay tôi dắt đi, xem ra bộ bặm trợn (các lần khác cũng thế, nhưng xem bộ hiền hậu, cũng như gọi mọi người thôi), đi lên bốn, năm tầng gác, đi lạc mãi, một tay nắm cái xích kéo lôi tôi tới, hai con mắt chăm hăm, ngó quay lại nhìn mặt tôi mãi, coi cách giữ gìn chặt chĩa như cách người ta bắt quân ăn cướp giết người, hay là bắt một con thú dữ chỉ thế.

Lúc đã đến buồng giấy quan lớn rồi, thả tay tôi ra, xô cửa đưa vào, tôi trông mặt quan lớn làm bộ giận dữ, ra oai ngăm nghiến, vụt đứng dậy, ngó ngay vào giữa mặt tôi, nộ tôi mấy câu tiếng Pha Lang Sa. Tôi tuy chẳng biết tiếng gì, nhưng nghe quan lớn nói ra giọng gắt gỏng, giần đi giần lại, tôi tưởng các quan án khác lúc nói với một tên tù bị kêu án xử tử, cũng không được nói cái giọng sắc sảo gớm ghiếc như thế; nếu không có người thông ngôn đứng gần, có lẽ tôi sợ sệt.

Quan lớn nói vừa dứt tiếng, người thông ngôn tin cẩn của quan lớn dịch liền lại cho tôi nghe rõ ràng.

Câu thứ nhất, dịch rằng: ông quan ba Caron bảo anh rằng, ông quan tư Roux có xin phép ông ấy tới thăm anh, nhưng ông ấy cứ theo phép luật, chẳng thể cho được⁽¹⁾.

Câu thứ hai, dịch rằng: ông quan ba bảo anh rằng, anh đừng có ý thế là quen biết với ông quan tư Roux mà xong việc anh đâu (Cái thơ ngày 4 tháng 3 tôi viết hỏi quan lớn, vậy thì thông ngôn có nói sai tiếng nào không, phải bảo lại cho tôi nghe. Ngày 27 tháng 3, quan lớn gọi tôi hỏi qua việc khác, chẳng nhắc lại nữa, vậy thì quan lớn đã chịu nhận chắc rằng thông ngôn nói đúng cả, nên đây tôi cứ thuật y như lời thông ngôn).

Tôi lại hỏi lại một lần nữa, thông ngôn cũng nói như thế.

⁽¹⁾ Câu này và các câu sau có gạch dưới là do ông Phan gạch trong di cảo.

Quan lớn cũng sợ tôi nghe không được rõ, thì tôi không được sợ hãi lắm; quan lớn bảo thông ngôn nói tiếng An Nam cho kỹ một lần nữa rồi quay lại nói tiếng Tây cho quan lớn nghe lại. Quan lớn gật đầu rằng phải rồi đuổi ra. Lính liền lại xích tay tôi kéo đi cũng như lúc gọi lên vậy.

Đây là vẽ y cái tình cảnh ngày ấy, quan lớn là ông quan án sơ thẩm Tòa án binh, hiểu pháp luật, đủ quyền thế, việc tư tay quan lớn làm ra, lời tự miệng quan lớn nói ra, quan lớn chẳng thể nào quên được. Còn tôi là một thằng tù của quan lớn giam giữ năm, sáu tháng nay, chẳng biết có gì cả. May sao ngày đó, quan lớn vui lòng chịu vén cái màn tối trong cái buồng giấy thối tha hôi hám của quan lớn ra cho tôi trông lọt vào được, nên tôi càng nhớ mảy mún từng tí, mà lại nhớ dai nữa.

Đây tôi hỏi quan lớn về câu thứ nhất: Người bạn của người bị giam xin phép quan án tới thăm người bị giam là một việc rất tầm thường, cho cùng không, quyền tại quan án, cần gì phải bảo cho người bị giam biết. Chẳng cho ông quan tư Roux tới thăm tôi, quan lớn rằng cứ theo phép luật⁽¹⁾. Còn xích tay tôi, lôi kéo tôi, nộ nạt tôi, thì quan lớn cứ theo phép luật nào?

Tôi hỏi quan lớn câu thứ hai: Ông quan tư Roux là ông quan binh, phép luật Pha Lang Sa có cấm tôi không được làm bạn với quan tư binh không? Quan lớn rằng bắt tôi là vì người ta kiện tôi mưu làm loạn; giam đến ngày đó đã gần 6 tháng, quan lớn có bắt được thơ từ gì của ông quan tư Roux thông đồng với tôi về việc làm loạn đấy không? Nếu như quan lớn rằng; không, thì việc gì làm bạn quen với ông quan tư Roux cùng có ý hay là không ý, là quyền riêng tự do của tôi cả, vì sao quan lớn dám bảo xích tay tôi lại, kéo lôi tôi tới giữa buồng giấy sở công nhà nước, mà quan lớn soi mói xâm phạm tới quyền riêng của tôi, vậy thì quan lớn cứ theo phép luật nào? Và quan lớn lại rằng; tại làm bạn quen với ông quan tư Roux, nên không xong việc tôi là lẽ gì? Quan lớn làm quan sơ thẩm Tòa án binh, ăn tiền ăn bạc, vì phe vì đảng, giấu cả giấy mực thơ từ tôi về cơ tôi bị kiện, giam tôi sáu tháng, chẳng xét hỏi lần nào cả, sao mà xong được. Nay quan lớn nói tại làm bạn quen với ông

⁽¹⁾ Căn cứ vào pháp luật.

quan tư nào mà xong? Sao quan lớn làm quan án mà dám mở miệng nói những tiếng gian dối như thế? Vậy thì quan lớn cứ theo phép luật nào?

Tôi lại hỏi về cách tôi ngày đó.

Tôi nay là người bị giam, lính tráng kéo lôi, quan gia trừng trị, là phận tôi chịu cả. Nhưng gọi tôi mà xét hỏi việc tôi, thì đâu có cực khổ bao nhiêu, tôi cũng cam lòng mà chịu. Còn ngày đó là ngày quan lớn gọi tôi mà tố việc gian dối của quan lớn cho tôi biết, sao quan lớn dám bảo xích tay tôi, lôi kéo tôi, nạt nộ tôi, vậy thì quan lớn cứ theo phép luật đâu? (ngày 14 tháng 9 năm 1914, quan lớn bắt tôi đưa tới nhà giam Dépôt. Lúc lính nó lại xét đồ trong mình tôi, đưa thì ôm tôi mà vật, đưa thì đánh vả tai tát tôi. Ngày tôi ở An Nam bị bắt, người ta làm thiệt hung dữ, nhưng cũng chẳng đến nỗi mọi rợ như thế. Bây giờ tôi mới rõ rằng: việc đó tự tay độc ác quan lớn mà ra cả. Tôi nhắc lại đây để sau cho các quan án biết, và cả người Pha Lang Sa biết nữa).

Đấy, mấy câu tôi hỏi quan lớn đấy. Tôi dốt nát, không biết tiếng Pha Lang Sa, không học luật, không làm thầy kiện Paris. Tôi chỉ cứ theo trí nghĩ của tôi mà hỏi quan lớn, quan lớn làm quan án, chắc học phép luật nhiều, xin quan lớn cứ theo phép luật mà trả lời ngay cho tôi nghe.

Đấy, tôi cần nói thêm mấy câu cho hết ý: Quan lớn rán xem cho hết cái thơ tôi, đừng quở tôi nói nhiều, những bụng bức tức, cần rằng tím ruột, để gần hai tháng nay, chưa chịu nói ra, đến khi nói, thì nó vọt miệng mà ra, không thể dừng bút được.

Ông quan tư Roux là một quan tư Tòa án bình năm trước. Vậy thì ỷ có làm bạn quen với ông quan tư Tòa án bình, quan lớn có biết chắc là thằng nào không? Hay là tôi? Sao quan lớn chẳng dám gọi thằng đó, xích tay thằng đó, lôi kéo thằng đó, mà quan lớn mắng vào giữa mặt nó, mà quan lớn dám hành hạ đầy đọa tôi đến thế kia? Hay là quan lớn tưởng tôi là một đứa hèn hạ, nghe nói cậy quan tư Tòa án bình, tôi tưởng là quyền thế lớn lắm muốn làm gì ai cũng được, nên tôi sợ hãi, tôi làm bạn quen để mà ỷ thế, vậy có phải đâu. Tôi kính trọng yêu mến ông quan tư Roux, vì ông ấy là con người ăn ở ngay thẳng công bình, làm quan lớn biết kính trọng phép luật nhà nước, biết đủ phép luật ở đời, biết kẻ phải

người không, biết thương người trung trực, biết ghét kẻ gian tà, coi người trong đời này ai cũng như ai, chẳng phân loài nọ loài kia, biết giữ danh tiếng lịch sự cho mình, biết giữ danh tiếng văn minh cho nước mình, xứng đáng người Pha Lang Sa, xứng đáng ông quan tư Tòa án binh Pha Lang Sa, nên tôi mới chịu làm bạn quen thân thiết với ông ấy. Nếu mà con người ăn ở gian trá, tính ý thâm hiểm, cậy mình làm quan tư Tòa án binh, bỏ cả phép luật nhà nước, thiên vị đưa gian dối, ghen ghét kẻ ngay thẳng, núp bóng sau lưng mà lại hại người ta, thì quan tư Tòa án binh mặc kệ nó, tôi có thêm cần đến đâu; có thể gặp, tôi chẳng thêm hỏi; gọi, tôi chẳng thêm thưa, chẳng luận là làm bạn quen, chẳng luận là ý thế.

Vả lại, những quân ỷ thế là rất quân gian hiểm hèn hạ, khi không nó muốn kiếm thế thân mà nó làm hại người không tội cho sướng bụng ghen ghét của nó nên nó phải ỷ thế, cậy ông quan tư này, ông quan tư nọ. Còn tôi là một người ăn ở ngay thẳng tuân theo phép luật nhà nước, chẳng làm việc gì gian dối, chẳng muốn làm hại ai, cần gì tôi phải ỷ thế ông quan tư nào?

Còn như việc tôi không xong, quan lớn nghĩ thử tội ấy tại ai. Quan lớn làm quan án sơ thẩm Tòa án binh, quan lớn ăn tiền quân thù nghịch tôi, quan lớn chiêu thẳng ghen ghét tôi, bắt giam tôi năm, sáu tháng, thơ từ về cơ tôi bị kiện quan lớn giấu vào trong ngăn tủ kín, chẳng thêm giở ra xét hỏi cho xong. Vậy thì cái cơ chẳng xong việc tôi, tội tại như quan lớn, còn tôi có tội gì, việc gì mà không xong? Nhưng sáu tháng về trước, tôi tưởng quan lớn là quan án sơ thẩm Tòa án binh, thay mặt cho Nhà nước việc binh Pha Lang Sa lấy phép luật mà bắt tôi, nên cảm lòng mà chịu cực khổ, mà đợi lệnh xét hỏi. Từ ngày 3 tháng 3 thì tôi đã biết rõ rằng: quan lớn là một tên quan án gian dối, thay mặt cho quân thù nghịch tôi, lấy ý riêng mà bắt giam tôi, thì từ đây về sau tôi cứ đem lời lẽ ra mà tôi chống cự lại với những việc gian dối không công bình của quan lớn. Chỗ Paris này là một chỗ pháp luật rất công bình, rất nghiêm ngặt, có phải là một chỗ dễ bỏ tù người, dễ làm thịt người như bên An Nam đâu, nói chuyện tôi sợ mà tôi phải ỷ thế ông quan tư nào.

Quan lớn, ngày quan lớn mới bắt tôi, quan lớn giả dạng quan án công bình ngay thẳng, tôi thấy quan lớn ăn nói mực thước, tra hỏi

phải cách, nên tôi cũng đem lòng kính trọng. Sau lại có người cho tôi biết rằng ông quan ba Caron là người tốt, là quan án có danh tiếng ông ấy chẳng làm hại ai bao giờ, nên tôi càng tin cậy hơn. Tuy rằng ngày đó tôi biết quan lớn làm trái phép, nói trái phép, nhưng tôi sẽ lấy lời êm lẽ dịu mà hỏi quan lớn, thử xem quan lớn có nhận lời hay không. Hóa ra, quan lớn thấy tôi nói không cứng cáp mạnh dạn, quan lớn càng khinh dễ mãi, dằn dụa mãi. Tôi có phải là thân trâu ngựa, khúc cây cục đá gì, đem thân để cho người ta dằn vặt mà chẳng biết chống cự lại, nên đây tôi phải nói cho cạn lời hết lẽ cho quan lớn biết rõ rằng: Tên Phan Châu Trinh mà quan lớn bỏ tù tám tháng nay có phải là một thằng dễ dọ dễ hiếp không?

Cái thơ này là cái thơ tôi hỏi nhắc lại cái thơ ngày 4 tháng 3 là thơ rất quan hệ về việc tôi bị tù tám tháng nay, quan lớn phải bảo dịch cho thiết kỷ. Quan lớn phải xem đi xem lại cho rõ nghĩa từng câu. Đây tôi lại nhắc lại quan lớn một lần nữa, thế nào cũng phải trả lời ngay cho tôi biết.

Quan lớn có phải thực là người thẳng, quan lớn có phải là thực quan án có danh tiếng, quan lớn có phải là thực người Pha Lang Sa, ăn ở theo tính nết Pha Lang Sa xưa nay? Quan lớn xem thơ tôi rồi quan lớn phải hết tức giận, gọi tôi ngay, quan lớn đập bàn mà trả lời từng câu một cho tôi nghe, thì quan lớn còn thể có quyền phép mà giam tôi được nữa, chớ quan lớn đừng tưởng tôi dễ giam như mấy tháng trước, mà quan lớn giam lòng dòng tôi đây, thì tôi đã chục lần 5, 10 cái thơ đây, nó sẽ tiếp cái thơ này mà tôi ngay bàn giấy quan lớn.

PHAN CHÂU TRINH

(Chữ ký)

Thư số 4

Ngày 2 tháng 5 năm 1915

Bẩm quan lớn,

Thơ tôi viết hỏi quan lớn ngày 27 tháng tư đây, bữa nay chắc đã dịch rồi, quan lớn đã xem rồi, đến bữa nay đã sáu bữa chẳng thấy trả lời, mà quan lớn lại còn giam tôi đây, thì lấy làm lạ quá. Quan lớn gian dối hung hiểm chi quá thế? Làm bạn quen với một ông quan tư binh mà quan lớn bỏ tù chung thân tôi đây sao? Nước Pha Lang Sa là nước văn minh, có cái luật dữ tợn mọi rợ như thế sao? Hay là quan lớn rằng: bây giờ giặc già chẳng còn phép luật chi nữa sao? Nếu không phép luật thì còn lập tòa án binh ra làm chi, đặt quan án này, quan án nọ làm chi? Hay là quan lớn rằng: phép luật chỉ dùng xử người da trắng, còn tôi là người da vàng, là người An Nam chẳng được nhờ cái phép luật công bình đấy sao? Hay là quan lớn rằng: ai có quyền thế mạnh muốn giết ai thì giết, muốn bỏ tù ai thì bỏ sao? Nếu thực như thế thì quan lớn đem gươm đem súng tới mà quan lớn giết ngay tôi tại buồng giam số 6-21 nhà giam Santé tức thì đi. Quan lớn bảo thằng nào buộc quan lớn phải hành hạ tôi cực khổ bảy tháng nay, nó đem gươm súng tới mà nó giết tôi tại buồng giam 6-21 nhà giam Santé đi. Quan lớn bảo nó đừng có khêu gan chọc tức thằng Phan Châu Trinh này. Thằng Phan Châu Trinh thà chết thì nó xách cái đầu của nó, nó quăng xuống đất như chơi, nó chẳng sợ giam đâu, nó chẳng chịu làm thân trâu ngựa cho người ta cỡi lên đầu trên cổ nó đâu!

Quan lớn làm tức tôi thế này, thì tôi thể chết, chết tại giữa buồng giam quan lớn. Tôi thể lấy máu mà tôi bôi đầy đầu, đầy mặt, đầy cổ, đầy mình quan lớn thôi, tôi bôi cho đỏ cả một buồng giam gian dối, không công bình của quan lớn ra thôi. Tôi chẳng chịu chết mòn, chết rục, chết vắng, chết thảm ở cái buồng giam 6-21 nhà giam Santé đâu.

Tôi hẹn quan lớn nội trong hai ngày nữa quan lớn phải trả lời, quan lớn chẳng trả lời thì quan lớn phải giết tôi, quan lớn chẳng nói giết tôi thì quan lớn phải thả tôi ra. Tôi không tội gì mà bắt tôi phải nằm một giường sắt, ngủ một cái nệm rơm, trùm một cái chăn rách trống đầu trống đuôi mua từ năm 1881, mai húp một chút nước sôi, chiều ống một tí nước rau luộc, mỗi ngày ăn một cái ổ bánh mì đen người ta quăng lên liệng xuống dưới sàn nhà dơ gác nhộp, cả ngày quanh quẩn lẫn lộn trong một cái xó, vừa ăn vừa ngủ vừa ỉa vừa đái một chỗ bảy, tám tháng nay.

Quan lớn ôi! Quan lớn ăn ở chi mà hung hiểm gian dối như thế? Quân thù nghịch tôi nó cho quan lớn bao nhiêu tiền bạc mà quan lớn nỡ lòng bán cái mạng tôi cho chúng nó, cho nó đầy đọa tôi đến thế này, quan lớn ôi! Chớ nào bốn phận công bình quan lớn ở đâu, chớ nào lòng ngay thẳng quan lớn bỏ đâu mà quan lớn giết tức giết tôi thế này, quan lớn ôi! Thế nào cũng phải trả lời cho tôi nghe, rồi quan lớn có muốn giết tôi cho sướng lòng quân thù nghịch tôi thì quan lớn sẽ giết, quan lớn ôi!

PHAN CHÂU TRINH

(Chữ ký)

Thư số 7**Ngày 17 tháng 5 năm 1915****Bẩm quan lớn,**

Tôi là một người không tội lỗi gì cả, quan lớn bắt giam tôi tám tháng nay, chẳng chịu xét hỏi cho xong mà tìm cách hà hiếp tôi quá thể. Tôi đem lời lẽ chống cự với quan lớn, thì quan lớn rằng quan lớn là quan án chẳng thềm nói với tôi là người bị giam. Bây giờ tôi đã hết phương thế mà giúp đỡ thân tôi được nữa, nên tôi phải viết thư lấy Recommandée⁽¹⁾ mà gửi cho người thầy kiện của tôi là ông Moutet, dặng để về sau có bị điều gì khốn nạn, hiểm nghèo, thì ông ấy cầm cái thư này mà chống cự, giúp đỡ cái mạng sống cho tôi. (Nếu tôi có bị người ta giết thăm giết lén ông ấy còn nắm cái thư tôi làm chứng chắc). Cái thư Recommandée này là thư cần kíp, quan lớn bảo người ta dịch cho mau mau, xem rồi thì thả ngay cho tôi.

Đây tôi có hai điều quan hệ, cần phải giao kết trước với quan lớn:

Một là từ ngày nào, giờ nào, quan lớn bảo dịch cái thư recommandée tôi rồi, xem rồi, thì kể từ giờ đó về sau, hai cha con có xảy ra có gì khốn nạn hiểm nghèo, là lỗi bởi tại quan lớn cả. Lỗi giao kết này dời đến ngày nào cái thư recommandée tôi vào tay ông Moutet cầm rồi, dịch xem rồi, thì mới bỏ⁽²⁾. Đây, tôi lại nói thêm với quan lớn rằng nếu có cái cơ gì mà nó buộc quan lớn không làm hại tôi không được, thì xin quan lớn sẽ cứ kiếm cách mà làm hại tôi. Còn con tôi nó nhỏ dại, chẳng biết gì cả; tôi có bảo nó làm việc gì, là vì nó thương cha nó, thấy cha nó phải chịu cực khổ, nên nó đau lòng mà nó phải làm để giúp đỡ cho cha nó một hai tí thôi. Còn nó chẳng biết gì thù nghịch với ai cả, đừng bảo làm khốn

(1) Recommandée tức là thư bảo đảm.

(2) Các nét gạch dưới dòng là do cụ Phan trong thủ bút *đi cảo*.

nạn mà tôi nghiệp⁽¹⁾.

Hai là khi quan lớn đã xem cái thư recommandée tôi rồi nếu có điều gì mà quan lớn rằng tôi nói thêm, nói thừa cho quan lớn thì phải mau mau gọi tôi mà hỏi tôi. Nếu tôi trả lời xong cả, tôi nói việc thiệt cả, thì quan lớn phải để cái thư đi ngay. Còn như quan lớn chẳng chịu gọi tôi mà hỏi, lại ngăn trở chẳng cho thư tôi đi hoặc là để chằm năm mười ngày, thì lỗi ấy bởi ai, quan lớn chắc biết rõ hơn tôi, nên tôi chẳng cần phải nói. (Ngày 11 đây con tôi có gửi cho tôi một cái thư pneumatique⁽²⁾). Chẳng biết ngăn trở bởi người nào, chỗ nào, đến bữa nay đã sáu bữa rồi, tôi không tiếp được, có đó là quan hệ, và tôi lấy làm lạ quá).

Đây tôi thuật lại một câu dài tôi nói thêm sau, cũng về ngày 12 mới rồi, tôi nói thế này: Tôi ở bên An Nam nhiều người thù nghịch với tôi, chẳng những là người ta muốn bỏ tù tôi 10 năm, 20 năm mà thôi đâu; người ta còn muốn kiếm cơ mà buộc tội giết cho mất cái đời tôi đi kia. Những người thù nghịch đó, bên này cũng có một ít, nếu tôi cam lòng bỏ cả vợ con, xử sở mà xin qua ở tại Paris, là vì lòng tôi tin cậy phép luật Pha Lang Sa là rất công bình che chở cho thân tôi được. Nay người ta kiện tôi, quan lớn bỏ cả phép luật Pha Lang Sa hà hiếp tôi tám tháng nay. Tôi nghĩ rằng nếu tôi có rán chịu cực khổ mà còn sống lại được, cũng không còn chỗ nào mà ở cho yên thân nữa, nên tôi bây giờ bằng lòng bỏ cả cái mạng sống mà chống cự lại với quan lớn, dầu thế nào thì thế, tôi cũng chẳng cần thương tiếc gì cả.

Đây là câu tôi nói thêm đó, nhưng khi đã viết giấy rồi, tôi nghe thông ngôn vẫn quá, chỉ chép lại một đoạn trên, mà lại bỏ mất một câu "người thù nghịch bên này cũng có một ít" đi, nên đây tôi phải viết lại, về sau làm chứng và cho quan lớn biết ý tôi nói là thế, thì bữa nay quan lớn thấy cái thư tôi gửi cho ông Moutet, quan lớn chẳng lấy làm lạ gì cả.

Kính bảm

(Chữ ký)

PHAN CHÂU TRINH

⁽¹⁾ Xem thư cụ Phan viết cho Phan Châu Dật ngày 18.5.1915.

⁽²⁾ Thư gửi theo đường "chuyển phát nhanh".

THƯ GỬI PHAN CHÂU DẬT

Cái thơ này bỏ⁽¹⁾

Ngày 2 tháng 5 năm 1915

Con Dật,

Cậu mới được cái thơ của con gửi thăm cậu. Trước là cậu gửi lời lại cho con biết, thăm con; cậu lại gửi lời thăm quan Đốc trường và ông bà Pô lét với hai người con được mạnh giỏi. Sau, cậu lại bảo con mấy điều này. Cậu có viết một cái thơ cho con để con dịch lại chữ Tây cho rõ ràng, viết cho tử tế. Con ký tên rồi lấy *recommandée*, con gửi cho ông hội chủ Hội Des Droits de L'homme⁽²⁾, số 1 đường Jakob, Paris. Thơ như sau này:

Bẩm quan lớn,

Tôi là con ông Phan Châu Trinh. Cha tôi có viết thơ quốc ngữ, bảo tôi dịch lại, xin gửi cho quan lớn biết. Ngày cha tôi bị bắt được ba bốn tháng, có nghe quan lớn và quý Hội có ý muốn giúp cha tôi. Trong lòng cảm ơn, nhưng cha tôi chẳng muốn thế, nên cha tôi chẳng viết thơ, vì việc này là việc nhỏ mọn, cha tôi chẳng kể vào đâu. Xứ Paris là một chỗ gai góc cán cờ ba sắc của Pha Lang Sa cấm cứng từ thuở nay, chẳng lẽ thằng nào dám giết cha tôi giữa (xứ) này. Vả lại các quan trong Hội trước đã cứu cha tôi sống lại một lần rồi. Cái gươm kẻ thù nghịch nó đã toan lại mà nó liếm cái đầu cha tôi; nhờ những người Pha Lang Sa tốt lòng và quan trong quý Hội lẹ tay mà đỡ kịp, nên người thù nghịch của cha tôi người ta không bằng lòng, đến bây giờ càng thêm thù nghịch mãi.

⁽¹⁾ Trong di cảo ghi "thơ này bỏ" nhưng vì nội dung quan trọng nên chúng tôi xin ghi lại.

⁽²⁾ Hội Nhân quyền.

Lần này, cha tôi chẳng dám phiền lòng quý Hội. Nay có thư⁽¹⁾ việc, cần phải cho quan lớn biết, nên cha tôi mới bảo viết cái thư này.

Ngày 14 tháng 9 năm 1914, quan sơ thẩm Tòa án binh, ông quan ba Caron, cho bắt cha tôi, đưa tới nhà giam Dépôt. Lúc bắt vào cùng 2, 3 người, lính nó cứ cha tôi nó đánh mãi, cha tôi đã lấy làm lạ. Rồi ông ấy bắt giam cha tôi tại nhà giam Santé, đến nay chẳng thấy xét hỏi gì cả. Ngày 3 tháng 3, ông quan ba Caron bảo kéo lôi cha tôi đến buồng giấy ông ấy mà bảo rằng: có cha tôi bị tù đây, là vì cớ ý làm quen với quan tư Roux, rồi kéo ngược về bỏ giam cha tôi tại đây. Đến bữa nay, cha tôi viết thư hỏi ông ấy, bảo ông ấy phải trả lời câu đó, ông ấy chẳng chịu trả lời mà lại có ý giam cha tôi đây mãi. Bây giờ cha tôi đương viết thư buộc ông ấy trong 4 ngày phải trả lời ngay, không thì xin lỗi. Cha tôi lại rằng: nếu hại việc cũng không, thì có tha, cha tôi cũng không ra.

Việc trả lời thì cha tôi chắc rằng ông ấy không thể trả lời được. Còn có ông ấy có giam cha tôi, thì cha tôi cũng đã rõ rồi: vì quân thù nghịch với cha tôi phe đảng đông, tiền của nhiều, thân thế lớn, nó buộc ông ấy phải làm thù nghịch với cha tôi, nên ông ấy cố giam cha tôi lâu ngày để kiếm cách thế mà giết cha tôi.

Giết có hai cách:

Một là lấy thuốc độc mà giết, rồi nói đau mà chết:

Hai là giam mãi đây, đợi đến khi nào Paris có lộn xộn thì đem cha tôi tới chỗ vắng mà giết.

Việc đây, cha tôi đã biết rõ thế rồi. Nhưng cha tôi không sợ. Cha tôi cho tôi biết rằng, nếu cha tôi mà đã đem thân chịu chết tại Pha Lang Sa, thì cha tôi thể chết tại giữa Paris, thể chết tại giữa tòa án binh, thể chết tại giữa buồng giấy ông quan ba Caron, cha tôi thể lấy máu bôi cả đầy đầu, đầy cổ, đầy mặt, đầy mình ông quan ba Caron, lấy máu bôi đỏ cả một cái buồng giấy tối đen thui thui của ông quan ba Caron, chờ cha tôi chẳng chịu chết thâm vẳng đâu, vì cha tôi sôi gan tức máu cho ông ấy quá. Ông ấy với cha tôi xưa nay chẳng thù nghịch chi. Bây giờ ông ấy đành lòng bỏ cả phép luật Nhà nước, đành lòng bỏ cả bốn phận quan án, bỏ cả danh tiếng của mình, làm cái máy bó tay bó chân cha tôi lại. Ông

(1) "Thư" tiếng địa phương có nghĩa là "tư".

ấy giần lên vật xuống cha tôi, như thân trâu mình ngựa hơn 7, 8 tháng nay, cho sướng lòng quân thù nghịch của cha tôi. Ông ấy đem cái xác thịt và bộ đồ phẩm phục quan binh của ông ấy làm cái khiên cái mộc cho quân thù nghịch nó núp trong đó, mà nó đỡ cái mũi gươm của cha tôi, đem cái buồng giấy tối tăm mù mịt của ông ấy chứa những quân hổ mang thương luồng, hùm beo rít rần ở trong đó, cho nó cắn rút xương thịt cha tôi, nên cha tôi bây giờ đành lòng rút cái mộc hộ thân tư thuở nay ra, chỉ ngay vào giữa mặt ông quan ba Caron mà hạ chiến thương với ông ấy từ ngày 27 tháng 4 năm 1915.

Cha tôi chắc rằng ông ấy thế nào gỡ cũng không nổi với tay cha tôi. Bây giờ, ông ấy chỉ còn một cách là hiệp sức lại với quân thù nghịch của cha tôi, kiếm cách thế mau mau mà giết cha tôi nội trong tuần tháng năm đây, đừng cho che miệng đây mắt người Pha Lang Sa.

Nay cha tôi ở dưới quyền phép ông ấy, thế thì trước sau cha tôi cũng chết trong mười ngón tay ông quan ba Caron; nhưng vậy mà cha tôi đành lòng, việc đó xin quan lớn và Hội đừng nhúng tay vào, vì sức chống cự của cha tôi còn đương mạnh lắm.

Đây cha tôi chỉ hết lòng xin quan lớn một điều này. Nếu cái thư của cha tôi viết đây, sau mà có hóa ra sự thiệt, xin ngày nào quan lớn nghe nói rằng ông quan ba Caron đã giết cha tôi rồi, quan lớn mau mau sai người tới nhà giam Santé buồng số 6-21 soạn cả sách vở thư từ của cha tôi cất kỹ một chỗ, rồi bảo người nào biết chữ quốc ngữ, người ta tới lựa những thư của cha tôi gửi cho quan ba Caron (thư đã gửi thì để ngày, chưa gửi thì không), dịch ra mà xem, thì biết có cha tôi phải bị giết, và cách ăn ở của cha tôi là thế nào. Nếu được như vậy thì cha tôi cảm ơn quan lớn và quý Hội nhiều lắm.

Sau này cha tôi kính chúc quan lớn.

Đây, con dịch chừng đó, con ký tên con gửi cho ông Hội chủ Hội Des Droits de L'homme.

Đây con lại dịch hết cả cái thư này. Chỗ nào có chữ cậu viết, con dịch cả, con viết cho tử tế, rồi con lấy cái thư quốc ngữ của cậu, con lồng với bản chữ Tây, rồi lấy recommandée, con gửi cho quan Hạ nghị viên, monsieur Moutet, vì ông ấy có hỏi cậu vì cớ gì mà bị

bắt, cậu chưa trả lời. Ông ấy tiếp cái thơ này thì ông ấy sẽ hiểu ngay.

Còn bản Quốc ngữ con cũng nên sao một bản để dành. Bản chữ Tây, con đem tới nhà đánh máy, con thuê người ta đánh vài ngàn bản (hết sẽ đánh thêm). Còn đi đâu, con cầm theo đó cho nhiều. Ai hỏi cha con sao ở tù 8 tháng nay, con trao cho người ta xem. Khi nào con có về Paris thăm cậu, con chịu cực khổ khó nhọc, con mang 5,6 trăm bản, đến chỗ nào đông người, thì con phát cho người ta, như cách họ phát giấy cáo bạch dọc đường Paris. Bản chữ Tây, con phải giữ ít bản, giắt cho kỹ trong mình con, rồi sau này cậu sẽ bảo cho con biết.

Con dịch cái thơ này của cậu, con đừng động lòng. Đây là nói việc về sau đó thôi. Còn bây giờ cậu đương mạnh khỏe, chẳng đau ốm gì cả, chẳng ai làm gì được cậu cả. Khi nào con muốn thăm cậu thì con về, rồi vào trong đó mà học. Ai có nói gì, cũng đừng nghe.

Còn đây cậu dặn con mấy câu này, con phải nhớ ghi vào trí, chớ quên. Ngày nào con nghe người ta họ đồn rầm cả và⁽¹⁾ xứ Paris rằng ông quan ba Caron đã giết tên Phan Châu Trinh rồi! quan ba Caron đã giết cha con rồi! thì con phải mau mau lo cái bốn phận con. Con bỏ chỗ đó mà con đi xin con ăn. Con về bên xứ sở cha con là nước An Nam với mẹ con. Khi nào con xin không được con ăn, con đói, con khát, con trật lưng con ra, con lấy cái thơ của cậu viết cho con ngày 2 tháng 5 đây mà con trao cho người Pha Lang Sa xem thì họ cho con ăn ngay, vì tính người Pha Lang Sa hay ghét quân hung dữ thương (người) yếu đuối. Con đừng thấy quân nghịch nó giết cha con mà con sợ con giấu cái thơ đi.

Còn cái xác cậu thì con cứ để chôn ở Paris, vì xứ nó giết người rồi, thì người ta cũng dập cho kín, chẳng phải là người ta giết người rồi người ta còn chưa đã gan, còn đem thây vứt dọc bờ dọc bụi cho kên tha quạ mổ như quan cai trị bên An Nam giết một người chân nhân quân tử là ông Trần Quý Cáp tại Nha Trang tháng 5 năm 1908 đâu mà con phải lo sợ.

Cái thơ này, sức con dịch được, thì con dịch, rồi mượn quan

⁽¹⁾ Tiếng địa phương có nghĩa là "toàn thể".

đốc trường chữa lại cho. Nếu con dịch không nổi, thì con làm cách này, con viết một cái thơ chữ Tây, con nói rằng "cha tôi có viết cho tôi một cái thơ khản cấp lắm, bảo tôi dịch mau mau gởi cho quan lớn, nhưng tôi dịch không nổi. Đây tôi xin gửi cái thơ chữ cha tôi viết cho quan lớn. Trong thơ này nhiều việc rất quan hệ và rất hiểm nghèo lắm, gấp lắm. Xin quan lớn kiếm người dịch nội trong mười ngày, nếu chậm thì không kịp".

Con ký tên, phải nói là con cậu thì người ta mau nhớ. Con đem cái thơ này, phải trả lời ngay cậu biết.

Đấy, cái thơ riêng của tôi viết cho con tôi đấy, tôi dán 3 tem đây, ông quan ba Caron phải (bảo) người dịch mau mà xem; ông xem rồi, ông có nói bây giờ giặc già, chẳng còn phép luật gì, ông dám xé thì xé, dám đốt thì đốt, ông dám cản trở, trả lại đây cho tôi thì trả; ông có tức trí cho tôi, thì ông viết giấy xuống đây, ông bảo kéo tôi như con thú dữ, đến trước mặt ông, ông mở cái cửa kiếng cho rộng, cho ánh mặt trời nó dội vào cái buồng giấy tôi tắm mù mịt, thổi tha hơi hám của ông, rồi ông đừng cho gần lại, ông dòm cái mặt tên Phan Châu Trinh xem có dễ dọa không nhé!

PHAN CHÂU TRINH

(Chữ ký)

(Theo Lê Thị Kinh - Sdd)

THƯ GỬI NGHỊ SĨ MOUTET

Ngục Santé ngày..... tháng 5 năm 1915⁽¹⁾

Hạ nghị viên

Cher Monsieur⁽²⁾,

Ngày 1 tháng Giêng đây, quan lớn có viết thư hỏi tôi vì cớ gì mà bị bắt, nhưng lúc ấy chưa xét hỏi gì đến, nên tôi chỉ biết rằng: Vì người thù nghịch tôi nó không thôi, tôi chưa biết vì cớ gì, tôi chưa trả lời. Bây giờ tôi biết rõ ràng rồi, nên tôi gởi trình cho quan lớn biết và nhờ quan lớn một tí việc.

(Ngày) 14.9.1914, quan sơ thẩm Tòa án binh, ông qua ba Caron cho giấy bắt tôi, đưa xuống nhà giam Dépôt, xúi lính đánh khảo tôi, rồi giam tại nhà giam Santé. Đến ngày 3 tháng 3 năm nay, ông ấy cho gọi tôi, bảo lính kéo lôi tôi tới buồng giấy ông ấy, làm giận giữ nộ tôi rằng: cớ tôi bị bỏ tù lâu như thế là vì cớ ỷ làm bạn quen với ông quan tư Roux. Rồi kéo tôi bỏ giam lại đến bữa này. Tôi viết (thơ) hỏi đôi ba lần, ông ấy chẳng thèm trả lời. Tôi hỏi như thế này: Phép luật Pha Lang Sa có cấm tôi không được làm bạn với quan tư binh không? Ông ấy có bắt được thơ tôi nhờ ông quan tư giúp cho về việc bị kiện đó không? Sao ông ấy dám lập cái phép luật mọi rợ lạ lùng như thế mà bắt giam hành phạt tôi tám tháng nay. (Tôi) buộc ông ấy phải trả lời thơ tôi viết cho ông ấy, chẳng biết ông ấy có dịch có xem không, mà cố giam hãm, chẳng thấy trả lời.

Tôi chắc rằng ông ấy dễ người⁽³⁾ tôi thân cô thế yếu, chẳng biết tiếng Tây nên ông ấy dám phá một bộ luật văn minh Pha

⁽¹⁾ Có khả năng là ngày 17.5 theo thư ngày 18.5 viết cho Phan Châu Dật.

⁽²⁾ Ngài thân mến.

⁽³⁾ Nghĩa là xem khinh, xem thường.

Lang Sa làm cái máy độc dữ, ông ấy bó tay bó chân tôi lại như thân trâu thân lợn mà bán cho quân thù nghịch, ông ấy lấy tiền bạc gì đây; ông ấy giam cho lâu đặng để cho quân thù nghịch nó kiếm cách thế mà nó giết tôi. Thờ tôi viết hỏi ông ấy đã bốn cái rồi. Cái (thờ ngày) 27.4 và cái thờ ngày 2.5 rất quan hệ. Đợi đã hai tháng rồi nên bây giờ tôi quyết rút cái gươm hộ thân của tôi ra mà chỉ ngay vào giữa mặt ông Caron. Tôi (nói) nội trong bốn ngày phải trả lời (vì thờ tôi phải dịch), nếu không trả lời được thì phải thú lỗi mà đón rước tôi ra khỏi nhà lao Santé tức thì...

Bây giờ ông ấy thế khó gỡ với tôi rồi, vậy thì ông ấy thế phải hết lòng hết sức mà hợp lại với quân thù nghịch mà kiếm cách giết thâm giết lén tôi nội trong tuần tháng 5 này, cho đây miếng che mắt người Pha Lang Sa. Quân thù nghịch tôi bè đảng đông, quyền thế lớn, tiền của nhiều, làm việc gì cũng được. Tôi nay lại ở dưới quyền phép ông ba Caron, ông ấy muốn xách đi đâu cũng được, vậy thì tôi trước sau cũng chết trong tay quan án gian dối là quan ba Caron, nhưng vậy tôi cũng đành lòng như thế.

Đây tôi xin quan lớn hai việc này: một là xin quan tới chỗ ông Caron mà xem thử thờ tôi viết cho ông ấy, ông ấy có dịch xem hay là không. Hai là xin quan lớn ngày nào nghe nói quan Caron giết tôi rồi, xin quan lớn mau mau bảo người tới nhà giam Santé, buồng 6-21, soạn hết sách vở thờ từ của tôi viết bằng chữ Quốc ngữ cất kỹ một chỗ, bảo người lựa những thờ tôi viết cho ông quan ba Caron dịch ra mà xem, thì biết có tôi bị bắt và bị ông ta giết là thế nào, cách tôi ăn ở là thế nào.

Sau đây kính chào quan lớn.

PHAN CHÂU TRINH

(Chữ ký)

(Theo Lê Thị Kinh - Sdd)

THƯ GỬI PHAN CHÂU DẬT

Ngày 18 tháng 5 năm 1915

Con Dật,

Hai cha con ta bây giờ lắm cơ hiểm nghèo lắm, nên cậu phải cần kíp viết thư dặn con mấy lời, con phải nhớ ghi vào trí đừng quên.

Một là từ ngày 18 đây, con đừng ra khỏi cửa, tới lại ai gọi cửa, con đừng đi mở.

Hai là ông Moutet có viết thư gọi con việc gì, con phải gọi một cái xe máy hơi tới cửa, rồi con mau mau bước lên, bảo đây điểm phủ lại, rồi đi cho tới cửa ông ấy sẽ xuống xe.

Ba là bữa trước con có nghe người ta nhát con, nói tên Chuyên nó buộc tội cho cậu quan hệ lắm, nên con lo sợ. Có tên Chuyên khai láo đó, chẳng những người ta không làm hại cậu được, mà cậu lại trở nắm được có đó, nhập lại với có ngày 3 tháng 3: "Anh đừng ỷ có làm bạn quen với ông quan tư Roux mà xong việc đâu", lại với cái thư pneumatique của con gửi cho cậu ngày 11, mất đi sáu ngày rồi mới được, mà cậu chống cự lại với quân gian dối càng mạnh hơn nữa, đây cậu nói cho con biết, con đừng buồn rầu lo sợ mà sinh đau ốm ra.

Bốn là được cái thư này của cậu, con viết ngay cho ông Moutet một cái thư rằng ngày 17 đây cậu có viết cho ông ấy một cái thư recommandée quan hệ lắm; ngày nào ông ấy tiếp được, xin viết thư trả lời cho cậu biết kéo cậu trông lắm. Ông ấy có hỏi thăm cậu, con cứ theo lời cậu trên đó mà thuật lại cho ông ấy nghe.

Còn cậu, tuy rằng hiểm nghèo, nhưng cậu đã lớn, cậu biết

cách giữ gìn, con cứ giữ thân con thôi, con đừng lo cho cậu.

Cái thơ là quan hệ lắm, con sao một bản Quốc ngữ, con giắt trong lòng; còn bản cậu biên cất cho kỹ, đừng làm mất đi.

Sau này cậu gửi thăm con được mạnh giỏi.

Con được cái thơ của cậu, nếu ngày thứ sáu con không đi thăm cậu được (ông ấy chưa được thư cậu, con đừng đi ra) thì con viết một cái thơ pneumatique nữa, trả lời cho cậu biết, xem người ta còn dám ngăn trở nữa không?

PHAN CHÂU TRINH

(Chữ ký)

(Theo Lê Thị Kinh - Sdd)

THƯ GỬI PHAN CHÂU DẬT⁽¹⁾

Ngày 3 tháng 7 năm 1915

Con Dật,

Bữa qua cậu có tiếp được thợ con, cậu ở ngoài này mạnh giỏi luôn, con ở trong đó sẽ lo mà hạch cho đậu, đến ngày chủ nhật sau có lẽ đã bãi trường rồi, con về luôn ngoài này thôi.

Quan Hạ nghị viên mấy bữa nay cũng chưa viết thư cho cậu, có lẽ con về ngoài này có việc gì ông ấy sẽ nói cho con rõ, bây giờ ông ấy có viết thư cậu cũng không hiểu.

Còn việc anh Duật bữa trước con nói chuyện anh ta, cậu tưởng là điên khùng gì thôi, không hay bữa nay làm bậy bạ như thế, ấy là dại quá. Thấy thuốc cho giấy tờ về bên mình cho khỏi đau là việc tốt bao nhiêu, không chịu nghe, tưởng ở lại làm việc lịch sự gì, bây giờ làm ra việc xấu xa như thế, chắc là phải ở tù. Cậu ở trong này có quen với vài người trước cùng đi ăn trộm xe nhà nước. Lạ quá, ở giữa Paris này, ăn trộm xe, dẫu có lấy được rồi thì đem đi đâu, chẳng khỏi chi được... (không đọc được hai chữ - PTM). Cậu có viết thư cho anh Hồ, cậu có nói với Hồ báo viết thư cho anh Duật bảo va (nghĩa là nó - PTM) đi về bên mình. Hồ có viết thư rồi. Bữa nay va bị bắt, chẳng biết va có tỉnh được không. Con rõ đầu đuôi thế nào con nói chuyện rõ cho anh Hồ biết.

Còn bà Pollet có rủ con đi nghỉ hè với con bà, con cảm ơn chớ còn đừng đi vì việc cậu chưa xong, nếu quan Hạ nghị viên có muốn

⁽¹⁾ Viết 12 ngày trước lúc được thả.

nói sự gì không ai làm thông ngôn cho cậu hiểu.

Con đừng buồn rầu chi cả. Thôi con ráng học cho khá, sau con có làm được việc gì cho nhà nước, cho có danh tiếng với người ta, ấy là con không phụ ơn mẹ con nuôi con thuở này. Nay con có buồn cũng chẳng được gì mà lại thêm bỏ công việc thôi.

Cậu gởi lời cho con thay mặt cậu thăm ông bà Pollet và hai người con được mạnh giỏi. Sau cậu gởi lời thăm con mạnh giỏi.

Còn cái số buồn giam cậu đã đổi lại là buồn 3-34.

Ký tên: PHAN CHÂU TRINH

(Theo Lê Thị Kinh - Sdd)

THƯ GỬI M.MOUTET
VỀ HỌC BỔNG CHO CON TRAI

(Dưới dạng một bản thảo đánh máy bằng tiếng Pháp)

Paris, tháng 8 năm 1917)

Ông Nghị sĩ thân mến

Tôi đã nhận được mấy dòng thư thân tình của ông hôm thứ sáu vừa qua và tôi đã đến thăm ông ngay hôm sau. Nhưng do ông bận liên miên nên tôi không được hân hạnh gặp.

Con trai tôi đã báo lại ý kiến của ông trao đổi về vấn đề học bổng của nó. Tôi rất tiếc đã không được trò chuyện trực tiếp với ông về vấn đề này. Vì vậy tôi đành phải dùng ngòi bút như ông thường khuyến tôi.

Trước tiên tôi xin bày tỏ niềm xúc cảm của tôi trước sự quan tâm của ông đối với tôi cũng như với con trai tôi trong lúc vô vàn vấn đề quan trọng đáng được ông quan tâm hơn.

Nhờ sự can thiệp nhiệt tình của ông với chính phủ từ tháng 9 năm 1915 con trai tôi đã được đi học tiếp tục. Nhưng tôi rất lấy làm tiếc mà báo cáo với ông là học bổng được cấp (100F mỗi tháng) không đủ chu cấp cho nó. Tôi phải lo cho khoản quần áo, sách vở và dụng cụ học đường, tiền ăn trong những tháng hè, tiền thuốc men khi nó đau ốm. Các khoản chi đó vượt khỏi 100 Francs mỗi năm.

Còn về vấn đề học của nó, nếu ông cho phép tôi xin nói thẳng cách suy nghĩ của mình: trường con trai tôi học lâu ngày nay chắc chắn là không được tốt như các trường trung học lịch sử ở thủ đô, nhất là từ khi có chiến tranh, giáo sư thiếu, thầy ít trò nhiều.

Tôi xin đề ông xem xét cách suy nghĩ của tôi về vấn đề này và

xin trở lại vấn đề tài chính mà tôi đã nhiều lần đề cập... (bị gián nhấm mất một số chữ - PTM) các gánh nặng mà tôi phải chịu đựng cho việc học của con trai tôi. Tôi nói gánh nặng vì trong điều kiện bấp bênh... Tôi đã khó khăn biết bao để có thể dành dụm ra số tiền 300 francs. Cho đến nay tôi chưa hề bao giờ kêu ca mà cứ thản nhiên... là vì lúc đó sức khoẻ tôi còn cho phép làm việc để nuôi cả hai cha con. Nhưng tháng 3 năm nay rủi thay một trận ốm bất ngờ đã gây trở ngại cho tình cha con của tôi. Tôi đã phải xin vào nằm ở bệnh viện Cochín. Người ta đã rộng lòng tiếp nhận và tôi đã phải nằm liệt trong hai tháng ròng. Và chắc ông nghị sĩ cũng thông cảm là sau khi ra viện tôi không thể nào trở lại làm việc với tình trạng suy yếu tất nhiên của người mới lành bệnh... Mặc dù hết sức đau xót tôi đã phải cho con trai tôi nghỉ học kiếm việc làm để cha con khỏi chết đói. Nó đã may mắn tìm được việc làm tại Văn phòng tiệm "Au bon marché" và được trả lương vừa phải. Tôi biết là khi bảo con trai thôi học, tôi đã làm trái với ý muốn của ông vì có thể nói là chính ông đã đưa cháu vào học. Nhưng biết làm sao được... chúng tôi phải sống mà!

Tôi có linh cảm là nếu tôi yêu cầu thì ông sẽ sẵn lòng cứu giúp tôi vì hơn ai hết ông hiểu rằng tôi không phải là kẻ vô tình như hoàn cảnh nhập nhằng hiện nay thường gây ấn tượng... Nếu tôi ... (bản thảo đánh máy chấm dứt ở đây. PTM).

(Theo Lê Thị Kinh - Sdd)

KÍNH THƯA NGÀI ĐẠI THẦN TỔNG THỐNG TOÀN QUYỀN ĐÔNG DƯƠNG

Tháng 9 năm nay ngài nghị viện Moutet nói với tôi: "Tôi đã vì ông hoàn thành nguyện vọng học phí, thay ông trình bày với đại thần chính phủ Đông Dương và đã được cho phép". Đây đều là lòng tốt của ngài Đại thần Toàn quyền hiện nay. Ngài đại thần đại lý Đông Dương Guesde(?) sau này cũng cho tôi biết ý này. Trinh nghe tin này trong lòng thấy hổ thẹn và cảm động, Trinh nhận ơn của đại nhân cũng đã mấy lần.

Năm 1911, ngài đại thần chính phủ Đông Dương cho Trinh sang tham quan Đại Pháp chỉ hạn khứ hồi trong 6 tháng, sau này Trinh ở lại, đại nhân cũng rộng lòng cho phép, nhưng Trinh cũng không làm nên trò trống gì. Nay lại đương lúc nước Đại Pháp gặp biến cố, ngài cũng lặng im không có biểu hiện gì. Trinh cứ lấy đó mà tự nghĩ tự trách, đâu còn dám nhận cái ơn ngoài phận của mình, nhưng đại nhân cũng không hỏi đến. Trinh cũng không bỏ việc học, lòng người không phải là gỗ đá, Trinh sao khỏi không lo lắng mà xao động ở trong lòng. Bởi chưng thân hèn lời nhẹ, mới quen mà đã bàn sâu, đâu có nhiệt tâm chưa hẳn được như mong muốn, cho nên không dám bắt chước Mao Toại tự tiến thân, chẳng phải Trinh đã nhụt lòng nản chí, muốn tìm mảnh đất để chết già ở thủ đô này. Trinh, mấy năm nay vô vô khổ tâm sao dám không bộc bạch trước đại nhân.

Mấy năm nay người An Nam ứng mộ sang đây, không ai không luôn nói chính sách của đại nhân trong sáng, việc làm rộng rãi. Mỗi khi Trinh nghe mừng đến không ngủ, Trinh lại còn thấy tờ Trung Bắc tân văn đăng bài diễn thuyết của đại nhân khi đến Nam Định một cách tường tận, chẳng khác nào nói ra hết ba tình

thần cao cả bình đẳng, tự do, bác ái của nước Đại Pháp. Phần kết lại như muốn bày cách để nhân dân Nam Việt có được sự bảo đảm chắc chắn về tự do sinh mệnh và tài sản. Tin này lại càng là điều quan trọng trong mọi điều quan trọng, như cùng với cả nước An Nam không còn chia ra sang hèn, đó là một giấc mơ thơm tho chứ không dám nói ra ngoài miệng. Thế mà nay một lời đại nhân nói toạc ra sao lại không khiến cho người nghe trong cả nước cảm xúc rơi lệ, tức tốc sục sôi, dù cho có bảo nhảy vào nước sôi lửa bỏng cũng không từ. Cho nên sau khi đại nhân xuống xe người ứng mộ ngày càng thấy hăng hái.

Năm ngoài khi đại nhân sang thăm viếng Viễn Đông, từ chí sĩ cho đến người già con trẻ không ai không ca múa cho là sao phúc lại chiếu. Trinh gần ở gang tấc lại được che chở, đến nay cũng tạm được thanh thoi. Đề xướng ra⁽¹⁾ vì người trong nước mà không dám (?)... Vì những ngày ấy vừa mới bốn tẩu bắt đầu làm thợ, được bữa sáng không có bữa tối, người cho là tiến thoái cùng đường, sẽ trông thấy có ngày chết đói. Khiến Trinh phải dựa dẫm sao tránh khỏi điều phỉ báng, cho là Trinh đâu có lòng phục đại nhân, chẳng qua vì đói rét bức bách, đành phải tỏ cái tình cảm vấy đuôi, mượn ánh dương để tự sưởi ấm. Dẫu đại nhân cao minh không để bụng, mà Trinh là loại người bỏ đi, dân chúng không nhờ cậy được gì. Vốn biết tu thân chỉ còn khí tiết thế này mà thôi, há không đáng tiếc sao! Cho nên đành chịu khốn cùng, mà không dám bắt chước việc vịn xe (dựa dẫm). Mấy năm nay nổi khổ cạnh cánh trong lòng, dám đâu không bực bách hết trước đại nhân. Trinh là loại người vô tích sự, ngài lại rộng ban ơn, cảm động tận đáy lòng, chỉ biết từ xa kính chúc đại nhân giữ gìn sức khỏe, giữ chức lâu dài để tạo phúc cho người Nam, nếu có dịp Trinh sẽ đem hết lòng thành để báo ơn của hai nước. Với lòng cảm Khái, phủ phục trình bày, dám xin xét rõ.

Kính

Phan Châu Trinh

(Chương Thâu dịch theo nguyên bản chữ Hán trong Di cảo)

⁽¹⁾ Không rõ đề xướng việc gì? Phải chăng là việc hô hào người trong nước "tùng chinh sang Pháp"? NBS.

PHẦN NGUYÊN VĂN
CHỮ HÁN, NÔM

ĐẦU PHÁP CHÍNH PHỦ THƯ

(Bản sao chữ Hán.
Thủ bút của Trần Tiêu)
Di cảo lưu ở gia đình

潘希瑪先生書

投信政府書

上高於金樞大臣指斥臣弊其言曰
 聖天子作候補藩周禮為條陳越南是豈法狀當
 見大法國自保華南國以來橋梁道路之修治大車
 氣船之交通以及電報郵信之傳遞皆足和善於南國
 主人耳目也方証以然其間亦有以法以官則官場
 流弊人同之積瘼風俗之奢淫凡開於南國之天命
 朕步一切置之度外唯其敗壞而不問也數十年來大臣
 偃仰於廟堂之上而以虛應故事為恭耶外吏橫肆於
 洞洞而以奔走趨媚為恭能盡意成習之士夫廉恥
 之道喪剝削日深而信義且亡勢絕至今國事蕭條

鄉民流散風俗頹敗祀墓蕩然四十條於國土二千
 條此之國民駸駸半由半回而復迫於野墮位遺國
 內之國士懷國士既偏痛抱殘抱遺消滅之嗚呼
 者志不可測世人之道然而勇於去身海外獨痛哭而
 不為怯以縮首鄉村甘緘默而不出未見一人敢向保
 薩大臣之門投訴滴血書官場之聲鳴當民之苦
 使南國數十年官吏之情弊國民之怨慘不能一率
 保薩大臣之耳致南國今日敗壞不可救療之
 死病固則南國士夫之罪也而亦由誤解保薩以危
 信南人為獨一無二政策之謬也連辭官致

南奔此老民情至弊目見耳聞以及保菲國之所以待
 南國人與南國人对保菲之輿論無不聞而達之不敢
 畏縮觀以自陳保菲大臣聞之涼亦墜淚痛心者皆
 而不主拒也今南國除官場中_外他處無論智愚賢
 不肖皆曰保菲用虐待越南人曰不肖人頗待越
 南人見南國官吏亦以民事為意而反虐其民也則又
 曰此皆保菲國故之歸之使自相戕肉以遂絕其種蓋
 將以為殖民計也故年來士夫之議論閭里之歌謠無不

異口同声南北一轍而又顧其智不足自存力不足自立
則又引領蒿目而望汝不知誰何之強國曰庶幾其素
救我乎嗚呼聚斂十九之國民斂十之計汝高之士而皆
蒙柔之軟不能相讓相親相生相養惻然於強
桎梏之僇勝劣敗之世界計無此出而為步如解如
夢之嘆語其民智抑亦可憐矣然汝十年之策與
智愚貪腐無不卵翼於保其下至于今日使
生計路絕強顏蕭然而此處不可待之下策誰能

為生此為階保其大臣不可不深思細察也
 教諭由其故也三 一曰保護國家容不棄越南官吏
 教諭姑息之弊！從來保護國之於越南大概置二三
 大臣其屬國政府既其大政其他地方官吏雖設保護
 官而勢必不用其國之人以共理其國事治其國民國
 事主治不治國民之安不安視其國主人能才能才否
 如耳南國四十年來國運趨衰上下恬熙恬制萬世人
 才盡絕上步循登積歲以致高位下步每志怠惰時時

階士夫效尤相沿成習其求仕者嘆口起足日伺候於
 樞門其在貴步藉勢擁權肆武斷於鄉曲其他則飲
 食男女之外一事不知農工商賈之間風流自謂此又
 比之皆然下而求之城市之間鄉村之下強以黠如狡鬼
 懦步蠢如豚豕奸貪愚詐貪財小為剝削鞭笞虐虐
 心敢怒不敢言國端人於斯絕步亦自前現狀非敢過言
 以期一國之人也夫以步視方之國民皆悔官民之棄惟是
 雖官則司階範戲然信之於步於法律之下然以強

上於進步之途。應向何處。而於今。已
 日久。非小。而。又。如。法。國。仿。小。平。等。交。而。國。民。亦。一
 此。以。為。機。心。而。心。伏。移。其。國。情。仍。使。自。信。故。時。有。信。官。要
 求。是。以。傳。其。命。令。供。其。租。稅。而。國。事。國。民。非。此。也。亦
 吾。將。以。裁。南。洋。之。南。而。已。其。心。亦。以。進。退。二。大。目。計。逐。二
 官。吏。能。由。去。步。心。步。轉。事。而。來。步。亦。未。見。其。能。辦。也
 作。步。好。貪。無。狀。而。補。步。亦。必。其。原。亦。自。持。也。之。今。日
 帝。亦。到。地。日。招。陞。甲。地。于。地。則。乙。地。給。補。聲。亦。須。原

侍傷牛南園官步見保護防衛而西草青也
 相習視爲同必放肆少高放肆惟日求賄助以得官
 類情多而強情惟日思職點以保位不廷辭車馬
 給其官衙則曰該處政府大員也該南地大員也
 知細舍商賈日明沁外河多此一團一省之利
 而一無所知也何府縣則曰某府官也某縣官也僅
 補租役即據由官衙內外河此一府一縣之利病亦一
 所知也至於苞苴公行錢財之流權則又無上之天下

莫以公能視為官能應以三權利為人所言者為他國
 才越南國人言曰人極低劣民智未開為他教所害其
 起見至少則強顏消滅亦已矣安能獨立千條乎
 此然為南才一大困而生造日繁至今尚龐然為一不
 區也而保其屬地遍行五洲使此置世則人又何如
 而死心相繼也嗚呼南國法律家不平凡而取法於條約
 條約即少制官吏今乃取獨一無二酷慘之刑以繩束
 愚民而虐吏則法相宜疎堪以橫決致使毒流四出

而中窮極則保護之實養育之姑息之弊也

二曰保護薄弱越南國士民致感屈辱之弊一在
國與南國相鄰日久通商之會洋士民之思盡
佔其利而害其無用民之資材也故以報紙傳
書信以及諸笑談論要小厭之害目之野蠻
豚亦不惟恥之而引為平焉而且恐近於汚穢也故
十年來無論或官或紳公罪無罪苟逢法官之

無論或官或民皆遭毒害由貪官之虐工鄉民之怨役
 為法國人所打傷而錫北少又集見也南以傳泛甲乙五
 語眾喻之餘乃人心少無不歸慘憤恨為以法用以會
 數種社也以此求石視我也特斯然也山敢言耳於思村
 民之要知少畏之如天神懼之如雷電懼之惟怨不遠
 而士夫之稍知廉恥者又少士宦者思途惟以密於仕
 進通於身家少或淫之若忘而心還事過清夜扣心
 往往發憤愧語徒以身在其中無可如何習而安之非

今皆盡心法貪而少守已即至今日越南官吏與大興心
 與法官相協見少莫不端々髮々毛髮疎豎惟恐應
 對不合違法官之心以取果也而鄉村之下官吏紳士
 門數步偶遇法國人輒為官為兵為寇惟以俯首帖耳
 疾走而過惟恐不速若懼其將辱我而打我也夫以內用
 之民無處一王而情意隔若此者跡遠若此無怪乎求
 宿敵而日接保護大臣之口而國中見談之士不敢過而訪
 其庭也學詞訟或一見公使而面震目愁悲之聲未嘗聞耳

風雨一遠其耳也。嗚呼！貪詐無恥，罪加無南人夫復何
 辭哉！一國之大，數十兆之眾，山左無一二人可與指陳利害，以
 益於國家，少而保藩圉，一切落籍，中恐相虛會，久相
 離會，深求其情，與聞並見，其難耳。昨接大裁，抄報，謂
 越南人現居日李少約三千人，夫千人中，未必無二人，稍知為
 南當國之現狀，少且其去保，茫大臣與，亦有公使，居遠少，過
 百里，往往過三五十里耳，乃以數千年之心，戶限，國民寧捐
 親戚，棄妻子，越重洋，以遠道千年，不遑問，向黑國，痛哭。

号以此其胸中不平而决不敢向保藩大臣兴公位以而
 一陳其苦衷也則保藩固高視越南國民而隔膜之弊有以驅
 之也

三曰安南官軍因其離日教或虐民之弊一保藩固
 安國南民情意不通利害相絕與夫官吏之放肆既如上所
 陳其然使無間隔乎其間一日保藩大臣或以久居之故而為
 其情士民或不可堪之故而作其弊則西南一待彼此之也
 而南其無所安其奸惡亦必以之而不能而思以離心

已也。又如保其國，官所好也。在牧之租稅，惟法被役
 而其好也。步至阻，威官務糾，累陰謀也。官立於其於
 保其國，好也。雖以渴力奔走，竭竭以死，急制民皮
 吮血，則民骨而亦少。小顧及坐而為其一省一府一縣也
 官勢以嚇愚民，藉威以壓士類。士民以苦而抗，
 則又因保其國，官少累步而誣陷之。曰：德其家
 族，因謀阻，威則曰：謀糾，伸士必以別情，故語相塗
 全與確，保其國，知其安也。信之，因而累身家，罪

案少者，或不知其為而不信，又以其能辨而
 而少之罪也。由是民情愈隔，士氣愈衰，官勢愈盛，府
 縣之間，擇肥而食，凡用詞訟，盜劫人命，諸事無不藉
 事取財，情勢百出。他若問字，僅也。問一者，字問，金案
 也。向以情勢愈盛，由其由官錢取，其就場鬪，問全年丁田數
 目也。問全數，男婦老幼也。與夫保護國官之往勘毀，而
 即之種痘以及貨項，撞載各款，至保護官視之為不
 甚擾民之事，而在官吏一則曰事關交涉，二曰催移

緊急飛飭回出樓索騷然一迎一送之頃一聞一結之間
 而總里之罰款衙門之鄙規里教開結各用例錢省府縣莫不皆然其
 厭感已累累如山矣故數十年來七民間為愁苦
 不堪之事一入衙門官吏每每居為奇貨而無論
 事之大小緩急苟一得保護國官之片紙莫不珍
 若拱璧藉以為此涉符蓋喜其為武先官懷中
 甚而衙門小吏得里猾民見其垂涎群思染指玩金
 銀而都向省以求些小一駟一吻其餽餽而亦足以肥身

則信區周誰：情狀大可見。更從以積威：下不敢告
 訴耳。一二紳士非不知：以身在局外。逆少嫌：多莫肯
 過問。大吏或知之：又以姑息。賄賂：故置若罔聞。
 而保護周官：則以情直不通。利害相隔：故亦不
 知也。至於今日：民信財者。貪富俱用。既民墜陷：殆初殆
 然。然滄紫與事勢變：周內士或唱謠。歐書或
 請廢科舉。或糾集商會。恭祝。報百分：一二年而
 來。又豈其與已相敵也。小所為狂妄。則指為謀陰。其離

間証妄言曰棲保漢大臣耳訴亦妄聞而不一詞也
 嗚呼南國無端為野蠻為半開而數千年文字相
 傳法書具在莫不以棲區為功虐民為罪而官吏又皆讀
 書識字之人何至列官場為市肆視人民為魚肉相凌
 民為狂言目其初為反逆而今則黑白不分是非混亂肆
 行政言毫釐無憚則官吏因其隔膜而離間之弊
 得以行也向上三弊姑舉其一二耳至若官吏之乘機
 以巧亢暴者亦使歐洲枯朽之士百思而不得其解也

愚民從漢之林愁苦。形使歐洲善德之士。為
 而不肖其人也。然此特保諸國。其官吏。薄德士
 民。故官吏因而虐民。身若吏保薩。經理安南。其
 官吏。多漢。少。則小。教。以。生。茶。同。以。利。為。由。賦。稅。一。切。加
 增。搜。役。百。端。清。祀。級。多。分。日。多。皆。因。此。官。吏。虐。民。可
 十。五。六。而。搜。役。因。民。步。不。十。三。四。也。上。南。國。致。于。事。未
 為。耕。農。之。國。畜。牧。金。銀。樹。膠。等。事。業。而。上。共。商。之
 稅。也。少。且。無。過。之。自。未。上。下。怡。然。無。事。苟。且。無。稅。

具事野皆遊情之文債泉不迫而助鑒絕用之百稅
 莫不從輕一遇凶荒姑息稅貸惠民世知不知稅茶嗽
 嗽後哺望全就七至今曉上遊民彌漫全國其政術
 頗施區份之愚情若從未非一日美自屬保藩以來
 橋梁道野之修繕官兵屯堡之經營以及官吏俸祿
 需費浩繁重累巨款而稅款之所入除商賈之稅
 外舍丁田之稅理財之策豈好乎乎議者皆謂之無可
 如何也然誠能為二三智識仁懷之大臣數百廉幹

官更示以腹隆之核柄柄共謀益具利除害
 彼就少用而關其利端等其生理能後徐而稅
 上利於國下惠於民又未始無道其也今乃以官更
 必能鄉民多誅故而行一切之政小同田之廣狹肥瘠
 丁之多寡貧富而一律取之今年增一分明年增一分合
 年加一歛明年加一歛保其舊歲以少白是固之與冬心
 力而為之官更又以少而求官之為竭清血而足之以目前視
 之非不易白且多為錢也特恐竭澤而魚他日難為其

傳耳保其國財政之科最精算法統率一省土地產
 物之可出先何人口衣食先何人身雜用之消費幾何
 租稅之輸納幾何試一和盤打算則財稅之伸縮因
 生之舒寬瞭如指掌矣鑑言之也其他稅務權於
 官吏民力用於搜括產物耗於天災不知紀極而遊
 情之濫食當知陰消盡溢也故而歎民之不困以必少
 抑亦難矣至於搜括之弊亦多不勝言少按兵丁一名全
 年身稅外公盡四日公搜中日其餘為役皆為雇錢和

亦無其用於邑乃然由鄉村之同懷之懷、始去彼還道
 助於極全無寧日加以官吏稅中作弊故彼起於
 移甲就乙上下其手一經所為其始也官以錢雇民其
 終也民以錢雇官而廢業傾產以之知凡幾
 而所謂雇工錢和買錢皆為衙吏所侵蝕貪民終
 年奔走道路借因權勢而工錢之割手以過十之二耳
 廟側至巧也求其小派亡以去少抑亦難矣夫以南
 今日之國民盡苦廟連索若手馬任人驅傳任人鞭

官口而不言垂死而不恤臨之以保其國之威勢重也
 南國官吏之惡口鞭朴之下何求而不為富強者出驟
 貪貪少厭用性而柔少流而乞丐強而黠少變而奢初
 喪年之後陶里迭條老幼轉死心死於從卒則死於徒
 流心死於道焉流離則死於官吏之迫勒至於田去
 人耕後無人收租稅無入出之日雖剝皮割膚亦徒
 使之為美洲征夷之續耳於是殊母道也嗚呼法皇
 御世第一為教日由大使歐人嗜一口吻至於今

不絕至後敵如左一語又為法人婦孺所涕泣
 今乃以血洲數千年之舊用一時處於其國疆下即
 困苦屈抑而不能自伸保法大臣深亦傷心慘目夙
 夜焦勞思所以拯救之而必不使長此終古以傷大法
 國之名譽為他人開口舌少可知矣夫南國官吏之
 弊賦役之繁人民之苦亦已甚矣而保法至今若不知
 抑亦晚矣近來南北傳說留法保法總理安南政
 策一政方針整理民數由南一傳以合於北固長

久矣。然申鑒。國東京。乃振東洋。全振大臣。於
 東京。合議。一則曰。宣德。南人。二則曰。開化。南人
 若。政刑。律與。學。法。其他。諸事。或。多。由。而。於。官。吏。賦
 役。之。情。弊。一。不。以。法。而。日。程。主。掌。法。也。論。東。洋。之
 事。評。之。數。多。言。賦。役。之。弊。言。之。疑。而。獨。於。南。國。之。官
 吏。則。以。為。非。不。復。法。南。之。舊。法。則。不。可。治。南。國。之。民。其
 見。解。之。誤。亦。可。驚。也。夫。保。護。之。用。官。吏。以。壓。制。南。國
 之。民。非。不。事。且。久。也。官。吏。藉。其。威。勢。為。保。護。結。怨。

於民也非小誤且重也至今謀興利而不先除害于害後
 而不思擇官事未見害小除而利事興官不擇而取
 事治也夫以南國今日之民且夕待死而官吏除傳命
 令供索意外一事無所知保謨大臣必欲強之以
 新新政政不視為具文必吾為壟斷徒見其厭飭
 了爭海權官民耳施五采於糞土墻羅八珍於
 塵埃凡幾何其不勞且拙也去而謂寬待南人也南
 化南人也又何異恐重禍之啼哭而語以餅餌悲哉

臣為盜而與_三鎮山_三金龍_三呼通足以_三洋_三多感而
 垂涎以死耳其於經理安南_三政策未見其多神也然
 申細題保護_三政策又似懸南國_三士民陰固抗拒款藉
 官吏以伺察_三刑罰以脅_三此徒患士民_三氣而長官吏_三
 奸耳於事殊多端也夫廣自由謀獨宜駐為人奴隸以
 此而多歐洲國法固其理也以此而多南國_三士民見猶
 多廢疾_三民以戮_三行劫_三多三_三步_三重以放火殺人徒
 見其多_三耳南國自來學術_三以明風俗大抵_三康莊_三豈

見此亦絕一魚一蟲之河自初漁肉同族同胞之內心
 仇讐一旦苟且異志各滿其志土地之何區也無錫砲
 子等也無資財之何供也即使保其法假其心數千之
 餘砲盡以盡省土地傳自初為守莫過河不出數
 年不自初報讐則立初時長不錢財初奪則歸位歟
 凌必自初殘殺以至其死而後已決不能一日生存於今日
 世界也如何迎其與誰為敵乎
 夫安南士多不能以為國盡其力而求其利而謂果與

保護同心一主偶俱世猶生死相信則天未必然事也
 十年未安東肆慮愈甚宿民積怨深加賦稅
 繁重早潦災生計既宿死亡迫一周周困窮
 所以終至今怨聲繁興人情洶洶風聲鶴唳動輒喧
 傳特無所因以敢記而與俗吏為難耳一旦強鄰伺
 隙而發彼所相指貧民素困而為犯會少初余以取
 私財強少殘殺以快和憤而後吏又祖其強弱以為
 由皆大勢既去羣忌多生急易主肉奴亦甘心而小

則安南今日之隱情也。若以為與保護地無異，則力以權計
 低為生南，所請者多，事務恐舉國之人未必公認也。
 雖如此，亦固於聲政，居於積威，無有奈仲和事而
 老隙耳。非南國之人皆貪矣，而利也。保護地能
 翻然改其政策，擇選才能，擅以極極除之，以氣示
 以誠，初與此步，謀與利除，皆謂貪民以生，其意也。
 與仲和之說，極極極，以達其情，明諸四以清
 吏弊。他若改法律也，廢科考也，興學堂也，置修書

司也。如師範學士也。以至工商之學校藝文科組。及
 其法莫不吹以弟。改良則民生學士皆少。用惟恐法人
 之棄生南而去也。而誰與為難也。嗚呼。以南國今日民氣
 之望。而民智之黑暗。觀之歐亞諸國。於猶小可。以道
 里計。為今日計。惟吾能。師我少。則弟之能。也。我少
 則子之能。也。他者。有相信於親。庶存片土。以延殘。類殘
 喘於地球上耳。當東南角。以吾往。而非倚賴也。夫倚
 賴一也。而謂於甲為榮。於乙為辱。必歛陰。延陽。設無

昨慮苦心極甚。少頃頭暈。小兒頭腦流涎。夢
 汚暗。世色。西朝。棄。為。蠅。蚋。小。吸。狐狸。小。食。
 身。以。易。少。百。世。不。親。奴。位。而。後。快。於。心。也。南。國。人。家。
 嗟。心。病。狂。必。不。止。此。所以。不。敢。斷。言。少。觀。保。漢。國。謀。
 所。不。能。為。國。事。何。如。身。卑。悲。憤。切。胸。莫。所。告。述。
 松。是。直。野。姑。王。都。玄。保。其。西。大。臣。而。誠。心。適。德。尚。
 國。人。也。必。能。諒。身。之。心。樣。身。之。言。許。以。階。前。一。望。經。年。就。
 向。得。歸。心。聲。吐。肝。膽。指。陳。初。害。康。國。民。之。起。死。回。生。

望南僑之幸也。事之難也。若始終以應待南人而
 獨一此二政策。寧捐四十六萬里。國土而必殺二十
 餘萬國民。以決。使南國士民。吐。播。省。一
 日。則。法。德。卑。以。衛。權。眾。望。里。事。以。誹。謗。律。械
 繁。生。前。陽。鑲。在。後。係。國。內。智。能。者。歛。足。誠。口。知
 所。自。謀。勿。效。事。唐。突。之。妄。言。以。取。罪。矣。也。則。南。國
 之。事。而。示。身。之。難。也。惟。保。護。大。臣。命。之。
 先生。在。乎。能。編。至。少。其。條。具。在。他。集。
 王介民啟

HỢP QUẦN DOANH SINH THUYẾT QUỐC ÂM TỰ

(Tài liệu của Thư viện Viện nghiên cứu
Hán Nôm - Ký hiệu: VHv.224)

合羣養生洗國音序

潘序慎撰

國本爲國誌記世地球歷史民族群羣大甲。赤腫發墨欣記述
 歡歌頌發源遠防匪弱以爲壯固法吊立國不遠極坦欣
 紅新群自比至爲吊壞波源連欣記新談如新金法坦
 耳蘇光浩同吊校知吊爲惜吊轉轉蛇枯談尋果特
 楚安傲勝仍凡此談組組創安坦要弱調賦賦計新
 行柳楚極赤正爲主物惜記可崇淹綿外既授瞻上頓
 無而預捌聰眩昧字定臨莊宜別工座切商庄勒務特

春鳴劍辭蔭森嘆列陳格顛頭跪哭以愛吁歎
 外室羣固沒藝史沒業更底何意祀身奇缺坦秩全
 室羣更果趣性歎癰瘡咀品庄朕親如倡議堂正室取
 罕界室固崎貼固蘇歇市市羣吹紅新萬方生沒坦
 官黜沒淵鍾外方沒俗得南北方沒次哨誇說親朋禮
 復文狀稱呼饒朋注博英掩世亦待蘇怡接得外射
 唧說親離上情室周且如方蘇方他吏啟說以軍鑑
 蘇如流呂厥功庄性謀卯驢院室固沒批吊弄情

聯結空區沒費弔昇勝傷腰空區正區休許聯弔昇冬造
 既侍空區沒會弔利益弔昇勝吹果鉤厨佛殿神鎮精翼
 烘希形詔髓變我昇於利減新雨衣求沒取官破
 業其場中底祀沒就機世立响且傳立會併國場學經
 殿儒聖毛田財收西陽睡沒巧還空問談利朋巧際財搜
 擬禍朋巧順財空持以倡還些意空取罕昇空區嘆
 畏秘紐還萌麻糾纓軒斤希請照生昇臨公坦龍踐朱
 毛踐朱及其傷腰抵帝神巧壯間格路箕合薩少液於機

賊棱凡役鞋沛如徐器魏寶補謀算以芳郡博空全况乎
 吏合艾伴無數仍馭^項古初空學識空理想空藝業空功
 德麻朱墨操騰^抗神神澄極特要輸坤鞋蒙苑尼些空別
 瞠矇外夷麻拯^抗瞻悉奴博。意夷^高芳賊仍馭固芳別沛
 哭邨雷肥癯喘侃省麻甌殿收朱同胞些^孫趾^孫轉尼排合群
 營生貼矣枚山固爾拱固意^孫意極拱固志意庄金界艾
 馭固省磨北圻^抗吟^抗吏^抗飭^抗隊^抗學^抗寶^抗波^抗梳^抗变^抗改^抗曾^抗駛^抗在^抗涉^抗
 吞那困數些別浪空固體據嘖叨麻馭安特欄器福組織

文公局朱社會麻輟獨曰排尼底誨臥茂慘蟻意章
 排時極遇異似合團體園寔業異巧義決一鍾於翔慢
 寬吏博三德民智若余群諸楚底响傳意座賊吏似
 仍習倭朽敗徐輟仍情狀困難於檐墨麻提賊堅似
 揆勒權匹嗜嘆踐具文句昌輟碎鑣江城買浩菲牘
 問尋仍文後誦結各士吏外此是款亦諸特抄第則低於
 近我器主會河城廣令益高會特貼抄尼貼前坤製于
 糊信極底出板吏持品勝勝吏官院盤泊君時事資

別浪前對貝前途祖國濕地部冊懶亦拙危座文
 沒眩種雙襖吉光必催組庄據如調特別辰各世紀
 正進危正罨馬其賊傷文明劣傷半開普文鄰院祀
 蹴生存右德所政研美神倭並近解所可決根拂財
 民族同得劣是羣境進化貼落茲沒期新談亦仍
 仇收漢抄賄於鍾漢羣室石門膜涅胎獨廢枯槁
 頓軀膜沒丐眩象濕細室險室危底涎以莊競騰
 恒鼎標沒丐目的室鮮室卒底抵耦趾邊躬奔各

落五車象些拱捲動鼓激淋干溝邊買貼全世界仍墮
 仁人志士逸躬來仍祝難說誤年貼民貼落方院吹卷
 嗚嗒吟愧嘆挽具仍日沒集冊朝墨沒詞報底恒得措
 臥頭挺臥朕步得神落惜不撻苑謝描煙蘇空休
 沒刻希異底選惜希倒雙酣渴吐落空休沒得希異八
 疏意世赤沒得涎果得吻沒得倡果得統讀仍冊貼仍
 噬盤幾半空別異涅粹銘異開珠異涅墨銘異開鼎
 送朱倡貼涕哭涕吟涕腫涕息涕鄉鎮選涕為曲意

此三讀
充棟

且仍攝飲於國體秩且蛇昂載連串國體辭未特括
世亦世初諸作流此神今進解於其流室隊庫中意
得昭強衰創可謂晦暗昧可堪危險轉居洞因
正勞散荒室待諫賜洞如座勤沛計別居冥察特畧
傷害迴雲拂若應世亦仍仇沒冊別家神流諸因傷
境以特沒拂盤曰特沒卷冊鄰特沒洞報辰增畧抹醒傷流
些神沒分洞洞因沒神弄字士堆既當少年增獨立明自出
以庄父氣擊好麻息最咏拾相初既名辭貫底以句

順頤禮著皇辰宜方針指宜目的宜志望忍宜志教野
 此提東瞻更轉西祝禮外祝它冷吃假倣固境地空gong意
 時亦被提枕相傳諸教亦知此辰更魂迷志避相靜躬
 然溫溫徬徨補衽主喜昇祀几底我添氣興果抹庄轉
 辰更界亦諸貨特企款士是世天民吏強道岸常變宜振
 宜屋有路自移人諸：時旅神鏡封相悲歌都挂尔者
 歷別園tuang埋樹延巨機gao獎破教取速寧朱此保救越
 劫漢沈朱同課底園漢楊塘生活業人民救救錄創

光明來祖國女光嘆喂崇淹鴻嘉淑櫻清瀆氣款辰
 賜遙遙草野幸悅得解此遠高吟沒哨諾共忘年
 固得女室此賦浪鍾鏗造培薪垣流棧必就因波
 奔梅山澁外越嗽咀其浪役羽室沛署役還遠夷
 惟惟持旦精神尋旦些又取浪奔梅山拱來句响貼些
 沛為柯漢堯賜亦与

漢東澤金權女許
 四月限滿內書一
 年以志所紀
 有婦日習學法
 三區得精例
 名時正志勤
 字續

只許女下
 致失處
 忠不許
 万難燒
 烟者
 大假

TRUNG KỲ DÂN BIẾN TỤNG OAN THỈ MẠT KÝ

(Nguyên bản chữ Hán -
Thủ bút của Phan Châu Trinh)
Di cảo lưu ở gia đình

中州民變始末記

一千九百一十年廣南省民因役假變波及中州各省市起之辰傷死不少事定後
 凶斬最多事起悅平而慶屬有因兩因之官恩斷其若於是皆歸罪於紳
 士重之以抗稅之罪名加以謀叛之誣陷不待一切嚴囚不待問隨捕隨斬
 逮捕之慘有過屠劫虐待之酷不啻禽獸寬解之聲暗無天日至今事定已歷
 四年政權兩易人人無不拭目引鑒以望昭雪事已經久暗昧彌甚賴不此中人
 頻死不容以髮章家牘恩生親天日抵法以來屢蒙眷顧扪心自矢感激
 不勝積之一身未復何憾顧念南小民即為大法國赤子自有痛言尚宜
 尚陳以微情憫况平日紳士周病相憐無罪罹刑寃既既在或荒或蕩

負日受黷此生此死此未知或毒骨他鄉至要子不能領葬此有公心言之豈指拂此思心膽俱碎此所以日夜嘆息疾病相侵寢不安席食不甘味一念及於此交淚情而長悲也

之脂肱一二為大心畧陳之

因役起變之實証

一千九百八年之民變初發於廣南省之大福縣而大福民又黨同而激變也

是年南正月下旬大福縣知縣某因役索錢浮增民

因前月該縣同知某因役索錢浮增民

此指男同役後獲復則發源

各社民不甘糾合擬復行控某縣員先使赴座收據社民起

此指男同役後獲復則發源

亂此此等持券自來最為凶惡遂獲主款余此公使將委其官往勘未及行社民聞之懼禍卷率

四五民丁約百餘人向使座叩白且指摘某官索據等情弊使宜和展尚祖護

縣官及見人民愈聚愈眾周聲呼冤知勢不好收行即立革其某數員然而
 居人民聚在使座左右已三百餘人候先已三四日矣由是旁近社民聞之凡其於
 家役此等赴使座叫苦人聚既多誤傳益甚或謂公使除稅或謂公使減稅
 以誤傳誤相爭而至二月以後南甯省城及公使座左右人效不下二千以上而事
 變益不可收拾矣其確証一

此中其始起於之搜其後人聚愈多

亦有涉及之稅此至如三岐府一事始終皆因使激變而稅款全不相干其事也

廣南有三岐府河東縣一轄

此縣有兵家屯在仰眉市任來權裁實與月

自來若其搜役不可

勝計且有一條官路自三岐市至仰眉市

此路不四十五里戶數而六七十年隨

築隨改補皆更新

築隨改補皆更新

此事理而暗昧甚深誠恐此事特旨不如此一由地籍法宜於益公致禍出於食粟則侵蝕愈多此一縣兩縣新設則受其害尤甚不若周而改更的一段路此五境以同積重

此事最易曉也。但查該縣以不設役期或半中武三四五月不寄民久苦乏一千九百七年路工由本省提督軍某監築該員貪暴不理人人無不知之自此取勘路徑過道民家分所不至不肯賂為其佳甚打一百鞭以上社民控訴到家皆不為直。禮陽縣勘路社里長結其証他日 監役之居打派民大以致傷死其甚多民訟亦不為直。蓋為該員所佔到省不為直 殿之隣多村迫買之民園土強扒民吏私役種桂民甚不堪此又在所工民園大極是役亦民五百人挾憤群起突入該員桂園行毀破該員督飭兵丁毒打工民乘勢運捕該員赴省。白該員見勢不好逃走而奉縣所衛工民園之一夜又逃往法中大理衛。此次工民因役至一夜明日大理府廳請工民列自欲迎其所衛兵錢多事逃大理知府請候勿宣信代理為之代東工民各乃排列衙門外喧嚷理入內及代理出該員假裝事去走入代理衛民群逐之候就

工民急逐，惶惶而死，代理官出尸相示，且曉諭工民，使為安業。工民僅呼而散，無有言乞稅者。現此則南民苦於搜括，情狀不一，而因役起變，權証不一，至如此其重証二。此廣南省民當從起變之情形也。

按河東一縣，原為南官所屬，後經議設代理以監之。然而政權小既，又不曉南語，故辦難大減。然亦十之一耳，且路役之事，皆由公使為主，代理官雖知其苦，而無如何。且聞此次大理軍厥好，唇公使與南官款，以難此種民使代理官代為辦，故因難而而殺，僅一人耳。

自後各省民因流行路役，素以誤傳，誤謂廣南民相聚乞減稅，已得法官允^{允者}，貧民相率而起。廣南省民以四^四月起，承天省民以三^三月起，安省民以六^六月起，安省民以七^七月起，河靜又安清化亦省民以七^七、八^八月起，或二社

赴縣乞討或相聚三約社而未及赴乞為南宮所捕斬隨即散解無一人赴省此又
各省考辰之實情也 按不必引征據即現向上所陳則此案果為紳士相勝而

否不必自明矣且當辰兩王官盛張其說以為各省紳士暗通消息同起亂意款款

則使賊今現各清陸而起承夫為廣南省且有火車故以三月廣省交作近然無事

故以四五月平定為最遠故以三七月其地亦無是則非先居暗約關矣且民皆徒

手而未有他器械則其無心信和亦明矣

兩王大臣及省安撫置下刑情及案情了懸暗

公使、金悅忙接

此廣南省公使一面將大福縣起先搜搜四五社里長立告廣黃解在廣黃省字
僅一面委南宮出而曉誘及嚴飭紳士向軍曉款一面電催京欽使謂省民抗

Trang này bị thất lạc

其種也一旦以此消息不辦理由饒將就錯由是發覺各省不必以訊一張至意

殺事後劍殺冤情更甚更將日月而各有南人生命死斷送於彼

即利

事怨之下矣嗚呼

士民之涉及商會學會農會漁會士無一網打盡其民同所有學

堂之社村妻婦其家盡行摧破而兵亦乘勢捕掠不啻如防大敵刺

仰士取忌之理也

此則兩省亦何怨於紳士而必死之為快也

案情之暗昧

此居廣南省紳捕監在省自二月至八月惟公使與

南省官往來商確自行結案審案前全不問訊咸之日亦不許知之等後

亦不宣示人民知悉者矣。嘗見某日某人謀亂流某處終身某人謀亂流
某處十年而已。故至今外人亦不業文如何估摸亦有不和所得何罪也

只有種友進士黃叔沅在省監獄中僱人訪得省公所結原案一本令情
仇秋如左 案文 黃叔沅潘莞阮城黎伯貞均係冷色中人豈不

背國人

即潘佩

之不而從乃阮城見他抵家即請潘莞黃叔沅與之商

護嗣而用他去阮城潘莞黎伯貞又設立商會演說歐戰同長
並起標如偽作要所聞則該等姑則得信陰謀終則暗為之資助
雖其間往來信秘密不可得而知而迹其所為如此謂其非有異志誰
其肯信商會則潘莞阮城主之演說則黃叔沅黎伯貞主之即

作詩則有嘲罵字句。向來則強權面做之言。而黎伯貞季弟子
下鄉民村語。亦有以愛同胞為宗旨。三語諸學堂。僅說些多。博學
之詞。雖其間有所智治生勤學。即奢諸事。而大抵以民權為主。受啟人
以悖慢之心。察其情由。定有潘周賴黃叔沅倡之。而諸人為之附會耳。
現下韓民開動。未始非民權之說。為之漸以激成使非

按律重懲。則民人胥相效尤。不免有所政權而後治。切形雅著。且
為此中倡首者。不過二三人。其他知而不首。有之不知。而妄謂其有之。使一展
盡羅法罪。則國家有所不忍。折磨察之。平日未之舉論。明白。折俾局
允。端祖謀。歟。未行律黃叔沅潘堯清與潘周賴同科。處死。終竟

庵阮城黎伯貞杖三千里改為苦差一百流三千里

按此案文為廣南結案三原文未知各部後更有更改何字然類在寬
 倉后諸人解赴寬倉據此地參亦亦曉示云黃潘謀殺必死與類
 寬倉終身既賊黎伯貞杖一百流三千里改為苦差七年據此則在部大必
 示依之矣而此諸人不到寬倉始畧知罪案之梗概而已

又按此案文義不通罪職無理里暗太甚讀之令人無處解曉誠為南
 北有史以來未有之怪案南史昔者示多寬案情類寬亦必與人相供定應確証且亦文從
 十年東用入與傷類如南案之信信實思多不必償律州僚之事以法家俞允印便為案而法家又
 不知信文亦不承甚解一旦偶有奇蹟又吾南官至今此事已成州收入命所在視同兒戲以此案文義
 之不通不通之甚南官指居案不以此從信情清抄內一本大外注東洋后持南官有學識示以端知原案之
 不若也然而自米南人死於此等案不知凡幾矣嗚呼
 且相結案大必以類示

今請逐段注明加以注释以便大德大人一覽而知今日中圻南宮之人品學識而二
十年來之竹管人命亦不以此知矣

黃叔沆潘公黎公均係名色中人豈不知背主人訓訓潘佩不從

潘佩珠又告者舉人一千九百五年以前坐監食廩從學是歲試會下第

不知為何人告覺何事任永欽使備心即蒙放釋後四五月又飭各署四處嚴提該

知之逃逃不知去向長往在智孝勝後一年始知逃逃往日本今尚現拿未獲

此案本省則千民之搜之款被捕結案今案首即提起潘佩珠之背主試以潘

佩珠果以此案折涉且何以知此四人之必從潘佩珠未見說明其案情為甚

理於文義為不通不難解六一
乃阮城見他抵家即請潘公黃公

與之商議

謂他抵家去謂他未去日本前抵家乎抑既去日本後逃而

而抵家乎且何年何月何日何不說明不可解其二 若據下文說明他去

四字即知未去日本前為抵家矣然他未去日本前現為舉人未得罪名

果他抵家尚得何罪果爾則不独阮城及此三人得罪何則他未去以前

即因于陽家他抵家都未見國遠見他為抵郎住京欽使查不見他抵矣

而人亦無論也且抵阮城家與阮臣之搜何于未見說明不可解其三

謂與之商議則商議為何事未見說明竟爾混會且商議由臣之搜有相

干亦未用說明不可解四

據汝名憂嗣而聞他去玉潘公阮公黎公又設立

商會演說政體周旋並起據此偽作夏所用 廣南商會仲士立在一九

自五月至六月

百五年開張在會安會與公使座相近且合股有本省公使及南省安文批為
總又商會北圻各省俱有之非只廣南籍商會與即南會及平順商
會至今猶存則又何說且商會與儒佩珠一事為民之搜一事有何干涉不見
說明不可解也

演說

演說會務

所倡係此長示鋪大必飭省安

轉飭社民立小學堂北圻多有之中圻全無飭社民向侯座之憲飭社民立學
堂公使答民謂學堂則立否則已且亦無教師由是通行社民演說立
學之益五六月間民立小學堂及法文學堂約四十餘所且演說者或在
省城或在各社亭所積本籍同東縣則演說在孔廟為代理座約二萬戶
設法收居亦極明之且演說時儒佩珠一事及民之搜一事有何干涉未聞說

明不解五

歐粧

南王自來穿人上衣服多用中土商德沙有同科

既增物價益貴富商多買以下等貨元上貨失分多而服易弊紳士知其然相約

日常往來易以歐粧蓋以價廉而貨美且便於作事此端信歐粧會一意也

且此等惜費事情即欲歐粧端涉何罪豈此等歐服為大法國所禁

乎嗚呼歐粧而死此等業為千古僅見且歐粧為清佩珠之事及民之搜

事有似十陵未見說明竟尔三年入不解之一同名並趨宜滿佩珠去日本

在千九百五年而此諸事或以五斗六斗七而日用長然則該省必不知清佩珠去國為

何而欲使脂粉密提電示我忘之矣不解也仍錄焉 閩人黃又安人潘

廷公手下人自公死後流落四外既老且有烟癮何靜按察高玉醒挺監

在該省嗣後各省伸士必死業郎有名夏開用四字至今無人識其面共且需
 南省如結案辰名夏未常解赴本省人之無不知之則名夏開用何知得來
 且既云以夏所用而為夏開用而不一般此等結案誠為千古怪見藉謂上
 所說即為夏開用則商會演說歐莊是人人共見何待名夏之開用不可
 解也

則該等始則糾結陰謀終則暗為之資雖其間往來

書信

不可得而知而迹其所為如此謂非有異心誰其肯信

大白陰助而曰暗往來書信而曰秘密不得可而知則此事為無人見知是

其確証

南官何從分其始終乎且始於何年終於何居乎且上文既曰

陰曰暗曰秘密不可得而知而下文即按曰迹其所為如此所為如此果何

所指乎抑指南會演說歐戰為所為此乎果尔則此三事明、在人身
 目無所謂陰謀所謂暗害所謂秘密不可得而知矣抑指南會為指助
 乎果尔則仲士自任陰行分斂手持而贈之不示便宜乎何必立商會之列
 姓為何人投股于會內得銀滿成籍冊且乞公使記以為憑是何為者要
 有以贊存助南人作賊而反法宜乞為証記即想廣南仲士雖不智亦不至如是
 之甚南南會之特言此語今至是乎此一段於案情為無理於文義為不通不
 可解中八 商會則潘莞阮城主之演說則黃叔沅黎伯貞主之即
 如作詩則有唾罵牢籠之句寄書則有強權面敘之言而黎伯貞委弟子
 下民村估團亦有以愛同胞為前導之語

唾罵牢籠

按甯后平定省課士子辰有人作詩以嘲之中有句云長此百年甘唾罵更知何

日出字電

全章云世事四散已一生江山長遠天難滿家如隸隸下八股章又勝於事
諸君未必此三與試問斯言有一通

此詩為嘲科舉而作意謂長此科舉至於百年則百年甘受人唾罵至更知何日出
此科舉愚民之字電哉

南官指此詩為此故人所依故云然依詩亦無罪

之理由且傷惻長事皆詩文亦有今東西文士之常事平日詩文往來如此又類投書

全權大臣展及登報章亦屢言之矣國家果以此為罪不待民之搜而類已集

首百刀矣引此以為案不亦奇怪甚耶籍白有權無理欲罪則罪然亦為指一

句為何人所依豈四人共合作此二句耶且此詩與傷那珠事及民之搜事有何

干涉乎不可解九

強權面敘

此在黃叔沅補在監獄中儒

先寄書云大兄平日屢款與權強而敘今何不因此言之

此書原通今尚在兩處外報
若此卡中竟云云

此書為監獄搜獲南官校引以為案

此書中云強權公使也若云公使有

強權也黃叔沅

沅平日款見公使以許人民疾苦公使不肯令何不因被押屈公使訊

而言之黃崇仲士居惟被嚴捕而意中尚謂法宜必有公平訊故云然此書竟更

盡其明白而南人稍識字讀書者不知之而堂一省大外又不能能通已為

怪事而又罪人亦不怪且指公使乃有強權而所以死而責古今市制權

果歷史上之醜史倘果有此等事即南官之學識不通至於此其怪乎其敢於殺

人也此一段於案情為無理於文字為不通其此卡為民之搜中何年所不解十

愛同胞為首旨
讀至此句而益嘆南生人心已尽死矣且此語尤非人類之蟲工

流人所宜也。滿口說作堂，大官為民上乎，嗟乎南人之退化何甚速也。愛同胞而可也，則惡同胞為大功而殺同胞，必受無上之讚美，有是理哉。然而中法、甲午、三四年來，上自大臣下至小官，無日不升官進爵，人多為之。今亦可以了。然愛此等西讀東西諸古^今天，今僅一見，不^可解^十二。

諸學堂演說皆多悖妄之辭，雖其間有清明智治、生勤學節奢諸事，而大抵以民權為主。蓋啓人以悖慢之心。

悖妄之詞，果何詞乎？雖曰皆多，何不試少指一二詞以為証乎？既不引悖妄之詞，而下即曰清明智治、生勤學節奢諸事，而下又誣曰大抵以民權為主。雖然則謂

此等事為悖妄之詞，抑謂各事為民權之妄乎？且此各事何以啓人以悖慢之心乎？且此各事與民之搜有何干涉？不^可解^十二。

察其情由實自潘周植黃和阮倡之而諸人為之附會耳

自案着至此未嘗引及^之此名行為忽挿入潘周植倡之一句藉謂向上所列
皆^植所倡不當列敘明白何必以此吞吐且^植所倡有與乞搜事相涉否何不說
明此一段於案情為無理於文更為不通不可解十三

現下賴民開切未始非民權之說為漸以激成

此案原為民乞搜而起則案中宜以省民乞搜為主逆腦而列其紳士誘民作
亂之實証然後下以案斷定罪此結案常例也今案中自始至終全不涉及乞搜
一事亦忽挿入賴民開初一句又為罪於民權之說而中間轉語最為緊要忽作
莫須有之詞而曰未始非三身然則是耶非耶何乃暗昧至是耶此一段為全案

業要處生死關頭而悠移不定於案情為無理於文法為不通不可解十

使非按律嚴意則人民胥相效尤不免有修改權而後治動形難著

按律重意

意則重矣誠現所按何律肆意殺有周特荷則決治無

難著矣此段為案中斷語然試讀自業首至此果有何事與談治相干

涉不可解十五

且為此章倡首其不過一二入其他知而不首其有之

不知而妄相共有之使長足羅罪網則不家有所不忍

此一段為案中贅語奉款討好不強深不但謂不忍尚且以此一旦忍之則

將如俄羅斯之遷波爾塔及之逐猶太矣嗚呼

擬應察之平日參之衆論明白此指俾免端

此一段無關輕重然亦流昧之言不可不

所謂察之平日則平日此謂人果

有何犯奸犯法事乎果有剽人取財聲名狼籍乎果無庸說不有人之乎支將如何察之乎抑使

青犢兵安率數十人如狼似虎之習兵突入人家傾室倒爨見物輒取搜及
鷄豚即謂察乎

所謂衆論其抑何所指乎官論乎民論乎謂民

即則被捕之衆方將呼号於鞭笞之下敢死主是而主不暇要佔有論未被捕之衆

則歛恨各主是而主知村在何日又安得有論謂官即則不過二三富家為公使一

人或作謂市中有論焉否外人不得而知安得謂衆將毋效古人謂三人為衆

耶白謂謂明白果明白乎謂之小果有也乎謂之免焉果允當乎且明白

而暗昧如此不明白將此何有謂允當而不平如此不允當將伊子胡底耶

謀叛未行律黃公潘公清與潘周顏同科外死皆官也布院城黎公杖一百流三千里

祇讀此案之自始至終果有何事

與謀叛相干涉乎不惟

不干涉且所舉

六事

皆利益為人類生存之必要

不可以一日無使將以上所列各事

而外

一有涉及即行外死則由其生又不以其死之且將上各事而外禁之則南人除盜

劫乞巧及乞哀作依絕無復生存之路天下豈有此盡惡無理之法律乎

然而在今日南人有恃無恐則敢公然書之案曰律律外死則無忌憚

尚可以盡即南家學識如此心腸如此其怪東洋法大必能私保護萬將欲

增其權使之日以漸割南人為事至今人民冤訴海底怨毒薰天而

有二三仁愛公平之士必欲別立審判庭則又百計為之障礙也嗚呼

Trang này bị thất lạc

此案之奸情及其理

是辰省民乞搜累及仲士捕監在省自二月至八月始行信

案則此案宜屬乞搜一案今於乞搜一方面全行抹却而以與潘佩琳通謀為
為端說奸一

既以與潘佩琳為正案則為引通謀事實是為証

今所引如商會演說歐陸學堂開智治生勤學節奢愛同胞各事為

証果亦則非惟無罪而且有功忽以死罪奸二 廣南又安河靜三省仲士俱

有據夏所開而洲詞則既不明敘而名夏自未一將出以為對証奸三

是底廣南仲士法底南安均以為為同罪同案並又稱各首一律結稱案兩審

得釋則其他仲士各案亦宜有審安有為省共已蒙恩釋而為從共

反置不心乎前次東洋大風為中所折兩王大風瞞過不復而審奸四

請列奸情理由如下

此辰住京欽意款盡殺中所有名印士捕獲最先必斬最速幸賴東洋法志士相救得不死全權大必又寬減等流寬論欽意無可奈何故於他省印士故意延監以便尋事羅織延至八月之久最不出一毫實事而志則欲置之死地而後快於是不得不以與潘佩珠通謀相連蓋以潘佩珠每保後不反對之事為母王所知遂以萬里事屬暗昧不至遲延人為最便從中尋陷一也

此辰公使尋欽使令嚴飭南省以暗中尋事誣陷印士必置之死無如南官有計不得一事聞此辰南官捕之搜負有餘械其手足繫監士每打或嚇以處斬斬至三人負民呼者皆謂自作自受亦無一肯聞其最後有一負民洲某伸指使南官大害急於獄中

一千九百七年^{即光緒二十三年}得獲備廷逢公手下獲將名夏既老且結^照最擅烟德絕技初辰
 威嚇取供他全不言^即語亦不置誘以甘言賜以酒肉賞之烟片則對燈炕^而而談
 且回南^先士夫所謀^是候^是不知之按察使某聞^為青厚^供持^以珍^之若提壓千金不
 易也^{先是}張新靜省進士吳德廷為該按察所誣陷監究一年全無證據冤聲沸
 騰東洋法日程系為^代鳴不平該按察因^其置^然將放釋矣忽聞^名夏言^言甚
 暗中私鳴^誣候進士^而備佩珠^而名夏亦諾之明日針堂於監中^級出^候進士^而
 名夏對証又請公使親臨自行^以訊公使聞^亦心嘉其能^亦不^不因公使親^以
 該一如按察所教以答公使^使復^使該^使何^使知^使之則答^使按察^使之言公使

大老為日拷察家教汝何以相從則答不從則每烟片其且無酒肉公使漢所
汝既相從今何以翻供曰証証冤死人耳兩王官無奈他何其乃投之監中而頂
既與妻子復無家子今亦幾以地獄為天堂矣

自後凡中折者有紳士死案均引名夏河詞為証不錄出該名詞因又不引
頂對証以此三也 且此辰植隨植救蒙恩不死然案則机密大

起糾欽使犯及而全權大臣亦已俞允則死雖在帝供身之罪為幾已鐵

案如山不可破矣兩王省長以各省紳士請立案後皆以向藩佩珠為正案而若

於定是據說恐誰能成誠且也紳士多屬植同學與植朋友日常往來主

之以為植司罪一語以便事入死之案是其所以也

慘殺情形

各省 尚辰等起訴殺顏多但其今其事多為偵所不知或知

而不能詳今請將進士陳季恰一案詳陳於本並加白以供大人現覽
試一過目則中所有來里驛之情形不亦可知矣

廣南省進士陳季恰初為本省升平府教授一千九百七年轉補慶和
省某府教授抵賦以後演說立學之益勸人民廣立學堂初任法公使與
南省巨頭嘉勸之迨廣南省民肇事雖有波及此省而慶和省則人

兩審廳判則各處以案今又成疑獄矣蓋為省既經放釋則為從升
將不至重累矣果尔則昔日之放死之亦不啻死生之異域故檢
伸之案至今兩王互相隱匿不肯一為援手以此回也

民孽壅如常刑因誤省用意而不必用心陰險竟將教授員逮捕投監
未及一晝但全無訊結案必死就她立失聞確初聞案屬南宮道王廷
結案必凌遲後改立失失津渡未及一點鐘即接全權大電為解赴崑
崙而無死者已不可復生矣至今誤案全所浸浸不復宣示人知戶省亦
不許家人認領長有家人相從夫後不蓋在何處嗟乎天下安有制世人命屈殺
志士至於此極耶
此案之冤情甫八

誤進士品行純潔學行兼優事母至孝為廣南紳士之冠士夫從學其
不下百條誤進士死後門下各士憤其為譽各省人皆知之且平日多著書勸人向學
勿徒望外為益有官言之且敗後為同僚抄集似此人品為南不僅有無罪屈殺

寬一

演說向學 初立學堂是教員必有以致之此長鋪全機大邑

經飭省必轉飭社民立學是學堂為王家之功今以此原殺寬二

且也各省公使及省必所以重罪紳士每如與藩佩通謀及陰使省民玩

搜二事然各省亦各有就地決諸死矣立斬矣今慶和既無此之搜等事

維省必如少誣陷而無死理今竟屈殺寬三

且也南王法律無論何人惟有作賊殺人始有就地正法然除臨陣拒捕外

亦當三四日以成案先行決今該進士無此等行為全無訊處亦悖

殺寬四

且也南王法律科目中人除作賊殺人外無他罪法即使得

眾不須解赴京師三五次證據確實然後奏聞定案昔年廣南省趙兵

與大法國相拒三年後經捕獲_捕近解來京是案_案今_今漢進士非惟_非無_無作賊

殺人等情且現在朕奉公不_不西_西居殺_殺寬五

即該省_省因_因謀_謀誣_誣陷_陷以_以暗_暗昧

之事亦當_亦近解來京_京實_實是_是年_年廣_廣美_美省_省布政_布黎_黎就_就深_深仲_仲士_士阮_阮島_島未_未知_知他_他何

情節_情即_即以_以死_死罪_罪然_然亦_亦近解來京_京訊_訊至_至三_三四_四月_月然後_後外_外斬_斬且_且廣_廣美_美省_省少_少有

閑_閑動_動猶_猶且_且從_從容_容解_解京_京信_信案_案今_今慶_慶和_和省_省全_全然_然無_無事_事未_未知_知該_該省_省以_以同_同何_何事_事何

意_意遽_遽如_如此_此竟_竟余_余居_居殺_殺寬_寬六_六且_且南_南王_王法_法律_律遇_遇有_有作_作賊_賊巨_巨劫_劫殺_殺人_人請_請寬_寬

斬_斬梟_梟二_二百_百方_方許_許領_領并_并此_此等_等野_野棄_棄法_法律_律至_至今_今文_文明_明人_人無_無不_不笑_笑之_之其_其他_他隨_隨即_即

許_許戶_戶親_親立_立辰_辰認_認領_領今_今該_該進_進士_士果_果得_得何_何罪_罪加_加倍_倍慘_慘刑_刑匿_匿戶_戶不_不許_許認_認領_領更_更為

野_野蠻_蠻！野_野蠻_蠻寬_寬七_七南_南國_國自_自來_來無_無論_論何_何案_案如_如決_決即_即將_將其_其犯_犯罪_罪

進果得何罪如何決屠殺之後任三四年業文一印後不宣示至今竟沉
 底人莫得知冤人有此八冤刑罰之事莫不一聞而知百而了而相保
而此商不為良耳相隱匿莫肯居主罪皆望乎刑罰如此而謂死其瞑目於九泉
 因死心於國固不亦難乎如此冤酷千古僅聞其難怨惟舉南人而半其之
 而野火燒不尽春風吹又生後路其理伊于胡底南人生命不其危哉
 省城江故疎沒此樂之好情此案之冤情既歷之明白如上所陳至然
 省兩江廉果何怨毒於該進士而必死而後快也請摘登其好情如左
 慶和省布政使范玉廷故訴殘忍人所素知久隔成途不傳渴望

升職一旦得補慶和省布政而心猶未滿也聞鋪大必頗有愛民心屢飭明
 民廣立學堂又聞評各省紳立商會該省必居心較作念我希治漸大必
 希旨之功於是而區飭各社民立學堂又委該進士陳教授勸民立學該
 省必立學堂立農商會招人招股未成又於平順省商會該省不招股
 合商及聞廣南省民之搜事赴各省學堂商會中人各行因戮該一聞之下
 惶惶更甚又恐因此失職有計羅賊飲委其罪於該進士以因自脫奸情一
 又恐一旦解京倘有聞訊涉及學堂商會該進士聞報累及該省
 亦不如此而移立殺以圖儆口奸情二
 且也此居任京官暴虐太過未及
 計較以刑為威電飭各省一切造德自來南官升官連累如前南人與汪次民洲
小者查如南必有一番升官進爵此事詳

見則爲之。今已誤創而不敢不以事而外。惟一。而後。致使此。及。其。使。處。志。亦。未。明。言。其。殺。後。而。南。省。求。求。金。有。其。創。陷。此。机。會。一。觸。即。然。自。此。此。非。此。一。次。嗎。呼。

南省求以此机会。主轉念。與其。不。全。權。一。好。意。未。必。以。功。甚。且。有。罪。希。欲。依。之。暴。怒。非。惟。免。罪。或。可。邀。功。且。聞。各。省。推。用。身。肉。手。殺。止。得。五。切。机。會。而。已。省。家。實。無。事。未。免。向。隅。於。是。脫。罪。心。焉。求。家。念。合。而。作。惡。而。進。士。更。生。理。要。果。之。說。省。家。一。殺。該。進。士。後。立。升。所。靜。省。巡。撫。聞。該。省。到。彼。省。斬。殺。亦。高。至。今。未。審。已。升。至。何。賊。矣。奸。情。此。次。各。省。大。以。不。肯。易。殺。故。據。野。甚。多。事。詳。別。篇。

惟。此。南。省。惟。依。詐。金。欲。使。誰。暴。怒。至。言。假。公。使。少。有。仁。心。則。南。人。亦。蒙。其。初。現。平。順。省。傳。而。公。括。欽。依。金。不。肯。殺。學。堂。破。商。會。捕。印。士。且。以。辰。奉。省。南。省。希。欲。使。皆。尋。事。羅。俄。奔。省。人。法。務。重。業。公。一。切。嚴。據。不。肯。記。名。且。代。為。外。白。平。

得放竟能保全一省至今匪報（後）者道於直法安戴（後）誠有若父母（後）

（後）示起而惟辦公於公為首首志民不報
其否公有為之鳴呼仁人其利濟哉
至今（後）無聞公（後）未嘗不鳴風送祥雲不置也

嗚呼公其大法圖文明之代表哉惟於今日甲州之者省公使其公其幾人哉其見識心術

不與南宮出二賴其有幾人哉 且也自來者省公使非法之事往迫得南宮出

頭（後）示稍存公理之南宮方得稍進若居族許
南宮則在若若先立金其所欲不傳也
事賊則切為已事發則委過南宮此等見解

已耶一日光烈之業但知南律也抄公使益得所藉口矣嗟乎殺人無罪而且有如人

將仙忌憚乎由是公使希欽快之旨以求升官南宮又希公使之旨以望賊以從此

今兩公亦希望富貴之熱念解而作惡而便進士益無生理是果也一殺漢進士

之後而漢省公使更先便省公立見升遷矣奸四

且也該省必殺該匪去後省城內外竟敢講騰又接全權大臣賊死電
該省必自知的。各紳莫如深不肯宣洩又惡件從人這番在公認領葬
偶滴風般傳播遠近必有一番轉葛從此列臣一室還解回籍不許逃
領尸首並由外此奸五

且也此次事起後東洋來公各日程多結

公論摘拾其奸後論沸騰從此兩王相隱匿一梁派後而該匪士見
殺之理由及番后死之案云一切匪役不敢復有_行宣揚矣奸六

有賊六奸情化如其事其莫不憐其冤而自來兩王相隱印莫肯為三角
審知雪若以此次流案_兩省必今已用后且得升迁一旦用審奸情悉露必至
得解不枉且因此罪及各省以此次以多殺得咄咄亦不辱連而及之官場局面

以至一番變動而今、南宮又皆隱在法家、肘下各有根柢各有附屬因殺
人而得無咎又法家之所不許也寧志士含冤寧丁民嗟怨寧因此而累及兩
王人親愛、感情寧此周而集兩王前途、障碍而決不款以南王仲民效百
餘年冤囚、性令累及南宮、毫末權利至極墜落以示我即翼言不見大
也惻乎悲哉

向上三案故舉、所知較詳者言之今又請舉端辰各省冤慘、據稟情形為後所知
而未甚詳者及事後所傳聞共一二畧敘如左

廣南省

一 臨辰縣死及
事係此大

端辰聚在使座左右辰為習兵所趨逐殺死共三死事後

死共七死未詳或言五人或云六人今尚未詳

此次廣南省民是同治後

非由抗稅本省^{公使}知事非在民頗有自終之意且此次貧民在使堂乞搜聚倉
 穀多封於公使稍在秩序有此二理田故對待之法較之諸省則較寬矣然恐
 至重如紳士斬殺人民則一由^{法家}款掩已過一由南寧希旨藉事報怨此又宜為
 望^{奉還}

辰情形也

二解散商會

是辰廣南商會立於會安廣南

南寧阮贊及舉人潘堯

主其事是辰移業以阮贊年老^{七十}免議潘堯

死流寓商會銀款

^{阮贊}

還合股人等門又合股人上有紳士下至漁家親

股本人皆移業若差自三年以至三月亦有如及本人妻父其還股之辰亦甚

暗昧聞初每股五十元發還辰只五元

^{阮贊}

然股人皆擬^{阮贊}其有敢^{阮贊}亦有不

敢領云不過虛化認領若干而已

三毀學堂擒教師司憲狀

重又抗^復堂兄潘啓年六十餘又抗學堂所^廢貧民^及鄉民^致與二教
連中師共^從端一^從便使習兵^從而^從走自^從抵省^從自^從一日程^從長方盛暑^從不許^從足不許
 復飽渴不許飲食^從鳴呼^從轎吏^從
按奉社學堂設立已歷二年係因畫法宜往
 來店學堂有欲入場^從達現去學堂^從執列^從迎候^從以示^從敦意^從法^從亦^從注^從谷^從礼^從人民
 相傳為美事云此次在省^從維有^從貧民^從聚會^從而^從鄉村^從素^從端^從如^從常^從甚^從聞^從兵^從官^從抵^從到
 稍知^從為^從捕^從紳^從士^從而^從不^從意^從果^從以^從為^從既^從法^從家^從親^從行^從必^從不^從至^從太^從甚^從其^從端^從見^從法^從家^從家^從意^從有^從著
 為^從因^從畫^從家^從也^從故^從亦^從以^從此^從不^從謂^從遭^從此^從巨^從村^從抑^從亦^從笑^從而^從憐^從矣
 豐陽縣富林社設立學堂學童男女共一百餘名男教習師三八女教師一人
 聞兵官抵到學童走散兵官即將學堂毀破武作馬既或作習兵住房几業

諸物半以爲薪其後將該學堂撤下移精別處以爲習兵妻子住其几案存此件
 該兵妻子者係生几及燒突一需鳴呼奇急該新里長黎基干學堂一歛枉解
 省因三年^{外此}女教習黎氏亦不傳解省抵省後爲法吏人某爲之乞行放釋
 補上二事^補所確知者言之其他各府縣該民有立學堂者不以法施
 之即桂山縣初平社陳某稍通法文解法學文^力爲南省^法媒^法僑^法南府用後^法爲^法
 即其家立爲學堂^此辰兵官抵到立殺其家爲兵房久宅任陳某恨適省^法以^法
 爲作賊至今嚴捕未已云其他不勝計矣
 接廣之情形
 是辰法兵^{年傳本省有自傷立}抵廣學堂^中士既目爲作賊^兵其家乘之
 到處如臨大敵除雜學堂擒教師外肆習兵多而不法一事擲畧接廣人民被

惶悚者不能堪茲請畧陳如左

^機本北西縣社學堂門外有鄉民為詐夫妻於學堂設一小店販買酒食以謀朝夕習兵團入該店將酒肉盡行掠去飲啖後又將該店打傷離解後該店逃脫又捕該店兄弟逃解赴省於五月

又於本社學堂內有養雞一群約四十頭以供師餽亦肆習兵逐捕至會又沿途闖入人家肆捕雞鴨^機族兄為禱有鴨一群為該兵打死攜而去該兄使妻子與一弟習兵群聚以鎗桿亂打民人憤恨恚戾至擊事該兵於妻而去

又為本社毀學堂長籍事闖入人家謂之檢察傾筐倒篋無所不至^機外姓家亦為所檢閱檢辰多有奪取財物共

此等所確知其他自有送堂社村皆老駐一二日勒民供飲食謂之飯罰
習兵亦多搜括不勝言

此事自有送堂社村皆老駐一二日勒民供飲食謂之飯罰

速捕威屬

是辰仲士既捕仲士後多有累及親屬即如核堂兄九品備磨既老且病
被捕如苦差一年寓林社里長黎基父黎氏述示核堂亦兄批進士黃叔沅
捕盟在省其後黃灌赴省探視亦知監罰五月教習師阮翰之弟阮藩
赴學堂探兄亦捕因五月舉人潘荒之胞兄亦被捕監案未詳亦有捕及
其妻父并廣南省仲士威屬及無罪被捕監拷打甚多不勝計其案
除仲士徒流外下自二月苦差上自三年約一百餘人開為辰抄葉奇異
業後舉人俱封去外不開逮自其父及百計山部讀書初被為今一員為吏云而逮捕一今至全法
南王有吏以系之他無僅有夫且若不信飭將案辰案詞翻譯乃過目

未幾止人不受受得之實外大也
 尚亦為傷心慘惻矣

廣美省

是年廣美省貧民聚在省城者頗多本省公使以南京

依兵放鎗殺斃死傷頗衆人心憤恨不止月去又聚群爭赴放鎗處群呼
 以未速死以故開死傷兵約一百餘名又聞是辰貧民被死或傷或在城門外
 痛哭呼号而隨而有忽有商政官自知抵省行徑傷民以死傷厭其是病
 者痛呼貧民乃環聚該商車前不使得去商政官停車以所歛貧民丈
 呼歛丈亦入省城語與公使曰貧民以不堪稅役乞減徒手而未別無他意乞
 公使憐憫勿多傷殺兵幸于商政官允之且使中丈照而過貧民不肯歛
 為大官事大官入法公果見允民等歛為大官拒車商政乃置車城外而

入使見城上使人持銀五十元與貧民使交還南政事貧民群呼曰
今城外聚近^北千^人公使若許限^所用不敢受但欲^乞食兵欲^乞餉耳
又同貧民初聚在省舊公使傷逐去且曉汝等若欲革命須待數十年
後以為之今不過尋死地耳於是令安兵欲餉貧民多死傷^此
又聞事後人民死亦多但皆未詳仲士死亦^不配亮命及去差二十年十年共
人其餘^不在^下省者^人
又聞原布政使黎就潔及仲士死^也解案監三月案成在奉省處失得
罪情^中未^知曉其^人類^示未^知但聞人言籍^皆謂此案為涉嫌疑
但此事暗昧詭甚又事屬權要人多不敢啟齒者故無從知其隱衷云

平楚省

該省事雖未續為未詳但聞臨長殺死及傷六願等云云事

後如決約二三千人上聞該省事是後公使等必斬該省總督大臣以此次獲
貧民無知聲事能法而先之無甚害事生擇為首二三人如未其為分別定
罪公使不允電稟撤職任仁共希呂羅激故戮殺厥許云

其紳士及里豪人民流寬希及苦差八七年七八人其業寬否不得而知

但檢在寬希聞見解案六公平有一人業內領謂該名負為首將手

手執地圖入山招謀占據起亂云後相訪知其人年約二十五而皮粗厚語

意誠一見而知其匪解事人必怪之細叩其始末始知該名胡水意家係鄉子不

學前年省鄉試以錢買得秀才一次自後在康生茶居省民事起南宮迎其

為証挺嚴監重業依例家以贖濟秀才惜不肯遂認為肯將此死流寬為
云即此以規則處居各省呈暗之情形不期而合卷南堂平日固以此心腸因此
枝齊更

安省

本後果有新籍否未詳其他徒年堡及在本省共差共約十

餘人

慶和省

該省民一味步業全無動靜該省必經殺進士陳季恰

外間亦涉及無辜共但八九人^老共苦監獄月祇釋亦有罰一二年此

平順省

該省民亦無動靜省必希欽使昔尋事羅緝十餘

人抄業或十年或八年五年不等奉省公使滿而為人平公新新不肯異為抗

者為之。自放釋每人以罪。但有為南安二月耳。

承天省

開幅長亦有放鎗共死傷。茲未詳。或云死一人傷四五人。事後果

有新報。為粵東洋紳士^{五九}詹亮一人。聞徒牢堡。及在省。曾差身有之。

河靜省

聞該省貧民相傳。各省乞稅。獲減相聚。赴縣。致乞。然亦三

五十人。非以各省之多。亦未有抵省城者。

又聞省紳士或囚或斬。事未詳。

狀舉其所知。如畧陳之。

以省紳士死傷。亮詹亮等四五人。格確知其電。

者為進士吳德健一案。該進士父吳連。惠是年現為社部。參知該進士自辛丑

登第後。

^{與預同十}不肯出。在宗之南。南又立學堂。及書社。各中。系于九十七年。為奉

省按察使高玉。體該進士作賊。捕獲。在省一年。先其定。此以証據東京。

法日京屢辦其各陷受罪且指摘該按察為跡外同多有知其冤此意遂不成
將放釋矣今九百八十年各省民起事飲使麻山一律詰招死流亮命父參知不
令致仕嗟乎天下豈有事正明白如此而明日張膽以死為戮

又聞雲南省布政使范玉廷既殺進士陳季恰後立升該巡撫該省

抵位此捕殺四五人但謂人寸其冤者未詳其姓及其情狀耳

其餘徒牢係及在本省者差共約四五人

又粵省

此省民社祗有相聚三社赴府縣懇乞亦有未赴省者又

此省係督大員陳庭朴為人稍明白故祗有發亮命伸稟四五人此同民中無有知斬

者其間冤屈情狀未甚詳服該省刻榜御元謹一案頗知其詳畧陳

水下鄧元謹又安為人皇年為平順督學使被捕交河靜省巡撫臣王廷按
使察高玉體以拐死流荒命維許于何事所得何罪至今未詳然據上
所其冤不可知矣 此案：冤情

鄧元謹縱有得罪然係科目史

又現為督學使使逮捕多居不心而報如進士陳教授則不心矣今見捕解使
以諸解來亦以明估案方為合例否則解交使本省又安省心移方為合例今

惟解必死之

忽解交河靜省必心知是何意見以母以候省巡撫范王云按察高玉體

據月曾報進士陳教授

前年曾任進士吳德健二人別有肺腸故欲使大小委之以審此案耶

抑謂此二人雖心術不正而長於法律可以委之使審重案耶則范王廷以此

陰得察高玉體以陷解獲賊

高玉體為朱清新牙子乙酉年朱清從從仲一起差後知事不職
欲出首而由同高玉體乃以出首使人就王謂請該先說

与法家以便朱公生為該族作謀之使朱公知其相

待朱公信其言從後往地亦請兵同捕獲為親擒送朱公許其事却逆殺之以此以功自賞此事不知其

平日到外人民以惡惡自南宮之稍曉事理者不為其為人勢使何所取而使之審
重業乎亦不以敢於釋人也嗚呼以此推之其冤情不自明矣

兵家投索之形情

又聞此省當居在有乞搜及有學堂之社村青衿紅衣

到處屯駐三日或四日罰令社民供酒飯習兵乘其擾及鷄犬民益不堪咸
思亂還不道之健乘機而起橫行社民皆亂為甚走散兵家抵外則賊又他
往兵家責以投告不日又屯兵三四日為酒飯之罰則去兵亦全無高下不
以接署探為第一策嗟乎人民何辜遭此荼毒至此也至今此輩尚隱伏山林
兵家與之奈何只有鄉民重獲殺者酒飯及學兩層苦害而已後路茫茫其

何以堪哉

清化省

聞此省社民惟有相聚，二社若未有赴省，其後居該公使速

紳士嚴監毒打者打至一二百鞭去，臣頃省布政使阮錄令嚴查該省公見

打者，五封公使謂事無証是而打人，至是時無從人依則即遂不肯查，後

因失病力

今聞府紳士主所

信任大風傳結重案，此既皆官化，亦洲在嘉帝見解

來，西兩臂

皆腔血肉淋漓，多有不能步行，則慘酷甚矣

發配后，慘狀

發配：長各省惟高南紳士稍寬，其他頗有虐待，不至

本甚，惟靜又考二省紳士交兵官押解，無人贈以指大麻，便背傷其手足不

行，切彈及下輪船後，亦不肯放鬆，列械在船輪上，渴不許飲，大風兩輪而卒

濕不為，移置有叫哭嘆痛。

TRUNG KỲ ĐIỀN THỔ THUẾ NGẠCH HÀ TRỌNG THỈ MẠT CHI TÌNH HÌNH

(Nguyên văn chữ Hán -
Thủ bút của Phan Châu Trinh)
Di cảo lưu ở gia đình

中山田土稅額苛重情形

半北西折田種

衆民不堪至今未示人不知之也亦僅知其畧耳至其知中與
苦中苦非惟增稅折亦增田租保增丁折且增役徭力事
蕭生謝亦為之歎此慘此平性急欲剖知之然廣南人清孝廣
南一省言之則中所為知孝一事折則此折不同亦可知身理受平
之大法國人讀是書者未有不傷心泣涕者矣 一曰里役

首名里寄第稅顯及糧稅后則主士界

南土指居田上處約徑四尺其甬尺端而大四寸三分以敬樂也
州田亦一萬而尺乃半五倍於十之要審耳

田分為三土分為六此堡言之耳田分三田則公田私田小田移田庄
田農田山田等田新加下九千頃土則有宅土園土洲土桑土樹土等土並土墾
林土潭土溝坎白鹽土毛樹土不下二千頃頃

河是稅銀則據現在耕種者易估產、或以為稅中、而丁
有全納分共有全納案共有分梁並收去各限以上者不同字面同
全納案共
每畝表則七方十畝表則一二方全納分共有畝數多則五三少則
一及上下居報備最效每方值五六以津兩分多欠值今與前一毫主知
全納分有則四及上下来改列二佰五佰值一仙千亦有不及量德
收稅展期則因投種晚稟價高下定果輸納之乃害矣

收納先後故有夏務收者有冬務收者有二務並收者

輸納全年分為二期每期三四次登納於卽即農務迄隨居之法具有法
為居田土家隨之去男

田陽有二三十年不修所以正不過隨居補勘而已昔一畝田今成折一畝

為居田土或成中或去有之山林新墾未著籍者有之如以故實主賦納

賄公補勘一居一委吏督田賦漸決隨亦有與其有定在田土理身

而為中或或北有租少而陽中增者積存社同此故者居在子居例之故也

至今而陽所其田土無第主焉下故故之者皆半皆荒亂不過極土一虛

文即田寺堂能也

指居田稅分果集減法及初加稅居稅半多少比較

南土指居宜其丁歲俸賄陰未多少田土稅法和因之加賦要聖

收穀價最賤升收強多折力較少一遇凶歉民易餉納兩有

既不損有減三成其有減半者有減倍者有全損其有積欠者尚存既水庫出歲入之積算表故迨積欠甚不同此法除冰改良者顯示其良法為何耳

成泰七年以前廢置凡平穀價騰昂折案納名民等

於日明民紹納分三例以分折

仙樂南來天際望，
仙樂南來天際望，

此居田土稅尚而墾收得款耗門規福札及糧

黃連折耳根等藥少不同要之上等八味長湯位今銀一元

此居只納一元一毛上下若常居銀元消法民回

銀價賤貴與元值南北異上下相違京次三四兩值銅鑒五

仙耳
一千八百七十七年四月
悅影由公使座
西的準神

東坡仙
銀之出此展元
尚少如優願者
與元值而

農政已至累土

情狀及收面一次不明

一千九百一十一年公使赴南領地社長有田上原陽雄

四月內行省並用市面甚平

有田一畝此須納一畝五毫一稅別上等田一畝須銀二元二毛五仙
 所得稅銀已不貲矣

惟於東洋此處為係漢文其政改家利雖之居期招引朋
 伴愈多愈歛需艱既康庄用益增加以中稅少從結實以
 謂此崇稅相本以保稅果官場一揮官謀仰索易打是而
 匪無增加稅將項之法相進而起矣

自後連四五十年通加百分之十至一千九百零六年止五之二不寄據此以項者

之上改田二元二毛五仙今亦增五元五毛以上其他田土又可知矣

田既增至稅既加更而田所有招稅聖境填墾廣闊田仍增
 一千八百九十九年連通年皆用將收法在新指田五二改田極其

升為一畝三改示特其升為二畝五改其去五改三應均著
 西樓法又將二改田悉升為一畝三改悉升為二畝今所稱三改田

者皆取購存所難言虛故耳雖中實田已均加入二改亦有

多社村均高二三改則均將為一畝五改田近則法亦如之

按前年之昔年六毛三二改田五毛三三改田今亦為一畝全銀三元

七毛一稅半其銀數一增尚可化盡即加一又加增又增田五

此有山牧以中州為元征南分七支五比三南二

之稅事已過三俟以兩山回一萬而尺者年只納一元五毛

五
倍其稅乎？而不亦驚怪之甚邪？
今府君之治，不亦甚矣乎？

稅則難任一夫也及開新稅稅店稱之信昇

南王兩辰稅期全年分爲二期每期二三次整修此期則此處是

澤勝中興農民之苦
免使美意良民
余不以此自為
法宜加移

之新定歷二相與期三月一次望此期較少仍不至大差也

時令一月必國是務務不顧吏

行於人曰中。果熟於內，而仁義發於外，且而後爲中。此說以精氣爲中，與前所論不同。然此說亦爲所說，以精氣爲中，則仁義爲外，且而後爲中，此說亦爲所說，以精氣爲中，則仁義爲外，且而後爲中。

得月云收的快新行者至要踐踏乘而升家以律條也

貴逼人得此足見人情不甚相遠必然則平日最要修之南

依二例必由呈報期更加催促而農民是增一痛苦處矣

法省知因復道重運年難收支務所出不足以自給補赴其新設

而亦不如此下為強民為生國情安為所以保持者

後重期不歲終一里款題像三萬下一切征收嚴限一期者倘有

關稅納過則一月過則二月准予稅牌低明者二則不過虛言
注津尚不可思也此則小處多耶

官令稅廠繳價既遲則不便何如得銀稅則速清若所必至
乃立檢稅之法一則稅期屆客。商稅身行下街收稅以于五所
呈檢如有則寬無則稅則促加以南商一事從者如虛虛中革群
萬萬一事。每社呈檢及保家繳。費大社丁牌元以上小社亦五元
以上矣

御村三下低帶未通納稅全用實銀又立檢銀之法檢人不依檢
者則。知有分別易檢了事也。則尋跡致。銀元真廣
從物別。是。者三五元少者一二元矣

每縣應納一則情納稅銀重銀社。至行程未往日久
費多輸納爭先希圖省費乃五分次。法分次三人久事漸
目較許望。分。有。則。後。至。先。輸。為。則。先。至。上。後。則
落。竊。則。飲。會。者。非。是。氣。斷。折。變。多。於。是。以。社。多。者。十。元。少
者。亦。五。元。以上矣

民社自來最善與指此風今日。大。播。張。四。事。步。田。租。信。收。難。見。所。煩

昔日官法為法為據至今官法已不而法亦不為據
展何人由于土千而銀十一明社民居從前加稅田主
不勝過分且高輕負重已不公平將納之民迫而更甚
長與田主爭訟紛然起矣

當該居田主日里長為律據甲長目田主為抗稅而送爭
裁一到南官奸賄賄賄直而假使產稅一法已往著法
如未經到斷勝負已負且甲長全年之稅二元五七及致
日日後耳月大官月俸七八元尚且不能潔身正事之
小民喧騰從事月俸俸祿不升官外費就為隱性之
歲責責必重足不前推已及人未後何責到公公禁
鄉賦得若稅額極高愚民與青年唱肉魚同有二三
糾合行控則里長先走衙門呈登田主抗稅訟期愈
愈後事民生訟事專官延誤於訟中衙門開控稅
者各行稅作而更如一層冤獄

至今自田主最方為抗稅民有銀銀五元小者七八元不
其土者亦如矣

似此酷毒何能不流而後父知英膏脂已竭百言轉動返乞休矣

賞官上格各社稅款過一千五百元以上更得三年免考以昭優異

願按此係前代官稅之傳單也賄款賄內有回之三年催得早清六五許

升官鳴呼官升俸給不不崇南人平同若更甚一

聞此令踴躍爭先取肉橫剝似惡不作而農民更受土膏一

飯食

六五年來各年不款銀根極細此係田利貧窮羅網坐計百施地皮誰

據由是而先納後收之令相催而下矣

情惡渴得安同此係南人平同若更甚一不邪才死東洋一處

收為租物計糧米等物用日非家一應來卸一

嚴飭府縣勒稅底到期要便由官登納徐收以次償還佳種由

田主計收均受有不博者歸以官債由田主為痛鞭杖急情者官法

情下民焚燬額等將將主則不聞南民候期一輕重法處未

數過而而農民更受一層湯火矣

予人稍安百姓悲苦似此便宜除却片後有坐何人不做至今

最慘也此係法南人平同若更甚一最易於害西水

然而民間、現銀逐年減少、稅額何止累萬、民社債數何
 處、供不足、東洋農銀行、巨款、勉由支那人、呈手、五倍、南人
 南民、今年、的稅、百元、共三月、內更加納、支那人、二十元、上、
 今年、田土、所出、顯不、能、直接、取其、十三、四、東洋銀行、人、與、支那人、間、
 接、取其、十分、之一、果、實、屬、稅、何、如、偷、生、儉、非、南、人、耐、勞、甚、費、後
 死、得、不、足、以、補、其、母、王、貴、快、耶、尚、欠、丁、稅、二、即、停、後
 難、以此、不、過、一、方、面、言、之、其、他、同、樣、直接、以、支、人、民、兵、不、一、如、五
 匪、徒、四、方、而、現、際、之、無、由、得、其、真、相、今、請、逐、舉、於、下、則、中、外、
 因、三、現、狀、儼、然、在、目、矣、
 水利、今、昔、之、變、上、是、在、等、第、及、開、於、率、稅、之、輕、重
 中、所、全、轉、倚、山、海、地、第、級、斜、江、直、流、意、岸、壁、水、陷、不、利、農、田、惟
 賴、昔、長、人、煙、稀、以、林、木、繁、盛、沿、山、田、放、畜、水、湧、流、農、民、賴、之、以、為
 耕、種、以、以、高、山、茂、密、噴、氣、較、多、採、以、海、氣、俱、能、噴、雨、農、田、利、宜、
 由、於、斯、自、今、戶、增、戶、植、新、愈、聚、南、之、林、木、一、被、政、吻、人、隨、意
 採、取、至、今、近、民、居、諸、高、山、林、木、漸、漸、一、被、採、伐、山、木、漸、漸、
 原、形、行、開、破、山、童、水、涸、雨、水、變、遷、昔、為、肥、田、今、成、龜、析、水、利、甚

今適在甲申歲

今荷新落所著田項素亂無稽與從前所報舊案不一

非水田之實在原有確據耳

一曰水田 全年有水係小水人多多致雖遇旱暵到秋皆可耕作除特大

旱大水大風皆可收穫今假定為二曰旱田

全年無水僅雨耕惟水旱風虫及意外災皆不利此項全假定

為三項田 三曰水旱交界田 冬務有水夏務旱小利

以人為政之早則耕種法一如旱田此項今假定為二項田

據上三項田準之甲申右省清化又安河靜廣平廣南易安省

水田必而旱田多廣治廣美二省水旱各半永平是雜田

故無幾廣美二省全廣和省人耕種田畝亦周平順志安且全

年二務而已以此準之則甲申現在三項田僅及十分之三耳

甲申地勢相同故田土類不一迥相迥異廣南省在甲申十二省最稱

饒富甲申地勢相同故田土類不一迥相迥異廣南省在甲申十二省最稱

之實在以此一證 何東離陽延祐三縣日中田最

水田多而旱田少去秋縣後有水田甚夥上迄山亭田少和連縣

為食者下平皆枯土上本耕以山林田畝僅少枯山嶺水旱年

由此理之則廣南二省小田多收不獲十分三四於耳今將止十分之七

八農民其何以堪耶

氣候今昔之變遷係關於農業之利害

中所雨氣令藉此風南風盛居大抵多旱少雨清化以南高山

峙其西北大海環其東南人民田土沿海而居治氣由南風吹至

高山窄狹隙雨須藉此風倒吹於及西田畝尚為北風時雨

直走而入於巖谷荒山至一年中東風所占居期最長而風

絕少十二月中幾為二風所占氣候雖居八月至十月南北風

為多兩居期則雨水至十一月至二月北強南弱為小雨居期則

小雨居至三月至七月南強北弱為多旱居期遇有春旱則

大小雨或三二次不等皆居居居米全賴此斯

測據詳宋天氣一變一年中於風近至雨水期有至八月下旬北

月中旬以至七八月之交田亦止在待雨之居兩二所期奉委委

死差能隨之又貿易之期非南風全盛則北風全盛皆屬盛

辰後氣不到岸為所吹退而不得雨南風居則雨入荒山種雨亦

卷之四 田主

南風盛居無北風以利近赤道而氣隨之而至雖廣谷亦由同積
水為皆所謂嶺南水旱亦無枯燥此害五十七等風連年極之
北風盛居無南風以利之北方高山氣寒隨之而至田禾在會
苞吐穗之辰不勝寒氣莖葉多半萎解此害十二等風連
年有之此等風災最累田主至今之為中計氣候之增損而觀
風水火旱蝗蟲等意外之災更難論矣

此其大者耳人事所難則亦有焉昔居最近民居田政主高標木
茂盛其地氣是以驟雨稍比風牽動一經吹倒便入畝田至
今雖雨之高山全在變分田界北風非盡強則雨界亦不在
此高山田畝最短少耳至今上潯田畝多係小利以此耳也
羽德而後中何者將為荒涼徒政術疎畝民之惰而天氣
之變亦出一類著存因也

氣候之變無方既何至於林木摧為人事所致亦亦人力補救
至今不同有仁者舉指以開今事增田明年增稅此皆全道總集
衆天居人兩之難惟何事于天哉此特寄
東洋有說極和而謂極和為害
甚於旱且連年利為他弊

耕法及糞法

南土農墾不滿地耕田則不美

之法俱從惜收農田起工保六二兩日後者不友又其數成厥深
之分故土而所食地氣蓋其質最屬肥美其田之物亦不無輝皮
為何質不過以牛猪糞雜水糞投之質反為牛猪則以本糞水
明及糞餘雜厥後投之則農務頻收土質亦為少也何莫立
見其利耶此之故

冬務之耕作

冬務係以九月起耕正遇雨水辰期故田畝

下切仍耕種惟塵二三月間田木正在食苞吐穗之後一遭風旱則花
全失或半失耳

夏務之耕作

夏務以四月起耕皆在旱旱辰期也

田則有取水之法若此田則有旱三種法今將其法另錄如下

取水之法

一曰堰堰法

若在山林茂密之處多集

水流為渠流經農家截無引水入田皆居源水之側至五畝以上

小者三五畝不等旱旱居減半減倍或全開工築原人子者皆為

貧計畝均大小者三四百元小者五七元不等此法中上階溪山田畝

多有之但今林木稀少泉水短涸一遇大旱則有此法亦無所施

一日小車

江道小車係運米車，機運以牛力，小量多，少隨

杭大小，大者十五畝，以上小者五畝，以上日十辰減半，減倍此法，以江道水

道多有之

亦有田間深掘水坑，置小車，機運以人力，間畝一二畝

以上日十辰減半，減倍或全個

按此法，種水利，亦多

農民命麻，運西岸，前水，黃天，江中，長，多，為，至，四，五，月，天，旱，辰

江永縣，開，江，船，往，來，多，為，所，阻，不，使，公，使，遂，行，行，傳，檄，鳴，呼

則，則，款，多，而，水，利，為，所，禁，農，民，終，難，不，特，指，駭

一日桔槔

以竹為取水中器，兩端各繫一長繩，五人批

之，由下登，高，中，量，大，者，七，八，畝，小，者，三，四，畝，平，辰，近，水，外，一，日，夜

間，一，畝，半，以上，區，水，外，一，畝，早，辰，減，半，減，倍，不，等，此，法，近，江，黃，水，道

及，泉，水，諸，水，多，用，之，以，運，日，十，辰，亦，所，用

向上，三，法，廣，南，一，種，平，辰，用，六，十，分，五，六，早，辰，乃，用，六，十，分，三

車

日平耕：法有二

一

三四月間，田禾，初，土，始，高

鬆，立，行，耕，起，耕，者，脚，去，實，走，墳，至，五，月，遇，雨，土，塊，何，復，而

經，暑，四，五，日，土，質，不，燥，不，以，先，行，耕，平，投，以，重，穰，將，早，種，粟

子手行復播而耕一次粟種下復行耕平七八日粟子含
 芽茁然出土一月^後苗稍長^後即中刀輕耕一過以便去草
 五月一二次不^後耕法也^後 二居或至久不雨而粟頭已
 到土硬不破仍屬種須用木桿或鋤頭逐塊打破或敵^後
 人或^後其土質堅脆不穿土塊破後種法如前^後
 後^後其危險有三 一待雨三期不能過久最遲則五
 日三二十日耳過久則粟種為旱氣所傷生氣已弱難得雨
 示不^後意遂行出土 二所當雨量有限若青內
 連降中雨五三次大雨三次水濕過重粟種致腐否則肥反
 太厚種傷^後不能出土而雜草已奪去^後
 三 然上^後三言皆就種後言之又有土硬已經細耨未
 及下種連遇大雨土質要泥田皆積水理宜速苗已先播種
 待播苗而自投種以至成苗最速亦須四十五日苗長^後
 為早以立乾固種立苗致稀而土硬^後種不下除^後
 田更有何法^後 向上三言皆就播種而言一俾使^後
 實而田畝免無水利乃為害幸時據一^後大風旱不^後

一月等月元收獲石銀貨其皆以人工食與市等販買小民無以上
 物往來貿易得救故穀價常賤則更甚或有無人肯買者
 穀則持乎有少取貴者 五七八等月收穫期已過其
 持者名期人皆當穀故穀價常貴穀則更甚有或無穀可
 買者則持乎或少貴 十二等月又過其收穫期
 貧民者信此元飢故穀價不持乎貴過八月十物品穀則穀
 價騰貴亦一七八月石

廣穀則穀貴易消得銀收易然穀穀既少得利發何物價騰
 昂日用更累中者以下日務所入除持作食費及輸稅外
 所餘不足以供二月之需日刻耕作辰期皆行借貸而貧民更
 無論矣

廣豐則穀賤以銀最難售貧民日用較寬而
 一切貿易以穀代錢價既低故穀後虧折必多穀難售而得銀
 甚少於教長元加以薄利則其困苦乃初冰即

中此十餘年無年不穀穀貴者長多故貧民困於穀賤其較與商
 於穀貴者常易於自下而能供加之穀穀期又以收獲在期時
 在穀賤之辰於豐凶交與貧富俱困而民得非前瘡其不刻

却心肉受

今清以銀價貴賤：半與稅半互相比較則

其利實方五見處

一審申銀銀五元 稅半銀半元須

銀二十兩方貴則十五方賤則三十兩方

丁二銀二六七毛

今稅稅期則稅期申則銀價賤收則銀價貴

若遇聖歲銀價昂貴則銀元則重累更不堪矣

然此就有殺者言：耳然貧民無田何得殺勢必債負滿家

以收稅備低之故：自方以毛賤售及至新作市穀三居六而向商

債銀買穀而昔多以一毛收售今以二毛求買每粒一子之虧

折銀二毛焉寧以此為生哉此就以稅換銀六六之益也

分之以銀價高下其苦果尚可云哉

按中州農民自昔歷為殺害下所困至遠以役為平則法

難賤則以高為者車事便買入老后如一分利乎便與難回

稅之明知平便仰賦課言美意美者居民獲之今保權亦家

廣出稅焉蓋俱以銀算納稅一例不之復何至於平轉五項

有未洋者業經行不日數倍而行之土有利打不下有利於
非兩得仍任轉手在即人以重累南人裁難勉以東洋政府
物傳之為此之恐累民更增一層重累耳
此係不絕之利
係我
東洋政府有利
一係未見其利

銀價高下之理由及國稅稅期之利害

東洋幣制以銀元為母幣附以銀元銅仙此通例也南新則銅
仙之下附以新銀元小銅錢其仙只替零故幣制分明已為一障其
便深論此則銀元之下則附以真仙及南辰銀元其有以銀元
當銀元者
但二元
中則則銀元及南辰銀元三為一而銅
仙俱為母幣城市則毫仙及銀元並用鄉村則全用毫仙而
流絕少
此中幣制極利
此中幣制極利
平辰銀元五枚皆可用通母幣
見均有自不家稅
平辰銀元五枚皆可用通母幣
一層重累至
平辰銀元五枚皆可用通母幣
值七元五兩遇銀根短長八尺南銀看銀元六元七角不寄
用舍不同較重亦異一到稅期銀賣分賤則銀不獲為母幣

而又為海島貨於是農民因稅期催促之故以穀易分而穀賤
以以易銀而分大賤則而徑而層折因至

今收稅既在收穫期則穀必賤稅又輕然而用銀則銀必貴銀貴

則有銀者居為奇貨以賤穀而易貴銀則勢必難得於是

無不以穀易分而以易銀也 今試以穀賤之數及最高之

銀價準分與稅中互相權衡較則其利害亦為互見矣

穀價最賤者每方寸隨銀價次者每方寸九元七角五分而最高者

八元四角五分以三元銀次者則用穀三十三方八升下銀最

貴則又須三十三方矣然中所有未獲遺款者遠近絕少

中農以上不敢索賤售往之行使以納田稅佳至六七元穀貴者

以此售以還債到后無不貴而五拾平則穀價所增亦年歲

不及債利之半則五見破產矣

然此就中農有穀者言之若貧民丁稅則債銀係收皆無從納

而稅一清隨以家傳年什五件不至以債為無任而不周耳

按中地銀分並用幣制此說王宗平曰既謂民同使用則幣稅

應仙不並取之廢如分別以致重累貧民藉謂不家嚴出者俱

以銀幣不便收者其首屆銅分各省使用既不同最難消流又
何不並買首分一切但銀銅仙小分一此兩可辦則以便民用豈
那不美哉

又按中州十二省使用首屆銅分各不同路過
一省輒易一色各區或一省之中亦各縣使用亦不同此事最為
商旅之累因本初事辦難他事未皇先為治良幣取以權民
最為善學南亦有初係通以未至民負日加而首屆銀錢之
政一為置之不處更改又從而為一累此事省然亦漸抑其不

馬

首屆債制了苛重及關於稅法稅期之利害

南首屆債法今年制取三分利一制也首元取利三丁元(債票額
欠亦取一季一息)前此債款淹淹常不約幾年百元取利百元共三百
元)取利之重視之歐洲各國已六七倍矣

然而自來民間借貸俱從惜收乘惡股利不知紀要防出益
窮貧益負困者只有分數二債(自新保後送普用銀元
又增銀兩一數)以銀幣為高下而民為不堪矣 債期則有
普通債此有務債此有月債者有月債逐日零還此有要

有主

三債銀分還報

假如平居銀價值分七欠債銀十

元或債分七十元若放債人數正數不報還銀分今受債務因未報

務還銀一百方還債長過數持年每方值分一尺則取利三分也若一

月以上而三分若數債銀應與方一尺二寸以至五寸利亦不常月以

上而七八分債利亦重而方此率即為五三之例年債務債便

行之 月債取利之法有二 一月債月還 九債銀

占月三十日到期還清十分取利一分或二分年過期不還混利者

母子相加 二月債日還 取利與月還同但彼則月取

正清此則逐日零還三十日還清本利相消不消不加母子取利

日債取利之法 今日債明日還取利一二分過期母子相加

年債務債之法不拘所市外有放債共有受債者

目債月還之法 城市貧民少服身債之有主計此亦事新

急之居不敢受債 月債日還之法 貧民受債者債之者民

絕少 日債之法 有主計此亦事新 人應以受債者皆兩端

賴主使即村中民等皆謂債者不計已亦多債之出入無坑之

見破產者 外債之實 亦債者矣此自東南人共有

債必以養生業之利到其需者始有債之加以前長稅額不果
 與後又居所以設代為之限通融易除爭訟歸納歸還
 此外亦債破家者皆少故耳 穀債重者徒以苗居人其歲
 豐農民易出至今債例逐歲增收三十年來之十年九歉上言
 中言以下人亦不富穀人亦不富債海年需苦陳如本糧外
 少不為國家難債之官更甚於外債矣 銀債之實
 銀債亦多矣然稅未收銀則前其害與外債同自稅法所重債又作
 外債而能用銀則是負債而不需銀而有銀之家乘急射利且銀
 稅期銀價甚高債利要至中實以下一隆深坑中家孔倒致貧之
 速無逾於此 初居民間互相借貸南人與南人之利
 害說可也也十年來於年荒歉的俱價昂賦重復家富夫法
 賄銀四款無日不同任其連年負高保因民間甘銀不至為注
 新見外亦富而乘危盤斷抱安無奇其利如為外人所獲而
 民更如故至負多利而債債之害更倍多於穀債矣
 今請將稅中為債利之率互相比較則其利害之互見矣
 田一畝每畝三元 銀債全年每畝須利銀一元五毛 務債則三

月內銀九元月債則銀三四五元不寄 分債五元

穀債則更甚或據上所指最賤穀債與最高銀債相抵則銀

二元七八毛預二十七方年債則六月以上預共利銀十三四方年債

以二分算則一月以上已未利銀七八方若以五分算則一月以上已未至十

三四方而尤重之以債銀還分債為還銀債銀分還穀之法一層更

甚一層耶 然就短形分穀而言之有分穀六不五分界

七八年未中產一歲周稅後債因債高產還債既苦需亦現施器但

劣銀也所出稅期短促民難遽償而不宜更重於升實地勒買長

不待收清全故債債一期傳納除收還債利銀由日主分定加入稅

率由是負荷供將銀債之實而稅額加重稅法特銀稅期照從

不實測南人應清血半以入債半以與外人而中則債權全為外人

所有在此所則支那人與閩粵人分肥致為美

按此等若果中所為最廣而更甚去年前於民皆為債計望里

長若無抵債之物甚或以首盾官法抵與支那人債債後回款不

收丁民半數所收稅額不為償支即商人產波不負民市財家

債與此七八或十餘人不守令於民供飯費烟費糧粟不堪

以手書

兩上皆為一日所為
當時金銀皆係由東洋農業銀行匯入不似別國本國不設印人制幣則
且及銀行其他手續較小而匯入之款亦多則其利頗厚而不當最重之

後條為一本其利甚重
實指一集重置一千九百七年法幣為南
官等端嚴飭移民將指居未滿赴省投納限月內立結若支即
人乃用開校索樣主係廣兩小索屬索未滿而未清現存改中

民社款待未滿者必逐債則贖者即人其乃商善辦我而隔南

兩上皆為一日所為
見民社實果向由代所云一何為
支即人索債法家為南省安地

附東洋農業銀行始末記

南國舊有舊債既重經各稅加重後銀貴穀賤民益不堪乎

九百六十年舖去民既後改東洋農業銀行在民間事開辦者

唯其取息社家能赴所受債取利息未詳去約金年百元取利

十元元視之指展債利已輕三四分矣公其真於悔南人哉

然南人自來素不似他債不法律事業為信用法國中斷者高人

無利一諸人人亦即服願至今已為社會普通之理想其間遇有債

急皆民間互相借貸不示而支即人乞夏身銀行之數更也

不省還債之理由
南人自來允與法國公私人相交易

魚不受虧 水商舖店人買酒批發別創製四人佔民田

以賤貨智商人則精工能令市上件他篇又於丁田醫市酒以及各稅收

家公定有如此取平已散亡孫弟也
賸僕及禮也取素不可勝計甲日

余因稅局設外不敷與去人相宜而所聚諸君心為之喜作之一讀茲次

卷之十一

物不任信有差但累年連可移轉秋成細裁但流入海境

又民間借貸遇有爭執起官則法官立矜利害在外

尚望公平判斷上或下直一涉公歟則安知德官不以難取各樣一差既

出之不幾相尋焉也耶

不敵債主家銀行之輕利理所必致未可逆也 東洋利國之害大業此

此是送馬使臣已抵馬坡後所書詩竹表與

是則乞愛養之也

齊州府志卷之六

游山存人辛未田土及文藝相傳立法要加密手針熱氣痛身

脚果有仙効而南人尤有生針丸！不敢過稅故也。其理由有三

南官衙門有同路虛候間交涉一到衙門則有謁見奏報車黃紙

星房相印貴上自太室下至門殿五層愈刻愈明和靜幽冥

大兵四五十元小兵亦十元至今民間一命若知皆有贖証無不遠匿

如不敷使官聞之誰敢以借貸私事自恣大玩耶

又民間田土爭訟到案及與法人貿易其文契尚在手中猶恐
另出翻訛一面已能治之而法利生者人民無不爭今使情多契此
債不誰敢信子與老鴉以遺被產耶

且前此全無抵券尚不

敢債今加層之困累之誰敢具此冒險性以具家性令為戲耶南人
亦不債誰所必始多何足怪

官法如嫌人心似鐵亦惟此為難

賴人動入而相試耳或假冒文契以欺官司或安債之居先亦據
保人折平分取控之數誰隨而生法律難嚴其如彼何於此而銀行
為所購者亦不少矣

使官不求其故云云責人望南人愈惡

此後重利不受輕利曰南人所有一債斯賴鳴呼南人誠詐主而詐
者豈獨南人哉重利輕人情之常也南人豈真愚哉抑有
扼其喉抗其臂而快其魄而驚其心而使之不得不思也

自應使局銀數只許友邦人受債南人不應復爾

去時以此

債款亦非用之而實生業不過今年稅期先向農業銀行借貸去款

轉債南人至六月十分取利三分一經手同生加倍利而南人亦任而

死焉矣

又按法示人多目南人為詐約是債銀也銀行

亦為其

兩制輕一徑支即人則不議在銀行借欠而利輕則作在外銀低而利
重則不亦在公法銀行法律在嚴賠償字樣則作在外人
萬里行商實各主柄詐之甚易則作在外人真愚耶

又有說此南人與支那人相安于餘年風俗既同情意相洽而債之
詭理或有之則南洋同國人之素素不與南人相敵而南人亦不之
辨則又仍說 王有說此南人債打外本而面仍不與開租債之

事安得謂安哉則南人債債屢教則故債必連斷折虧折
必用若必重足不前今則南人亦素以此方指者本源之而來
而支即為國要人之清信南人素操債權其目見從違則又何從
亦他主人務金亦指了南人以供揮霍而自忘反無妨外現國欺
人即操此以例則不與南人恩而外人也恩不與南人恩而外
不人也不作有是理哉嗚呼

又按此所法人銀行屢相南人將蕭除一二又亦外南人豈有府之

者其理由與上所指果同若法人一往來洋面不視南人如什
若法商貨行南人購貨一值其門登分未及下位以而所

恥辱商者以此况握法洋權立於人上與高何如耶至今法

國債一經支取人南人也不爭買而法人官買者師除辦法
各人外商村人民每欲以此支昔若商主支取人雖孔而事南理
尚且藉彼之手始見消流之令後之支取人合新令本信德
招人自歐商主所能支彼而不能支則東洋商界一能事其
購買因不待支後始見耳智士察微知著之已形即推
東洋之商權因力而改展易物而指商以權之抑亦不乃以和從
事到
銀權縮短之理由及商形農業稅法之利權

中所自系銀之價為母幣年居至便稍易通融有法從一切收銀由是
銀商亦重收銀權金銀此最為累兵一原因也不過一分在同年
間利與銀是銀村年居得銀銀信但到後期益形其強耳則母幣
主不足延結銀可見矣
後各日經理所必生各各收銀銀銀中入以補耳兩銀元內
同、內密火減名七只增銀一元則環銀近增名銀銀減以相半易
湊足為之非各商有之及則短陷了數不滿不為之銀文支
銀、短陷以仍為新歐洲生計學篇曰凡物想這形在去中賤求過有條

常貴今中折銀價常貴打南地西地兩山此折三卷中得銀兩
元五以比折五元或六元中折平居七元上下貴居七元或八元前清時銀之
末路去路及傳銷之入二款教異相比較則其理由亦不勝枚舉
矣 母銀未得去路及傳銷之入其異何大約有三 一曰出山
二曰不處處出山入

三日銀所出入

以言出口則中所全種土地廣出傳以銀未為大宗其他烟葉桂皮藤類土
產御果羊草麻麥科木鮮果蔬菜等項皆為貨物皆為土產物別
最久效而數未嘗民同至相貿易出山僅最少特列物之半數耳
如而南人自未素不知南地出山一貨皆經南商經手否則俱為收貨
而所謂南商者則指土人今則加以法商法商之南人住南地者其南
情稅物者就他購買所以利中商不及四之一稅就收人情隨在南下
法商則一味抑勒就包買不許售與別人物價又短而展平隔疑
近人反買賣不自由也為廣南而解主其本意年
經三三為不遠以見理主則母銀入山一乘既南之所為亦不為年
以公服則除洋金洋灯洋布及中國貨物為中產以上人種物外其為
間貨物皆用此中國貨則為科學紙

他官歲俸千餘兩南甯道署人日用伙食未半購之法南甯人此以俸
 最少故耳且法人月俸出入相衡共僅五月二千元半俸銀耳他若三
 百元以上五月內需費大半事費共不及半俸皆為之無所剩餘他如
 署法人日用伙食未半購之法南甯人望俸以之其僅最少故耳且法
 官又在東洋南甯道署亦係初政者有直接取財事事詳他司字單折
 俸出之數則民間所為不惟此最少故也半年
 至於南甯歲俸則中折今年為安南歲出額僅九千萬元三故歲終
 屢有所餘皆為陳保儀大借為別用則歲出已不在此數明甚
 且南人月俸最薄每月俸以俸室家日用則惟省南以上稍足
 耳南人每月四五十元一年所治僅供上家兩次渴祀或不足身然
 而南甯自來不以月俸為輕重者所賴以日用伙食更甚於此皆賴
 外索博財耳事詳別編至今府縣一職北折則二千元以上中折實
 省身共二千元出共六百元省府衙吏月俸僅十元或三四元
 不啻而南人之事治共多則七八百元以上亦四五元上下然既有月
 俸尚不為其甚要係社之職不為至二百元以至千元以治之此其大
 那墨非社為所治不足以此使所求彼果何利而為之至此法亦左右從事

擬定

之人平日以政所費較少而所入較多南家相上下其據此以準則其銀由南家出六十不及一而由南家南去便以十倍即南家更歲時其為出之

長十七

大司數合意此兵丁一俸相并數出亦不過半數合意上南家

至孔公臺之數如鐵路橋樑道路水道各事業皆為銀為兩中其

而鐵路一事其工費較皆由法中其包工法人所請不列支即人耳鐵

材料材料亦由法中其包工法人所請不列支即人耳鐵

有所用則南家出法中其包工法人所請不列支即人耳鐵

華中則清化之費法中其包工法人所請不列支即人耳鐵

之申州德府清化一省有之此使各處官吏更其為事則為首路

則各處只有一條路法中其包工法人所請不列支即人耳鐵

一有件集則法中其包工法人所請不列支即人耳鐵

此同持以法中其包工法人所請不列支即人耳鐵

用車馬造規一也則用一省則法中其包工法人所請不列支即人耳鐵

雖亦不違此上考數耳然此特就用法中其包工法人所請不列支即人耳鐵

自來公堂之數年用私益又有書而不用使至歲終則有數條一級歲為常據此以準則公堂必不常至歲十三以終此其一也

民同所治，效驗可觀耳

以言乎歲入則屬保區以年事年而

稅主係十條子前整稅則二十條而稅主皆市稅則特別以開
價日增重至加以政法乘九，故不遠歲入十分而民同所治，
約以十分一出入惟實事及商人從中治之民同更從何處獲味
則母屬又不幸有云乃而遠來路免

以言乎銀行之出則債款皆由支即人徑手商人農民從之五接
事則亦為支即人及國要人放債銀款同耳其出也非輸之實稅
則用之形顯賤自來此有債以實生業及日用食共則轉出觀
此有法及民同書而知矣 以言乎入與年六月內還利七二分不

等則此母銀也惟為甚形民而其云也又挾民同母銀三有以俱
去則一出入與商年平治利而南人亦不啻其虧則母銀又不啻
有去與而亦未幾矣 據上考理由年之則東洋銀之效

維未常停停亦半而公私銀行 除平票後出年亦不計估官 東南
及政府之手其係及民同土傳十分一四耳而此十四外周之但家租利周
以言乎會和州用之而還債款則用之以還債水民同母銀移運此
而平日所用皆救之不能生利之地民生幾何而不困哉

此示就商入海文三耳向上各款所法中銀皆城市商賈人及上

游塵茶佳飲
 三物以之
 此人以之
 華農一人則
 作有上接
 善思也直接

沽銀、看一款沽銀便以數內沽銀為易、否則以數易不如沽易

惟任政轉折銀方入手銀貴則土物益賤而任不少受虧者而

一、受陳水扁田仔債，無有以法中所徵長一連，負定由府此

轉此一數最為中允兩折一六實但飛洋出口八口之區故及銀行使順之

三、橫東能謀橫東之未得橫東今若橫東文法橫東以科學橫東特二橫東

算則中州公氏生計，困難更有不勝言者。

帝臨澤寺之碑而及所不若田稅一并軍

諸日卷五已似則為卷能引為良者常有常心為常度

此亦思為本心必致解和的也所不為是性中竊一事中一事

賴此法一有首以有佳則當也為多無不盡文是換水浸而後行

之則又良於外者更勝乎燕外秀志嘉尚修子受而巨溪凌

小兒出此言者。其言必不實。而此言則實。其言必不實。而此言則實。

[illegible]

卷之四

威之思之北也頃懷今者志漫揮筆為大人具陳之

南國自來事也。聖廟曰：政偕同。六經。金。臨。於。禮。之。居。斯。俗。北。以。自。序。

馬所位空里裕民易得食糶其防山等姑息王政蕃昔辰遠事不

此所授我漢宋書人特易書卷本除三書外教外常務捐助

瑞恩戲錄則年作情竹表兩注三十二等年如波蓋早歟仍斯粉面

地民多苦二教十年來此等更甚加以官吏受賄民有苦無所訴業已極而

走險盜劫，事無日不聞，然而劫則徒增衆多，賊難平，事猶不展回。

發心民易守一旦事敗悔遲艱險三劫重所遇
家史
 多力疾更出

但郭外其地亦注有抵案惟有小編竊思以民間平日飲酒藥瑤

陰虛則生痿痺陽虛則生瘰癧

為國護也為卿付之下望用此委不用多累矣

力能助門一應前二妻妾同作公女命刀中第一疾是不

南中仁厚夏而
黃子金書言曰
新法未始有也
一法足供父

不果而歸人命事功在國之計至今
四家川永二邑居民

價占特為：和春至
柳村公有捐得送起解赴京

除投單解外
石水解兩番要劉衡更而不當解由施明乃得門通

順會之要及開於讀書業各貴亦順乎主成里長是

特赴原野自來劫掠去矣公係廣濟人其子孫亦在廣濟省城至不州安宿
 至安府縣其一二陳四何等諸縣案件即使及之竟未明辦則其一二
 自亦抵產飲食之費不貲較之其一二十位即而況中法亦不校民
 所改一百六不及南漢一低耶 然此石所區其火之何
 有資產有權力是謂由事理情願之辰所處每法調之樹市以而打
 劫之他之依之不敢因越當他一步大上果也 有資產者權力且事
 理不甚明白其捕獲之者憤其計其批不有收必為其意而後已則假
 不相或不能入境者中索也 亦或計較利害各有其理其理之目
 與妻之亦寧矣之盜隱忍了有得過且過則捕獲之石則假為放結
 妻之他去且而之討之盜隱忍了有得過且過則捕獲之石則假為放結
 若而未為其果也所最苦其貧窮之目民耳年日據員則既既重
 又得田土百計之情雖能而為借以一以半畝破破田因以資播種
 亦或十年辛苦安子忍飢餓不此小豎盜竊以一二二年轉或而為家
 留子振安養以一二致養養以籍生淫令家命脈俱繫于此
 一旦家破產惟腰琬也勿勿留其後男不為不為其後男不為不為其後男
 日役是而為活假而視其田因故月未初竟竟音鍾之能利不風而

溪不雨而源非往田以爲後示仍抱履重而爲耳漫散而積其園

則盡衆在草棚時爲令一營而不翼而到不岐而止般舂走

心息已身消及其時也則皮肉解籍冰毒骨打卷寂了所亦獲

陳於喧鬧之中矣按此年爲萬曆庚子年所自城方有法人南人包圍等事

者或從提亦已即初看打先動能提辦事松到臨以草有朝有事者

虧不任至形有在國也意同南人以此而爲人更在事出長定時最難爲

虧不任至形有在國也意同南人以此而爲人更在事出長定時最難爲

虧不任至形有在國也意同南人以此而爲人更在事出長定時最難爲

虧不任至形有在國也意同南人以此而爲人更在事出長定時最難爲

虧不任至形有在國也意同南人以此而爲人更在事出長定時最難爲

虧不任至形有在國也意同南人以此而爲人更在事出長定時最難爲

虧不任至形有在國也意同南人以此而爲人更在事出長定時最難爲

虧不任至形有在國也意同南人以此而爲人更在事出長定時最難爲

虧不任至形有在國也意同南人以此而爲人更在事出長定時最難爲

備百方貸借以求解免而亦不果矣（此句係原書所無）出門則重

乎環顧而既終宵不寐與海橫道莫望遠處有砥柱生而

年（其句係原書所無）此果係為之至哉（此句係原書所無）

且見法家律（此句係原書所無）札飭村民凡有年高其宜別道言步（此句係原書所無）勿不

迎進人房（此句係原書所無）中曾有損及知所民之不肯進（此句係原書所無）不也則相笑曰南人

野蠻也南人所憐也人高居居不以為憐（此句係原書所無）其病且死也

（此句係原書所無）據南人自來種者蓋亦當年山居少者蓋當年亦當年其不也二

（此句係原書所無）二段較明以供而實身其常而實諸他外供耕田者蓋亦當年其不也二

（此句係原書所無）現遂僅由里山亦其友村也其後所見二十年（此句係原書所無）或有夜放（此句係原書所無）野人自天

鳴呼為政而不知民間瘡痍（此句係原書所無）使民日用如死也

他種無論此以二端論之獲實之中亦以上土地賦稅最宜輕集

板使如此舉實而人民得以奉行植植則今年與秋所出必甚大

計之當得二三十元民間今年所增利何止五六萬元（此句係原書所無）今當

之故重而種子至今年秋所獲不及一二元（此句係原書所無）蓋亦不知此其

宜使以成其報也易打身照事不據實利所求亦較之年

十餘年來中亦較商以手稅之板商業倒折業更甚（此句係原書所無）商會高

破山林寧植桂樹（此句係原書所無）者民可以身益富至今日見君連而南人所

二曰丁稅

• 南河苗民丁米稅

南河苗民丁稅有兩產年二十歲以上現有富室登屋稅
謂之壯丁至二十歲除名謂之出饒丁壯年或兩產年內其者
不堪受稅者由甲長投用里長具結詞赴官乞摘除名有
餘丁可堪者登籍填籍者則除其稅事差過儼然產稅
甲長單列壯籍存于兩地納稅于兩地投用改應稅率
水皆不堪而計其除謂之開開稅五年或六年開復一期謂之
遠若社民有壯丁而遠期不至而由甲單用受謂之補遠
者也遠擇其不堪也

• 稅半

一日別納

全年

不滿兵不受稅後出謂之別戶歲納金于桂于冬于市于
各隨所業多寡不同其納納稅一錢至二兩以上不同或有全免
者

一日正納

全年苗民受役事丁一兵四兩無有二

二兩考今限分一五五仙上下

其餘苗民老幼一錢免稅

苗丁增稅辰稅半錢至一比較及貧民重累之情

一千八百九十七年政府稅辰辰民丁不納正別苗丁應加稅半元
官役四日所役十錢又納出公益二日並折役十日準納銀一元二毛入

丁稅共二九四七錢又加一毛此後連年不食丁田每丁加百錢至丁七
 三三二不等至一千九百八十年中州民家始行停止較一昔辰稅率已
 減二十倍矣

重累今以增田之稅毒之手段行之田是而劣丁下戶無知衛生
 矣

加田一畝一併增丁嚴要商賈民戶得者必欠田稅此能
 尚可室加稅殘喘喘喘散告渴官吏以此何快於心乎

三四者昔日貧富雜居一丁男賴備細以苟延殘命今則大吏
 墜尺籍矣

洞耗指例一集除老弱出役勒令填替
 士死稅率不除至今貧富雜居民四散稅額或由田主自費或
 由里長賠償係累連年或不堪命而之一波未平一波復起屋
 縣三債款未清而增丁之令隨下社之而中歲以為常於其去者
 流連忘返焉知非肯於行方展其據員日加不徒去戶其開墾
 焉耳

校核本社指估有壯丁一百二十戶至加至二百餘戶其
 社全數所欠九百為里但把以人少難行輕便直到穀末段段之
 展情漸加累而全葉色懸鵲半結難踰難履者黃帝儼目不忍
 親至今連年或亡或和尙存者少不知尚能活死須使以火沐大德

視至今連年或亡或和尙存者少不知尚能活死須使以火沐大德

視至今連年或亡或和尙存者少不知尚能活死須使以火沐大德

忠孝思身

三曰役法。舊法令苦丁男

南不司其耕運送終繼所修

舊法者以有役 雖有差役役民三日即十日之役法即十日之役 雖有差役役民三日即十日之役法即十日之役

血未歲三凶狀不庭而已然至其刑罰四五次則難禁即十日之役 雖有差役役民三日即十日之役法即十日之役

帝兩次御廣南臣度而送即十日之役 雖有差役役民三日即十日之役法即十日之役

實則其他各役民以送即十日之役 雖有差役役民三日即十日之役法即十日之役

金自為保後二十五年而後十五以前送送即十日之役 雖有差役役民三日即十日之役法即十日之役

若後未增而民即十日之役 雖有差役役民三日即十日之役法即十日之役

增而工役亦繁和居是民民自稅與中元即十日之役 雖有差役役民三日即十日之役法即十日之役

公搜社民必用用、為家所借則由丁令中元即十日之役 雖有差役役民三日即十日之役法即十日之役

一元除公搜、送又納公奉十日事許納銀一連其中心元即十日之役 雖有差役役民三日即十日之役法即十日之役

民丁每年納公奉三日悉即可以委管米送而中元即十日之役 雖有差役役民三日即十日之役法即十日之役

役法、禁權

今諸皆其役民為民力左

一日耕役

法亦往來則近送債項則為、搜社民民則全中元即十日之役 雖有差役役民三日即十日之役法即十日之役

曰被役

二日公薨使

丁巳年

外必受此後制。以養其苗。

近各止諸名臣館主和造工有異此為美和後故曰公使

三、四月份
才起行，乃有他路。走至工部局，其少德古品，因

至遠方得

其不...
其不...
其不...

卷之二

市上之寶山莊易學本家書印惠字其山恩公至是哉

物不主是

今此不能居已之私念民之爭訟明是後期工價則其弊害不淺

大抵今竟一弄，以代紫之南宮，適屬初所為隨意，不工，亦不庭。

以見民者徬徨耕種之居宜急一到令渡出門彼乘其危也亦怪矣

附錄

魚虎有惟法要視赴何徑上竹庄番紅上負載習則披所直獨

示多有立誓并儀者任所殄所或傳士者冠何并江後殺期一至其

之少者視其官而大小以爲差

是而... 則... 不... 在... 情...

此... 則... 工... 則... 轉... 而...

一... 則... 其... 而... 則... 也...

一曰... 例... 民... 者... 解... 而...

後... 政... 在... 例... 監... 一... 全... 則...

一... 則... 工... 則... 民... 則...

或... 至... 不... 而... 不... 亦... 日... 後...

監... 則... 不... 則... 則...

後... 則... 則... 則...

欠不解佃去二條田租自有此新案，唐例雖見而自以是免銀
會不市吏嗚呼

仙仙苛例不無言其苦實亦不一月了此去
此言之不詳未能盡中折八民一慘甚不勝殫碎此男為下

此例之苦實

除修增工致備原漢期一事外移民已費力

與德熟家以承其賦大或修其期不計外只就向本考例言之

一里長解佃區家必於其內或買或收或力亦一好札以奉德家不然德

家不肯修德或德事晉進二日則貧民學隨十日費已虧其半民

新原倉則此或而而不期後期德而里長亦以五鞭四罰矣

及山匠解交望德家居在故於上行之不修則民不食或此或為

加過期不及而德家亦不為之修德至其修德所并例則高實此所不至

不為勝文要之實在德家區果有分別之有由而為則又未如今在物耳

嗚呼 三曰買工 向上修增工務及役程，苛例實為買工

一事起見耳後德家德不民就所既家百布廣個德所德德德德

私德中人令工民有分別的由買工二日二七不寫果亦則立許

德後非德為德移力德亦不則或今德貸不德或特德德會實

除茅德外九望亦可以德亦不為德德德不除一二日德德德德其在

府使皆帶隨和悉不備算物而止

四日虛待

此段：家有以種虎守日所養業知有本家已到役期

百計謀圖以免若役其貧民力分其合使入穴以因假伴耳故其役
之令難下而為者寧、於此、志欲在治分而民力甘其樂路此也

勤家、所別開由是而待、當待而所不至或既在而役元肯為

或役期已走不許招招或役期四日後給二日五即逐而改為役期

俸一外、俸未引是期日長飲食心若、或有四日而分為三班次或等

事毒打要、意在使民不堪其苦若必為役而重其苦之亦不計

傷貧惜累以因體令身有不堪而逃去其自無招招則其苦

甚計是外有若得、其苦不更役其苦不更役其苦不更役其苦不更役

其苦計是外有若得、其苦不更役其苦不更役其苦不更役其苦不更役

至、其苦計是外有若得、其苦不更役其苦不更役其苦不更役其苦不更役

其面目矣

五日勒增日工

役役、其志不在路而付虐

民以本治分及其得各既而虐待其日在、民或買或也十仔

一二起視路工、其有役計是外、選民在、其苦不更役其苦不更役

使、而其他擇其苦不更役其苦不更役其苦不更役其苦不更役

情狀去住以自由耳... 起此自然之理也... 味坦勤社民分秋務... 為往連一役而特... 一宜此一如公役役... 一屬小失矣

二曰應信... 至... 三曰... 四曰... 五曰... 六曰... 七曰... 八曰... 九曰... 十曰...

是日... 是日... 是日... 是日... 是日... 是日... 是日... 是日... 是日... 是日...

耳差法人則又甚焉又法之番四之六日不肯發亦謂為危救使何處
度意而為狀所係玉地南人亦多畏法意而保生計若使意
使則在法事子不致盡棄諸聖耶以此故自所二段法經工款外
又辱堂新五六兩值一法行處馬年
設難梁孔之理由一由南官一由
南王自來在否政後不甚修明而後民事
最為難重孔多使民月兵皆會仇一賴身明長則安惜民力為甚
除皇帝造所授有兵望中安發強有重受事故難形生民之政未謀
及而民亦以尽力而回故州美早則不至於重困身且昔舊種有逆送
官更之制皆不不送作來法途一民身不來者為及全賴人民序行在修
也者大官傷二為一其為所重所用而可以養身推誠則後民一舉意
亦不廢也三十年國法持焉如以乙兩神同者省兵起一法日水所餘
永且款誠其威嚴修在何若得神而民近送出珍珍文
自護保頂官以法南官有討逆其意苦和打民而恩制為行修物博
而不力也且府縣一官上求全從中求和便取財而為本官之憂
一面肥己一私囊利又仰憐而不為也至全意成而不至一者政事意
一由打法官一由黑
法官亦未南王春多晚政後二一南安南官

伯明漢科以封謂南今之傳則未始此者清是亦受則南民不其解事
 法家雖心州之智以爲原情既以此我始受之不始於此而心亦其形
 民之其不解事之法家豈明伯明則以爲彼故原以此夫彼原豈謂我
 且我尚而彼亦德之矣一處品之款以爲商而款而度互相傳說互
 相仿倣至今此事遂成悖謬且我已品之則我以爲棄而後我之傳
 友亦視其景未嘗其保東也之於此我相識去而使之度日
 此威嚴以若示我寵榮德友之意然易法家正臨之所制者不互也
 互送法家受其度南亦如是爲佳也其法雖其殘令人民受其害
 實亦所不至也
 惜至今身一夫無抵非東洋西國之去其方惟
 從揚羊章假以故跡方或列疆故我陳侯依梓梓於物于意冠
 歷度人數馬年習而步之不以爲怪及以而南亦示其鳴一甚即其日惟
 有鋪其以修而之而天下風爭先代今而南民爲其大以不待傳日復
 有往來其曉迎送以爲意耳鳴以修而之而南民爲其大以不待傳日復
 不以爲怪其則法家論何亦不以此又以此事而南人至今蓋思公
 法不置矣然而鋪其而而法則此凡亦如前而亦不以此爲安
 子之鳴呼
 又移其曉以法亦爲南不惡侯王乃鋪公所嚴禁

此而至各省公使及南長等，亦與與新民一到，漸門使，并疏已列。
 其疏云：以為快折亦新美，然而以此事至今南公，蓋思鋪公不
 置矣。

公益及肩炮氣，理由

其理由有二：由形善用，非人

ĐÔNG DƯƠNG CHÍNH TRỊ LUẬN

(Bản sao chữ Hán -
Thủ bút của Trần Tiêu)
Di cảo lưu ở gia đình

東洋政治論

西泠潘希塢先生寫

序

今日太半我人有聞道政治

之聲官來之官者動曰掩耳掩耳言
 痛心言痛心言少減並已家處世
 規矩也歎一毛無痛心而不明言
 不想察及其三十五相同胞何如一二
 鐵諸前輩而忍心若少則甫出母懷
 抄子弟其不坐泄仇人高恩人少幾希
 潘西湖夫子亦科舉名臣一人也而超超然視

富貴為敵復以一身肩世道於醒喚國魂
 力挽危局之暇凡慘目傷心洪乞乞無心男
 述教行以饗來哲余生也晚余未得為夫
 子德也今於殘編斷簡中覓得夫子遺
 言其筆洙口伐實暴輩所畏於斧鉞株
 株清之心中自言曰此夫子所以為夫子也
 因編輯之以公于世焉

大南兩廣年四月初四日陳標上介氏亭

東洋政治論

西胡潘希瑪先生并

潘西湖政治學

用人 人民之福禍根乎政治而政治之能否
端在用人政治而爲國利民福起見則其
用人也必公用人公則才智効力衆事悉
舉而政治無不良矣政治而爲中人私
利起見則其用人也必私用人私則賄賂
公行紀綱紊亂增一官即有一官之害出
一政即增一政之弊用法律而法律不

爲殘人具言教育而教育爲長怨之
 端財政出於濫用而賦稅在所必增債
 罰出於偏私而弗脫所不能去弊政之
 害民無論已即有良法美意無非巧機
 深阱耳審乎此則東洋今日之政界
 不問可知矣

用人之弊

自來經理東洋之政海東

大法國心甚拙意故其用人改官不遠爲一

二人位置私人之地每更易一番政機即多
引一番私人而莫不歛擇善地使望官
權利新妙日來而舊亦不能去於是而增
員增多紛紜多事矣一司中以數人必浸
假而增至十餘人一事可以一司事浸假而
增至三四司增之又增設之又設而國民之
膏血盡矣

設官之濫

商政司

東洋商政批評

中圻南圻高靈哀牢五處各有總局
總局以下各設分局小省三五所大省十餘
所十年前又增設東洋商政總局
陸路局亦然北圻中圻南圻哀牢高
靈五處各有總局又增設東洋陸路
總局

耕農所百工所北圻中圻南圻哀牢高
靈各總一大局間有設分局又增設東

洋料農總司

此事爲國家經理之要政不可不設然
 設官分司求足以辦事而已非必以多人
 多司而後足以濟事也今繁雜如此
 不已驚怪之甚耶况一司可以一二人办
 之而增至五六人或十餘人一事可以二三
 司司之而增至四五司無事可办望事
 文書援引私人歲費百步財政安得

不繼租稅安得不增民生安得不困耶
 使然用滿其人克令本賦少有利於國
 民則國民受一息之苦痛擔負財政以
 供辦事之人從事也已至無利於民而坐
 享橫利弊害不生則以劣敗民孫之
 血汗以供優勝民孫之犧牲亦分所
 當然也今則不然設一局則增一費增
 一官則增一弊利益未見禍害叢生

據索奸欺陋事而有下民無告上官
如龍耳凡有人心言三指髮矣

商政奇三弊

商政分奇既眾用

不得人凡遇商民船多方據索鹽米烟
葉土貨諸船往來每船須賂二三元立檢
放行不然則藉辭逗遛令將船冊貨
單由司員批字以便查核或謂司員
他姓或謂多事不能即檢或勒將船貨

運往司所逗遛隔宿若遇祀拜日則姑
遲效日始放行運載其費已不堪言或至將
水灌濕貨物俾升量其貨單輕重不公
罪羅立至南國愚民畏官如虎畏法官
吏甚誰敢爭办耶若遇何不訟之審
判座則投單費俾船貨本價已倍訟
期動延數月曲直未分費已十倍況法
官自來無論何事素袒法人則訟亦不得

直即使得直亦無賠費商民多屬中
產以下誰敢爭氣運倒弱惟有飲恨吞
苦捐二三元血汗銀以供此輩貪囊以來
無事此等弊害至于今日已成慣例不
當為商政司員例外三條

東洋酒政強民買酒累民社民耐重
怨深此所為最中所惟大憲法他數省
受害而已此等弊政今日已為大法國人

之所共曉 不須懸陳然此事指為商政
弊也海指為治官之弊蓋商政司無
干與民事之概只治官與他衙門通同
作弊而已尚有一事最為三所通官則
商政司中人挖入人家棕刷漏酒棕得人
家無漏酒而破壞其器皿以為快手者有
之人家有商政酒而居日已久差失度
改或用商政酒而經投北步以除酒生亦

差失度數亦一概律為漏酒而人民受
 冤不可勝計矣東洋色徵酒稅人所釀
 之罪多按蓋藥料只求財利不顧衛生
 且有酒價太昂故飲者絕少商政多遂
 多通同其政治官娼每社無村之民數
 而分售其酒每月勒各里長將錢至商
 政多認酒為發同人故甚惡酒味之劣
 丁亦迫其忍受饑寒而買酒以習飲

因其商政酒多投石灰灰其他毒料於
中故酒味太辛熱與南人舊醴酒不
減同漏者漏賣勢不能無然漏酒
廣罰太嚴綢一投立見破產苦差
後之富民而欲勾延殘喘雖欲不為
盜賊而兒啼婦泣不得不為也

商政中人知此等富民所出若有
提獲雖重置之法全無所利於是差人

四出闖入鄉村糟釐酒罇拋賍嫁禍連
累傍家帶因罰銀加以南國愚民無
知少有睥睨輾轉証根藉因報復甘爲
虎張以快私憤於是三圻人家雞犬亦
不寧矣

鄉民不堪其擾憤氣爭办重則鎗斃
輕亦打傷訴之法官十不一直一有得
直不過免罰而已而詞訟之費屢究飲食

三費雇律師三費已不可勝計一經証
 附及鄉鄰日經放為燕延殘命而轉
 朴三餘血肉狼藉因繫三下家產已空矣
 此等弊害數十家來告遍三圻無地不
 有然其事迹案詞皆為法官所沈沒
 事久年多更難枚舉茲摘一事確有
 證據為同人所共知以供法人評判而
 已此等事確証甚多俱有證証日記但被逮後
 俱遺棄法人若不信候口為圖另集一冊以見公明

數年前嘉定轄商政司人白日突入
人家梳行檢刷本社鄉賤人間事赴只
被法人鎗斃一人被傷一人事控案座
審判官抽護法人畧問放釋東洋
法人日報家交混爭办東洋法人稍有
公平之心少減為之憤憤不平涉治法
官無事如何准恆二人數百銀元以圖
了事然此事亦幸發在嘉定地分本轄

耳目較步不能掩沒故少得些小物錢
 若在邊遠他轄及中北兩圻諸省則無人
 過問矣似此等事¹¹⁵大法國人公平之眼觀
 之無不髮指眦列不目為全無公理若以
 住東洋法官視之則相視而笑以為南人
 蠢若牛馬咱我宰割而此等聲言不
 啻多塵見慣渾閑事矣

又中圻商政司人按設暫監所南人少不

如意即投監中數年前槓行過宿
安省同春縣詠淋港買船抵將下船往
潘郎因從行人遇商政司人不下半
爲法人打縛收入暫監槓亦被執臨
多办二点鐘始允卦省質办方行放釋
然檣捆船期已十餘日矣見此槓暴
大爲駭愕質土人皆謂此法最暴
橫每夕扣社民攬往海岸遊行鄉民過

其前若不稽省下傘立被監打鄉人
 若不畏以此觀則南人之愚怯固可憐
 而商政人之橫暴不亦可惡耶如此等
 事東洋全轄皆能不勝髮指以此為
 外人過往一遭幸與商政無涉敢其
 多事亦尚為所累如此況以南人怯懦
 無知船貨往來事用血本日日與商
 政交涉為所魚肉尚可問耶

今日世界諸國商政之弊無如支那
開卡逗遛迫勒百出甚至國內商船皆
掛外國旗號以避其害為歐美文明
諸國所騰笑今以東洋商政比之其害
害有過之無不及也

陸路之弊

橋梁道路水道溝渠俱為陸路官管
理凡有工作陸路其地轄法官會同

等登土尺干材木干灰石干銀錢干
 一一算定咱人開價起辦事成亦會同
 棟視督工與轄官並色徵人通同作
 弊暗裡分股肥以少報多指坑為好
 此弊弊子誰則知

東洋閩徵事業陳法人外俱為支那
 人勝利甚支那人真一最劣中略徑也
 亦為一二事為南人領辦均皆用此術耳

不然則雖加心實辦毫髮不差而索
費尋常例折立見矣

按此事似不甚害然小接以累商之世實
多一東洋歲出消準冊預算之國民
公益事業不過二十分三此一分中又太
半已為政治官移置別用其現準經
營民事不過十分中三四而此三四又
為此等混弊所侵蝕故今以民之實行公

益事業準公益原款數不過百分
 之一耳 一南人商業最為幼稚使大
 法官扶殖助其發達豈難與支那人爭
 即使不能扶殖亦以公平之心喻南人以自
 力與支那商爭竟雖不能及彼而差遲
 亦不甚相遠今以此弊多生阻力法官置
 之暗中扶殖支那人而南商反為所壓制
 今南洋利權盡為客商其原因甚多

而直接間接以累南人步商政為最謬治
官次之而陸路為亦一端也

凡關價稅視法中之弊雖文明諸國尚不
能免況以今日東洋政界內橫暴亂吏以
百倍於此乎然此特不過間接之害耳其
直接之害則陸路為尤人每因築路開渠
之事往往法外之弊害及人家甚也

也輕凡為築路或新水道先由陸路

有人甚密地樹標為法然工築句
 人往、藉端作弊故迂曲路線移入人家
 土園花利或墳墓至祠堂、取葬、屬先
 行斬伐固難毀破墜界人家惧勢將
 銀賂、則又移、他屬他屬人亦皆一
 番放跡必更易三五屬銀既多然後
 實行標法若則移家移墓立限催促
 多、貧家不及限內遷徙、家產則為所

貼墳墳墓則白骨累然棘目驚心莫此爲
 甚以賴此是被害之甚無如廣南省和澤縣
 與沱溪汛壤地接界各社村蓋中所自來屋
 間之路全不經營惟法官聚集之新廟始
 行營築耳此轄典壤地相睦法人多往來
 故路政修理獨多於他處而此地被害亦較
 深耳
 然此由憲行勘築故藉端生事徒可言也

更市性以則此地方工築之事示調入鄉村
 亂行標法強入法系賄以如廣南省懷陽縣
 柳池社及附近諸村數年前見陸路之人抵
 處甚密既而凡人家肥沃水田盡樹標法
 謂將開水道囑諸富家勸令行賂月行
 一次權索紛然至今五六元標木已朽壞
 水道未見起工而此事亦無人提及
 又桂山縣富強社數年前陸路之人抵

處言勘放火車陸線一路先向富家大
墳多處斬樹毀墜樹木爲誌社民不
堪其擾卦公使聲所訟事遂停止後此
路亦無人重勘涉輟然此特其小耳
更有一事爲全省人命所關至今南人
惡毒深入骨髓如廣南省大祿延福和
榮三縣上游交界處十年前創開一道
長江由大祿江通和榮錦慶江源頭開工

且始毀壞人民家園無故貪家墳墓不
 能遷徙者皆為所掘棄尽幸全省遠近
 諸縣內籍民間築民夫皆由四日公益飭
 自辦勞民皆空腹徙役四日之後強扒民夫
 准給工錢二三^{然皆為給發者所侵蝕}年內工役繁興怨謗沸
 騰加以此地山嵐瘴毒深人民病死不可勝
 數^{損杜民病死于此者三人}亦可謂陸路勾中一大工作
 矣然此江金掘屢塞不能成功後更停止

不復開工而全省銀錢之委棄血肉之狼
藉如此滿溢云人頗閤美此江紀初開工辰
南人談步皆知其不成且云用於農商事
其消息耶

向上數事不過舉積所居本轄耳目所
經所言耳其他種種弊端遍於中北兩
圻權髮雖數矣

中圻路政之苦民非惟陸路爲人而已亦有
 本省法官飭南官自行起勘催民修築
 步其役民情弊姑且別論即此築路一事
 其弊利害亦有不勝豎標索賄之事其
 陸路中人如出一轍且路線行徑多所占
 田土既不還錢又不陳稅或遇田禾正傍舍
 巷吐穗時立示飭即倉毀破以便工築又
 路線行徑人民家園菜菓繁殖多使少迂

路係則東美良數人一年此係非竹則直截
 二葉書竹毀破貧民所有田土幾何不幸
 路係一徑則破家蕩產至數年前損竹
 徑度南省醴陽縣其舊社營築舊路
 且見後夫毀破路係兩邊禾稼和泥
 田築坊禾又吐穗十餘日近十五日即
 收成田家主人裸立新視而泣損問以何
 不所縣官府則曰此府官所飭也問何

不計、本省公使則曰此府官為公使所
 陸數月前全轄六德社民全彈控訴
 遂任京次集云如步官神通廣大至今云
 急而剖列社民比前更甚積聞言嘆息
 而去
 此事亦為中圻通害不遇姑
 舉一事言耳且此事為該治官之害非
 周陸路中人因言路政之弊故附于此
 料害之弊
 東洋料農場之設南圻最久

中北兩所十餘年前始於河內承天二處設二總
局又兼百工所國家命意在此非苟外人所
可得而知然顧名義則想將以教工藝具
農學坊非耶

南園農民自來株守舊風習慣田器農
具等事日見退化今聞保護園圃料農場
百工場雖不曰農學從此改良工藝從此

進化地利日開生計日裕而南國農商界
 日加利益哉然今適往東洋全轄試行規
 察農家耕殖果有何事與耕農場有一毫
 多影響耶試遍行國家所置鐵船
 司及製造所觀之所能雇之人非法人則
 支那人而已工場學生雖此些小技藝亦云
 所用皆別業他事皆生以謀衣食坊間
 冬果和益於商人乎必費數十萬銀果

何爲者

使然言利於民而亦言害然言可也乃自檢林
官之增設而料畧竭之弊官亦與商政陸
路諸司翻翻然並駕齊趨矣

東洋全轄凡沿山村木所出及斬伐必經處
各置檢林司其司員由料畧場選派及搬運
材木所經之水道沿岸逐段各設司以防奸偷
國家立法以謂盡美然南人奸偷固亦防

而司員三聲言國家與小民防而種種
端從此生矣姑舉數事如下

商人業材木必先納金於林稅局入林斬
取材木先由豫林司投單斬取何項色木
多少若干段周圍長短若干尺期幾月日寫
注分明俟司員記名執符然後得入林斬伐
滿限搬到水濱由司員檢畢始許放行
每過一司程檢如前且材木由水道搬載

最利小涸，不若遇潮水漲進，更被淤帶。
 費損倍塲，且販賣此菜，時有雇主先行。
限其日，若種逾期，則買主不復過。
 問例折立，見美棟林，句人晚步，情狀之。
 扼南人要，為強勒，索賄倍銀，則方歸。故行。
 否則藉辭，逗遛，此為如此，他句亦然，而販賣。
 商民枯，甘節，重累，不堪。美又凡斬木，先由山。
 郊外層斬，取大樹，其小樹，如藥行禁止後，待。

歲材漸末人又須深入內層方許斬取由是而榛
 林多入更多一層初路美若材木雖取內層
 而搬運時經必由外層禁林始達大路或水濱
 處山林內轉運艱難牛逸繩斷勢所必有行
 徑禁林之患遭此危險不幸遇榛林中人心
 強勒索賄一息不遂指為犯禁因罰立見其
 法官自來素袖此輩南人誰不知之商販
 小民更向何處叫訴耶況自省座抵屬水

船牛車遠則十日近亦三五日法官一往東洋
 居重屬優鄉村內苟非汽船火車所達處
 尚不肯涉足東望跋涉嵐瘴雨行葛藤耶
 惟以錢則出氣行賄無錢則俯首受罰居
 亦委棄逃走斯為幸福矣
 此等弊害南圻北圻到處皆然惟中圻初
 設檢林司饒三四年想亦同此慘狀也但積
 久別家鄉未能親見稍免眯目傷心耳

一任東洋法人办農工商各業種之權初主弊
 法人之在東洋也其旨既專隨事權索無弊不
 生上已易乎東洋一般法人任東洋办農工商
 各事業情勢橫行東肉愚民虐生奸欺無
 所不至姑舉數事述其法以概其餘
 數年前地所太平有某法人抵西色鑿荒田
 業至田土因水旱貧困不能耕作以時強行
 租借勒民交出原契其借詞以用法故也

曲其文或愚民云知時為所誑後即包占
 據焉已有此亦其甲乙曲甚多不能盡舉鄉民不甘
 群起爭訟事久不決人情洶洶幾至釁亂
 法官云如何准出官款二千條募贖回還
 民方能息事由三四子問人時族衆從而訴
 訟得不償失以一人之橫肆而全鄉貪腐擢
 亂更不堪言矣
 又有某法人在清化省墾料包占民田爭控使

座公使官執理斷某法人不道某法人按恨
 乘公使官出巡短鎗狙擊幸而未中事
 達法案尋某法人藉詞謂與公使素有私
 嫌平開訟事而東洋各所屯田法人亦連合
 抗議法事亦徇情事遂平和了結而某法
 人恨毒如商入誰不知東洋政治官執理處
 民如某公使為未易多得苟有一二人而法人
 仇視如此無怪乎多通酒各省公使爭先

獻媚勸俗民以多買為功也

又有某法人在平定省邊山府某社地買柳園
 十餘頃並柳樹數千株經營數年少復
 兆利後竟委之而去柳園無人管守花菓委
 為人所竊取其法人誘募人採獲者重賞
 銀錢後捉得三四兒童盜取柳菓各以十五
 六以下解赴本府消官查向府官取祿等
 恤又按法人之勢通同嚇勒兒童誣用鄰房

諸客家主使其家財盡行封粘後事控省座
 未經審斷衣箱住在諸省遇諸控主問之曰
 已累費數千銀元至後聞人言使官斷免
 其籍已但須出銀數千餘元賠法人三四金
 所失花利法官此等判斷亦南人意中事
 耳
 又一法人在慶和省已办路事往地
 所諸省雇募土民五百餘人起初混濁募往
 廣南省逐日准平治通勝工價佳所由法人

自办後竟載往慶和省城半工價每日只給
粗米二斗乳豬筒燻南園六錢十文又無住屋
加以地多嵐瘴工民多病不能執役加以毒踢
往往致斃人不勝苦四出逃走某法人囑公
使由飭南官沿路截捕解交法人處某法人
含恨種種虐待於是逃民不敢由官路俱走
入蠻民山林分三五日不得飲食多餓死深山
步其草叢生金坑走至陸彥諸遠省始敢

出頭身名院禱時截衲市邊蔽下休手
 倚木杖適休剝磨三五成群入鄉村乞食旁
 苦狀目不忍觀搖逃民所言此役死病及逃
 亡不知下落者过半其生還不及十之四三
 耳嗚呼此等慘事在貧病南民身受
 其害者咸永印腦筋未能遙忘耳若問兩
 國官吏則似此細小事狀東洋全轄遍地皆
 然又無案跡大官何曾記得來今請舉一而

十倍於此確有證據如下

某法人包辦越滇法鐵路安沛以上路線深入
 崂山崑崙最深山應募國家官代向諸
 省雇募民工每月工價千其飲食居住醫藥
 皆由法人認辦支給與省官訂約始行勸募
 交法人認領由車次載往處開工某人居心甚
 狠只因射利不顧商人性命給發物食均皆
 濫要居住只因省費上漏下瀆濕狹隘卑污

擁擠多人空氣混雜重以障生疾病頻
仍病院之所不過數間治療藥材不肯多
買人多屋少既不能容病重藥輕全無所
効數月內死亡相尋血肉驅誰能勝此
私行逃走理所必然某法人恐其逃也白
登行役挾鎗管束有若囚徒飲食休息亦
然祖則委人吏守屋四圍環以牆巨荆工
人有病請入醫院稍指爲假詐強使工築

不堪此性，盡打斃，斃將斃，不假迂入病院。
 官則棄之陳山耳。又病院死，片多恐行權。
 華工民益加恐怖，乘夜降出，置之滿壑。
 以飽豺狼種種慘毒，不可勝計。後死者日
 多，役者日少。要加催促，日夕不許，少休人不能
 堪。逃者日眾，法人恐洩其事，要禁火車行。
 人往來非得該局辦事人給許票，不許升車。
 又藉口謂工人得錢先已私逃，勸返工民不肯。

黔票工人奔走無路告訴無門其^吐以待
 死不若逃走荒山於是非死於饑餓死於疾病
 非死於拳踢死於嵐瘴亦有倒走入雲南
 地界花商憫其困苦捐與錢米亦有逃入山林
 採菓寔而食夜宿樹枝幸得不死月餘始
 達鄉村細述慘狀識者聞之皆爲之墮淚
 法人亦多有知之者工役親見奔告省憲事
 達統使控祈兩三始委某南有臣抵廣勘實

歸報種種酷虐情形生步飭給錢放歸
死步工價多少無人究問雖有給發不過敷衍
了事而已聞人言勘驗名深林棄尸數處
腥臭聞難或爲野獸所食殘骨狼藉或
爲溝水流積白骨累々登高望之如白石密
市全如別藏病人之虛詰問再三始行指出
此役各省死者多少未明其數太平省則應
募者七百人馮者歸者僅二百餘人然而

病者太半矣。嗟乎生天地間，豈非人類也？
 名狗人之一，權利視他人之性命，如草芥人
 非木石，誰不痛心。禍重怨深，無逾於此。然
 而東洋報告冊籍，皆羅列美事，以濟母
 國，更有何處，而載此等不用痛癢之事，
 以賣人明聞哉？

(七二六)
 又南北二邦，多有法人墾田，而村民召募，交
 納詞內大畧，募人全名，而納雙稅，干由法

墾主代办月工價干先行預定其办法非
 不善然所行乃大不然貧民一身爲其籠
 絡動輒毒打或施種種虐刑按行圈禁
 不許出外人多不堪有逃者指名由地轄
 官拿捉有過因徒歐洲在十七十八世
 紀前農奴之慘狀復見於東洋矣
 按東洋轄內曠土最多貧民亦最衆使
 業墾法人稍存仁心則地利日闢而貧民

亦有飲食之虞豈非兩利哉何必如此橫暴始見強橫致令貧民皆棄民以前至又加價以召募支那人者南洋法人屯田業至今未見進步而賈怨召禍良有所聞職此故也

又數年前廣南省離川縣有一法人向各社農民約定包辦水車畧謂凡畝田全年逐務所需耕稼水量千並由該水車司代

行抽取若過務無水致損花利皆由佃戶賠贖
 存農主今年須受佃戶每畝銀千元否則
 田務每畝所獲花利千一劃出三分或四分一
 為由佃戶凡農田水利佃戶認辦者要得五百
 畝以上以五十年限滿方許換約
 南圻田土最乏水利每年夏務均行旱種往
 往失利農民苦今見法人如此公平以爲
 誰不樂聞爭先入股記約詎因佃法人所約

皆爲虛言三四月間抽取水量不及五十畝其
 他田畝皆延遲坐待水利全無而苗長旱種
 亦過期不能耕作就勾詰問法人藉辭搪
 塞不肯賠償田主無可如何來年只得依
 前習慣耕種到務收穫法人到廬爭分
 或有強取三分之二者赴控省廳判謂該勾
 所費既多理宜分利各行駁斥法人強分
 其半携之而去南人所合之股亦無庸取償

惟有叫苦而已

又法人經營水車 三處偶有料牛迫走其旁
各行鎗斃指為毀破車機強索牛主賠償
種種弊害不可勝言至今民間誦法人所辦
事業涉及鄉村皆莫不掩耳而走無一人過問者
又廣南隄川縣上游山分多種土茶有一法
人到屬強行色買其勢勸令每社而伊法人
先借銀一百元或五十元三十元不為借銀期內

園至秋山茶心為極賣與別人借銀
 期又無年限何年法人先取即為滿限
 否則不可擅自辦還法人又於出茶之社特
 設所委人長任每月嫩茶茁芽名擅行
 採取自行斤量還錢茶樹光濯無葉
 可蔽半行萎死鄉人不勝其害歛銀還
 法人心凌茶主憤怨無可奈何棄茶
 園唯成林莽擅行經致社同之皆然聞河靜

及他諸省產茶各處皆從此害

以上各事皆累舉害及多數人及積所見
聞步言之耳他如害及一家一人之事到屬
皆然雖費數千紙未能盡述也

他如廣治省甘肅府督辦工法人打死
工民一案事違飲使座亦只準給卹銀數
十元了事嘉寧省墾殖法人失一耕牛者
其南民所盜捉其兄及七十餘步者毋鑽

監虐待無所不至了控法司亦只令放
 釋而已又凡色心路工諸法人勒取工民錢如
 月懸掛一礼拜不肯給發或又乘忽乘醉
 打死打傷凡此等事害東全轄無地不有
 無日不聞未易一一細數也

警憲司之聲

東洋警憲司政如海內海防禁棍大城市
 處一大司其係各省公使任所多設分局

法屬員主各大局募法人充警兵輔以南
人小局則皆雇南人充之所定極限重案由警
局捕交法司小事則由伊局員查問廣西
所用法人多不稱職不循公理動輒逮捕盤
罰擾及良民又雇募南人之法不問人品
既募者先由該局從事盤詰探三五月俟
有功方給月俸而所謂有功者非妄指
平民則捏造誣報耳良民及小有產業

者多不~~應~~募則雇者非~~遊~~蕩失業之民
 則悔~~無~~想~~之~~徒一害有良善濫充是
 選局員亦必以爲不能稱職立行~~亦~~逐上以
 是求下以是~~爲~~奸欺擾亂無所不爲求得
 局員之賢實而南民已無~~所~~足~~之地~~矣
 數年前河內城廂法警^共打死兩人一案由
 法司監究未經審判後接嘉嘉定轄商政
 司人殺人無罪之案遂行~~改~~釋

又去年南圻常春城庫某南人所干
 有人發覺歛銀陰因結會歛為警言兵
 所捕毒打致傷送入病院隔日立斃死指
 為病死而毒打斃命事南人無不知
 之

又承天京城三四年前變事叠生人情
 惶惶法人乘機三人不許立法又飭警
 局密行密捕局兵乘風擾害四出商賈

行人輒行索賄一有不遂立捕投監人多
 獄小擁擠雖容被監之人有數晝夜不得
 空卧者^也者倒縛兩手于柱以防逃逸^也行路
 相逢^也邊一詞訊輒被捕去又有突入人家
 執人着威指為聚賭隱忍行賄始獲放
 釋
 又積被捕展解經海防暫住警
 局見三四法警兵捕一南人年二十餘
 入別房拳打足踢慘狀雖言約數分鐘其

人即吐血倒地不復言語始行放手率出而
 監此等慘酷各局皆然但以積目見言之耳
 又據言局監牢裏糞堆積臭不可忍以積
 所見承天爲最泥濘次之蓋積曾爲此中
 過來人也以意度之想皆如此
 又積在貴衣有一頂人乘一握輜從者五六
 人闖入牢社里長家出窰探札示之索办
 飲食寢所明日積始知墮之委人就詰始

行他往聞人言此等人慘迫社民無日不被
 索擾賴全省本兩國官吏皆謂賴凶悍安
 好作賊而此輩尚如此橫行其他愚蠢鄉
 民為所與肉尚可問耶

又入靜紳士發配山崑崙名法官兵要解交
 人皆以指大林繩繫縛手足飲食臥寢亦
 不肯放破皮流血目不忍觀行三四日抵禁錮
 大牢始行釋傷其心甚手亦可驚焉

東洋輪船停泊、處岸上皆有商政司
 並警署、商船一停泊警署兵立候行人纔
 登岸、印惟赴司候呈通行單、或身
 稅抵其行李又爲商政人將去、檢索人財
 兩處兼顧、恐退惟迫、勒百端有錫斯可
 不然則檢畢而出、隨身貨物已盡、翼而
 冠矣、兩司相遇相得益彰、鄉民何知俯首
 受辱、忍禁樹海、陷此弊爲最

又河內警言兵某法人充當檢察市票
 職不數年間建造樓房逾三四所全年
 出租千餘銀元警言兵月俸幾何使非
 索賄取財何能致此舉一某法人如此言
 則其他法人同業亦可知矣
 又河內習兵投蓋之款有某南人干案
 產於池發賣開價甚某法人暗往取出
 買者陰中以事名方密捕獲其一經誣告

輒被爰刑南人惧累誰敢出頭家園一所
 屋一座竟以七百元得之復僅以一屋
 出賣已倍原價某人空手坐獲巨利
 匪徒慘毒素聞未易適致此事確有
 証據人皆知之杜警言係為人民生命
 財產之保障文明諸國無不鄭重其
 事精選其人蓋以非如是不足以防奸
 盜而保治安也今以東洋警言察觀
 之猶惡凶橫全無人理南人步供百
 步養

且不已冤屈且甚耶楨如西衣船泊新加坡
 姑林浦數處上沙岸巡覽見散言曷土兵帶
 劍直立要肅且狀甚凌且容不下文明
 諸國失路就問輒行指引言語舉動蕩
 然可親車夫欺楨不曉土音權高車價
 就訴極言其立行公斷又慰勸調護送引
 下船屬地警政且修明願不悔如是耶試
 問南園鄉村之民一入城市誰敢向警言兵

一問迷途即有爭办誰敢向警兵一質曲
直耶法兵尚如此南兵無賴之輩又安足責

青袴習兵法官之弊

中圻各省均揀習青袴兵交省一隊或數隊
由法兵管率蓋將以防禦地方劫亂以奠
民居也然自來各處盜劫一發均由社民自
行捍衛報到官司亦責備社民尋拿送
聞²惟⁴無子則望費周常一旦偶有些小不靖

調及諺兵則藉事以與肉鄉民要屬屯堡
 各官兵則直接以增擾亂而已
 法化省屯兵官承地方官札委販牛商往來
 交佃屯官甚察有無病患於是藉事擾
 索商人牛群過往輒勒沒賂取始許放
 行否則指為牛多帶病追畜三五日或十
 餘日若遇法商則啗其卷從自行商人業
 販牛步因此多遭倒折

又數年前廣南省延福縣兩社民爭訟田
土事釀成閭閻兵官受某社人賄賂抵處
干預社民不甘憤氣爭办爲某兵官跌鞋
踢傷斃命死人戚屬爭械某兵官償命
仍官亂打走脫爲省社民群聚赴省控
訴本省法諺治官並南官護庇仍兵官
飭兵人亂鞭逐出独有仍此人親妻大聲
呼冤不肯退出爲某兵鞭打兩頰痛

腫遍体皆歟。老羣死倒地。出使置城
 門外。緊閉城門。橫過往見。心膽俱碎。
 又度南省三岐府。邪眉山。分靈靈多劫殺。
 居民委法官。屯兵駐守。後飭兵官進剿。奪
 取山靈地。分逾十條。日里路。逐段築屯。以系
 守禦。數轄民夫。擡載轉運。工役繁勞。
 小生路銀。死者枕藉。數年之間。靈民稍
 靜。後聞官兵種。虐偽靈人。不堪。群起

皖毀中堡傷殺習兵法官棄屯而走退回
 邪眉桂芳各社收守至今大官變民據官不
 有聞官兵無事如何只聞五月催辦轄民權
 運什貨項短給工錢農民失業苦不勝言
 兵官往行沿路社民痛於迎接一次過
 往鑼鼓喧嚷迎候稍遲輒被生打又
 近屯各社民少不如意松提附監甚至有
 色橫河沿水人河開說涉及政治者橫街

歷平定省名聞安溪為兵官毒害更
 以甚焉他屬多未曉但以言度之想皆如此
 中所為省民受虐廣南省公使飭法兵官率
 習兵四下社村捉教師毀學校而伊兵官始
 得藉事以盡施其技察而村民之苦莫
 不堪言矣

三岐府西祿社即嶺本鄉創立初學堂一所
 教棟童幼教師同兵官抵制將童生

三四十名出城門大路外列行拱手候
迎兵官飭退入市場列坐令將五日滿
課讀過一遍又令兒童出場練習体操
一次兵官帶刺刀目立視忽然親手
扭教師首額足踢倒地喝令習兵以
繩背縛兩手牽之而出童幼云知見此
凶橫越牆而走有傷面目此有傷手足
此哭泣慘走慘狀難摸又此處去市最

遠養雞三四十頭以供師饑兵官亦肆
 習兵盡執烹食又闖入人家捉雞鴨
 人民一有爭訟者習兵群聚以鎗杆亂打
 槓有一堂兄已六十餘歲既老且病習
 兵向伊借吸烟片具不許歸報兵官伊
 官即到槓家及親兄家亂行檢刷無
 所得行出門外見槓堂兄候立親手打
 倒將手背縛與二教師連串一繩使習

兵瘁而志由廢抵省約百行程
 足小許若獲飢渴亦小許飲食此
 事雖為公使官所使然使細兵官稍
 仁心何至小顯大做藉端樓官執
 教師如臨大敵乎

按本社學堂設立以來固無法官往來
 兒童生多望迎候法官即入場遊覽
 將去賞贈兒童此亦全省難得貧民解

聚乞減糧後四鄉村之貧民如常
凡遇兵官接到民壯等語兵官巡行以防亂
民竊發耳故學童亦以迎團憲法官
禮結之不謂遭此巨劫抑亦可笑可憐矣
醴陽縣富林社亦以學童一所教習男
女童生一百餘人一聞兵官接到師弟亦
棄場而走兵官抵處即將學場毀破
或用為馬廐或為習兵住所凡棄諸物

半以薪米備後構造屯堡將但堡撤下
 移構別處以為習兵妻子住所其存
 留几案許伊兵妻子滿望几無寵突
 之儒嗚呼抑亦幸矣

又全省各社村凡小學堂之處皆留任
 三四日勸令社民辦供習兵飯費以滿罰
 款習兵四出擾害居民聞人言以上三事
 更有甚焉但不能多舉舉耳

子懷義省貧民乞搜必城門外人多
 擁擠為省兵鎗射死傷者一百餘人承
 天省亦死傷四五人留省揀兵奉無鎗
 械想惟青袴兵官始有此殺人手段耳
 又入勢涉省因乞搜糧之款處置太惡人
 情蠢動亂境棄之而起剽盜橫行本
 省兵官從事鎮壓全無所獲只聞剽
 掠供飯費三五日窮蹙縶民心勝苦矣

按南所為轄亦有青袴習兵由有人管衛
 掌事常川駐省全無所事只供牽轄
 參辦官陪了車船用社民之調賦民提
 獲盜劫由佃兵押解與吏監囚徒而已
 與南國昌各各省揀兵不相上下雜為贅
 額法為官額少中所斂之青袴習兵而在
 省揀兵之額亦未全除管領職銜虛懸
 中食甚或以武官之職辦工之事官事

既不難病信業生而習兵備事之法
官多不稱職於其中各省人民益不勝兩
國武備之害矣

種

痘症之弊

東洋政界紊亂已甚無論弊政足以害
民即有二利焉一事亦無非害民實怨
南國民間痘症流行民多苦之國家準
錢買藥毒人下鄉遍行痘種如此矣

舉年誰曰不能誰意所為多不得人一步
 鄉村互迎互送未經過往析鼓喧然亦
 以預飭鄉民聚集珍饈以便臨行種種細
 雜貫強道路相望呻吟數日竟不見抵
 屬此一之經過時帶少種類皆陳舊醫
 種全無所效亦為潦草宜責帶討些
 小資料不行醫種強令社民虛相家記謂
 已種字若干揭之他去以便執照指官而已

然此其^信弊耳其慘害及多教人比無如
平定省一事

教令前切有某縣以種痘官祇為任在府
堂不肯下鄉立限要催金府社民各將童
幼收蓄以便切官區種既兒既強保跋涉
艱難官令要感誰敢違抗只為雇船
由水道載去船遭風浪人家童幼死出百餘
屍慘之聲遠近聞之無不驚愕

數年前廣南省和崇縣民間風傳疾症
 奏飭催提童幼剖心以供藥料其鄉村為
 多爭自縊縊逃逸山林反方盛暑汗喘
 且走惶惶之狀有如鳥雀為鷹鷂所逐者
 槓行經五六社無心皆然心解其故及行過縣
 門望之行人始知有一宦官任在縣任南官某
 飭各社民將童幼抵屬種痘故生此症傳
 民間久為法人種之所困督心動曉信以為真

聖令民必種痘事多由南人業匠所買
 中國人所傳種痘之法由法商傳買步料
 自新匠種國家準施匠造不過省縣城附近
 為社補償意惠由鄉村以下惟之沾在
 府侯而巴東洋所行公益事業以名無
 實大概如此
 按似此以下和無一官事所用非人弊
 且如坊間用人行為事其心初於民也為信

於此者學一概侮他可知矣

祖德之弊

一曰里德

中少兩圻田土之德類至太過

此處之心勝其苦也今大法周人人無不知之
然亦但知其弊耳至其弊中之解
苦中之苦非惟增德抑亦增田此中委
曲最多此圻則植未冬院請將中圻積
弊累陳如下

南園舊厓里均用信尺畝田一畝以三南圻田
 畝一畝西尺畝小畝三分之一耳田分為上中
 下三種土分為六種信而言之田三種中又
 分為公田私田水田旱田厓田案田草田信
 田水椰田山下元田土六種中又分
 為園土宅土洲土桑林土園椰土茅草土
 坡土浮沙白沙土林土潭土茅根土不
 下十條現其所定稅額足以巡視不

料作_三難易收穫花和_三多寡_三以定
 稅例_三上下其收稅_三底期又_三計收穫
 早晚_三因米價_三高下_三以_三輸_三納_三之_三足_三稅
 故_三其_三務收_三少_三者_三務收_三少_三者_三二_三務_三分_三收_三少
 雖_三之_三項_三田_三土_三所_三納_三稅_三額_三多_三寡_三亦_三不_三同_三也_三
 田項全納粟_三者_三最多_三則_三四_三五_三十_三升_三三項則二
 三十升_三初定稅法_三倉穀_三價_三甚_三賤_三每_三升_三值
 現_三倉_三中_三銀_三價_三一_三二_三仙_三耳_三全_三納_三錢_三者_三最_三多

則五六貫少則一二貫每貫滿值現銀
 價十五仙土項則全納錢片二三貫末項則
 一二兩每兩值現銀一仙半此則由
 所舊食田土稅之大略也
 中所全轄倚山臨海地勢崎斜江水流
 岸壁水滄雜以江水不利田畝昔人煙
 稀少林木繁盛沿山田畝泉水湧流
 蒼賴以為料種厥後戶口日多樵止
 新蓋

南國又無林木，政咄人隨意採取，山東泉
 涸土質變遷，昔則水田，今皆荒土，雖有堤堰
 桔槔水機，事亦近江道，水道少數田畝，差
 可行耳，其餘大多數皆望德天雨，始行耕
 作，雨一不降，立見廢耕，屢經旱荒，變
 為旱種，終必勞苦一畦，天災，務收成
 得少償此，以平居言之，若一經水旱，則
 災害小勝言矣，此則中圻舊俗，農業

大男也

南園王十舍來上以下帖照底事不修民
政摘發田滿有至二三十畝不行修改以
苗一畝田而今或為枯土或為末墾
土而今或成田或山林新墾未及耕種
此男料作舊田变为江道少有加以
官吏失職借貸賄賂行一有勘細全千委吏
胥田畝高下隨賂有無至今舊滿所

萬某項田某項土皆係上之產文非現在
 田土之實也甚有實土田土而係中全
 魚少有係中所實其地田干某處土
 干而究之則田畝全無此則中折舊
 名田係之大累也
 南園舊名夜吏兵丁各項步隊皆佔三分
 米一分錢或錢米參半故田土稅法初亦
 因之又此夜廠價低賤升數雖多準分

較少民易輸納一遇凶荒必減三成以
 減半以有金捐以有積欠以功過進退
 見啓貪官姑息之為重澤民困實非文明
 諸國所肯出然而既無農學水利以圖農
 業改良則隨在斟酌以舒民生抑亦有不
 得已以副德以來屢遭水旱荒歉頻仍
 穀價騰昂準案納錢招附不償稅
 多偏重農民不堪於足嗟民咸案納錢

每畝多少心要上等的田五六貫以至末
 項土二三陌細粟之例雖未盡廢然亦僅
 少數年又舊辰田土之稅尚歸南宮監
 收借較彩耗明規場和種額外之費
 和冊打算上馬田亦只七八貫清現銀一元
 上下末項土三五陌清現銀六七仙而已
 此又中圻未加稅辰田土稅例之大畧也
 按此段心過約畧言至如確宜尚有店

田土爲可播但恐所言不無差誤耳
 一千八百八十七年田土各稅始由使座遞
 納又咱代納銀元一千八百八十八年始行增
 加稅例於是非惟稅日加重而田戶歛
 數亦倍增焉矣

試將滿辰情形畧陳如下
 中所取曉田畝辰初由奉省公使預
 飭社民凡有田土應曉畝限三月內自行

首開由官多爲藉南人自來狡詐素
 成習慣帝位無堪有云凡君主專制
國之民皆然非独我南人誰肯實用
 南官亦私勒取錢誰肯實辦況勘度田
 土事非細故限以三月無乃太急雖有聞
 報不過以此小數彙報而已
 按法官此飭非不知南國現在田畝情弊
 非可以旦夕了之今乃委鄉民一二月間而
 行勘報豈爲由衷政見耶不過藉此

爲先祀後兵之計。以虛人口觀此後種種
 造字機可知也。

且查南洋政界大爲擴張增官設局不一
 而足。所需財政非三四倍不足以供。於是
 各省公使要飭府縣官吏實行血肉取供。
 凡官吏稍涉仁柔不稱意者全行撤退。
 暴虐無理者盡致陞遷。繩鑽累之鞭
 杖交下。不崇曰之。不增財之不足而南國
 民

始無生跡矣田土有加半者有加倍者有
 加十分三四者隨官酌定一有哀訴因
 罪隨之加以官吏貪詐弊害其取生隨賂
 有無以為多寡現今社民取勝田畝隨取
 得重得輕原如係無從取宜輕之南
 園舊尼之弊又加幾倍矣
 此辰加勝之數全無醋蓋手段三四月間意
 行勒定社民雖有侵勝田土數千亦皆空

縣產穀少報官多非有意在田土可概更
 從何處分別田土當第向官請示辦法官
 吏乘勢重飽貪懷有錢則田數少而土數多
 又田則咱多者入三等土則咱多者入五六等
 無錢則田數多而土數少又田則遠多者入一二等
 土則勤多者入一二三等欲後連年取勝皆
 用此法此則庸民加勝之情形也田項加增
 田數既倍稅額亦加故東洋現任官數

既多費用亦廣種種中飽無從稽究
 謂少些小稅雖足以供政界官場之揮霍
 談何容易田畝有限巨壑難填於是以將
 項之法相繼而起矣頻年加勝畝數既多
 滄海桑田何處增多始飭社民凡舊有田
 簿並加勝畝新舊所無二畝田將其
 半數並爲一項三畝田亦將其半數爲二
 項土蕩亦然又去其五六畝項均爲三四項

後又將二項盡將為一項三項盡升為二項
 而以加勝尾產數田為三項土簿亦就故
 現今中所田土稅多省公使座所發牌紙
 所步三項田三四項土者皆產數耳其原
 現在籍籍所步原在里田則加入一二步土則
 皆加入一二三等又有金步田土步
 稅賦加增田土既增該旋加稅賦改定
 田一項均納一元五毛二三項以次遞減土稅亦

然後又逐年遞加百分之三百分之五百分之三十不等至今一項實田有至每畝二元或二元五毛不等此猶指實田而言耳又有濕土為田今年所出之花利不足以償半稅也加以田懸虛數稅加收實銀名為增田實為倍稅今役不均貧民偏重故沙亦有每畝至四五元者

現今中圻今年田稅較之南圻每畝一兩方

西尺今年只納一元五毛已不謬五六倍矣
此則加稅之情形也

中圻現已聞於農民利害為種之情形

欲知中圻農民納稅之苦當知中圻農
務之早晚穀價之高低根根之舒縮以及
各種事宜則農情狀不問可知矣 清恩臨下

中圻農業五年二務冬務則九月十月
間始行耕耨至來年二三四月收穫夏務

則六七等月始行耕稼至本年九十一十一
 等月收成以各處土宜不同故耕稼早晚
 亦異要之其殊不甚相遠一年之中貴賤
 及持平之名各等二收穫之期貧民皆以
 人工食於富家販買小民亦坐物貿易穀故
 穀價常賤然近年更甚甚有甚無人肯買以五六
 七八等月收穫期密又諸料作之各人皆需穀
 故穀價常貴較年更甚有甚無穀事買之

十二正月雖收獲期密而芋藟蔓生貧
 民所以先餓故穀價亦多持平若遇風旱
 則穀價亦騰貴以其大異也
 南圻田畝既廣出穀較多水道縱橫運
 載亦與易商船湊集米易消流米價最
 易抬高一遇凶年互相轉徙米價亦易持平
 中圻田畝稀少道路艱難今年所以穀心
 過足元民何貿易耳米價持平亦必一信

升值一毛五仙賤則一毛上下貴則二三毛不等
 中所產田收穫之期先後不甚相遠故收穫
 期間穀價常賤豐收年更甚故農民藉
 以獲利少惟以歉年及六七八月內已
 中所自來連年屢遭風旱田稼歉收故穀
 貴且甚多然花利既少雖以倍償所得幾
 何今年所入除料作飲食外僅足輸
 納官稅餘大富家少有蓄積而貧民以

下一經納稅後物食銀難有錢亦無穀可
 買幸遇豐收則穀價低賤飲食較易穀
 雖倍收無人過問一值稅期要加催促
 使非執田許債何納得租後至米貴三石
 方出售還債銀價既高雖少有獲利
 而得不償失豈凶俱因情何以堪今以每畝
 納稅現銀半錢穀三數相比較現三福
 上畝指一畝田以二元五毛為準一畝貴八五官

升值二毛則每畝需銀一十四升穀賤在
 每官升值一毛必需銀二十四升上下得
 平辰亦須十七升此就以穀換銀也言
 若債銀則貴更甚月銀則每畝須還
 利二毛五仙務銀則還利每畝須一毛五仙加
 以種種額外之費每畝已不下三元矣又
 就依限還債言之若過限未還則母子相加
 其害更不勝言矣

幣政 東洋幣政以銀元爲正銀元之下
 附以銀毫銅仙此通法也銅仙之下南圻附以
 銅錢北圻則附以南圻舊銀錢中圻則附
 以舊銀錢六省三陸丁銅錢及鉛錢亦等而
 各省所用銅銀又各不同
 南圻幣政修訂已爲一律普通俱用銀元
 銅仙小錢只替法幣耳北圻鉛錢亦只用
 以替法幣仙之法幣之數無異以錢法銀元之性

中圻則銀錢替代互換，可通用於中圻。
幣政，特別也。

銀價幣政，固銀價亦異。南圻銀價亦
元準銅仙百文，小銅錢五百文，既有一元之
法，故銀價全無高下，皆以五盾為準。北圻
雖有高下，然亦惟昔居鄉村用銀錢，稍流
多處銀錢互換，始自耳。至今鄉村貿易
均用毛仙，指錢只供零數，故銀價亦異。中

折不相上下中折至今是仙幣鄉村商
未通用貿易均用銅錢故銀價不常平
互換五元半銀錢七貫需銀衣則至八貫需
錢衣又五元只換六貫上下而已此中折銀價
之現狀也

債例 南國債法全年只許取三分初
限期雖久亦只許取一半一息取利視之歐洲
涉國已五六倍矣此自素民之債貸別以

十元十月六
取三元

習慣國家亦明長所為不復過問且財之家
 居身財利以年債以月債債以月債債以月債
 以日債以年債以十二月取初五分或六分
 務債以六月十分取初三四分不為月債則取
 十分之一日債則有月債逐日償還以日
 債日還其取初十分之一二分不為要之
 皆視所債之緩急家產之多寡還債
 之難易以為取利之差年利視之則月利

重之債額不啻十倍倍矣
 債額既重如此故南國生計之家從未
 以新債以清生老之惟以緊守之生計無
 所可始為之一隆深沈十家九倒中產
 致貧之速甚於浩債之速也為債心
 步步非海賭無賴之徒則奸非輩耳
 國家銀債之形狀與現今轉機債之利害
 國家官亦知南國債例之嚴重操債柄

三人食利稅期求益財利最累農民始
 以累業稅新設明民有德意此其取但
 社家地土多取債取利多少未詳大約
 債本債例已減七分八分山東淮南人
 之福越
 然南民自來素不以國家為信用已成習
 慣急湣有少事者而仰民皆曉望不
 前遇有緊急亦民間自相借貸官亦
 而支那人乞債耳若以債利雖重而

民間私相交涉偶有參差後能爭執若
 與國家交涉言語不通法律難信一片不
 側更向何處告訴即南長數十年來為
 法國公民人權之受困法人新無為南人與
 初一語已傳即腦筋已成為社會苦迫之
 理想觸目驚心之與南人不少聞者大概
 如步夫何足怪於思遊世之徒乘風討利
 捏造謠言記幾多謬誤為所騙者所失皮

多周家又定例凡這債少先取德里家
 泥又向本轄地方官處乞為憑並將海內
 和土田現有文契執實允許債其立
 法更加穩美

南國自來衙門特弊推賢雖教民間
 文涉一到官手則必渴見費投單費紙
 墨費費銀即費上自大官下至門役經四
 五層和盤通算比大五六十元小也亦十餘元

不爲至今民間非有款不得爲不敢涉足
 官衙謹敢以債貸記事入此大坑耶

又長向自來凡涉田土錢財詞訟及與法人交
 涉田土各事文契尚在人民手中從藉騙索
 勒活剝生吞國家法律僅同兒戲誰敢
 與子與老鴉以遭破產耶

前此債例全無執着尚不過洞今更加此
 層因害稍多世業三家生已聞風而走而

大富之家累問可報矣無海債貸法如
 炸良心似銀亦惟遊蕩巧詐人敢入而相試
 耳或假冒天契以欺官身或匿債之初先分
 半析與衙門分肥種種假詐於往由其事
 則賠傭不幸則因罰居則逃為上策耳情
 法雖酷其素徒何於息而銀行又為所騙
 豈不少矣
 國家不知責己良以責人全指南人非愚則

許嗚呼南人誠許矣而許也豈獨南人哉
漸重就輕人情常也南人果真愚哉抑有抗
其喉扼其背而使不得不愚也

自後何奇債額不許南人預聞只許支那人
皮債於是而操債柄者盡歸支那人矣支
那人此項債額非用之以營生業亦非有
神出鬼沒之法以還債利不過倍取耳南人耳
支那人忽到稅期先向國家銀行業銀行

債出大款轉貸南人每務六月中分取三
 一經年河望收倍利而國家官銀稅
 之催促不憚侵南民之債而半以入公中以為
 支那人易長其利權耳

東洋法官之言恐支那人盡奪南人之利權
 思壓制之以扶殖南人今乃例行逆施如巧
 魯怪乎日言壓制而去那人商權日愈
 達日言扶殖而南人生計日愈退縮也

中圻銀根短縮之由

中圻銀根短縮其原因有三

一 出產之少數

中圻所出之土產以穀

米為大焉其他如金銀桂皮甘肅茶土茶椰果
及茅荳果品雖各有土物所出不同然此等
所貿易雖以少數出口皆支那人與法人就
地買賤售貴獨操柄利高下由人府入
銀不及三分之一耳銀根短縮實由於斯

二國家步入銀不復散出民間

中圻步入步出之數南人無從預知然約男
算之步出之數大概有二三

一官吏兵丁俸祿銀

二東洋公署銀

三地方公署不常支銀

三皆皆為銀錢所由得出之路然東洋官界
自素素祿食且果遇事皆足生財所結之俸
保藏教務終年取用皆取之民雖比其丁些

小數散出鄉市以素勒數不過倉廩
 一滴耳至於公益雖預算表中羅列某
 事項心過算清銀數以期固耳中所自來
 公益事業何處批指即如橋梁道路水道
 各大政最爲銀錢流出由是自來橋梁
 事公使陸路通同混辦復出周庫半
 入官囊其餘皆由包辦法人所得委難販
 買材木結還銀錢貧民少有所爲而願工短

價亦以所聞民間估高得銀至如道路
溝渠之政則必省惟以一條官路良法今
往來之路一有修築無論何途皆用役民
設法既無一定所去又不得人縱有還錢半
為中飽加以每遇農務之辰人民皆信出錢買
役以從耕作以工民所得錢與人間所出
錢互相比較得少償失此皆然其他溝渠
之事亦步襲政中所折自來民事與人治

及何處得有工作縱有亦增累而已
 支之銀不過為地方公使官省馬廐
 及身外各項之需名為公用實則私消步
 一用及民間形心以一振十種種弊端不可
 勝舉

銀根之短絀又因富家之藏匿及官吏之揮霍
 中新理銀除為官吏及法商法商外其餘
 在民間以多數又為入富家南民自來不知

工商富何素一得現銀盡行藏匿圖遺
 子除非盜劫發掘官吏迫勒不能復流出
 辰或乘人危急亦有執債買田事然債
 貸銀非細官衙則用酒賭非輸公稅則
 用於飲食銀根久滯已失通流一出衙門
 還見浮費母銀多數皆指不能生利地
 加官吏賦役徭情弊人民觸處無不可
 失其母財一步勤劬隱為烏有矣

銀根之短又因商標債權之為支那人所占有
 東洋商標俱為支那人由來已久凡南人士貨
 出口之數非由支那人手經便成廢棄物貨價
 高下一咄三人況支那近來商法日益發明
 彼合我離彼明我昧勝負之數必同可知矣
 收稅之期之短促及收稅之用於農民種種
 情弊
 南國舊辰收稅之期五年分為
 二期每期三四次登納減舒農民之苦况乾

恤備至法良意美誠無間言自田稅既加
 後初亦定為二期每期二三月半促其期農
 民既已少累然使政令一定則民徯賴之矣期
 三四月則民已歇甯心勝矣乃東洋法官人
 間初審真然心知即使知之不屑過問只
 知收足步銀以求升官增俸而已蓋賦役多
 少清欠之問題即東洋官場升降之
 功令稅加得多又收得早——雜日殺一

南人日取一重賄而官職之加升如故也
 法官如此法官所信用之南官不問可知矣
 於是稅期更加短促而農民更無延可活
 法官知田稅過重無務出不足自促稍
 延其期則穀可立冬不如先下手為強
 民可望固官安得無錢以供揮霍耶每
 到收穫之期不問穀價高下一切征收
 限一期滿後逾期收納只限一二月紙中雖

明明差分爲二期而法官亦促誰敢差
 遲耶官令難展民情實困期限又促安
 可適清乃立權稅之法一到稅期吏
 縣申行下鄉收得若干立行呈報有錢
 則實無錢則促每社呈報及供官吏費
 多少十條元少亦五六元中折鄉村下
 幣未通納稅全用銀圓又有標銀之法
 人亦法官所用不問可知且錢則累
 標之事

無錢則尋端下駁銀元直贖社民何知於
 是而無社多者二三元少者亦一元以上矣
 無難要限一期清納社民皆至行期未往三
 五日民多輸納爭先希圖省費於是有分
 項之法分次之人出無分個之錢則後至先
 輸無錢則先至立待盜劫之尤遲留之費多
 非行賄賄折更多於息也社多者一二元少
 者亦五毛以上矣南人自來無漏餉之憂樂

指况事用田稅最易浮收加以稅外之費
 頗多皆責田土分受所賴舊長以舊為準至
 今黑簿混淆無從稽究只擬法官所發牌紙
 為據而牌紙所列只言田頃土頃銀元干
 至於何人田干土干畝銀干加勝辰只咱
 鄉民炤從舊簿加倍受稅分受之長房輕
 貧重既已不明收納之辰其弊更甚每到
 稅期田主與里長爭訟紛然記矣

爭訟三辰田主目里長為浮收里長目田主
 為抗稅兩造爭辯誰主伸裁一到南官奸
 賄斯起再質公使則阮阮一言先已檢著法
 官養處未經審斷勝負已分加以中圻各
 社里長今年只除身後三元五毛及數日公
 役耳身居大宦月俸七百元尚且不能潔身
 從事况鄉里小民果腹從事月既無俸豈
 不升官浮費既多濫收亦皆權己及人夫復

何責判斷公概可見矣

鄉職得勢稅額倍高愚民不知空哨與肉
間有一二中舉以上糾合控官里長又先走官
衙預報田主拒稅訟助愈延稅期愈緩寧
民失訟寧寧官遲於得該於是官衙凡開
控新稅款各行駁斥而田民更增一層冤
孽子矣故至今凡里長多之社村鄉民多助
銀一二百元以得里長少則其弊害可知矣

似此酷吏何稅不法地猛火雖失清脂已
 渴百方抑勒還欠依法於息復劇為催
 官之務凡為社稅款一中五百元以上連得三
 年早清少按少總九品虛銜府縣多由
 土而連得三年惟清少立許升職嗚呼得
 官升職何國不深南國半同勢必更甚一聞
 此令莫不爭先獻呼心聞吾浙無路而
 農民更墜一層地獄矣

梅南坊兩圻之社惟祖之居以清花江銀
 之洛邑為千古尋聞然稅有限視之中圻
 法官一唯社民之濫收區之德增弊害無示
 中圻法官政治之才不及南北兩圻法官耶
 近來水旱頻仍農民重困加以銀根短絀
 無處可求雖有巧計百施譬如地皮難掘
 於是而生納後怕之令相繼而下矣
 惟思渴澤生河無與南人之生齒素多不妨

半死東洋三歲入已定何可減收苟非巧計
 環生安得田園日報家之騰譽乎
 嚴飭府縣勸社民先存債由官釐納俟
 收取次償還債利由田主分侵良心堪步
 輔以官法血肉有痛難補無情上官信信
 下民躊躇呼号難慘其有誰問南園債利
 之輕重想法官歷官雖久未經過河而裝
 民又墜一層湯火矣

此等事人皆其生也苦而我享其福業似
此便宜陳非其格用生何人不做商官之生
又復何責

中所消民間之銀逐年短縮其理由別詳他章而全省之
稅額何止累萬社民債款何屬可供於是

東洋農業銀行之銀轉由支那人注手

反債之南人其事別詳他章而南人每納稅百元者

六月內更加納支那人二十元全年田土

所出之額國家官直接取其十分之三四
 而銀行人與支那人又間接取其十分
 之一二災害曾積何處可生除非南人
 耐勞忍辱後死偷生安得苟延殘喘至
 於今日以係母國自覺悟耶而況又止北也
 向上所指皆自廣南一省而言中圻北圻概
 可例推矣
 雖然此不過舉一方面而言耳其他種

真間接直接以累農民者不一而足非從
 方面觀察之無由得其真相今請逐段畧
 舉如下而中所畧農業空閑之現狀俟他
 測在目前矣

丁稅

南國舊名丁稅性貢有產者年二十歲
 以上現有家室謂之壯丁由里長逐年
 登簿徵稅至六十歲除名謂之出稅現處

壯壯籍產業消失不堪徵稅少明由里長
 投問里長具端結赴官陳乞除名有餘
 丁可堪徵稅少登籍如替否則除其稅若
 遇饑荒瘠死明由里長單列丁籍死丁
 存丁在將現堪徵稅數丁由官單開
 為憑既免稅率若皆不堪亦明由官單
 開調耗六年開報一期謂之清選若民
 社已有壯丁而選期未至亦明由官單開

稅係全選期登籍謂之輔選謂之選出若
選擇其堪不堪也

稅率

全年不出兵不設徵步謂之全戶

全年納金三錢三分應金則咱皮納錢五貫

諸今銀七八毛全年出兵後徵步謂之

戶召公田步七貫一四陌無以一貫二陌諸銀

錢一毛五六仙上下

其餘皆謂之外稅民園戶不召大小工役者

始一用，此亦不過三四日

如丁加稅，在稅率多寡，輕重，此較良貧民
 重累之情形 一千八百九十七年改定
 加田稅，在不分金，每丁加稅一元二毛
 全年官役四日，謂之公益，鄉役十日，謂之公搜
 後又摘出公益二日，至公搜十日，準替納銀
 一元二毛，合加定稅率，每丁全年二
 元四毛，後連年不分丁田，至連年加百分

三十三、四、五等里一千九百八年中折
民变为停止至今鄉民皆納二元七八毛
準三舊存尚存四日不以後役金戶已加
田倍出兵應給之安戶已二十倍矣雖曰全
年四日而每歲不啻四五月也即
稅額雖重然使有產業少滿則貧民徬
不至重累今乃亦以增取田項展轉生息手
臨行之而下戶窮丁齒無生路事

加田_三辰一併加丁_三商官多得者實田
 無實勝尚可空加况殘喘累_三誰敢告渴官
 吏得此付快如_三妙手空_三双管有錢到少
 無錢則多有加倍者有加半少有加十分
 七_三八者有加十分_三三四者於息而貪旁無
 告_三男丁昔賴漏網_三苟延殘命今則太半
 盡登_三尺籍矣
 消耗舊例一概並除老病出饒勒令地替

凡有死亡稅率不除至今貧苦鄉村流民
 四散其稅額或由田主分受或責社民償還
 係累降連已不堪命而況一波未平一波又
 起屈賠之債未清而明年增取之令過下
 社三四率稅歲以為常只圖得銀他復何顧
 於是去步流連忘返未知葬骨於何方
 而居以負擔日加亦徒妻尸於溝壑耳
 牛驅疲牛而負千鈞不能行步過之不酬

日加鞭策牛未已死亦且勉強抵觸而死於
 人類乎惡哉最積奸妄日生不少故手目為
 要亂加之鑄劍抑何不怨其甚乎當此強
 橫愈強能戕其生命其如之不死何
 極苟人生生如是繁丁數之多亦復何濟
 但地少人多食貴工賤生計短促死亡頻仍
 不利穀帛役繁之民骨瘦如柴由全業
 色鬻鬻半結道路流離鞋跡鞭痕啼傷

吁苦痛慘之狀言之於傷然使疾瘥柴炭
 歸之天數猶可言也今乃全由人事權之所移
 皆為南園之人今則藩兵凌稅送往迎來焉
 嗚呼天神有何怨毒誰非人類而必歆虐殺
 之為快耶昔歐洲各國貧民皆君主高制
 之生視役繁重其校先生以一布衣
 犧牲其幸福流離四圍而高立說大聲
 疾呼至今歐亞人人無不信其賜今界國

以些小業稅之故群起抗英明位冠將軍
 跡見不平伏願相助銀兩自戰或俸委
 潤相與讀書至此未信不平與許是殆
 香祝之乎等博達之大法國人物顧不
 如是耶今以東洋日報之重以此十七八
 世紀表如之周殆更甚焉區之業稅又何足
 云至今未見一人爲之援手步有一二人爲之代
 訴痛苦而情勢洞隔言語不詳百分未能

盡其一二而多數人已群起為百萬東洋
 官蕩必則南國懦之數十兆人之生命將
 何所賴耶

殺法之好弊及其理由與調於丁稅之官

南國自來橋梁道路一概不修每省只有官
 路一條然三五年始一補築耳官吏省衙
 隨員補造江道水渠之政者或有然三五
 年始有一舉故舊屋雖有隙隙役民

之法亦魚所用不過官吏往來迎送歲三
五次而已自為法國十餘年前迎送雖繁
工役未甚自一千八百八十七年全司更張
百稅繁重役法隨之初定官役四日鄉役
十日後又盡取鄉役之數及官役二日勒納
銀一元二毛加入了稅據此則民丁全年只存官
役二日耳然東洋法官皆有全權欽使之令
重於帝天公使之言即為法律為所歛

爲誰敢過問由是官役四日之期鄉村之下無
日不聞催促矣

然使全年四日役清咱其生理則民間全年
官役徃追之期伙食之費近步六日遠步八日則
其他諸業之期寬其官交涉之日次少丁田稅
雖重當年血汗盡以輸官沙苗自供尚延
殘命雜役隱爲縶以官役官役甫清縶及
鄉役鄉役一盡而雇役之令亦相隨而

下系一軍中五六月應役外道途
 日度鞭朴斃死病死無日不聞此等生靈
 誰則知

迎候法官役

法官抵滬及涉足民社各處遍飭金甌社
 民預赴行律各處迎候大社數十名
 小社三五名其行期久近則視其賤之大小
 公使以下則迎步一日遠步二三日欵使以上則

近少二三日遠少四五七八日不第飲會之費皆
 責貧民自供匱其不及少播里長要罰銀
 元於是行若負芋裏飯日費望消而
 者擔負罰款亦指滿心親吏抄害年三
 五次或十餘次不第中坊四折皆然亦有
 一二十大臣初涇東洋怪河河多法官及南
 先爭代答謂南民後募大法官故遠來拜
 跪迎候以示敬意耳嗚呼漢家乎哉悲

乎哉以明眼以尔以心以心

梅法官久蒞東洋日與南人相處久其俱
 化乃南國舊俗習慣之官無異乎非惟不
 嗜之更酷往來迎送拜跪之禮無不純往來
 之長雖須羅列鐘鼓喧天法官衣冠真
 立民社八方羅拜忻喜之色此南官之加
 又社民訢訟之衣或箕踞兩足雙開或真
 立以受人拜此禮雖已嚴敎禁然至今民社

一入官門有不拜者鞭監立至無違事
尚且如此况賄賂門規所南人所最愛者
不問可知矣

權載貨項之役

地轄法官及法官朋友如兵官医官檢林官
陸路官並從事醫官工商各項人若與公使接
人情者不在此例
凡飭社民迎候者其奉官及妻子從事陪
丁及所有帶隨物項貨則招載人則

輜輳皆由民丁擔負一概不還工錢
 凡有法兵官屯堡之處每月一次其公貨項及
 本官私項皆由民丁擔載倉遇好兵官招
 載限中給許每日七八仙不等往還之費咱
 民自供若遇不好官則一錢不值而一有不
 謹拳錫隨之矣
 向上二役遇之難役

道路修築之役

地轄內凡有修補舊路及開築新路皆

由四日公役，民數飭加，謂之公役。

公役限清田路工未還，或再集他路其民工由官招隨，以籍民多少，數催扣抵處工集飲食費用皆民自供，由官招日還錢每日二毛，每丁日期多少由官限定四日或六日，不集謂

雜役

雜役一題疏數不常，居送行齋已無產日，加此二役，奸蠹輩生種種災殃，全無人理。

一徑縣總二層：遠樓兩段督郵官吏：生
 茅血肉淋漓室家雖保於是南人雖有銅筋
 鐵骨不免見斃於鞭鞋金穴湖山銀亦未
 能細其欲望而况殘喘如絲臨風欲倒奎
 甌魚產棄日不能以：滿此堪字不堪
 貧民生計之形狀及役期：系記

中折一年中農務早晚不同要三四五
 六月九十月十一月為農器屆期一二七八等

月爲農隙辰期三四五月爲冬務收穫
 及夏務料作之文貧民凡債貸屬家錢粟
 利務料穫皆以人工償之又田土凡用日種
 之法步皆待雨料作雨降辰若遲二三日水
 涸田枯過期下種雖旱料作亦不收美
 九十十一等月爲夏務收穫冬務料作
 交藉還債貸亦能又十一月爲小雨
 辰期芋豆秫麥及各項果品中上游農

民皆以此為期滿種貧民一年生計全在此
 等月中一失屆期既荒丘至今以役法案記
 之故宿其藉役法以爲錢也惟此屆期中而
 十餘年來東田不收貧富俱困家散
 死亡目不出現此以役法中來
 地方法官自來不以良法為意惟知坐收民稅
 而已一易工作則又惟知坐車文書且侵蝕公
 款而已此等一類足以升官得勢便宜他復

何問一有料工作除侵蝕公款外民間利害
 實然不知役民之期心問此民際節緊隨意
 早晚由官於公使以飭之府縣府縣以
 飭之總社而貧民一年一生計皆為
 此心居之工役所占奪而無餘矣

役民官吏侵奸欺之實狀

南官人品不問可知大法聰明姑且不贅無
 利役期乘風作弊以錢則工數少無殘則

工數多有錢則役期舒無錢則役期緊
 縣已系一到總里誰非人情見財不取
 而增工數爾緊役期一旦見錢勢事皆了
 官既如此民則何如官役一清
 署期已過於是稍有
 生計少自計出錢以求其緩期而貧無
 告少者棄此期以而官役乘
 不止此也官役四日道路艱難行程素往
 近坊五六日遠坊七八日俟候少期限則難遇

此者以爲已而過此六七日皆可從容以從農
事則亦不至大累今則不然有錢則合爲一
期無錢則分爲二三四期不第每期往來近
者一二日遠者三四日由是以觀則雖曰官役
四日然一期全清者已至六七日而二三四期
全應出已不啻十餘日如息稍有生計以不
得不出以謀求爲一期而貧民無告者不得
不隨催隨走無日不在道路矣官役日期

信用監役人之理由

有限尚且如此況雇役之日期無定耶
 官役無錢尚且如此況雇役之銀款最易侵蝕耶
 監役之職全由事省公使所命不主南人
 任用法人不定其適用之原因非直此中
 虛未易知也東洋自來除沙伯官且各省
 缺外監役一事最為法南兩國人獲財之
 途也此職至今幾為奇貨除非賄賂及

法官親爰外不勞易得一馬工作則公使
官視其出款巨細獲利與否款以庭主用
人其法有三

一踴款由地方公盡款中摘出其額巨少則用
親信法人暗裏公潤法人只雇督役其役久
近工民多少則由公使主之

二摘出額少者公使及使座從事人先取其
十分之六七其餘交信樓南官等定

三官役四日雖無銀款然巧於羅掘亦可充應
 則信箋云南官更平日素多散札以此美
 缺酬其役期久近工民多少咱事人等定凡
 有号令公使主密傳路事而已
 向上三理由意為中圻工役弊害主恩海峽
 工各嚴澈務無存生今貧民流方四散盜劫
 以生是事動由起抗搜抗稅以生難由
 出種情弊雖有原因所致而此事愈滋

此最顯一大原因也

法將路政多委於南官少累陳如下

法南內官多不在路一則趨與工役以便私虧
一則民數衆加以一轄十理防必然所可慮步
害民而已而害民之事又非東洋法律之所
禁於是路政可以數月了多侵假而增至五
六年而未成路工可以數千人办多侵假增
至二三萬民而不足多呼東洋之政治
尚得目為政治也哉

LAI CẢO CANH CHÍNH

(Bản sao chữ Hán -
Thủ bút của Trần Tiêu)
Di cảo lưu ở gia đình

來稿更正

頃閱貴報民國二年六月十七日第六頁（海南革命機要）
目下云：「海南自為法國保護國後其對於帝位之一
張尚在而其統治權屬於法今法方握此海南一
少年港父經其毒於翻帝位倡稱獨立現現大勢
多趨共和故其革命思想更烈其近來演說乃
動作」握握解德帝基託言藏有巨金以爲恢復
之事業」查「組織暗殺團分佈各處散放家」有機

有法國軍官少校內人及民政官兩人均觸該砲暗
 殺：設：炸機身離去總：幸机已動後患恐多
 致若何結果非：理：所：逆料也：

粵報名：陸海軍日報其：初：屬公而其性質或
 和或公讀：誠：不可：知：但：理：其：簡：要：男：叙：下
 斷語則亦：過：理：東：風：潮：其：端：勢：以：用：必
 錄而案：後：效：非：有：特：要：於：其：間：也：惜：其

觀察其一二其三金傳聞多誤也獨於第一所列不
 惟與事實相反而其於敵國少年遠名譽大有關係
 恐為國志士見以為敵國之所習志士不達一當初無
 意淺之行為耳豈不悲哉不得不登為聲明以求
 貴國為一洗其污點也貴報以握權歸飾帝墓加
 王少年遠由指為革命黨潮劇烈第一事嗚呼
 此語真為未戰山金傳聞誤印抑中法狡獪計

而為此文以巧人即不能何由來此正解之語也嗟
 乎握乾剛德帝皆是以有巨金少正法人盜賊之行
 為而為漸固一般國民少痛心疾首日裡歎曰於其
 仇人：腹中決破羅網獨至而未幾也今事起以
 此始少年遠遊乃竟飲法人自夢南越中殺而
 斬以未幾三十年國民清血剝削已至繼法人事
 會果少踟躕回顧無以羅掘於其彼及垂涎於其
 皇宮宮殿而尚且藏金滿室有等：於一千台

十七年生舊紀同慶
一千八百八十四年
 秋成宜帝立同慶帝用主果神條約各手其新帝年長頗
 英明周監乃按全區遠海內披金銀好勇悍賊
 最信委人任古港謀列強以國破保此法一身不願道意大者
 步足興漢若乃以達和台集事大月多法人物倍苦改具謀
 亦福生也衣法以款取其理服
 國教者亦未敢違命
 京欽使鋪羅絲入
 船機劫掠得金銀素車馬
 禁軍為法嗣紅丸許任少莫不跪地求饒而於後
 指如抄卒原涉凌厲凡鼎子聲古器以及金珠寶
 玩諸物莫不盜竊一空四五年來法人又占解勿特

墓藏有巨金廣新掘出而移於越估昂重紀人
 墳也金梯之恐致訛以是中止去年法人亦希任欽
 使職於越古越未亡之古法文通都設此使職今仿呼係之役則一中坊之勢極耳蘇希性金
 而愚概越二十餘年其任京中為處理事一旦特
 其遠接進海陞為職臣願見功於上舉乃與全
 越總統全梯大臣車都陰謀為先即於今年陽
 曆正月十七日擅據嗣伯序墓六七日征碑地見柏
 刺而竟一一如所得枯骨狼藉聞其鼻酸越人惡

其禮也。聖皇烈祖：聲達於遠邇，彼乃老幼咸思，
 不肯任事。乃今遍掘，環墓內外，二三月間，尚未僦工掘，
 衣墓至四，要以此法，無還身。今於累日，凡賊人敢有，
 就近竊探，及吸息，啼嗥者，即法，無以贖頭。乃刃，
 其目，嗚呼，慘矣。於是人情，洵，幾，曠，大，亂。法，固，多，大，
 報，多，以，攻，勢，而，下，法，院，社，會，法，亦，委，詞，法，問，法，
 政府，不，得，已，而，指，亦，希，為，剛，謂，將，在，懲，然，至，今，
 無，差，裁，人，合，之，刺，骨，法，人，劫，以，事，動，望，其，所，謂，

張謇文昭歟今貴報以加少年之志也少年之志也乃實欲夫
 趙國之少年也主其志在反對法人自稱獨立而其志
 未能實行之一面陰其高勢力一面對於法人對於
 越人：為狗張者施以暗殺手段以懲心創其金果
 頑愚而已至於皇室無所涉亦無所惜也非多所
 避忌於皇室也使趙國未亡皇權尚在國民諒苦
 於事則不去則不能獨立自由則少年之志又何讓
 焉然亦祇對於現狀皇室亦無所涉以正清之反對

而已而於過去；皇帝非所河也今則不能越國既
 已漏亡於法人之手其皇帝亦不過與一班國民為
 法人之狗馬魚肉自法滅越以來經三帝一被毒死一被囚逐
 今幼主未中終未如何結局
 但法人之所以未適擲而去者而尚忍痛割彼所最
 愛之金錢步費萬之千元以養養一驀重者彼
 故欲留之以為傀儡以愚越人若曰尔君尚在尔國
 尚未亡也凡吾所為皆尔是也今尔當不為自討耳
 法人之所以為狡計我國人視之若見其肺肝然至

今視其品也。不難。發耳。似此。偶偶。由。序。又。安。用。
 推。翻。之。而。後。始。能。智。三。戒。現。在。之。日。少。年。之。志。尚。
 屑。與。之。友。對。而。思。三。十。年。來。死。去。之。百。王。序。之。精。省。
 少。年。之。志。又。何。仇。何。怨。必。據。之。而。後。快。哉。借。曰。息。之。國。
 之。息。也。則。國。之。亡。也。非。國。多。一。人。能。之。也。必。多。一。人。能。之。也。
 少。非。依。更。教。百。人。能。之。也。必。多。一。人。能。之。也。必。多。一。人。能。之。也。
 亡。焉。語。曰。天。下。興。亡。匹。夫。共。之。今。乃。為。罪。之。一。人。不。亦。慎。
 乎。少。年。之。志。必。不。如。是。也。且。難。無。淺。也。至。深。藏。有。

巨金之近以爲恢復之業。使尤爲不便。甚
 夫帝王陵墓。爲仙窟。乃以巨金。則珍玩之物。耳
 由東爲國古來。凡有大亂。盜賊。起。飢民。棄。多。掘
 帝王墓。其概。以。示。非。謂。必。有。巨。金。也。少。得。殉
 葬之物。多。金。貴。身。輕。鄉。村。儼。長。據。富。人。新。塚。以
 當。其。殉。品。耳。山。皇。少。年。之。墓。年。數。力。富。於。此。淺
 者。走。國。事。爲。一。國。民。之。代。表。而。以。興。盜。賊。同。一。見。淺
 步。少年。陵。墓。痛。恨。於。法。人。野。意。盜。劫。之。行。爲。

日思營營則其勢益累紛討賊而遂以恢復我
 數千年鴻勳歸還之山河而力有未逮者聲殷恨
 險甚至今而責相乃以其累加之少年墮無亦何
 酷之極歟貴相既誤至此一事為少年墮之所
 為故因之而斷其多端共和亦非確論也少年墮
 皆其國亡之種穢之根雖知春然謀獨立以保存
 其種類而已若欲還若之禍與國民之力復我
 山河者主民主一唱之國長興論而少年墮全無

此心於其間也夫共和之美國固可馳名於
 五洲而南美洲諸國外則不知何如也而墨西哥則
 直謂之共和而由法國則敵國已處於彼三
 國下三十年來其政亦可謂之共和
 數民政之專制耳不過苦為法飭外而尚不
 十分敗壞而其內情則已岌岌不可終日矣
 且其勢變遷其不血爛而七之辭交而迴視
 其具主國之英日德其在今日值價之低如

可不煩言而喻矣。若夫小國國民之程度及其
歷史之習慣，雖短於法理上之修養，而閉門造車
雖求分權，徒泥於他國之民之實果，而侈必稿木
以為名，高者皆越國少年，徒以不取也。

其二，組織。戰時救國分佈為局，則有之，而至
陝省，其組織之旨，道以創未也。貴報此言者，指
擬太平省，其撫而言，必欲彼為正，以清其稿
勢三字，其成大凡，故今之憲法，如隸少類，皆貧

都喪心。徒愿時異。極生嗟。同胞曾會。無。小若
 故法人亦皆以貪。與。德。善。則。招。來。惡。則。揮。去。曾
 不足。以。中。家。之。富。去。一。錢。破。也。中。所。南。生。而。阮。仲。被。逐
 以。所。始。靜。而。黃。高。將。立。彼。六。出。因。捐。一。生。之。康
 取。若。若。渴。其。心。實。力。戕。殺。同。種。以。邀。功。於。法。人。也
 不。過。意。涎。此。三。字。耳。而。卒。若。此。吃。某。撫。乃。一。公。座
 老。廢。之。物。乎。徒。以。貪。酷。無。理。甘。為。法。人。鷹。犬。藉
 勢。以。吮。同胞。膏。血。至。家。皆。巨。家。周。人。之。財。其。貪。虐

車道以戲一掌于側身首二處以為要點而會
 者戒耳故直曰戲殺法人一踐足狗耳豈足云有
 機勢之皆道哉至於暗殺圖之至要者子段按大
 吃口乃又生皆以我清珠輕拂此腐鼠也
 其三謂法兵漸少殺二人及民政官二人斃於炸
 彈則有之也謂其解暗机亦見其偽聞之誤且於
 此事始末亦未了其真相也初南越有一義
 士提督曾某標善於用兵其法相拒幾三十年

斃法官兵無算其法官被殺而家放釋者甚
 多法人怨之深而無可如何乃陰雇中國人梁
 岐子校後梁子法人原到永福黑礁山邊
 實衛堡陰降黃其探以因暗斃隔數月三岐
 子權一死人未其頭面打碎如爛泥不辨誰何指
 為黃某以納於法人橋云但與黃共寢出其不意
 以劍頭斃之法人信之償之數千金予之山西省某
 府知府官缺即日蒞任夫黃某探之真死與否姑

且別論而法人對旅，野心則步目共覩其謀則
 法兵旅及民政官主，李鴻章其非人親，行
 為也乃以彼，施於人者報，乘其彼輩相與聚飲
 於酒內茹菲店柳一條輝，然其兵旅三人，
 者十條人若炸，步若日尔既不能，正、出洋
 與人物馳驅於壩場而，於暗殺則我亦與步
 報，耳不能擒賊必於王自來力，暗殺必
 先殺其重要人物若夫不足輕重，非中一也

能二取而殲殪也我少年處天何獨深怨於
 彼軍校及長政官歟人而必歆置之死地哉則
 其事宜也而謂觸暗機者誤也夫茹菲店
 固法今所用設也何屬法我處安從而置
 而設暗機哉
 復中國陸海軍日報六月某號
 史正來稿

常民而不取致機輻輳之弊出耳此致年白之旨
 哀哉不令日大之人身初成
 檀更其狀之聖修德感海所歸惟有遠程大
 人長後康運天張主權乃南人志協件有
 非會於願之正之或人招而心之思後大令
 諸道則我且不朽所布恩微俗伏上陳
 亦順體也 不宣

MỤC LỤC

<i>Lời nói đầu</i>	05
<i>Lời giới thiệu</i>	07

VĂN XUÔI	43
----------	----

Chuyện người lương dân	
Người Nam nên học chữ Pháp	
Một đoạn đối thoại với Cố đạo M. ở Phước Kiều	
Thư gửi Toàn quyền Đông Dương	
Một viên lý trưởng chín chắn	
Hiện trạng vấn đề	
Ghi chú của Người biên soạn về bài	
<i>Hiện trạng vấn đề</i> trên báo <i>Pionnier Indochine</i> .	
Phụ lục: Bài "Chi bằng học" - Tư tưởng chủ đạo	
của Phan Châu Trinh trong sự nghiệp Duy tân đất nước	
Bài tựa chữ Nôm viết cho Hợp quần doanh sinh thuyết,	
Thư gửi ngài Trần Thai Xuyên	
Tờ khai của Phan Châu Trinh tại Huế	
Cuộc nói chuyện với quan thống sứ Sài Gòn	
ở trên đảo Côn Lôn	
Bản sao 2 thư mật gửi cho gia đình	
Thư gửi Quản lao Côn Đảo 31-7-1910	

TUÔNG TRUNG NỮ VƯƠNG	99
----------------------	----

KIẾN NGHỊ	117
-----------	-----

Các kiến nghị văn tắt của Phan Châu Trinh	
do Roux dịch... (5 bản)	
Một cuộc phỏng vấn Phan Châu Trinh	
Thư xin ở lại Pháp	

Thư cảm ơn Toàn quyền Sarraut	
ĐIỀU TRẦN GỬI HỘI NHÂN QUYỀN	131
<i>Lời giới thiệu</i>	
TRUNG KỲ DÂN BIẾN TỤNG OAN THỦY MẬT KÝ	163
Thư gửi Lương Văn Can	
Thư trả lời Capus	
TRUNG KỲ ĐIỀN THỔ THUẾ NGẠCH...	211
Giới thiệu	
ĐÔNG DƯƠNG CHÍNH TRỊ LUẬN	273
Tiểu dẫn	
THƯ TÍN	329
Phan Châu Trinh - Nhà nho An Nam nói về quả bom tại Hà Nội Vụ đào mả vua Tự Đức Thư gửi báo <i>Le Temps</i> yêu cầu đăng cải chính... Thư viết cho Jules Roux Các thư viết tại ngục <i>La Santé</i> : (3 thư số 3, 4, 7) Thư gửi Phan Châu Dật 2-5-1915 Thư gửi Nghị sĩ Moutet 17-5-1915 Thư gửi Phan Châu Dật 18-5-1915 Thư gửi M. Moutet về học bổng cho con trai 8-1917 Kính thư ngài Đại thần Tổng thống Toàn quyền Đông Dương	
PHẦN CHỮ HÁN - NÔM	373
ĐẦU PHÁP CHÍNH PHỦ THƯ	375
HỢP QUÂN DOANH SINH THUYẾT QUỐC ÂM TỰ	413
KHẮT LƯU THƯ	425
TRUNG KỲ DÂN BIẾN TỤNG OAN THỦY MẬT KÝ	427
TRUNG KỲ ĐIỀN THỔ THUẾ NGẠCH...	483
ĐÔNG DƯƠNG CHÍNH TRỊ LUẬN	543
LAI CẢO CANH CHÍNH	719
ĐÔNG DƯƠNG TỔNG THỐNG...	739

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

PHAN CHÂU TRINH TOÀN TẬP
TẬP II

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc VÕ VĂN ĐẮNG

Tổng biên tập NGUYỄN ĐỨC HÙNG

Biên tập:

PHÒNG BIÊN TẬP CHÍNH TRỊ

Sửa bản in: **CHƯƠNG THẬU**

Bìa: **DUY NINH**

Trình bày: **ĐÔNG PHƯƠNG**

Đơn vị liên doanh:

CÔNG TY SÁCH

Thờiđại

THỜI ĐẠI BOOKS LTD

In 1000 cuốn, khổ 16 x 24cm, tại XN In C ty Văn hóa Phương Nam.
Số đăng ký KHXB: 40/1834 do Cục Xuất bản cấp ngày 17-12-2004.
Giấy trích ngang KHXB: 110/XB-QLXB do Nhà Xuất bản Đà Nẵng
cấp ngày 04-3-2005. In xong và nộp lưu chiểu: tháng 3 năm 2005.